

LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

WILL & ARIEL DURANT

PHẦN X

ROUSSEAU và CÁCH MẠNG

Rousseau and Revolution



TẬP 5

HỒI GIÁO, ĐÔNG ÂU VÀ NƯỚC PHÁP PHONG KIẾN SỰP ĐỔ

Bùi Xuân Linh dịch



NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

IREĐ
INSTITUTE OF EDUCATION

HỒI GIÁO, ĐÔNG ÂU VÀ NƯỚC PHÁP PHONG KIẾN SỰP ĐỒ

THE STORY OF CIVILIZATION (11 Volumes)

Copyright © 1967 by Will Durant and Ariel Durant. All rights reserved.
Published by arrangement with the original Publisher, Simon & Schuster, Inc.

HỒI GIÁO, ĐÔNG ÂU (1715-1796) VÀ NƯỚC PHÁP PHONG KIẾN SỤP ĐỔ (1774-1789)

Được dịch từ Book 4, *ISLAM AND THE SLAVIC EAST*
và Book 7, *THE COLLAPSE OF FEUDAL FRANCE* của Volume X,
ROUSSEAU AND REVOLUTION, thuộc bộ *THE STORY OF CIVILIZATION*

Viện Giáo Dục IRED nắm giữ quyền biên dịch, xuất bản và phát hành ấn bản
tiếng Việt của Bộ sách **Lịch sử Văn minh Thế giới** (gồm 11 Volumes)
của tác giả Will & Ariel Durant theo Hợp đồng nhượng quyền
giữa Simon and Schuster và Viện Giáo Dục IRED

Bản quyền tác phẩm (gồm 11 Phần/11 Volumes) đã được bảo hộ.
Bất cứ sự xuất bản, phát hành, sao chép hay trích dẫn nào từ bộ sách này
mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Viện Giáo Dục IRED đều là
bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền Quốc tế
và Công ước Bảo hộ Quyền sở hữu trí tuệ Berne

LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI
WILL & ARIEL DURANT

PHẦN X
ROUSSEAU và CÁCH MẠNG
Rousseau and Revolution

TẬP 5
**HỒI GIÁO, ĐÔNG ÂU VÀ
NƯỚC PHÁP PHONG KIẾN SỰP ĐỔ**

Bùi Xuân Linh *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

IRED
INSTITUTE OF EDUCATION

MỤC LỤC

Đôi lời chia sẻ từ IRED Books

x

QUYỂN 1 HỒI GIÁO và ĐÔNG ÂU (1715-1796)

Đôi lời chia sẻ từ dịch giả (Quyển 1)	3
Danh mục hình ảnh minh họa	5
Tỉ giá các loại tiền tệ	7
Chương I: HỒI GIÁO: 1715-1796	9
I. Người Thổ	9
II. Hồi giáo ở châu Phi	19
III. Ba Tư: 1722-1789	24
CHƯƠNG II: KHÚC DẠO ĐẦU CỦA NƯỚC NGA, 1752-1762	35
I. Công việc và sự cai trị	35
II. Tôn giáo và văn hóa	40
III. Chính trị nước Nga: 1725-1741	52
IV. Elizabeth Petrovna: 1741-1762	58
V. Peter và Catherine: 1743-1761	62
VI. Peter III: 1762	72

CHƯƠNG III: CATHERINE ĐẠI ĐẾ, 1762-1796	78
I. Nhà lãnh đạo tuyệt đối	78
II. Người tình	84
III. Triết gia	92
IV. Chính khách	99
V. Nhà kinh tế	107
VI. Chiến binh	113
VII. Người phụ nữ	122
VIII. Văn học	126
IX. Nghệ thuật	133
X. Kết thúc cuộc hành trình	146
 CHƯƠNG IV: CƯỠNG ĐOẠT BA LAN, 1715-1795	 152
I. Toàn cảnh Ba Lan: 1715-1764	152
II. Các vua Saxony: 1697-1763	159
III. Poniatowski	163
IV. Cuộc phân chia lần thứ nhất: 1768-1772	173
V. Thời khai minh ở Ba Lan: 1773-1791	179
VI. Chia cắt: 1792-1795	187

QUYỂN 2

NƯỚC PHÁP PHONG KIẾN SỰ ĐỒ

(1774-1789)

Đôi lời chia sẻ từ dịch giả (Quyển 2)	199
Danh mục hình ảnh minh họa	202
 CHƯƠNG I: VINH QUANG CUỐI CÙNG, 1774-1783	 207
I. Những người thừa kế ngai vàng: 1754-1774	207
II. Chính quyền	215

III. Hoàng hậu Đồng trinh	218
IV. Vị vua hiền từ	232
V. Bộ trưởng của Turgot: 1774-1776	237
VI. Nhiệm kỳ Bộ trưởng đầu tiên của Necker: 1776-1781	252
VII. Nước Pháp và Hoa Kỳ	258
CHƯƠNG II: THẦN CHẾT VÀ CÁC TRIẾT GIA, 1774-1807	271
I. Voltaire về cuối đời	271
1. Ánh Hoàng hôn ở Ferney	271
2. Phong thần	275
3. Ảnh hưởng của Voltaire	286
II. Đoạn kết của Rousseau: 1767-1778	289
1. Một tâm hồn bị ám ảnh	289
2. Ảnh hưởng của Rousseau	301
III. <i>Marche Funèbre</i>	311
IV. <i>Triết gia</i> cuối cùng	317
V. Các triết gia và cuộc cách mạng	324
CHƯƠNG III: ĐÊM TRƯỚC, 1774-1789	330
I. Tôn giáo và cuộc Cách mạng	330
II. Đời sống bên bờ vực	335
III. Các <i>Salonnières</i>	341
IV. Âm nhạc	349
V. Nghệ thuật dưới Triều Louis XVI	353
VI. Văn học	374
VII. Beaumarchais	387
CHƯƠNG IV: MỔ XẺ CUỘC CÁCH MẠNG, 1774-1789	402
I. Giới quý tộc và cuộc cách mạng	403
II. Nông dân và cuộc cách mạng	408
III. Công nghiệp và cuộc cách mạng	412

IV. Giới Tư sản và cuộc cách mạng	417
V. Sự tập hợp lực lượng	423
CHƯƠNG V: SỰ SỤP ĐỔ VỀ CHÍNH TRỊ, 1783-1789	430
I. Chiếc vòng kim cương: 1785	430
II. Calone: 1783-1787	436
III. Loménie De Brienne: 1787-1788	440
IV. Lại Necker: 1788-1789	446
V. Mirabeau bước vào	451
VI. Cuộc diễn tập cuối cùng: 1789	458
VII. Hội nghị và quốc dân đại biểu: 1789	463
VIII. Đến ngục Bastille	474
Chú thích (Quyển 1)	485
Bảng dẫn (Quyển 1)	491
Chú thích (Quyển 2)	512
Bảng dẫn (Quyển 2)	524

ĐÔI LỜI CHIA SẺ TỪ IRED BOOKS

Quý vị đang cầm trên tay một trong những tập sách nằm trong bộ “biên niên sử” đồ sộ về các nền văn minh trải dài trong suốt 2.500 năm lịch sử của nhân loại: “LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI - THE STORY OF CIVILIZATION” - một trong những bộ sách về lịch sử các nền văn minh thành công nhất và phổ biến nhất từ trước đến nay trên thế giới!

Hầu như ai trong chúng ta cũng muốn trở thành con người văn minh, gia đình nào cũng muốn trở thành gia đình văn minh, tổ chức nào cũng muốn trở thành tổ chức văn minh, đất nước nào cũng muốn trở thành quốc gia văn minh.

Nhưng thế nào là “*văn minh*”, và làm sao chúng ta có thể tìm hiểu và học hỏi từ các nền văn minh trên thế giới từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây một cách nhanh nhất và trọn vẹn nhất để làm giàu văn minh của chính mình, gia đình mình, tổ chức mình và dân tộc mình?

Lời đáp nằm ở Bộ sách LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI - THE STORY OF CIVILIZATION của tác giả Will & Ariel Durant mà IRED Books đã kỳ công mua bản quyền, tổ chức biên dịch, chú giải và lần đầu tiên xuất bản trọn bộ tại Việt Nam. Bộ sách này đặc biệt không chỉ được viết cho giới nghiên cứu, học thuật hay giới thức giả, mà còn được viết cho độc giả đại chúng nhằm giúp đông đảo mọi người có thể tiếp cận với các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại.

Để hoàn tất bộ *The Story of Civilization* bao gồm 11 Phần này (mỗi Phần trung bình gồm 3-5 Tập sách), tác giả Will Durant & Ariel Durant đã dồn mọi tâm sức và làm việc miệt mài suốt gần nửa thế kỷ (từ 1929 đến 1975) để tạo nên một thể loại mới mà họ gọi là “*lịch sử tích hợp*” (*integral history*) thông qua ngòi bút “*kể chuyện*” bậc thầy, nhằm thể hiện một cách sinh động nhất những gì đã góp phần vào việc hình thành, phát triển và cả sự suy tàn của các nền văn minh.

Chúng ta không nhất thiết phải đọc từ đầu đến cuối theo thứ tự từng Phần hay từng Tập hay từng Chương của Bộ sách này, mà người đọc có thể dễ dàng chọn đọc để tìm hiểu bất kỳ giai đoạn lịch sử hay bất kỳ nền văn minh nào trong Bộ sách mà mình quan tâm, như thể đây một cuốn “*từ điển văn minh*” đầy những trải nghiệm mang lại cho chúng ta những hiểu biết cô đọng về các nền văn minh trải dài trong lịch sử nhân loại.

Chính vì thế, công trình truyền đời này đã dễ dàng đi vào lòng người đọc trên khắp thế giới và mang trong mình tính kinh điển & bất hủ của nó, bởi lẽ hiếm có ai dành trọn cuộc đời mình như ông bà Durant để làm ra bộ sách lịch sử văn minh đồ sộ như vậy. Xuyên suốt chiều dài 2.500 năm lịch sử, bộ sách mô tả văn minh của từng thời đại khác nhau, thể hiện một quan niệm tiến bộ và hài hòa về cách đọc và cách hiểu lịch sử, với đầy đủ các khía cạnh không chỉ bao gồm các cuộc chiến tranh, diễn biến chính trị, tiểu sử của những vĩ nhân hay những tội đồ, mà còn cả văn hoá, nghệ thuật, triết học, tôn giáo, và cả sự trỗi dậy của thông tin đại chúng.

Do đó, chúng ta có thể gọi bộ *Lịch sử Văn minh Thế giới* này là một trong những bộ ghi chép về lịch sử văn minh thành công nhất và phổ biến đại chúng nhất từ trước đến nay. Phần 10 của bộ sách này đã được trao giải Pulitzer năm 1968 về thể loại phi hư cấu; sau đó tác giả bộ sách đã được Tổng thống Gerald Ford trao huân chương cao quý nhất của Chính phủ Mỹ dành cho cá nhân, Huân chương Tự do của Tổng thống năm 1977.

Bộ *Lịch sử Văn minh Thế giới* đã thành công ngoài sức tưởng tượng, đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ, xuất bản ở nhiều nước trên thế giới và là bộ sách không thể thiếu ở vô số các thư viện lớn nhỏ trên khắp toàn cầu. Và nay, Bộ sách đã được IRED Books hoàn tất việc mua bản quyền, tổ chức dịch thuật và chú giải trọn bộ bằng Tiếng Việt dành riêng cho độc giả Việt Nam để có thể cùng được trải nghiệm “biên niên sử” này của nhân loại. Có thể nói, việc dịch bộ sách này ra tiếng nước mình chính là mong muốn của nhiều quốc gia để góp phần giúp người dân nâng cao kiến thức và cảm thức về các nền văn minh quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại, từ đó rút ra bài học quý giá cho chính mình và cho cả dân tộc mình.

Nếu bạn đang cầm trên tay tập sách này, thì có thể nói rằng bạn đang cầm trên tay một “mảnh ghép bất biến” của lịch sử. Nếu sưu tầm đầy đủ 11 Phần của cả Bộ sách này, thì có thể nói rằng bạn đọc đang chứa cả một “kho tàng lịch sử văn minh nhân loại” trong tủ sách nhà mình. Bởi lẽ, tất cả mọi thứ đều có thể thay đổi, nhưng lịch sử thì không. Chính vì thế, dù không thể tránh khỏi những khuyết thiếu nhất định, nhưng bộ sách này vẫn sẽ trường tồn về mặt giá trị và sống mãi theo thời gian.

T/M IRED Books
GIẢN TƯ TRUNG

QUYỂN I

HỒI GIÁO VÀ ĐÔNG ÂU

1715-1796

ĐÔI LỜI CHIA SẺ TỪ DỊCH GIẢ

(Quyển 1)

Như bạn đọc có thể nhận thấy từ nhan đề cuốn sách, Tập 5 của *Phần X: Thời đại Rousseau* là bản dịch từ các *Book 4* và *7* của nguyên tác mà vì lý do ấn loát (*Book 4: Islam and the Slavic East - Hồi giáo và Phương Đông của người Slave*, quá mỏng để in riêng rẽ), chúng tôi đã gộp chung lại. Mặc dù nội dung có ít nhiều liên quan nhau với mẫu số chung là không khí Khai minh và việc Rousseau thay chỗ của Voltaire trong vai trò “tinh thần của thời đại”, đây là hai tập riêng rẽ về lịch sử của Hồi giáo, Đông Âu Xla-vơ (chủ yếu là nước Nga và Ba Lan) và của nước Pháp trong giai đoạn 1715-1796 đối với Đông Âu và 1774-1789 đối với nước Pháp.

Hồi giáo và Đông Âu dành để nói về lịch sử của các đế quốc Ba Tư và Ottoman (mà trung tâm là Thổ Nhĩ Kỳ) một thời lừng lẫy, giờ đang suy tàn, của Ba Lan bị các cường quốc láng giềng xâu xé và nhất là của nước Nga đang vươn lên mạnh mẽ trên con đường hiện đại hóa, Tây phương hóa, cùng với sự bành trướng lãnh thổ chưa từng thấy dưới sự cai trị của một Nữ hoàng không phải là người Nga: Catherine II hay Catherine Đại đế. Tuy nhiên, sự bành trướng của nước Nga

không phải luôn êm thấm và việc xâm chiếm bán đảo Crimea để mở rộng lãnh thổ của nước Nga sau hơn 200 năm vẫn chưa hoàn tất. Ngày nay, vào những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI này, bán đảo Crimea vẫn còn là đề tài nóng bỏng trong quan hệ quốc tế với việc Nga sáp nhập nơi này từ tay Ukraine vào năm 2014 và việc đọc lại lịch sử thời Catherine II sẽ giúp ta có thêm nhiều kiến văn để hiểu thêm về hiện tại.

Để bạn đọc tiện theo dõi, *Book 7: The Collapse of Feudal France - Nước Pháp phong kiến sụp đổ* sẽ được chúng tôi giới thiệu sau, trong phần *Lời nói đầu* của Quyển này.

Chúng tôi xin cảm ơn bạn đọc đã đồng hành cùng chúng tôi qua các tập sách của *Phần X: Thời đại Rousseau*, một thời đại mà những thiết chế và những giá trị, chuẩn mực cơ bản vẫn còn ảnh hưởng đến thế giới ngày nay.

Dịch giả BÙI XUÂN LINH

DANH MỤC HÌNH ẢNH MINH HỌA

Hình 1.	<i>Ahmed Nedîm Efendi</i>	13
Hình 2.	<i>Ahmet III</i>	18
Hình 3.	<i>Cổng Bab el Mansour</i> (Meknes, Ma-rốc)	23
Hình 4.	<i>Nadir Kuli.</i> (tranh của Abol-Hassan, 1774)	27
Hình 5.	<i>Dmitri Bortniansky</i> (1788)	42
Hình 6.	<i>Cung điện Mùa đông</i>	44
Hình 7.	<i>Francesco Bartolomeo Rastrelli</i> (tranh của Pietro Rotari)	46
Hình 8.	<i>Cổng vào Cung điện Mùa đông</i>	47
Hình 9.	<i>Mikhail Lomonosov</i> (tranh của G. Prenner, 1787)	50
Hình 10.	<i>Nữ hoàng Nga Catherine I</i> (tranh của Nattier)	53
Hình 11.	<i>Nữ hoàng Anna Ivanovna</i> (Họa sĩ vô danh)	55
Hình 12.	<i>Nữ hoàng Elizabeth Petrovna</i> (tranh của Vigilius Eriksen, 1757)	59
Hình 13.	<i>Nữ Đại Công tước Ekaterina Alekseyevna</i> <i>vào khoảng thời gian kết hôn</i> (tranh của George Christoph Grooth, 1745)	66
Hình 14.	<i>Sa hoàng Peter III</i> (tranh của Georg Christoph Grooth, thập niên 1740)	72
Hình 15.	<i>Catherine Đại đế</i> (tranh của Fyodor Rokotov, 1763)	78
Hình 16.	<i>Bá tước Grigory Orlov</i> (tranh của Fyodor Rokotov, 1762 hoặc 1763)	86
Hình 17.	<i>Potemkin trong bộ quân phục</i> (tranh của Johann Baptist von Lampi Cha, 1790)	89
Hình 18.	<i>Catherine II ở tuổi ngũ tuần</i> (tranh của Johann Baptist von Lampi Cha)	91

Hình 19.	<i>Trang tiêu đề của bản Nakaz</i>	103
Hình 20.	<i>Emelyan Pugachev</i>	110
Hình 21.	<i>Gavril Romanovich Derzhavin</i> (tranh của Borovikovsky, 1811)	127
Hình 22.	<i>Nikolay Novikov</i> (tranh của Dmitry Levitzky, những năm 1790)	130
Hình 23.	Bảo tàng Hermitage - tượng <i>Ba Mỹ nữ</i> của Canova	134
Hình 24.	Bảo tàng Hermitage - tranh <i>Người phụ nữ trong khu vườn</i> của Claude Monet (1867)	135
Hình 25.	<i>Peter Đại đế</i> (tượng của Falconet)	136
Hình 26.	Francesco Bartolomeo Rastrelli: <i>Tu viện Smolny ở St. Petersburg</i>	139
Hình 27.	<i>Hàn lâm viện Nghệ thuật</i> bên bờ Sông Neva	140
Hình 28.	<i>Cung điện của Catherine ở Tsarskoe Selo, Saint Petersburg</i>	141
Hình 29.	<i>Lâu đài Gatchina</i>	144
Hình 30.	<i>Lâu đài Taurida</i>	145
Hình 31.	<i>Tượng đài kỷ niệm Catherine Đại đế ở Saint Petersburg</i>	151
Hình 32.	<i>Vua Stanislas I</i> (tranh của Antoine Pesne, khoảng năm 1731)	161
Hình 33.	<i>Vua Stanislas II August</i> (tranh của Marcello Bacciarelli)	163
Hình 34.	<i>Nữ Đại Công tước Catherine Alexeevna</i> (<i>Nữ hoàng Catherine II tương lai</i>) lúc mới sang Nga. (tranh của Louis Caravaque, 1745)	165
Hình 35.	<i>Ignacy Krasicki</i> (tranh của Krat cha, khoảng năm 1767)	181
Hình 36.	<i>Bản thảo Hiến pháp ngày 3-5-1791 của Ba Lan</i>	186

TỈ GIÁ CÁC LOẠI TIỀN TỆ

Giá trị phỏng chừng các loại tiền được nêu trong sách so với đồng đô la Mỹ vào năm 1965:

carolin, \$11,50	guilder, \$5,25
pistole, \$11,50	cigliato, \$6,25
guinea, \$26,25	pound, \$25,00
crown, \$6,25	gulden, \$5,25
reale, \$0,25	doppio, \$25,00
kreutzer, \$2,50	ruble, \$10,00
ducat, \$6,25	lira, \$1,25
rupee, \$4,00	ecu, \$3,75
livre, \$1,25	shilling, \$1,25
florin, \$6,25	louis d'or, \$25,00
sol, \$1,25	franc, \$1,25
mark, \$1,25	sou, \$0,05
groschen, \$1,25	penny, \$0,10
thaler, \$5,00	

Chương I

HỒI GIÁO: 1715-1796

I. NGƯỜI THỔ

Trong thế kỷ XVIII, Cơ Đốc giáo bị mắc kẹt giữa Voltaire và Mohammed - giữa trào lưu Khai minh và Hồi giáo. Mặc dù thế giới Hồi giáo đã đánh mất sức mạnh quân sự từ khi Sobieski đẩy lùi quân Thổ ra khỏi thành Vienna vào năm 1683, nó vẫn còn thống trị Ma-rốc, Algeria, Tunisia, Libya, Ai Cập, Ả Rập, Palestine, Syria, Ba Tư, Tiểu Á, vùng Crimea, Nam nước Nga, Bessarabia, Moldavia, Wallachia (Romania), Bulgaria, Serbia (Nam Tư), Montenegro, Bosnia, Dalmatia, Hy Lạp, Crete, các đảo trên Biển Aegea và Thổ Nhĩ Kỳ. Toàn thể các lãnh thổ này, ngoại trừ Ba Tư, là một phần của đế quốc Ottoman mệnh mông của người Thổ Nhĩ Kỳ. Trên bờ biển xứ Dalmatia, họ chạm đến biển Adriatic và đối diện với các Giáo hoàng Lãnh địa; trên Eo biển Bosphorus, họ kiểm soát lối ra duy nhất của tàu thuyền từ Hắc Hải và khi muốn, có thể phong tỏa lối ra Địa Trung Hải của người Nga.

Đi từ lãnh thổ Hungary sang những vùng đất Hồi giáo, thoát tiên người ta ghi nhận ít có sự khác biệt giữa văn minh Cơ Đốc và đạo Hồi. Ở đây cũng vậy, người nghèo giản dị và sùng đạo cày xới đất đai cho chúa tể là những kẻ giàu có lành lợi và hoài nghi. Nhưng bên kia Eo biển Bosphorus, bối cảnh kinh tế thay đổi: chưa đến 15% đất đai được canh tác; phần còn lại là sa mạc hoặc núi non chỉ cho phép người ta khai mỏ hoặc chăn thả súc vật; tại đó, nhân vật tiêu biểu là

người Bedouin, đen đui và khô khốc dưới ánh mặt trời, cuộn mình trong những lớp y phục rắc rối để tránh cát và sức nóng. Những thành phố ven biển hay những thị trấn ngẫu nhiên rộn ràng với việc mua bán và những mặt hàng thủ công, nhưng cuộc sống dường như nhàn nhã hơn những trung tâm Cơ Đốc; đàn bà ở nhà hoặc bước đi một cách đứng đắn và trang trọng dưới những gánh nặng và sau những tấm mạng che mặt còn đàn ông thong thả đi dọc theo các đường phố. Công nghiệp hầu hết là thủ công và cửa hiệu của người thợ thủ công là căn nhà phụ ở phía trước nhà của anh ta; anh ta hút thuốc và trò chuyện trong lúc làm việc và đôi khi chia sẻ cốc cà phê (qahveh) và chiếc tẩu của mình với một khách hàng hãy còn nấn ná.

Nhìn chung, người dân Thổ bình thường rất miễn nguyện với nền văn minh của mình khiến cho trong nhiều thế kỷ họ đã không muốn có sự thay đổi quan trọng nào. Như trong học thuyết Công giáo La Mã, truyền thống cũng thiêng liêng như thánh thư. Tôn giáo hùng mạnh và lan tỏa cùng khắp nơi Hồi giáo hơn là Cơ Đốc giáo; kinh Koran là luật lệ cũng như Phúc âm và các nhà thần học là những người diễn giải luật pháp chính thức. Việc hành hương đến Mecca hằng năm đã đưa tấn kịch cảm động của nó đi qua sa mạc và dọc theo những con đường bụi bặm. Nhưng trong các tầng lớp thượng lưu những quan điểm dị biệt duy lý được phát biểu bởi các nhà sáng lập hệ phái Mutazilitesⁱ và tiếp tục

i *Mutazilites*: Những nhà thần học tư biện Hồi giáo, phát triển mạnh vào các thế kỷ VIII-X tại Basra và Baghdad. Họ bác bỏ nhiều giáo điều của Hồi giáo chính thống, công nhận tự do ý chí của con người và tuyên bố lý tính là tiêu chuẩn cao nhất cho các quy tắc đạo đức. Họ cũng cố hòa giải tư tưởng thuần lý-biện chứng cổ điển với những nguyên lý cơ bản của quan điểm của Hồi giáo về thế giới. Những tin tưởng của các nhà thần học Mutazilites bị hệ phái Sunni của Hồi giáo bác bỏ, nhưng hệ phái Shiah chấp nhận những tiền đề của họ.

lan truyền qua Thời của Đức tin bởi các thi sĩ và triết gia Hồi giáo đã nhận được một sự tán thành rộng rãi và bí mật. Năm 1719, từ Constantinople, Phu nhân Mary Wortley Montagu tường thuật:

Những bậc thức giả (effendi, tức những người có học vấn)... không tin tưởng nhiều vào nguồn cảm hứng của Mohammed hơn là vào tính không thể sai lầm của giáo hoàng. Họ đưa ra lời tuyên xưng thẳng thắn về tự nhiên thần giáo giữa họ với nhau, hay với những người họ có thể tin tưởng và không bao giờ nói về bộ luật của họ [những lời dạy của Kinh Koran và các truyền thống] ngoài việc như một thiết chế chính trị, ngày nay đáng được những người khôn ngoan tuân theo, dù đầu tiên được giới thiệu bởi các nhà chính trị và những người nhiệt thành.¹

Các hệ phái Sunni và Shi'a phân chia Hồi giáo, cũng như Công giáo và Tin Lành chia rẽ Cơ Đốc giáo Tây phương; và trong thế kỷ XVIII, một giáo phái mới được thành lập bởi Mohammad ibn-Abd-al-Wahab, một thủ lĩnh Hồi giáo của vùng Nejd - cao nguyên trung tâm giờ đây được biết dưới tên Saudi Arabia. Những tín đồ Wahabism là những người Thanh giáo của Hồi giáo: họ cáo buộc việc thờ cúng các vị thánh, phá hủy các ngôi mộ và điện thờ của các vị thánh và các vị tuần đạo, lên án việc ăn mặc vải lụa và dùng thuốc lá và bảo vệ quyền của mỗi cá nhân trong việc diễn giải kinh Koran cho chính mình.² Trong mọi giáo phái, việc mê tín rất phổ biến; những kẻ mạo danh tôn giáo và những phép lạ giả mạo luôn tìm được những người sẵn sàng tin tưởng; và đối với phần lớn tín đồ Hồi giáo vương quốc của phép thuật được xem cũng thật như thế giới của cát và mặt trời.³

Giáo dục bị thống trị bởi giới giáo sĩ vốn cho rằng các công dân tốt hoặc thành viên trung thành trong bộ lạc có thể được

đào tạo nên một cách chắc chắn qua việc khép tính cách vào kỷ luật hơn là giải phóng cho trí tuệ. Các giáo sĩ đã thắng trong cuộc chiến chống lại các nhà khoa học, các triết gia và sử gia là những người đã phát triển trong thời trung cổ Hồi giáo. Thiên văn học đã thụt lùi thành khoa chiêm tinh, hóa học thành thuật giả kim, y học thành phép thuật, lịch sử thành huyền thoại. Nhưng nơi nhiều người Hồi giáo, một sự minh triết đã thay thế cho giáo dục và sự thông thái. Như nhà hiền triết và nhà hùng biện Doughty đã viết: “Người A Rập và người Thổ, những người mà đối với họ sách vở là bộ mặt của con người... và những lời chú giải là những câu cách ngôn phổ biến và hàng nghìn câu ngạn ngữ khôn ngoan cổ xưa của thế giới phương Đông của họ, chạm gần đến sự thật của những sự việc của nhân thế. Họ là những người già dặn về chính sách trong tuổi trẻ của mình và về sau ít có điều gì cần gạt bỏ.”⁴ Trong một bức thư viết năm 1717, Wortley Montagu bảo đảm với Addison rằng: “những người đàn ông Thổ khả kính xuất hiện trong những buổi đàm đạo cũng văn minh như bất kỳ người nào tôi đã gặp ở Ý.”⁵ Sự khôn ngoan không có quốc tịch.

Các thi sĩ luôn có rất nhiều trong thế giới Hồi giáo. Sa mạc khắc nghiệt, bầu trời bao quanh và vô số những vì sao vào những đêm không mây đã khuấy động trí tưởng tượng cũng như niềm tin tôn giáo bằng ý thức về sự bí ẩn và với lòng ham muốn bị ngăn cản dòng máu đã lý tưởng hóa những nét quyến rũ mà phụ nữ đã khôn khéo làm gia tăng bằng vẻ e ấp và khiêm tốn. Năm 1774, Sir William Jones, trong cuốn *Bình luận thi ca A Rập*, đã tiết lộ cho những tinh thần tỉnh táo ở Tây Âu tính cách phổ biến, thanh nhã và đam mê của thi ca tại những xứ Hồi giáo. Thi sĩ vĩ đại nhất của Thổ Nhĩ Kỳ vào thế kỷ XVIII là Nedim, người đã hát lên trong thời đại của Hồi vương Ahmed III (1703-30):



Hình 1. *Ahmed Nedim Efendi*

Sầu tình, tim ta hồn ta về chốn hư vô...

Mọi sự kiên nhẫn và chịu đựng của ta tàn lụi...

Đã có lần ta lột trần bộ ngực đáng yêu của nàng, thế là sự yên
tĩnh và thanh bình

Trong lòng ta vỗ cánh bay đi...

Nốt ruồi dị giáo, mái tóc dị giáo, đôi mắt dị giáo...

Tất cả vương quốc của vẻ đẹp độc ác của nàng tạo thành vẻ dị
giáo, ta xin thề.

Nàng hứa hẹn những nụ hôn trên cổ, trên ngực mình.

Ôi khổ cho ta, giờ đây Kẻ dị giáo hối tiếc lòng thành thật mới rồi đã cam kết.

Nàng phô bày những lọn tóc từ bên dưới chiếc mũ vói vẻ duyên dáng quyến rũ;

Kẻ nào trông thấy nàng cũng tức thì ngắt ngay đằm đuối...

Nàng thật nhẫn tâm khiến cho mọi người đàn ông phải than khóc và rên rỉ trong nỗi tuyệt vọng thảm thương...

Ngọt ngào hơn mọi mùi hương, sáng chói hơn mọi sắc màu, hình dáng thanh nhã của nàng;

Chắc hẳn cánh hồng ngắt hương nào đó trong lồng ngực đã nuôi dưỡng nàng...

Tay cầm đoá hồng, tay cầm chiếc cốc, nàng bước đến, ngọt ngào;

A-ha, ta không biết nên nhận lấy đoá hồng, chiếc cốc hay nàng.

Hãy nhìn kìa, hình như một nguồn nước tuôn trào từ ngọn Suối Đời, ta nghĩ

Khi nàng cho ta nhìn thấy dáng hình uyển chuyển yêu kiều của mình.⁶

Phụ nữ phải lợi dụng hình dáng yêu kiều của họ bất cứ khi nào có thể vì một khi những đoá huệ đoá hồng của họ tàn tạ họ sẽ bị tan biến vào những nơi hẻo lánh của *harim* (hậu cung). Từ này không những chỉ áp dụng cho những người vợ và nàng hầu của chồng mà còn cho tất cả những phụ nữ trong nhà. Tách biệt hẳn còn là số phận của họ trong thế kỷ XVIII; họ có thể ra ngoài, nhưng khi đó (sau năm 1754) họ phải che kín tất cả ngoại trừ đôi mắt quyến rũ và không có người đàn ông nào ngoại trừ cha, anh em trai, chồng và con trai có thể bước vào nơi ở của họ. Ngay cả sau khi chết, sự tách biệt tính phái này được cho là vẫn còn: những người đàn bà được cứu rỗi sẽ có chốn Thiên đường riêng của họ, tách rời khỏi đàn ông; những người đàn ông được cứu rỗi sẽ đi về một Thiên đường khác, nơi họ sẽ được tiếp đãi bởi

các houri - những nàng tiên trên trời mà theo định kỳ sẽ được biến thành trinh nữ trở lại. Đàn bà ngoại tình sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc và chuyện này hiếm khi xảy ra; người A Rập đem “danh dự của các phụ nữ của tôi” ra thề như là lời thề bảo đảm nhất.⁷ Phụ nhân Mary tường thuật là các phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ mà bà được phép gặp không oán giận việc họ bị tách rời khỏi đàn ông. Bà thấy một số trong bọn họ có nét mặt và hình dáng xinh đẹp và cử chỉ tinh tế giống như “những phụ nữ Anh xinh đẹp nổi tiếng nhất của chúng ta.”⁸ Được phép đi vào một trong nhiều nhà tắm công cộng, bà khám phá ra rằng, phụ nữ có thể xinh đẹp ngay cả khi không mặc quần áo. Bà đặc biệt bị hấp dẫn bởi các mệnh phụ trong một nhà tắm ở Adrianople. Họ mời bà cởi quần áo và tắm với họ; bà xin được miễn bỏ đồ ra. “Tất cả bọn họ thuyết phục tôi quá tha thiết, khiến cho cuối cùng tôi buộc phải cởi váy và cho họ thấy nịt ngực của tôi; việc này làm họ rất thỏa mãn vì tôi thấy họ nghĩ rằng tôi đã bị khóa chặt trong cái máy đó và không có quyền mở nó ra vì họ gán cái sáng chế này cho chồng tôi”; và một người trong bọn họ nhận xét: “Hãy xem các phụ nữ Anh quốc đáng thương bị chồng của họ sử dụng một cách độc ác biết bao.”⁹

Người Thổ lấy làm kiêu hãnh về những nhà tắm của mình và thường xem mình sạch sẽ hơn những kẻ ngoại giáo Cơ Đốc. Nhiều người trong các giai cấp thượng lưu và trung lưu đi đến “nhà tắm Thổ” mỗi tuần hai lần, số đông hơn thì mỗi tuần một lần. Tại đó, họ ngồi trong một phòng tắm hơi cho đến khi mồ hôi vã ra thật nhiều, rồi có một người phục vụ nắn các khớp xương, xoa bóp những phần thịt, chà xát chúng bằng một tấm vải thô, tắm rửa cho chúng sạch sẽ. Chúng ta ít nghe nói về chứng thấp khớp ở Thổ Nhĩ Kỳ. Một số bệnh khác nảy nở nhiều, đặc biệt là chứng viêm mắt; cát và những con ruồi làm cho mắt bị nhiễm trùng. Nhưng như chúng ta đã thấy, người Thổ đã dạy cho châu Âu cách chủng ngừa bệnh đậu mùa.

Họ không hoài nghi việc nền văn minh của mình cao hơn của người Cơ Đốc. Họ công nhận chế độ nô lệ tràn lan hơn trong các xứ Hồi giáo nhưng không thấy có khác biệt thật sự nào giữa những nô lệ ở Thổ Nhĩ Kỳ và những nông nô hoặc đầy tớ trong thế giới Cơ Đốc và Phu nhân Mary cũng như môn từ nguyên học đồng ý với họ. Họ nhiệt thành cũng như chúng ta trong sự yêu thích cũng như quan tâm đến những loài hoa và, như dưới triều của Ahmed III (1703-1730), cũng điên cuồng cạnh tranh nhau trồng hoa tulip. Có vẻ như người Thổ, qua Venice và Vienna và Hòa Lan, đã du nhập vào châu Âu Cơ Đốc hoa tulip, hoa lan dạ hương Đông phương (Oriental hyacinth) và hoa mao lương vườn (garden ranunculus) cũng như các cây hạt dẻ và mimosa.¹⁰

Nghệ thuật ở Thổ Nhĩ Kỳ giờ đây đang suy tàn, cũng như trong phần lớn các xứ Cơ Đốc. Người Thổ tự cho mình vượt qua nghệ thuật Cơ Đốc trong lĩnh vực đồ gốm, dệt may, thảm, trang trí, thậm chí trong kiến trúc. Họ đã kế thừa nghệ thuật mang lại cho những bức tranh trừu tượng tính lô gích, ý nghĩa và sự cảm thông. Họ hãnh diện vì vẻ lộng lẫy của các món đồ sứ (như trên Bể phun nước Ahmad III ở Constantinople), tia sáng không phai mờ của những viên ngói, sức mạnh và sự tinh tế của những kiểu dệt, vẻ rực rỡ vững bền của những tấm thảm của họ. Anatolia và vùng Caucasus nổi tiếng trong thời này với vẻ mịn màng rực rỡ và thiết kế kỷ hà nghiêm ngặt của những tấm thảm của mình; đặc biệt là những tấm thảm cầu nguyện, với các cột và các vòm nhọn giữ cho người tín đồ đang khom người cầu nguyện đối diện với mihrab vốn được xây trong mỗi thánh đường để chỉ hướng của Mecca. Và người Thổ thích những ngôi thánh đường có mái vòm, lợp ngói với những ngọn tháp của mình hơn là những ngọn tháp hình chóp và những vòng cung và vẻ vĩ đại ảm đạm của những thánh đường gô tích. Ngay cả trong thời đại suy tàn họ cũng đã dựng lên những thánh đường uy nghiêm hùng vĩ ở Nuri-Osmanieh (1748), Laleli-Jamissi (1765); và Ahmed III đã

đưa phong cách của Alhambraⁱ về với cung điện mà ông xây năm 1729. Constantinople, bắt chước những đường phố rối rắm và những căn nhà ổ chuột hôi thối, có thể là thủ đô hùng vĩ và rộng lớn nhất châu Âu; dân số hai triệu người¹¹ của nó gấp đôi London, gấp ba Paris và gấp tám lần Rome.¹² Khi Phu nhân Mary nhìn xuống thành phố và hải cảng từ cung điện của Đại sứ Anh, bà nghĩ chúng tạo nên “có lẽ là toàn cảnh xinh đẹp nhất thế giới, dưới cái nhìn tổng hợp.”¹³

Trị vì Đế quốc Ottoman từ sông Euphrates cho đến Đại Tây Dương là các Hồi vương của thời suy tàn. Ở một chỗ khác¹⁴ chúng ta đã xem xét các nguyên nhân của sự suy tàn đó: sự dịch chuyển của thương mại Tây Âu hướng về châu Á đi vòng quanh châu Phi bằng đường biển thay vì đường bộ băng qua Ai Cập hoặc Tây Á; sự phá hủy hoặc bỏ bê các con kênh tưới nước, sự bành trướng của đế quốc đến những khoảng cách quá lớn khiến cho việc cai trị từ trung ương không còn hiệu quả; sự độc lập của các tổng trấn do tình trạng này tạo nên và chính sách ly khai của các tỉnh; sự sa đọa của chính quyền trung ương do tham nhũng, bắt tài và lười biếng; những cuộc nổi loạn liên tiếp của các Vệ binh Thổ chống lại kỷ luật vốn đã giúp họ hùng mạnh; việc thống trị đời sống và tư tưởng của một tôn giáo chủ trương thuyết định mệnh và không chủ trương tiến bộ; và sự mệt mỏi của các vị Hồi vương vốn ham thích những vòng tay phụ nữ hơn là vũ khí chiến tranh.

Ahmed III bắt đầu triều đại của ông với việc để cho các Vệ binh ra lệnh cho ông chọn một viên tể tướng. Chính viên tể tướng này là người mà khi dẫn đầu 200.000 quân Thổ chống lại 38.000 quân của Đại đế Peter đã nhận một khoản hối lộ 230.000 ruble để thả cho vị sa hoàng đang bị dồn vào

i *Alhambra*: Một thành trì và cung điện trên một ngọn đồi nhìn xuống Granada, Tây Ban Nha. Được xây dựng bởi các vị vua người Moor vào thế kỷ XII và XIII, Alhambra là kiểu mẫu đẹp đẽ nhất của kiến trúc người Moor tại Tây Ban Nha.



Hình 2. *Ahmet III*

ngõ cụt này thoát thân (21-7-1711). Khi Venice khích động những người dân Montenegro nổi loạn, Thổ tuyên chiến với Venice (1715) và hoàn tất cuộc chinh phục Hy Lạp và Đảo Crete. Đáp lại việc nước Áo can thiệp, Thổ tuyên chiến với Áo (1716);

nhưng Eugene xứ Savoy đánh bại quân Thổ ở Peterwardein và bằng Hiệp ước Passarowitz (1718), buộc Hồi vương phải triệt thoái khỏi Hungary, nhượng Belgrade và một phần của Wallachia cho Áo và giao cho Venice một số pháo đài ở Albania và Dalmatia. Một nỗ lực nhằm bù lại những mất mát này bằng việc tấn công vào Ba Tư đã mang lại thêm nhiều thiệt hại; một đám đông dân chúng do một người phục vụ nhà tắm dẫn đầu đã giết Tể tướng Ibrahim Pasha và buộc Ahmed III phải thoái vị (1730).

Cháu ông, Mahmud I (trị vì 1730-1754), tái tục cuộc đấu tranh chống phương Tây để dùng chiến tranh định đoạt dòng chảy của các loại thuế má và các học thuyết thần học. Một đạo quân Thổ chiếm Ochakov và Kilburun của Nga, một đạo quân khác lấy lại Belgrade từ tay người Áo; nhưng sự suy tàn về quân sự của Thổ Nhĩ Kỳ lại tiếp tục dưới triều Mustafa III (1757-1774). Năm 1762, Bulgaria tự tuyên bố độc lập. Năm 1769 Thổ khai chiến với Nga để ngăn việc Nga mở rộng quyền hành ở Ba Lan; như thế bắt đầu cuộc xung đột lâu dài trong đó những đạo quân của Nữ Đại đế Catherine đã giáng những đòn trí mạng lên quân Thổ. Sau cái chết của Mustafa, em của ông là Abdul-Hamid I (1774-1789) ký hiệp ước Kuchuk Kainarji (1774) nhục nhã, chấm dứt ảnh hưởng của Thổ tại Ba Lan, Nam Nga, Moldavia và Wallachia cũng như việc kiểm soát Hắc Hải. Abdul-Hamid tái tục chiến tranh vào năm 1787, chịu những thất bại thảm hại và chết vì buồn phiền. Thổ Nhĩ Kỳ phải chờ đến khi Tổng trấnⁱ Kemal chấm dứt hai thế kỷ hỗn loạn và biến nó thành một quốc gia hiện đại.

II. HỒI GIÁO Ở CHÂU PHI

Sau khi chinh phục xứ Ai Cập thuộc thế giới A Rập năm 1517, người Thổ giao lại việc cai trị nước này cho các thống đốc và

i *Pasha*: từ gọi vị Tổng trấn một tỉnh hay một đại thần dưới thời Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ.

phó vương. Những người Mameluke, vốn đã cai trị Ai Cập từ năm 1250, được phép giữ lại quyền hành địa phương như những thống đốc (bey) của 12 tỉnh (sanjak) của nước này. Trong khi các tổng trấn đánh mất sinh lực trong cảnh xa xỉ, các thống đốc rèn luyện binh sĩ trung thành với cá nhân mình và không lâu sau đó thách thức quyền hành của các phó vương vốn bị oán ghét. Con người mạnh dạn nhất trong số các nhà cai trị địa phương này là Thống đốc 'Ali, người vào thời trẻ đã bị bán làm nô lệ. Năm 1766, ông lật đổ vị tổng trấn; năm 1769 ông tuyên bố Ai Cập độc lập. Háo hức với thành công, ông dẫn đầu đoàn quân Mameluke của mình đi chinh phục Ả Rập, chiếm giữ Mecca và mang hai tước hiệu Hồi vương của Ai Cập và của Hai Biển (Hồng hải và Địa Trung hải). Năm 1771 ông gửi abu'l-Ahahab cùng 30.000 quân đi chinh phục Syria; abu'l-Ahahab thành công, nhưng rồi lại liên minh với triều đình Thổ và dẫn quân về lại Ai Cập. 'Ali bỏ chạy đến Acre, tổ chức một đạo quân khác, chống lại các lực lượng của abu'l-Ahahab và Thổ, chiến đấu đến khi bị tàn phế vì những vết thương, bị bắt và chết trong vòng một tuần (1773). Ai Cập lại trở thành một tỉnh của Đế quốc Ottoman.

Bên dưới những sự dao động của quyền lực và những cơn ngậy ngất của việc giết người đó, những cơn thuyền và những thương đội, sự cần cù của các thợ thủ công, sự chảy tràn hằng năm của Sông Nile và công sức lao động của những người nông dân trong bùn lầy màu mỡ, đã duy trì ở Ai Cập một nền kinh tế mà lợi nhuận chảy vào túi của một thiểu số được thiên nhiên hoặc hoàn cảnh ban cho khả năng hoặc địa vị. Công việc cực nhọc và hoa lợi của những cánh đồng và biển cả nuôi dưỡng các thành phố - ở đây, trên hết là Alexandria, một trong những hải cảng vĩ đại và Cairo, một trong những thủ đô đông đúc nhất của thế giới vào thế kỷ XVIII. Đường phố chật hẹp để ngăn ánh mặt trời và xinh đẹp với những cửa sổ rào lưới mắt cáo và những ban công mà từ đó, những người phụ nữ trong hậu cung có thể nhìn xuống cuộc sống

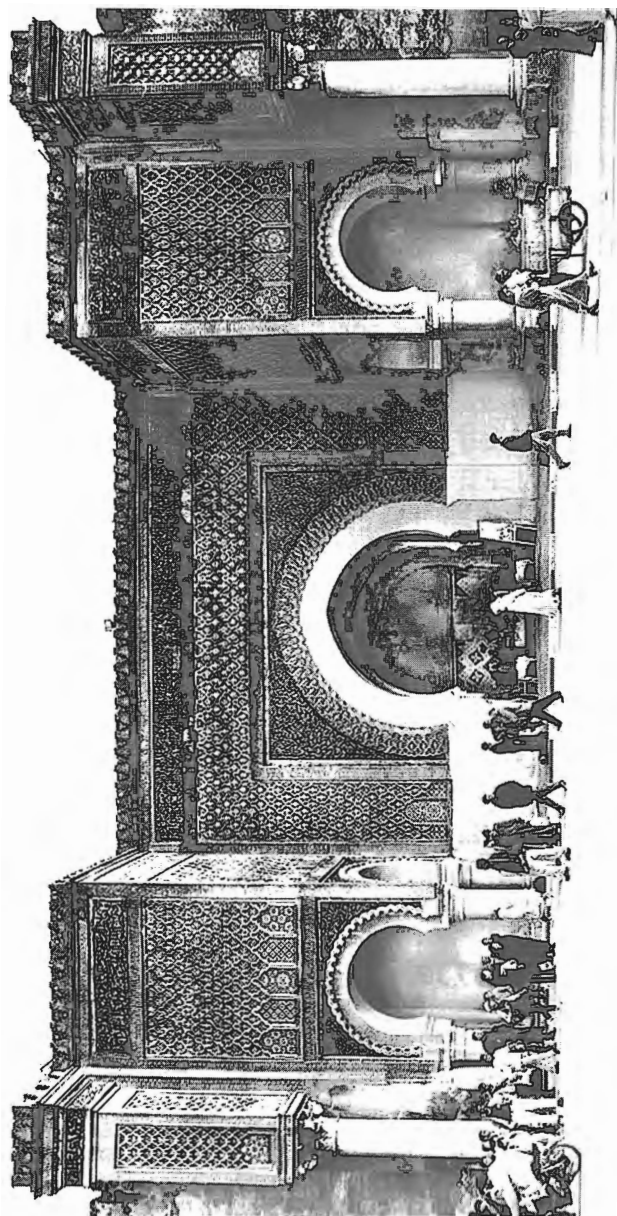
bên dưới mà không bị trông thấy. Những đường phố lớn hơn rì rầm với những xưởng thủ công thách thức sự thâm nhập của tư bản hay việc sản xuất bằng máy móc. Người nghèo làm ra những vật dụng xinh đẹp cho người giàu, nhưng họ không bao giờ bán đi niềm kiêu hãnh của mình.

Ba trăm ngôi thánh đường giúp đỡ người nghèo ở Cairo bằng niềm hy vọng và tô điểm cho nó với những mái vòm đồ sộ, những mái cổng tạo nên bóng râm che nắng và những ngọn tháp uy nghiêm. Một thánh đường tên El Azhar cũng là trường đại học suối nguồn của Hồi giáo; đây là nơi hai hoặc ba nghìn sinh viên đến từ miền viễn Đông như Malaysia và viễn Tây như Ma-rốc để học về văn phạm, tu từ, thần học đạo đức và luật pháp trong kinh Koran. Những sinh viên tốt nghiệp các đại học tạo nên *ulema* hay đoàn học giả và các giáo viên và quan tòa được chọn ra từ đây. Đó là một chế độ được tạo ra để duy trì nghiêm ngặt tính chính thống trong tôn giáo, đạo đức và chính trị.

Do đó, đạo đức hiếm khi thay đổi từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. Tuổi dậy thì đến sớm hơn ở phương Bắc; nhiều cô gái lấy chồng ở tuổi 12 hoặc 13, một số mới lên 10. Mười sáu tuổi mà chưa lấy chồng là một sự nhục nhã. Chỉ có người giàu mới có đủ sức theo chế độ đa thê mà luật lệ trong Kinh Koran cho phép. Một người chồng bị cấm sùng không những được luật pháp cho phép mà còn được công luận khuyến khích, giết chết người vợ tội lỗi.¹⁵ Thần học Hồi giáo, cũng như Cơ Đốc giáo, xem phụ nữ là nguồn gốc chủ yếu của sự xấu xa và điều này chỉ có thể được kiểm soát bằng việc nghiêm ngặt phục tùng của cô ta. Trẻ con được nuôi dưỡng trong kỷ luật của hậu cung; chúng học yêu mến mẹ và sợ hãi và kính trọng cha mình; hầu hết bọn chúng đều phát triển tính tự kiềm chế và lịch sự.¹⁶ Mọi giai cấp đều thể hiện cử chỉ nhã nhặn, cùng với một sự dễ dãi và duyên dáng nào đó trong chuyển động có thể phát sinh từ những người phụ nữ và có thể, những người này có được điều đó do phải mang những gánh nặng trên đầu. Khí hậu không cho phép vội vã và tán thành sự lười biếng.

Chế độ đa thê không ngăn được tệ mại dâm vì các cô gái giang hồ có thể cung cấp sự phấn khích mà tình trạng quen thuộc đã làm cho giảm bớt. Những cô gái bao hạng sang Ai Cập có biệt tài về những màn vũ dâm dật; một số công trình cổ cho thấy sự quyến rũ này đã có từ xa xưa. Mỗi thị trấn lớn đều dành cho các cô kỹ nữ một khu vực đặc biệt nơi họ có thể trở những ngón nghề của mình mà không lo sợ pháp luật. Như trong mọi nền văn minh, những người phụ nữ có tài khiêu vũ dâm dật được thuê để biểu diễn trước những cuộc tụ họp của cánh đàn ông và trong một số trường hợp đàn bà cũng lấy làm thích thú khi chứng kiến những trò biểu diễn như thế.¹⁷

Âm nhạc phục vụ cho cả ái tình lẫn chiến tranh; trong trường hợp nào nó cũng kích thích tấn công và dễ dàng thất bại. Có thể thuê các nhạc sĩ chuyên nghiệp, đàn ông lẫn đàn bà, để giải trí. “Tôi đã nghe nói đến những nhạc sĩ nổi tiếng nhất Cairo” Edward Lane nói vào năm 1833: “và đã bị quyến rũ bởi những ca khúc của họ... hơn là bởi bất cứ thứ âm nhạc nào khác tôi từng thưởng thức.”¹⁸ Nhạc cụ được ưa chuộng nhất là cây *kemengeh*, một loại vĩ cầm cổ mảnh mai, với hai sợi dây làm bằng lông ngựa trên một thùng đàn làm bằng vỏ trái dừa được cắt bỏ một phần từ giữa lên đến đỉnh và được bịt lại bằng da cá kéo căng ra. Người nhạc công ngồi bắt chéo chân lại, tựa đầu nhọn của cây đàn lên mặt đất và kéo những sợi dây bằng một chiếc vĩ làm bằng lông ngựa và gỗ cây tần bì. Hoặc người nghệ sĩ ngồi với một cây đàn *chanoon*, hay *zither* (đàn tam thập lục) lớn và khảy những sợi dây bằng chiếc móng sừng gắn vào những ngón tay trở. Chiếc đàn *lute* cổ giờ đây có hình dạng của một cây guitar (đàn co'd). Thêm vào một chiếc sáo, một cây đàn mandolin và một chiếc trống lục lạc và tất cả sẽ cung cấp một buổi hòa nhạc mà những nhạc điệu có thể phù hợp với một khiếu thẩm mỹ văn minh hơn là thứ nhạc hoang dã ngày nay đang khuấy động những buổi tụ tập ở phương Tây.



Hình 3. Cổng Bab el Mansour (Meknes, Ma-rốc)

Những “Quốc gia Dã man” hay những xứ sở của người Berber vốn được cho là dã man - Tripoli, Algeria, Ma-rốc - đi vào lịch sử thế kỷ XVIII chủ yếu qua những thành tích hải tặc hoặc ám sát các thống đốc của họ. Các chính phủ này, bằng việc thỉnh thoảng gửi những “món quà” cho các Hỡi vương ở Constantinople, đã duy trì được nền độc lập thật sự của họ. Dân chúng chủ yếu sống bằng nghề nông hoặc cướp bóc; những món tiền chuộc các tù nhân Cơ Đốc là một phần đáng kể của thu nhập quốc gia; tuy nhiên, những tướng cướp biển phần lớn là tín đồ Cơ Đốc.¹⁹ Nghệ thuật có cuộc sống mong manh, nhưng các nhà xây dựng Ma-rốc có đủ tài khéo để trang điểm cho chiếc Cổng “Bab-Mansur” nguy nga bằng những viên ngói màu lục và màu xanh lộng lẫy, năm 1732 được thêm vào như là chiếc cổng vào của cung điện - thánh đường mệnh mông Mulai Ismail vào thế kỷ XVII ở Meknes, bấy giờ là trụ sở của các Hỡi vương Ma-rốc. Mulai Ismail, trong triều đại 55 năm (1672-1727) của mình, đã thiết lập trật tự, làm cha của hàng trăm đứa con và nghĩ những thành tựu của ông bảo đảm cho việc xin một cô con gái của Louis XIV thêm vào hậu cung.²⁰ Thật khó để chúng ta tán thành những lối sống quá khác biệt với mình, nhưng cũng là điều có ích khi nhớ lại nhận xét của một nhà du hành Ma-rốc là người, sau khi trở về từ một chuyến viếng thăm châu Âu, đã thốt lên: “Thật là thoải mái khi trở về với văn minh!”²¹

III. BA TƯ: 1722-1789

Một người Ba Tư cũng sẽ diễn tả sự nhẹ nhõm tương tự khi trở về quê hương mình sau một thời gian lưu lại ở thế giới Cơ Đốc, hay thậm chí ở Đế quốc Hỡi giáo Thổ Nhĩ Kỳ (Ottoman). Cho đến khi triều đại Safavid sụp đổ (1736), một người Ba Tư có học thức có lẽ sẽ xếp nền văn minh Ba Tư lên trên bất cứ đất nước hiện đại nào, có thể ngoại trừ Trung Hoa. Ông ta sẽ phản đối Cơ Đốc giáo như một sự đi ngược lại đa thần giáo

được ưa thích. Ông ta có thể nhìn nhận ưu thế của thế giới Cơ Đốc trong khoa học, thương mại và chiến tranh, nhưng vẫn thích nghệ thuật hơn là khoa học và những ngành nghề thủ công hơn là nền công nghiệp được cơ giới hóa.

Thế kỷ XVIII là một thế kỷ cay đắng đối với Ba Tư. Bị người Afghanistan chinh phục từ phía đông nam, bị quấy nhiễu bởi những cuộc phục kích của những nhóm nô lệ người Uzbekistan ở phía đông bắc, bị những vụ cướp phá của người Nga ở phía bắc, liên tục bị tàn phá bởi những đạo quân Thổ đông đúc ở phía tây, bị bần cùng hóa bởi chính sách thuế má tàn bạo của chính Nhà Vua Nadir hấp dẫn của mình và bị chia cắt bởi cuộc xung đột dã man của các dòng họ đối nghịch nhau nhằm tranh giành ngai vàng Ba Tư - trong tình trạng rối loạn này làm sao Ba Tư có thể tiếp tục những truyền thống vĩ đại về văn học và nghệ thuật của mình?

Vào thế kỷ XVI, vùng đất ngày nay gọi là Afghanistan bị chia cắt bởi ba chính quyền: Kabul dưới sự cai trị của Ấn Độ, Balkh của người Uzbekistan, Herat và Kandahar của người Ba Tư. Trong các năm 1706-1708, người Afghanistan ở Kandahar đã nổi dậy dưới sự lãnh đạo của Tiểu vương Vais và trục xuất người Ba Tư. Con trai ông ta là Tiểu vương Mahmud xâm chiếm Ba Tư, truất phế nhà cai trị Hussein thuộc vương triều Safavid và tự xưng làm vua Ba Tư. Tôn giáo củng cố cho sức mạnh quân sự của ông vì người Afghanistan theo hệ phái Sunni, hay chính thống, của Hồi giáo và xem những người Ba Tư theo hệ phái Shi'a là những kẻ ngoại giáo đáng nguyên rủa. Trong cơn say máu, Mahmud cho tử hình 3.000 vệ binh của Hussein, 300 nhà quý tộc Ba Tư và khoảng 200 trẻ em bị cho là có thái độ oán giận việc giết chết cha của chúng. Sau một thời gian nghỉ ngơi lâu, chỉ trong một ngày (7-2-1725) Mahmud tàn sát tất cả những người trong hoàng tộc còn sống sót ngoại trừ Hussein và hai trong số các con nhỏ của ông. Rồi Mahmud trở nên điên dại và bị giết

bởi người em họ của ông là Ashraf (22-4-1725) vào năm 27 tuổi. Ashraf tự tuyên bố làm vua Ba Tư. Từ đó bắt đầu cuộc chiến đẫm máu làm suy nhược Ba Tư trong thế kỷ XVIII.

Tahmasp, con của Husein, đã kêu gọi Nga và Thổ Nhĩ Kỳ cứu giúp; họ đáp ứng bằng cách đồng ý phân chia Ba Tư giữa họ với nhau (1725). Một đạo quân Thổ tiến vào Ba Tư và chiếm Hamadan, Kazvin và Maragha, nhưng bị Ashraf đánh bại ở gần Kermanshah. Binh lính Thổ thiếu nhiệt tình; họ hỏi, tại sao phải chiến đấu chống lại những người đồng đạo Sunni của mình là những người Afghanistan để phục hồi triều đại ngoại giáo Safavid thuộc hệ phái Shi'a? Người Thổ giảng hòa với Ashraf nhưng giữ lại các tỉnh đã chiếm được (1727).

Ashraf giờ đây dường như được an toàn nhưng một năm sau, quyền lực ngoại bang có được do sự tiếm vị của ông bị thách thức bởi cuộc nổi dậy của một người Ba Tư ít được biết đến; chỉ trong ít năm ông ta nhanh chóng trải qua một sự nghiệp quân sự sáng chói và đẫm máu như bất kỳ người nào khác trong lịch sử. Nadir Kuli (nghĩa là “Nô lệ của Đấng Phi thường” - tức Allah) sinh ra trong một mái lều tại vùng đông bắc Ba Tư (1686). Ông giúp cha mình chăn bầy gia súc gồm cừu và dê; ông không được đến trường học tập nhưng có một cuộc sống vất vả và đầy phiêu lưu. Năm lên mười tám, khi kế thừa người cha quá cố làm chủ gia đình, ông và mẹ mình bị những kẻ tấn công người Uzbekistan bắt đi Khiva và bị bán làm nô lệ. Người mẹ chết trong cảnh tội đồ, nhưng Nadir trốn thoát, trở thành thủ lĩnh của một băng cướp, chiếm lấy Kalat, Nishapur và Meshed, rồi tuyên bố ông ta và những thành phố này trung thành với Quốc vương Tahmasp và đảm đương việc đẩy lùi quân Afghanistan ra khỏi Ba Tư và phục hồi Tahmasp lên ngai vàng Ba Tư. Ông hoàn thành những việc này trong những chiến dịch chớp nhoáng (1729-1730); Tahmasp được tái lập và phong cho Nadir làm “Hồi vương” các vùng Khurasan, Seistan, Kerman và Mazanderan.



Hình 4. *Nadir Kuli* (tranh của Abol-Hassan, 1774)

Không lâu sau đấy, vị tướng lĩnh đắc thắng xuất quân đi tái chiếm những tỉnh đã bị người Thổ chiếm giữ. Bằng chiến thắng quyết định đối với quân Thổ tại Hamadan (1731), ông đưa Iraq và Azerbaijan về dưới sự cai trị của Ba Tư. Nghe nói về một vụ nổi loạn ở Khurasan, ông tổ chức cuộc bao vây Erivan và hành quân qua 2.250km xuyên qua Iraq và Ba Tư để bao vây Herat - một cuộc hành quân khiến cho những chuyến băng qua nước Đức của Đại đế Frederick trong Chiến tranh Bảy năm trở nên nhỏ bé. Trong khi đó, Tahmasp thân chinh

ra trận đánh nhau với quân Thổ, đánh mất tất cả những gì Nadir đã chiếm được và nhượng Georgia và Armenia cho Thổ Nhĩ Kỳ với lời hứa của Thổ là họ sẽ giúp chống lại quân Nga (1732). Từ phương Đông Nadir lao về, phản đối hiệp ước, truất phế và cầm tù Tahmasp, dựng đưa con trai sáu tháng tuổi của Tahmasp lên làm Vua Abbas III, tự tuyên bố làm nhiếp chính và gửi cho Thổ Nhĩ Kỳ lời tuyên chiến.

Sau khi đã xây dựng, bằng cách thuyết phục hoặc cưỡng bách tòng quân, một đạo quân 18.000 người, ông hành quân chống lại người Thổ. Ở gần Samarra, ông đụng độ với một lực lượng Thổ đông đúc dưới quyền chỉ huy của Topal Osman; ông này bị thương tật cả hai chân nên phải chỉ huy từ một chiếc cáng. Ngựa của Nadir cưỡi hai lần bị bắn, lính cầm cờ của ông bỏ chạy vì nghĩ ông đã bị giết; một đội quân Ả Rập mà ông trông cậy sự hỗ trợ đã quay lại chống ông; quân Ba Tư bị đánh tan tác (18-7-1733). Ông tập hợp tàn quân lại ở Hamadan, tuyển dụng, vũ trang và nuôi dưỡng hàng nghìn tân binh, ra trận chống lại quân Thổ và áp đảo chúng ở Leilan trong một cuộc tàn sát trong đó Topal Osman bị giết chết. Một cuộc nổi dậy khác nổ ra ở vùng đông nam Ba Tư, một lần nữa Nadir phải từ tây băng sang đông và đánh bại viên thủ lĩnh phiến loạn, ông này tự tử. Quay trở lại xuyên qua Ba Tư và Iraq, ông gặp 80.000 quân Thổ ở Baghavand (1735) và đánh bại họ một cách dứt khoát khiến Thổ Nhĩ Kỳ phải ký hòa ước nhượng Tiflis, Gandzha và Erivan cho Ba Tư.

Nadir đã không quên Đại đế Peter từng tấn công Ba Tư vào năm 1722-1723, chiếm lấy các tỉnh vùng biển Caspian là Gilan, Astarabad và Mazanderan cùng các thành phố Derbent và Baku. Nước Nga, do đang bận rộn trên các mặt trận khác, đã phải trả lại ba tỉnh cho Ba Tư (1732). Giờ đây (1735) Nadir đe dọa nếu Nga không rút khỏi Derbent và Baku thì ông sẽ liên minh với Thổ Nhĩ Kỳ chống lại Nga. Hai thành phố này được giao lại và Nadir tiến vào Isfahan như một nhà tái tạo đặc thẳng quyền lực của Ba Tư. Khi vị ấu quân Abbas III

chết (1736), chấm dứt triều đại Safavid, Nadir kết hợp thực tế với nghi thức và tự xưng làm Quốc vương Nadir.

Tin rằng những khác biệt về tôn giáo giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư sẽ tạo ra những cuộc chiến tranh liên tục, ông tuyên bố từ nay trở đi Ba Tư sẽ từ bỏ tà giáo Shi'a của mình và chấp nhận hệ phái Hồi giáo chính thống Sunni. Khi người đứng đầu hệ phái Shi'a cáo buộc hành động này, Nadir cho siết cổ ông ta theo cách êm thấm nhất có thể được. Ông tịch thu những tài sản hiến tặng của vùng Kazvin để trang trải những chiến phí của đạo quân mình, nói rằng Ba Tư nợ quân đội nhiều hơn tôn giáo mình.²² Rồi, cảm thấy đơn độc vì đã hết chiến tranh, ông bổ nhiệm con trai là Riza Kuli làm nhiếp chính và dẫn đầu 100.000 quân đi chinh phục Afghanistan và Ấn Độ.

Ông bao vây Kandahar trong một năm. Khi thành này đầu hàng, ông đối xử với những kẻ từng bảo vệ thành một cách khoan dung khiến một đoàn quân Afghanistan gia nhập dưới ngọn cờ của ông và vẫn trung thành cho đến khi ông chết. Ông tiến vào Kabul, chìa khóa dẫn đến Đèo Khyber; tại đây, những chiến lợi phẩm chiếm được đã giúp nâng cao tinh thần đạo quân của ông. Quốc vương Mohammed, vị hoàng đế Ấn Độ thuộc triều đại Mogul, đã không muốn tin việc quân Ba Tư có thể xâm lược; một trong các thống đốc của ông đã giết sứ giả của Nadir. Giờ đây, Nadir băng qua dãy Himalayas, chiếm Peshawar, vượt sông Indus và tiến chỉ còn cách Delhi 100km trước khi gặp phải sự kháng cự của đạo quân của Mohammed. Trên bình nguyên Karnal những đoàn người khổng lồ giao chiến nhau (1739); quân Ấn dựa vào tượng binh, quân Ba Tư tấn công những con vật kiên nhẫn này bằng những quả cầu lửa; bầy voi quay đầu bỏ chạy, khiến đạo quân Ấn rơi vào cảnh hỗn loạn; 10.000 binh sĩ Ấn bị giết chết, một số đông hơn nữa bị bắt; Quốc vương Mohammed đến như một kẻ cầu xin lòng thương xót “cho sự hiện diện trên trời của chúng tôi” Nadir kể lại.²³ Người chiến thắng buộc ông

phải giao nộp thành Delhi và hầu hết của cải có thể mang đi được của thành phố, trị giá lên tới 87.500.000 bảng, kể cả chiếc Ngai vàng Con công vốn được chế tác (1628-1635) cho Quốc vương Jehan vào thời tột đỉnh của quyền uy triều đại Mogul. Một cuộc nổi loạn trong dân chúng giết chết một số binh lính của Nadir; ông báo thù cho họ bằng cách hạ lệnh cho đạo quân mình tàn sát 100.000 người bản xứ trong bảy giờ đồng hồ. Ông xin lỗi việc này bằng cách cho con trai mình là Nasrulla cưới con gái của Mohammed. Đoạn ông hành quân trở về Ba Tư mà không gặp sức kháng cự nào, sau khi tạo cho mình danh tiếng của một nhà chinh phục vĩ đại nhất kể từ Timur.ⁱ

Chính là định mệnh của ông - nếu giải tán đạo quân của mình, việc này có thể gây nên tàn phá và nổi loạn; nếu giữ lại, ông phải lo cái ăn cái mặc cho nó; ông kết luận là chiến tranh còn rẻ hơn hòa bình nếu được tiến hành trên đất của ngoại bang. Kế tiếp ông sẽ tấn công ai đây? Ông nhớ lại những cuộc đột kích của người Uzbekistan vào vùng đông bắc Ba Tư, cảnh nô lệ của chính ông và cái chết của mẹ ông trong vòng nô lệ. Năm 1740, ông dẫn quân lính tiến vào Uzbekistan. Tiểu vương xứ Bokhara không có sức mạnh hay bụng dạ nào để ngăn cản bước tiến của Nadir; ông chịu phục tùng, trả một khoản tiền đền bù khổng lồ và đồng ý rằng sông Oxus sẽ là ranh giới giữa Uzbekistan và Ba Tư. Thủ lĩnh xứ Khiva đã xử tử phái viên của Nadir; Nadir giết Quốc vương và thả hàng nghìn nô lệ Ba Tư và Nga (1740).

Nadir hoàn toàn là một chiến binh, không có đầu óc cho việc cai trị. Hòa bình trở thành một điều buồn chán không thể chịu đựng được đối với ông. Những của cải cướp được

ⁱ *Timur* (1336-1405): nhà cai trị Mông cổ của xứ Samarkand (một thành phố ở nam Uzbekistan) từ năm 1369-1405; tên Tartar là Timur Lenk ('Timur què'). Dẫn đầu một lực lượng Mông Cổ và Thổ Nhĩ Kỳ, ông đã chinh phục Ba Tư, Bắc Ấn Độ, Syria và xây dựng thủ đô ở Samarkand. Ông là tổ tiên của triều đại Mogul ở Ấn Độ.

biến ông thành kẻ keo kiệt thay vì rộng rãi. Giàu có nhờ kho báu của Ấn Độ, ông tuyên bố miễn thuế ba năm cho người dân Ba Tư. Rồi ông đổi ý và ra lệnh đóng thuế như cũ. Những nhân viên thu thuế của ông làm cho Ba Tư trở nên bần cùng như thể đây là một đất nước bị chinh phục. Ông nghi ngờ con trai âm mưu lật đổ mình; làm cho anh ta mù mắt. “Đây không phải cặp mắt của con mà cha lấy đi” Riza Kuli nói: “mà là mắt của Ba Tư.”²⁴ Người dân Ba Tư bắt đầu căm ghét vị cứu tinh của họ cũng như người Nga đã biết căm ghét Peter Đại đế. Các lãnh tụ tôn giáo kích động lòng oán hận của một dân tộc mà đức tin tôn giáo bị làm tổn thương để chống lại ông. Ông cố đàn áp cuộc nổi loạn bằng những vụ hành quyết hàng loạt; ông xây những kim tự tháp bằng sọ của các nạn nhân. Ngày 20-6-1747, bốn thành viên trong đội cận vệ tiến vào lều của ông và tấn công; ông giết hai người trong bọn; hai người còn lại hạ gục ông. Cả nước Ba Tư thở dài khoan khoái.

Sau khi ông mất, Ba Tư rơi vào cảnh rối loạn còn tệ hơn dưới thời người Afghanistan cai trị. Nhiều thủ lĩnh ở các tỉnh đòi chiếm ngai vàng dẫn đến việc đua nhau chém giết. Ahmed Khan Durani bằng lòng với việc thành lập vương quốc Afghanistan hiện đại; Quốc vương Rukh - đẹp trai, tử tế, nhân từ - bị mù không lâu sau khi lên ngôi và lui về cai trị vùng Khurasan cho đến năm 1796. Karim Khan nổi lên đắc thắng từ cuộc cạnh tranh và thiết lập (1750) triều đại Zand cầm quyền cho đến năm 1794. Karim biến Shiraz thành thủ đô của mình, trang trí nó bằng những ngôi nhà xinh đẹp, mang lại cho miền Nam Ba Tư 29 năm tương đối trật tự và thanh bình. Khi ông mất, việc tranh giành quyền lực lại mang lấy hình thức nội chiến và cảnh hỗn loạn lại tái diễn.

Với việc người Afghanistan lật đổ triều đại Safavid, Ba Tư kết thúc thời kỳ vĩ đại cuối cùng của mình về nghệ thuật và chỉ có một số sản phẩm ít quan trọng làm về vàng cho thế kỷ này. Madrasai-Shah-Husein (1714) ở Isfahan, một học viện chuyên đào tạo các học giả và luật sư, được Lord Curzon

mô tả như “một trong những phế tích uy nghi nhất ở Ba Tư;”²⁵ còn Sir Percy Sykes lấy làm kinh ngạc trước “những tấm ngói tinh vi... và kỹ thuật in bằng giấy nặn”²⁶ của nó. Những người thợ làm ngói vẫn thuộc loại tài tình nhất thế giới nhưng việc các giai cấp thượng lưu bị lâm vào cảnh nghèo khó do những cuộc chiến tranh kéo dài đã hủy hoại thị trường của những sản phẩm xuất sắc nhất và buộc những người thợ gốm phải hạ thấp nghệ thuật của họ xuống thành một công nghiệp. Những bìa sách tuyệt đẹp được làm bằng giấy bồi phủ sơn mài. Thợ dệt sản xuất những tấm gấm thêu kim tuyến và hàng thêu với sự tinh tế tuyệt vời. Những tấm thảm Ba Tư, mặc dù đã lên đến tuyệt đỉnh lần cuối dưới triều Quốc vương Abbas I, vẫn còn được dệt cho những người may mắn tại nhiều quốc gia. Đặc biệt tại Joshagan, Herat, Kerman và Shiraz, các thợ dệt đã làm ra những tấm thảm “mà chất lượng chỉ kém cạnh khi đem so sánh những thế hệ đi trước vô cùng lão luyện của họ.”²⁷

Cuộc chinh phục của người Afghanistan đã làm tan nát con tim của thi ca Ba Tư và khiến nó hầu như không thể cất tiếng trong cảnh nô lệ sau đó. Vào khoảng năm 1750, Lutf ‘Ali Beg Adar cùng với 60 người đương thời đã soạn một cuốn tự điển ghi lại tiểu sử các thi sĩ Ba Tư. Mặc dù vẻ phong phú bề ngoài của tác phẩm, ông phàn nàn về điều dường như đối với ông là sự thiếu vắng những thi sĩ tài năng trong thời của ông và quy việc này cho tình trạng hỗn loạn và nghèo khổ đang thịnh hành, “vốn đã đạt đến một điểm khiến không ai có lòng nào mà đọc thơ, nói chi đến việc sáng tác nó.”²⁸ Điển hình như kinh nghiệm của Shaykh ‘Ali Hazin, người đã viết bốn *diwan* (tuyển tập) thơ, nhưng bị bắt trong cuộc bao vây Isfahan của quân Afghanistan; lúc đó, tất cả mọi người trong gia đình ông đều chết trừ chính ông; ông hồi tỉnh, chạy trốn khỏi đồng đồ nát từng có thời là thành phố xinh đẹp và sống 33 năm cuối đời ở Ấn Độ. Trong tập *Hồi ký* (1742) của mình ông tưởng niệm 100 thi sĩ Ba Tư

đương thời. Người được cho là vĩ đại nhất là Sayyid Ahmad Hatif của xứ Isfahan; có thể bài thơ được ca ngợi nhất của ông ta là sự xác định lại một cách đê mê ngây ngất lòng tin vào Thượng Đế mặc cho bao nghi ngờ và phiền muộn:

Trong giáo đường tôi nói với một người đẹp Cơ Đốc, kẻ từng quyến rũ bao con tim: “Ô em, trong tấm lưới em con tim giam hãm!

Ô em nơi mỗi sợi chỉ của thắt lưng em từng sợi tóc riêng rẽ của ta buộc vào!

Em sẽ lỡ đường đến sự Hợp nhất Thiêng liêng bao lâu nữa?
Em sẽ khiến cho Đấng Một chịu niềm xấu hổ của Tam vị nhất thể trong bao lâu nữa?

Làm sao đúng được khi gọi Đức Chúa Một Thật sự là “Cha, Con và Thánh thần?”

Nàng hé đôi môi ngọt ngào nói với tôi, trong khi với tiếng cười du dương nàng rót mật ngọt ra từ chiếc miệng mình:

“Nếu ông biết được bí mật của sự Hợp nhất Thiêng liêng, xin đừng gán cho tôi niềm sỉ nhục ngoại giáo!”

Trong ba tấm gương, Vẻ đẹp Vĩnh hằng chiếu ra một tia từ diện mạo sáng ngời của Người.”...

Trong khi chúng tôi trò chuyện như vậy, bài hát này trỗi lên bên cạnh chúng tôi từ tiếng chuông nhà thờ:

“Ngài là Một và không có gì ngoài Ngài;

Không có Thượng đế nào ngoại trừ mỗi Ngài!”...

Trong lòng của mỗi nguyên tử mà bạn bỏ ra bạn sẽ trông thấy một mặt trời ở giữa.

Nếu bạn hiến cho tình yêu bất cứ thứ gì bạn có, tôi sẽ bị xem như kẻ ngoại giáo nếu bạn mất đi một mảy may!...

Bạn sẽ vượt qua những cái eo nhỏ hẹp của chiều kích và sẽ nhìn thấy những vương quốc rộng lớn của Chốn Vô trụ;

Bạn sẽ nghe thấy điều tai đã không nghe và nhìn thấy điều mắt đã không thấy;

Cho đến khi chúng sẽ đưa bạn đến một nơi, qua thế giới và cư dân của nó, bạn sẽ mục kích được Đấng Một duy nhất.

Bạn sẽ toàn tâm toàn ý dâng tình yêu lên Đấng Một ấy, cho đến khi với đôi mắt chắc chắn bạn sẽ thấy rõ rằng:

“Ngài là Một và không có gì ngoài Ngài;

Không có Thượng đế nào ngoại trừ mỗi Ngài!”

CHƯƠNG II

KHÚC ĐẠO ĐẦU CỦA NƯỚC NGA 1752-1762

I. CÔNG VIỆC VÀ SỰ CẢI TRỊ

Vào khoảng năm 1776, Đại đế Frederick đã viết: “Trong tất cả các lân bang của nước Phổ, Nga đáng được quan tâm nhất vì là nước nguy hiểm nhất; nó hùng mạnh và ở gần. Trong tương lai các nhà cai trị nước Phổ sẽ, cũng như ta, buộc phải bồi đắp tình hữu nghị với những kẻ dã man này.”¹

Khi nghĩ về nước Nga, chúng ta phải luôn nhớ đến tầm vóc của nó. Dưới triều Catherine II, nó bao gồm Esthonia, Livonia, Phần Lan (một phần), Nga Âu, bắc Caucasus và Siberia. Diện tích nó trải rộng từ 687.000 đến 913.000km² trong thế kỷ XVIII; dân số nó phát triển từ 13 triệu vào năm 1722 lên 36 triệu vào năm 1790.² Năm 1747, Voltaire ước tính dân số của Pháp hoặc Đức nhiều hơn Nga chút ít, nhưng ông ghi nhận là Nga rộng gấp ba lần bất cứ nước nào trong số này. Thời gian và những cơ quan sinh sản của người Nga sẽ lấp đầy các khoảng không gian rộng lớn này.

Vào năm 1722, 97,7% dân số Nga sống ở thôn quê; đến năm 1790 vẫn còn tới 96,4%; việc công nghiệp hóa đã diễn ra quá chậm chạp. Năm 1762 có đến 90% dân chúng là nông dân và 52,4% những người này là nông nô.³ Phần nửa đất đai do khoảng 100.000 nhà quý tộc sở hữu; phần lớn còn lại thuộc về nhà nước hoặc Giáo hội Chính Thống Nga, một số

thuộc về các nông dân bán tự do vốn còn phải phục vụ và vâng lời các lãnh chúa địa phương. Tài sản của một địa chủ được tính bằng số lượng nông nô của ông ta; do đó Bá tước Peter Cheremetyev giàu tới 140.000 nông nô.⁴ Số 992.000 nông nô của Giáo hội là phần chủ yếu của tài sản của thể chế này và 2.800.000 nông nô lao động trên những vùng đất của Nhà Vua vào năm 1762.⁵

Nhà quý tộc cung cấp sự lãnh đạo về quân sự và tổ chức kinh tế; ông thường được miễn nghĩa vụ quân sự nhưng hay tự nguyện tham gia với hy vọng có được những ân sủng từ chính phủ. Ông có những quyền về pháp lý đối với các nông nô của mình; có thể trừng phạt, bán hay đày họ đi Siberia. Tuy nhiên, thông thường ông cho phép các nông dân của mình tự điều hành những công việc nội bộ thông qua hội đồng kỳ mục, hay *mir*. Ông có bốn phận pháp lý phải cung cấp hạt giống cho nông nô mình và cư mang họ trong những thời kỳ đói kém. Một nông nô có thể được tự do bằng cách mua quyền này từ người chủ hoặc đăng ký vào quân đội; nhưng việc này cần có sự đồng ý của chủ. Nông dân tự do có thể mua và sở hữu các nông nô; một số những người tự do này, gọi là *kulaki* (nấm đầm), thống trị những công việc trong làng, cho vay tiền với lãi suất cắt cổ và vượt các lãnh chúa trong việc khai thác và sự khắc nghiệt.⁶ Chủ và tớ đều thuộc dòng dõi cứng cỏi với thân hình lẫn cánh tay và bàn tay mạnh mẽ; họ cùng tham gia vào việc chinh phục đất đai và sự khắc nghiệt của mùa màng đè nặng lên cả hai. Đôi khi những vất vả vượt quá sức chịu đựng. Chúng ta liên tục nghe nói về những số lượng lớn nông nô bỏ trốn khỏi các nông trang và tan biến vào Ba Lan hoặc Urals hoặc Caucasus; hàng nghìn người trong số họ chết trên đường trốn chạy, hàng nghìn người bị binh lính săn đuổi và bắt giữ. Thịnh thoảng các nông dân lại nổi dậy trong những cuộc bạo loạn có vũ trang chống lại các ông chủ và chính quyền và giao chiến một cách tuyệt vọng với binh lính. Họ luôn bị đánh bại

và những kẻ sống sót lại bỏ về với nghĩa vụ làm cho phụ nữ thụ thai bằng hạt giống của họ và làm cho đất đai màu mỡ bằng máu của họ.

Một số nông nô được đào tạo về nghệ thuật lẫn nghề thủ công và đáp ứng hầu hết nhu cầu của chủ nhân. Tại một buổi tiệc khoản đãi Catherine II (Bá tước de Ségur kể với chúng ta), thi sĩ và nhạc sĩ của vở nhạc kịch, kiến trúc sư đã xây thánh phòng, họa sĩ trang trí nó, các diễn viên nam nữ của vở kịch, các vũ công ba lê và các nhạc công trong dàn nhạc, tất cả đều là những nông nô của Bá tước Cheremetyev.⁷ Trong mùa đông dài đằng đằng nông dân sản xuất quần áo và những công cụ họ sẽ cần trong năm sau. Công nghiệp ở thành thị phát triển chậm chạp, một phần vì mỗi nhà là một cửa hiệu và một phần vì những khó khăn trong việc vận chuyển thường giới hạn thị trường của nhà sản xuất trong vùng lân cận. Chính phủ khuyến khích các cơ sở công nghiệp bằng cách trao độc quyền cho những người được ưa thích, đôi khi bằng việc cung cấp vốn và tán thành việc các nhà quý tộc tham gia vào công nghiệp và thương mại. Một chủ nghĩa tư bản phôi thai xuất hiện trong các ngành khai mỏ, luyện kim, cung cấp đạn dược và trong các xưởng sản xuất hàng dệt may, gỗ xẻ, đường và thủy tinh. Chủ doanh nghiệp được phép mua nông nô để cung cấp nhân công cho các xí nghiệp của họ; tuy nhiên, những “tài sản nông dân” như thế không bị ràng buộc với người chủ mà với doanh nghiệp; một sắc lệnh của chính phủ vào năm 1736 đòi hỏi họ và những hậu duệ của họ phải ở lại tại các xí nghiệp của mình cho đến khi được chính thức cho phép rời bỏ. Trong nhiều trường hợp, họ sống trong những khu trại, thường bị tách biệt khỏi gia đình họ.⁸ Thời gian làm việc mỗi ngày là từ 11 cho đến 15 giờ đối với đàn ông, với một giờ ăn trưa. Tiền lương mỗi ngày từ bốn đến tám ruble đối với đàn ông, từ hai đến ba ruble đối với phụ nữ; nhưng có vài chủ nhân bao ăn ở cho công nhân và đóng thuế cho họ. Sau năm 1734, lao động “tự do” - không phải

là nông nô - gia tăng tại các xí nghiệp vì công nhân được kích thích hơn và giới chủ kiếm được nhiều lợi nhuận hơn. Sức lao động quá rẻ nên không tạo thuận lợi cho việc phát minh hay áp dụng máy móc; nhưng năm 1748 Pulzunov đã sử dụng một máy hơi nước trong xưởng đồ sắt của ông ở Urals.⁹

Giữa giới quý tộc và giới nông dân, một giai cấp trung lưu nhỏ và không có quyền chính trị dần dần hình thành. Vào năm 1725, khoảng 3% dân số là thương gia: những nhà buôn tại các làng mạc, thị trấn và các hội chợ; những nhà nhập khẩu trà và lụa từ Trung Hoa, đường, cà phê, gia vị, được phẩm từ hải ngoại và các sản phẩm dệt may, đồ sứ và giấy tinh tế hơn từ Tây Âu; những nhà xuất khẩu gỗ, nhựa thông, hắc ín, mỡ, sợi lanh và sợi gai dầu. Những thương đội di chuyển đến Trung Hoa qua ngã Siberia hoặc Caspian; những con tàu ra khơi từ Riga, Revel, Narva và St. Petersburg. Có lẽ việc giao thông được thực hiện trên các sông ngòi và kênh đào nhiều hơn trên những con đường bộ hoặc trên biển.

Trung tâm của hoạt động nội thương này là Moscow. Về mặt vật chất, nó là thành phố rộng lớn nhất châu Âu, với những đường phố dài và rộng rãi, 484 ngôi nhà thờ, một trăm cung điện, hàng nghìn căn nhà ở tồi tàn và một số dân 277.535 người vào năm 1780;¹⁰ ở đây người Nga, Pháp, Đức, Hy Lạp, Ý, Anh, Hòa Lan, Á châu nói chuyện bằng thứ ngôn ngữ riêng của họ và thờ phụng những vị thần riêng của họ. St. Petersburg là thành trì của chính phủ, của một giới quý tộc bị Pháp hóa, của văn học và nghệ thuật; Moscow là trung tâm của tôn giáo và thương mại, của một cuộc sống bán Đông phương, hãy còn ở thời trung cổ và của một chủ nghĩa ái quốc Slave nhiệt tình. Đây là những trung tâm cạnh tranh nhau và văn minh của Nga xoay quanh chúng, đôi khi xé toạc đất nước ra làm đôi như một tế bào tự phân chia, đôi khi biến nó thành sự phức tạp căng thẳng mà trước cuối thế kỷ sẽ trở thành nỗi kinh hoàng và trọng tài của châu Âu.

Không thể nào một dân tộc đã quen thuộc và bị làm cho trở nên hung bạo bởi cuộc xung đột với thiên nhiên, quá thiếu thốn những tiện nghi giao thông hoặc sự an toàn của cuộc sống, với quá ít cơ hội được giáo dục và quá ít thời gian để suy nghĩ, có thể hưởng thụ, ngoại trừ trong những ngôi làng tách biệt, những đặc quyền và hiểm họa của nền dân chủ. Một hình thức nào đó của chủ nghĩa phong kiến trong nền kinh tế, cũng như một chế độ quân chủ nào đó trong nền cai trị trung ương, là điều không thể tránh khỏi. Người ta mong đợi chế độ quân chủ sẽ lệ thuộc vào những sự đảo lộn thường xuyên bởi những phe quý tộc kiểm soát sự ủng hộ quân sự của chính họ; rằng chế độ quân chủ sẽ tìm cách biến mình thành tuyệt đối; và rằng nó sẽ lệ thuộc vào tôn giáo để giúp các lực lượng quân đội, cảnh sát và bộ máy tư pháp của nó duy trì ổn định xã hội và cảnh yên bình trong nước.

Nạn tham nhũng cản trở mọi nỗ lực cai trị. Thậm chí, những nhà quý tộc giàu có vây quanh ngai vàng cũng mềm lòng trước những “món quà.” “Nếu có một người Nga chống lại được lời nịnh hót” con người hầu như đương thời Castéra nói: “không có ai cưỡng lại được sức cám dỗ của vàng.”¹¹ Các nhà quý tộc kiểm soát đội túc vệ vốn dựng nên và phế bỏ các “quốc vương”; họ tạo nên một giai cấp sĩ quan trong quân đội; họ đưa người vào Thượng viện vốn, dưới triều Elizabeth, làm ra các bộ luật; họ đứng đầu các *collegium* hay các bộ có chức năng điều hành các quan hệ đối ngoại, các tòa án, nền công nghiệp, thương mại và tài chính; họ bổ nhiệm các thư ký thực hiện công việc hành chính thường ngày; họ hướng dẫn nhà cai trị lựa chọn các thống đốc cai trị các “guberniya” hay các vùng tạo nên đế quốc và (sau năm 1761) họ chọn lựa các *voevodi* là những người cai trị các tỉnh. Trên mọi ngành của chính phủ đều lơ mờ hiện lên cục Fiscal phần lớn thuộc giai cấp trung lưu, một cơ quan tình báo liên bang, được phép khám phá và trừng phạt tội tham ô; nhưng, mặc dù sử dụng một khối lượng lớn những người cung cấp

thông tin, nó tự thấy mình thất bại vì nếu Nhà Vua thái hời mọi viên chức tham nhũng thì bộ máy nhà nước sẽ ngừng hoạt động. Các viên chức thuế vụ biến thủ tới mức hiểm khi một phần ba tiền thuế họ thu đến được quốc khố.¹²

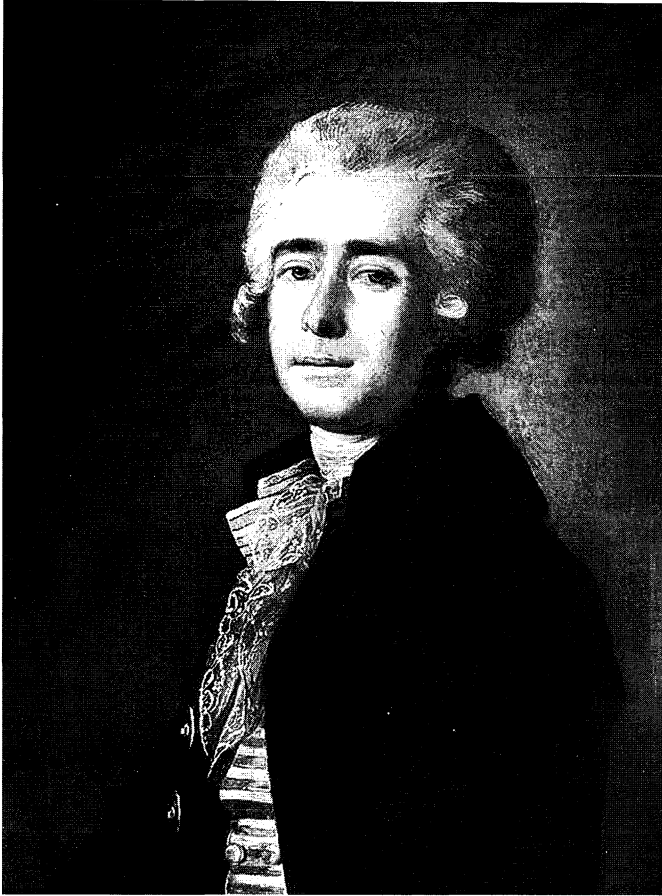
II. TÔN GIÁO VÀ VĂN HÓA

Tôn giáo đặc biệt mạnh ở Nga vì cảnh nghèo khó rất gay gắt và những người bán hy vọng tìm thấy được rất nhiều khách hàng. Chủ nghĩa hoài nghi chỉ giới hạn ở giai cấp thượng lưu vốn có thể đọc tiếng Pháp và Hội Tam điểm có nhiều thành viên thay đổi chính kiến ở đây.¹³ Nhưng dân chúng ở thôn quê và phần lớn dân thành thị sống trong một thế giới siêu nhiên của lòng mộ đạo sợ sệt, bị những con quỷ vây quanh, gặp chúng hàng chục lần mỗi ngày, cầu xin các vị thánh phù hộ, tôn thờ các thánh tích, bị các phép lạ làm cho kính sợ, run rẩy trước các điềm báo, phủ phục trước các ảnh thánh và rền rĩ những bản thánh ca ảm đạm từ những lồng ngực sang sảng. Những chiếc chuông nhà thờ thật to lớn và mạnh mẽ; Boris Godunov đã dựng lên một chiếc nặng tới 130 tấn nhưng Nữ hoàng Anna Ivanovna còn át tiếng chuông của ông khi cho đúc một chiếc nặng 196 tấn.¹⁴ Nhà thờ chật ních tín đồ; ở đây, trình tự hành lễ long trọng hơn và những người cầu nguyện đắm chìm vào trạng thái mê ly ngây ngất hơn ở thành La Mã một nửa ngoại giáo của giáo hoàng. Các linh mục Nga - mỗi người trong số họ là một *papa*, hay giáo trưởng, mang một bộ râu đáng kính sợ và mái tóc xoắn xoáy, với chiếc áo choàng sẫm màu dài đến bàn chân (vì cẳng chân là thứ xúc phạm đến phẩm giá). Họ ít khi pha trộn với giới quý tộc hay triều đình mà sống trong cảnh đơn giản khiêm tốn, độc thân trong các tu viện hoặc có gia đình trong những ngôi nhà của linh mục. Các cha trưởng tu viện và cha bề trên cai quản các tu sĩ còn các nữ tu viện trưởng cai quản các nữ tu; giới tu sĩ thế tục phục tòng các giám mục, các vị này

phục tùng các tổng giám mục, các tổng giám mục ở dưới quyền các tổng giám mục hàng tỉnh và đến lượt các vị này dưới quyền vị giáo trưởng ở Moscow; và Giáo hội như một toàn thể công nhận vị quân vương thế tục như người đứng đầu của mình. Bên ngoài Giáo hội có hàng chục giáo phái, cạnh tranh với nhau về đức tin thần bí, lòng mộ đạo và sự thù ghét.

Tôn giáo được dùng để truyền tải một bộ luật đạo đức vốn chỉ có giá trị trong việc tạo nên trật tự giữa những xung động tự nhiên của con người nguyên thủy. Những nhà quý tộc tại triều đình bắt chước theo đạo đức, phong tục và ngôn ngữ của giới quý tộc Pháp; hôn nhân của họ là những vụ giao dịch bất động sản và được những người tình nam và nữ làm cho khuây khỏa bớt. Phụ nữ trong triều được giáo dục tốt hơn nam giới nhưng trong những khoảnh khắc đam mê họ có thể tuôn ra những lời chày bỏng và bạo lực chết người. Trong dân chúng ngôn ngữ hãy còn thô ráp, bạo lực thường xảy ra và sự độc ác đi đôi với sức mạnh của thân mình và độ dày của lớp da. Mọi người đánh bạc và uống rượu tùy theo khả năng của mình và ăn cắp tùy theo địa vị¹⁵ nhưng tất cả đều nhân đức và những túp lều còn vượt qua những cung điện về lòng hiếu khách. Tính hung ác và lòng tốt là những thứ phổ biến.

Y phục thay đổi từ những thời trang của Paris tại triều đình cho đến những chiếc mũ lông thú, áo da cừu và những chiếc găng tay hở ngón rất dày của nông dân; từ những chiếc vớ dài bằng lụa của nhà quý tộc cho đến những dải băng băng len quấn lấy ống chân và bàn chân của người nông nô. Vào mùa hè, người dân thường có thể tắm trần truồng trong các dòng sông suối bất kể phái tính. Cũng như ở Thổ Nhĩ Kỳ, những nhà tắm của người Nga là thứ xa xỉ nhưng được ưa chuộng. Ngoài chuyện tắm, công việc vệ sinh ít khi diễn ra, hệ thống bảo vệ sức khỏe cho dân chúng còn sơ khai. Giới quý tộc cao râu, người dân thường, bất chấp những sắc lệnh của Đại đế Peter, vẫn để râu.



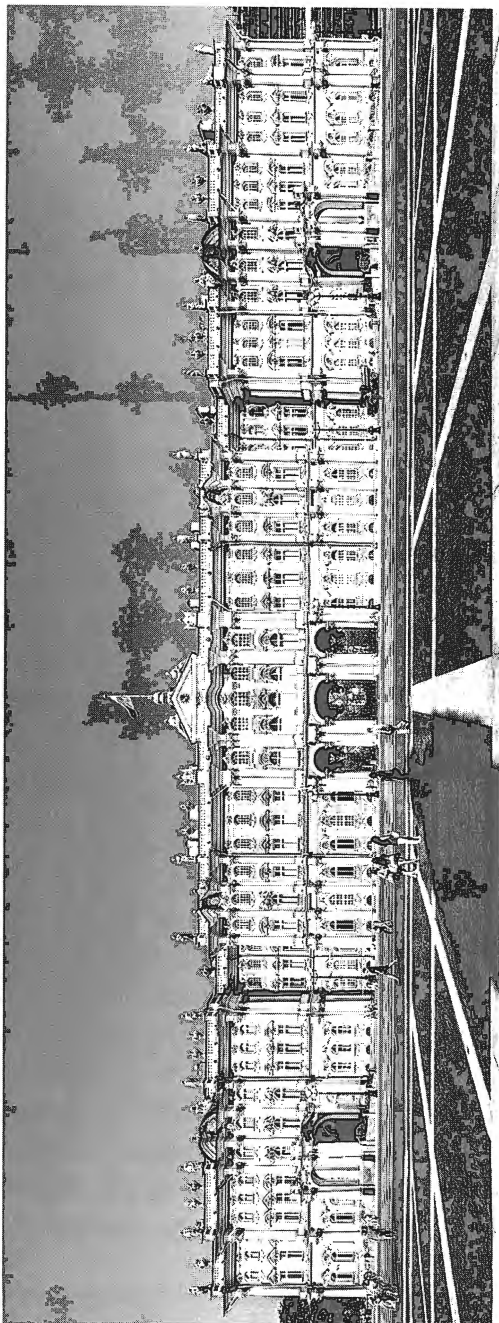
Hình 5. *Dmitri Bortniansky* (1788)

Gần như mọi nhà đều có một cây đàn balalaika và St. Petersburg, dưới triều của Elizabeth và Catherine II, có môn nhạc kịch du nhập từ Ý và Pháp. Các nhà soạn nhạc và chỉ huy dàn nhạc nổi tiếng kéo đến đây cũng như các ca sĩ xuất sắc nhất và các nghệ sĩ bậc thầy của thời đại. Việc giáo dục âm nhạc được tài trợ hậu hĩ và tự biện minh qua việc xuất hiện hàng loạt các thiên tài âm nhạc trong nửa sau thế kỷ XIX. Từ trên toàn nước Nga, các giọng ca nam nhiều hứa hẹn được

gửi đến các nhà thờ lớn để đào tạo. Do nghi lễ Hy Lạpⁱ không cho phép có nhạc cụ nào trong dàn đồng ca, các giọng hát mặc sức sáng tạo và đạt đến những chiều sâu của sự nhuần nhuyễn và hài hòa mà hiếm có nơi nào khác trên thế giới sánh được. Các chàng trai phụ trách giọng nữ cao (soprano), nhưng chính các giọng nam trầm mới làm nhiều khách ngoại quốc sửng sốt khi họ xuống giọng và phạm vi cảm xúc của họ từ những tiếng thì thầm âu yếm cho đến những đợt sóng của sức mạnh phát ra từ yết hầu.

Ai soạn những bản nhạc cảm động này cho các dàn hợp xướng Nga? Phần lớn là những tu sĩ ẩn danh, sống không ai biết và chết chẳng ai hay. Có hai người nổi bật trong thế kỷ XVIII. Sozonovich Berezovsky là một chàng trai người Ukraina mà giọng hát dường như được dành để tôn thờ Thượng Đế. Catherine II gửi chàng đi Ý với phí tổn do nhà nước đài thọ để có được nền giáo dục âm nhạc tốt nhất. Chàng sống bốn năm ở Bologna và theo học nghệ thuật sáng tác với Padre Martini. Trở về Nga, chàng viết những bản nhạc tôn giáo kết hợp cảm xúc mãnh liệt của Nga với vẻ thanh lịch của Ý. Những nỗ lực của chàng nhằm cải cách lối trình diễn của các dàn hợp xướng gặp phải sự chống đối của quan điểm chính thống; chàng rơi vào cảnh u sầu bệnh hoạn và tự vẫn ở tuổi 32 (1777).¹⁶ Nổi tiếng hơn nữa là Dmitri Bortniansky. Lúc mới lên bảy, cậu bé đã được nhận vào Dàn hợp xướng Nhà thờ của Triều đình. Nữ hoàng Elizabeth giao cho Galuppi dạy dỗ cậu; khi Galuppi trở về Ý, Catherine II gửi Dmitri đi cùng ông ta sang Venice. Từ đấy, chàng chuyển sang học với Padre Martini và rồi sang La Mã và Naples, nơi chàng sáng tác những bản nhạc theo phong cách Ý. Năm 1779 chàng trở về Nga; không lâu sau đấy được bổ nhiệm làm giám đốc Dàn hợp xướng Nhà thờ của Triều đình và giữ chức vụ này cho đến lúc qua đời (1825). Ông soạn cho dàn hợp xướng một

i Nga theo Chính Thống giáo Hy Lạp chứ không phục tùng uy quyền của Giáo hoàng La Mã.

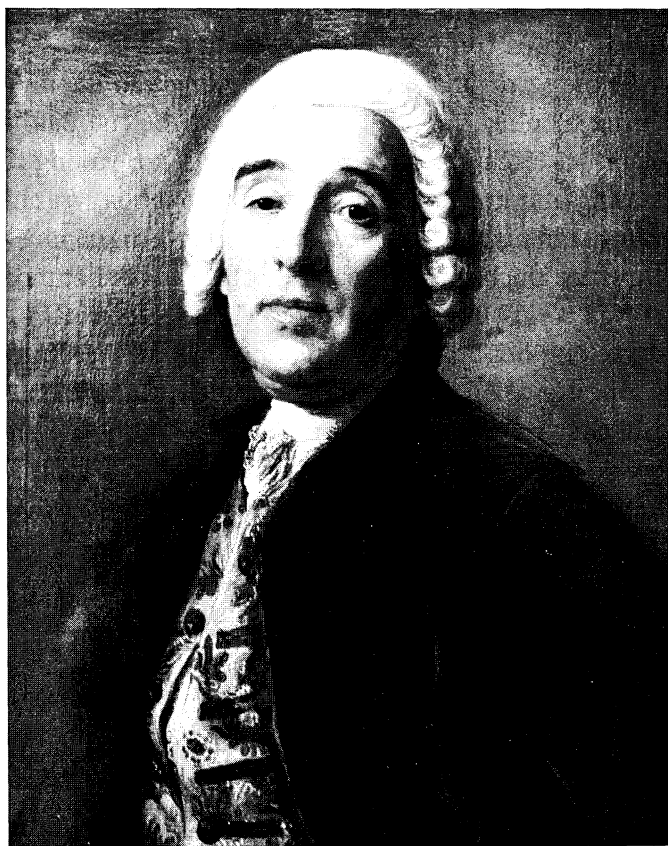


Hình 6. Cung điện Mùa đông

bản Thánh lễ Hy Lạp và phổ nhạc thành bốn và tám phần 45 bài Thánh thi (Psalm). Đặc biệt, chính nhờ sự đào tạo của ông mà dàn hợp xướng đã đạt đến trình độ xuất sắc, biến nó thành một trong các kỳ quan của thế giới âm nhạc. Năm 1901, St. Petersburg tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 150 của ông.

Ảnh hưởng của Pháp thống trị nghệ thuật Nga, nhưng khuôn mặt hàng đầu là một người Ý, Francesco (hoặc Bartolomeo) Rastrelli. Cha ông, Carlo, đã được Đại đế Peter vời sang Nga năm 1715, đúc một pho tượng Peter cưỡi ngựa bằng đồng và một hình to như thật của Nữ hoàng Anna Ivanovna. Người con trai kế thừa Phong cách Louis XV mà Carlo đã mang từ Pháp sang; ông bổ sung vào đấy một số cảm hứng từ những kiệt tác theo kiểu ba-rốc của Balthasar Neumann và Fischer von Erlach ở Đức và Áo; và ông thích ứng những ảnh hưởng này một cách rất hài hòa với những nhu cầu và phong cách của Nga khiến ông trở thành nhà kiến trúc được ưa thích của Nữ hoàng Elizabeth. Hầu hết mọi tòa nhà ở Nga có giá trị nghệ thuật từ năm 1741 đến năm 1765 đều được ông hoặc các trợ lý của ông thiết kế. Bên tả ngân dòng sông Neva, ông dựng lên (1732-1754) Cung điện Mùa đông, bị cháy rụi vào năm 1837 nhưng được phục hồi phỏng theo sơ đồ nguyên thủy: một khối lượng khổng lồ các cửa sổ và cột trong ba tầng, trên cùng là những bức tường có lỗ châu mai. Phù hợp với thị hiếu của Elizabeth hơn nữa là Cung điện Tsarskoe Selo (có nghĩa là ngôi làng của Sa hoàng) trên một ngọn đồi cách St. Petersburg 24km về phía nam. Về phía trái cung điện, ông xây một ngôi nhà thờ; bên trong cung điện, là một cầu thang long trọng dẫn lên Phòng trưng bày lớn ban ngày được chiếu sáng bởi những cửa sổ minh mông và ban đêm bởi 56 ngọn chandelier; ở phía cuối là phòng ngai vàng và những căn phòng của Nữ hoàng. Một Phòng Trưng Hoa để tỏ lòng kính trọng thông thường của thế kỷ XVIII đối với nghệ thuật Trung Hoa; một Phòng Hồ phách được ốp bằng những

tấm hồ phách được Frederick William I tặng cho Đại đế Peter để đổi lấy 55 lính đặc nhiệm cao lớn và một phòng trưng bày tranh chứa đựng một số bộ sưu tập của nữ hoàng. Nội thất phần lớn được trang trí theo phong cách rococo mà một du khách người Anh mô tả như là một “sự pha trộn giữa sự man rợ và vẻ tráng lệ.”¹⁷ Catherine II, người vốn trong trắng giản dị dù chỉ là trong khiêu thẩm mỹ, đã cho tháo gỡ những vật trang trí bằng vàng nơi mặt tiền.



Hình 7. *Francesco Bartolomeo Rastrelli* (tranh của Pietro Rotari)



Hình 8. Cổng vào Cung điện Mùa đông

Văn học phát triển chậm chạp hơn nghệ thuật. Số lượng độc giả ít ỏi ít khuyến khích nó, sự kiểm duyệt của Giáo hội và nhà nước gò bó việc biểu hiện và ngôn ngữ Nga chưa tự mài giũa cho tinh tế, trong văn phạm cũng như từ vựng, thành

một cỗ xe chuyển tải văn học. Mặc dù vậy, ngay cả trước khi Elizabeth lên ngôi (1742), ba nhà văn đã lưu danh vào lịch sử. Vasili Tatishchev là một người của hành động và tư tưởng, một du khách và sử gia, một nhà ngoại giao và một triết gia, yêu nước Nga nhưng háo hức mở rộng tâm hồn mình đón nhận những phát triển về kinh tế và trí thức ở Tây phương. Ông là một trong nhiều thanh niên đầy hứa hẹn mà Peter gửi ra nước ngoài để hấp thu những hạt giống tinh thần. Ông trở về với những ý tưởng nguy hiểm: ông đã đọc, trực tiếp hoặc qua những bản tóm tắt, Bacon, Descartes, Locke, Grotius và Bayle; đức tin Chính Thống giáo của ông đã suy tàn và ông ủng hộ tôn giáo chỉ như một trợ thủ cho chính quyền.¹⁸ Ông phục vụ cho Peter trong những chiến dịch nguy hiểm, trở thành thống đốc thành Astrakhan và bị buộc tội tham ô.¹⁹ Trong những bước lang thang của mình, ông thu thập một kho dữ liệu về địa lý, nhân chủng, lịch sử mà ông sử dụng trong cuốn *Lịch sử Nước Nga* của mình. Cuốn sách làm phật lòng giới giáo sĩ; không ai dám in nó cho đến tận những năm đầu tự do của triều đại Catherine II (1768-1774).

Hoàng thân Antioch Cantemir tiếp tục cuộc nổi dậy chống lại thần học. Là con của một *hospodar* (thống đốc) xứ Moldavia, năm lên ba tuổi ông được đưa sang Nga, học nói 6 ngôn ngữ, phục vụ trong các tòa đại sứ ở London và Paris, gặp Montesquieu và Maupertuis. Khi trở về, ông viết những bài châm biếm đả kích những người yêu nước “Liên-Slave” chủ trương chống lại việc đời sống Nga bị tiêm nhiễm các ý tưởng Tây phương. Đây là một đoạn trong bài thơ “Gửi tâm hồn tôi” của ông:

Hỡi tâm hồn non nớt, kết quả của những ngày tháng học tập vừa qua, hãy bình tĩnh, đừng thúc giục bàn tay ta phải cầm ngay lấy ngòi bút... Ngày nay có nhiều con đường dễ dàng dẫn đến chỗ nổi tiếng; lối đi ít được chấp nhận nhất là lối đi do chín chị em chân trần [các Nàng thơ] vạch ra... Người phải

lao động vất vả cực nhọc trên đó và trong khi người lao tâm khổ tứ thiên hạ tránh người như bệnh dịch, mắng nhiếc người, kính tởm người... “Kẻ nào mãi mê với các cuốn sách sẽ trở thành một kẻ vô thần,” Crito đã cầu nhàu như thế, với chuỗi tràng hạt trong tay... và bảo ta nhìn xem hạt giống tri thức quăng ra giữa chúng ta nguy hiểm như thế nào: con cái chúng ta... trong nỗi kinh hoàng của Giáo hội, đã bắt đầu đọc Kinh Thánh; chúng bàn về mọi chuyện, muốn biết về nguyên nhân của mọi thứ và ít tin tưởng vào giới tu sĩ... Chúng không đặt nền trước các Ảnh Thánh, không cử hành các lễ hội...

Ôi Tâm hồn, ta khuyên người hãy câm nín hơn cả loài hến... Đừng phàn nàn về sự tăm tối của người... Nếu sự Minh triết độ lượng có dạy người điều gì... cũng đừng giải thích nó cho những kẻ khác.²⁰

Kantemir xúc phạm thêm nữa bằng cách dịch tác phẩm *Entretiens sur la pluralité des mondes* (Trò chuyện về tính đa tạp của các thế giới) của Fontenelle. Cuốn sách bị cáo buộc là theo chủ trương của Copernic, tà giáo, báng bổ, nhưng Kantemir đã ngăn cản được những kẻ ngược đãi mình khi chết ở tuổi 36 (1744). Phải đến năm 1762, những bài châm biếm của ông mới tìm được một nhà xuất bản.

Dưới thời Nữ hoàng Elizabeth, văn học Nga bắt đầu tự khẳng định như là một điều gì đó hơn là một tiếng vọng của văn học Pháp. Mikhail Lomonosov cảm thấy phần nào chịu ảnh hưởng của văn học Đức. Sau khi đã học tập ở Marburg và Freiburg, ông cưới một *Fraulein* (thiếu nữ Đức), mang về St. Petersburg một gánh nặng khoa học cùng với nàng. Ông trở thành con sư tử của Hàn lâm viện, lão luyện trong mọi thứ, kể cả việc uống rượu.²¹ Ông từ chối làm một nhà chuyên môn; ông trở thành một nhà luyện kim, nhà địa chất, nhà hóa học, nhà điện học, nhà thiên văn, nhà kinh tế, nhà địa lý, nhà ngữ văn, sử gia, diễn giả. Pushkin gọi ông là “viện đại học đầu tiên của Nga.”²² Giữa tất cả những điều đó ông còn là một nhà thơ.



Hình 9. *Mikhail Lomonosov* (tranh của G. Prenner, 1787)

Đối thủ chính của ông trong việc được giới trí thức hoan nghênh là Alexis Sumarokov, ông này xuất bản một tập những bài tụng ca của chính ông và của Lomonosov để cho thấy sự kém cỏi hơn của Lomonosov. [Sự khác biệt không đáng kể.] Sự xuất chúng thật sự của Sumarokov là việc ông dựng lên một hí viện quốc gia Nga (1756). Ông viết cho nhà hát này những vở kịch bắt chước những vở của Racine và Voltaire. Elizabeth buộc các triều thần đến xem; nhưng vì họ

không trả tiền vé vào cửa, Sumarokov than phiền rằng mức lương 5.000 ruble mỗi năm của ông không đủ để nhà hát lẫn ông sống được. “Những gì đã có thời được xem ở Athens, những gì giờ đây được xem ở Paris, thì cũng được xem ở Nga, nhờ sự chăm sóc của tôi... Ở Đức một đám đông thi sĩ cũng không tạo ra nổi những gì tôi đã thành công bằng cố gắng của chính mình.”²³ Năm 1760 ông mệt mỏi vì công sức bỏ ra và chuyển đến Moscow; nhưng tại đây tính thích tranh cãi chẳng mấy chốc đã khiến ông nhẵn túi. Ông xin Catherine II gửi ông đi nước ngoài bằng tiền của nhà nước và bảo đảm với bà: “Nếu châu Âu được mô tả bằng một ngòi bút như của thần, thì một khoản chi phí 300.000 ruble sẽ dường như nhỏ bé.”²⁴ Catherine chịu đựng ông cho đến khi ông chết vì say rượu (1777).

Chúng ta hãy làm cho những trang sách này sinh động với chuyện tình lãng mạn của một nàng công chúa. Natalia Borisovna Dolgorukaya là con gái của Bá tước và Thống chế Marshal Boris Cheremetyev, bạn chiến đấu của Đại đế Peter. Vào tuổi mười lăm (1729), “đẹp rạng rỡ” và là “một trong những nữ thừa kế gia tài lớn nhất nước Nga”²⁵ nàng đính hôn với Vasili Lukich Dolgoruki, sủng thần hàng đầu của Sa hoàng Peter II. Trước khi họ có thể cưới nhau, Peter mất và người kế thừa ông đẩy Vasili đi Siberia. Natalia cương quyết thành hôn với chàng và theo chàng đến chốn lưu đày. Nàng sống với chàng được 8 năm ở Tobolsk và sinh cho chàng hai đứa con. Năm 1739 chàng bị tử hình. Sau ba năm lưu đày nữa, nàng được phép trở về vùng Nga Âu. Sau khi hoàn thành việc giáo dục cho các con, nàng vào một tu viện ở Kiev. Tại đó, theo yêu cầu của con trai nàng là Mikhail, nàng viết tập *Hồi ký* (1768) mà người cháu thi sĩ của nàng là Hoàng thân Ivan Mikhailovich Dolgoruki xuất bản vào năm 1810. Ba thi sĩ Nga đã tôn vinh ký ức về nàng và nước Nga vinh danh nàng như kiểu mẫu của nhiều phụ nữ Nga vốn đã làm

cho cách mạng trở nên cao quý bằng thái độ anh hùng và sự chung thủy của họ.

Nhìn chung, văn minh nước Nga là sự pha trộn giữa kỷ luật tất yếu và sự khai thác tàn nhẫn, giữa lòng mộ đạo và bạo lực, giữa lời cầu nguyện và hành động báng bổ, giữa âm nhạc và sự thô tục, giữa lòng trung thành và sự độc ác, giữa thói khúm núm đề tiện và lòng dũng cảm bất khuất. Những người dân này không thể phát triển những đức tính của thời bình vì họ phải chiến đấu, qua những mùa đông dài và những đêm đông dài, một cuộc chiến tranh quyết liệt chống lại những cơn gió từ vùng địa cực thối qua những đồng bằng băng giá trống trải của họ. Họ chưa bao giờ biết đến thời Phục hưng hay thời Cải cách, do đó - ngoại trừ nơi thủ đô giả tạo của họ - vẫn còn bị giam hãm trong những bộ y phục thời trung cổ quấn quanh người. Họ tự an ủi bằng lòng kiêu hãnh của nòi giống và sự chắc chắn của đức tin: chưa phải là một chủ nghĩa dân tộc về mặt lãnh thổ, nhưng một sự tin chắc mãnh liệt rằng trong khi Tây phương tự đọa đày với khoa học, của cải, ngoại giáo và thiếu niềm tin, “Nước Nga thần thánh” vẫn trung thành với Cơ Đốc giáo và sẽ có ngày cai trị và cứu rỗi thế giới.

III. CHÍNH TRỊ NƯỚC NGA: 1725-1741

Trong khoảng thời gian giữa Đại đế Peter và Elizaveta Petrovna, lịch sử nước Nga là một hồ sơ buồn thảm và lộn xộn với những âm mưu và cách mạng nơi cung đình. Ở đây, với lương tâm tốt đẹp, chúng ta có thể tiết kiệm không gian và thời gian. Tuy nhiên, một số yếu tố của sự pha trộn này cần được ghi nhận nếu chúng ta muốn hiểu địa vị, tính cách và tư cách đạo đức của Catherine Đại đế.

Người kế thừa đương nhiên của ngai vàng vào năm 1725 là Piotr Alexeevich, cậu bé mười tuổi con của người con đã bị giết của Peter là Alexis. Nhưng người vợ góa của Peter,



Hình 10. Nữ hoàng Nga Catherine I (tranh của Nattier)

vốn không biết đọc lẫn viết, đã thuyết phục các vệ binh của hoàng cung (bằng cách trả số lương đã nợ họ từ lâu) rằng ông ta đã chỉ định bà làm người thừa kế; và với sự ủng hộ của họ, bà tự xưng (ngày 27-2-1725) là Catherine I, Nữ hoàng của mọi lãnh thổ Nga. Thế rồi Vị Catherine thứ yếu nàyⁱ đi vào con đường say sưa và ngoại tình, tối nào cũng chệnh choáng, đi ngủ lúc năm giờ sáng và để việc cai trị cho người tình cũ của bà là Hoàng thân Alexander Danilovich Menshikov và một Hội đồng Tối cao. Bá tước Andrei Ostermann, cha mẹ là người Đức, phụ trách việc ngoại giao và hướng nước Nga theo chính sách thân thiện với Đức và Áo

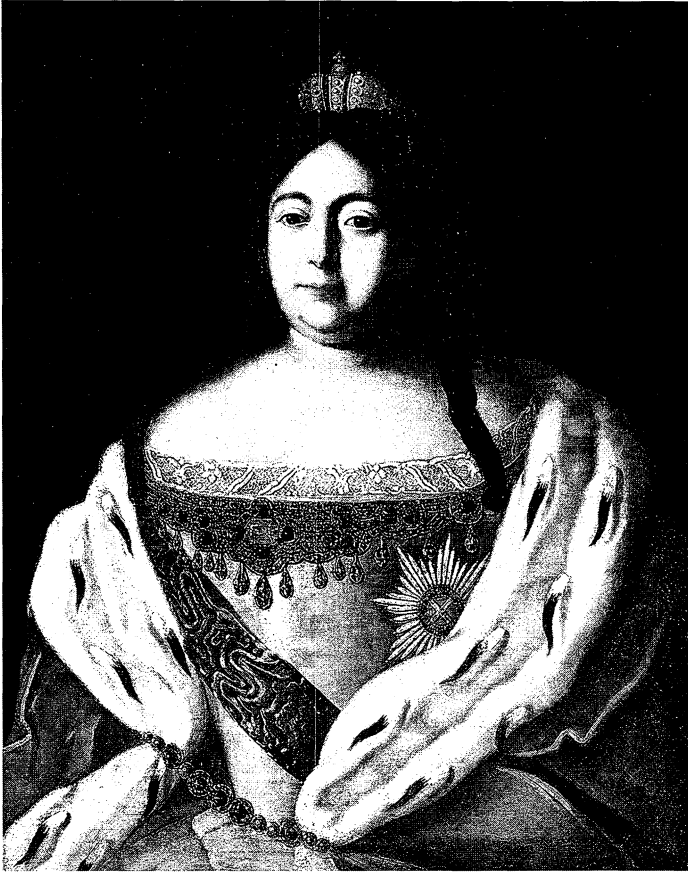
ⁱ Tác giả muốn so sánh bà này với Catherine II, tức Catherine The Great vốn có sự nghiệp lẫy lừng hơn nhiều.

và thù nghịch với Pháp. Noi theo các kế hoạch của Peter I, Catherine I gả con gái mình là Anna Petrovna cho Karl Friedrich, Công tước xứ Holstein-Gottorp; đôi vợ chồng đến sống tại Kiel và tại đây, Anna đã mang thai Vua Peter III tương lai. Bản thân Catherine, kiệt sức vì ăn chơi trụy lạc, chết ngày 6-5-1727, sau khi chỉ định chính Piotr Alexeevich, người mà bà đã tiếm vị, làm kẻ thừa kế.

Peter II chỉ mới 12 tuổi; Menshikov tiếp tục cai trị và sử dụng quyền hành để lột tổ cho mình. Một nhóm các nhà quý tộc do hai anh em Ivan và Vasili Lukich Dolgoruki cầm đầu lật đổ Menshikov và đẩy ông đi Siberia, ông chết tại đây năm 1729. Một năm sau, Peter II mất vì bệnh đậu mùa và chi nam giới của triều đại Romanov chấm dứt. Chính chuyện bất trắc này đã khiến nước Nga trong 66 năm được cai trị bởi ba người đàn bà mà trong khả năng điều hành cũng như thành quả chính trị đã cạnh tranh ngang ngửa hoặc vượt qua phần lớn các vua chúa đương thời và vượt hẳn tất cả bọn họ, ngoại trừ Louis XV, trong chuyện chung chạ tình dục bừa bãi.

Người đầu tiên trong các nữ sa hoàng này là Anna Ivanovna, cô con gái 35 tuổi của Ivan Alexeevich, em trai nhu nhược của Đại đế Peter. Hội đồng chọn bà bởi vì bà đã nổi tiếng với tính cách khiêm tốn và vâng lời, giúp cho việc lựa chọn có vẻ an toàn. Hội đồng, bị thống trị bởi các dòng họ Dolgoruki và Golitsyn, đã phác họa những “Điều kiện” và gửi cho Anna, lúc đó đang ở Kurland, như là điều kiện tiên quyết nếu bà nhận làm nữ hoàng. Bà ký (28-01-1730). Nhưng quân đội lẫn giới giáo sĩ đều không muốn thay thế chế độ chuyên chế bằng chế độ quả đầu. Một phái đoàn quân túc vệ đi gặp Anna, thỉnh nguyện bà hãy nắm lấy quyền hành tuyệt đối. Được khuyến khích bởi các vũ khí của họ, bà xé nát “Điều kiện” trước mặt triều đình.

Nghi ngờ giới quý tộc, Anna đưa từ Kurland sang những người Đức đã làm bà vui lòng lúc còn ở đấy. Ernst von Blihren, hay Biron, người từng là nhân tình của bà, trở thành người đứng đầu chính phủ; Ostermann được phục hồi để phụ trách



Hình 11. Nữ hoàng Anna Ivanovna (Họa sĩ vô danh)

trở lại bộ ngoại giao; Bá tước Christoff von Mlinnich tổ chức lại quân đội; Lowenwolde, Korff và Keyserling giúp mang lại cho chế độ mới một số hiệu quả của người Đức. Thuế má được thu một cách nghiêm ngặt cẩn thận; giáo dục được nói rộng và cải thiện; một giới công chức có đào tạo được chuẩn bị. Với hiệu quả tương tự, chính quyền mới đã bỏ tù, trục xuất hoặc hành quyết những người thuộc phe Dolgoruki và Golitsyn.

Hài lòng với hai người tình (Biron và Lowenwolde), Anna sống một cuộc sống tương đối chùng mịch, thức dậy lúc tám giờ,

dành ba tiếng cho chính phủ và mỉm cười tán đồng khi những triều thần người Đức của bà mở rộng quyền lực của nước Nga. Một đạo quân dưới quyền Münnich xâm lăng Ba Lan, truất phế vị vua thân Pháp là Stanislas Leszczynski, đặt lên ngai vàng con người từ Saxony là Augustus III và đi bước đầu tiên trong việc buộc Ba Lan vào Nga. Nước Pháp phản ứng bằng cách thúc giục Thổ Nhĩ Kỳ tấn công Nga; vị Hời vương lưỡng lự vì đang bận trên mặt trận Ba Tư; nước Nga nghĩ đây là thời cơ thuận lợi để tuyên chiến với Thổ bắt đầu (1735) 6 năm xung đột nhằm kiểm soát Hắc Hải. Các nhà ngoại giao của Anna giải thích rằng người Thổ, hay những thuộc địa của họ ở Nam Nga, nắm giữ các cửa của năm con sông lớn - Dniester, Bug, Dnieper, Don, Kuban - vốn là những kênh quan trọng của thương mại nước Nga hướng về phương nam; rằng những bộ lạc Hồi giáo bán dã man cư ngụ ở hạ lưu các con sông này là mối đe dọa thường trực của các giáo dân Cơ Đốc Nga; rằng những bờ biển phía bắc của Hắc Hải là một phần tự nhiên và cần thiết của nước Nga; và rằng một quốc gia vĩ đại và ngày càng phát triển như Nga không thể bị phong tỏa khỏi các lối đi tự do đến Hắc Hải và Địa Trung Hải. Việc này vẫn còn là ca khúc chủ đề của nước Nga cho đến cuối thế kỷ [XVIII] và còn lâu hơn nữa.

Mục tiêu đầu tiên là Crimea,ⁱ vùng đất gần như là một hòn đảo đứng sừng sững như một đôn lũy của Thổ Nhĩ Kỳ trên bờ bắc của Hắc Hải. Mục tiêu của chiến dịch của Münnich năm 1736 là chiếm lấy bán đảo này. Những kẻ thù chính của ông là không gian và bệnh tật. Ông phải vượt qua 530km trên vùng đất hoang dã không có lấy một thị trấn có thể cung cấp lương thực hoặc thuốc men cho 57.000 binh sĩ của mình; 80.000 cỗ xe ngựaⁱⁱ phải tháp tùng họ thành một tuyến dài

i Có phải lịch sử là một sự tái diễn? Cho đến thế kỷ XXI bán đảo Crimea vẫn còn là đề tài nóng bỏng trong quan hệ quốc tế với việc Nga sáp nhập nơi này từ tay Ukraine vào năm 2014.

ii Nguyên văn: eighty thousand wagons.

dằng dặc có nguy cơ bị những bộ lạc người Tatar tấn công tại bất cứ điểm nào vào bất cứ lúc nào. Với tài chỉ huy sáng chói, trong 29 ngày, Münnich đã chiếm được Perekop, Koslov và Bakhchisarai (thủ phủ của Crimea); nhưng trong tháng đó bệnh kiết lỵ và những bệnh tật khác đã gieo rắc cảnh cực khổ và nổi loạn của binh lính khiến ông phải từ bỏ những đất đai xâm chiếm được và lui vào nội địa của Ukraine. Cũng trong lúc đó, một tướng lĩnh khác của Anna chiếm Azov là nơi kiểm soát cửa sông Don.

Tháng Tư năm 1737, Münnich lại hành quân về phương nam với 70.000 người và chiếm lấy Ochakov ở gần cửa sông Bug. Đến tháng Sáu, nước Áo tham gia tấn công Thổ nhưng chiến dịch của nước này được thực hiện sai lầm tới mức phải ký kết một hòa ước riêng rẽ; và nước Nga, bỗng dưng thấy mình phải đối đầu với toàn bộ lực lượng Thổ, trong khi sắp phải lâm chiến với Thụy Điển, đã ký (ngày 18-9-1739) một hòa ước giao lại cho Thổ hầu hết những gì đã chiếm được trong ba chiến dịch. Hiệp ước này được ca tụng ở St. Petersburg như một chiến thắng huy hoàng mà chỉ mất có 100.000 sinh mạng.

Anna còn sống sau cuộc chiến tranh chỉ một năm. Không lâu trước khi mất (17-10-1740), bà đã chỉ định cậu bé mới tám tuần tuổi là Ivan VI làm người thừa kế ngai vàng. Ivan VI là con của cô cháu gái sinh ở Đức của bà, Anna Leopoldovna và Hoàng thân Anton Ulrich của xứ Brunswick, Biron sẽ làm nhiếp chính cho đến khi Ivan được 17 tuổi. Nhưng Münnich và Ostermann giờ đây đã chán ngấy Biron; họ liền kết cùng Ulrich và Leopoldovna tống khứ ông ta đi Siberia (9-11-1740). Anna Leopoldovna trở thành nhiếp chính với Münnich là “Bộ trưởng thứ nhất.” Sợ nước Nga hoàn toàn bị người Đức thống trị, đại sứ các nước Pháp và Thụy Điển khích động và tài trợ cho một cuộc nổi dậy của các quý tộc Nga. Họ chọn ứng viên bí mật cho ngai vàng là Elizaveta Petrovna, con gái của Đại đế Peter và Catherine I.

Elizabeth, như chúng ta sẽ gọi nàng, đã 32 tuổi, nhưng sắc đẹp đang độ mãn khai, can đảm và sinh động. Nàng yêu các lực sĩ và những môn luyện tập mạnh mẽ, nhưng cũng yêu thích những lạc thú của ái tình và tiếp đãi một chuỗi người tình. Nàng ít được học hành, viết tiếng Nga một cách khó khăn nhưng giỏi nói tiếng Pháp. Nàng dường như không có ý nghĩ ngự trên ngai vàng cho đến khi Anna Leopoldovna và Ostermann đẩy nàng qua một bên để ưu ái những người nước ngoài. Khi vị Nhiếp chính ra lệnh cho các trung đoàn của St. Petersburg tiến vào Phần Lan và các binh sĩ cầu nhàu vì phải đối mặt với cuộc chiến tranh trong mùa đông, Elizabeth nắm lấy cơ hội. Nàng khoác lên người bộ đồng phục quân sự, đến các doanh trại vào lúc hai giờ sáng ngày 6-12-1741 và kêu gọi binh sĩ ủng hộ mình. Dẫn đầu một trung đoàn, nàng ngồi trên xe trượt tuyết tiến về Cung điện Mùa đông, đánh thức vị Nhiếp chính, tổng giam cả bà ta cùng vị Sa hoàng bé con vào ngục. Khi thành phố thức dậy, họ thấy mình có một nhà cai trị mới, một Nữ hoàng hoàn toàn Nga, một người con gái của Peter Đại đế. Nước Nga và nước Pháp hân hoan.

IV. ELIZABETH PETROVNA: 1741-1762

Thật khó mà hiểu được bà qua đám sương mù của thời gian và thành kiến. Khi gặp bà vào năm 1744, Catherine II lấy làm “kinh ngạc trước sắc đẹp và vẻ uy nghi trong phong cách của bà... Mặc dù rất đầy đà, bà không bị biến dạng chút nào bởi tầm vóc hoặc bối rối bởi những cử động của mình... mặc dù mang trong người một chiếc vòng váy rộng mênh mông mỗi khi ăn mặc thanh lịch.”²⁶ Trong chỗ riêng tư bà tỏ ra hoài nghi tới mức gần như vô thần;²⁷ ở chốn công khai, bà là một tín đồ Chính Thống giáo nhiệt thành. Một người Pháp quan sát thấy bà “ưa thích uống rượu một cách rõ ràng”²⁸ nhưng chúng ta phải nhớ rằng nước Nga thì lạnh và rượu vodka sưởi ấm. Nàng từ chối lập gia đình vì sợ việc này sẽ chia sẻ



Hình 12. Nữ hoàng Elizabeth Petrovna
(tranh của Vigilius Eriksen, 1757)

quyền hành của mình và sinh ra nhiều cuộc tranh chấp; có người nói bà bí mật cưới Alexis Razumovsky; nếu vậy, ông ta cũng chỉ là *primus inter pares*ⁱ. Bà là người phù phiếm, yêu thích trang phục lộng lẫy, có 15.000 chiếc váy, hàng đồng vớ dài, 2.500 đôi giày;²⁹ một số trong đó được bà dùng như những vũ khí có thể phóng đi trong cuộc tranh luận. Bà có thể quở trách người hầu và các triều thần bằng thứ ngôn ngữ của một anh trung sĩ. Bà phê chuẩn một số hình phạt độc ác,

ⁱ *primus inter pares* (La tinh): Người đầu tiên trong bọn.

nhưng về cơ bản có lòng tử tế.³⁰ Bà bãi bỏ hình phạt tử hình ngoại trừ đối với tội phản nghịch (1744); biện pháp tra tấn chỉ được cho phép trong những vụ án nghiêm trọng; hình phạt đánh đòn vẫn còn nhưng Elizabeth cảm thấy cần phải tìm ra phương cách nào đó để làm nản lòng những tên tội phạm hay khiến cho những quốc lộ cũng như đường phố mất an toàn về ban đêm. Bà vừa hiếu động lại vừa biếng nhác. Bà có một trí thông minh tự nhiên sắc sảo và đã mang lại cho đất nước mình một chính quyền tốt trong chừng mực mà hoàn cảnh giáo dục, đạo đức, phong tục và kinh tế của Nga cho phép.

Sau khi đã day Ostermann và Münnich đi Siberia, bà phục hồi Thượng viện như là cơ quan cai trị đứng đầu, trao phó công việc ngoại giao cho Alexei Petrovich Bestuzhev-Ryumin. Catherine II mô tả ông ta là người “có nhiều tài mưu mô, ám muội, mạnh mẽ và dũng cảm trong những nguyên tắc của mình, một kẻ thù không thể làm xiêu lòng, nhưng là người bạn thật sự trong những người bạn của bà.”³¹ Ông ta đam mê tiền bạc giống như những người thường biết rằng địa vị cao cả của họ dễ có nguy cơ sụp đổ. Khi nước Anh tìm cách hối lộ ông, họ ước tính lòng chính trực của ông đáng giá 100.000 crown.³² Chúng ta không biết vụ mua bán có diễn ra hay không nhưng Bestuzhev thường đứng về phía Anh; tuy nhiên, điều này là sự đáp trả tự nhiên đối với việc Pháp ủng hộ Thụy Điển và Thổ Nhĩ Kỳ chống lại Nga. Đến lượt Frederick Đại đế đề nghị tặng cho Bestuzhev 100.000 crown nếu ông ta đưa nước Nga vào liên minh với Phổ; đề nghị bị từ chối;³³ thay vào đó, Bestuzhev liên kết Nga với Áo (1745) và Anh (1755). Khi nước Anh thực hiện việc này bằng một minh ước với Phổ (16-1-1756), sự nghiệp của Bestuzhev sụp đổ, từ đấy trở đi Elizabeth làm ngơ những lời khuyên của ông. Một bộ trưởng mới liên kết nước Nga vào thể “đảo ngược đồng minh” Pháp-Áoⁱ và cuộc Chiến tranh Bảy năm xảy ra.

i Xem: *Nước Pháp trước cơn đại hồng thủy*, Chương II, của cùng tác giả và dịch giả.

Chúng ta đã thấy - rất lâu trước đây! - làm thế nào viên tướng Nga Apraksin đã đánh bại quân Phổ ở Gross-Jagersdorf (1757), rồi rút đạo quân của mình vào Ba Lan. Các đại sứ Pháp và Áo thuyết phục Elizabeth rằng Bestuzhev đã hạ lệnh cho Apraksin rút lui và đang âm mưu lật đổ bà. Bà ra lệnh bắt cả viên thượng thư lẫn viên tướng (1758). Apraksin chết trong tù. Bestuzhev phủ nhận cả hai lời cáo buộc và những hiểu biết về sau đã xóa tội cho ông. Các kẻ thù muốn tra tấn để ông thú tội; Elizabeth cấm làm việc này. Mikhail Vorontsov thay Bestuzhev làm tể tướng.

Giữa những vũ hội, trò bài bạc, âm mưu, lòng đố kỵ và căm ghét trong triều đình, Elizabeth khuyến khích các phụ tá của bà xúc tiến văn minh Nga. Sủng thần trẻ tuổi của bà là Ivan Shuvalov mở một trường đại học ở Moscow, xây dựng các trường trung và tiểu học, gửi sinh viên ra nước ngoài theo học các chương trình sau đại học về y khoa, du nhập các kiến trúc sư, điêu khắc gia và họa sĩ Pháp cho Hàn lâm viện Nghệ thuật (Akademia Iskustv) mà ông ta dựng lên ở thủ đô (1758). Ông trao đổi thư từ với Voltaire, thuyết phục ông ta viết một cuốn *Lịch sử đế quốc Nga thời Peter Đại đế* (1757). Em trai của ông là Piotr Shuvalov giúp ích cho nền kinh tế bằng cách bãi bỏ những khoản lệ phí đối với thương mại trong nước. Tuy nhiên, trong lúc đó, để an ủi những người chủ trương Liên-Slave, Elizabeth đã để cho chính sách bất khoan dung tôn giáo phát triển; bà đóng cửa một số thánh đường Hồi giáo trong những vùng người Tatar sinh sống và trục xuất 35.000 người Do Thái.

Thành tựu kiêu hãnh nhất của bà là việc các đạo quân và tướng lĩnh của bà liên tục đánh bại Frederick II, ngăn chặn bước tiến của quân Phổ và sắp nghiền nát ông ta khi sức khỏe suy sụp của bà đã làm suy yếu việc bà giữ vững liên minh Pháp - Áo - Nga lại với nhau. Ngay từ năm 1755, viên đại sứ Anh đã báo cáo: “Sức khỏe của Nữ hoàng không được tốt; bà thường khạc ra máu, khó thở, hay ho, căng chân bị phù và

có nước trong ngực; tuy vậy bà vẫn nhảy một điệu minuet với tôi.”³⁴ Giờ đây bà phải trả giá đắt cho việc thích lối sống lang chạ bừa bãi hơn là hôn nhân. Do không có con, bà đã tìm kiếm rất lâu một người có dòng máu hoàng tộc có khả năng đương đầu với những vấn đề đối ngoại cũng như đối nội của nước Nga. Thật khó hiểu, sự lựa chọn của bà đã rơi vào Karl Friedrich Ulrich, con trai của chị bà là Anna Petrovna và Karl Friedrich, Công tước Holstein-Gottorp. Đây là sai lầm lớn nhất của triều đại bà nhưng bà chuộc lại bằng sự lựa chọn người bạn đời của ông ta.

V. PETER VÀ CATHERINE: 1743-1761

Piotr Feodorovich, như tên Elizabeth đặt lại cho người thừa kế bà, sinh tại Kiel năm 1728. Là cháu của cả Peter I và Charles XII, ông đủ tư cách để kế thừa các ngai vàng Nga và Thụy Điển. Do sức khỏe yếu, cậu được giữ trong nhà cho đến năm bảy tuổi; rồi, do một thay đổi đột ngột, cậu được bổ nhiệm vào đội Vệ binh Holstein và được nuôi dưỡng để trở thành một chiến binh. Cậu trở thành trung sĩ ở tuổi lên chín, diễu hành một cách kiêu hãnh trong những cuộc duyệt binh và học lấy ngôn ngữ và phẩm hạnh của các sĩ quan quân đội. Năm 11 tuổi cậu được giao cho một gia sư người Đức, ông này nuôi dưỡng cậu trong đức tin Luther sâu đậm và khẹp cậu vào kỷ luật tới mức cậu bị rối loạn thần kinh chức năng. Bị dọa nạt bởi nhà sư phạm này, cậu thu mình lại thành kẻ nhút nhát và kín đáo, bắt đầu nhiễm tính xảo trá và gian dối,³⁵ trở nên “thường xuyên nổi nóng, bướng bỉnh, hay gây gổ.”³⁶ Rousseau có thể đã nêu ông ra để minh họa cho ý tưởng con người tự bản chất là tốt nhưng bị biến dạng bởi một môi trường xấu. Peter có tấm lòng nhân ái, mong muốn làm điều phải, như chúng ta sẽ thấy qua những chiếu chỉ của ông;

i *Minuet*: Điệu nhảy chậm, trang nhĩ, xuất xứ từ Pháp và thịnh hành vào các thế kỷ XVII, XVIII.

nhưng ông đã thất bại vì đã được giao cho những vai trò mà ông không phù hợp để đóng. Catherine II, gặp ông khi ông được 11 tuổi, đã mô tả ông “có ngoại hình đẹp, cử chỉ lịch sự, nhã nhặn” và “cảm thấy không cưỡng lại ý tưởng” trở thành vợ cậu ta.³⁷

Năm 1734, Elizabeth cho đưa ông sang Nga, phong ông làm đại công tước, cải giáo cho ông, có vẻ như sang đức tin Chính Thống giáo và cố đào tạo ông để cai trị. Nhưng bà “phát hoảng” vì sự khiếm khuyết trong việc giáo dục và tính khí thất thường của ông. Ở St. Petersburg, ông bổ sung thói say sưa vào những lỗi lầm khác của mình. Elizabeth hy vọng trước khi bà chết, chàng thanh niên lạ lùng này, nếu được kết đôi với một phụ nữ mạnh khỏe và thông minh, có thể sinh ra một sa hoàng tương lai có khả năng. Với việc không có thành kiến chủng tộc vốn là một nét đặc sắc của các giới quý tộc châu Âu, Elizabeth nhìn ra bên ngoài nước Nga và chọn ra một nàng công chúa không xuất chúng từ một trong các công quốc nhỏ nhất của Đức. Con người quý quyết Frederick II đã giới thiệu sự lựa chọn này, hy vọng có được một nữ sa hoàng người Đức trong một nước Nga đã tỏ ra đáng sợ cho nước Đức.

Về điểm này, chúng ta phải đương đầu với những ký ức của Catherine Đại đế. Tính xác thực của chúng không thể hoài nghi; chúng đã không được in cho đến tận năm 1859, nhưng bản thảo bằng tiếng Pháp do chính tay Catherine viết, được giữ gìn trong thư khố ở Moscow. Liệu chúng có đáng tin cậy không? Nhìn chung, câu chuyện mà chúng kể được những nguồn khác xác nhận.³⁸ Lỗi của chúng không phải là nói láo mà là thiên vị; chúng là một câu chuyện được kể rất hay với sự dí dỏm và hăng hái, nhưng phần nào là một lời biện hộ vì đã truất ngôi chồng của bà và vì đã chịu đựng với sự bình tĩnh tin tức về việc ông bị giết.

Nàng sinh ra tại Stettin, Pomerania, ngày 21-4-1729 và được đặt tên thánh là Sophia Augusta Frederika theo tên

ba người cô của nàng. Mẹ nàng là Công chúa Johanna Elisabeth của Holstein-Gottorp; theo dòng dõi của mẹ, nàng là một người chị em họ của Peter. Cha nàng là Christian August, ông hoàng cai trị xứ Anhalt-Zerbst ở miền trung nước Đức, một thiếu tướng trong quân đội của Frederick. Cả cha mẹ nàng đều thất vọng vì sinh ra một cô con gái; người mẹ than vãn ước gì đã sảy thai. Catherine chuộc lỗi phái yếu của mình bằng cách phát triển tính cách rắn rỏi của một tướng lĩnh và tài cai trị của một hoàng đế trong khi vẫn là người tình được mong mỏi và sẵn lòng nhất châu Âu.

Nàng mắc nhiều chứng bệnh trẻ con, trong đó có một bệnh khiến nàng có vẻ như bị biến dạng suốt đời, “cột sống bị vặn vẹo” “vai bên phải cao hơn bên trái nhiều”; giờ đây nàng “có hình dạng của chữ Z.” Viên đao phủ trong nước, vốn đã trở thành một chuyên gia về những chứng sai khớp, quần quanh nàng một chiếc áo lót “mà tôi không bao giờ cởi ra trừ khi thay đồ lót”; và “sau 18 tháng tôi bắt đầu cho thấy dấu hiệu thẳng đứng.”³⁹ Vì luôn được bảo rằng mình xấu xí nên nàng quyết định phát triển trí thông minh để thay thế cho sắc đẹp; nàng là một trường hợp nửa của sự khiếm khuyết được cảm nhận đã kích thích những sức mạnh bù đắp. Về xấu xí của nàng biến mất khi tuổi dậy thì đã làm tròn trịa những góc cạnh thành những đường cong. Mặc dù những nỗi khổ cực của mình, nàng thuộc loại người có “thiên hướng hạnh phúc” và vẻ sinh động tự nhiên “cần được kiềm chế.”⁴⁰

Nàng được các gia sư dạy dỗ, đặc biệt bởi một giáo sĩ dòng Luther luôn phải chịu đựng những câu hỏi của nàng. Liệu có công bằng không, nàng hỏi: “khi Titus, Marcus Aurelius và tất cả những vĩ nhân thời Hy La, dù đức hạnh đến đâu chẳng nữa, phải bị đày xuống địa ngục vì họ không biết về sự Mặc khải?” Nàng biện luận quá hay khiến người thầy đề nghị đánh đòn nàng nhưng một người quản gia đã can thiệp. Nàng đặc biệt muốn biết sự hỗn mang mà theo sách *Sáng thế ký* đã có trước thời Sáng tạo ra thế giới, giống như thế nào.

“Những câu trả lời của ông ta dường như chưa bao giờ làm tôi thỏa mãn” và “hai chúng tôi đều mất bình tĩnh.” Ông còn bị quấy nhiễu bởi việc nàng khẳng khái đòi giải thích “việc cắt bao quy đầu là gì?”⁴¹ Các thầy khác và quản gia của nàng là người Pháp, nên nàng học tiếng Pháp rất thành thạo. Nàng đọc Corneille, Racine, Molière và rõ ràng là sẵn sàng đón nhận Voltaire. Nàng trở thành một trong những phụ nữ có giáo dục nhất thời đại mình.

Tin tức về nàng công chúa sáng chói này đến tai Nữ hoàng Elizabeth, vốn đang háo hức tìm một cô gái có thể đem lại cho Peter trí thông minh qua quá trình thẩm thấu. Ngày 1-1-1744, một lời mời được gửi đến mẹ của Sophia, mời bà cùng cô con gái đến thăm triều đình Nga. Hai bậc cha mẹ do dự. Nước Nga dường như bất ổn và hoang sơ một cách nguy hiểm; nhưng Sophia, ước đoán mình đang được xem như vợ của vị Đại Công tước, xin cha mẹ nhận lời. Ngày 12 tháng Một họ bắt đầu cuộc hành trình lâu dài và khó khăn qua Berlin, Stettin, Đông Phổ, Riga và St. Petersburg đến Moscow. Tại Berlin Frederick tiếp đãi họ và tỏ ra yêu thích Sophia, “hỏi tôi cả nghìn câu hỏi và nói chuyện về nhạc kịch, hài kịch, thi ca, khiêu vũ, nói tóm lại mọi thứ mà người ta có thể hình dung ra khi trò chuyện với một cô gái 14 tuổi.”⁴² Tại Stettin “cha tôi âu yếm chia tay tôi và đấy là lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông; tôi bật khóc thảm thiết.” Hai mẹ con, cùng với đoàn tùy tùng xa xỉ, đến Moscow vào ngày 9 tháng Hai, sau khi ngồi xe trượt tuyết 52 giờ kể từ St. Petersburg.

Tối hôm đó, nàng gặp Peter lần thứ hai và lại có ấn tượng thuận lợi, cho đến khi ông tâm sự với nàng rằng mình là một tín đồ Luther xác tín, đang yêu một trong các thị nữ trong cung.⁴³ Nàng để ý thấy chất giọng và cung cách Đức của ông làm cho những người Nga khó chịu; về phần mình, nàng quyết học tiếng Nga cho thật thông thạo và chấp nhận tín ngưỡng Chính Thống giáo *in toto*. Nàng cảm thấy “còn ít hơn

i *In toto* (La-tinh): Hoàn toàn.

cả sự lãnh đạm” đối với Peter, “tôi không lãnh đạm với chiếc vương miện Nga.” Nàng được giao cho ba vị gia sư - để dạy ngôn ngữ, tôn giáo và những vũ điệu Nga. Nàng học một cách hăm hở - có lần ra khỏi giường vào nửa đêm để học bài - khiến vào ngày 22 tháng Hai phải nằm liệt giường vì bệnh viêm màng phổi. “Tôi lơ lửng giữa cái sống và cái chết trong 27 ngày; trong thời gian đó, tôi được trích máu 16 lần, đôi khi bốn lần trong một ngày.”⁴⁴ Mẹ nàng đánh mất sự quý mến trong triều khi yêu cầu cho vời một tu sĩ dòng Luther; Sophia được nhiều người yêu mến khi yêu cầu một linh mục Hy Lạp. Cuối cùng, ngày 21 tháng Tư, nàng có thể xuất hiện trước công chúng. “Tôi đã trở nên gầy như một bộ xương... khuôn mặt tôi và những nét mặt nhăn nhú lại, tóc tôi lòa xòa và tôi hoàn toàn xanh mét.”⁴⁵ Nữ hoàng gửi cho bà một lọ son.



Hình 13. Nữ Đại Công tước Ekaterina Alekseyevna vào khoảng thời gian kết hôn (tranh của George Christoph Grooth, 1745)

Ngày 28 tháng Sáu, Sophia, với lòng sùng kính đầy ấn tượng, trải qua lễ cải đạo sang Chính Thống giáo. Giờ đây các chữ Ekaterina Alexeevna được thêm vào tên nàng; từ nay trở đi nàng là Catherine. Sáng hôm sau, tại ngôi giáo đường vĩ đại Ouspenski Sobor, nàng chính thức đính hôn với Đại Công tước Peter. Tất cả những ai nhìn thấy nàng đều lấy làm hài lòng với vẻ khiêm tốn lịch thiệp của nàng; ngay cả Peter cũng bắt đầu yêu nàng. Sau 14 tháng học việc, ngày 21 tháng Tám năm 1745, họ cưới nhau tại St. Petersburg. Ngày 10 tháng Mười mẹ của Catherine từ già ra về.

Giờ đây Peter 17 tuổi, vợ ông 16. Nàng xinh đẹp còn ông không được ưa nhìn do mắc phải bệnh đậu mùa trong năm họ đính hôn. Nàng khao khát và tỉnh táo về mặt trí tuệ; còn ông “cho thấy,” Soloviev nói, “mọi triệu chứng của sự trì độn của tinh thần và giống như một đứa trẻ với thể xác đã phát triển.”⁴⁶ Ông chơi với những con búp bê, những con rối và những chú lính đồ chơi; ông ham mê chó tới mức nuôi nhiều con trong căn hộ của mình; Catherine không thoát khỏi điều còn tệ hơn nữa, như tiếng sữa và mùi hôi của chúng.⁴⁷ Việc ông chơi vĩ cầm cũng không cải thiện được tình hình. Sở thích rượu chè của ông gia tăng; “kể từ năm 1753 hầu như ngày nào ông cũng say.”⁴⁸ Nữ hoàng Elizabeth thường trách móc những lỗi lầm của ông nhưng bà không làm gương cho những lời giáo huấn. Bà lấy làm lo lắng hơn với việc ông công khai ghét nước Nga mà ông gọi là “một miền đất bị nguyên rủa.”;⁴⁹ với việc ông khinh bỉ Giáo hội Chính Thống và giới giáo sĩ; và trên hết, với việc ông thần tượng hóa Frederick Đại đế ngay cả trong lúc Nga và Phổ đang lâm vào cuộc chiến tranh sống mái. Ông sống giữa một “Đội Thị vệ Holsteiner” gồm các binh lính hầu hết là người Đức; tại nhà nghỉ của ông ở Oranienbaum ông cho những người hầu ăn mặc đồng phục Đức và cho họ diễn tập theo kiểu Phổ. Khi các tướng Nga Fermor và Saltykov đánh bại quân Phổ năm 1759, họ phải

tự kiềm chế không đuổi theo quân địch vì sợ làm mất lòng Peter,⁵⁰ là người có thể trở thành sa hoàng bất cứ lúc nào.

Cuộc hôn nhân hầu như trở thành một cuộc xung đột về văn hóa vì Catherine muốn tiếp tục việc giáo dục của mình bằng cách nghiên cứu văn học Pháp. Dường như không thể tin nổi là người thiếu phụ này, trong những năm bất hạnh ở cương vị đại công tước, đã đọc Plato, Plutarch, Tacitus, Bayle, Voltaire, Diderot và Montesquieu, là người mà cuốn *Tinh thần Pháp luật*, nàng bảo, nên là “kinh nhật tụng của mọi quân vương có lương tri.”⁵¹ Những cuốn sách như thế hẳn đã hủy hoại niềm tin tôn giáo của Catherine - mặc dù nàng vẫn chăm chỉ tuân theo nghi lễ Chính Thống giáo; và chúng mang lại cho nàng khái niệm về “sự chuyên chế sáng suốt” mà Frederick đã tiếm nhiệm từ Voltaire một thế hệ trước.

Trong khi đó (nếu chúng ta có thể tin lời kể trực tiếp từ chính nàng): “tôi và Đại Công tước đã không qua đêm tân hôn.”⁵² Castera, người vào năm 1800 đã viết một cuốn tiểu sử với đầy đủ thông tin và có xu hướng thù nghịch của Catherine, cho rằng “Peter đã có một khuyết điểm mà, mặc dù dễ loại bỏ, đã trở nên tàn bạo. Cảnh bạo lực trong tình yêu của ông, những cố gắng lặp đi lặp lại của ông, vẫn không thể hoàn tất đêm tân hôn”⁵³ - một điểm tương tự đáng chú ý với Louis XVI và Marie Antoinette.ⁱ Có thể sự ghê tởm mà Catherine, trong thời gian đính hôn dài của họ, bắt đầu cảm thấy đối với Peter đã trở nên rõ ràng đối với ông và làm cho ông bất lực về mặt tâm lý. Không lâu sau đấy, ông quay sang những phụ nữ khác và cặp với một loạt các cô nhân tình, những người hy vọng thay thế Catherine làm nữ đại công tước. Theo lời nàng

i Tác giả muốn nhắc đến việc Louis XVI và Marie Antoinette không thể quan hệ với nhau được do Nhà Vua Pháp bị kẹp bao quy đầu. Sau một thời gian dài chần chừ, cuối cùng Louis XVI đã nghe theo lời khuyên của Hoàng đế Joseph II, anh ruột Marie Antoinette và để cho các bác sĩ cắt bao quy đầu. Đôi vợ chồng trở nên hạnh phúc. Xem: *Lịch sử Cách mạng Pháp* của cùng tác giả và dịch giả.

kể lại, những năm đầu của cuộc hôn nhân là thời gian khổ khổ đối với nàng. Một ngày nọ (theo Horace Walpole), khi Nữ hoàng hỏi nàng tại sao cuộc hôn nhân của họ không có con cái, nàng trả lời là không nên mong đợi gì - điều trong thực tế muốn thông báo sự bất lực của chồng nàng. “Elizabeth trả lời rằng quốc gia cần những người thừa kế và để cho Nữ Đại Công tước lo liệu chuyện này với sự giúp đỡ của ai tùy nàng. Một người con trai và một người con gái là kết quả của sự vâng lời của nàng.”⁵⁴ Bà Maria Chogloкова, được Elizabeth bổ làm nữ tỳ của Catherine, giải thích với Nữ Đại Công tước (theo Nữ Đại Công tước) rằng có những ngoại lệ quan trọng đối với quy định về việc chung thủy trong hôn nhân; bà hứa sẽ giữ bí mật nếu Catherine có một người tình;⁵⁵ và “ít nghi ngờ gì rằng đề nghị xấu hổ này đã không đến từ người nữ tỳ mà từ chính Nữ hoàng.”⁵⁶ Chúng ta phải nhìn những vấn đề này trong viễn cảnh một triều đình Nga từ lâu đã quen với các nữ hoàng đa phu, một triều đình Pháp không xa lạ với các vị vua đa thê và một triều đình Ba Lan-Saxony với 150 người con của Augustus III.

Liệu Catherine có noi theo những tấm gương này một cách thái quá? Có, sau khi nàng lên ngôi. Trước khi lên ngôi dường như nàng chỉ tự giới hạn một cách chịu đựng với ba người tình. Đầu tiên - khoảng sáu năm sau đám cưới - là Sergei Saltykov, một sĩ quan cường tráng. Catherine giải thích sự hưởng ứng của mình:

Nếu có thể mạo muội nói lên sự thật... tôi đã kết hợp những nét quyến rũ của một người đàn bà đáng yêu với trí tuệ và khí chất của một người đàn ông. Xin tha thứ cho tôi về sự mô tả này, nó được biện minh bằng chính sự thật của mình... Tôi hấp dẫn; do đó đã đi được một nửa con đường dẫn đến chuyện quyến rũ và người ta không thể bắt con người trong những tình huống như vậy dừng lại... Người ta không thể

nắm trái tim của mình trong tay, thúc ép nó hay giải thoát nó, bóp chặt hay thả lỏng nắm tay của mình tùy thích.⁵⁷

Năm 1751, nàng mang thai, nhưng bị sảy và trải nghiệm đau đớn này được lặp lại vào năm 1753. Năm 1754 nàng hạ sinh Hoàng đế tương lai Paul I. Elizabeth vui mừng, ban cho Catherine món quà 100.000 ruble và đưa Saltykov đi ẩn náu an toàn ở Stockholm và Dresden, tại những nơi này ông ta “quan hệ lỏng lẻo với mọi người phụ nữ gặp được”⁵⁸ như Catherine kể với chúng ta. Peter uống rượu nhiều hơn và cặp với những cô nhân tình mới cuối cùng dừng lại với Elizaveta Vorontsova, cháu gái của vị Tổng thống mới. Catherine cãi cọ với ông và công khai chế giễu ông và các bạn của ông.⁵⁹ Năm 1756, lọt vào mắt xanh của nàng là một anh chàng Ba Lan 24 tuổi, Bá tước Stanislas Poniatowski, anh ta đến St. Petersburg với tư cách tùy viên của Sir Charles Hanbury-Williams, đại sứ Anh quốc. Cuốn tự truyện của Stanislas mô tả nàng vào năm 1755:

Nàng 25 tuổi... nàng ở vào thời điểm hoàn hảo mà đối với những người đàn bà có nhan sắc, là giai đoạn xinh đẹp nhất. Nàng có mái tóc đen, làn da trắng đến sừng sờ, đôi hàng lông mi dài đen nhánh, chiếc mũi Hy Lạp, chiếc miệng dường như được tạo ra cho những nụ hôn, bàn tay và cánh tay hoàn hảo, dáng người mảnh khảnh và hơi cao, phong cách cực kỳ năng động nhưng đầy vẻ quý phái. Giọng nói của nàng thật du dương và tiếng cười của nàng cũng vui vẻ như tính khí của nàng.⁶⁰

Ngắm nhìn nàng, ông “quên mất là có một miền đất Siberia.” Đây là điều được cảm nhận sâu sắc nhất của nhiều người tình của nàng và của ông. Rất lâu sau khi nàng đã chấp nhận những kẻ theo đuổi khác, con tim của nàng vẫn còn nghĩ về Poniatowski và ông ta không bao giờ phục hồi khỏi cơn mê đắm này dù cho những chính sách của bà đã làm ông đau đớn

đến mức nào. Khi nàng đến ở với Peter tại Oranienbaum, Stanislas đã liều mạng sống của ông để đến thăm nàng. Ông bị theo dõi và Peter ra lệnh treo cổ ông. Catherine xin người tình của Peter can thiệp giúp. Cô này, động lòng vì một món quà, đã khuyên giải vị Đại Công tước. Sau cùng, trong một cơn bộc phát của tính cách tử tế, Peter không những tha thứ cho Poniatowski mà còn khuyến khích Catherine đến với người tình và cùng họ sống trong cảnh *ménage à quatre* (gia đình tay tư) hòa nhã với những bữa ăn tối vui vẻ cùng nhau.⁶¹

Ngày 9-12-1758, Catherine hạ sinh một bé gái. Triều đình nói chung đều tin Poniatowski là người cha,⁶² nhưng Peter đã giành lấy công trạng này, nhận những lời chúc mừng và tổ chức tiệc tùng để mừng thành quả của ông;⁶³ tuy nhiên, đứa trẻ chết bốn tháng sau đó. Nữ hoàng cho triệu Poniatowski về Ba Lan và trong một thời gian ngắn, Catherine không có người tình. Nhưng nàng bị quyến rũ bởi những cuộc phiêu lưu, trong tình yêu cũng như trong chiến tranh, của Grigori Grigorievich Orlov, sĩ quan phụ tá cho Piotr Shuvalov. Orlov đã nổi tiếng qua việc giữ vững vị trí của mình trong trận Zorndorf mặc dù bị ba vết thương. Ông có thể chất của một lực sĩ và “khuôn mặt của một thiên thần”;⁶⁴ nhưng đạo lý duy nhất của ông là chinh phục được quyền lực và phụ nữ bằng mọi phương cách có được. Shuvalov có một người tình, Công nương Elena Kurakin, một trong những mỹ nhân xinh đẹp và phóng đảng nhất trong triều; Orlov hót cô ta khỏi tay vị chỉ huy của mình; Shuvalov thề giết chết ông ta nhưng đã chết trước khi thực hiện việc này. Catherine ngưỡng mộ lòng can đảm của Orlov; và để ý trong đám cận vệ ông ta có bốn anh em đều cao lớn và lực lưỡng; năm chiến binh này sẽ có ích trong trường hợp khẩn cấp. Nàng bố trí một cuộc gặp với Grigori, rồi với người khác và người khác nữa; sau đó không lâu, nàng cho thuyền chuyển Kurakin đi nơi khác. Tháng Bảy năm 1761, nàng có thai; tháng Tư năm 1762 nàng hạ sinh một con trai của Orlov một cách bí mật nhất có thể được, cậu bé mang tên Alexis Bobrinsky.

Tháng Mười hai năm 1761, rõ ràng là Nữ hoàng đang mắc phải căn bệnh cuối cùng. Người ta thực hiện mọi cố gắng để đưa Catherine vào một âm mưu nhằm ngăn chặn Peter lên ngôi; nàng được cảnh báo là Peter khi trở thành sa hoàng sẽ bỏ nàng qua một bên và biến Elizaveta Vorontsova thành vợ ông ta và hoàng hậu; nhưng Catherine từ chối tham gia âm mưu này. Ngày 5-1-1762, Nữ hoàng Elizabeth băng hà và Peter không gặp phải sự chống đối công khai nào, bước lên ngai vàng.

VI. PETER III: 1762



Hình 14. Sa hoàng Peter III
(tranh của Georg Christoph Grooth, Thập kỷ 1740)

Ông làm mọi người sửng sốt với những biện pháp rộng lượng của mình. Bản tính tốt đẹp của ông trước đây bị xóa mờ bởi những cách cư xử thô lỗ và khinh suất giờ đây nổi bật trong một cơn bột phát của lòng biết ơn đối với việc ông đã lên ngôi êm thấm. Ông tha thứ cho các kẻ thù, giữ lại phần lớn các bộ trưởng của Elizabeth và cố tỏ ra tử tế với Catherine. Trong hoàng cung, ông cho phép nàng giữ những khu vực tiện nghi ở một đầu, phần ông ngự ở đầu kia và giao cho người tình của ông những căn phòng ở giữa. Dĩ nhiên đó là một sự sỉ nhục chết người nhưng Catherine lấy làm hài lòng một cách kín đáo vì được ở cách xa ông một quãng. Ông cung cấp cho nàng một khoản trợ cấp hậu hĩ và trả những món nợ lớn của nàng mà không tra hỏi nguồn gốc của chúng.⁶⁵ Trong những buổi lễ chính thức ông để nàng đứng ngang hàng với mình, đôi khi nhường nàng đứng trước.⁶⁶

Ông gọi về từ chốn lưu đầy những người đàn ông và đàn bà mà các nhà cai trị trước đã đày đi Siberia. Giờ đây Münnich trở về, 82 tuổi, được 32 người cháu chào đón; Peter phục hồi địa vị thống chế cho ông; Münnich nguyên phục vụ Peter cho đến cuối đời và đã làm vậy. Vị Hoàng đế hạnh phúc giải thoát cho các nhà quý tộc khỏi bốn phần mà Đại đế Peter đã giao cho họ là dành nhiều năm trong đời họ cho đất nước; họ đề nghị dựng cho ông một pho tượng bằng vàng; ông khuyên họ nên dùng thứ kim loại quý này vào việc gì hợp lý hơn.⁶⁷ Một sắc lệnh ngày 21 tháng Hai bãi bỏ lực lượng cảnh sát mật mà ai cũng thù ghét và cấm bắt giữ vì lý do chính trị cho đến khi những lời buộc tội đã được Thượng viện xem xét và phê chuẩn. Ngày 25 tháng Sáu, Peter ban hành một chiếu chỉ rằng việc ngoại tình từ nay sẽ không bị chỉ trích công khai: “vì ngay cả Chúa Jesus cũng đã không cáo buộc việc đó;”⁶⁸ triều đình lấy làm vui mừng. Các thương gia thích thú vì việc giảm thuế xuất khẩu; giá muối được giảm bớt; việc mua nông nô làm lao động trong xí nghiệp bị chấm dứt. Các

Cựu Tín đồ (Old Believer)ⁱ, những người đã trốn khỏi nước Nga để tránh bị ngược đãi dưới triều Elizabeth, được mời trở về và hưởng chính sách tự do tôn giáo. Tuy nhiên, giới giáo sĩ đã lấy làm điên tiết bởi các chỉ dụ ngày 16 tháng Hai và 21 tháng Ba, quốc hữu hóa mọi đất đai của Giáo hội và biến tất cả tu sĩ Chính Thống giáo thành những viên chức lãnh lương của chính phủ. Nông nô trong các điền trang được thế tục hóa này được giải phóng và nông nô trên các lãnh địa của giới quý tộc mong đợi mình cũng sẽ sớm được cho tự do. Giữa những cải cách này - được các bộ trưởng khác nhau đề nghị với Peter - sa hoàng tiếp tục ngày càng uống nhiều hơn.

Biện pháp gây kinh ngạc nhất của ông và làm ông hạnh phúc nhất là việc chấm dứt chiến tranh với Phổ. Ngay cả trước khi lên ngôi, ông đã làm nhiều điều để giúp Frederick, bí mật chuyển cho ông ta những kế hoạch quân sự của Hội đồng của Elizabeth; giờ đây ông khoa trương là mình đã làm việc này.⁶⁹ Ngày 5 tháng Năm, ông kết chặt với Phổ trong một liên minh phòng thủ cũng như tấn công. Ông chỉ thị cho vị chỉ huy các lực lượng Nga lúc đó đang ở cùng đạo quân của Áo nên đặt các lực lượng của ông ta dưới sự chỉ huy của “vị Quân vương chủ soái của ta.”⁷⁰ Ông mặc một bộ đồng phục Phổ và ra lệnh cho binh sĩ trong nước cũng làm như vậy; ông thiết lập kỷ luật của Phổ trong quân đội; ông tổ chức những buổi luyện tập quân sự hằng ngày cho triều đình mình và buộc mọi triều thần nam giới đều phải tham gia, bất kể tuổi tác và căn bệnh thống phong.⁷¹ Ông ban cho đội “Vệ binh Holsteiner” riêng của mình quyền ưu tiên trước các trung đoàn kiêu hãnh của thủ đô.

i *Old Believer*: Trong ngữ cảnh của lịch sử Giáo hội Chính Thống Nga, các Cựu Tín đồ (starovery hay staroobryadtsy) đã ly khai khỏi Giáo hội Chính Thống Nga từ sau năm 1666 để phản đối những cải cách do Giáo trưởng Nikon đưa ra giữa các năm 1652-1666. Các Tín đồ Cũ tiếp tục thói quen hành lễ mà Giáo hội Chính Thống Nga duy trì trước khi áp dụng những cải cách này.

Quân đội Nga không chống đối hòa bình, nhưng họ bị sốc trước việc nước Nga hấp tấp bỏ rơi các đồng minh Pháp và Áo nhượng lại mọi đất đai chiếm được của Phổ trong chiến tranh. Họ kinh hoàng khi Peter thông báo dự tính gửi một đám quân đi đánh Đan Mạch để phục hồi công quốc Schleswig mà Đan Mạch đã lấy từ các công tước Holstein, trong đó có cả cha của Peter. Binh lính tuyên bố rõ là họ sẽ từ chối tham gia vào cuộc chiến như vậy. Khi Peter yêu cầu Kirill Razumovsky dẫn đầu một đội quân sang Đan Mạch, vị tướng trả lời: “Trước hết Hoàng thượng phải cho tôi một đạo quân khác để buộc tôi tiến lên.”⁷²

Bỗng nhiên, mặc cho những cải cách can đảm và xuất sắc của ông, Peter thấy mình thất nhân tâm. Quân đội căm ghét ông như kẻ phản bội, giới giáo sĩ căm ghét ông như một tín đồ Luther hay còn tệ hơn nữa, những nông nô chưa được tự do kêu đòi giải phóng và triều đình chế giễu ông như một tên ngốc. Trên tất cả, có sự nghi ngờ là ông định ly dị Catherine và cưới cô nhân tình của mình.⁷³ “Người phụ nữ trẻ ấy” (theo Castera): “thiếu mọi thứ như là cách xưng hô, nhưng kiêu hãnh một cách ngu xuẩn... có tài đạt được từ sa hoàng - đôi khi bằng cách dâng bók, đôi khi bằng cách khiển trách và thậm chí đôi khi bằng cách đánh đập ông ta - việc phục hồi một lời hứa ông đã nói với cô ta... là sẽ cưới cô ta và đặt cô ta, thay vì Catherine, lên ngai vàng nước Nga.”⁷⁴ Do quyền lực và rượu đến với ông ngày càng nhiều hơn, ông đối xử với Catherine một cách thô bạo, thậm chí công khai gọi nàng là một con ngốc.⁷⁵ Nam tước de Breteuil viết cho Choiseul: “Hoàng hậu [Catherine] đang ở trong tình trạng hiểm nghèo nhất và bị đối xử với sự khinh miệt tối đa... Tôi sẽ không ngạc nhiên, do biết được lòng can đảm và sự mãnh liệt của bà, nếu việc này đẩy bà đến hành động thái quá nào đó... Một số người bạn của bà đang gắng hết sức để xoa dịu bà, nhưng họ sẽ liều tất cả vì bà nếu bà yêu cầu.”⁷⁶

St. Petersburg và vùng phụ cận của thủ đô này đầy những người theo phe Catherine. Bà được lòng quân đội, triều đình và dân chúng. Người thân tín gần gũi nhất sau các thị nữ của bà và Grigori Orlov trong những ngày quyết định này là Ekaterina Romanovna, Công nương Dashkova. Vị phu nhân quả cảm và dám nghĩ dám làm này chỉ mới 19 tuổi nhưng do là con gái của Tể tướng Vorontsov và em gái của người tình của Peter, nàng đã nổi bật trong những công việc của triều đình. Peter, trong sự ngốc nghếch hay qua những ly rượu, đã tiết lộ với nàng ý định truất phế Catherine và đưa Elizaveta Vorontsova lên ngai vàng.⁷⁷ Dashkova mang tin này đến cho Catherine và xin bà tham gia vào một âm mưu hạ bệ Peter. Nhưng Catherine đã tổ chức một âm mưu cùng với Nikita Panin, sư phó của con trai bà là Paul và Kirill Razumovsky, nhà lãnh đạo dân Cossack ở Ukraine và Nikolai Korff, người đứng đầu lực lượng cảnh sát cùng các anh em Orlov và P. B. Passek, một sĩ quan trong trung đoàn địa phương.

Ngày 14 tháng Sáu, Peter ra lệnh bắt giữ Catherine; ông hủy mệnh lệnh này nhưng bảo bà phải lui về Peterhof, cách thủ đô 20km về phía tây. Bản thân Peter cũng rút về Oranienbaum cùng người tình của mình. Ông để lại các chỉ thị rằng quân đội nên sửa soạn dong buồm sang Đan Mạch và hứa gia nhập cùng họ vào tháng Bảy. Ngày 27 tháng Sáu, Trung úy Passek bị bắt vì đã viết những bài diễn văn xúc phạm đến Hoàng đế. Sợ anh ta bị tra tấn sẽ thú nhận âm mưu, Grigori và Alexei Orlov quyết định họ phải hành động ngay lập tức. Sáng sớm ngày 28, Alexei vội vã phi ngựa đến Peterhof, đánh thức Catherine khỏi giấc ngủ và thuyết phục bà cùng anh ta đi ngựa về St. Petersburg. Trên đường, họ dừng lại tại các doanh trại của trung đoàn Ismailovsky; các binh sĩ được triệu tập bằng một hồi trống; Catherine kêu gọi họ cứu nàng khỏi những mối đe dọa của Hoàng đế; họ thề bảo vệ bà; “họ lao đến hôn bàn tay và bàn chân tôi, gấu vấy tôi, gọi tôi là đấng cứu thế của họ” (Catherine viết cho Poniatowski như thế⁷⁸) - vì họ biết bà sẽ

không gửi họ đi Đan Mạch. Được hai trung đoàn và các anh em Orlov hộ tống, bà tiến thẳng đến Thánh đường Kazan, tại đây bà được tuyên bố là nhà lãnh đạo tuyệt đối của nước Nga. Trung đoàn Preobrazhensky gia nhập cùng bà ở đây và xin bà “tha thứ cho việc chúng tôi đến đây sau cùng.”⁷⁹ Đội Vệ binh Ky mã cũng đứng vào hàng ngũ và 14.000 binh lính hộ tống bà về Cung điện Mùa đông; tại đây Hội nghị của Giáo hội và Thượng viện chính thức thông báo việc truất phế Peter và Catherine lên ngôi. Một số chức sắc phản đối nhưng quân đội đe dọa làm họ tuyên thệ trung thành với Nữ hoàng.

Nàng khoác bộ đồng phục của một đại úy đội Vệ binh Ky mã và cưỡi ngựa dẫn đầu binh sĩ đến Peterhof. Sáng hôm đó, Peter đã đến đây để gặp bà; được biết về cuộc nổi dậy, ông chạy trốn đến Kronstadt; Münnich đề nghị đi cùng ông đến Pomerania và tổ chức một đạo quân để phục hồi ông. Peter, không thể quyết định, quay về Oranienbaum. Khi các lực lượng của Catherine tiến gần, ông mất một ngày cho những lời cầu xin thỏa hiệp. Rồi, vào ngày 29 tháng Sáu (theo lịch Caesar), ông ký vào chiếu thoái vị. “Ông ta tự cho phép mình bị lật đổ,” Frederick nói, “như một đứa trẻ tự để cho người ta bảo lên giường.”⁸⁰ Ông bị giam ở Ropsha, cách St. Petersburg 24km. Ông xin Catherine cho mình được giữ lại anh hầu Da đen, con chó cưng, chiếc vĩ cầm và người tình của mình. Ông được cho phép tất cả, ngoại trừ điều cuối cùng. Elizaveta Vorontsova bị trục xuất đi Moscow và biến mất khỏi lịch sử.

CHƯƠNG III

CATHERINE ĐẠI ĐẾ

1762-1796

I. NHÀ LÃNH ĐẠO TUYỆT ĐỐI



Hình 15. *Catherine Đại đế* (tranh của Fyodor Rokotov, 1763)

Catherine chiến thắng nhưng không được bảo vệ khỏi những mối nguy hiểm của một cuộc thay đổi hỗn loạn. Để tưởng thưởng cho các binh sĩ đã hộ tống bà lên nắm quyền, bà ra lệnh cho các quán rượu ở thủ đô cung cấp bia và rượu miễn phí cho họ; kết quả là tình trạng say sưa khắp nơi mà trong một thời gian suýt làm tan rã nền tảng quân sự của quyền lực bà. Vào nửa đêm ngày 29-30 tháng Sáu, Catherine mới có được giấc ngủ đầu tiên trong 48 giờ, bị một sĩ quan đánh thức dậy và tâu với bà: “Người của chúng ta say sưa kinh khủng. Một gã kỵ binh đã thét lên với họ: “Hãy cầm lấy vũ khí! Ba mươi nghìn quân Phổ đang đến để bắt mẹ của chúng ta [Catherine]!” Do đó họ đã tự vũ trang và đang đến đây để xem ngài thật sự thế nào.” Catherine mặc quần áo, bước ra, phủ nhận tin đồn về quân Phổ và thuyết phục binh lính của mình hãy về ngủ.¹

Paul, con trai của bà, giờ đây tám tuổi, cũng gây nguy hiểm cho bà. Panin, nhiều nhà quý tộc và đa số các giáo sĩ cảm thấy để cho mọi chuyện hợp pháp cần có Paul đăng quang làm hoàng đế và Catherine làm nhiếp chính. Bà sợ việc này sẽ đặt chính quyền vào tay của một chế độ quá đầu quý tộc, mà rồi sẽ tìm cách truất phế hoặc chế ngự bà. Bà chính thức tuyên bố Paul là người thừa kế ngai vàng nhưng những kẻ ủng hộ cậu ta tiếp tục gây náo loạn; và cậu con trai ngày càng ghét mẹ mình vì đã lừa đảo cậu để chiếm đoạt vương miện.

Khi tin tức về cuộc đảo chính lan truyền khắp nước Nga, rõ ràng là công luận bên ngoài thủ đô thù nghịch với Catherine. Thủ đô đã trực tiếp biết được các lỗi lầm của Peter và nói chung đồng ý rằng ông ta không phù hợp với việc cai trị; nhưng dân chúng Nga bên ngoài St. Petersburg biết ông chủ yếu qua những chính sách tự do vốn đã mang lại cho triều đại ông sự cao thượng nào đó. Quần chúng ở Moscow, quá xa xôi để cảm nhận được nét quyến rũ của Catherine, vẫn còn ỷ rỹ chống đối việc bà lên ngôi. Khi Catherine đưa Paul đi Moscow (thành trì của Chính Thống giáo), Paul được hoan nghênh

một cách nhiệt thành, còn Catherine được đón tiếp lạnh nhạt. Nhiều trung đoàn ở tỉnh tổ cáo binh sĩ Petersburg là những kẻ chiếm đoạt sức mạnh của quốc gia.

Chúng ta không biết liệu cảm tình rộng rãi đối với Peter có là một yếu tố trong cái chết của ông hay không. Bị suy sụp về tinh thần, vị sa hoàng ngã ngựa gửi những bức thư thỉnh nguyện nhục nhã cho vợ mình xin “thương xót ta và ban cho ta nguồn an ủi duy nhất” - người tình của ông - và để ông về với bà con của mình ở Holstein. Thay vì nhận được nguồn an ủi như thế, ông bị giam vào trong một căn phòng duy nhất và luôn bị theo dõi. Alexei Orlov, người đứng đầu đám lính canh giữ ông, chơi bài với ông và cho ông mượn tiền.² Ngày 6 tháng Bảy năm 1762, Alexei vội vã phi ngựa về St. Petersburg và báo với Catherine rằng Peter đã tranh cãi với ông ta và những người phục vụ khác và trong cuộc ẩu đả tiếp theo đã chết. Về cách thức cái chết của ông, lịch sử chỉ có những lời đồn đoán, không lời nào được xác nhận: rằng ông bị đầu độc hoặc siết cổ,³ rằng ông bị đánh đập đến chết,⁴ rằng ông chết vì “chứng viêm ruột và đột quỵ”;⁵ “những chi tiết của vụ giết người” vị sử gia mới nhất kết luận: “không bao giờ được tiết lộ đầy đủ và việc Catherine đóng vai trò gì trong đó vẫn không chắc chắn.”⁶ Không thể nào Catherine hạ lệnh làm việc này⁷ nhưng bà đã không trừng phạt ai vì nó, che giấu nó một ngày rồi mới công bố, trải qua hai ngày khóc lóc công khai và rồi đành chấp nhận sự đã rồi. Hầu hết châu Âu đều quy cho bà tội giết người, nhưng Đại đế Frederick, người đã mất rất nhiều vì vụ truất phế Peter, đã minh oan cho bà: “Nữ hoàng hoàn toàn không biết gì về tội ác này và bà ta nghe nói về nó với một sự tuyệt vọng không chút giả vờ vì bà tiên liệu một cách đúng đắn rằng giờ đây mọi người sẽ kết án bà.”⁸ Voltaire đồng ý với Frederick. Paul, con trai của Catherine, sau khi đọc những tài liệu riêng tư của mẹ do mẹ ông để lại khi qua đời, kết luận rằng Alexei đã giết Peter mà không có bất cứ mệnh lệnh hoặc yêu cầu nào của Catherine.⁹

Biến cố này tạo nên cũng như giải quyết, những vấn đề cho Catherine: nó gọi lên một loạt các âm mưu nhằm lật đổ bà và khiến cho bà bị kiệt sức và bị đẩy vào tình trạng hiểm nguy giữa sự hỗn loạn của công việc cai trị vây quanh bà. Về sau bà viết về thời kỳ này: “Thượng viện vẫn còn thờ ơ và làm ngơ trước những công việc quốc gia. Các đại biểu trong nghị trường đã đạt đến một mức độ mục nát và tan rã khiến cho họ khó có thể nhận biết.”¹⁰ Nước Nga chỉ vừa mới trỗi dậy từ một cuộc chiến tranh thắng lợi nhưng tốn kém; ngân khố nợ 13 triệu ruble và đang bị thâm thủng bảy triệu ruble mỗi năm; tình trạng của quốc khố nổi bật qua việc các chủ ngân hàng Hòa Lan từ chối cho nước Nga vay tiền. Việc trả lương cho binh lính bị chậm trễ nhiều tháng. Quân đội thiếu tổ chức tới mức Catherine lo sợ một cuộc xâm lược của những người Tatar ở Nam Nga vào Ukraine cũng có thể xảy ra vào bất cứ lúc nào. Triều đình bị kích động bởi những âm mưu và phản âm mưu, với mối lo sợ đánh mất hay mối hy vọng đạt được, những chức vụ béo bở hay quyền lực. Không lâu sau sự sụp đổ của Peter, vị đại sứ Phổ xem nó “chắc chắn rằng triều đại của Nữ hoàng Catherine sẽ không gì hơn là một giai đoạn ngắn ngủi trong lịch sử của thế giới.”¹¹ Đây là một điều mơ tưởng vì Frederick lấy làm tiếc về cái chết của người đồng minh tôn thờ của mình và Catherine đang bãi bỏ những mệnh lệnh của Peter nhằm giúp Frederick.

Nữ hoàng tìm cách trấn an sự chống đối của giới giáo sĩ bằng cách hoãn thi hành các sắc lệnh của Peter trong việc thế tục hóa đất đai của Giáo hội. Bà hâm nóng nhiệt tình của những người ủng hộ mình bằng những phần thưởng hào phóng; Grigori Orlov nhận được 50.000 ruble và được lên giường cùng Nữ hoàng. Bestuzhev được gọi về từ chốn lưu đày và phục hồi cuộc sống thoải mái nhưng không cho giữ chức vụ cũ. Những người đã chống đối bà được đối xử một cách khoan dung. Münnich phục tùng, được vui lòng tha thứ và được bổ nhiệm làm thống đốc Esthonia và Livonia. Những biện pháp này có thể giữ bà trên chiếc ghế lung lay nhưng

những yếu tố chính là lòng can đảm và trí thông minh của chính bà. Mười bảy năm trong vai trò một người vợ ít được ngó ngang tới của người thừa kế ngai vàng đã dạy cho bà, ngược với tính cách sôi nổi trẻ trung của mình, một mức độ kiên nhẫn, thận trọng, tự kiềm chế và khả năng che giấu của một nhà chính trị tài ba. Giờ đây, thách thức lời khuyên của Panin và nghi ngờ sự trung thành, chính trực và khả năng của Thượng viện, bà quyết định tập trung mọi quyền cai trị vào tay mình và đương đầu với các nhà quân chủ tuyệt đối của châu Âu với một chính sách chuyên chế có thể cạnh tranh với sự kết hợp của chủ nghĩa quân phiệt và triết học của Frederick. Bà không lấy chồng. Vì giới quý tộc kiểm soát Thượng viện, sự lựa chọn nằm giữa chính sách độc tài của vị quân vương và chế độ chuyên chế chặt chẽ của các lãnh chúa phong kiến - rõ ràng đây là sự lựa chọn mà Richelieu vào thế kỷ XVII ở Pháp phải đương đầu.

Catherine tập trung quanh mình những người có khả năng và chinh phục được lòng trung thành của họ, thường khi là tình yêu của họ. Bà bắt họ làm việc cật lực nhưng trả công cho họ hậu hĩ, có thể nói là quá hậu hĩ. Về huy hoàng và xa xỉ của triều đình bà trở thành lý do chính yếu làm tiêu hao các nguồn thu nhập. Đó là một triều đình hỗn tạp, bắt rễ trong tình trạng dã man, được che đậy bên ngoài bằng lớp sơn văn hóa Pháp và được cai trị bởi một người phụ nữ Đức nổi trội hơn các phụ tá của bà về giáo dục và trí tuệ. Những phần thưởng hào phóng của bà dành cho những công việc đặc biệt sinh ra tình trạng thi đua mà không kiểm soát nạn tham nhũng. Nhiều người trong đám cận thần của bà nhận hối lộ từ các chính phủ ngoại quốc; một số tỏ ra công bằng vô tư bằng cách nhận hối lộ từ các phe đối nghịch. Năm 1762, Catherine công bố với quốc dân một lời thú nhận đáng chú ý:

Trẫm xem đây là bốn phận chủ yếu và cần thiết khi tuyên bố với dân chúng, với sự chua xót chân thành trong lòng, rằng

trong một thời gian dài trầm đã nghe và giờ đây nhìn thấy những sự việc hiển nhiên, nạn tham nhũng đã phát triển đến mức độ nào trong Đế quốc của chúng ta, tới mức hiểm có cơ quan nào trong chính phủ mà trong đó... công lý không bị tấn công bởi sự lây nhiễm của bệnh dịch này. Nếu bất cứ ai yêu cầu có địa vị, hẳn ta phải trả tiền cho nó; nếu một người phải tự bảo vệ chống lại lời vu khống, cũng cần phải có tiền; nếu kẻ nào muốn vu khống người láng giềng của mình, hẳn ta có thể bảo đảm thành công của những kế hoạch xấu xa này bằng những món quà cáp.¹²

Trong số những âm mưu sinh sôi nảy nở chung quanh bà, có một số người muốn thay thế bà bằng Ivan VI. Bị truất phế trong vụ đảo chính tháng Mười hai năm 1741, giờ đây ông đang chịu 21 năm trong tù. Tháng Chín năm 1762, Voltaire lên tiếng e ngại rằng “Ivan có thể lật đổ vị nữ Mạnh thường quân của chúng ta” và ông viết: “Tôi e rằng Nữ hoàng của chúng ta sẽ bị giết chết.”¹⁴ Catherine đến thăm Ivan, và thấy ông ta là “một con người bị bỏ rơi đã đi tới chỗ điên loạn vì những năm tháng dài trong cảnh giam cầm.”¹⁵ Bà ra lệnh cho những kẻ canh giữ ông ta rằng trong trường hợp có bất cứ mưu toan nào nhằm giải thoát ông ta ra mà không được bà cho phép, họ nên giết ông ta hơn là giao nộp. Nửa đêm ngày 5 đến 6-7-1764, một sĩ quan quân đội là Vasili Mirovich xuất hiện tại nhà giam với một tờ giấy có nội dung là một mệnh lệnh của Thượng viện, buộc giao Ivan cho ông ta. Được nhiều binh sĩ ủng hộ, anh ta gõ vào cánh cửa của xà lim bên trong hai cai ngục đang ngủ với Ivan và đòi bước vào. Bị từ chối, anh ta ra lệnh mang đại bác đến để phá cửa. Nghe vậy, các cai ngục giết chết Ivan. Mirovich bị bắt; một tài liệu tìm thấy trên người anh ta tuyên bố rằng Catherine đã bị lật đổ và do đó, Ivan VI là sa hoàng. Tại vụ xử anh ta từ chối tiết lộ tên tuổi những kẻ đồng lõa. Anh ta bị xử tử. Công luận nói chung buộc tội Catherine đã giết Ivan.¹⁶

Các âm mưu vẫn tiếp tục. Năm 1768 một sĩ quan tên Choglokov khẳng định mình được Đức Chúa trời giao nhiệm vụ trả thù cho cái chết của Peter III, vũ trang bằng một con dao găm dài, tìm lối vào hoàng cung và nấp nơi một khúc quanh chỗ Catherine thường đi qua. Grigori Orlov nghe nói về âm mưu này và bắt Choglokov, anh ta kiêu hãnh thú nhận ý định giết Nữ hoàng. Anh ta bị đày đi Siberia.

II. NGƯỜI TÌNH

Bị vây quanh bởi những nhà quý tộc mà bà không thể tin tưởng và bị quấy rối bởi những âm mưu làm rối loạn chính quyền, Catherine phát minh ra một hình thức cai trị mới bằng cách biến những người tình kế tiếp nhau của bà thành những người điều hành chính phủ. Trong thời thăng hoa của họ, mỗi người tình của bà là tế tướng của bà. Bà bổ sung người của mình vào danh sách được hưởng những khoản thù lao nhờ chức vụ nhưng đổi lại, bà buộc họ làm việc một cách hiệu quả. Masson, một trong những kẻ thù người Pháp của Catherine viết: “Trong mọi chức vụ của chính phủ, không có nơi nào hoàn thành các bổn phận của mình một cách chu đáo... Có thể cũng không có vị trí nào Nữ hoàng không cho thấy một sự lựa chọn hoặc nhận thức sáng suốt hơn. Tôi tin không có trường hợp nào xảy ra việc các nhiệm vụ được thực hiện bởi một người thiếu khả năng.”¹⁷ Sẽ là sai lầm nếu nghĩ Catherine là một người phóng đảng; bà luôn bày tỏ thái độ hòa nhã bên ngoài, không bao giờ sa đà vào những cuộc trò chuyện rủi ro cũng như không bao giờ cho phép chuyện này khi bà có mặt.¹⁸ Đối với phần lớn những người tình của mình bà luôn mang lại một sự gắn bó trung thành - đối với vài người còn có cả sự âu yếm; những bức thư bà gửi cho Potemkin cho thấy một sự tận tụy hầu như của con gái và cái chết của Lanskoï làm bà đau đớn u sầu.

Bà tiếp cận công việc lựa chọn một sủng thần mới với cả nghệ thuật lẫn khoa học. Bà chăm chú chờ đợi những người đàn ông kết hợp được cả khả năng chính trị lẫn thể xác; bà mời một người có triển vọng dùng bữa với mình, kiểm tra cử chỉ và tinh thần của anh ta; nếu anh ta qua được đợt sát hạch này bà cho quan ngự y khám anh ta; nếu anh ta qua khỏi đợt kiểm tra này bà bổ dụng anh ta làm sĩ quan phụ tá, ban cho anh ta một mức lương hậu hĩ và nhận anh ta lên giường của mình. Hoàn toàn thiếu đức tin tôn giáo, bà không cho phép đạo đức Cơ Đốc can thiệp vào quá trình độc đoán chọn lựa các bộ trưởng của mình. Bà giải thích cho Nikolai Saltykov: “Ta phục vụ cho Đế quốc khi giáo dục các thanh niên có khả năng.”¹⁹ Quốc khố trả những khoản tiền lớn cho các sủng thần này mặc dù có thể ít hơn nhiều so với nước Pháp trả cho các nhân tình và thê thiếp của Louis XV. Castéra tính toán năm anh em Orlov đã nhận 17 triệu ruble, Potemkin 50 triệu, Lanskoï 7.260.000. Một số chi phí trong đó quay trở lại Nga dưới hình thức phục vụ hiệu quả. Potemkin, người được nuông chiều nhất trong số những người tình của bà, đã mang lại những lãnh thổ có lợi cho đế quốc.

Nhưng sao bà lại hay thay đổi những người tình của mình, đến với 21 người trong 40 năm? Vì có một số người không làm tròn được hai bốn phận cùng một lúc; một số người chết; một số chứng tỏ không trung thành; một số cần cho những chức vụ xa xôi. Một người, Rimsky-Korsakov, bị bà bắt gặp ngay trong nhà đang ôm một thị nữ của bà; Catherine chỉ thả hời anh ta. Một người khác là Mamonov bỏ bà để theo một bạn tình trẻ hơn; Nữ hoàng từ bỏ ông ta mà không trả thù.²⁰ “Có một nét rất đáng chú ý trong tính cách của Catherine” Masson nói: “là không có ai trong số các sủng thần của bà bị bà thù ghét hay báo thù mặc dù nhiều người trong bọn họ làm bà bức tức và việc họ rời bỏ chức vụ không tùy thuộc vào chính bà. Người ta không thấy ai trong bọn họ bị trừng phạt... Về phương diện này Catherine tỏ ra cao thượng hơn mọi phụ nữ khác.”²¹

Sau khi bà lên ngôi, Grigori Orlov giữ được uy thế của mình trong mười năm. Catherine tán dương ông ta một cách đả đốn:

Bá tước Grigori có tinh thần của một con đại bàng. Ta chưa bao giờ gặp một người nào hiểu thấu hơn bất kỳ vấn đề nào mà ông ta đảm nhận hoặc thậm chí được gợi ý cho ông... Lòng trung thực của ông ta miễn nhiễm với mọi lời công kích... Của đáng tội, giáo dục đã không có cơ hội nào cải thiện các phẩm chất và tài năng của ông, vốn thật sự tuyệt vời, nhưng cuộc sống bừa bãi của ông ta đã khiến nó nằm yên ít hoạt động.²²



Hình 16. Bá tước Grigory Orlov (Fyodor Rokotov, 1762 hoặc 1763)

“Con người này” ở một chỗ khác bà viết: “lẽ ra vẫn còn [là người tình và sủng thần của bà] mãi nếu ông ta không là người mệt mỏi đầu tiên.²³ Grigori lao động miệt mài cho việc giải phóng nông nô, đề nghị giải thoát các tín đồ Cơ Đốc khỏi cái ách của đế quốc Ottoman, phục vụ hữu hiệu trong các cuộc chiến tranh, làm triều đình bức tức bởi thái độ kiêu hãnh và xấc xược và trốn khỏi vòng tay của Catherine. Năm 1772, ông được thả hồi về sống trong cảnh giàu sang và tiện nghi tại các điền trang của mình. Em trai của ông trở thành đại thủy sư đô đốc, cầm đầu hạm đội Nga đánh bại quân Thổ, vẫn còn là người được yêu mến trong suốt triều đại của bà và còn sống để lãnh đạo các trung đoàn của ông chống lại Napoléon.

Kế tục Grigori trong tư cách sủng thần là một chàng Adonisⁱ vô danh tên Alexis Vassilchik, là người mà một phe trong triều gán cho Catherine để khiến bà không còn nghĩ đến con người đã bị thả hồi là Orlov nhưng bà thấy anh ta không có khả năng thích hợp về chính trị cũng như những chuyện khác và năm 1774, thay thế anh ta bằng Grigori Alexandrovich Potemkin. Ông này là một sĩ quan trong đoàn Cận vệ Kỵ binh, bà đã mặc bộ đồng phục của đơn vị này để cầm đầu họ chống lại Peter vào năm 1762. Nhận thấy thanh gươm của bà thiếu mất cái núm tua mà những người lính cận vệ kiêu hãnh mang, Potemkin giật lấy cái tua khỏi thanh gươm mình, liều lĩnh phi ngựa ra khỏi hàng ngũ và tặng cho bà món trang sức này. Bà chấp nhận món quà, tha thứ cho sự gan dạ của ông, ngưỡng mộ khuôn mặt đẹp trai và thân hình lực lưỡng của ông. Cha ông, một đại tá về hưu thuộc giới tiểu quý tộc, đã dự định cho ông đi theo con đường linh mục. Potemkin nhận được một sự giáo dục đáng kể về lịch sử, các tác giả kinh điển, thần học và xuất sắc ở Đại học Moscow. Nhưng ông thấy đời sống quân ngũ thích hợp với tính khí

i Adonis (thần thoại Hy Lạp) một chàng thanh niên đẹp trai, người yêu của nữ thần tình yêu và sắc đẹp Aphrodite (Venus trong thần thoại La Mã).

hoang đại và giàu tưởng tượng của mình hơn là chủng viện. Dĩ nhiên, ông bị thôi miên bởi sự kết hợp giữa sắc đẹp và quyền lực của Catherine. “Khi bà bước vào một căn phòng không có ánh đèn” ông nói: “bà làm nó sáng lên.”²⁴ Trong cuộc chiến tranh năm 1768, ông dẫn đầu trung đoàn kỵ binh của mình với sự dũng cảm liều lĩnh tới mức Catherine đã gửi đến ông lời khen ngợi cá nhân. Trở về St. Petersburg, ông bức tức vì ghen tị đối với anh em nhà Orlov và Vassilchik. Ông cãi lộn với anh em Orlov và trong một trận ẩu đả với họ, ông bị mất một con mắt.²⁵ Để không nghĩ đến Nữ hoàng - hoặc để khiến bà nghĩ tới mình, ông rời triều đình, sống tách biệt trong một khu ngoại ô, nghiên cứu thần học, không cạo râu cắt tóc và tuyên bố sẽ trở thành tu sĩ. Catherine thương hại ông, gửi cho ông lời nhắn rằng bà ngưỡng mộ ông và mời ông trở về. Ông cắt râu, tỉa lại mái tóc, khoác lên người bộ quân phục, xuất hiện trước triều đình và rộn rảng trước những nụ cười của Nữ hoàng. Khi Catherine thấy Vassilchik không đủ khả năng bà dang rộng vòng tay ra với Potemkin, lúc đó 24 tuổi, trên đỉnh của sinh lực đàn ông và vẻ quyến rũ sôi nổi. Chẳng bao lâu sau, bà ngất ngây vì ông cũng như ông vì bà. Bà trút đầy ơn mưa móc, tiền bạc, đất đai, nông nô lên ông và khi ông vắng mặt, bà gửi cho ông những lá thư tình khá ngây thơ của một nữ hoàng.

Thật kỳ quặc! Mọi thứ em từng cười vào nó giờ đây lại xảy đến với em, vì tình yêu của em đối với anh đã khiến em mù quáng. Những tình cảm em đã nghĩ là gốc ghềch, cường điệu và thiếu tự nhiên giờ đây chính em cũng trải nghiệm. Em không thể rời đôi mắt ngó ngán của mình khỏi anh...

Chúng ta chỉ có thể gặp nhau trong ba ngày tới đây, vì sau đó là tuần lễ đầu của Mùa chay, vốn được dành cho việc cầu nguyện và kiêng cử ăn uống và... gặp nhau sẽ là một trọng tội. Chỉ cần nghĩ đến sự chia cách này cũng làm em khóc.²⁶



Hình 17. *Potemkin trong bộ quân phục*
(tranh của Johann Baptist von Lampi Cha, 1790)

Ông đề nghị kết hôn với bà; một số sử gia tin rằng họ đã kết hôn bí mật; trong nhiều lá thư bà gọi ông là “chồng yêu dấu của em” và nói về mình là “vợ của anh”²⁷ - mặc dù chúng ta không bao giờ nên kết luận thực tế qua những lời nói. Ông dường như mê mẩn với bà, có thể bởi vì sự ham muốn vô độ của bà; tiếng gọi phiêu lưu tỏ ra mạnh hơn lời mời tấn công một thành trì đã khuất phục. Ảnh hưởng của ông đối với bà vẫn còn mạnh tới mức đa số những sủng thần đến sau chỉ có được điều này sau khi đã được ông tán thành.

Trường hợp này đúng với Piotr Zavadovsky, người đắm mình trong khuê phòng của bà từ năm 1776 đến 1777; với Simon Zorich (1777-1778), và Ivan Rimsky-Korsakov (1778-1780). Phải đợi đến Alexis Lanskoï (1780) bà mới có được những tình cảm yêu đương tự đáy lòng. Không những đẹp trai và có đầy đủ tài năng, ông còn là một người có tâm hồn nhạy cảm với thi ca và nhân từ, một người bạn thông minh của giới văn nghệ. “Mọi người dường như chia sẻ lòng mến chuộng của Nữ hoàng đối với ông.”²⁸ Bỗng dưng ông bị những cơn đau bụng không chịu nổi; triều đình nghi ngờ Potemkin đã đầu độc ông. Mặc cho mọi thuốc men cứu chữa và sự chăm sóc tận tình của Catherine, ông đã chết, trút hơi thở cuối cùng trong cánh tay bà. Bà trải qua ba ngày trong cảnh đau buồn và tách biệt. Chúng ta nghe thấy người phụ nữ phía sau nhà cai trị - con tim phía sau lịch sử - trong bức thư của bà đề ngày 2-7-1784:

Tôi nghĩ mình sẽ chết vì nổi mắt mắt không gì bù đắp nổi này... Tôi đã nghĩ anh sẽ là nguồn nâng đỡ tôi trong tuổi già. Anh là người ân cần chu đáo, anh học nhiều, anh đáp ứng mọi sở thích của tôi. Anh là một chàng thanh niên mà tôi cất nhắc và là người biết ơn, tử tế, tốt bụng... Lanskoï không còn nữa... và căn phòng của tôi, trước đây thú vị biết bao, đã trở thành một nơi tôi tàn trống trải; trong đó, tôi lê bước đi như một chiếc bóng... Tôi không thể nhìn một khuôn mặt con người mà tiếng nói của tôi không ghen ngào... Tôi không thể ngủ hoặc ăn... Tôi không biết mình sẽ ra sao.²⁹

Trong một năm, bà không muốn có một người tình; rồi bà nhượng bộ trước Alexis Ermolov (1785-86), ông này làm Potemkin phật lòng tới mức nhanh chóng bị thay thế bởi Alexis Mamonov. Alexis sớm mệt mỏi trước người tình 57 tuổi của mình; ông xin phép cưới Công nương Sherbatov;

Catherine ban cho cặp này một đám cưới cung đình, và tiễn đưa họ với những món quà tặng hậu hĩ (1790).³⁰ Người cuối cùng trong bản danh sách là Platon Zubov (1789-1796), một trung úy trong đoàn kỵ binh Cận vệ, lực lưỡng và đầy nam tính. Catherine biết ơn về những sự phục vụ của anh ta; bà đích thân lo liệu việc giáo dục của anh ta và chăm chút với việc đối xử với anh ta như con trai. Anh ta ở lại với bà cho đến lúc bà mất.



Hình 18. Catherine II trong tuổi ngũ tuần
(tranh của Johann Baptist von Lampi Cha)

III. TRIẾT GIA

Cùng với tình yêu và chiến tranh, việc cai trị và ngoại giao, người phụ nữ đáng kinh ngạc này vẫn có thời gian dành cho triết học. Chúng ta nhận thức được mức độ nổi tiếng của các *philosophe*ⁱ (triết gia) Pháp khi thấy hai nhà cai trị xuất sắc nhất của thế kỷ XVIII lấy làm kiêu hãnh khi trao đổi thư từ với họ, và cạnh tranh nhau để được họ khen ngợi.

Từ lâu trước khi lên ngôi Catherine đã yêu thích phong cách, trí thông minh hóm hỉnh và những thái độ bất kính của Voltaire và đã mơ trở thành một “nhà chuyên chế sáng suốt” của những giấc mơ của ông. Hẳn bà cũng thích Diderot vì vào tháng Chín năm 1762, bà đã đề nghị in bộ *Encyclopédie*ⁱⁱ ở St. Petersburg nếu chính quyền Pháp tiếp tục cấm nó. Ngày nay chỉ còn lại một trong số những lá thư bà viết cho Voltaire vào trước năm 1765, nội dung trả lời cho vài dòng chữ ông đã gửi cho bà vào tháng Mười năm 1763:

Lần đầu tiên tôi lấy làm tiếc mình không phải là một thi sĩ và phải trả lời những câu thơ của ông bằng văn xuôi. Nhưng tôi phải nói với ông rằng kể từ năm 1746 tôi đã chịu ơn ông

i *philosophe* (triết gia, in nghiêng): Chỉ chung các nhà văn, nhà khoa học hoặc nhà tư tưởng trong thời Khai minh ở Pháp vào thế kỷ XVIII; mặc dù quan điểm cá nhân khác biệt nhưng tất cả đều tin chắc vào ưu thế của lý trí con người như: Voltaire, Montesquieu, Rousseau, Diderot, d'Alembert, Condillac...

ii *Encyclopédie*, tên đầy đủ là *Encyclopédie, Ou Dictionnaire Raisonné Des Sciences, Des Arts Et Des Métiers* (Bách khoa Từ điển, hay Từ điển có lý luận về các khoa học, nghệ thuật và nghề nghiệp) là bộ tự điển bách khoa của Pháp vào thế kỷ XVIII, một trong những công trình chủ yếu của các *Philosophe*, vốn là những người chủ trương xúc tiến khoa học và tư tưởng thế tục cũng như tinh thần khoan dung và cởi mở của Thời Khai minh. Đây là công trình văn học và triết học có tầm ảnh hưởng sâu rộng về chính trị, xã hội và tri thức ở nước Pháp ngay trước cuộc Đại Cách mạng. Các tác giả đóng góp vào bộ sách được gọi là *Encyclopédiste* (Nhà Bách khoa).

nhieu nhất. Trước thời gian đó, tôi đã không đọc gì ngoài những truyện tình cảm lãng mạn, nhưng tình cờ các tác phẩm của ông đã rơi vào tay tôi, và kể từ đó tôi đã không ngừng đọc chúng, và không hề có ý muốn đọc những cuốn sách viết ít hay hơn sách của ông, hoặc ít bổ ích hơn... Do đó tôi liên tục quay về với tác giả ưa thích của mình như một thú tiêu khiển sâu sắc nhất. Dĩ nhiên, thưa ông, nếu tôi có được chút kiến thức nào thì đó là nhờ ông. Hiện tôi đang đọc cuốn *Essai sur l'histoire générale*ⁱ và tôi muốn học thuộc lòng từng trang của nó.³¹

Trong suốt đời mình hoặc cho đến khi họ chết, Catherine đã trao đổi thư từ với Voltaire, Diderot, d'Alembert, Bà Geoffrin, Grimm và nhiều nhân sĩ Pháp khác. Bà đóng góp vào quỹ của Voltaire để vận động cho Calasⁱⁱ và gia đình Sirven.ⁱⁱⁱ Chúng ta đã thấy bà đặt những lô hàng đồng hồ lớn từ Ferney, và những lô vớ dài do những người thợ của Voltaire đan, đôi khi (nếu chúng ta có thể tin lời con cáo già^{iv}) của chính Voltaire. Chính một chiếc lông trong cái mũ chòm của ông

i *Essai sur l'histoire générale*: (Tiếng Pháp) Luận về lịch sử thế giới.

ii *Jean Calas* (1698-1762): Thương gia vãi Ấn Độ ở Toulouse là một tín đồ Tin Lành. Năm 1761, Jean Calas phát hiện con trai cả của mình là Marc-Antoine, 29 tuổi, treo cổ chết trong cửa hàng. Để giữ danh dự cho gia đình, ông giấu việc tự tử. Những kẻ vụ khống, được khích động bởi lòng cuồng tín tôn giáo, buộc tội Calas đã giết con mình để ngăn anh ta cải sang đạo Công giáo. Vụ việc được đưa ra trước Đại pháp viện Toulouse: Calas bị kết án tử hình và bị hành quyết ngày 10-3-1762. Biết được tin này, Voltaire tung ra một chiến dịch rầm rộ để làm cho công luận phải xúc động, công bố tác phẩm *Traité sur la tolérance* (Luận về sự khoan dung, 1763), kêu gọi Bà Pompadour, Choiseul, cùng các đại thần khác. Ngày 4-6-1764 Hội đồng Nhà Vua hủy bỏ bản án của Đại pháp viện Toulouse và phục hồi danh dự cho Calas (1765).

iii Vụ Sirven: Một vụ án diễn ra ở Mazamet vào năm 1760 cùng lúc với vụ Calas nổi tiếng. Việc Voltaire cũng đã tham gia vào vụ này, cho thấy tinh thần bất khoan dung về tôn giáo dưới Chế độ cũ ngay trước cuộc Cách mạng Pháp.

iv Chỉ Voltaire.

mà những cái đầu đội vương miện đã phải tôn vinh ông và ông đáp lại Catherine bằng cách trở thành nhân viên báo chí của bà ở Pháp. Ông miễn cho bà tội đồng lõa trong cái chết của Peter III. “Tôi biết” ông viết: “rằng Catherine bị trách móc về vài chuyện vặt vãnh liên quan đến cái chết của chồng bà; nhưng đó là những vấn đề gia đình mà tôi không muốn can dự vào.”³² Ông kêu gọi bạn bè ủng hộ ông trong việc ủng hộ Catherine; cũng như kêu gọi d’Argental:

Tôi muốn xin ông một ân huệ nhỏ cho Catherine của tôi. Chúng ta phải tạo dựng danh tiếng của bà ta giữa những người xứng đáng ở Paris. Tôi có những lý do mạnh mẽ để tin rằng các ngài Công tước Praslin và Choiseul không xem bà ta như là người phụ nữ thận trọng nhất trên đời. Mặc dù vậy tôi biết... rằng bà ta đã không đóng vai trò gì trong cái chết của cái gã say sưa của bà... Ngoài ra, ông ta là kẻ ngu ngốc nhất từng ngự trên một chiếc ngai vàng... Chúng ta chịu ơn Catherine vì đã có can đảm truất phế chồng mình, vì bà ta trị vì với sự khôn ngoan và vinh quang và chúng ta phải ban phúc cho một chiếc đầu đội vương miện đã thực hiện chính sách khoan dung tôn giáo qua suốt 135 độ kinh tuyến... Vậy xin ông hãy nói tốt nhiều cho Catherine.³³

Bà du Deffand nghĩ việc bào chữa cho Nữ hoàng này đáng xấu hổ; Bà de Choiseul và Horace Walpole lên án nó.³⁴ Praslin và Choiseul, những người đang điều hành chính sách ngoại giao của nước Pháp, không thể được mong đợi sẽ ngưỡng mộ một Nữ hoàng đang chống lại ảnh hưởng của Pháp ở Ba Lan và thách thức nó ở Thổ Nhĩ Kỳ. Bản thân Voltaire đôi khi cũng nghi ngờ. Khi được biết Ivan VI bị giết, ông buồn rầu công nhận rằng “chúng ta phải hạ bớt nhiệt tình của mình” đối với Catherine.³⁵ Nhưng không lâu sau đấy, ông lại khen ngợi chương trình lập pháp của bà, việc bà bảo trợ cho nghệ thuật, chiến dịch của bà nhằm mang lại tự do tôn giáo ở Ba Lan;

giờ đây (18-5-1767) ông tặng cho bà danh hiệu “Semiramis của phương Bắc.”ⁱ Khi bà lâm chiến với Thổ, ông ngưng việc tấn công vào *l’infâme* (điều ô nhục - Giáo hội Công giáo) để hoan nghênh cuộc thập tự chinh của bà nhằm cứu các tín đồ Cơ Đốc khỏi người Hồi giáo.

Tương tự, Diderot cũng bị quyến rũ bởi người đẹp ngồi trên ngai vàng, nhưng với những lý do thực tế. Khi Catherine nghe nói ông định bán thư viện của mình để lấy tiền làm của hồi môn cho con gái, bà đã chỉ thị cho người của mình ở Paris phải mua nó với bất cứ giá nào mà ông đòi hỏi. Ông đòi hỏi và nhận được 16.000 livre. Rồi bà xin Diderot hãy giữ những cuốn sách của ông cho đến cuối đời và là người chăm sóc chúng cho bà với mức lương 1.000 livre mỗi năm; ngoài ra, bà còn trả trước 25 năm tiền lương của ông. Một sớm một chiều Diderot trở nên giàu có và là người bảo vệ cho Catherine. Khi bà mời ông đến thăm, ông khó có thể từ chối. “Một lần trong đời” ông nói: “người ta phải gặp một phụ nữ như thế.”³⁶

Sau khi đã sắp xếp công chuyện tiền bạc cho vợ và con gái mình, ông lên đường, ở tuổi sáu mươi (3-6-1773), bắt đầu cuộc hành trình dài đằng đặc và vất vả đến St. Petersburg. Ông nấn ná hai tháng ở The Hague, hưởng thụ danh tiếng; đi qua Dresden và Leipzig; cẩn thận tránh Berlin và Frederick là người ông đã có một số nhận xét châm chích. Hai lần trong chuyến đi ông bị đau bụng dữ dội. Ông đến St. Petersburg ngày 9 tháng Mười và được vị nữ Sa hoàng tiếp đón vào ngày hôm sau. Ông kể lại: “Không ai hơn bà biết cách làm cho mọi người thoải mái.”³⁷ Bà yêu cầu ông hãy nói chuyện thẳng thắn: “như giữa đàn ông với nhau.” Ông làm như lời khuyên, và diễn tả bằng điệu bộ theo cách quen thuộc của ông, mạnh mẽ phát biểu ý kiến tới mức vỗ vào đùi của Nữ hoàng.

i *Semiramis*: Theo truyền thuyết, là người tạo dựng nên thành Babylon và là vợ của Nimus, vua xứ Assyria. Bà đã cai trị xứ sở này một cách xuất sắc sau khi chồng qua đời.

“Ông Diderot của Bà” Catherine viết cho Bà Geoffrin: “là một con người phi thường. Tôi thoát khỏi cuộc trò chuyện cùng ông ta với các bắp đùi bầm tím, hầu như là đen. Tôi đã buộc phải đặt một chiếc bàn giữa hai chúng tôi để bảo vệ cho chính tôi và tứ chi của tôi.”³⁸

Trong một thời gian ông cố đóng vai một nhà ngoại giao, cũng như Voltaire đối với Frederick và xoay chuyển nước Nga từ chỗ đồng minh với Áo và Phổ sang làm đồng minh với Pháp;³⁹ bà sớm chuyển ông sang các đề tài gần với công việc của ông hơn. Ông nói khá chi tiết với bà nước Nga có thể bị biến thành một xứ không tưởng như thế nào; bà vui vẻ lắng nghe nhưng vẫn hoài nghi. Về sau, bà kể lại những cuộc đàm thoại này trong một bức thư gửi cho Bá tước Louis-Philippe de Ségur:

Tôi thường xuyên trò chuyện nhiều với ông ta, nhưng do óc tò mò hơn là bổ ích. Nếu tôi tin theo ông ta, mọi thứ trong vương quốc tôi đã đảo lộn hết; luật pháp, hành chính, tài chính - tất cả sẽ bị hỗn loạn để nhường chỗ cho những lý thuyết không thực tế... Rồi, nói thẳng với ông ta, tôi bảo: “Thưa ông Diderot, tôi đã rất thích thú lắng nghe tất cả những gì mà trí tuệ thông minh của ông đã gọi lên. Với tất cả những nguyên lý cao thượng của ông, người ta sẽ viết nên những cuốn sách giá trị, nhưng làm những công việc thực tế rất tồi tệ... Ông chỉ viết lên giấy, vốn có thể chịu đựng mọi thứ; nhưng tôi, Nữ hoàng đáng thương, tôi viết lên da người, vốn dễ bị kích thích và tế nhị đến một mức độ khác...” Sau đấy, ông ta chỉ nói về văn học.⁴⁰

Khi gặp một số ghi chú ông đã viết “Theo các chỉ thị của Nữ hoàng... về việc soạn thảo các luật lệ” bà mô tả chúng (sau khi ông mất) như là “những lời lảm nhảm thật sự, trong đấy người ta không thể tìm thấy kiến thức về thực tế cũng như sự thận trọng hoặc sự thấu hiểu.”⁴¹ Mặc dù vậy, bà thích thú

lối trò chuyện sinh động của ông và nói chuyện với ông hầu như mỗi ngày trong thời gian dài ông ở lại đây.ⁱ

Sau năm tháng cực kỳ hạnh phúc trong tình bạn với bà và những điều bực dọc ở triều đình của bà, Diderot quay về nhà. Catherine ra lệnh đóng một cỗ xe đặc biệt cho ông, trong đó ông có thể ngồi tựa thoải mái. Bà hỏi ông thích món quà tặng gì; ông trả lời, Không, nhưng ông nhắc việc bà đã không giữ lời hứa trả lại chi phí cho chuyến đi của ông. Ông tính toán các chi phí này là 1.500 ruble, bà trao cho ông 3.000 và một chiếc nhẫn đắt tiền rồi cử một sĩ quan tháp tùng ông đến tận The Hague. Về đến Paris, ông ca tụng bà với lòng biết ơn.

Catherine không tiếp cận Rousseau vì ông hoàn toàn đối nghịch một cách chán ngắt với bà về tâm tính cũng như ý tưởng. Nhưng bà nuôi dưỡng mối quan hệ với Melchior Grimm vì biết tờ *Correspondance littéraire* (Thư tín văn học) của ông được nhiều người có ảnh hưởng ở châu Âu đọc. Ông đi bước đầu tiên bằng cách đề nghị (năm 1764) gửi cho bà những số báo của ông; bà đồng ý, và trả cho ông 1.500 ruble mỗi năm. Ông gặp bà lần đầu tiên khi đến St. Petersburg (1773) trong đoàn tùy tùng của Ông hoàng Hesse-Darmstadt đi dự đám cưới người em gái của Ông hoàng với Đại Công tước Paul. Catherine thấy ông thực tế hơn nhiều so với Diderot và có được thông tin rất hữu ích về mọi sắc thái của cái thế giới Paris vốn mê hoặc bà với nền văn chương, triết học, nghệ thuật, phụ nữ và các khách thính của nó. Bà mời ông tán gẫu với mình hằng ngày trong suốt mùa đông năm 1773-1774. Bà viết cho Voltaire về những cuộc gặp gỡ này: “Trò chuyện với Ông Grimm là một niềm vui thích đối với tôi; nhưng chúng tôi có quá nhiều điều để nói với nhau khiến cho đến giờ những cuộc đàm đạo của chúng tôi mang tính hăm hở hơn là có trật tự hoặc theo trình tự.” Trong không khí

i Chuyện Euler làm cho Diderot bối rối trước triều đình Nga bằng một chứng minh bằng phép đại số tưởng tượng về sự hiện hữu của Thượng đế có lẽ không đáng tin.⁴² (Durant)

nồng nhiệt của những cuộc trò chuyện này, bà liên tục tự nhắc nhở mình rằng (theo chính lời bà) bà phải trở lại với việc *gagne-pain* - kiếm ăn của mình bằng cách chú tâm vào việc cai trị.⁴³ Grimm trở về Paris tràn đầy lòng nhiệt thành đối với Catherine như là “dưỡng chất của linh hồn tôi, nguồn an ủi của con tim tôi, niềm kiêu hãnh của tinh thần tôi, niềm hân hoan vủa nước Nga, và hy vọng của châu Âu.”⁴⁴ Năm 1776 ông lại viếng thăm St. Petersburg và trong một năm hầu như ngày nào cũng gặp bà. Bà xin ông ở lại và giám sát việc tái tổ chức nền giáo dục Nga nhưng ông cảm thấy nhớ Paris và Bà d'Épinay. Catherine không ghen tị. Khi được biết Bà d'Épinay đang lâm vào cảnh túng thiếu, bà đã gửi cho bà ta, với sự quanh co tế nhị, đủ tiền để đáp ứng các nhu cầu.⁴⁵ Từ năm 1777, Grimm phục vụ như người đại diện của Catherine ở Pháp phụ trách việc mua các tác phẩm nghệ thuật và những sứ mạng riêng tư. Tình bạn của ông với bà ta kéo dài cho đến khi bà mất mà không gặp chút rắc rối nào.

Những kết quả của việc chế độ độc tài và triết học ve vãn qua lại là gì? Trong mức độ nuôi dưỡng các *philosophe* như những nhân viên báo chí của bà ở Pháp, tác dụng chính trị là con số không. Chính sách của Pháp, và do đó các sử gia Pháp, vẫn còn thù địch một cách cay đắng đối với một nước Nga ngăn cản những mục tiêu của Pháp ở Đông Âu. Nhưng sự ngưỡng mộ của bà đối với các anh hùng của thời Khai minh Pháp là thành thật; nó đã bắt đầu từ lâu trước khi bà lên ngôi. Nếu giả tạo, nó đã không thể chịu đựng những sự mâu thuẫn dai dẳng như thế với Diderot và Grimm. Mối quan hệ của bà với tư tưởng Pháp đã giúp Âu hóa giới có học Nga và thay đổi cái nhìn của phương Tây về nước Nga như là một con thú vật khổng lồ. Nhiều người Nga theo gương Catherine, trao đổi thư từ với các nhà văn Pháp và cảm nhận được ảnh hưởng của văn hóa, phong tục và nghệ thuật Pháp. Một số người Nga ngày càng tăng viếng thăm Paris và mặc dù nhiều người dùng thì giờ cho những cuộc phiêu lưu tình dục, cũng

có nhiều người viếng thăm các khách thánh, viện bảo tàng, và triều đình, đọc văn chương và triết học Pháp và mang về cùng họ những ý tưởng vốn dựa phần vào cơn bột phát của văn học Nga ở thế kỷ XIX.

IV. CHÍNH KHÁCH

Chúng ta khó hoài nghi những ý định tốt đẹp của Catherine trong những năm đầu của triều đại bà. Trong cuốn *Télémaque* (tác giả là Fénelon) của bà, người ta tìm thấy những quyết tâm sau đây:

Nghiên cứu nhân loại, học cách sử dụng con người mà không để cho họ chi phối ngược lại mình. Tìm người có phẩm chất xứng đáng, dù cho họ ở tận cùng thế giới vì thường thì họ khiêm tốn và ẩn dật.

Không tự cho phép mình trở thành con mồi của những kẻ nịnh bợ; làm cho họ hiểu rằng bạn không quan tâm đến lời ca ngợi hoặc thái độ khúm núm. Tin tưởng những người có can đảm cãi lại bạn... và biết đánh giá cao danh tiếng hơn là ân sủng của bạn. Hãy lịch sự, nhân đạo, dễ tiếp xúc, có lòng trắc ẩn và tinh thần tự do. Đừng để cho sự vĩ đại của bạn ngăn bạn hạ cố tỏ ra tử tế với người dưới và ngăn bạn đặt mình vào vị trí của họ. Tuy nhiên, đừng để cho sự tử tế này làm yếu đi uy quyền của bạn hoặc giảm bớt lòng kính trọng của họ... Không chấp nhận mọi tính chất giả tạo.

Không để cho thế giới tiêm nhiễm bạn tới mức khiến bạn đánh mất đi những nguyên lý cổ xưa về danh dự và đạo đức...

Tôi thề có Chúa sẽ ghi khắc những lời này vào tim mình.⁴⁶

Bà siêng năng thu thập thông tin về mọi đề tài liên quan và viết những huấn thị chi tiết về hàng nghìn chủ đề từ huấn luyện quân đội và những hoạt động công nghiệp cho đến việc ăn mặc trong triều đình của bà và việc biểu diễn những vở nhạc kịch

và kịch. Một trong những người viết tiểu sử bà sớm nhất và ít thân thiện nhất nói:

Tham vọng không dập tắt đam mê lạc thú trong tâm hồn Catherine. Nhưng bà biết làm thế nào để từ chối lạc thú và khiến cho việc chuyển đổi từ đam mê sang công việc trở nên nghiêm chỉnh nhất và áp dụng vào việc cai trị không chút mỏi mệt. Bà tham dự tất cả những buổi tranh luận của Hội đồng [Nhà nước], đọc báo cáo của các đại sứ của bà và đọc cho chép, hoặc chỉ ra... những câu trả lời cho họ. Bà chỉ giao phó cho các bộ trưởng của mình những chi tiết của công việc và vẫn dõi mắt theo sát quá trình thực hiện chúng.⁴⁷

Công việc cai trị lãnh thổ rộng lớn của bà hầu như không thể kham nổi bởi số lượng (mười nghìn khu vực), sự khác biệt, những sự mâu thuẫn và tình trạng rối rắm của các luật lệ hiện hành. Hy vọng đóng vai Hoàng đế Justinianⁱ cho nước Nga và củng cố quyền hành của mình, ngày 14-12-1766, Catherine đã triệu tập đến Moscow các nhân viên hành chính và chuyên gia pháp lý từ mọi miền của đế quốc để thực hiện công cuộc duyệt xét và điển chế toàn bộ luật pháp nước Nga. Để sửa soạn cho việc họ đến, bà đã đích thân chuẩn bị một bản *Nakaz*, hay *Chỉ thị*, mô tả những nguyên lý mà dựa trên đó bộ luật mới sẽ được hình thành. Chúng cho thấy bà đã đọc Montesquieu, Beccaria, Blackstone và Voltaire. Bà bắt đầu bằng cách tuyên bố rằng nước Nga phải được nghĩ đến như là một nhà nước châu Âu và phải có một bản hiến pháp dựa trên “những nguyên lý của châu Âu.” Theo cách hiểu của bà, điều này không có nghĩa là một “chính phủ lập hiến” phức tạp một cơ quan lập pháp do dân chúng chọn lựa; trình độ

i Chỉ việc Hoàng đế Justinian I của Đế quốc Byzantine (trị vì 527-565) cho soạn luật pháp La Mã lại thành một bộ luật thống nhất dưới tên Corpus Juris Civilis (Dân Luật Đại Toàn), ngày nay vẫn còn là nền tảng của dân luật tại một số nước.

giáo dục của nước Nga không cho phép có một quyền bầu cử thậm chí rất giới hạn như ở nước Anh. Nó có nghĩa là một chính phủ trong đó nhà cai trị, mặc dù sau cùng là nguồn gốc duy nhất của luật pháp, cai trị tuân theo luật pháp. Catherine ủng hộ hệ thống phong kiến - tức là, hệ thống của lòng trung thành và những nghĩa vụ giữa người nông dân và chư hầu, giữa chư hầu và lãnh chúa, giữa lãnh chúa và quân vương - như là điều không thể thiếu cho trật tự kinh tế, chính trị và quân sự của nước Nga vào năm 1766 (một lãnh thổ gồm những cộng đồng hầu như tách biệt nhau và tách biệt với trung tâm của chính quyền, do những khó khăn về giao thông và vận chuyển); nhưng bà nhấn mạnh rằng các quyền của giới chủ đối với nông nô của họ phải được pháp luật quy định và giới hạn, rằng nông nô phải được cho phép sở hữu tài sản và rằng việc xét xử và trừng phạt các nông nô phải được chuyển từ lãnh chúa phong kiến sang một thẩm phán công cộng chịu trách nhiệm trước một tòa án hàng tỉnh và tòa án này chịu trách nhiệm trước vị quân vương.⁴⁸ Mọi phiên xử phải công khai, việc tra tấn không được dùng đến, hình phạt tử hình nên được bãi bỏ trong luật pháp cũng như trên thực tế. Việc thờ cúng của tôn giáo phải được tự do; “giữa quá nhiều tín ngưỡng khác nhau, sai lầm tai hại nhất sẽ là sự bất khoan dung.”⁴⁹ Trước khi in ra, bản *Nakaz* được bà trình bày với các cố vấn; họ cảnh báo bà rằng bất cứ sự thay đổi đột ngột nào của luật pháp khỏi tục lệ hiện hành sẽ đẩy nước Nga vào cảnh rối loạn; và bà cho phép họ thay đổi các đề nghị của bà, đặc biệt là những điều liên quan đến việc giải phóng nông nô dần dần.⁵⁰

Ngay cả khi bị lược bỏ như vậy, bản *Chỉ thị* được xuất bản ở Hòa Lan vào năm 1767 vẫn khiến cho giới trí thức châu Âu khen ngợi nhiệt tình. Nữ hoàng trực tiếp gửi một bản sao cho Voltaire, ông vẫn tỏ ra tôn sùng như thường lệ. “Thưa Bà, đêm qua tôi đã nhận được một trong những bảo đảm về sự bất tử của bà - bộ luật của bà trong một bản dịch tiếng Đức.

Hôm nay tôi đã bắt đầu dịch nó sang tiếng Pháp. Nó sẽ xuất hiện bằng tiếng Trung Hoa, bằng mọi thứ tiếng; nó sẽ là một cuốn phúc âm cho toàn thể nhân loại.”⁵¹ Và trong những bức thư sau đây ông nói thêm: “Các nhà lập pháp có địa vị đứng đầu trong ngôi đền vinh quang; các nhà chinh phục chỉ đi sau họ... Tôi xem bản *Chỉ thị* như là công trình đẹp đẽ nhất thế kỷ.”⁵² Chính quyền Pháp cấm bán bản *Chỉ thị* trên nước Pháp.

Bản Nakaz đã chỉnh sửa được trình lên “Ủy ban dự thảo bộ luật mới” và Ủy ban nhóm họp vào ngày 10-8-1767. Tổ chức này bao gồm 564 thành viên, được bầu bởi những nhóm khác nhau: 161 người từ giới quý tộc, 208 từ các thị trấn, 79 từ giới nông dân tự do, 54 từ dân Cossack, 34 từ các bộ lạc không phải người Nga (theo Cơ Đốc giáo hoặc không) và 28 người từ chính quyền. Giới tu sĩ không được đại diện như một giai cấp và những người nông nô không có đại diện nào. Về một phương diện nào đó Ủy ban giống như Hội nghị Quốc dân Đại biểu nhóm họp tại Paris năm 1789; và, cũng như trong hội nghị nổi tiếng hơn đó, các đại biểu mang đến cho chính phủ những danh sách về những lời kêu ca và những đề nghị cải cách từ các cử tri của họ. Các tài liệu này được chuyển cho Nữ hoàng và chúng mang lại cho bà và các phụ tá một cái nhìn tổng quát có giá trị về tình hình của vương quốc.

Ủy ban không được phép thông qua luật lệ nhưng cố vấn cho quốc vương về tình trạng và nhu cầu của mỗi giai cấp hay địa hạt và đưa ra những gợi ý về việc lập pháp. Các đại biểu được bảo đảm quyền tự do phát biểu và bất khả xâm phạm đối với bản thân. Một số người đề nghị giải phóng tất cả nông nô, một số đòi hỏi quyền sở hữu nông nô phải được nói rộng hơn nữa. Tháng Mười hai năm 1767, Ủy ban ngừng họp; tháng Hai năm 1768, họ chuyển về St. Petersburg; tính chung họ đã họp 203 phiên. Ngày 18-12-1768 Ủy ban hoãn họp *sine die*ⁱ

i *Sine die* (Latinh): vô thời hạn



Herr mein Gott! vernimm mich,
 gib mir Verstand, dein Volk
 zu richten, nach deinem heili-
 gen Gesetze und nach der Wahr-
 heit!

Instruction

für die zu Verfertigung des Ent-
 wurfs zu dem neuen Gesetz-Buche
 verordnete Commission.

*Seigneur mon Dieu! sois atten-
 tif à ma voix, & donne moi
 de l'intelligence pour juger
 ton peuple selon ta sainte Loi
 & selon la justice.*

INSTRUCTION

Pour la Commission chargée de
 dresser le Projet d'un nouveau
 Code des Loix.



1.

Die Christliche Religion lehret
 uns, einer dem andern so
 viel gutes zu thun, als uns
 möglich ist.



1.

La Religion Chrétienne nous
 enseigne de nous faire
 les uns aux autres tout le
 bien que nous pouvons.

A 2

Hình 19. Trang tiêu đề của bản Nakaz

vì cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ bùng nổ đã kêu gọi nhiều đại biểu ra mặt trận. Công việc dự thảo bộ luật được giao lại cho các phân ban, một số phân ban này tiếp tục họp cho đến tận năm 1775; nhưng không có bộ luật nào được hình thành. Catherine không hoàn toàn phật lòng với kết quả bỏ lửng này. “Ủy ban” bà nói: “...đã mang lại cho tôi ánh sáng và kiến thức về toàn bộ Đế quốc. Giờ đây tôi biết điều gì cần thiết và tôi nên bận tâm với điều gì. Ủy ban đã soạn thảo tỉ mỉ mọi phần của bộ luật và đã phân phối công việc cho những người cụ thể. Lẽ ra tôi đã làm hơn nữa nếu như không vì cuộc chiến với Thổ, nhưng một sự thống nhất tới nay chưa từng biết đến trong những nguyên lý và phương pháp thảo luận đã được đưa vào.”⁵³ Trong khi đó bà đã chứng tỏ cho giới quý tộc thấy quyền lực của bà đã dựa trên một cơ sở rộng lớn như thế nào. Ủy ban, trước khi hoãn họp, đã đề nghị trao tặng cho bà từ “Vĩ đại”; bà từ chối, nhưng bằng lòng được gọi là “Mẹ của Đất nước.”

Hai trong số những chỉ thị của Catherine trở thành luật: bãi bỏ việc tra tấn và thiết lập sự khoan dung tôn giáo. Điều này được áp dụng rộng rãi: nó cho phép Giáo hội Công giáo La Mã cạnh tranh với Chính Thống giáo Hy Lạp; nó bảo vệ các giáo sĩ dòng Tên ngay cả sau khi Giáo hoàng Clement XIV giải tán dòng tu này (1773); nó cho phép người Tatar ở vùng Volga xây dựng lại các giáo đường của họ. Catherine công nhận người Do Thái ở Nga nhưng buộc họ phải đóng những loại thuế đặc biệt và (có lẽ để bảo vệ cho sự an toàn của họ) đưa họ vào những khu vực đặc biệt. Bà để cho những người Raskolniki (các tín đồ ly giáo) được tự do hành lễ mà không bị cản trở. Bà viết cho Voltaire: “Chúng tôi thật sự có những người cuồng tín mà do không còn bị người khác ngược đãi đã quay sang thiêu cháy chính họ; nhưng nếu những tín đồ của các nước khác cũng làm như vậy, cũng không có hệ quả gì nguy hại.”⁵⁴

Các *philosophe* đặc biệt thích thú khi Catherine buộc Giáo hội Nga phục tùng nhà nước. Vài người trong bọn họ than phiền rằng

bà hãy còn tham dự các buổi lễ tôn giáo (Voltaire cũng vậy); một số khác nhìn nhận rằng việc bà tham dự như vậy là điều cần thiết để giữ lòng trung thành của dân chúng. Bằng một chỉ dụ ngày 26-2-1764, bà biến mọi đất đai của Giáo hội thành tài sản của nhà nước. Lương của các giáo sĩ Chính Thống giáo từ nay trở đi được nhà nước trả - để bảo đảm sự ủng hộ của họ đối với chính quyền. Nhiều tu viện nam nữ bị đóng cửa; những tu viện còn lại bị cấm không được nhận quá một số lượng tu sinh mới đã được quy định và lứa tuổi hợp pháp cho việc phát nguyện được tăng lên. Các thu nhập thặng dư từ các cơ sở tôn giáo được dùng để xây dựng trường học, viện tế bần và bệnh viện.⁵⁵

Cả giới giáo sĩ lẫn giới quý tộc đều chống đối việc mở rộng giáo dục cho dân chúng; sợ rằng việc lan truyền kiến thức trong các khối dân chúng sẽ dẫn đến tà giáo, thái độ không tin tưởng, óc bẽ phái và sẽ làm nguy hại cho trật tự xã hội. Ở đây, cũng như tại các nơi khác, Catherine đã bắt đầu bằng những nguồn cảm hứng tự do. Bà kêu gọi Grimm:

Hãy lắng nghe một lát, những người bạn triết lý của ta: các bạn sẽ trở nên quyến rũ, đáng tôn thờ, nếu các bạn có từ tâm vạch ra một kế hoạch cho những người trẻ, từ ABC cho đến đại học... Ta, người đã không theo học và sinh sống ở Paris, không có được kiến thức cũng như sự hiểu biết sâu sắc về vấn đề này... Ta quan tâm rất nhiều đến ý tưởng về một trường đại học và việc quản lý nó, một *gymnasium* (trường trung học) và một trường tiểu học... Cho đến khi các bạn tán thành yêu cầu của ta, ta sẽ lòng sục bộ *Encyclopédie*. Ôi chao, ta chắc là sẽ rút ra được những gì mình muốn!⁵⁶

Trong khi đó, bà lấy làm phấn khích bởi nhiệt tình sự phạm của Ivan Betsky, ông này đã du hành qua Thụy Điển, Đức, Hòa Lan, Ý và Pháp, đã lui tới khách thính của Bà Geoffrin, đã nghiên cứu bộ *Encyclopédie* và đã gặp Rousseau. Năm 1763, bà mở một trường cho những đứa trẻ bị bỏ rơi ở Moscow, trường này đến năm 1796 đã cho tốt nghiệp 40.000 học viên;

năm 1764, một trường cho nam sinh ở St. Petersburg và năm 1765, một trường cho nữ sinh. Năm 1764 Tu viện Smolny được biến thành Học viện Smolny dành cho các thiếu nữ dòng dõi quý tộc - một tiếng vọng của trường St. Cyr của Bà de Maintenon. Catherine là nhà cai trị Nga đầu tiên đã làm mọi chuyện cho việc giáo dục phụ nữ. Gặp khó khăn do việc thiếu các giáo sư có khả năng, bà gửi các sinh viên Nga sang học ngành sư phạm ở Anh, Đức, Áo và Ý. Một trường sư phạm được thành lập vào năm 1786.

Bà ngưỡng mộ những cuộc cải cách giáo dục của Joseph II ở Áo và xin ông cho mượn một người nào quen thuộc với việc này. Ông gửi cho bà Theodor Yankovich; ông này soạn cho bà một kế hoạch được bà ban hành với tên gọi là “Đạo luật về các trường phổ thông” (5-8-1786). Một trường tiểu học được thành lập tại thủ phủ của mỗi hạt và một trường trung học tại các thành phố chính thuộc 26 tỉnh. Các trường này được mở cửa cho tất cả trẻ em thuộc mọi giai cấp; việc trừng phạt thể xác trong trường bị cấm; giáo viên và sách giáo khoa được nhà nước cung cấp. Dự án phần lớn gặp trở ngại vì sự do dự của các bậc cha mẹ phải gửi con mình đến trường thay vì sử dụng chúng để làm lao động ở nhà. Trong mười năm từ lúc thành lập cho đến khi Catherine mất các “trường phổ thông” phát triển chậm chạp con số từ 40 đến 316; số giáo viên từ 136 đến 744; số học sinh từ 4.398 đến 17.341. Vào năm 1796, nước Nga hãy còn thua xa phương Tây về giáo dục công cộng.

Giáo dục đại học được cung cấp một cách ít ỏi bởi trường Đại học Moscow và các học viện chuyên ngành. Một Trường Thương mại được thành lập năm 1772 và một Học viện Hàm mỏ năm 1773. Hàn lâm viện Khoa học cũ được mở rộng và được cung cấp ngân quỹ dồi dào. Năm 1783, theo lời thúc giục của Công nương Dashkova và dưới sự chủ trì của bà, một Hàn lâm viện Nga được tổ chức để cải thiện ngôn ngữ, khuyến khích văn học, và nghiên cứu lịch sử. Viện phát hành

những bản dịch, xuất bản các tạp chí, và soạn một cuốn tự điển ra mắt thành sáu giai đoạn từ năm 1789 đến năm 1799.

Thất kinh trước tử suất cao ở Nga và tính cách sơ khai của vệ sinh công cộng cũng như cá nhân, Catherine đưa các bác sĩ nước ngoài về, thiết lập một Đại học Y dược khoa ở Moscow và cung cấp ngân quỹ để sản xuất các dụng cụ phẫu thuật. Bà mở ở Moscow ba bệnh viện mới, một trại nuôi trẻ bị bỏ rơi và một dưỡng trí viện; ở St. Petersburg ba bệnh viện mới, gồm cả một “Bệnh viện Bí mật” để chữa các bệnh hoa liễu.⁵⁷ Năm 1768 bà du nhập vào Nga việc tiêm chủng ngừa bệnh đậu mùa và trấn an những mối lo sợ của dân chúng bằng cách trở thành, ở tuổi 40, đối tượng người Nga thứ hai của cuộc chữa trị. Chẳng bao lâu sau Catherine thuật lại với Voltaire rằng: “Nhiều người ở đây đã được tiêm chủng trong một tháng hơn cả ở Vienna trong một năm.”⁵⁸ (Năm 1771, Naples tiêm chủng ca đầu tiên và năm 1774, Louis XV, không được tiêm chủng đã chết vì bệnh đậu mùa.)

V. NHÀ KINH TẾ

Một trong những biện pháp cơ bản của Catherine (1765) là khảo sát tất cả đất đai của Nga. Công việc gặp nhiều kháng cự từ các chủ đất; vào cuối triều đại của bà đã thực hiện được tại 20 trong số 50 tỉnh nhưng chỉ hoàn tất vào giữa thế kỷ XIX. Khi công việc được tiến hành, Nữ hoàng nhận ra với sự rõ ràng nản lòng là nền kinh tế của nước Nga dựa trên tổ chức nông nghiệp bởi một hệ thống phong kiến gồm các lãnh chúa và nông nô. Năm 1766, bà đưa ra một giải thưởng 1.000 ducat cho luận văn xuất sắc nhất về việc giải phóng nông nô. Người đoạt giải là Béardé thuộc Tu viện Aix-la-Chapelle. Ông biện luận rằng “toàn thể hoàn vũ đòi hỏi các quân vương phải giải phóng người nông dân” và tiên đoán rằng sản xuất nông nghiệp sẽ gia tăng rất nhiều bằng cách “biến nông dân thành người chủ của mảnh đất mà họ canh tác.”⁵⁹ Tuy nhiên, các địa chủ

quý tộc cảnh báo Catherine rằng nếu người nông dân không bị buộc chặt vào mảnh đất và vị lãnh chúa của họ, anh ta sẽ di cư ra các thành phố hoặc vô trách nhiệm hơn nữa, từ làng này sang làng khác, tạo nên cảnh hỗn loạn, phá vỡ sản xuất và gây trở ngại cho việc cưỡng bách tòng quân những người con trai nông dân lực lưỡng cho quân đội hoặc hạm đội.

Vị Nữ Sa hoàng bối rối tiến hành một cách thận trọng vì giới quý tộc có tiền và vũ khí để lật đổ bà và trong nỗ lực đó họ có thể dựa vào sự ủng hộ của giới tu sĩ vốn đang oán giận việc bị mất đi các đất đai và nông nô của họ. Bà lo sợ cảnh rối loạn có thể đến từ một sự di chuyển hàng loạt những người nông dân được giải phóng đến các thành phố chưa được chuẩn bị để cung cấp cái ăn cái ở hay việc làm cho họ. Bà thực hiện những động thái tiến đến việc giải phóng. Bà phục hồi chỉ dụ của Peter III cấm mua nông nô để làm việc trong nhà máy và bà yêu cầu các chủ nhân trả lương cho thợ bằng tiền mặt và duy trì những điều kiện làm việc mà các viên chức của thành phố hay hội đồng hương thôn quy định.⁶⁰ Thậm chí như vậy, tình trạng của các công nhân trong công nghiệp vẫn còn là một cảnh nô lệ tàn nhẫn và khiến người ta phải sững sờ. Catherine cấm chế độ nông nô trong các thành phố do bà thành lập,⁶¹ và, bằng cách trả một khoản phí nhỏ, bà giải phóng các nông nô trên những khu đất tịch thu của giáo hội.⁶² Tuy nhiên, những sự cải thiện này bị lấn át bởi việc bà liên tục ban phát những khu đất của nhà nước cho những người đã phục vụ bà cũng như các tướng lĩnh, chính khách hoặc người tình của bà; bằng cách này, hơn 800.000 nông dân tự do đã trở thành nông nô. Tỷ lệ nông nô trên dân số tại nông thôn đã tăng từ 51,4% từ lúc bắt đầu triều đại lên đến 55,5% vào lúc cuối và số lượng nông nô đã tăng từ 7.600.000 lên 10.000.000 người.⁶³ Bằng những “Bức thư Ân sủng gửi giới Quý tộc” (1785), Catherine đã hoàn tất sự đầu hàng của mình trước các nhà quý tộc: bà khẳng định lại việc họ được miễn thuế thân, trừng phạt thể xác và nghĩa vụ quân sự và quyền

chỉ bị xét xử bởi những người cùng giai cấp của họ, khai mỏ trên đất của họ, sở hữu các hãng công nghiệp và tự do xuất ngoại. Bà cấm các địa chủ không được tỏ ra chuyên chế hoặc độc ác, nhưng làm cho điều cấm này vô hiệu khi cấm các nông nô không được gửi những lời kêu ca đến cho bà.

Bị bắt cầm hòng như vậy, nông dân buộc phải bỏ trốn, nổi loạn, hoặc ám sát. Giữa các năm 1760 và 1769, ba mươi địa chủ đã bị các nông dân của mình giết chết; giữa các năm 1762 và 1773 đã có 40 cuộc nổi dậy của nông dân.⁶⁴ Những cuộc nổi dậy này nhanh chóng bị đàn áp cho đến khi một lãnh tụ nổi loạn biết cách chuyển lòng oán hận thành tổ chức và những cánh tay của nông dân thành chiến thắng. Emelyan Pugachev là một dân Cossack miền sông Don từng tham gia chiến đấu trong hàng ngũ Nga chống lại quân Phổ và Thổ Nhĩ Kỳ. Ông ta xin được phục viên, bị từ chối, đào ngũ, bị bắt, lại đào ngũ và chấp nhận cuộc sống của một kẻ ngoài vòng pháp luật. Tháng Mười một năm 1772, được các tu sĩ bất mãn khuyến khích, ông tuyên bố mình là Peter III, vốn đã sống sót một cách kỳ diệu khỏi mọi âm mưu sát hại mình. Ông lôi kéo các nông dân và kẻ cướp về dưới ngọn cờ của mình cho đến khi cảm thấy đủ mạnh, ông tuyên bố công khai nổi dậy chống lại kẻ tiếm vị Catherine (tháng Chín năm 1773). Người dân Cossack sống ở các vùng Urals, Volga và Don; hàng nghìn đàn ông bị cưỡng bức lao động trong các hầm mỏ và lò nấu kim loại tại vùng Ural; hàng trăm Cựu Tín đồ hăm hở lật đổ Giáo hội Chính Thống; các bộ lạc Tatar, Kirghiz và Bashkir ở địa phương vốn không tha thứ cho Elizabeth việc đã bức hiếp họ theo đạo Cơ Đốc; các nông nô chạy trốn khỏi chủ và tù nhân vượt ngục: những người này lũ lượt kéo đến dưới ngọn cờ của Pugachev cho đến khi ông có được 20.000 người dưới quyền chỉ huy của mình. Họ đắc thắng di chuyển từ thị trấn này sang thị trấn khác, đánh bại các lực lượng mà các thống đốc địa phương gửi đến chống lại họ, chiếm giữ những thành phố quan trọng như Kazan và Saratov; họ bắt lính bổ sung,

giết các địa chủ, buộc những nông dân do dự tham gia cùng họ và hành quân ngược lưu vực sông Volga hướng về Moscow. Pugachev tuyên bố rằng tại đó, ông ta sẽ không đặt mình mà là Đại Công tước Paul lên ngai vàng. Nhưng - có lẽ với tính khôi hài ác nghiệt - ông gọi bà vợ nông dân của mình là hoàng hậu và đặt tên cho các trợ tá của mình theo tên của những người của Catherine: Bá tước Orlov, Bá tước Panin, Bá tước Vorontsov.



Пугачев.

Hình 20. Emelyan Pugachev

Mới đầu Catherine chế giễu “*le marquis* [hầu tước] Pugachev” nhưng khi được tin phe nổi dậy đã chiếm Kazan, bà gửi một lực lượng hùng hậu dưới quyền Tướng Piotr Ivanovich Panin đi dẹp quân phản loạn. Các nhà quý tộc thấy toàn thể cấu trúc phong kiến lâm nguy đã đến giúp đỡ bà. Không lâu sau đó Tướng Alexander Vasilievich Suvorov gia nhập cùng Panin với một đội kỵ binh đang rối rảnh sau chiến tranh với Thổ; quân phản loạn bị đẩy vào cảnh rối loạn khi phải đương đầu với các binh sĩ có kỷ luật dưới quyền các sĩ quan của đế chế; họ rút lui hết vị trí này đến vị trí khác, lương thực cạn kiệt và bắt đầu chết đói. Một số lãnh đạo của họ, hy vọng có cái ăn và được khoan hồng, đã bắt giữ Pugachev và giao nộp ông ta cho những người chiến thắng. Ông ta được đưa về Moscow trong một chiếc cũi sắt, bị xét xử tại Điện Kremlin, bị chặt đầu rồi phanh thây và đầu ông ta bị trưng bày trên một cây cọc tại bốn khu vực của thành phố, để làm nản lòng những kẻ khác. Năm trong số những chỉ huy của ông ta bị hành quyết, những người khác bị đánh bằng roi da thừa sống thiếu chết và bị gửi đi Siberia. Một hệ quả của cuộc nổi dậy này là sự củng cố mối liên minh giữa Nữ hoàng và giới quý tộc.

Trong một chừng mực nào đó, bà đã thách thức giới quý tộc bằng cách ủng hộ cho sự phát triển của một giai cấp kinh doanh. Bị thuyết phục bởi lý lẽ của các nhà trọng nông,ⁱ bà củng cố việc tự do mậu dịch các nông sản (1762), về sau cho mọi sản phẩm; bà chấm dứt những độc quyền của chính phủ (1775) bằng cách phán rằng bất cứ ai cũng được tự do đảm nhận việc vận hành một cơ sở công nghiệp. Sự phát triển một

i *Trọng nông* (physiocrate): trường phái kinh tế - chính trị theo học thuyết của Quesney ở Pháp, tin rằng trật tự tự nhiên vốn có đang chi phối xã hội được dựa trên đất đai và các sản phẩm tự nhiên của nó như là hình thức tài sản thật sự duy nhất.

giai cấp trung lưu bị trì hoãn bởi ưu thế của nền công nghiệp gia đình và thái ấp và sự tham gia của các nhà quý tộc vào những công cuộc đầu cơ trong công nghiệp và thương mại. Các nhà máy sinh sôi nảy nở từ con số 981 lên đến 3.161 dưới triều Catherine nhưng phần lớn chúng là những xưởng thợ nhỏ sử dụng ít công nhân. Dân cư thành thị tăng từ 328.000 người vào năm 1724 lên 1.300.000 người vào năm 1796 - vẫn chưa tới 4% dân số.⁶⁵

Vị Nữ hoàng bận rộn, chỉ với sự ủng hộ miễn cưỡng của giới quý tộc quanh bà, đã làm những gì có thể để xúc tiến thương mại. Đường sá tồi tệ kinh khủng nhưng có nhiều sông ngòi và những con kênh đào liên kết chúng lại thành một mạng lưới thuận lợi. Dưới triều Catherine, một con kênh đào được khởi công giữa Sông Volga và Sông Neva để nối liền Biển Baltic với Biển Caspian và bà dự định đào một kênh nữa nối liền Biển Caspian với Hắc Hải.⁶⁶ Qua việc thương lượng hoặc chiến tranh, bà bảo đảm một hành lang thông suốt cho thương mại Nga tiến vào Hắc Hải và rồi vào Địa Trung Hải. Bà thúc giục các nhà ngoại giao của mình dàn xếp những hiệp ước thương mại với Anh (1766), Ba Lan (1775), Đan Mạch (1782), Thổ Nhĩ Kỳ (1783), Áo (1785) và Pháp (1787). Ngoại thương phát triển từ 21 triệu ruble vào năm 1762 lên 96 triệu ruble vào năm 1796.⁶⁷

Trong những con số này, chúng ta phải kể đến việc đồng tiền lạm phát do chính phủ trả các chiến phí. Để tài trợ cho các chiến dịch chống quân Thổ, Catherine đã vay, trong nước cũng như ngoài nước, 130 triệu ruble. Bà phát hành tiền giấy với giá trị rất lớn so với số vàng thế chấp. Dưới triều đại của bà, đồng ruble đã mất đi 32% giá trị. Trong cùng thời gian đó, mặc dù thu nhập gia tăng từ 17 lên đến 78 triệu ruble, nợ công đã tăng đến 215 triệu.⁶⁸ Phần lớn số nợ này phát sinh từ những cuộc chiến tranh phá vỡ quyền lực của Thổ Nhĩ Kỳ và đưa biên giới của Nga đến tận Hắc Hải.

VI. CHIẾN BINH

Như mọi triết gia, Catherine đã khởi đầu với những mục đích hòa bình. Bà tuyên bố rằng những vấn đề nội trị của đế quốc sẽ thu hút sự chú tâm của mình và rằng nếu không bị quấy rầy bà sẽ tránh mọi cuộc xung đột với các cường quốc khác. Bà phê chuẩn hòa ước của Peter III ký với nước Phổ và chấm dứt cuộc chiến tranh với Đan Mạch. Năm 1762, bà từ chối sự hấp dẫn của việc chinh phục Kurland hoặc can thiệp vào Ba Lan. “Ta đã có đủ dân chúng để khiến họ hạnh phúc” bà nói: “và cái khoảnh đất nhỏ bé ấy sẽ không thêm được gì vào cảnh sung túc của ta.”⁶⁹ Bà giảm bớt quân đội, lơ là các xưởng chế tạo vũ khí và tìm cách thương thuyết một hiệp ước hòa bình vĩnh cửu với Thổ Nhĩ Kỳ.

Nhưng càng nghiên cứu bản đồ, bà càng thấy những khuyết điểm trên những đường biên giới của nước Nga. Về phía đông, đế quốc được bảo vệ hữu hiệu bởi rừng Ural, Biển Caspi và sự suy nhược của Trung Hoa. Về phía bắc, nó được bảo vệ bởi băng giá. Nhưng về phía tây, Thụy Điển đang chiếm một phần của Phần Lan, từ đó vào bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra một cuộc tấn công từ một quốc gia hãy còn oán hận việc để mất những vùng đất vào tay Peter Đại đế; và Ba Lan cũng như Phổ đang án ngữ con đường đi vào “Châu Âu” và công cuộc Âu hóa. Về phía nam, người Tatar, dưới quyền cai trị của một đại hãn Hồi giáo và bị Thổ Nhĩ Kỳ kiểm soát, ngăn chặn con đường đến Hắc Hải. Những thất bại sớm của lịch sử đã mang lại cho nước Nga một bối cảnh địa lý và những đường biên giới bất thường như vậy? Vị lão tướng Münnich, rồi vị tướng mới Grigori Orlov, đã thì thầm vào tai bà rằng nếu Hắc Hải trở thành biên giới phía nam thì sẽ hợp lý biết bao và rằng sẽ ngọt ngào biết bao nếu Nga có thể chiếm lấy Constantinople và kiểm soát Eo biển Bosphorus. Nikita Panin, vị bộ trưởng ngoại giao của bà từ năm 1763 đến năm 1780, đã suy nghĩ về những cách thức để đẩy mạnh ảnh hưởng của Nga lên Ba Lan và ngăn việc lãnh thổ vô phương tự vệ này khỏi rơi vào tay Phổ.

Catherine bị lay chuyển bởi những lý lẽ này. Và bà di chuyển từng bước một đến việc mang lại cho cái đất nước vốn từng là ngoại bang của bàⁱ một địa vị chính trị tương xứng với vị trí của nó trên bản đồ. Trong vòng một năm sau khi lên ngôi, bà kiên quyết theo đuổi một chính sách đối ngoại với mục đích không gì khác hơn là biến Nga thành một cường quốc chủ chốt trên Lục địa. “Ta bảo với khanh” bà viết cho vị đại sứ của mình ở Warsaw: “mục đích của ta là liên kết bằng những mối ràng buộc thân thiện với mọi cường quốc, trong mỗi liên minh có vũ trang, khiến cho ta luôn có thể tự xếp mình vào hàng ngũ những nước bị áp bức và do đó, trở thành trọng tài của châu Âu.”⁷⁰

Đôi khi bà đã đến gần mục đích của mình. Bằng hành động rút ra khỏi cuộc Chiến tranh Bảy năm, trên thực tế bà đã quyết định rằng cuộc xung đột trên quy mô lục địa này có lợi cho Frederick. Năm 1764, bà ký với Frederick một hiệp ước báo trước sự chia cắt nước Ba Lan. Bà lợi dụng việc Đan Mạch cần Nga ủng hộ chống lại Thụy Điển để thống trị chính sách đối ngoại của người Đan Mạch. Năm 1779, bà đóng vai trọng tài giữa Frederick và Joseph tại Hòa hội Teschen và trở thành nhà bảo trợ cho bản Hiến pháp của Đế chế Đức. Năm 1780, bà kết hợp Đan Mạch, Thụy Điển, Phổ, Áo, Bồ Đào Nha cùng với Nga thành một “Liên minh Trung lập có Vũ trang” để bảo vệ việc vận chuyển bằng tàu thuyền của những nước trung lập trong cuộc chiến tranh giữa Anh và các thuộc địa Mỹ: tàu của các nước trung lập không thể bị tấn công bởi bất cứ bên tham chiến nào trừ khi chúng vận chuyển các vũ khí chiến tranh; và một cuộc phong tỏa, để có thể hợp pháp và được tôn trọng, phải xảy ra trên thực tế, chứ không phải chỉ là những lời tuyên bố trên giấy.

Từ lâu trước vụ đảo ngược liên minh lần thứ hai đó, cuộc xung đột không thể dập tắt nhằm kiểm soát Hắc Hải đã bắt đầu.

i Tức nước Nga. Catherine sinh ra ở Pomerania, thuộc Vương quốc Phổ, nay thuộc Ba Lan.

Cuộc chiến tranh đầu tiên của Catherine với người Thổ đã phát sinh như một phó sản lạ lùng của việc bà xâm lược Ba Lan. Bà đã gửi quân lính sang đó để giúp những người không theo Công giáo trong cuộc đấu tranh giành quyền bình đẳng với khối đa số tín đồ Công giáo; phe Công giáo cử một đại sứ của giáo hoàng sang giải thích với Thổ Nhĩ Kỳ rằng đây là thời gian thích hợp để tấn công Nga. Nước Pháp ủng hộ lời đề nghị này và thúc giục Thụy Điển và vị Đại hãn vùng Crimea cùng tham gia tấn công.⁷¹ Voltaire xót xa cho vị Nữ hoàng đang lâm nguy của mình. “Việc một đại sứ của giáo hoàng tuyển mộ những người Thổ tham gia cuộc thập tự chinh chống lại Ngài” ông viết cho bà: “cũng giống như một vở hài kịch Ý: Mustapha trở thành đồng minh đáng giá của Giáo hoàng!” - tình thế hầu như thuyết phục ông trở thành một tín đồ Cơ Đốc. Thật vậy, trong một bức thư vào tháng Mười một năm 1768, ông đề nghị Catherine tiến hành một cuộc thánh chiến chống bọn ngoại giáo:

Ngài buộc dân Ba Lan phải tỏ ra khoan dung và hạnh phúc mặc cho ông đại sứ của giáo hoàng và Ngài dường như đang gặp rắc rối với quân Hồi giáo. Nếu họ tiến hành chiến tranh chống lại ngài, thì có thể ý tưởng của Peter Đại đế về việc biến Constantinople thành thủ đô của Đế quốc Nga có thể hình thành... Tôi nghĩ nếu có khi nào người Thổ bị trục xuất ra khỏi châu Âu thì đó sẽ là bởi người Nga... Làm cho họ nhọc nhằn vẫn không đủ; phải vĩnh viễn tống khứ họ đi.⁷²

Thụy Điển từ chối tham gia tấn công Nga nhưng người Tatar ở Crimea đã tàn phá thuộc địa của Nga mới thành lập là Novaya Serbia (Tháng Một năm 1769). Một đạo quân Thổ gồm 100.000 người tiến về Podolia để kết hợp với đạo quân của Liên bang Ba Lan. Catherine từ chối rút lui lực lượng của bà ra khỏi Ba Lan. Bà gửi 30.000 quân dưới quyền chỉ huy của Alexander Golitsyn và Piotr Rumiantsev đi đẩy lùi quân

Ba Lan và ngăn chặn quân Thổ. Được báo quân Thổ quá đông, bà trả lời: “Người La Mã không quan ngại về số lượng quân thù; họ chỉ hỏi: “Chúng đang ở đâu?”⁷³ Quân Tatar bị đẩy lui; Azov và Taganrog, hai thị trấn ở cửa sông Don, được lấy lại; 17.000 quân Nga đánh bại 150.000 quân Thổ ở Kagul (1770); Rumiantsev tiến đến tận Bucharest và được dân chúng theo Chính Thống giáo ở đây vui mừng đón tiếp. Năm 1771, Vasili Mikhailovich Dolgoruki tràn qua Crimea và chấm dứt nền cai trị của Thổ ở đây. Kỳ công của Alexei Orlov còn ngoạn mục hơn nữa. Ông dẫn đầu một hạm đội Nga đi qua Eo biển Anh, Đại Tây Dương và Địa Trung Hải, đánh bại hải quân Thổ ngoài khơi Chios và tiêu diệt nó ở Chesme (tháng Bảy năm 1770); nhưng các chiến thuyền của ông cũng bị thiệt hại quá nặng nề nên ông không thể phát huy chiến thắng của mình.

Một số sự kiện khác ít thú vị hơn đối với Catherine. Một bệnh dịch bùng nổ trong quân đội Nga dọc theo Sông Danube và lan tràn ngược về Moscow. Tại đây, trong mùa hè năm 1770, nó đã lấy đi mạng sống của 1.000 người mỗi ngày. Bà biết Frederick nhìn sự bành trướng của lãnh thổ và quyền lực bà một cách ngờ vực; rằng Joseph II lấy làm bối rối bởi bước tiến của Nga đến biên giới Áo trong vùng Balkans; rằng nước Pháp đang làm đủ mọi cách để củng cố đồng minh Thổ Nhĩ Kỳ của mình; rằng nước Anh sẽ chống đối mạnh mẽ việc Nga kiểm soát eo biển Bosphorus; và rằng Thụy Điển chỉ đang chực chờ cơ hội của mình. Catherine mời người Thổ đến bàn hội nghị. Họ đến, nhưng do dự trước việc bà khẳng khái về nền độc lập của Crimea; và chiến tranh tái diễn vào năm 1773.

Tháng Một năm 1774, Mustafa III mất; người kế vị ông quyết định rằng Thổ Nhĩ Kỳ đã đi đến tình trạng hỗn loạn và kiệt sức, đe dọa sự hiện hữu của họ như một quốc gia ở châu Âu. Bằng Hòa ước Kuchuk Kainarji (ở Romania) ngày 21-7-1774, Thổ công nhận nền độc lập của Crimea (vốn vẫn còn dưới sự cai trị của người Tatar), nhượng Azov, Kerch, Yenikale và Kilburun (ở cửa Sông Dnieper) cho Nga, mở cửa

Hắc Hải, Eo biển Bosphorus và Eo biển Dardanelles cho tàu bè Nga qua lại, trả cho Nga một khoản bồi thường 4.500.000 ruble, ban lệnh ân xá cho những tín đồ Cơ Đốc liên can đến vụ nổi dậy chống lại các thống đốc Thổ và công nhận quyền của Nga trong việc bảo vệ các tín đồ Cơ Đốc ở Thổ. Xét chung, đây là một trong những hiệp ước có lợi nhất mà Nga từng ký kết.⁷⁴ Nước Nga giờ đây là một cường quốc ở Hắc Hải; Crimea và những miền khác của người Tatar ở phía nam nước Nga được bỏ ngỏ cho cuộc chinh phục sớm của Nga và vị Nữ hoàng hoài nghi có thể tự cho mình là người bảo vệ đức tin. Say sưa với thành công, Catherine mơ đến việc giải phóng - nghĩa là chinh phục - Hy Lạp và phong cho cháu của bà là Constantine tại Constantinople làm người đứng đầu một đế quốc mới. Bà làm con tim đang về già của Voltaire vui vẻ với những viễn cảnh của các cuộc tranh tài Olympic được phục hồi; “chúng ta sẽ có dịp xem những bi kịch Cổ Hy Lạp diễn bởi các diễn viên Hy Lạp trong nhà hát của [Dionysius ở] Athens.” Rồi, nghĩ đến những đạo quân và quốc khố trống rỗng, bà thêm: “Tôi phải thực hành tiết chế và nói rằng hòa bình tốt hơn cuộc chiến tranh tốt đẹp nhất trên thế giới.”⁷⁵

Giờ đây, bà thay Frederick để thành vị quân vương nổi tiếng nhất châu Âu; mọi người lấy làm kinh ngạc với việc bà kiên trì theo đuổi những mục đích và sự mở rộng quyền lực đáng sợ của bà. Hoàng đế Joseph II của nước Áo, người từ lâu đã cúi đầu trước thiên tài của Frederick, đã du hành đến Mogilev và từ đấy đi thẳng đến St. Petersburg, để gặp Nữ Sa hoàng và nài xin việc liên minh với bà. Tháng Năm năm 1781, bà ký với Joseph một văn kiện nhằm liên kết hành động ở Ba Lan và chống Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong khi đó, Potemkin đã tự tạo cho mình một tên tuổi ở miền nam. Ông tổ chức, trang bị và nuôi dưỡng một đạo quân mới gồm 300.000 người, xây dựng một hạm đội Hắc Hải với những hải cảng ở Sevastopol và Odessa và một xưởng vũ khí ở Kherson, chiếm làm thuộc địa những vùng định cư rải rác

ở Nam Nga, xây dựng các thị trấn và làng mạc, thiết lập các ngành công nghiệp và cung cấp cho các thực dân trâu bò, công cụ và hạt giống - tất cả nhằm mục đích có được những cơ sở tiếp liệu trong một chiến dịch bổ sung miền Crimea vào vương miện của Catherine và có thể kiếm một chiếc vương miện cho chính ông. Người Tatar ở Crimea tranh cãi và chia rẽ; Potemkin xoa dịu các lãnh đạo của họ bằng những khoản hối lộ. Khi cuối cùng ông xâm lược bán đảo (tháng Mười hai năm 1782), ông chỉ nhận được sự kháng cự lấy lệ và ngày 8-4-1783, mặc cho những sự phản đối vô ích của Thổ, vùng Crimea bị sáp nhập vào vương quốc Nga. Potemkin được phong làm thống chế, chủ tịch Học viện Chiến tranh, Ông hoàng xứ Tauris và tổng trấn Crimea. Nữ hoàng bổ sung một khoản tiền trà nước 100.000 ruble; Potemkin tiêu xài chúng cho các cô nhân tình, rượu và cao lương mỹ vị.

Bản thân Catherine cũng nghĩ đã đến lúc thư giãn. Bà kết hợp thú vui với công việc bằng cách chuẩn bị một cuộc “kinh lý” trọng thể bằng đường bộ và đường thủy để thanh tra những vùng đất chinh phục của bà và gây ấn tượng với dân chúng tại đó - và toàn châu Âu - bằng sự giàu sang và lòng lẫy của triều đình bà. Ngày 2-1-1787, quần mình trong những lớp áo lông, bà rời Cung điện Mùa đông và bắt đầu một cuộc hành trình dài trong một chiếc *bedim*, hay xe ngựa, đủ rộng để chứa - ngoài thân hình bà giờ đây đã trở nên đồ sộ - súng thần dương thời của bà là Mamonov, người nữ tì chính của bà, một con chó cảnh và một tủ sách nhỏ. Theo sau bà là 14 chiếc xe ngựa và 170 xe trượt tuyết mang theo các vị đại sứ của Áo, Anh, Pháp - Cobenzl, Fitzherbert và Bá tước de Ségur - cộng thêm Ông hoàng de Ligne và một đạo quân gồm các viên chức, triều thần, nhạc sĩ và kẻ hầu người hạ. Potemkin đã đi trước ít ngày để chuẩn bị đường sá, thắp sáng chúng bằng hàng trăm ngọn đuốc và mỗi tối, bố trí nơi ăn chốn ngủ cho mọi người. Tại các thị trấn lớn đám rước dừng lại một hoặc hai ngày trong khi Nữ Sa hoàng gặp gỡ các viên chức

địa phương, điều tra về hoàn cảnh, đặt những câu hỏi, đưa ra lời khiển trách hoặc phần thưởng. Mọi thị trấn trên đường đi, do được Potemkin cảnh báo và chỉ thị, đều cư xử rất mực tốt đẹp, tắm rửa và ăn vận như chưa từng có trước đây, sung sướng trong một ngày.

Tại Kiev, Potemkin chăm sóc việc chuyển cái triều đình lưu động sang 87 chiếc thuyền mà ông ta đã trang bị và trang trí. Trên những chiếc thuyền này, đoàn người vương giả xuôi theo dòng sông Dnieper. Dọc con sông Catherine nhìn thấy những “ngôi làng Potemkin” mà Ông hoàng Tauris thông minh đã sửa soạn và tô chuốt để làm cho bà thích thú và có thể để gây ấn tượng với các nhà ngoại giao về sự thịnh vượng của nước Nga. Một số cảnh thịnh vượng này đã được Potemkin ứng biến, một số là có thật. “Việc ông xây dựng những ngôi làng giả dọc hai bên bờ sông và hướng dẫn những người nông dân tạo nên ảo tưởng tiến bộ là phát minh kỳ quái của một nhà ngoại giao Saxony.”⁷⁶ Ông hoàng de Ligne đã thực hiện nhiều chuyến đi dạo trên bờ để nhìn phía sau các mặt tiền. Ông kể lại, trong khi Potemkin đã sử dụng một số trò lừa gạt, ông (tức Ligne) cũng lấy làm ấn tượng bởi “những cơ ngơi lộng lẫy trong giai đoạn mới hình thành, những công nghiệp đang phát triển, những ngôi làng với những con đường thẳng tắp hai bên trồng cây.”⁷⁷ Chắc hẳn bản thân Catherine cũng không bị đánh lừa nhưng có thể bà đã kết luận, cũng như Ségur, rằng thậm chí nếu một nửa sự thịnh vượng và ngăn nắp của các thị trấn này là trò phô trương thoáng qua, thực tế của Sevastopol - các phố xá, thành lũy và hải cảng, được xây dựng trên bờ biển Crimea trong vòng hai năm - cũng đủ để Potemkin nhận được lời khen ngợi. Ông hoàng de Ligne, người biết hầu hết các nhân vật đáng kể ở châu Âu, gọi ông ta là “con người phi thường nhất mà tôi từng biết.”⁷⁸

Ở Kaniov Stanislas Poniatowski, Vua Ba Lan, đến để tỏ lòng kính trọng người phụ nữ đã ban cho ông tình yêu và

ngai vàng. Xuôi theo dòng Dnieper xa hơn nữa, tại Kaidaky, Joseph II tham gia cùng đám rước, vốn từ đó sẽ đi theo đường bộ đến Kherson để vào Crimea. Tại đây, Nữ hoàng, Hoàng đế, và vị Tổng trấn mơn trớn giấc mơ đẩy lùi người Thổ ra khỏi châu Âu: Catherine mơ chiếm giữ Constantinople, Joseph mơ sáp nhập vùng Balkans, còn Potemkin sẽ tự phong mình làm vua của Dacia (Romania). Anh và Phổ khuyến Hồi vương Abdul-Hamid đánh vào Nga khi nước này không phòng bị cùng với những sự chuẩn bị quân sự hãy còn chưa hoàn tất.⁷⁹ Thái độ xác xược của đại sứ Nga tại Constantinople đổ thêm dầu vào lửa. Hồi vương tống giam ông vào ngục, tuyên bố một cuộc thánh chiến và yêu cầu phục hồi Crimea như là cái giá của hòa bình. Tháng Tám năm 1787, đạo quân chính của Thổ Nhĩ Kỳ vượt sông Danube và tiến vào Ukraine.

Potemkin đã ăn mừng quá sớm; nước Nga chưa được chuẩn bị cho thử nghiệm cuối cùng; ông khuyến Nữ hoàng giao lại bán đảo Crimea. Bà trách ông đã tỏ ra nhút nhát một cách bất thường và hạ lệnh cho ông, Suvorov và Rumiantsev sắp xếp mọi lực lượng sẵn có của họ và tiến ra đối chọi với quân xâm lược; còn chính bà lui về St. Petersburg. Suvorov đánh tan quân Thổ ở Kilburun và Potemkin bao vây Ochakov, vốn là cứ điểm chi phối cả hai cửa sông Dniester và the Bug. Trong khi hai cuộc thánh chiến và thập tự chinh đối diện nhau ở miền Nam nước Nga, Thụy Điển quyết định giờ đây cuối cùng thời điểm chiếm lại các tỉnh bị mất của mình đã đến. Được Anh và Phổ khuyến khích,⁸⁰ Gustavus phục hồi lại liên minh cũ với người Thổ và yêu cầu Catherine trả lại Phần Lan và Karelia cho Thụy Điển, Crimea cho Thổ Nhĩ Kỳ. Chúng ta sẽ nói về trận chiến tranh ấy sau; ở đây cũng đủ để nói rằng ngày 9-7-1799 một hạm đội Thụy Điển đã đánh bại hoàn toàn quân Nga trong biển Baltic; có thể nghe được tiếng gầm của đại bác Thụy Điển từ Cung điện Mùa đông; Catherine nghĩ đến việc di tản thủ đô của bà. Tuy nhiên, không lâu sau đó, các viên chức của bà đã thuyết phục Thụy Điển ngưng chiến (15-8-1790).

Giờ đây, bà được rảnh tay để tập trung các lực lượng chống quân Thổ và nước Áo tham gia cùng nước Nga trong cuộc chiến này. Potemkin chấm dứt cuộc vây hãm Ochakov bằng cách hạ lệnh cho quân sĩ tấn công bằng bất cứ giá nào. Quân Nga trả giá cho chiến thắng bằng 8.000 sinh mạng; và cơn cuồng nộ của trận đánh kết thúc với cuộc tàn sát không phân biệt (17-12-1788). Potemkin thắng tiến đánh chiếm Bender, quân Áo chiếm lấy Belgrade, Suvorov đánh tan quân Thổ ở Rimnik (22-9-1789). Có vẻ như Thổ Nhĩ Kỳ phải chịu số phận bi đát.

Các cường quốc phương Tây cảm thấy tình thế cần có hành động thống nhất chống lại Catherine nếu như eo biển chiến lược rơi vào tay của bà và biến nước Nga thành bá chủ châu Âu. Frederick Đại đế đã chết (1786), người kế vị ông ta, Frederick William II, mất hết tinh thần khi nhìn thấy nước Nga dịch chuyển về Constantinople và nước Áo vào Balkans. Ở giữa nước Nga và nước Áo được củng cố như vậy, nước Phổ sẽ bị họ mặc sức thao túng. Ngày 31-1-1790, ông ràng buộc chính phủ mình với chính phủ Thổ trong một hiệp ước theo đó ông hứa tuyên chiến cả với Nga và Áo vào mùa xuân và sẽ không buông vũ khí cho đến khi mọi đất đai đã mất của Thổ được phục hồi lại.

Nghị triều chính trị dường như quay lại chống Catherine. Cuộc nổi dậy ở vùng Hòa Lan thuộc Áo và rối loạn ở Hungary làm suy yếu Joseph II; ông mất ngày 20-2-1790 và người kế vị ông ký hiệp ước đình chiến với Thổ. Anh và Phổ lại thúc giục Catherine dàn hòa trên cơ sở phục hồi mọi lãnh thổ đã chiếm được trong chiến tranh; bà từ chối; việc chiếm được Ochakov đã mở ra cho Nga con đường vào Hắc Hải; bà sẽ không chịu nhượng lại lợi thế đó. Ngoài ra, các tướng lĩnh của bà đang chuyển từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, lên đến đỉnh điểm với việc Suvorov và Potemkin đánh chiếm Izmail (22-12-1790). Trong việc chiếm lấy thành lũy trên sông Danube này của Thổ, quân Nga đã mất 10.000 và Thổ 30.000 quân. Sau bữa

tiệt máu đỏ Potemkin, kiệt sức, lại rơi vào cảnh lười biếng xa xỉ và loạn luân nhục nhã với những cô cháu gái; và ngày 15-10-1791, ông chết trên một con đường gần Jassy. Hôm nghe tin ông chết, Catherine đã ngất xỉu ba lần.

Tháng Ba năm 1791, William Pitt Trẻ đề nghị với Nghị viện rằng sẽ gửi một tối hậu thư cho nước Nga, yêu cầu trả lại cho Thổ Nhĩ Kỳ mọi lãnh thổ đã chiếm được trong cuộc xung đột hiện tại, và chuẩn bị gửi một hạm đội Anh đến vùng biển Baltic như một lời hứa sẽ tuyên chiến. Catherine không trả lời và Nghị viện, khi nghe các thương gia than vãn về việc mất giao thương với Nga, đã bác bỏ dự định của Pitt. Thổ Nhĩ Kỳ kiệt sức, từ bỏ cuộc tranh đấu và ký ở Jassy (ngày 9-1-1792) một hiệp ước công nhận quyền kiểm soát của nước Nga đối với bán đảo Crimea và lưu vực Sông Dniester và Sông Bug. Catherine đã không đến được Constantinople, nhưng bà đã vươn đến đỉnh cao nhất trong sự nghiệp của mình như là nhà cai trị hùng mạnh nhất châu Âu và là người phụ nữ trứ danh nhất thế kỷ của bà.

VII. NGƯỜI PHỤ NỮ

Bà là một phụ nữ, hay một con quái vật? Chúng ta đã thấy, vào thời gian mới lên ngôi, bà rất hấp dẫn về mặt thể xác; vào năm 1780 bà phát triển đầy đủ nhưng điều này chỉ làm tăng thêm vẻ uy nghi của bà. Ông hoàng de Ligne (vốn trong số những người đầu tiên gọi bà là “Đại đế”⁸¹) mô tả bà một cách lịch sự:

Bà hãy còn [vào năm 1780] dễ nhìn. Người ta thấy bà đã đẹp hơn là xinh xắn... Không cần đến Lavater để đọc trên vầng trán của bà, như trong một cuốn sách, nét thiên tài, công lý, lòng can đảm, sự sâu sắc, trầm tĩnh, dịu dàng, bình thản và tính quả quyết. Bộ ngực xinh đẹp của bà có được nhờ ở vòng eo đã có thời rất thon thả; nhưng ở Nga người ta dễ phát mập... Người ta chưa bao giờ nhận ra là bà không được cao.⁸²

Castera, viết không lâu sau khi bà mất, mô tả bà khiếm tốn khoác chiếc áo màu xanh lục. “Mái tóc của bà, có rắc chút phấn, bông bành trên đôi vai, bên trên đội một chiếc mũ nhỏ nạm kim cương. Trong những năm cuối đời, bà đánh phấn thoa son rất nhiều vì vẫn còn không muốn để cho những dấu vết thời gian xuất hiện trên mặt; và có thể đó cũng là lý do khiến bà ăn uống vô cùng chừng mực.”⁸³ Bà tự phụ, hiển nhiên là ý thức được những thành tựu và quyền lực của mình. “Tự phụ là thần tượng của bà ta,” Joseph II bảo Kaunitz, “sự may mắn và những lời khen ngợi thái quá đã làm hỏng bà ta.”⁸⁴ Frederick Đại đế cho rằng nếu Catherine trao đổi thư từ với Đức Chúa trời bà ta ít nhất cũng đòi được ngang hàng.⁸⁵ Thế nhưng bà nói chuyện với Diderot như “giữa hai người đàn ông” và xin Falconet miễn cho bà những lời ca ngợi. Bà cũng hòa nhã tử tế (ngoại trừ đối với một ít kẻ muốn hãm hại bà và những vụ tàn sát trong chiến tranh đã được phong thánh) như Charles II của Anh hay Henry IV của Pháp. Hằng ngày từ cửa sổ, bà ném bánh mì cho hàng nghìn con chim vốn thường xuyên bay đến để được bà cho ăn.⁸⁶ Trong những năm cuối đời, thỉnh thoảng bà nổi cơn thịnh nộ không phù hợp với quyền năng vô hạn của mình nhưng cẩn thận không ra lệnh hoặc ký giấy tờ gì trong những lúc giận dữ này; không lâu sau đó, bà lấy làm xấu hổ cho những cơn giận ấy và tự khuyên mình phải nên biết kiềm chế. Về lòng can đảm của bà thì châu Âu không còn nghi ngờ gì. Rằng bà ham nhục dục là điều chắc chắn và hiển nhiên, nhưng những chuyện yêu đương của bà ít làm chúng ta khó chịu hơn là Parc aux Cerfs (Công viên Những con hươu)ⁱ của Louis XV. Như tất cả những nhà cai trị vào thời của mình, bà đặt đạo đức xuống dưới chính trị, và đè nén những cảm xúc cá nhân khi chúng gây trở ngại cho việc nâng cao địa vị của nhà nước. Khi không có những xung đột

i *Parc aux Cerfs*: Khu nghỉ dưỡng nơi Vua Louis XV của Pháp chứa những thiếu nữ để thỏa mãn lạc thú.

như vậy, bà tỏ ra có tất cả lòng âu yếm của một người đàn bà, yêu thương trẻ con, nô đùa với chúng, dạy dỗ chúng, làm đồ chơi cho chúng. Trong những chuyến tuần du, bà luôn quan tâm đến việc sao cho những người đánh xe và hầu hạ được ăn uống đầy đủ.⁸⁷ Trong những giấy tờ được tìm thấy trên bàn của bà sau khi bà mất, người ta tìm thấy một bài văn bia bà viết cho chính mình: “Người dễ dàng tha thứ và không thù ghét ai. Khoan dung, hiểu biết, tính tình vui vẻ, Người có một tinh thần cộng hòa và một tấm lòng tử tế.”⁸⁸

Bà đã không tử tế với người con trai đầu của mình; một phần vì Paul đã được đưa đi xa bà không lâu sau khi sinh và được nuôi dạy bởi Panin và những người khác dưới sự giám sát của Elizabeth; một phần vì những âm mưu lật đổ bà đôi khi đề nghị tôn ông làm hoàng đế với một người nhiếp chính; một phần vì từ lâu Paul nghi ngờ chính mẹ là người giết cha mình; và cũng bởi vì Paul “luôn nghiến ngấm về việc bị cướp quyền” kể vì người được cho là cha của mình trên ngai vàng. Nhưng Catherine hết lòng yêu mến những người con của Paul là Alexander và Constantine, đích thân tham gia dạy dỗ họ, cố tách rời họ khỏi người cha và lập kế hoạch đưa Alexander chứ không phải Paul, thừa kế vương miện của bà.⁸⁹ Paul, hạnh phúc với người vợ thứ hai, nhìn với vẻ ghê tởm không giấu giếm chuỗi dài những gã nhân tình khiến mẹ ông thích thú và thu nhập của đất nước bị cạn kiệt.

Về mặt tinh thần, Catherine vượt qua tất cả các sủng thần của bà. Bà nuông chiều thói tham lam của họ nhưng hiếm khi cho phép họ quyết định chính sách của bà. Bà hấp thu nền văn học Pháp tới mức có thể trao đổi thư từ với những người đứng đầu của nó như một triết gia trao đổi với một triết gia khác. Thật vậy, những bức thư bà gửi cho Voltaire vượt hơn ông về lương tri và cạnh tranh với những bức thư của ông về nét duyên dáng cũng như trí tuệ. Khối lượng thư từ của bà hầu như cũng nhiều như của Voltaire mặc dù được viết trong những khoảng trống của những âm mưu cung đình,

những cuộc nổi dậy trong nước, công việc ngoại giao nguy ngập và những cuộc chiến tranh nhằm vẽ lại bản đồ. Trò chuyện với bà khiến Diderot hay bị chạm tự ái, còn Grimm cảm động đến ngây ngất: “Vào những lúc đó, người ta phải nhìn thấy chiếc đầu lạ lùng này, được tạo nên bởi thiên tài và vẻ duyên dáng, hình thành nên một ý tưởng của ngọn lửa thống trị bà, những tia chớp bà tuôn ra, những nhận xét sắc sảo dồn dập tiếp nối nhau... Nếu như tôi có khả năng ghi lại trung thực những cuộc đàm đạo này, cả thế giới sẽ có được một đoạn quý báu và có thể độc đáo trong lịch sử của trí tuệ con người.”⁹⁰ Tuy nhiên, có một sự hỗn loạn hấp tấp và không ổn định trong dòng suối ý tưởng của bà. Bà lao quá nhanh vào những kế hoạch mà chưa nghĩ thấu đáo và đôi khi bị thất bại bởi tính khẩn trương của các sự kiện và sự đa dạng trong các công việc của bà. Mặc dù vậy, kết quả cực kỳ to lớn.

Dường như không thể nào tin được là trong một sự nghiệp chính trị và quân sự đầy khích động như vậy mà Catherine đã tìm được thời gian để viết những bài thơ, những ký sự theo niên đại, những hồi ký, vở kịch, lời cho các vở nhạc kịch, những bài báo, những câu chuyện thần tiên, một luận văn khoa học về Siberia, một cuốn lịch sử về các hoàng đế La Mã và những *Ghi chú về Lịch sử nước Nga* một cách bao quát. Vào các năm 1769-1770, bà xuất bản nặc danh một tờ báo châm biếm mà bà là người đóng góp chính. Một trong những bức phác họa của bà mô tả một tu sĩ đạo đức giả ngày ngày tham dự lễ Mi-sa, thấp những cây nến trước các ảnh thánh và lâm râm cầu nguyện từng hồi nhưng lừa dối các thương gia, vu khống láng giềng, đánh đập tôi tớ, lên án tình trạng vô luân hiện tại, và than vãn cho những ngày xưa tốt đẹp.⁹¹ Câu chuyện thần tiên *Ông hoàng Khlor* của Catherine kể về một chàng thanh niên trải qua những cuộc phiêu lưu nguy hiểm để tìm một đóa hoa hồng không gai trong truyền thuyết, cuối cùng chỉ để khám phá ra rằng không có hoa hồng nào như vậy ngoại trừ đức hạnh; câu chuyện trở thành một tác phẩm kinh điển

trong văn học Nga và được dịch sang nhiều ngôn ngữ. Hai trong số các vở kịch của bà là những bi kịch lịch sử bất chước Shakespeare; phần lớn chúng là những hài kịch khiếm tốn chế giễu những tên bịp bợm, những kẻ bị bịp, những người khốn khổ, thần bí, ăn tiêu phung phí, Cagliostroⁱ, những hội viên Tam điểm, những kẻ cuồng tín tôn giáo. Những vở kịch này thiếu sự tinh tế nhưng làm vui lòng người xem mặc dù Catherine không cho biết tên tác giả. Trên bức màn của nhà hát mà bà cho xây dựng ở Hermitage bà để một câu, *Ridendo castigat mores* - Ông ta sửa đổi phong tục bằng tiếng cười”; lời này thể hiện rõ mục đích các hài kịch của bà. *Oleg*, vở kịch hay nhất của bà, là một chuỗi đáng chú ý các cảnh tượng trong lịch sử nước Nga, được làm cho sinh động bởi 700 diễn viên trong các màn khiêu vũ, múa balê và các môn thể thao Olympic. Phần lớn tác phẩm văn học của Catherine được các thư ký duyệt xét lại vì bà không bao giờ có thể làm chủ được cách đánh vần và văn phạm tiếng Nga và bà không lấy làm quan trọng lắm trong việc xem mình như một tác giả; nhưng văn học [Nga] lấy can đảm từ việc noi gương Nữ hoàng và mang lại một niềm vinh quang cuối cùng và bị ô uế cho triều đại bà.

VIII. VĂN HỌC

Nước Nga dần ý thức được sự non sót về trí thức của mình. Một đám đông các tác giả khiếm tốn sao chép lại những mẫu mực nước ngoài hoặc dịch các tác phẩm đã nổi tiếng ở Pháp, Anh và Đức. Catherine cấp 5.000 ruble từ quỹ riêng của bà để thúc đẩy dòng chảy từ nước ngoài này; bản thân bà cũng dịch cuốn *Bélisaire* của Marmontel. Với lòng nhiệt thành của người Nga đối với những dự án rộng lớn, Rachmaninov,

i *Cagliostro*: Bá tước Alessandro di, tên nguyên thủy là Giuseppe Balsamo. 1743-1795, thuật sĩ và kẻ phiêu lưu người Ý, bị Tôn giáo Pháp đình bỏ tù chung thân vì kết giao với Hội Tam điểm.



Hình 21. *Gavril Romanovich Derzhavin*
(tranh của Borovikovsky, 1811)

một địa chủ ở Tambov, đã dịch các tác phẩm của Voltaire và Verevkin, giám đốc của Học viện Kazan, đã chuyển sang tiếng Nga bộ *Encyclopédie* của Diderot. Những người khác dịch những vở kịch của Shakespeare, các tác phẩm kinh điển Hy Lạp và La tinh, cuốn *Gerusalemme liberata* của Tasso...

Gavril Romanovich Derzhavin là nhà thơ thành công nhất của triều đại. Sinh ra trong một gia đình tầm thường ở miền đông Orenburg với dòng máu Tatar trong huyết quản,

ông phục vụ mười năm trong Trung đoàn Preobrazhensky, nhìn thấy Catherine leo lên đỉnh quyền lực, tham gia với tư cách sĩ quan trong vụ đàn áp cuộc nổi dậy của Pugachev và tự thân vận động có được một chiếc ghế trong Thượng viện. Nhận thấy Nữ hoàng đã dùng tên Felitza đặt cho một nàng công chúa nhân từ trong truyện *Ông hoàng Khlor*, Derzhavin, trong một bài tụng ca nổi tiếng (1782), cũng đã dùng tên này đặt cho “Nữ hoàng như thần thánh của lũ người Kirghiz-Kazakh” và cầu xin vị nữ hoàng này “dạy cho tôi cách tìm được đóa hồng không gai, cách sống vui vẻ nhưng đúng đắn.”⁹² Khi nhà thơ gọi Felitza như là người mà “từ ngọn bút của nàng tuôn ra niềm hạnh phúc cho mọi người” hiển nhiên ông muốn ca tụng Catherine. Khi ông tự trách mình vì “ngủ cho đến tận trưa, hút thuốc, uống cà phê... và khiến cho thế giới run rẩy với những cái nhìn của mình” hoặc ham mê “những bữa tiệc hoành tráng trên một chiếc bàn với những đồ bằng vàng bạc lóng lánh” cả triều đình biết đây là một lời chỉ trích Potemkin. Derzhavin lên tới trạng thái sung sướng mê ly khi ca ngợi “nữ hoàng” Felitza, người đã “tạo nên ánh sáng từ bóng tối” không làm ai tổn thương, tha thứ cho những lỗi lầm nho nhỏ, cho phép dân chúng phát biểu tự do, “viết những truyện ngụ ngôn mang tính giáo huấn” cho nhân dân mình và dạy các chữ cái cho khlor (tức người cháu Alexander). Và nhà thơ kết luận: “Xin nhà tiên tri vĩ đại cho tôi được chạm vào chút bụi trên bàn chân người, cho tôi được hưởng dòng suối ngọt ngào của những lời nói và ánh nhìn của người. Xin những quyền lực trên thiên đường dang rộng đôi cánh saphia che chở cho người một cách vô hình... xin cho danh tiếng những việc làm của người còn tỏa sáng mãi về sau như những vì sao trên trời.”⁹³ Derzhavin phản đối rằng ông ta không muốn có phần thưởng nào cho việc mang lại quá nhiều mật ngọt như vậy, nhưng Catherine thăng cấp cho ông và không lâu sau khi được ở quá gần bà, ông đã có thể nhìn thấy những khuyết điểm của bà; ông không viết bài tán ca nào nữa. Ông quay sang một

ngai vàng cao hơn và viết một “Bài tụng ca gửi lên Thượng đế” khen ngợi Ngài là hiện thân của “Tam vị nhất thể” và giữ cho bầu trời trong cảnh trật tự. Đôi khi ông sa vào siêu hình học và họa lại bằng chứng của Descartes về sự hiện hữu của Thượng đế: “Chắc chắn là tôi hiện hữu, nên Ngài cũng vậy.”⁹⁴ Trong nửa thế kỷ bài tụng ca này được yêu chuộng hơn tất cả; cho đến khi Pushkin xuất hiện.

Denis Ivanovich von Visin khiến cho thủ đô sừng sốt với hai vở kịch sôi nổi: *Viên Thiếu tướng* (The Brigadier) và *Gã vị thành niên* (The minor). Thành công của các vở kịch sau này thật hoàn toàn tới mức Potemkin khuyên tác giả nên “chết ngay bây giờ hoặc đừng bao giờ viết nữa” - có nghĩa là những gì được viết trong tương lai sẽ khiến cho danh tiếng ông bị lu mờ.⁹⁵ Visin bác bỏ lời khuyên và nhìn thấy lời tiên tri bao hàm trong ấy biến thành sự thật. Trong những năm cuối đời, ông du hành sang Tây Âu và gửi về quê nhà những bức thư tuyệt vời, một bức chứa lời tiên đoán kiêu hãnh: “Chúng ta [người Nga] đang bắt đầu; họ [người Pháp] đang kết thúc.”⁹⁶

Nhân vật thú vị nhất trong nền văn học dưới triều Catherine là Nikolai Ivanovich Novikov. Bị đuổi khỏi Đại học Moscow vì lười biếng và ngoan cố, ông phát triển thành một người hoạt động trí tuệ không ngừng. Năm 25 tuổi (1769), ông xuất bản một tạp chí ở St. Petersburg, tờ *Ong mật đực* [The Drone. Còn có nghĩa là kẻ lười biếng], được gọi một cách ranh mãnh như thế để đối chọi với tờ *Chú ong chăm chỉ* (The Industrious Bee) của Sumarokov. Với văn phong sinh động, Novikov tấn công tình trạng tham nhũng tràn lan trong chính quyền; ông tấn công thói vô tín ngưỡng theo kiểu Voltaire của các giai cấp thượng lưu là sự hủy hoại đạo đức và tính cách; ngược lại, ông tán dương điều ông cho là đức tin mù quáng và đạo đức mẫu mực của người dân Nga trước thời Peter Đại đế. “Như thể các nhà cai trị trước đây của



Hình 22. *Nikolay Novikov*
(tranh của Dmitry Levitzky, những năm 1790)

Nga đã tiên liệu rằng, thông qua việc du nhập các nghệ thuật và khoa học, kho báu quý giá nhất của người Nga - nền đạo đức của họ - sẽ bị đánh mất vĩnh viễn⁹⁷; ở đây cũng vậy, Rousseau đang giao chiến với Voltaire. Catherine nhìn *Ong mật được* một cách thiếu thiện cảm và tờ báo ngưng xuất bản vào năm 1770. Năm 1775, Novikov gia nhập Hội Tam điểm, tổ chức này ở Nga quay sang chủ nghĩa thần bí, chủ nghĩa Kính tín (Pietism) và những khả năng tưởng tượng của các tín đồ

Rosicrucianⁱ trong khi các tín hữu của họ ở Pháp đang đùa với cách mạng. Năm 1779, ông chuyển đến Moscow, phụ trách nhà xuất bản của trường đại học và trong ba năm đã xuất bản nhiều sách hơn là cơ quan này đã phát hành trong 24 năm trước đó. Được một người bạn tài trợ, ông có thêm nhiều máy in, thành lập một nhà xuất bản, mở những nhà sách trên khắp nước Nga và quảng bá niềm tin của ông về tôn giáo và cải cách. Ông thiết lập các trường học, bệnh viện và chẩn y viện cũng như nhà mẫu cho công nhân.

Khi cuộc Cách mạng Pháp biến Catherine từ một nhà chuyên chế sáng suốt thành kinh hãi, bà sợ Novikov đang phá vỡ trật tự hiện hữu. Bà chỉ thị cho Platon, Tổng giám mục Moscow, xem xét các ý tưởng của Novikov. Vị giáo sĩ cấp cao báo cáo: “Tôi khẩn nài Chúa đầy lòng thương xót nên cho phép có không chỉ trong đàn chiên được Chúa trao phó cho tôi và bề hạ, mà trên toàn thế giới, những tín đồ Cơ Đốc như Novikov.”⁹⁸ Mặc dù vậy, Nữ hoàng vẫn nghi ngờ, bà ra lệnh giam Novikov vào trong pháo đài Schliisselburg (1792). Ông vẫn còn ở trong đó cho đến khi Catherine mất. Được Paul I thả ra, ông lui về điền trang của mình ở Tikhvin và dành những năm cuối đời cho công việc kính Chúa và từ thiện.

Một số phận tệ hơn rơi xuống Alexander Nikolaevich Radishchev. Được Catherine gửi đến Đại học Leipzig, ông thu thập một số tác phẩm của các *triết gia* và đặc biệt xúc động bởi cuốn *Social Contract* (Khế ước Xã hội) của Rousseau và việc Raynal vạch trần sự tàn bạo của châu Âu trong hoạt động khai thác thuộc địa và buôn bán nô lệ. Ông quay về St. Petersburg, cháy bỏng các ý tưởng xã hội. Được bổ nhiệm phụ trách cơ quan hải quan, ông học tiếng Anh để giao dịch với các thương gia người Anh, hiểu biết văn học Anh và

ⁱ *Rosicrucian*: Thành viên của một hội tin theo các học thuyết tôn giáo thần bí, tôn kính các biểu tượng hoa hồng và Thập giá như những vật tượng trưng cho sự Phục sinh và Cứu chuộc của Chúa Jesus và tự cho là có được những quyền năng huyền bí.

đặc biệt chịu ảnh hưởng bởi cuốn *Hành trình tình cảm*ⁱ của Sterne. Năm 1790, ông xuất bản một trong những tác phẩm kinh điển của văn học Nga, *Hành trình từ St. Petersburg đến Moscow*. Cuốn sách nhận là tin theo Chính Thống giáo nhưng tố cáo những trò lừa gạt của các giáo sĩ đối với sự cả tin của dân chúng; nó chấp nhận chế độ quân chủ nhưng biện minh cho việc nổi dậy chống lại một nhà cai trị vi phạm “khế ước xã hội” khi không đếm xỉa đến luật pháp. Nó mô tả sự chia cắt các gia đình do lệnh cưỡng bách nhập ngũ và việc các ông chủ lạm dụng bóc lột nông nô; tại một nơi nọ, Radishchev nói, ông đã được nghe kể lại chuyện một địa chủ đã hãm hiếp 60 thôn nữ. Ông tố cáo chính sách kiểm duyệt và kêu gọi tự do báo chí. Ông không chủ trương cách mạng, nhưng yêu cầu có một sự thông cảm khoan dung đối với những ai bênh vực nó. Ông kêu gọi các nhà quý tộc và chính quyền chấm dứt chế độ nông nô. “Quý vị hãy biết mềm lòng, hỡi những con người nhẵn tâm; hãy đập tan xiềng xích nơi các giáo hữu của quý vị, hãy mở toang những ngục tối của chế độ nô lệ. Người nông dân mang lại cho chúng ta sức khỏe và cuộc sống có quyền kiểm soát mảnh đất mà họ trồng trọt.”⁹⁹

Điều lạ lùng là cuốn sách đã lọt qua được cửa ải kiểm duyệt. Nhưng Catherine của năm 1790 đang lo sợ dân chúng của bà có thể bắt chước cuộc Cách mạng Pháp. Bà ghi chú lại để trừng phạt kẻ đã hãm hiếp 60 trinh nữ nhưng ra lệnh xét xử Radishchev về tội phản quốc. Người ta tìm thấy trong cuốn sách của ông những đoạn về việc xông vào các pháo đài và việc các binh lính nổi dậy chống lại một sa hoàng độc ác; và có những lời ca ngợi người Anh về việc chống lại một ông vua bất công. Thượng viện buộc tội tử hình tác giả; Nữ hoàng thay thế bản án này bằng 10 năm đày đi Siberia. Năm 1796, Hoàng đế Paul I cho phép Radishchev được trở về và năm 1801, Alexander I mời ông đến St. Petersburg. Tại đó, một năm sau,

i Tên đầy đủ của cuốn sách là *A Sentimental Journey Through France and Italy* (Hành trình tình cảm qua Pháp và Ý) của Laurence Sterne (1713-1768).

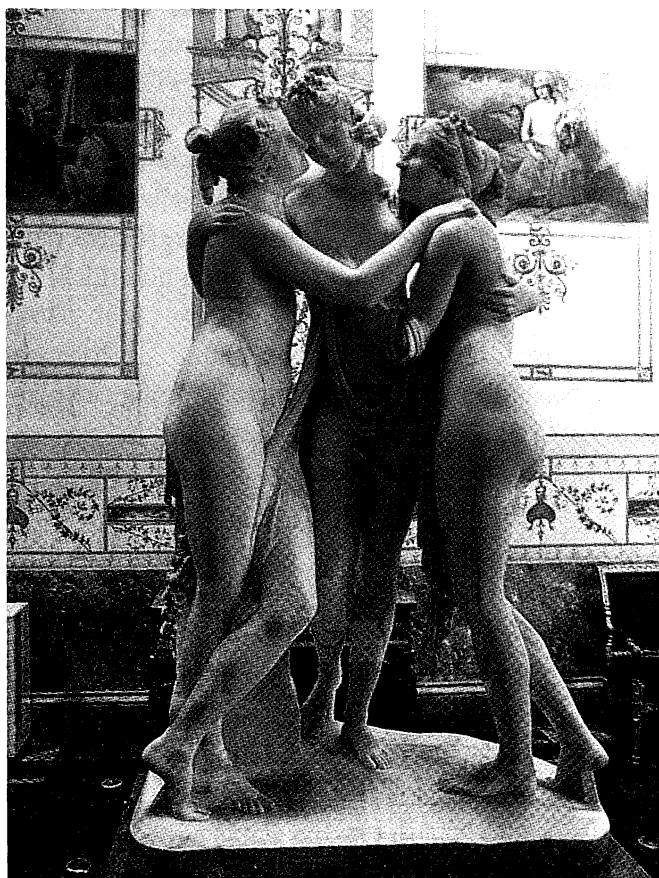
ông vô cớ cho rằng mình sắp bị đi đày lần nữa và đã tự tử. Số phận của ông và của Novikov nằm trong số nhiều vết nhơ của một triều đại rực rỡ.

IX. NGHỆ THUẬT

Catherine quan tâm đến nghệ thuật nhiều hơn văn học một chút vì nghệ thuật chỉ hấp dẫn các giai cấp thượng lưu và không giống lên hồi chuông nổi loạn. Tuy nhiên, âm nhạc dân gian mang tính cách mạng một cách không có chủ ý vì hầu hết loại hình này bao gồm những ca khúc buồn bã, trong một cung thứ và được phụ họa bằng những tiếng than vãn, không chỉ kể lại những con tim tan nát vì tình mà còn là những cuộc đời tàn tạ vì lao động vất vả. Giới quý tộc hiếm khi nghe những ca khúc này nhưng họ tán thưởng những vở nhạc kịch Ý được Galuppi, Paisiello, Salieri và Cimarosa mang đến St. Petersburg, tất cả được nhà nước trả tiền. Bản thân Catherine không quan tâm nhiều đến nhạc kịch. Bà nói: “Trong âm nhạc, ta không thể nhận ra âm thanh nào ngoài tiếng của chín con chó của ta, bọn chúng lần lượt chia sẻ niềm vinh hạnh được ở trong phòng ta và giọng của từng con có thể được ta nhận ra từ một khoảng cách.”¹⁰⁰

Bà cũng thú nhận không hiểu biết gì về nghệ thuật. Bà làm những gì có thể để phát triển sự hiểu biết như thế ở nước Nga. Bà cung cấp ngân quỹ mà nhờ đó Betsky có thể khởi động thật sự Hàn lâm viện Nghệ thuật vốn được thành lập dưới triều của Elizabeth (1757). Bà mua những kiệt tác đã được công nhận từ nước ngoài và trưng bày chúng trong các phòng trưng bày của bà. Theo cách đó bà trả 180.000 ruble cho bộ sưu tập của Bá tước von Bruhl ở Dresden, 40.000 bảng cho bộ sưu tập của Sir Robert Walpole ở Houghton Hall, 440.000 franc cho bộ sưu tập của Choiseul và 460.000 franc cho bộ sưu tập của Crozart. Không hiểu biết về nghệ thuật nhưng bà đã vớ được những món hời vì những món tích góp

dần dần này bao gồm 1.100 tác phẩm của Raphael, Poussin, Vandyck, Rembrandt và các họa sĩ bất tử khác, mà giá trị của chúng đã tăng dần cùng với thời gian và sự mất giá của đồng tiền. Thông qua Grimm và Diderot (mà các khách thính của họ được bà theo dõi cẩn thận), bà đặt hàng cho các họa sĩ Pháp - Vernet, Chardin, Houdon. Bà có những bản sao kích thước giống như nguyên bản các bức bích họa của Raphael ở Vatican và xây một nhà trưng bày đặc biệt cho chúng ở Hermitage.



Hình 23. Bảo tàng Hermitage - tượng *Ba Mỹ nữ* của Canova



Hình 24. Bảo tàng Hermitage
tranh *Người phụ nữ trong khu vườn* của Claude Monet (1867)

Bà ít đặt hàng cho các nghệ sĩ trong nước, vì theo thị hiếu chịu ảnh hưởng Pháp của bà thì ít có tác phẩm nào có giá trị lâu bền trong nghệ thuật Nga vào thời bà. Tuy nhiên, bà cung cấp ngân quỹ cho việc giáo dục và giúp đỡ các sinh viên tại Hàn lâm viện Nghệ thuật và gửi nhiều người trong số họ đi theo học ở Tây Âu. Những người xuất thân từ Hàn lâm viện này như nhà họa sĩ về lịch sử Anton Losenko và các họa sĩ vẽ chân dung như Dmitri Levitsky và Vladimir Borovikovsky. Sau năm năm ở Paris và ba năm ở Rome, Losenko trở về St. Petersburg (1769) và dạy tại Hàn lâm viện. Ông gây xôn xao với tác phẩm *Vladimir trước Rogneda*, nhưng - có thể do quá bận rộn với những bổn phận giáo dục - ông không tạo được những kiệt tác như người ta mong đợi và thần chết mang ông đi lúc mới 36 tuổi (1773). Catherine nhờ Levitsky vẽ chân dung



Hình 25. Peter Đại đế (Tượng của Falconet)

một số thiếu nữ đang theo học tại Viện Smolny; kết quả là một bằng chứng về vẻ đẹp của họ. Bức chân dung ông vẽ Catherine che giấu sự phì nộn của bà dưới những chiếc váy mềm rũ. Bà cũng ngồi làm mẫu cho Bà Vigée-Lebrun vẽ, đây là một trong nhiều họa sĩ Pháp mà bà đã mời đến để mang lại nét duyên dáng của người Pháp cho nghệ thuật Nga.

Con người vĩ đại nhất trong số các họa sĩ được bà du nhập vào là Falconet. Ông đến Nga vào năm 1766 và ở lại 12 năm. Catherine yêu cầu ông thiết kế và đúc bằng đồng, một pho tượng Peter Đại đế đang cưỡi ngựa. Ông có mang theo với mình một thiếu nữ, Marie-Anne Collot, và cô này đắp khuôn chiếc đầu khổng lồ. Falconet thách thức những quy luật của vật lý bằng cách thể hiện con ngựa như đang lao vào khoảng không, chỉ có hai bàn chân sau chạm vào mặt đất - một tảng đá khổng lồ được đưa về từ Karelia tượng trưng cho sức kháng cự mà Peter đã vượt qua; để bảo đảm thăng bằng, Falconet đã thể hiện một con rắn bằng đồng - tượng trưng cho lòng đố kỵ - cắn vào chiếc đuôi của con ngựa. Kiệt tác này vẫn tiếp tục đứng vững trong khi St. Petersburg đổi tên thành Petrograd, tiếp theo là Leningrad và giờ là Saint Petersburg. Falconet đã mất nhiều thời gian cho công trình này hơn là Catherine mong đợi; bà đánh mất sự quan tâm tới nó và lơ là vị điêu khắc gia. Ông quay về Paris, bất mãn với bà, với nước Nga và với cuộc đời.

Năm 1758, Nicolas-François Gillet từ Pháp đến để dạy về điêu khắc tại Hàn lâm viện. Ba trong số các học trò ông đã đạt đến trình độ xuất sắc dưới triều Catherine: Chubin, Kozlovsky và Shchedrin. Chubin được Potemkin đặt tạc một bức tượng *Catherine II* để bày tại ngôi nhà tròn có mái vòm của Cung điện Taurida; các chuyên gia gọi nó “lạnh lùng và tẻ nhạt”¹⁰¹; pho tượng Chubin tạc cho Potemkin dường như cũng vậy. Kozlovsky cũng thể hiện cứng nhắc ngôi mộ của Thống chế Suvorov và thậm chí bức *Cupid* của ông cũng vậy. Tác phẩm quan trọng của Shchedrin được thực hiện dưới

triều Alexander I; cho đến năm 1812 là bức *Các cột tượng phụ nữ nâng cao thiên cầu* (Caryatids Holding Up the Celestial Sphere)ⁱ - người phụ nữ mang thể giới. Ivan Petrovich Martos chuyên về các công trình lễ tang; các nghĩa địa ở St. Petersburg đầy những bức tượng than khóc của ông: “ông khiến cho cẩm thạch phải khóc.” Nghệ thuật điêu khắc trong nước tụt lại phía sau ngoại trừ việc bắt chước các phong cách ngoại quốc. Các nhà thờ Chính Thống giáo không chấp nhận nghệ thuật tạc tượng và các nhà quý tộc lấy làm hài lòng với các họa sĩ tìm thấy trong đám nông nô của mình.

Nhưng kiến trúc nở rộ dưới triều của Catherine vì bà quyết để lại dấu ấn của mình lên thủ đô. “Những tòa nhà vĩ đại” bà nói: “biểu thị sự vĩ đại của một triều đại một cách hùng hồn không kém gì những hành động vĩ đại.”¹⁰² “Khanh biết đấy” bà viết vào năm 1779: “chúng cuồng xây dựng đối với chúng ta mạnh hơn bất cứ lúc nào và không có trận động đất nào từng phá hủy nhiều công trình như chúng ta đã dựng lên... Chúng cuồng này thật quái ác; nó bỏ trốn cùng với đồng tiền và càng xây dựng, người ta càng muốn xây thêm nữa; nó là một căn bệnh, như bệnh nghiện rượu.”¹⁰³ Mặc dù bà bảo Falconet: “Trăm thậm chí không biết vẽ” bà có suy nghĩ riêng của mình về nghệ thuật hay một suy nghĩ bị ảnh hưởng bởi những tác phẩm La Mã được khai quật ở Herculaneum và những cuốn sách của Caylus và Winckelmann. Bà quay lưng lại với những lối trang trí baroque công phu và rococo đầy hoa mỹ từng ngự trị dưới triều Elizabeth và bỏ phiếu cho phong cách tân cổ điển đơn giản. Một số người đương thời cho rằng bà đã đưa ra những chỉ thị rõ ràng và những bức phác họa ban đầu cho các kiến trúc sư của mình.¹⁰⁴

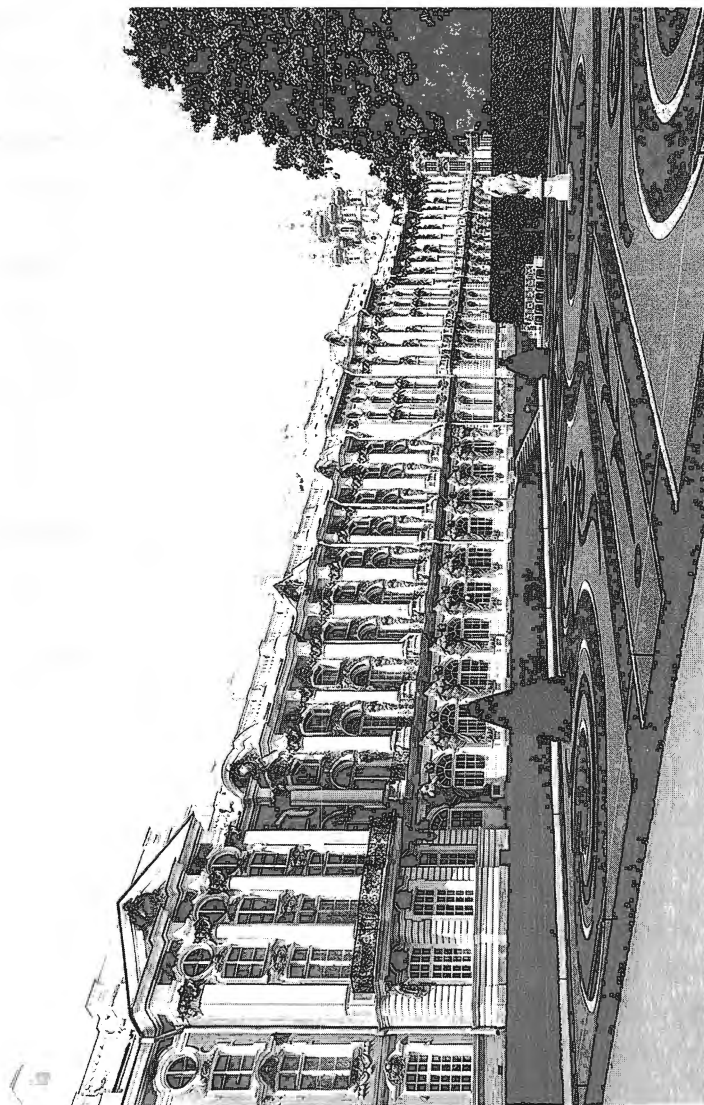
i *Caryatid*: cột hình tượng người phụ nữ.



Hình 26. Francesco Bartolomeo Rastrelli: Tu viện Smolny ở St. Petersburg



Hình 27. Hàn lâm viện Nghệ thuật bên bờ sông Neva



Hình 28. Cung điện của Catherine ở Tsarskoe Selo, Saint Petersburg

Nhận thấy không nghệ sĩ nào trong nước có thể thực hiện những khái niệm của mình, bà kêu gọi đến những người ở Tây Âu vốn kế thừa truyền thống cổ điển. Do đó Jean-Baptiste Vallin de La Mothe đã đến và xây cho bà tòa Lâu đài của Hàn lâm viện Nghệ thuật (1765-1772) bên dòng sông Neva - một mặt tiền với phong cách thời Phục hưng, được bọc bằng gạch và chiếc mái cổng cổ điển và bên trong là một cầu thang tráng lệ hình bán nguyệt dẫn đến tầng lầu hình tròn nằm dưới một mái vòm. Như một cánh phụ của Cung điện Mùa đông, Vallin đã xây nên tòa nhà Hermitage nổi tiếng mà Catherine nghĩ như một nơi trú ẩn khỏi những nghi thức của triều đình, nhưng đã trở thành nhà trưng bày nghệ thuật của bà và ngày nay là một trong những bảo tàng viện quan trọng nhất thế giới. Năm 1790 Catherine mô tả nó cho Grimm như là “nơi ẩn dật nhỏ của ta, nằm ở một nơi thật tiện lợi tới mức từ phòng của ta đến đó và quay lại chỉ có 3.000 bước chân. Tại đó, ta đi lại khắp nơi giữa những vật ta yêu thích và những cuộc đi bộ vào mùa đông như thế giúp cho ta khỏe mạnh.”¹⁰⁵

Cũng đến từ Pháp có một người Scotland là Charles Cameron, tại đó, ông đã nghiên cứu nghệ thuật trang trí cổ điển. Catherine rất hài lòng với vẻ sáng chói và tinh tế trong cách ông ta trang trí - với bạc, sơn mài, kính, ngọc thạch anh, đá mã não và cẩm thạch đa sắc - căn hộ mà bà dành riêng cho bà, những người tình của bà và những con chó của bà trong Cung điện lớn ở Tsarskoe Selo. “Ta chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì tương đương với những căn phòng mới được trang trí này” bà viết; “trong chín tuần cuối cùng ta nhìn ngắm chúng không chút mỏi mệt.”¹⁰⁶ Chung quanh cung điện này bà có một công viên thiết kế theo phong cách “tự nhiên” và “kiểu Anh” mà bà mô tả trong một bức thư gửi Voltaire: “Giờ đây ta yêu thích điên cuồng những khu vườn à l'Anglaise (kiểu Anh), những lối đi ngắn, những con đường uốn cong, những con dốc thoải thoải, những ao hồ... Ta có một ác cảm sâu sắc

đối với những đường thẳng; nói tóm lại, tinh thần sùng Anh thống trị tinh thần sùng cây cối của ta.”¹⁰⁷ Cameron xây cho con trai bà là Paul và người vợ thứ hai xinh đẹp của ông ta một cung điện theo phong cách biệt thự Ý ở Pavlovsk (một khu ngoại ô khác của thủ đô); tại đây, Đại Công tước và Maria Feodorovna chứa những nghệ phẩm mà họ sưu tầm được trong những chuyến du lịch Tây Âu.

Từ Ý đến có Antonio Rinaldi, ông dựng nên hai tòa lâu đài lộng lẫy như những món quà của Catherine tặng cho Grigori Orlov: Lâu đài Cẩm thạch bên sông Neva và gần bên Tsarskoe Selo là Lâu đài Gatchina, đây là nơi cư ngụ được Paul I ưa thích. Và cũng đến từ Ý là Giacomo Quarenghi, ông đã bị mê hoặc bởi những ngôi đền Hy Lạp ở Paestum và những kiệt tác của Palladio ở Vicenza. Năm 1780, thông qua Grimm, ông đệ trình lên Catherine những đề án và mô hình của nhiều công trình khác nhau mà ông hy vọng sẽ xây dựng. Catherine bị chúng hấp dẫn và từ ngày đó cho đến năm 1815, Quarenghi đã dựng lên, tại St. Petersburg hoặc vùng phụ cận, một số lượng lớn các tòa nhà theo phong cách cổ điển: nhà hát của Điện Hermitage, Viện Smolny (mà ông bổ sung vào công trình Tu viện Smolny của Rastrelli), Ngân hàng của Đế chế, Nhà nguyện của Dòng Malta, Cung điện Anh ở Peterhof và Cung điện Alexander ở Tsarskoe Selo. Cung điện này được thiết kế dành cho người cháu của Catherine là Alexander I tương lai, ông này chuyển đến đó vào năm 1793, hai năm sau khi hoàn tất. “Đó là một trong những kiệt tác của kiến trúc thế kỷ XVIII.”¹⁰⁸ⁱ

i Đây là nơi ở được ưa thích của Sa hoàng Nicholas II; từ đây ông chạy trốn đến Siberia và mất năm 1917, chính phủ Xô viết biến cung điện thành viện bảo tàng. Tòa nhà bị hư hại nặng trong Thế chiến II, nhưng đã được trùng tu. (Durant).



Hình 29. Lâu đài Gatchina



Hình 30. Lâu đài Taurida

Nhưng không có kiến trúc sư người Nga nào phù hợp để tiêu xài những đồng ruble của Catherine sao? Có chứ. Hy vọng để lại một công trình tưởng niệm mình ở Moscow, bà giao cho Vasili Bazhenev thiết kế một thành trì (Kremlin) bằng đá thay thế cho tòa thành bằng gạch của Ivan Đại đế. Bazhenev hình dung ra một công trình mênh mông sẽ khiến cho Versailles trở nên nhỏ bé; những ai được xem mô hình bằng gỗ của nó - nội mô hình này cũng tốn hết 60.000 ruble - đều lấy làm kinh ngạc bởi sự ưu việt của kiến trúc này. Nhưng, những nền móng đặt cho công trình này đã lún xuống khi đất bị sụt bởi tác động của sông Moscow. Mặc dù vậy, bà đã tìm ra ngân quỹ cho phép Ivan Starov xây dựng, trên tả ngạn sông Neva, Lâu đài Taurida. Công trình lộng lẫy này được bà tặng cho Potemkin để tưởng niệm cuộc chinh phục xứ Crimea của ông.

Mặc dù các tòa nhà có tốn kém đến đâu, Catherine đã đạt được mục đích của mình. Một người đương thời là Masson đã viết: “Một người Pháp, sau khi đi quanh co dọc theo các bờ biển khắc nghiệt của nước Phổ và băng qua những đồng bằng hoang dã và không trồng trọt gì của xứ Livonia, lấy làm sửng sốt và vô cùng sung sướng khi lại nhìn thấy, giữa sa mạc rộng lớn, một kinh thành rộng rãi và tráng lệ; trong đó, giới thượng lưu, những trò giải trí, những tác phẩm nghệ thuật và những cảnh sang trọng xa xỉ có đầy rẫy khiến anh ta tưởng mình không ở đâu khác hơn là Paris.”¹⁰⁹ Và Ông hoàng de Ligne, sau khi đã nhìn thấy hầu khắp châu Âu, kết luận rằng: “Bất chấp những khiếm khuyết của Catherine, những tòa nhà công cũng như tư của bà đã khiến cho St. Petersburg trở thành thành phố xinh đẹp nhất trên thế giới.”¹¹⁰ Thịt và máu của cả chục triệu nông dân đã được biến thành gạch và đá.

X. KẾT THÚC CUỘC HÀNH TRÌNH

Catherine, giống như những nhà cai trị trong mọi thời đại, có thể sẽ giải thích rằng bất luận thế nào con người cũng

phải chết, vậy tại sao các chính khách không sử dụng thiên tài để điều khiển những cuộc đời vất vả và một số cái chết đó vào việc làm cho đất nước hùng cường và những thành phố của nó vĩ đại? Những năm trên đỉnh quyền lực, những thử thách của nổi loạn và chiến tranh, những dao động giữa chiến thắng và thất bại, đã tập cho bà quen với việc thân nhiên chịu đựng những đau khổ của người khác và ngoảnh mặt đi để không nhìn thấy cảnh kẻ mạnh bóc lột kẻ yếu vì quá sức cứu chữa của bà.

Lo lắng bởi hàng chục âm mưu lật đổ mình và sợ hãi trước cuộc nổi loạn của Pugachev, bà lấy làm kinh hoàng bởi cuộc Cách mạng Pháp. Bà chịu đựng nó một cách mẫn nguyện khi nó hứa hẹn chỉ lật đổ một giới quý tộc ăn không ngồi rồi và một chính quyền bất tài; nhưng khi một đám dân chúng Paris buộc Louis XVI và Marie Antoinette phải rời Versailles và về sống trong Điện Tuileries giữa một quần chúng không bị kiềm chế - khi Quốc hội Lập hiến tự tuyên bố là cơ quan cao nhất và Louis đồng ý chỉ là một viên chức hành pháp của nó - Catherine rung mình trước sự khuyến khích như vậy đối với những người cũng tìm cách có hành động tương tự ở Nga. Bà cho phép giới giáo sĩ cấm xuất bản những tác phẩm của Voltaire mà bà đã có thời yêu thích (1789);¹¹¹ bản thân bà không lâu sau đó cũng bài trừ mọi ấn phẩm của Pháp; bà cho chuyển những pho tượng bán thân của Voltaire từ những căn phòng của bà sang một căn phòng chứa đồ bỏ đi (1792).¹¹² Bà lưu đầy con người lý tưởng Radishchev (1790), bỏ tù con người có tinh thần quần chúng Novikov (1792) và thiết lập một chế độ kiểm duyệt theo kiểu tôn giáo pháp đình đối với văn chương và những vở kịch. Khi Louis XVI và Marie Antoinette bị đưa lên máy chém (1793), bà cắt đứt mọi quan hệ với chính phủ Pháp và thúc giục các chế độ quân chủ Âu châu thành lập một liên minh chống lại nước Pháp.

Bản thân bà đã không tham gia vào liên minh đó; bà sử dụng nó để giữ cho các cường quốc phương Tây bận rộn

trong khi bà hoàn tất việc sáp nhập nước Ba Lan. “Có nhiều công việc của ta chưa hoàn thành” bà bảo với một trong các nhà ngoại giao của mình: “các triều đình Berlin và Vienna phải bị bận rộn khiến họ để cho chúng ta được tự do.”¹¹³

Một vài vết tích của chủ thuyết tự do trước đây của bà còn sót lại đến tận năm 1793. Trong năm đó, một triều thần báo cáo với bà rằng Frédéric-César de Laharpe, người từng làm gia sư cho các cháu bà, là một người cộng hòa không chịu ăn năn. Bà cho đưa ông ta đến và kể với ông về bản báo cáo; ông trả lời: “Bệ hạ đã biết, trước khi trao phó cho tôi việc giáo dục các vị Đại Công tước, rằng tôi là một người Thụy Sĩ và do đó là một người theo chủ nghĩa cộng hòa.” Ông xin bà hãy xem xét các học trò của ông và hãy đánh giá công việc của ông qua tư cách của họ. “*Monsieur*” bà nói, “hãy là một người Jacobin, một người cộng hòa, hay bất cứ gì ông thích; ta tin ông là một người chính trực và điều đó cũng đủ cho ta. Hãy ở lại với các cháu của ta, ghi nhớ sự tin tưởng hoàn toàn của ta và dạy dỗ chúng với nhiệt tình thường lệ của ông.”¹¹⁴

Giữa cơn náo động bà cặp với người tình cuối cùng của mình (1789). Platon Zubov 25 tuổi, còn bà 61. Bà viết cho Potemkin, *amant-en-titre* (nhân tình chính thức) của bà: “Em đã quay lại với cuộc đời như một con ruồi mà cái lạnh đã làm tê cóng.”¹¹⁵ “Môn đệ” mới của bà đề nghị một cuộc tấn công gồm ba mũi nhọn vào Thổ Nhĩ Kỳ: Một đạo quân Nga dưới quyền của người em Valerian 24 tuổi của anh ta sẽ vượt qua rặng Caucasus tiến vào Ba Tư và khóa chặt mọi giao thương trên đất liền giữa Thổ và phương Đông; một đạo quân khác, dưới quyền Suvorov, sẽ hành quân qua bán đảo Balkans để bao vây Constantinople; và Hạm đội Hắc Hải mới của Nga, do Nữ hoàng thân chinh chỉ huy, sẽ nắm quyền kiểm soát Eo biển Bosphorus. Sau nhiều năm chuẩn bị, công cuộc khó khăn mang tính sử thi này bắt đầu vào năm 1796. Derbent và Baku bị chiếm; và Catherine mong đợi những chiến thắng mà rồi sẽ hoàn thành chương trình và tôn vinh sự nghiệp của bà.

Sáng ngày 17-11-1796, bà trông vui vẻ như mọi hôm. Sau bữa điểm tâm bà lui về phòng mình. Khi thời gian trôi qua nhưng bà không xuất hiện trở lại, các nữ tì gõ cửa phòng. Không nghe tiếng trả lời, họ bước vào. Họ thấy Nữ hoàng nằm sổng soài trên sàn nhà, nạn nhân của việc đứt một động mạch ở não. Bà được trích máu hai lần, và tỉnh lại một lúc, nhưng không nói được. Đến mười giờ tối hôm đó bà mất.

Các kẻ thù của bà cảm thấy bà không xứng đáng có được một cái chết nhân từ như vậy. Họ không bao giờ tha thứ cho những sự mâu thuẫn giữa những lời tuyên bố tự do và sự cai trị độc đoán của bà, sự bất khoan dung của bà đối với hành vi chống đối, sự thất bại của bà trong việc thực hiện chương trình cải cách pháp luật Nga đã được đề nghị, việc bà nhượng bộ giới quý tộc khi mở rộng chế độ nông nô. Các gia đình bị cùng khổ vì sưu cao thuế nặng hoặc than khóc cho việc mất những đứa con trai trong những cuộc chiến tranh của bà, đã không cảm ơn bà vì các chiến thắng. Nhưng dân chúng nói chung hoan nghênh bà vì đã bành trướng nước Nga đến các biên giới rộng hơn và an toàn hơn. Bà đã bổ sung 518.000km² vào diện tích nước Nga, mở các hải cảng mới cho nền thương mại Nga, đưa dân số từ 19 lên đến 36 triệu người. Bà đã tỏ ra vô liêm sỉ trong chính sách ngoại giao của mình - có thể trong việc thôn tính Ba Lan bà đã vượt qua các nhà cai trị đương thời chút đỉnh về mặt này.

Thành tựu lớn nhất của bà nằm ở chỗ tiếp tục những nỗ lực của Peter Đại đế nhằm đưa nước Nga hòa nhập vào văn minh Tây phương. Trong khi Peter đã nghĩ về điều này chủ yếu về mặt kỹ thuật, Catherine phần lớn nghĩ về nó dưới dạng văn hóa. Bằng sức mạnh và lòng can đảm của tính cách mình, bà đã lôi kéo được các giai cấp có học của Nga ra khỏi thời Trung cổ để đi vào quỹ đạo của tư tưởng hiện đại trong văn học, triết học, khoa học và nghệ thuật. Bà đã tiến xa hơn những quân vương Cơ Đốc (ngoại trừ con người phi Cơ Đốc Frederick II) trong việc củng cố lòng khoan dung tôn giáo.

Một sử gia Pháp đã so sánh bà với *Le Grand Monarque* [Đại Vương, tức Louis XIV]:

Tinh thần quảng đại của Catherine, vẻ huy hoàng của triều đại bà, sự uy nghi của triều đình bà, những thiết chế, công trình, những cuộc chiến tranh của bà đối với nước Nga, chính xác là những gì triều đại của Louis XIV đã làm đối với nước Pháp. Nhưng, xét một cách riêng rẽ, Catherine còn vĩ đại hơn vị Vua này. Người Pháp tạo nên vinh quang của Louis; còn Catherine tạo nên vinh quang của người Nga. Bà đã không có được thuận lợi trị vì một dân tộc văn minh như ông; cũng không được vây quanh bởi những nhân vật vĩ đại và hoàn hảo ngay từ ấu thời như ông.¹¹⁶

Theo đánh giá của một sử gia Anh, Catherine là “vị nữ hoàng duy nhất đã vượt qua Elizabeth của Anh quốc về khả năng và sánh ngang với bà ta về ý nghĩa lâu bền của công trình của bà.”¹¹⁷ “Bà là,” một sử gia Đức nói: “một con người chính trị trong từng ly, không người phụ nữ nào trong lịch sử hiện đại sánh kịp, thế nhưng cùng lúc lại là một người đàn bà hoàn toàn và một mệnh phụ vĩ đại.”¹¹⁸ Chúng ta có thể áp dụng cho bà nguyên lý cao thượng của Goethe: những lỗi lầm của bà là do sự tiếm nhiệm của thời đại bà nhưng những đức hạnh của bà là của chính bà.



Hình 31. *Tượng đài kỷ niệm Catherine Đại đế ở Saint Petersburg, với các nhân vật xuất chúng của triều đại bà*

CHƯƠNG IV

CƯỜNG ĐOẠT BA LAN

1715-1795

I. TOÀN CẢNH BA LAN: 1715-1764

Địa lý, chủng tộc, tôn giáo và chính trị là những kẻ thù tự nhiên của nước Ba Lan. Đất nước này rộng bằng nước Pháp, vào năm 1715, nó trải dài từ Sông Oder ở phía tây hầu như đến Smolensk và Kiev ở phía đông; nhưng nó không có biên giới tự nhiên - không có những rặng núi hay con sông rộng - ở phía nào để bảo vệ nó khỏi bị xâm lược; nó được gọi tên theo chữ *pole* nghĩa là đồng bằng. Nó chỉ có một cửa sông để đi ra biển - ở Danzig; và con sông Vistula đổ ra đó không phải là một hàng rào phòng thủ chống lại nước Phổ kế bên. Quốc gia này không đồng nhất về mặt chủng tộc: khối đa số người Ba Lan trong tổng số 6.500.000 người (1715) của nó ở trong tình trạng lúc này lúc khác xung đột với các nhóm thiểu số người Đức, Do Thái, Lithuania và Nga; ở đây, dân Teuton và dân Slav giáp mặt nhau trong mối thù địch tự phát. Không có sự đồng nhất về tôn giáo: đa số Công giáo La Mã cai trị và áp bức những kẻ “Dị giáo” - chính những người này cũng chia rẽ và hay gây sự nhau giữa tín đồ Tin Lành, Chính Thống giáo Hy Lạp và Do Thái giáo. Không có sự đồng nhất về chính trị vì quyền hành tối thượng bị ghen ghét nằm trong tay một Sejm, hoặc Diet (Nghị viện), độc quyền bao gồm những nhà quý tộc mà mỗi người trong bọn họ thông qua quyền *liberum veto* có thể hủy bỏ bất cứ đề nghị nào của tất cả những người còn lại

và kết thúc bất cứ phiên họp nào tùy ý. Nhà Vua được Diet lựa chọn và phải lệ thuộc vào những “quy ước” được ông ký như một điều kiện để được bầu lên; ông không thể theo đuổi chính sách dài hạn nào với sự bảo đảm sẽ được quyền truyền lại vương miện hay nhận được sự ủng hộ vững chắc. Các nhà quý tộc đòi có được quyền hành vô giới hạn như vậy vì mỗi người đều muốn hoàn toàn tự do cai quản đất đai và nông nô của mình. Nhưng giới hạn là đặc tính cơ bản của tự do vì ngay lúc tự do không bị kiểm chế nó chết trong tình trạng vô chính phủ. Lịch sử Ba Lan sau Jan Sobieski là một biên niên sử của tình trạng vô chính phủ.

Hầu hết đất đai được các nông nô cày cấy trong một sự khuất phục không hề có kháng cáo. Chủ nhân đôi khi tử tế, nhưng luôn có quyền hành tuyệt đối. Các nông nô của ông ta không chỉ nợ ông ta một phần sản phẩm nào đó mà ông ta có thể đòi hỏi; họ còn bị bắt phải lao động không công tại điền trang của ông hai hoặc ba ngày mỗi tuần. May mắn là đất đai phì nhiêu và được tưới nước đầy đủ và người nông dân có đủ cái ăn nhưng Coxe mô tả họ còn “nghèo hơn, hèn mọn hơn và khốn khổ hơn bất cứ dân tộc nào mà chúng tôi đã quan sát trong các cuộc du hành”¹. Những ông chủ địa phương của họ thuộc giới quý tộc bậc dưới, hay *gentry* (*szlachta*ⁱ), và đến lượt các điền chủ này lệ thuộc vào khoảng một trăm nhà đại quý tộc sở hữu hoặc kiểm soát những diện tích mênh mông. Giới địa chủ giữ phần lớn các chức vụ hành pháp trong nước và về lý thuyết, họ thống trị Sejm; trong thực tế, chính trị Ba Lan là sự xung đột của các đại quý tộc hay dòng họ của họ, thao túng các nhóm *szlachta* bằng ảnh hưởng kinh tế hoặc hối lộ trực tiếp.²

Tại Ba Lan, dòng họ vẫn còn giữ ưu thế nguyên thủy của nó so với nhà nước. Các dòng họ Radziwill, Potocki, Czartoryski

i Địch giả nói tiếng Anh có thể phát âm tiếng Ba Lan c theo cách thông thường như là *ts*; *cz* như là *ch*; *sz* như là *sh*; và *w* như là *v*. (Durant).

được kết hợp riêng rẽ bằng một tình cảm đoàn kết của dòng họ, mạnh hơn bất cứ mối ràng buộc nào về dân tộc. Ở đây, lòng ái quốc theo nghĩa đen là sự kính trọng đối với người cha và trên tất cả là đối với người cha già nhất. Dòng họ mạnh mẽ như một thể chế vì nó là đơn vị sản xuất kinh tế và kỷ luật tinh thần; không có chủ nghĩa cá nhân về kinh tế khiến cho những người con trai phân tán khắp đất nước; thông thường người con trai ở lại trên điền trang gia sản, tuân theo mệnh lệnh của người cha chừng nào người cha còn sống; gia đình hưng thịnh theo cùng sự thống nhất về quyền lực đó mà khi không có nó, quốc gia sẽ suy yếu. Toàn bộ của cải của dòng họ nằm dưới quyền kiểm soát tập trung của người tộc trưởng; trong nhiều trường hợp, nó phát triển từ năm này sang năm khác qua những khoản lợi nhuận nhờ khai thác và xuất khẩu được tái đầu tư và trong nhiều trường hợp nó vượt qua tài sản của Nhà Vua. Hằng năm, mỗi dòng họ trong số hai mươi dòng họ ở Ba Lan vào thế kỷ XVIII đã chi phí đến hơn 200.000 livre cho người nhà của họ.³ Những dòng họ hùng mạnh gọi nhà của họ là triều đình với những người tùy tùng, những đạo quân riêng, nhiều kẻ hầu người hạ, với những nghi thức được phô bày gần giống như vua chúa. Do đó, Ông hoàng Karol Radziwill, người có điền trang rộng bằng một nửa nước Ireland, năm 1789, đã tổ chức một bữa tiệc với 4.000 thực khách và chi phí lên đến một triệu đồng mark.⁴

Dòng họ nổi tiếng nhất ở Ba Lan - nổi tiếng đến mức được gọi là “Gia tộc” - là Czartoryskis. Họ đã giữ địa vị ông hoàng kể từ thế kỷ XV và có quan hệ với dòng họ Jagiello, vốn đã cai trị Ba Lan từ năm 1384 đến năm 1572. Hoàng thân Kasimierz Czartoryski (mất năm 1741), phó tể tướng Lithuania, đã cưới Isabella Morstin và bà này đã truyền thêm văn hóa Pháp vào cho dòng họ. Ông có với bà 3 người con đáng chú ý: (1) Fryderyk Michał Czartoryski, người trở thành đại tể tướng của Lithuania; (2) Alexander Augustus Czartoryski, người sau này

là Ông hoàng Palatine của xứ Red Russiaⁱ; và (3) Konstantia, người lấy Stanislas Poniatowski I và có với ông người con là Stanislas Poniatowski II, nhân vật bi thảm nhất trong lịch sử Ba Lan.

Một nét độc đáo nữa của dòng họ Czartoryski là quan điểm tự do của họ đã phát triển cùng với của cải của họ. Từ lâu, họ đã nổi tiếng với cách đối xử nhân đạo đối với các nông nô của mình; “nếu sinh ra là một nông nô” một người đương thời nói: “tôi muốn làm nông nô cho Ông hoàng [Alexander] Augustus Czartoryski.”⁵ Họ tổ chức những trường học cho trẻ con, cấp sách giáo khoa cho chúng, xây dựng nhà thờ, bệnh viện và những ngôi nhà nông thôn kiểu mẫu. Họ đưa các giáo viên và học giả về điền trang và lâu đài của họ ở Pulawy (gần Lublin) để đào tạo cho các thanh thiếu niên có nhiều hứa hẹn từ mọi giai cấp để phục vụ cho đất nước. Về chính trị, họ chống lại quyền *liberum veto* vì nó làm cho chính phủ không thể hoạt động hữu hiệu. Nhiều dòng họ cùng đứng về một phía chống lại họ vì cảm thấy quyền phủ quyết là sự bảo vệ duy nhất [của phe chống đối] chống lại một chính quyền trung ương độc tài. Mạnh nhất trong số này là dòng họ Potocki do Ông hoàng Felix Potocki dẫn đầu, ông là người đã có thể phi ngựa chạy thẳng 48km mà vẫn còn ở trong đất của mình - 1.214.000 ha ở Ukraine.

Công nghiệp và thương mại vào thế kỷ XVI đã góp phần tạo nên sự vĩ đại của Ba Lan và sự thịnh vượng của các thành phố tại nước này đã bị tụt hậu do sự thù địch của các địa chủ và thiết chế *Diet* ngoan ngoãn của họ. Nhiều thành thị hoàn toàn là tài sản riêng của một đại quý tộc là người, e sợ sự nổi dậy của một giai cấp trung lưu độc lập, đã ưu đãi nông nghiệp hơn là công nghiệp. Sự cạnh tranh của các nghề thủ công của nông nô tại các điền trang đã làm nản lòng các thợ thủ công

i Red Russia (Còn gọi là Red Ruthenia hay Red Rus): một từ lịch sử, được dùng từ thời Trung cổ để chỉ vùng Đông nam Ba Lan và Tây Ukraine.

ở thành thị. “Sự suy tàn của các thành phố” Antoni Potocki viết năm 1744, “rõ ràng tới mức ngoại trừ trường hợp ngoại lệ duy nhất của Warsaw, những thành phố hàng đầu trong nước có thể được so sánh với những ổ trộm cướp.”⁶ Cỏ mọc trên các đường phố ở Lvov và Cracow trước đây là một trong những trung tâm văn hóa lớn của châu Âu, đã suy tàn với một dân số xuống còn 9.000 người và trường đại học trứ danh của nó chỉ còn có 600 sinh viên.⁷

Tình trạng sa sút của các thành thị một phần là do việc Công giáo chinh phục trở lại Ba Lan. Nhiều người trong số các tín đồ Tin Lành bị buộc phải chuyển đi nơi khác là những thương gia hoặc thợ thủ công; sự sụt giảm dân số của họ ở khắp nơi ngoại trừ miền tây Ba Lan (nơi nhiều người Đức vẫn ở lại) để lại hiện trường Ba Lan cho các địa chủ; và những người này là tín đồ Công giáo La Mã hoặc, ở miền đông, Chính Thống giáo Hy Lạp hoặc *Uniate* (tín đồ Công giáo thực hành các nghi thức tế tự phương đông nhưng công nhận giáo hoàng ở La Mã). Những người Dị giáo - Tin Lành, Chính Thống giáo Hy Lạp và Do Thái, chiếm 8% dân số - bị loại khỏi các chức vụ công cộng và không được tham gia vào Diet; mọi vụ kiện chống lại họ được xét xử trước các tòa án hoàn toàn Công giáo.⁸ Tinh thần thù địch tôn giáo lên đến đỉnh điểm khi, vào năm 1724, tại vùng Torún (Thorn) đa số theo Tin Lành, dân chúng, giận dữ vì cách hành xử của một sinh viên dòng Tên, đã mạo phạm bánh thánh và giẫm lên một bức hình Đức mẹ Đồng trinh. Chín trong số những kẻ tấn công bị xử tử. Tín đồ Tin Lành Ba Lan cầu cứu nước Phổ, tín đồ Chính Thống giáo Hy Lạp cầu cứu nước Nga; Phổ và Nga đề nghị bảo vệ và từ đấy, họ tiến đến chỗ xâm lược và chia cắt Ba Lan.

Luân lý của người Ba Lan giống với người Đức ở bàn ăn và người Pháp trên giường. Nông dân buộc phải quen với cảnh một vợ một chồng để chăm sóc đất đai và con cái của mình nhưng ở thủ đô, điều này thật khó tuân thủ vì sắc đẹp

và “cung cách quyến rũ”⁹ của phụ nữ, họ không cho phép trình độ giáo dục cao can thiệp vào sức hấp dẫn của mình. Chúng ta được kể lại, các mệnh phụ ở Warsaw cũng buông thả về mặt tình dục như những bà ở Paris.¹⁰ Poniatowski đoán chắc với chúng ta rằng ông hãy còn là trai tân cho đến năm 22 tuổi,¹¹ nhưng ông nói thêm rằng, một sự tiết dục như vậy rất hiếm có trong giai cấp của ông. - Nạn say sưa tràn lan và không phân biệt giai cấp. Nơi những người nông dân, nó cho họ những giây phút quên lãng khỏi cảnh nghèo khó, vất vả, hoặc cái lạnh; còn đối với những nhà quý tộc, nó an ủi cho cảnh cô lập và buồn chán; và trong mọi tầng lớp cánh đàn ông xem nó không phải như một tật xấu mà là một sự thành tựu. Pan Komarczewski được hoan nghênh vì đã có thể nốc cạn một xô sâm banh mà đầu óc lẫn tay chân vẫn còn vững vàng; Poniatowski được cảnh báo là sẽ không bao giờ được dân chúng yêu mến trừ khi mỗi tuần ông ta say hai lần.¹² Lòng hiếu khách rất phổ biến nhưng được đánh giá qua số lượng thức ăn và thức uống thiết đãi khách. Đôi khi một nhà đại quý tộc thể chấp cả một thị trấn để trả tiền cho một bữa tiệc.

Người Ba Lan có học thức trang điểm cho cảnh tượng bằng những chiếc váy. Vào mùa hè, người nông dân tạm bằng lòng với chiếc áo sơ mi và quần ống túm dài đến đầu gối bằng vải lanh thô, không có vớ dài hoặc giày và vào mùa đông, anh ta bó mình lại mà không quan tâm đến màu sắc, cũng không có thì giờ cho cái đẹp; nhưng giới địa chủ, số lượng khoảng 725.000 người, đi giày ống, mang gươm, mũ gắn lông chim, mặc một chiếc áo màu bằng lụa hoặc đăng ten và chung quanh eo là một chiếc thắt lưng rộng bằng vải được trang trí hoa văn sắc sảo. Bộ y phục dân tộc kiêu hãnh này đã biến thành một từ tín đồ đạo Hồi qua sự tiếp xúc của người Lithuania với người Thổ Nhĩ Kỳ ở Ukraine; nó phản ánh mối liên minh chóng vánh của Ba Lan với Thổ chống lại Áo hoặc Nga; và có thể nó biểu hiện một yếu tố Á châu trong tập quán và tính cách của người Ba Lan.

Về mặt văn hóa, từ năm 1697 đến năm 1763, Ba Lan bị tụt hậu do sự thờ ơ của các vị vua Saxony đối với văn học và nghệ thuật Slavơ và bởi sự tàn phá của hai cuộc chiến tranh. Giáo hội Công giáo không chỉ là người bảo trợ chính cho nghệ thuật mà còn cung cấp giáo dục và là nơi ký thác chủ yếu của tri thức và văn học. Giáo hội thận trọng cách ly Ba Lan khỏi hoạt động khoa học và triết học ở phương Tây, nhưng trong những giới hạn của mình, nó cũng truyền bá và nuôi dưỡng kiến thức. Józef Zaluski, giám mục Kiev, thu thập 200.000 cuốn sách ở Warsaw thành một trong những thư viện lớn nhất của thời đại; năm 1748, ông mở cửa thư viện cho công chúng và giới thiệu nó với quốc gia; trong khi đó, bản thân ông sống đam bạc và tự hy sinh trong cuộc đấu tranh để bảo tồn nền độc lập của Ba Lan.

Chính ông đã khiến vị linh mục trẻ đầy nhiệt tình Stanislas Konarski đi vào con đường nghiên cứu lịch sử và luật pháp. Năm 1731, Konarski xuất bản cuốn đầu tiên trong số bốn cuốn sách có tên gọi là *Volumina legum* (Pháp luật toàn tập), hệ thống hóa pháp luật Ba Lan từ thời Đại đế Casimir đến thời của ông. Những tập sách này và những công trình khảo cứu khác đã cho Konarski thấy Ba Lan đã suy tàn một cách bi thảm từ thời Phục hưng rực rỡ như thế nào. Tin chắc rằng sự tái sinh chỉ có thể đến từ trên đỉnh, ông dựng nên một Collegium Nobilium (Học viện Quý tộc) ở Warsaw (1740), nơi các thanh thiếu niên con nhà dòng dõi có thể nhận được một nền giáo dục không chỉ về toán học, các ngôn ngữ và văn học cổ điển (mà các giáo sĩ dòng Tên vốn sở trường) mà còn có các khoa học tự nhiên và ngôn ngữ hiện đại. Đây là một hành động anh hùng vì ông không có cả tiền bạc lẫn sách giáo khoa cũng như giáo sư và sinh viên; thế nhưng sau 15 năm lao động miệt mài ông đã biến Học viện Quý tộc của mình thành một thiết chế nổi tiếng và danh giá, một trong những nguồn phục sinh về văn hóa dưới triều Poniatowski và của bản hiến pháp tiến bộ năm 1791. Ông kêu gọi cải cách ngôn ngữ Ba Lan,

tìm cách giải thoát khỏi những thành ngữ La tinh và lối tu từ hoa hòe. Cả nước phản đối nhưng vẫn học tập. Konarski mang vinh dự lại cho công trình của ông với việc xuất bản (trong các năm 1760-1763) luận văn chính trị quan trọng nhất của thế kỷ ở Ba Lan, mang một cái tên vô hại *Về cách cư xử hữu hiệu của những cuộc tranh luận*; tuy nhiên tác phẩm chứa đựng một vụ nổ phá tan thủ tục *liberum veto*. Cũng lại có nhiều cuộc phản đối nhưng sau năm 1764 không có Nghị viện nào bị giải tán bởi thủ tục *liberum veto*. Chính nhờ sự trợ giúp của Konarski mà Poniatowski đã bắt đầu công cuộc cải cách hiến pháp Ba Lan. Trước giai đoạn hồi sinh sáng chói và thất thường đó, Ba Lan đã phải chịu đựng 67 năm rối loạn, nhục nhã và suy tàn dưới triều các vua Saxony.

II. CÁC VUA SAXONY: 1697-1763

Các trang khác đã nói về việc Nghị viện Ba Lan bỏ qua người con trai của Sobieski vĩ đại để trao vương miện Ba Lan cho Frederick Augustus, Tuyển hầu Saxony, người chỉ qua một đêm đã đi theo tín ngưỡng Công giáo để trở thành Augustus II (“Người hùng”) của Ba Lan; việc Charles II của Thụy Điển đã thay ông ta bằng Stanislas Leszczyński (1704) và việc Charles thất trận ở Poltawa (1709) đã cho phép Augustus lấy lại ngai vàng. Ông ta ít thích thú với những quyền lập pháp của một quân vương ở thế kỷ XVIII, ngoại trừ những đặc quyền về tình dục của Nhà Vua. Thất bại trong việc cai trị Ba Lan, ông chuyển tình yêu của mình sang Saxony, trang điểm cho Dresden, nốc đầy bia và làm kiệt sức mình bằng những cô nhân tình. Ông tặng thêm mỗi sĩ nhục vào sự tổn thương này bằng cách chỉ nhận một trong số những người đẹp Ba Lan làm nhân tình. Vào cuối triều đại, ông lập kế hoạch chia cắt Ba Lan ra cho Áo, Phổ và Saxony, nhưng đã chết (1-2-1733) trước khi thực hiện trò ma quỷ này. Nằm trên giường lúc

lâm chung ông nói: “Cả đời ta là một tội lỗi liên tục.”¹⁴ *In morte veritas*.ⁱ

Trong buổi giao thời chưa có quốc chủ khi Nghị viện được bầu đang nhóm họp, các gián điệp Pháp đã vung tiền ra để các đại biểu ủng hộ việc phục hồi Leszczyński. Kể từ khi bị truất phế, Stanislas đã sống trong yên ổn và hy vọng ở Alsace. Năm 1725, con gái ông là Marie trở thành hoàng hậu nước Pháp khi lấy Louis XV; giờ đây, Louis mong đợi người cha vợ của ông, nếu được đưa lên ngai vàng, sẽ đi theo chính sách của Pháp liên kết Ba Lan với Phổ và Thổ Nhĩ Kỳ thành một vòng vây quanh nước Áo. Nhận thấy một liên minh như vậy sẽ làm suy yếu nước Nga trong những cuộc xung đột không thể tránh khỏi giữa Nga với Thổ và Phổ, chính phủ Nga đã gửi những đồng ruble đến Warsaw để ngăn cản việc bầu Leszczyński. Những đồng livre nặng ký hơn những đồng ruble, và ngày 10-9-1733, Leszczyński trở thành Vua Stanislas I của Ba Lan.

Một thiểu số từ chối công nhận cuộc bầu cử và tự đặt mình dưới sự bảo vệ của một đạo quân Nga vốn đã tiến đến sông Vistula và tuyên bố Tuyển hầu Saxony là Vua Augustus III của Ba Lan (ngày 6 tháng Mười). Như vậy, bắt đầu cuộc Chiến tranh Thừa kế Ba Lan và vụ can thiệp quan trọng đầu tiên của Nga vào nội bộ Ba Lan. Stanislas chờ một đạo quân Ba Lan đến bảo vệ mình; không có đạo quân nào ngoại trừ trên giấy tờ; ông chạy trốn sang Danzig và kêu gọi Pháp trợ giúp. Lúc đó chính phủ Pháp do Hồng y Fleury lãnh đạo; ông không có bụng dạ nào lâm chiến với một nước Nga xa xôi. Ông phái một biệt đội 2.400 binh sĩ. Quân Nga, với 12.000 người, áp đảo đội quân này. Stanislas trốn khỏi Danzig và lui về Lorraine. Tháng Một năm 1736, ông ký chiếu thoái vị; đến tháng Bảy, Augustus III được công nhận là vua Ba Lan.

i *In morte veritas* (La-tinh): “Thực tế của cái chết”, hoặc “người chết hay nói thật”



Hình 32. *Vua Stanislas I*
(tranh của Antoine Pesne, khoảng năm 1731).

Nhưng ông ta cũng không phù hợp gì hơn Leszczyński để đưa một quốc gia được xây nên từ cảnh hỗn loạn vào con đường của bản hiến pháp. Trong một thời gian ông hợp tác với dòng họ Czartoryski trong nỗ lực chấm dứt quyền *liberum veto*; dòng họ Potocki liên tiếp sử dụng quyền phủ quyết để duy trì nó. Augustus chịu thua, tự an ủi với cuộc sống

ở Dresden và hiếm khi đến thăm Ba Lan. Nạn tham nhũng vẫn tiếp tục và nở rộ; bất lực trong việc ngăn chặn nó, Nhà Vua cũng dự phần vào, bán các chức vụ cho ai trả tiền cao nhất. Các nhà đại quý tộc kiểm soát các triều đình và quân đội; họ thương lượng trực tiếp với các ngoại cường và nhận trợ cấp của các nước này.¹⁵ Pháp, Áo, Phổ, Nga vận động lôi kéo để xem nước nào được lợi nhiều nhất từ cuộc tan rã sắp diễn ra của nhà nước Ba Lan.

Trước và sau cái chết của Augustus III (5-10-1763), cuộc cạnh tranh để bổ nhiệm và điều khiển người kế vị ông ta diễn ra trên mọi công cụ ngoại giao đến nỗi suýt xảy ra chiến tranh. Dòng họ Potocki kêu gọi thành lập một đạo quân thường trực 100.000 người để bảo vệ Ba Lan chống lại sự thống trị của ngoại bang. Dòng họ Czartoryski cam chịu sự bảo hộ của Nga và thương lượng với Catherine II. Nước Nga đòi quyền bảo vệ thiểu số theo Chính Thống giáo Hy Lạp ở Ba Lan và nhắc cho nước này nhớ lại là các tỉnh miền đông Ba Lan đã bị St. Vladimir (956?-1015) chiếm của nước Nga tám trăm năm về trước. Nước Pháp ủng hộ người con trai của Augustus III kế vị ông này; nếu Nga làm bá chủ Ba Lan thì toàn bộ cơ cấu của chính sách đối ngoại của nước Pháp ở phía Đông sẽ sụp đổ. Đại đế Frederick, người vừa mới chấm dứt bảy năm chiến tranh ác liệt chống lại Pháp và Áo, cần có tình hữu nghị của Catherine, nhờ sự cho phép của Nữ hoàng mà ông ta đã thoát khỏi tai họa. Ông đồng ý ủng hộ ứng viên của bà cho chiếc vương miện Ba Lan; ngoài ra, ông ký với bà (11-4-1764) một mật ước ràng buộc hai nước chống lại bất cứ sự thay đổi nào trong hiến pháp của Ba Lan hoặc Thụy Điển để ngăn việc gia tăng quyền hành của Nhà Vua có thể khiến cho một hoặc cả hai nước này hùng mạnh một cách nguy hiểm. Họ đề nghị bảo vệ cảnh hỗn loạn nhân danh tự do. Dòng họ Czartoryski được trấn an bởi lời hứa của Catherine sẽ bãi bỏ quyền *liberum veto* sau khi đã phục hồi sự ổn định, và bởi việc bà lựa chọn một người được gia tộc này bảo trợ

làm ứng viên cho ngai vàng. Ngày 7-9-1764, với sự nhất trí của một Nghị viện bị thuyết phục bởi những đồng ruble và một đạo quân Nga chỉ cách có ba dặm, Stanislas Poniatowski được chọn làm vua.

III. PONIATOWSKI



Hình 33. Vua *Stanislas II August* (tranh của Marcello Bacciarelli)

Ông sinh ngày 17-1-1732, là con của Stanislas Poniatowski *anh*, thống đốc thành Cracow và Konstantia Czartoryski. “Tôi được nuôi dạy rất nghiêm khắc” ông kể với Bà Geoffrin, bởi một người mẹ ngày nay hiếm thấy ở bất cứ nơi đâu, trong khi cha tôi chỉ thuyết giáo cho tôi bằng gương mẫu của ông.”¹⁶ Ở tuổi 16, ông bắt đầu đi du lịch rất nhiều. Năm 1753, ông làm Bà Geoffrin, khách thính của bà và cả Paris say đắm với hình dáng, cung cách và tuổi trẻ của ông. Ít năm sau, theo một thịnh hành thời bấy giờ, ông tự mô tả một bức chân dung khá phù hợp với các sự kiện:

Tôi sẽ hài lòng với hình dạng của mình giá như tôi cao thêm một inch (2,54 cm) nữa... mũi của tôi ít khoằm hơn, và miệng tôi nhỏ hơn một chút. Với những sự dè dặt này, tôi tin rằng khuôn mặt tôi cao thượng và biểu cảm và dáng người tôi không phải là không độc đáo. Tật cận thị thường làm cho tôi trông có vẻ lúng túng nhưng chỉ trong chốc lát. Thật ra, tôi khá thông minh để có thể bị xúc phạm từ cực đối nghịch - một thái độ quá kiêu căng. Một nền giáo dục tuyệt vời cho phép tôi che giấu những khiếm khuyết tinh thần và thể chất của mình tới mức nhiều người có thể mong đợi từ tôi nhiều hơn mức tôi có thể sẵn lòng ban tặng. Tôi có đủ tài dí dỏm để tham gia vào bất cứ cuộc trò chuyện nào nhưng không đủ để đàm đạo lâu và thường xuyên. Mặc dù vậy, sự đồng cảm tự nhiên và tính hòa nhã của tôi thường đến giúp đỡ tôi. Tôi có một xu hướng tự nhiên về nghệ thuật... Tính lười biếng của tôi ngăn tôi không thể đi xa tới mức mong muốn trong nghệ thuật và khoa học. Tôi làm việc hoặc là quá nhiều, hoặc không làm gì cả. Tôi có thể đánh giá rất chính xác các sự việc... nhưng rất cần lời khuyên tốt để thực hiện bất cứ kế hoạch nào của riêng tôi. Tôi là người đầu tiên bị ngã lòng... Khi yêu, tôi yêu quá say đắm... Tôi không hay thù oán. Mặc dù ngay từ lúc đầu giận dữ tôi có thể mong muốn báo thù các kẻ thù của mình, tôi không bao giờ có thể thực hiện ý muốn của mình, lòng trắc ẩn luôn xen vào giữa.¹⁷

Tự quan sát và diễn tả mình một cách tài tình như vậy khiến ta nghĩ Poniatowski được sinh ra để suy nghĩ và viết hơn là lên kế hoạch và hành động. Ông đã gặp Montesquieu và đọc Voltaire; ông đã đạt được vẻ tao nhã về mặt trí tuệ và sự tinh tế của xã hội Pháp cùng với một mức độ “nhạy cảm” trong việc đi tìm cách thể hiện trong Rousseau. Ông cực kỳ nhạy cảm với phụ nữ và cảm thấy những gì họ ban cho ông, trong thể xác cũng như tâm hồn, là vô giá. Người ta đồn rằng ở Paris, ông bị bắt vì nợ nần và sau một giờ giam giữ được thả ra nhờ Bà Geoffrin đã thanh toán số tiền 100.000 livre.¹⁸



Hình 34: Nữ Đại Công tước Catherine Alexeevna (Nữ hoàng Catherine II tương lai) lúc mới sang Nga (tranh của Louis Caravaque, 1745)

Sau năm tháng ở Paris và sau khi đã học tiếng Anh, ông sang Anh quốc, dự vài khóa học của Nghị viện và mong tổ chức lại hoàn cảnh của Ba Lan theo hình ảnh của nước Anh như được Montesquieu giải thích. Trở về từ những cuộc du hành (1754), ông được bổ nhiệm làm *high steward*ⁱ của Lithuania. Một năm sau, ông tháp tùng Sir Charles Hanbury-Williams sang Nga với những kết quả đã được ghi nhận. Ông trở về nhà vào năm 1756; nhưng rồi năm 1757, lại đến St. Petersburg với tư cách đại sứ Ba Lan. Ông tham gia vào âm mưu chống Elizabeth năm 1758 và bị buộc phải rời nước Nga bằng một thông báo ngăn ngừa. Catherine than khóc cho sự ra đi của ông nhưng khi bà ủng hộ ông giành ngai vàng Ba Lan thì đây không phải vì bà hãy còn yêu ông mà vì (theo lời bà) ông có ít quyền hơn bất cứ ứng viên nào khác và do đó sẽ càng biết ơn.¹⁹ Về phần mình, ông không bao giờ hoàn toàn hồi phục từ mối quan hệ lý thú này; ông nhớ đến một Catherine trước khi bà bị quyền hành làm cho cứng rắn và sự mê hoặc đó vẫn còn ngay cả khi bà biến ông thành công cụ của bà trong việc chinh phục dân tộc ông. Hai ngày sau khi được bầu, ông gửi tin cho Bà Geoffrin:

MÁ THÂN YÊU CỦA CON: Dường như tôi sung sướng hơn khi gọi bà bằng cái tên đó kể từ ngày hôm kia. [Mẹ ruột của ông giờ đã mất.] Trong suốt lịch sử của chúng tôi chưa từng có cuộc bầu cử nào bình yên và nhất trí đến như vậy... Tất cả các mệnh phụ quan trọng của vương quốc đã có mặt tại Khu vực Bầu cử giữa những đội kỵ binh của giới quý tộc... Tôi hài lòng vì được hoan nghênh bởi những tiếng nói của mọi người phụ nữ cũng như mọi người đàn ông... Tại sao bà không có ở đây? Có thể bà đã bầu cho con trai của mình.²⁰

i *High steward*: Một tước hiệu danh dự được các hội đồng của một số thị trấn và thành phố ở Anh trao tặng. Ban đầu là một chức vụ tư pháp với các quyền lực địa phương đáng kể, đến thế kỷ 17, chức vụ này chủ yếu chỉ mang tính nghi lễ.

Chúng ta đã thấy “Mama” đã bắt chắp những con đường ở châu Âu để đến thăm “con trai” của bà tại cung điện của ông ở Warsaw (1766).ⁱ Không có khái niệm thực tế về khoảng cách giữa văn minh Pháp và Ba Lan, bà nóng lòng muốn ông trong một năm kéo nước Ba Lan vượt lên một thế kỷ; lời khuyên của bà trở nên phiền hà và làm căng thẳng lòng hiếu thảo của Poniatowski. Ông cảm thấy nhẹ nhõm khi bà ra đi mặc dù đã dễ dàng bà bằng những lời khen ngợi và một bức hình của chính ông nạm bằng kim cương. Bà giữ bức tranh và gửi trả những viên kim cương. Một khi xa cách, tình yêu thương của bà đối với ông trở nên đầy tha thiết và từ Vienna, bà viết cho ông những lời khẳng định “một mối cảm tình vốn là một nhu cầu của đời tôi.”²¹

Stanislas làm hết sức mình. Một cách tận tụy, trong những năm đầu, ông tự đảm trách những công việc thường nhật của chính phủ. Hằng ngày, ông tham gia những cuộc thảo luận của các bộ trưởng của mình và làm việc đến khuya về những vấn đề mà ông thực hiện một cách cẩn kẹ và tận tâm. Ông thành công trong việc đưa ra những biện pháp đúng đắn để đào tạo một tầng lớp công chức có năng lực khác thường và một sự liêm chính đáng kinh ngạc.²² Ông quyến rũ tất cả mọi người bằng sự tử tế của mình nhưng không phải tất cả bằng sự nhiệt tình của ông cho cải cách. Nhưng nghị lực của ông bị giảm bớt bởi một ý thức về sự lệ thuộc của mình vào Catherine, thậm chí vào các binh lính Nga mà bà đã để lại ở Ba Lan như một bảo đảm cho sự an toàn và vâng lời của ông. Viên đại sứ của bà, Bá tước Otto von Stackelberg, luôn canh chừng để ông khỏi quên những điều kiện ràng buộc của người Nga đối với ông.

Ông bị vây quanh bởi những kẻ thù xa gần. Giới quý tộc Ba Lan bị chia rẽ thành hai phái: một phái, do dòng họ Potocki lãnh đạo, vận động để được độc lập trước khi cải cách

i Xem *Nước Pháp trước cơn đại hồng thủy* của cùng tác giả và dịch giả.

và muốn kiểm soát quyền hành của Nhà Vua bằng việc giữ cho tầng lớp quý tộc được hùng mạnh; phái kia, đứng đầu là gia tộc Czartoryskis, đòi hỏi phải cải cách trước, biện luận rằng trong tình hình rối loạn hiện tại Ba Lan quá yếu để có thể vất bỏ đi sự bảo hộ của Nga. Dòng họ Czartoryskis do dự trong việc ủng hộ Poniatowski, họ phản nản về những hành động tiêu xài phung phí và những cô nhân tình của ông. Nghị viện cấp cho ông 2.200.000 thaler mỗi năm và đến năm 1786, nâng lên mức 6.143.000 gulden, một phần ba thu nhập của chính phủ. Ông vung tay quá trán, vay mượn các ngân hàng trong và ngoài nước. Hai lần nhà nước phải trả các khoản nợ của ông; thế nhưng năm 1790, ông vẫn còn nợ 11.500.000 gulden.²³ Giống như Catherine, ông mong muốn người ta nhớ đến triều đại của mình qua những tòa nhà đẹp đẽ. Ông chia mình và đoàn tùy tùng ra ở trong hai cung điện tốn kém, tổ chức những cuộc giải trí đắt tiền và phung phí những món quà tặng cho các nghệ sĩ, nhà văn và phụ nữ.

Sự hấp dẫn của ông cũng tốn kém. Lên ngôi năm 32 tuổi, đẹp trai, có văn hóa, rộng rãi và độc thân, ông quy tụ quanh mình một đám người đẹp khát khao có được bàn tay và ví tiền của ông. Nhiều người không thể cưới ông vui vẻ lên giường cùng ông và vài nữ diễn viên Paris cũng tham gia giúp vui cho Nhà Vua. Gia tộc Czartoryski phản đối; ông thú nhận các tội lỗi của mình rồi lại tiếp tục. Cuối cùng, một cô nhân tình, Pani Grabowska, đưa ông đến trước bàn thờ trong một đám cưới bí mật. Từ đấy về sau, đời sống tình dục của ông bị giám sát chặt chẽ và ông có thể chú tâm nhiều hơn đến chính phủ, văn học và nghệ thuật.

Ông trực tiếp quan tâm đến những tác phẩm và đời sống của các nghệ sĩ và tác giả đương thời. Như Catherine, ông sưu tầm những bức tranh, tượng và những cuốn sách, xây một nhà triển lãm và một thư viện và làm nổi bật tòa thư viện này với một bức tượng của Voltaire. Ông tìm công việc cho các nghệ sĩ trong nước và du nhập những người khác từ

Pháp, Ý và Đức. Piranesi và Canova không thể đến nhưng họ thực hiện những tác phẩm cho ông từ Ý. Ông biến một nửa hoàng cung thành một học viện nghệ thuật và cấp tiền cho những thanh niên hứa hẹn ra nước ngoài học tập. Ông xây dựng ở gần Warsaw một xưởng làm đồ sứ, sản phẩm của nó xếp ngang hàng với đồ sứ của Meissen và Sèvres. Ông tạo cảm hứng cho những người Ba Lan giàu có - Adam Czartoryski, Elizabeth Lubomirska, Helen Radziwill cùng những người khác - sưu tầm nghệ thuật, đặt hàng cho các nghệ sĩ, và, trong lúc xây dựng và trang trí các lâu đài của họ, thay thế phong cách rococo của thời kỳ Saxony bằng những biến thể của phong cách tân cổ điển. Chính ông cũng ủng hộ một sự pha trộn giữa các kiểu baroque và cổ điển. Trong phong cách này, Domenico Merlini đã thiết kế Lâu đài Lazienki ở ngoại ô Warsaw. Trong khi đó, các họa sĩ nước ngoài đào tạo một thế hệ mới các họa sĩ Ba Lan, họ trưởng thành sau khi nền tự do của Ba Lan đã biến mất.

Những động thái đầu tiên đưa đến tai họa này là những chương ngại do Đại đế Frederick đặt ra trên con đường tự cải cách của Ba Lan. Cho đến lúc này (1767), Catherine dường như không có ý định chia cắt một nước Ba Lan hiển nhiên đang ở dưới ảnh hưởng của Nga; việc chia cắt sẽ mở rộng nước Phổ thành một chương ngại to lớn hơn nhiều so với chương ngại mà nước Ba Lan Slave đặt ra trên con đường nước Nga hội nhập vào những công việc và văn hóa Tây Âu. Bà hài lòng với việc đòi hỏi sự công nhận đầy đủ quyền dân sự cho những người Dị giáo. Nhưng Frederick còn muốn hơn nữa. Ông không bao giờ chấp nhận việc vùng Tây Phổ, với phần lớn là người Đức và tín đồ Tin Lành, phải chịu sự cai trị của người Ba Lan và tín đồ Công giáo. Do đó, một hình thức phân chia Ba Lan nào đó là một mục tiêu canh cánh bên lòng đối với ông. Bất cứ một sự tăng cường nào của nước Ba Lan, về chính trị hoặc quân sự, cũng sẽ cản trở những mục đích của ông. Do đó, các đặc vụ của ông ủng hộ quyền

liberum veto, chống đối việc thành lập một quân đội quốc gia Ba Lan, và hoan nghênh những cuộc tranh cãi giữa các tín đồ Công giáo và những người Dị giáo vì chúng mang lại cơ sở cho một cuộc xâm lược.

Sự bất khoan dung của hàng giáo phẩm Công giáo La Mã chung sức với các kế hoạch của Frederick. Nó chống lại mọi nỗ lực công nhận những quyền dân sự cho những người Dị giáo. Tại vùng “Bạch Nga” - vốn bấy giờ là một phần của Ba Lan và bao gồm cả Minsk - các giới chức Công giáo La Mã tịch thu 200 nhà thờ của các giáo đoàn Chính Thống giáo Hy Lạp và tặng chúng cho các tín đồ Uniate;ⁱ các cộng đồng Chính Thống giáo bị cấm sửa chữa những ngôi nhà thờ cũ của họ và xây dựng những ngôi mới. Trong nhiều trường hợp, trẻ con bị tách rời khỏi cha mẹ để được nuôi dưỡng theo đức tin La Mã. Các linh mục Chính Thống giáo bị đối xử tệ và có vài người bị giết.²⁴ Poniatowski, đưa con của các *philosophe*, ủng hộ chính sách khoan dung,²⁵ nhưng ông biết Nghị viện sẽ chống lại bằng sức mạnh nếu cần, mọi động thái nhằm công nhận những người không phải là tín đồ Công giáo La Mã làm thành viên của Nghị viện; và ông cảm thấy những đề nghị như vậy sẽ bị trì hoãn cho đến khi nào một sự thay đổi nào đó đối với quyền *liberum veto* có thể giúp ông có thêm sức mạnh. Frederick và Catherine đáp lại rằng họ không đòi hỏi gì ở Ba Lan hơn là điều chính họ đang ban cho những cộng đồng thiểu số của họ. Khi Nghị viện Ba Lan nhóm họp vào các tháng Mười và Mười một năm 1766, các nước Phổ, Nga, Đan Mạch và Anh gửi lên một bức thư thỉnh nguyện, xin cho các đồng đạo của họ ở Ba Lan được nhận đầy đủ các quyền dân sự.

Bị khuấy động bởi những lời hùng biện của Giám mục Kajetan Soltyk ở Cracow, các đại biểu giận dữ đứng lên và

i Uniate: tín đồ của các giáo hội Cơ Đốc phương Đông hiệp thương với giáo hội Công giáo La Mã, công nhận quyền lực của giáo hoàng nhưng vẫn giữ nguyên hình thức tế tự của mình.

không chỉ yêu cầu bác bỏ bức thư thỉnh nguyện mà còn truy tố những người Ba Lan nào ủng hộ cho nó như những kẻ phản bội Ba Lan và Chúa.²⁶ Một thành viên cố bảo vệ cho bản thỉnh nguyện chỉ thoát khỏi cái chết trong đường tơ kẽ tóc.²⁷ Poniatowski tìm cách trấn an Nghị viện bằng cách công bố (tháng Mười một năm 1766) một tập sách mỏng có nhan đề *Những điều suy xét của một công dân tốt* (Considerations of a Good Citizen) kêu gọi mọi người Ba Lan nên đoàn kết quốc gia và cảnh báo họ rằng một đất nước bị chia rẽ sẽ mời gọi kẻ xâm lược. Cùng lúc, ông yêu cầu đại sứ Ba Lan tại St. Petersburg tách rời Nga khỏi các cường quốc đã làm đơn thỉnh nguyện. “Nếu bức thư thỉnh nguyện này vẫn cố kháng kháng” ông viết: “trăm không thể thấy gì ngoài [vụ tàn sát] Đêm trước ngày lễ Thánh Bartholomewⁱ đối với những người Dị giáo, và một mùa bội thu của những tên Ravailacⁱⁱ [sát nhân] đối với chính trăm. Nữ hoàng sẽ biến chiếc hoàng bào của ta thành chiếc áo khoác của Nessus.ⁱⁱⁱ Ta sẽ phải lựa chọn giữa việc từ chối tình hữu nghị của bà và việc là một kẻ thù của đất nước mình.” Catherine trả lời, thông qua đại sứ của bà ở Warsaw là Nikolai Repnin: “Ta không thể hiểu được tại sao Nhà Vua lại nghĩ mình là kẻ thù của đất nước mình chỉ vì ủng hộ những yêu cầu của sự công bằng hợp lý.”²⁸ Bà cách

i *Vụ tàn sát nhân ngày lễ Thánh Bartholomew*: vụ tàn sát các tín đồ Tin Lành diễn ra ở Paris ngày 24-8-1572, ngày lễ Thánh Barthélemy, kéo dài nhiều ngày tại thủ đô rồi lan ra hơn 20 thành phố ở các tỉnh trong những tuần lễ tiếp theo. Những ước tính hiện nay về số người chết trên khắp nước Pháp thay đổi từ 5.000 đến 30.000 người.

ii *François Ravailac* là một thầy giáo người Pháp, sinh năm 1577 tại Angoulême và bị hành quyết ngày 27-5-1610 tại quảng trường Grève ở Paris vì tội ám sát Henri IV, vua nước Pháp, ngày 14-5-1610.

iii *Chiếc áo khoác của Nessus*: theo thần thoại Hy Lạp, Nessus là một quái vật đầu người mình ngựa (nhân mã), sống bên bờ sông Evenos và kiếm tiền bằng cách đưa khách bộ hành qua sông. Từ “Chiếc áo khoác của Nessus” được dùng để chỉ “một món quà tẩm độc, một nỗi bất hạnh không có lối thoát hoặc một tặng phẩm chết người.”

Ba Lan quá xa, trong không gian cũng như giáo dục, để cảm nhận được hơi nóng hùng hực của nỗi đam mê và niềm kiêu hãnh của Ba Lan. Khi một nhóm các nhà quý tộc Tin Lành thành lập một liên minh ở Thorn và một chi phái của dòng họ Czartoryski thành lập một liên minh ở Radom, Catherine lệnh cho Repnin đưa ra đề nghị bảo vệ của nước Nga. Dưới cơ này, ông ta đưa 80.000 quân Nga đến biên giới Ba Lan và một số trong đó vào đến tận Warsaw.

Nghị viện nhóm họp vào tháng Mười năm 1767, các giám mục Zaluski và Soltyk hô hào các đại biểu giữ vững lập trường chống lại bất cứ thay đổi nào trong bản hiến pháp. Bước qua đầu Poniatowski, Repnin bắt giữ các giám mục và hai người không theo đạo với cáo buộc đã sỉ nhục Nữ hoàng và giải họ về Kaluga, cách Moscow 145km về hướng tây nam. Nghị viện phản đối; Repnin thông báo rằng nếu còn có chống đối nữa ông ta sẽ trục xuất không phải bốn mà là bốn mươi nhà đại quý tộc. Ngày 24-2-1768, Nghị viện nhượng bộ trước những đe dọa chiến tranh và ký với nước Nga một bản hiệp ước chấp nhận tất cả những đòi hỏi của Catherine: Cho những người Dị giáo được hoàn toàn tự do thờ phụng tôn giáo và đủ tư cách tham gia vào Nghị viện và những chức vụ công quyền; những vụ kiện giữa các tín đồ Công giáo và Dị giáo sẽ được xét xử trước một tòa án hỗn hợp. Nghị viện, Catherine và Frederick lấy làm hài lòng vì bản hiệp ước xác nhận quyền *liberum veto* với một vài ngoại lệ đối với pháp luật về kinh tế. Nghị viện khúm núm công nhận Catherine là người bảo trợ của bản hiến pháp mới này. Đổi lại, bà bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ của Ba Lan chừng nào sự thân thiện này còn tiếp tục. Bà vui sướng vì không những đã mang lại cho Ba Lan một mức độ tự do tôn giáo lớn hơn cả tự do mà nước Anh được hưởng nhưng đã làm thất bại kế hoạch chia cắt của Frederick. Poniatowski nhận được những lời chúc mừng của các triết gia và sự khinh bỉ của dân tộc ông.

IV. CUỘC PHÂN CHIA LẦN THỨ NHẤT: 1768-1772

Các nhà ái quốc Ba Lan và các linh mục đồng ý với Frederick về việc không chấp nhận tình thế này. Giới giáo sĩ Công giáo La Mã mạnh mẽ cáo buộc việc nhượng bộ nền tự trị của Ba Lan cho một người Nga ngoại giáo. Adam Krasinski, giám mục Kamieniec và Józef Pulaski (cha của Casimir Pulaski là người chiến đấu cho nước Mỹ) khích động người Ba Lan bằng những bài thuyết giáo và những tập sách mỏng, tái khẳng định quyền tự do chính trị và độc tài về tôn giáo của họ. Trong vòng một tuần sau khi Nghị viện đầu hàng Rapnin, một nhóm người Ba Lan thành lập (ngày 29-2-1768) Liên minh Bar - một thị trấn trên bờ sông Dniester trong vùng Ukraine thuộc Ba Lan. Các nhà đại quý tộc tài trợ cho phong trào lấy cảm hứng từ sự thù ghét Catherine và Nhà Vua; cái “đám đông ngu dốt” như lời Frederick gọi những người tham gia phong trào, cháy bỏng nhiệt tình đối với một đức tin duy nhất và thực sự; và lòng nhiệt thành này được phát biểu bởi những thi sĩ than khóc trong những bài điệu ca buồn thảm, cho sự nhục nhã của Ba Lan và “sự bội giáo” của Nhà Vua nước này. Vũ khí và tiền bạc được Thổ Nhĩ Kỳ và Áo gửi đến cho những người yêu nước và Dumouriez đến từ Pháp để tổ chức họ thành những đơn vị chiến đấu. Những người Ba Lan mong muốn phục hồi triều đại Saxony tham gia phong trào chẳng bao lâu sau đã lan truyền ra những điểm rải rác trên mọi miền đất nước. “Cả nước Ba Lan đang bốc cháy” Repnin báo cáo với Catherine. Poniatowski nghĩ đến việc gia nhập Liên minh nhưng những kẻ nóng nảy trong đó đe dọa làm ông tránh xa bằng cách yêu cầu ông thoái vị, nếu không phải chết.²⁹ Nếu chúng ta có thể tin được Voltaire,³⁰ ba mươi kẻ đồng lõa trong liên minh đã tuyên thệ ở Czesochowa:

Chúng tôi, phấn khích bởi một nhiệt tình thần thánh và tôn giáo, đã quyết định sẽ trả thù cho Thượng đế, tôn giáo và

đất nước chúng ta. Bất bình trước Stanislas Augustus, một kẻ coi khinh luật pháp của thần thánh cũng như con người, một kẻ ủng hộ bọn vô thần và tà giáo, xin hứa và thề, trước hình ảnh thiêng liêng và màu nhiệm của Đức Mẹ, sẽ trừ diệt khỏi mặt đất kẻ nào làm ô danh Người bằng cách giày xéo lên tôn giáo... Xin Chúa giúp đỡ chúng con!

Repnin ra lệnh cho binh lính Nga đàn áp cuộc nổi loạn. Họ đẩy những thành viên của liên minh về bên kia biên giới Thổ Nhĩ Kỳ và đốt cháy một thị trấn Thổ. Thổ tuyên chiến với Nga (1768) và đòi Nga phải triệt thoái và giải phóng cho Ba Lan. Quân Cossack lợi dụng tình hình rối loạn xâm chiếm vùng Ukraine thuộc Ba Lan, giết chết các địa chủ, quản gia người Do Thái, nông dân theo đạo Tin Lành hoặc Công giáo La Mã trong một cuộc tàn sát điên cuồng và bừa bãi; trong một thị trấn, chúng giết 16.000 đàn ông, đàn bà và trẻ con. Phe liên minh trả đũa bằng cách giết tất cả những người Nga và Ngoại giáo nào họ gặp khiến cho các tín đồ Tin Lành và Do Thái lâm vào cảnh hiểm nghèo gấp đôi. Tính tổng cộng trong những năm này (1768-1770), đã có 50.000 cư dân ở Ba Lan chết vì bị tàn sát hoặc chiến tranh.³¹

Giờ đây, tất cả các bên bắt đầu nói đến việc phân chia. Những người trong liên minh bị kẻ thù của họ cáo buộc đã đồng ý chia cắt Ba Lan giữa họ và các đồng minh của họ.³² Tháng Hai năm 1769, Frederick gửi cho St. Petersburg một đề nghị phân chia Ba Lan giữa Nga, Phổ và Áo; Catherine đáp lại rằng, nếu Phổ và Áo giúp Nga trục xuất người Thổ ra khỏi châu Âu, bà sẽ đồng ý cho Phổ chiếm đoạt phần đất Ba Lan vốn tách rời lãnh thổ chính của Phổ với Đông Phổ - phần còn lại của Ba Lan sẽ nằm dưới quyền bảo hộ của Nga;³³ Frederick lưỡng lự. Về phần nước Pháp, Choiseul gợi ý với Áo rằng nước này nên chiếm giữ phần lãnh thổ Ba Lan tiếp giáp với Hungary: Áo nghĩ đây là một ý hay vào một thời điểm phù hợp và tháng Tư năm 1769, nước này chiếm lấy tỉnh Spiz của

Ba Lan, vốn đã bị Hungary cầm cố cho Ba Lan vào năm 1412 và chưa bao giờ được chuộc lại.³⁴ Năm 1770 quân Thổ, lúc đó đang lâm chiến với tư cách bảo vệ cho Ba Lan, đề nghị với Áo một cuộc phân chia Ba Lan giữa Áo và Thổ.³⁵

Trong khi những cuộc thương lượng đang được tiến hành, các cường quốc Tây phương phớt lờ việc phân chia Ba Lan như là hậu quả tất yếu của sự hỗn loạn về chính trị, những mối thù địch về tôn giáo và sự bất lực về quân sự của nước này; “tai họa này được mọi chính khách trên Lục địa xem như không thể tránh khỏi.”³⁶ Nhưng những người Ba Lan chống Liên minh lúc bấy giờ gửi một thành viên của Nghị viện đến xin vị *philosophe* (*triết gia*) xã hội chủ nghĩa Mably và con người *antiphilosophe* (*phản triết gia*) Rousseau phác thảo cho những bản hiến pháp thử nghiệm cho một nước Ba Lan mới. Mably đệ trình những kế hoạch của ông vào các năm 1770-1771; Rousseau hoàn tất bản Hiến pháp Ba Lan vào tháng Tư năm 1772 - hai tháng sau khi hiệp ước phân chia lần thứ nhất được ký kết.

Liên minh Bar đã có được những khoảnh khắc cực kỳ hạnh phúc trước khi sụp đổ. Tháng Ba năm 1770, từ thành phố Varna của Thổ Nhĩ Kỳ, liên minh tuyên bố truất phế Poniatowski. Ngày 3-11-1771, một số thành viên của liên minh chặn ông lại khi ông ra khỏi nhà một người chú vào ban đêm, trấn áp đội hộ vệ ông, bắn chết một người trong bọn họ, lôi Nhà Vua ra khỏi xe ngựa, chặt đầu ông bằng một nhát gươm,ⁱ và bắt cóc ông ra khỏi thủ đô. Trong rừng Bielny, họ bị một đội tuần tra tấn công; trong cơn lộn xộn Poniatowski trốn

i Chỗ này khó hiểu. Nguyên văn: *On November 3, 1771, some confederates intercepted him as he was leaving the house of an uncle at night, overpowered his escort, shot one of them dead, dragged the King out of his carriage, cut his head with a saber blow, and abducted him from the capital.* (Ngày 3-11-1771, một số thành viên của liên minh chặn ông lại khi ông ra khỏi nhà một người chú vào ban đêm, trấn áp đội hộ vệ ông, bắn chết một người trong bọn họ, lôi Nhà Vua ra khỏi xe ngựa, **chặt đầu ông bằng một nhát gươm** và bắt cóc ông ra khỏi thủ đô.)

thoát và liên lạc với đội quân Túc vệ; đội quân này đến và hộ tống ông trong tình trạng xốc xếch và chảy máu về lại cung điện vào lúc năm giờ sáng. Mọi cơ hội hòa giải giữa chính phủ và Liên minh tan biến. Poniatowski lại rơi vào vòng tay trợ giúp của Nga và Liên minh bị đàn áp để lại một tàn tích ở Thổ Nhĩ Kỳ - Mặt trăng lưỡi liềm bảo vệ Thánh giá (1772).³⁷

Trong khi đó, bước tiến của các đạo quân Nga đến Hắc Hải và Sông Danube đã làm cho Phổ và Áo bối rối. Cả Frederick II lẫn Joseph II đều không thích thú gì khi nhìn Nga kiểm soát Hắc Hải, đối với Constantinople lại càng ít hơn nữa. Bằng những hiệp ước trong những năm 1764 và 1766, Phổ đã cam kết trợ giúp Nga nếu Nga bị tấn công; Thổ trước đây là kẻ xâm lấn trong trận chiến tranh Nga-Phổ 1768; giờ đây, Phổ đang khiến cho khả năng thanh toán của mình bị lâm nguy khi gửi những khoản trợ giúp cho Nga. Nước Áo, phần nộ trước việc các lực lượng Nga tiến vào Wallachia, đang đe dọa sẽ liên minh với Thổ chống lại Nga; trong trường hợp này, Nga mong đợi Phổ sẽ tấn công Áo. Nhưng Frederick đã chán ngấy chiến tranh. Ông ta đã phải chiến đấu trong hai cuộc chiến để chiếm và giữ Silesia; tại sao giờ đây phải có cơ chịu rủi ro mất nó? Ông thích giải pháp ngoại giao hơn. Có thể tam cường sẽ được trấn an bằng những phần được chia của lãnh thổ Ba Lan? Như mọi chuyện đang diễn tiến, với vị đại sứ Nga là người thật sự cai trị Ba Lan, chỉ là vấn đề thời gian cho đến khi nước Nga nuốt chửng quốc gia này dưới bất cứ lý do gì. Liệu còn có thể ngăn chuyện này? Có, nếu Catherine đồng ý chỉ lấy miền đông Ba Lan, để cho Frederick chiếm lấy miền tây Ba Lan và rút khỏi Sông Danube. Liệu một sự chia sẻ chiến lợi phẩm như vậy có làm dịu bớt tính hiếu chiến của Joseph?

Tháng Một năm 1771, Hoàng thân Henry, em của Frederick, đề nghị kế hoạch này cho các nhà ngoại giao Nga ở St. Petersburg. Panin phản đối rằng Nga đã bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ của Ba Lan; người ta nhắc với ông rằng sự bảo đảm này đi kèm với điều kiện là Ba Lan tôn trọng triệt để bản hiến

pháp mới của mình và sự liên minh với Nga và sự tôn trọng này đã ngưng khi quá nhiều đại biểu tham gia vào Liên minh Bar. Mặc dù vậy, Catherine vẫn do dự. Tại sao lại cho Frederick một phần Ba Lan trong khi không bao lâu nữa bà sẽ chiếm lấy tất cả? Tại sao lại củng cố nước Phổ bằng việc bổ sung đất đai, tài nguyên, các hải cảng trên biển Baltic và thêm những binh lính cao sáu bộ [=1,83m] cho họ? Nhưng bà không muốn chiến đấu chống lại Frederick; ông ta có 180.000 người được vũ trang; bà thích dùng ông để kiềm chế Joseph không cho kết hợp với Thổ Nhĩ Kỳ chống lại Nga. Mục tiêu hiện tại của bà không phải Ba Lan mà là Hắc Hải. Ngày 8-1-1771, hầu như tình cờ trong một bữa tiệc, bà cho Henry thấy sự tán đồng mang tính thăm dò của mình đối với kế hoạch của Frederick.

Một năm trôi qua trước khi việc thương lượng có thể hoàn tất công cuộc phân chia những chiến lợi phẩm. Frederick muốn lấy Danzig; Catherine phản đối; nước Anh cũng vậy vì công cuộc thương mại với vùng Baltic thả neo tại cảng này. Trong khi đó, nước Áo động viên và bí mật liên minh với Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày 17-2-1772, Frederick và Catherine ký một “bản thỏa thuận” về việc phân chia Ba Lan. Catherine đấu dịu với Joseph bằng cách từ bỏ những yêu sách của Nga đối với Wallachia và Moldavia; và mùa gặt năm 1771 bị thất bát không cho phép ông ta có thể nuôi ăn binh lính. Mặt khác, Maria Theresa đang sử dụng tất cả nước mắt của bà để ngăn người con trai tham gia vào vụ cướp đoạt này. Frederick và Catherine buộc ông phải sớm hành động bằng cách bắt đầu thực sự chiếm giữ những lãnh thổ mà họ đã tự chia chác nhau. Ngày 5-8-1772, Joseph cộng thêm chữ ký của mình vào văn kiện chia chác.

Bản hiệp ước, sau khi viện dẫn Chúa Ba ngôi thiêng liêng, đồng ý để cho Ba Lan giữ lại 2/3 đất đai và 1/3 dân số của mình. Nước Áo chiếm vùng phía nam Ba Lan nằm giữa Volhynia và rừng Carpathians, cùng với Galicia và phía tây Podolia - 70.000km², 2.700.000 dân. Nước Nga chiếm vùng

“Bạch Nga” (từ phía đông Ba Lan đến các sông Dvina và Dnieper) - 93.000km², 1.800.000 dân. Nước Phổ chiếm vùng “Tây Phổ”, ngoại trừ Danzig và Thorn - 34.000km², 600.000 dân. Frederick nhận lấy phần nhỏ nhất nhưng ông đã ràng buộc những kẻ đồng mưu vào chính sách hòa bình, và đã “khâu lại với nhau” như ông nói, miền Tây Phổ và Đông Phổ với Brandenburg. Rốt cục, con người yêu nước Treitschke nói, đây thuần túy là việc phục hồi cho nước Đức “thành lũy của... nền Trật tự Đức, Thung lũng Weichsal đáng yêu, mà vào thuở xa xưa các hiệp sĩ Đức đã giành lấy từ những kẻ man di.”³⁸ Frederick nhắc nhở châu Âu rằng, dân số vùng Tây Phổ đa số là người Đức và theo đạo Tin Lành, còn Catherine chỉ ra rằng trên miền đất bà đã chiếm hầu hết là người Công giáo Hy Lạp nói tiếng Nga cư ngụ.³⁹

Không lâu sau, ba cường quốc đưa quân vào những vùng đất chiếm được. Poniatowski kêu gọi các cường quốc Tây phương ngăn chặn việc chia cắt; họ đang quá bận rộn; nước Pháp đang đợi chiến tranh với Anh và do dự không muốn chống lại đồng minh Áo của mình; nước Anh đang đối diện với cuộc nổi dậy còn phơi thai ở Mỹ với mối nguy từ Pháp và Tây Ban Nha; George III khuyên Poniatowski nên cầu nguyện Chúa.⁴⁰ Các cường quốc dự phần vào việc chia cắt đòi phải triệu tập một Nghị viện để xác nhận bản đồ mới; Poniatowski trì hoãn đến một năm; cuối cùng ông triệu tập một Nghị viện nhóm họp ở Grodno. Nhiều nhà quý tộc và giáo sĩ cấp cao từ chối tham dự; một số đến và phản đối bị đẩy đi Siberia; những người khác chấp nhận những khoản hối lộ; số người còn lại ít ỏi của Nghị viện tự biến đổi thành một liên minh (trong đó việc cai trị theo nguyên tắc đa số được luật pháp Ba Lan cho phép) và ký bản hiệp ước nhượng những phần lãnh thổ bị tước đoạt (18-9-1773). Poniatowski, cũng như Maria Theresa, đã khóc và ký.

Tây Âu chấp nhận cuộc phân chia đầu tiên như giải pháp thay thế duy nhất để tránh việc nước Nga nuốt chửng Ba Lan.

Chúng ta được kể lại, một số nhà ngoại giao “bị sửng sốt bởi sự tiết chế của các thành viên, chỉ lấy đi một phần ba trong khi nếu muốn toàn thể sẽ là của họ.”⁴¹ Các *philosophe* lấy làm vui mừng rằng một nước Ba Lan bất khoan dung đã bị trừng phạt bởi những nhà chuyên chế sáng suốt của họ; Voltaire hoan nghênh vụ phân chia như một sự thụt lùi lịch sử của *l'infâme*.⁴²ⁱ Dĩ nhiên, đây là chiến thắng của sức mạnh có tổ chức đối với sự bất lực mang tính phản động.

V. THỜI KHAI MINH Ở BA LAN: 1773-1791

Poniatowski phải chọn giữa Nga và Phổ nước nào sẽ bảo hộ và điều khiển mình. Ông chọn Nga vì nó xa hơn và chỉ có Nga mới ngăn được Frederick, không cho ông ta chiếm Danzig và Thorn. Catherine rất nóng lòng ngăn nước Phổ bành trướng thêm nữa, đây là nước mà đạo quân của nó là chương ngại lớn nhất đối với việc Nga mở rộng về hướng Tây. Bà ra lệnh cho đại sứ của mình ở Warsaw giúp Poniatowski bằng mọi cách miễn là phù hợp với các quyền lợi của Nga và gửi cho Nhà Vua những đề nghị mà Panin đã soạn thảo cho một bản hiến pháp Ba Lan khả thi hơn. Nó giữ lại chế độ quân chủ được bầu lên và quyền *liberum veto* nhưng tăng thêm quyền hành cho Nhà Vua bằng cách thiết lập một Hội đồng Thường trực gồm 36 thành viên dưới sự chủ tọa của Nhà Vua và bộ phận hành pháp của ông chia thành các bộ cảnh sát, tư pháp, tài chính, ngoại giao và chiến tranh; và nó cung cấp một đạo quân thường trực 30.000 người. Các nhà quý tộc sợ rằng một đạo quân như thế có thể gây nguy hại cho việc họ thống trị Nhà Vua; họ giảm con số xuống còn 18.000 người. Nhưng, với đạo quân này và một số biệt lệ nhỏ khác, Nghị viện năm 1775 đã phê chuẩn bản hiến pháp mới và giờ đây, Poniatowski có thể tiến hành công cuộc phục hồi ít nhiều sức khỏe cho quốc gia.

i *L'infâme*: (điều ô nhục): lời Voltaire dùng để chỉ thái độ bất khoan dung của Giáo hội Công giáo thời bấy giờ.

Nạn tham nhũng vẫn tiếp tục nhưng tình trạng vô chính phủ giảm bớt, các nhóm du kích bị trấn áp và kinh tế quốc gia phát triển. Những con sông được đào sâu cho tàu bè lớn đi lại, nhiều con kênh được đào nối liền các con sông và một con “Kênh của Nhà Vua”, hoàn thành vào năm 1783, nối liền biển Baltic với Hắc Hải. Từ năm 1715 đến 1773, dân số Ba Lan đã tăng từ 6.500.000 lên 7.500.000 người và thu nhập của nhà nước tăng gấp đôi. Một hệ thống các trường nhà nước được xây dựng, các sách giáo khoa được soạn thảo và cung cấp, các trường đại học Cracow và Wilno được chu cấp trở lại và hồi sinh và các trường sư phạm được nhà nước thành lập và tài trợ. Poniatowski thích được các thi sĩ, ký giả và triết gia vây quanh. “Hoàng thượng” Coxe tường thuật, “khoản đãi một bữa ăn tối vào mỗi thứ Năm cho các văn nhân nổi tiếng nhất vì học thức và tài năng và chính Ngài cũng ngồi vào bàn để chủ tọa”⁴³ dẫn đầu cuộc thảo luận về những cuốn sách và những ý tưởng. Ông mời ba tác giả đến sống với mình và âm thầm tăng thêm thu nhập cho những người khác.⁴⁴ Hàng nghìn người Ba Lan, trong khi lịch sự tôn phục Giáo hội - thậm chí trong khi phục vụ cho nó như những linh mục - đã đọc Locke, Montesquieu, Voltaire, Diderot, d’Alembert và Rousseau. Những nền tảng đã được đặt sẵn cho Thời Khai minh Ba Lan hay Thời Khai minh Stanislavia.

Adam Naruszewicz, một giáo sĩ dòng Tên, nhờ những bài thơ của mình đã lọt vào mắt xanh của Nhà Vua. Ông được nâng lên hàng giám mục nhưng vẫn tiếp tục sáng tác những bài thơ trữ tình về thiên nhiên. Những bài thơ “Bài ngợi ca Vàng Thái dương” và “Bốn mùa” hãy còn làm cho những ai có thể đọc thơ ông trong nguyên tác yêu chuộng. Những bài *Thơ trào phúng* của ông sử dụng ngôn ngữ bình dân đôi khi đầy giọng hài hước tục tĩu hoặc báng bố. Stanislas yêu cầu ông viết một bộ lịch sử Ba Lan sao cho dễ đọc nhưng vẫn uyên bác; Naruszewicz dành chín năm cho công trình này và biên soạn một tác phẩm gồm 6 tập (1780-1786) đáng chú

ý với tài liệu chính xác. Ông ngã lòng sau đợt phân chia thứ hai, rơi vào trạng thái u sầu và sống lâu hơn đợt phân chia cuối cùng chỉ một năm.⁴⁵



Hình 35. *Ignacy Krasicki*
(tranh của *Krat cha*, khoảng năm 1767)

Văn sĩ Ba Lan xuất sắc trong thời kỳ này là Ignacy Krasicki. Trong những chuyến du hành của mình, ông kết bạn với Voltaire và Diderot.⁴⁶ Ông trở thành một linh mục và cuối cùng là tổng giám mục nhưng Stanislas thúc giục ông hãy chiều theo

nàng thơ của mình. Trong tác phẩm thuộc loại vừa anh hùng vừa nhạo báng *Mousiad* (1775), ông châm biếm những cuộc chiến tranh của thời đại mình như là những trận đánh giữa chuột cống và chuột nhắt; trong cuốn *Monomachia* (1778), ông chế giễu những tranh cãi của các tu sĩ - những vũ khí chết người trong hình thức những tập sách thần học. Quay sang văn xuôi, trong cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Ngài Nicholas Find-Out* (1776), ông kể lại chuyện một thanh niên quý tộc Ba Lan được trang bị tất cả những kiến thức và tình cảm hợp thời và bị đắm tàu dạt vào một hòn đảo xa lạ đã khám phá ra việc những người đàn ông và đàn bà, mặc dù ở trong một “trạng thái thiên nhiên” đã có thể chăm chỉ và đức hạnh. Sau khi noi theo Homer, Swift và Defoe trong các tác phẩm này, Krasicki bắt chước phong cách của Addison và xuất bản một chuỗi những bức tranh sinh hoạt đời thường, *Pan Podstoli* (1778 trở đi), mô tả cuộc đời của một người đàn ông và một công dân mẫu mực. Trong tập *Ngụ ngôn và Tục ngữ* (1779) ông thách thức Phaedrus và La Fontaine; và công kích cảnh bất lương và tàn bạo đang diễn ra nhan nhản chung quanh ông bằng ngòi bút châm biếm sắc bén. Lời khuyên cuối cùng của ông giống như Horace: Hãy tìm một góc yên tĩnh và để cho niềm hạnh phúc lên vào.⁴⁷ Mặc dù ảnh hưởng của thời Khai minh Pháp đối với Naruszewicz và Krasicki đã bị làm dịu bớt do địa vị giáo sĩ của họ, nó xuất hiện mạnh mẽ nơi Stanislas Trembecki là người không bao giờ đề cập đến tôn giáo trừ khi với sự thù địch. Thi ca của ông thần tượng hóa thiên nhiên nhưng không phải trong những sắc thái khuấy động tình cảm nhất; đúng ra ông thích những giai đoạn hoang dã hơn - sự thừa mứa cây cối và thú vật đến điên cuồng, những cơn bão và những dòng thác, sự đấu tranh của cuộc sống với cuộc sống, của kẻ bị ăn thịt với kẻ ăn thịt; những bài ngụ ngôn của ông có hình thức của La Fontaine nhưng tinh thần của Lucretius. Sức mạnh, sự tinh tế và sự hoàn thiện của câu thơ ông giúp ông có được vị trí cao trong thời kỳ văn học

trở hoa này. Poniatowski ủng hộ ông trong mọi lúc gian nan và khi Nhà Vua bị truất phế, nhà thơ đã theo ông đến chỗ lưu đày và ở cùng ông cho đến lúc chết.

Có nhiều thơ tôn giáo vì tôn giáo là nguồn an ủi cuối cùng cho người Ba Lan trong những nỗi bất hạnh của cá nhân và dân tộc họ. “Khúc hát ban mai”, “Khúc hát ban chiều” và “Chúa sinh ra đời” là những tác phẩm văn học cũng như tôn giáo. Franciszek Kniaźnin dễ dàng đi qua giữa những kẻ thù cổ xưa, tôn giáo và tình dục: lúc gần lễ thụ phong, ông khám phá ra Anacreonⁱ và ái tình; ông xuất bản tập *Erotica* (Luyến ái thi, 1770), theo đuổi hạnh phúc dưới trần gian, trở lại với tôn giáo và chết trong cơn điên. Nỗ lực hòa giải những điều đối nghịch có thể dẫn đến cảnh điên dại cũng như triết lý.

Trong kịch nghệ, nhân vật thống trị là Wojciech Boguslawski, người được quốc dân tôn vinh là “cha đẻ của sân khấu Ba Lan”; chúng ta có thể gọi ông là Garrick của Ba Lan nhưng người Ba Lan sẽ gọi Garrick là Boguslawski của nước Anh. Có vẻ như ông là người Ba Lan đầu tiên dâng hiến toàn bộ sự nghiệp của mình cho sân khấu - trong vai trò diễn viên, kịch tác gia, và nhà sản xuất, đạo diễn của các sân khấu thường trực ở Warsaw và Lvov và quản lý các đoàn hát truyền bá sự thưởng thức kịch nghệ qua các tỉnh và biên giới. Ông giới thiệu Shakespeare và Sheridan qua các bản dịch và chính ông cũng viết những vở hài kịch mà một số hầy còn được diễn trên sân khấu Ba Lan. Vở kịch hay nhất của thời kỳ này là vở *Vị đại biểu trở về* của Julian Ursyn Niemcewicz, bản thân ông ta cũng là một đại biểu; ở đây, hai khía cạnh của cuộc khủng hoảng chính trị được mô tả đầy kịch tính trong sự tận tụy của một vị đại biểu theo đường lối cải cách đối với một cô gái mà cha mẹ bảo vệ những đặc quyền của các nhà đại quý tộc và những lễ thói của quá khứ.

i Anacreon (?572-?488 bc): thi sĩ trữ tình Hy Lạp, nổi tiếng với những đoản ca tôn vinh ái tình và rượu.

Người cuối cùng và vĩ đại nhất của những *illuminé* (nhà khai sáng) Ba Lan là Hugo Kollontaj. Sự giáo dục đã tiềm ẩn nhiệm cho ông những ý tưởng của các *philosophe* nhưng ông đã che giấu những tư tưởng ngoại giáo của mình đủ để có được một chức giáo sĩ thoải mái ở Cracow. Poniatowski bổ nhiệm ông (1773) vào một Ủy ban Giáo dục và ở tuổi 23, Kollontaj đã soạn thảo cho Ủy ban này một chương trình cải cách giáo dục vào loại xuất sắc nhất của thời đại. Năm 27 tuổi, ông được giao phó việc tổ chức lại Đại học Cracow; ông hoàn thành nó trong ít năm, và rồi ở lại làm viện trưởng. Trong *Những bức thư của một văn sĩ vô danh gửi vị Chủ tịch Nghị viện* (1788-89), và trong *Luật pháp chính trị của quốc gia Ba Lan* (1790), ông đưa ra những đề nghị trở thành nền tảng cho bản hiến pháp năm 1791.

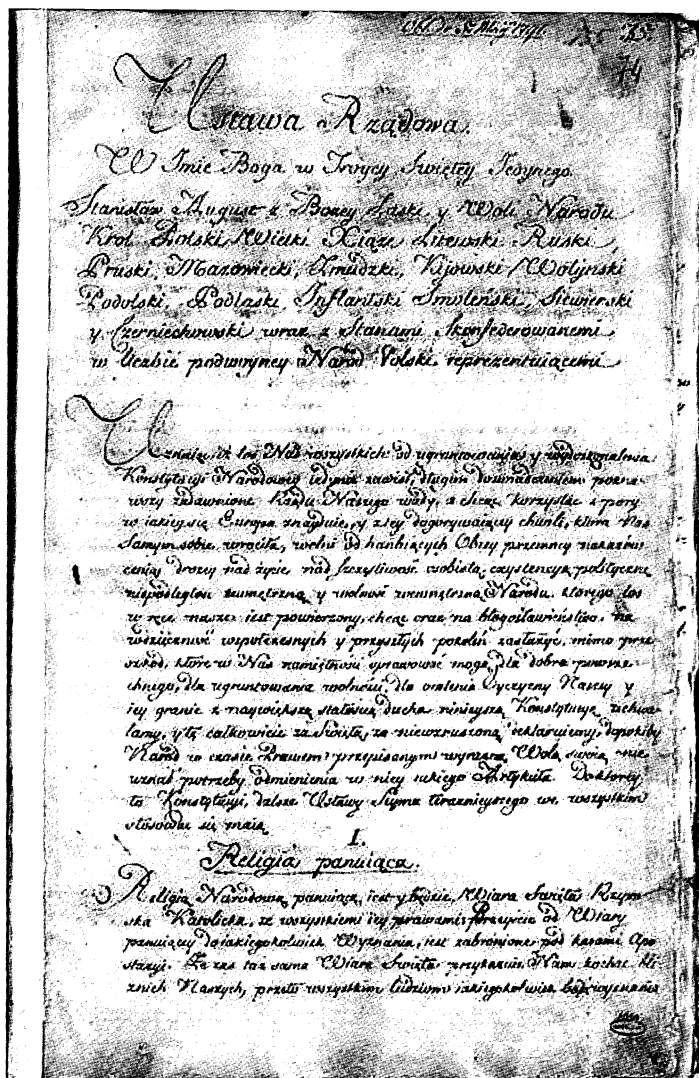
Được các nhà thơ, nhà báo thúc đẩy, Ba Lan đã tranh đấu để tự biến đổi thành một nhà nước hữu hiệu và có thể biện minh được. Một cơ hội đã đến khi người kế vị của Frederick II là Frederick William II đưa ra trước “Nghị viện bốn năm” từ năm 1788 đến năm 1792 đề nghị về một liên minh, cam kết đạo quân hùng hậu của Phổ sẽ bảo vệ chống lại bất cứ sự can thiệp nào của ngoại bang. Nước Nga đang bận chiến tranh chống lại cả Thụy Điển và Thổ Nhĩ Kỳ; giờ đây, Ba Lan có thể tự giải phóng khỏi sự phụ thuộc lâu dài vào Catherine và khỏi sự nhùng nhể của binh lính Nga trên đất Ba Lan trong suốt 25 năm qua. Mặc dù bị Poniatowski phản đối, Nghị viện đã giải tán Hội đồng Thường trực của ông, biểu quyết huy động một đạo quân 100.000 người dưới quyền của Nghị viện và ra lệnh cho binh lính Nga phải rời khỏi Ba Lan ngay lập tức (tháng Năm năm 1789). Catherine, đang cần toàn bộ lực lượng của bà cho nơi khác, đã không phản đối nhưng thề sẽ phục thù. Ngày 29-3-1790, Nghị viện ký minh ước với nước Phổ.

Vào lúc bấy giờ Poniatowski quá say sưa với không khí tự do. Vứt bỏ mọi nghĩa vụ trung thành với Catherine, ông dẫn đầu việc soạn thảo một bản hiến pháp mới. Các điều khoản

của nó quy định một chế độ quân chủ kế thừa nhưng bảo đảm sự nối ngôi sau khi Poniatowski chết mà không có con, cho triều đại Saxony. Quyền hành pháp của Quốc vương được mở rộng bằng cách dành cho Nhà Vua quyền phủ quyết tạm thời - tức quyền ngăn chặn một biện pháp do Nghị viện thông qua được trở thành luật cho đến khi được Nhà Vua tán đồng. Nhà Vua có quyền bổ nhiệm các bộ trưởng và các giám mục và chỉ huy quân đội. Một số nhỏ các thị dân sẽ được bầu làm đại biểu. Nghị viện gồm có hai viện: một Viện Dân biểu có quyền đề xuất các dự luật và một Thượng viện gồm các giám mục, các thống đốc tỉnh và các bộ trưởng của Nhà Vua và sự tán đồng của họ cần thiết cho bất cứ bộ luật nào. Quyền *liberum veto* được thay thế bằng sự cai trị của đa số. Giáo hội Công giáo La Mã được ông nhận là tôn giáo thịnh hành của quốc gia và bất cứ sự bội giáo nào đối với nó cũng là một tội. Mặt khác, quyền tự do thờ phụng được bảo đảm cho tất cả mọi người. Chế độ nông nô vẫn còn nhưng giờ đây nông dân có thể kháng cáo lên tòa án di sản, tòa án cấp tỉnh, hoặc cấp quốc gia. Ảnh hưởng của bản hiến pháp mà Hoa Kỳ áp dụng (1787-1788) được thể hiện rõ trong các khuyến cáo này. Những người Ba Lan đã chiến đấu cho các thuộc địa Mỹ đã chuẩn bị tinh thần của Poniatowski và chính ông cũng không quên những gì đã đọc trong các tác phẩm của Locke, Montesquieu và các *philosophe*.

Để bảo đảm cho các đề nghị của mình được phê chuẩn, Poniatowski dùng đến một chức. Trong khi nhiều thành viên của Nghị viện trở về nhà trong kỳ lễ Phục sinh năm 1791, Nhà Vua ra lệnh cho họ triệu tập lại vào ngày 3 tháng Năm, quá sớm để các đại biểu ở xa có thể quay lại Warsaw kịp cho buổi khai mạc. Các đại biểu ở gần và đến đúng ngày giờ đa số là những người chủ trương tự do và có thể dựa vào họ trong việc hậu thuẫn cho bản hiến pháp mới. Bản hiến pháp được đưa ra cho họ tại hoàng cung ngay khi họ tề tựu lại; nó được đón nhận với sự hoan hô điên cuồng và được phê chuẩn với một đa số

áp đảo. Ngày hôm đó, 3-5-1791, được những người Ba Lan yêu nước nhớ lại một cách kiêu hãnh và được tôn vinh trong văn chương, nghệ thuật và những ca khúc của Ba Lan.



Hình 36. Bản thảo Hiến pháp ngày 3-5-1791 của Ba Lan

VI. CHIA CẮT: 1792-1795

Mọi cường quốc, ngoại trừ Nga, công nhận bản hiến pháp. Edmund Burke gọi nó là “lợi ích cao cả nhất mà bất cứ quốc gia nào vào bất cứ thời đại nào nhận được” và tuyên bố Stanislas II đã chiếm được một địa vị trong số các quân vương và chính khách vĩ đại nhất trong lịch sử,⁴⁸ nhưng lòng nhiệt thành này có thể đã phản ánh nỗi vui mừng của nước Anh trước thất bại của Catherine.

Trong một thời gian, Nữ hoàng che đậy lòng thù địch của bà đối với nước Ba Lan mới. Nhưng bà không thể tha thứ cho việc trục xuất chóng vánh binh lính của mình, cũng như việc thay thế ảnh hưởng của Nga bằng của Phổ trong quốc sự nước Ba Lan. Khi Hòa ước Jassy (9-1-1792) chấm dứt, cuộc chiến tranh của bà với Thổ Nhĩ Kỳ và việc Phổ và Áo can dự vào cuộc chiến chống lại Cách mạng Pháp (tháng Tư năm 1792) giải thoát cho bà khỏi nỗi lo sợ những kẻ đồng lõa trước đây của mình, bà nhìn quanh để tìm một cơ hội khác tiến vào Ba Lan.

Dịp tốt này đã được những người Ba Lan bảo thủ đưa đến cho bà. Họ hoàn toàn đồng ý với Catherine rằng bản hiến pháp của Poniatowski đã được tán đồng bởi một Nghị viện triệu tập quá vội vã khiến nhiều nhà quý tộc không thể tham gia. Felix Potocki và một số nhà đại quý tộc khác giận dữ vì việc bãi bỏ quyền *liberum veto* vốn đã bảo đảm cho họ sức mạnh chống lại bất cứ chính quyền trung ương nào và họ không muốn từ bỏ quyền bầu ra - và do đó thống trị - Nhà Vua của mình. Từ chối tuyên thệ trung thành với bản hiến pháp mới, Potocki cầm đầu một nhóm quý tộc đến St. Petersburg và xin Nữ hoàng giúp họ phục hồi bản hiến pháp cũ (của năm 1775) mà bà đã hứa bảo vệ. Bà trả lời rằng mình không muốn can thiệp vào Ba Lan theo lời yêu cầu của một ít cá nhân nhưng sẽ xem xét đến lời cầu xin từ một thiểu số quan trọng gồm những người Ba Lan có tổ chức. Được biết về những cuộc thương lượng này, Frederick William II,

vốn đang vướng vào cuộc chiến chống nước Pháp và không sẵn lòng chiến tranh với Nga, thông báo với chính phủ Ba Lan (ngày 4-5-1792) rằng, nếu họ có ý định bảo vệ bản hiến pháp mới của mình bằng sức mạnh của vũ khí, thì không nên mong đợi sự ủng hộ từ nước Phổ.⁴⁹ Potocki trở về Ba Lan, thành lập (ngày 14-5-1792) tại một thị trấn nhỏ của Ukraine Liên minh Targowica và kêu gọi những ai muốn phục hồi bản hiến pháp cũ về dưới ngọn cờ của mình. Những người ủng hộ ông tự gọi là những người Cộng hòa, cáo buộc liên minh giữa Ba Lan với Phổ, ca ngợi Catherine và cầu xin bà ban phúc lành cũng như gửi binh lính sang.

Bà gửi cả hai và khi đã được củng cố, phe Liên minh tiến về Warsaw. Lời tuyên truyền “tự do” của họ gây ít nhiều ấn tượng vì nhiều thị trấn đón chào họ như những nhà giải phóng; và ở Teresapol (ngày 5 tháng Chín), Potocki được hoan hô như là ông vua mới thực sự của Ba Lan. Poniatowski kêu gọi Nghị viện cho ông toàn quyền cần thiết để tự vệ. Cơ quan này bổ nhiệm ông làm nhà độc tài, huy động mọi đàn ông trưởng thành của Ba Lan tham gia nhập ngũ và hoãn cuộc họp. Stanislas giao cho cháu mình là Hoàng thân Józef Poniatowski, 29 tuổi, làm tổng tư lệnh đạo quân mà ông thấy không được huấn luyện cũng như trang bị kém cỏi. Józef ra lệnh cho mọi phân đội của đạo quân đến tập hợp cùng ông ở Lubar, trên bờ Sông Slucz; nhưng nhiều người đã bị quân Nga bao vây và không thể đến, còn những người đến được thì quá yếu để có thể ngăn chặn bước tiến của quân Nga. Vị tư lệnh trẻ rút lui về Polonne, trung tâm tiếp liệu của ông, trong một cuộc triệt thoái có trật tự nhờ tài hậu vệ dũng cảm của Thaddeus Kosciuszko, là người đã chiến đấu cho các thuộc địa ở Mỹ và mới 46 tuổi đã nổi danh vì lòng yêu nước và khả năng chiến trận. Ngày 17-6-1792, quân Ba Lan chạm trán với một đạo quân lớn của Nga ở Zielence và đánh bại chúng trong trận đánh không cân sức đầu tiên mà Ba Lan thắng được kể từ những ngày của Sobieski. Tại đây một lần nữa, Kosciuszko

lại trở tài khéo léo bằng cách chiếm giữ một ngọn đồi mà từ đó, pháo binh của ông có thể kiểm soát chiến trường, và Józef, cho đến giờ bị những thuộc hạ có tuổi đời gấp đôi ngò vức, đã chinh phục được sự kính nể của họ bằng cách đích thân dẫn đầu lực lượng trừ bị buộc quân Nga phải rút lui. Báo cáo về chiến thắng này làm Poniatowski vui mừng nhưng nỗi vui này hầu như bị tiêu tan bởi tin tức về Hoàng thân Ludwig xứ Württemberg, một chỉ huy của quân đội Phổ phụ trách các lực lượng Ba Lan ở Lithuania, đã đào ngũ khỏi vị trí và để binh lính lại trong tình trạng hỗn loạn khiến ngày 12 tháng Sáu, quân Nga dễ dàng chiếm lấy Wilno, thủ phủ của Lithuania.

Đạo quân của Józef vẫn là lực lượng duy nhất bảo vệ Ba Lan. Những nguồn tiếp tế đến chậm tới mức một số lữ đoàn của nó phải nhịn đói đến 24 giờ và pháo binh chỉ còn một tá đạn được. Hoàng thân ra lệnh rút lui về Dubno. Bị cáo buộc là hèn nhát, ông dừng lại chống cự ở Dubienka (18 tháng Bảy), và với 12.500 người đã chiến đấu chống lại 18.000 quân Nga bất phân thắng bại. Ông rút lui có trật tự về Kurow, chờ đợi quân tăng viện và đồ tiếp tế mà Nhà Vua đã hứa.

Nhưng Stanislas đã bỏ cuộc. Việc Frederick William II từ chối thực thi những điều khoản của liên minh Phổ-Ba Lan, sự phản bội của Hoàng thân Ludwig, hàng trăm vụ đào ngũ của binh lính trong đạo quân mà ông đã huy động ở Praga đã tỏ ra quá sức chịu đựng đối với tinh thần chưa bao giờ dững cảm lăm của ông. Ông gửi một lời kêu gọi cá nhân đến Catherine để cầu xin một số điều kiện danh dự; câu trả lời của bà là một tối hậu thư buộc ông phải gia nhập Liên minh Targowica và phục hồi bản hiến pháp năm 1775. Ông bị sốc vì giọng điệu không khoan nhượng của bà; liệu đây có phải là người phụ nữ đã có thời hưởng ứng tình yêu say đắm của ông?

Giờ đây tính nhạy cảm đang thống trị ông. Ông đã nghĩ đến việc kháng cự, tự vũ trang và bước ra mặt trận để cầm đầu một cuộc tự vệ tuyệt vọng; nhưng vợ ông, em gái ông

và cháu gái ông đã khóc sụt sùi trước ý nghĩ về cái chết của ông và tình cảnh cô độc của chính họ mà Nhà Vua sẽ mang lại. Và, rốt cục, kháng cự nào có ích gì? Giờ đây không có viện trợ - giờ đây những cuộc tấn công vào mặt trận phía tây không được bảo vệ - có thể mong đợi từ phía Phổ, làm sao Ba Lan cảm sự được với Nga? Chẳng phải chính ông đã không cố gắng can gián Nghị viện đừng miệt thị Catherine và liều tất cả vì những lời hứa của Phổ sao? Chẳng phải ông đã không đòi thành lập một đạo quân lớn, được trang bị đầy đủ và Nghị viện đã không từ chối cung cấp ngân quỹ, sau khi đã biểu quyết ủng hộ việc tuyển binh lính? Thậm chí, nếu đạo quân Ba Lan hiện hữu có thắng quân Nga một hoặc hai trận, thì Catherine, thừa thãi quân lính nhờ hòa bình với Thổ Nhĩ Kỳ, sẽ không gửi hết đợt này đến đợt khác những binh sĩ có kỷ luật và trang bị kỹ lưỡng sang chống lại đám tàn quân tã toại và vô tổ chức của ông? Tại sao phải hy sinh thêm mạng sống và bỏ mặc một nửa nước Ba Lan cho chiến tranh tàn phá trong khi bất luận thế nào kết cục cũng sẽ là đầu hàng?

Yakov Sievers, viên đại sứ Nga mới, gửi cho em gái mình một bức tranh đầy thông cảm trong giờ phút cả thể xác lẫn tinh thần ông đang sụp đổ:

[Ở tuổi sáu mươi] Hoàng thượng hãy còn rất bảnh bao và trông khỏe mạnh, mặc dù khuôn mặt ngài xanh xao, nhưng người ta có thể thấy một bức màn tăm tối đã phủ lên tâm hồn ngài. Ngài ăn nói lưu loát, thậm chí hùng hồn và luôn lịch sự và quan tâm đến mọi người. Ngài ở trong một nơi tồi tàn, bị coi rẻ, khinh khi và bị phản bội; thế nhưng ngài là người tử tế nhất. Đặt qua một bên địa vị cao cả của ngài và chỉ nhìn ngài theo quan điểm cá nhân, anh có thể nói rằng những phẩm chất tốt đẹp của ngài nổi trội hơn hẳn những gì không tốt. Dĩ nhiên, sau Louis XVI, ngài là vị quân vương bất hạnh nhất. Ngài vô cùng yêu mến thần dân của mình và chính những người này là nguyên do mọi nỗi bất hạnh của ngài.⁵⁰

Ngày 24-7-1792, Poniatowski đọc cho Hội đồng Tư mật của ông nghe bức tối hậu thư của Nga và khuyên họ nên tin tưởng vào lòng khoan dung của Catherine. Nhiều thành viên phản đối lại một hành động đơn giản như vậy. Một người trong bọn họ, Malachowski, đề nghị huy động 100.000 gulden trong vòng một giờ để phòng vệ và nhấn mạnh rằng, thậm chí nếu phải bỏ rơi Warsaw, binh lính Ba Lan có thể rút về Cracow và gầy dựng một đạo quân mới ở miền Nam đông đúc dân cư này. Đề nghị đầu hàng của Poniatowski bị đánh bại trong hội đồng với tỉ lệ bảy chống lại hai mươi. Viện dẫn quyền độc tài, ông bất chấp những ý kiến phản đối và ra lệnh cho cháu ông thôi kháng cự. Józef trả lời rằng thay vì đầu hàng như vậy Nhà Vua nên cấp tốc tiến ra mặt trận với bất kỳ lực lượng nào huy động được và chiến đấu đến cùng. Khi Stanislas khẳng khái đòi quân đội phải nhập vào Liên minh, tất cả các sĩ quan ngoại trừ một người đều xin từ chức và Józef quay về căn nhà của mình trước đây ở Vienna. Ngày 5 tháng Tám một đạo quân Nga chiếm Praga. Vào tháng Mười, Józef gửi cho chú mình lời kêu gọi nên thoái vị trước khi chút danh dự còn lại cũng ra đi. Tháng Mười một, Potocki cùng với đội quân tiền vệ của Liên minh tiến vào Warsaw và giảng cho Poniatowski về những bốn phận của một ông vua. Nhưng chiến thắng của Potocki sớm bị xem là một tai họa vì vào tháng Một năm 1793, quân Phổ tiến vào Ba Lan và rồi hành quân chiếm Danzig và Thorn mà các đồng minh Nga của Potocki không giương lên một khẩu súng ngăn cản họ. Rõ ràng là Nga và Phổ đã thỏa thuận chia cắt Ba Lan lần nữa.

Catherine và Frederick William đã ký một thỏa thuận như vậy vào ngày 23 tháng Một, nhưng họ giữ bí mật cho đến ngày 28 tháng Hai. Potocki kêu gọi người Ba Lan thuộc mọi phe phái nổi lên bảo vệ đất nước; họ cười vào ông; Józef tố cáo ông phản bội dân tộc và thách ông ta đấu tay đôi; Stanislas cấm trận quyết đấu.

Trong lần phân chia thứ hai này, nước Nga lấy 230.000km² ở phía đông Ba Lan, với 3 triệu dân, bao gồm cả Wilno và Minsk; Phổ lấy 60.000km² ở phía tây với một triệu dân, kể cả Danzig và Thorn. Ba Lan giữ lại 207.000km² và 4 triệu dân - khoảng một nửa những gì để lại cho họ vào năm 1773. Nước Áo không có phần trong lần phân chia này, nhưng được Nga và Phổ xoa dịu với lời hứa giúp họ có được Bavaria. Các cường quốc phương Tây, hãy còn bị lún sâu trong cuộc chiến với Cách mạng Pháp, không có hành động nào chống lại vụ cưỡng đoạt lần thứ hai này mà Catherine giải thích với họ là điều cần thiết do sự phát triển của tình hình cách mạng náo loạn ở Warsaw khiến cho mọi nền quân chủ bị lâm nguy.

Để khoác lên hành vi ăn cướp này một chiếc áo hợp pháp, bà ra lệnh cho Poniatowski triệu tập một Nghị viện nhóm họp ở Grodno và yêu cầu ông đích thân đến đó để ký một liên minh với Nga. Mới đầu ông từ chối đi nhưng khi bà đề nghị trả cho ông những khoản nợ - mà giờ đây lên tới 1.566.000 ducat - ông chấp nhận điều ô nhục thêm nữa này vì các chủ nợ của mình. Đại sứ Nga được cung cấp ngân quỹ để hối lộ cho một số lượng đại biểu đủ để tham dự Nghị viện và ông thấy cũng dễ hối lộ nhiều thành viên trong đoàn tùy tùng của Nhà Vua để họ báo cáo lại cho ông mọi lời nói và hành động của chủ họ. “Nghị viện cuối cùng” này (họp từ ngày 17 tháng Sáu đến 24 tháng Mười một năm 1793) được thuyết phục ký một hiệp ước với Nga nhưng trong nhiều tháng, họ từ chối phê chuẩn việc phân chia lần thứ hai. Họ sẽ không thể rời phòng họp cho đến khi đã ký kết, các đại biểu vẫn từ chối và ngồi im lặng trong 12 giờ. Rồi viên chức phụ trách nghi lễ đưa vấn đề ra biểu quyết và không thấy trả lời, tuyên bố im lặng tức là đồng ý (ngày 25 tháng Chín). Phần còn lại của Ba Lan lại trở thành một xứ bảo hộ của Nga; hiến pháp năm 1775 được phục hồi.

Nếu có một người có thể cứu nguy đất nước thì đó là Kosciusko. Được gia tộc Czartoryski tài trợ, ông đến Paris

(tháng Một năm 1793) và cầu xin nước Pháp giúp đỡ cho một nước Ba Lan nhiệt tình với Cách mạng Pháp. Ông hứa nếu được giúp đỡ nông dân Ba Lan sẽ nổi lên chống lại chế độ nông nô và thị dân sẽ chống lại giới quý tộc; Poniatowski sẽ thoái vị nhường chỗ cho một chế độ cộng hòa; và một đạo quân Ba Lan sẽ hậu thuẫn cho nước Pháp trong cuộc chiến của nước này với Phổ.⁵¹ Các nhà lãnh đạo Pháp hoan nghênh những đề nghị của ông nhưng việc chiến tranh bùng nổ với nước Anh (tháng Hai năm 1793) và việc phe Đồng minh xâm lược nước Pháp đã chấm dứt mọi cơ hội giúp đỡ Ba Lan.

Trong khi Kosciusko đi vắng, một số thị dân, hội viên Hội Tam điểm và sĩ quan quân đội đã dựng nên một đạo quân Ba Lan mới (tháng Ba năm 1794). Kosciusko vội vã từ Dresden về Cracow để tham gia cùng nó; ông được bổ nhiệm làm tổng tư lệnh với những quyền hành tuyệt đối; ông ra lệnh cứ năm nhà ở Ba Lan gửi cho ông một lính bộ binh, mỗi 50 nhà một kỵ binh và yêu cầu các tân binh này mang theo bất cứ vũ khí gì có được, kể cả những cây lao và những lưỡi hái. Ngày 4 tháng Tư, với 4.000 quân thường trực và 2.000 tân binh là nông dân, Kosciusko tấn công một lực lượng 7.000 quân Nga ở Raclawice, gần Cracow và đánh bại nó một phần nhờ tài cầm quân của ông, một phần nhờ hiệu quả của những lưỡi hái của nông dân.

Nghe tin chiến thắng này, phe cấp tiến, hoặc “Jacobin”, ở Warsaw tổ chức một cuộc nổi dậy. Các nhà lãnh đạo của tầng lớp trung lưu miễn cưỡng tham gia. Ngày 17 tháng Tư, những người nổi dậy tấn công trại lính Nga gồm 7.500 binh sĩ, giết chết nhiều người và đánh bại một đội quân Phổ 1.650 người. Các lực lượng chiếm đóng bỏ chạy và trong một thời gian ngắn, Warsaw nằm dưới quyền kiểm soát của người Ba Lan. Một cuộc nổi dậy tương tự đã giải phóng Wilno (ngày 23 tháng Tư), treo cổ viên đại lãnh tụ Cossack của Lithuania rồi chiếm lại những phần đất của Ba Lan gần tới Minsk. Ngày 7 tháng Năm, Kosciusko hứa giải phóng cho các nông nô và

bảo đảm quyền sở hữu những đất đai họ đang cày cấy. Có quá nhiều quân tình nguyện và quân nghĩa vụ đến với ngọn cờ của ông khiến cho vào tháng Sáu năm 1794, ông chỉ huy tới 150.000 người, trong đó chỉ có 80.000 người được trang bị đầy đủ.

Chống lại họ là hàng hàng lớp lớp binh lính Nga hoặc Phổ có kỷ luật. Ngày 6 tháng Sáu, một đạo quân 26.000 người của liên minh [Nga và Phổ] bất ngờ tấn công quân Ba Lan ở gần Szczekociny; Kosciusko chỉ có đủ thời gian tung ra 14.000 quân. Ông bị thất bại nặng nề. Ông tìm cái chết trong chiến đấu, nhưng nó không đến với ông. Tàn quân Ba Lan lui về Warsaw. Ngày 15 tháng Sáu, quân Phổ chiếm Cracow; ngày 11 tháng Tám, quân Nga tái chiếm Wilno; ngày 19 tháng Chín một đạo quân Ba Lan gồm 5.500 người bị tiêu diệt hoàn toàn ở Teresapol bởi một lực lượng gồm 12.500 quân Nga dày dạn kinh nghiệm dưới quyền chỉ huy của Suvorov; ngày 10 tháng Mười, chính Kosciusko cùng với 7.000 quân Ba Lan bị tràn ngập bởi 13.000 quân Nga ở Maciejowice. Ông bị trọng thương và bị bắt làm tù binh. Ông đã không kêu lên, như truyền thuyết kể lại: “Finis Poloniae!” nhưng thất bại này là kết cục của cuộc nổi dậy anh hùng.

Suvorov, kết hợp nhiều đạo quân Nga khác nhau, đã tràn ngập doanh trại có hào vây quanh của quân Ba Lan ở Praga và những quân lính say máu với chiến trận đã tàn sát không chỉ những người lính bảo vệ mà còn cả thường dân trong thị trấn. Poniatowski giao nộp Warsaw để tránh một vụ tàn sát khủng khiếp hơn. Suvorov đưa Kosciusko và các lãnh đạo phiến quân khác về cầm tù ở St. Petersburg và đưa Nhà Vua về Grodno để chờ Nữ hoàng quyết định. Tại đó, vào ngày 25-11-1795, ông ký chiếu thoái vị. Ông kêu gọi Catherine để cho vài phần đất Ba Lan được tồn tại, nhưng bà quyết định giải quyết vấn đề Ba Lan bằng cách chấm dứt, như bà nghĩ, Quốc gia Ba Lan. Sau 15 tháng tranh cãi, Nga, Phổ và Áo ký Hiệp ước Phân chia Lần thứ ba (ngày 26 tháng Một năm 1797). Nước Nga lấy Kurland,

Lithuania và phía tây Podolia và Volhynia - 469.000km²; nước Áo lấy vùng “Tiểu Ba Lan” với Crecow và Ludlin - 117.000km²; nước Phổ lấy phần còn lại, với Warsaw - 148.000km². Trong ba phần đất được chia, Nga sáp nhập khoảng sáu triệu người trong tổng số 12.200.000 dân Ba Lan (1797), Áo 3.700.000 người, Phổ 2.500.000 người.

Hàng nghìn người Ba Lan trốn chạy khỏi đất nước mình; người nước ngoài nhận được những tài sản bị tịch thu. Poniatowski ở lại Grodno, khuây khỏa với môn thực vật học và viết hồi ký. Sau khi Catherine mất, Paul I mời ông đến St. Petersburg và cấp cho ông Cung điện Cẩm thạch cùng 100.000 ducat mỗi năm. Ông mất tại đó ngày 12-2-1798, thọ 66 tuổi. Kosciusko được Hoàng đế Paul trả tự do năm 1796, quay trở lại Hoa Kỳ, rồi sang Pháp và tiếp tục những nỗ lực nhằm giải phóng Ba Lan cho đến lúc chết (1817). Józef Poniatowski chạy trốn sang Vienna, tham gia chiến dịch của Napoléon đánh nước Nga, bị thương ở Smolensk, chiến đấu dũng cảm ở Leipzig, được phong làm một thống chế trong quân đội Pháp và mất năm 1813, được cả những kẻ thù của ông tôn vinh. Ba Lan không còn là một quốc gia nhưng vẫn tiếp tục là một dân tộc và một nền văn minh, ô danh bởi tình trạng ngược đãi tôn giáo nhưng xuất sắc với các nhà thơ lớn, các tiểu thuyết gia, nhạc sĩ, nghệ sĩ và khoa học gia; và không bao giờ từ bỏ quyết tâm trỗi dậy lần nữa.

QUYỂN II

**NƯỚC PHÁP
PHONG KIẾN SỰ ĐỒ
1774-1789**

ĐÔI LỜI CHIA SẺ TỪ DỊCH GIẢ

(Quyển 2)

Book 7: The Collapse of Feudal France - Nước Pháp phong kiến sụp đổ là tập cuối cùng của *Phần X: Thời đại Rousseau*. Cuốn sách khép lại một thời đại mà kết cục là vụ phá đổ ngục Bastille ngày 14-7-1789, một ngày mà nhân loại sẽ nhớ mãi.

Nguyên nhân sụp đổ của một chế độ kéo dài cả nghìn năm diễn ra tại một quốc gia văn minh vào bậc nhất châu Âu, trong bối cảnh thái bình và thịnh vượng, đã là đề tài nghiên cứu, thảo luận của các sử gia, các nhà xã hội học và cả các nhà cách mạng từ hơn 200 năm nay. Nhìn chung, “đó là việc không tương ứng giữa hiện thực kinh tế và những hình thức chính trị - giữa tầm quan trọng của giới tư sản trong sản xuất và sở hữu những tài sản lớn và việc nó bị loại ra khỏi quyền lực của chính phủ” (Durant). Những nguyên do khác có thể nêu ra là việc giai cấp quý tộc đã mất đi vai trò lịch sử của mình; việc Giáo hội Công giáo được hưởng quá nhiều ưu đãi trong khi thực hiện quá nhiều sự lạm dụng; ảnh hưởng của trào lưu Khai minh và các *triết gia*; và cũng do bản chất do dự, nhu nhược của Louis XVI và sự nhẹ dạ, phung phí của Hoàng hậu Marie Antoinette.

Sự sụp đổ đó đã được Durant mô tả như một định mệnh với những điềm báo đáng sợ. Ngay vào thời thơ ấu, Louis XVI đã khiến ông nội mình là Louis XV lo lắng: “Hãy trông thẳng bé to xác này. Nó sẽ là nguyên nhân sụp đổ của nước Pháp và của chính nó; nhưng bằng mọi giá, ta sẽ không sống để nhìn thấy điều đó.” Bản thân Louis XVI thì “đọc đi đọc lại cuốn *Lịch sử cuộc nổi loạn* (History of the Rebellion) của Clarendon, như thể

linh cảm rằng ông sẽ lập lại số phận của Charles I”. Chính sách cai trị của ông đã khiến cho vị Thượng thư nổi tiếng Turgot gửi một bức thư phản đối, trong đó có những dòng: “Tàu bè hạ, xin đừng quên chính sự yếu đuối đã đưa Charles I lên đoạn đầu đài... đã khiến cho Louis XIII biến thành một kẻ nô lệ đội vương miện... và đã mang đến mọi nỗi bất hạnh của triều đại vừa qua.” Sau khi đến thăm em gái mình là Hoàng hậu Marie Antoinette, Hoàng đế Joseph II của Áo đã có lời khuyên gửi cô em: “Anh thật sự run sợ cho hạnh phúc của em vì về lâu về dài nó không thể trở nên tốt đẹp và sẽ có một cuộc cách mạng thảm khốc [*une révolution cruelle*] trừ khi em đi những bước chống lại nó.” Và ngay từ năm 1757, Grimm, một người Đức sắc sảo đang hoạt động văn hóa giữa thủ đô Paris, đã tiên đoán về “một cuộc cách mạng chí tử” sắp xảy ra. Chúng ta cảm thấy như có một đám mây đen khổng lồ nơi chân trời đang lù lù kéo đến, vô phương chống đỡ.

Tuy nhiên, ngay cả trong giai đoạn quyết định đó, mặc cho những suy tàn, đổ vỡ về mặt chính trị, khoa học và công nghệ Pháp vẫn phát triển rực rỡ. Nhất là về văn hóa - nghệ thuật, nước Pháp vẫn đóng vai trò tiên phong, là nguồn cảm hứng cho khắp châu Âu. Tiếng Pháp là quốc tế ngữ của châu Âu. Tại triều đình của Catherine Đại đế cũng như trong các gia đình quý tộc Nga, người ta chỉ giao tiếp nhau bằng tiếng Pháp. Các khách thánh ở Paris vẫn là nơi mà các ông hoàng bà chúa, các nhân sĩ trí thức châu Âu mong được có lần đặt chân đến và trên tất cả, tư tưởng của Rousseau đang dần thay thế ảnh hưởng của Voltaire trong vai trò tinh thần của thời đại, đặt cảm tính lên trên lý tính, trực giác lên trên lý trí, tự do cá nhân lên trên mọi ước lệ xã hội. Trong tinh thần đó, chủ nghĩa lãng mạn đã ra đời và phát triển. Nhưng Chủ nghĩa Lãng mạn (Durant luôn viết hoa) là gì? Khi đọc những dòng của tác giả định nghĩa phong trào này, chúng ta như bị cuốn hút bởi từng đợt sóng liên miên, dồn dập vỗ vào bờ, bị choáng ngợp bởi những sự đối lập phong phú trong cách trình bày của tác giả.

Thật hiếm khi một đoạn văn lịch sử lại khiến người ta xúc động đến như vậy.

Nhưng có phải Voltaire đã bị Rousseau thay thế, lý tính đã bị cảm tính hạ gục? Có vẻ như đây là hai mặt của một đồng tiền và bản chất con người là một cái gì đầy mâu thuẫn giữa hai tính cách này. Theo Durant thì “Lịch sử triết học kể từ Kant là cuộc đấu tranh giữa Rousseau và Voltaire”.

“Ngày 11-10-1794, hài cốt của ông [Rousseau] được chuyển đến Điện Panthéon và được đặt nằm cạnh Voltaire. Từ nơi an nghỉ thanh bình bên nhau đó, hồn ma của họ đã trở dậy để tái tục cuộc chiến nhằm giành lấy linh hồn của cuộc Cách mạng, của nước Pháp và của con người Tây phương” (Durant). Đâu phải chỉ của con người Tây phương. Thiển nghĩ, linh hồn của chúng ta, những con người Đông phương ở thế kỷ XXI, cũng không đứng ngoài cuộc chiến này.

Dịch giả BÙI XUÂN LINH

DANH MỤC HÌNH ẢNH MINH HỌA

Hình 1.	<i>Louis XVI năm 20 tuổi</i> (Tranh của Joseph Duplessis)	207
Hình 2.	<i>Hoàng hậu Marie-Antoinette.</i> (Tranh sơn dầu của Élisabeth Vigée Le Brun, 1783)	219
Hình 3.	<i>Điện Petit Trianon</i>	222
Hình 4.	<i>Một làng quê của Hoàng hậu bên cạnh hồ nước nhân tạo trong vườn Điện Petit Trianon</i>	229
Hình 5.	<i>Louis XVI</i> (Tranh sơn dầu của Antoine-François Callet, 1779)	232
Hình 6.	<i>Anne-Robert-Jacques Turgot</i> (Tranh được cho là của Antoine Graincourt, 1782)	237
Hình 7.	<i>Jacques Necker</i> (Tranh của Joseph Duplessis, 1781)	253
Hình 8.	<i>Washington và Lafayette ở Mount Vernon năm 1784.</i> (Tranh của Rossiter và Mignot, 1859)	259
Hình 9.	<i>Benjamin Franklin thu điện từ trên trời</i> (Tranh sơn dầu của Benjamin West, khoảng năm 1816)	262
Hình 10.	<i>Trung tướng Lafayette.</i> (Tranh sơn dầu của Joseph-Désiré Court, 1791)	264
Hình 11.	<i>Voltaire</i> (Tượng của Houdon)	276
Hình 12.	<i>Mộ Voltaire tại Điện Panthéon (Paris)</i>	285
Hình 13.	<i>Rousseau hái thuốc ở Ermenonville.</i> (Tranh của Georg Friedrich Meyer, 1778)	296
Hình 14.	<i>Đảo Bạch dương (Île des Peupliers) và mộ của Rousseau trong Công viên Jean-Jacques-Rousseau ở Ermenonville</i>	299

Hình 15.	<i>Jean-Jacques Rousseau</i> (Tượng của Houdon)	305
Hình 16.	<i>Jean Le Rond d'Alembert</i> (Tranh của Quentin de La Tour, 1753)	313
Hình 17.	<i>Denis Diderot</i> (Tranh của Louis-Michel van Loo, 1767)	315
Hình 18.	<i>Nicolas de Condorcet</i> (Tranh sơn dầu được cho là của Jean-Baptiste Greuze, Khoảng 1789-1794)	318
Hình 19.	<i>Trang bìa cuốn Du Contrat Social (Khế ước Xã hội)</i> (Xuất bản lần đầu, Amsterdam, 1762)	325
Hình 20.	<i>Bà Geoffrin.</i> (Tranh sơn dầu của Jean-Marc Nattier, 1738)	342
Hình 21.	<i>Bà du Deffant</i> (Tranh khắc gỗ)	344
Hình 22.	<i>Bà Necker</i> (Tranh phần màu của Jean-Etienne Liotard, 1761)	347
Hình 23.	<i>François-Joseph Gossec</i> (Tranh sơn dầu của by Antoine Vestier - tại Phòng Trưng bày năm 1791)	350
Hình 24.	<i>Grétry mang huân chương Bắc đẩu bội tinh</i> (Họa sĩ vô danh)	352
Hình 25.	<i>Nhà hát lớn Bordeaux.</i>	354
Hình 26.	<i>Cung Bắc đẩu Bội tinh, Paris.</i>	355
Hình 27.	<i>Cung Tư pháp, Paris</i>	357
Hình 28.	<i>Psyche bị bỏ rơi</i> (Tượng của Augustin Pajou)	358
Hình 29.	<i>Nymph và Satyr</i> (Tượng của Clodion)	359
Hình 30.	<i>Nữ thần Diane Khỏa thân</i> (Tượng của Houdon)	360
Hình 31.	<i>Voltaire</i> (Tượng cẩm thạch của Houdon)	362
Hình 32.	<i>Juliette Récamier</i> (Tượng của Houdon)	363
Hình 33.	<i>Jean Antoine Houdon</i> (Tranh sơn dầu của Rembrandt Peale, 1808)	364
Hình 34.	<i>David</i> (Chân dung tự họa, 1794)	366

Hình 35.	<i>Cái chết của Socrates</i> (Tranh sơn dầu của David, 1787)	367
Hình 36.	<i>Bonaparte vượt qua Đèo Grand-Saint-Bernard</i> (Tranh sơn dầu của David, 1800)	369
Hình 37.	<i>Cái chết của Marat.</i> (Tranh sơn dầu của David, 1793)	370
Hình 38.	<i>Elizabeth Vigée-Lebrun</i> (Chân dung tự họa, 1782)	372
Hình 39.	<i>Bà Grand (Noël Catherine Vorlée).</i> (Tranh sơn dầu của Élisabeth Vigée Le Brun, 1783)	373
Hình 40.	<i>Nicolas Chamfort thời trẻ</i>	377
Hình 41.	<i>Jacques-Henri Bernardin de Saint-Pierre.</i> (Hình trong cuốn <i>Paul et Virginie</i> xuất bản năm 1806)	379
Hình 42.	<i>Cảnh Virginie bị đắm tàu</i> (Hình trong cuốn <i>Paul et Virginie</i> xuất bản năm 1806)	381
Hình 43.	<i>Pierre-Augustin Caron de Beaumarchais.</i> (Tranh của Jean-Marc Nattier, 1755)	388
Hình 44.	Một cảnh trong vở <i>Anh thợ cạo thành Seville.</i>	394
Hình 45.	<i>Figaro</i> (Tượng của Jean Barnabé Amy, 1873)	396
Hình 46.	<i>Đăng cấp Thứ ba dưới ách bóc lột của giới tu sĩ và giới quý tộc</i> (Tranh biếm họa cuối Thế kỷ XVIII)	409
Hình 47.	<i>François-Émile Babeuf năm 34 tuổi.</i> (Tranh khắc của François Bonneville, 1794)	425
Hình 48.	Bản sao chiếc vòng kim cương, <i>Le Collier de la Reine</i> (Lâu đài Breteuil)	432
Hình 49.	<i>Charles-Alexandre de Calonne.</i> (Tranh sơn dầu của Vigée-Lebrun, 1784)	436
Hình 50.	<i>Étienne Charles de Loménie de Brienne</i> (Tranh sơn dầu - Họa sĩ vô danh)	441
Hình 51.	<i>Tượng Honoré de Mirabeau</i> (tại Tòa án Aix-en-Provence)	454

Hình 52.	<i>Emmanuel-Joseph Sieyès</i> (Tranh sơn dầu của Jacques-Louis David, 1817)	459
Hình 53.	<i>Louis Philippe d'Orléans, Công tước de Chartres.</i> (Tranh của par Joshua Reynolds, khoảng năm 1779)	461
Hình 54.	<i>Phiên họp Quốc dân Đại biểu ngày 5-5-1789 ở Versailles</i> (Tranh của Isidore-Stanislaus Helman và Charles Monnet)	464
Hình 55.	<i>Chiếm Ngục Bastille</i> (Họa sĩ vô danh)	475

CHƯƠNG I

VINH QUANG CUỐI CÙNG

1774-1783

I. NHỮNG NGƯỜI THỪA KẾ NGAI VÀNG: 1754-1774



Hình 1. *Louis XVI* năm 20 tuổi (tranh của Joseph Duplessis)

Louis XVI là con thứ ba của Hoàng thái tử Louis de France, vốn là con trai hợp pháp duy nhất của Louis XV. Hoàng thái tử được gọi là Louis Béo vì ông thích ăn. Ông cố tránh béo phì bằng cách đi săn bắn, bơi lội, chặt cây, cưa củi và làm cho mình bận rộn với những nghệ thuật thủ công.¹ Suốt đời mình, ông giữ lòng tôn kính Giáo hội; những người bạn thân nhất của ông là những linh mục; và ông xấu hổ sâu sắc trước những vụ ngoại tình của cha mình. Ông đọc nhiều, kể cả Montesquieu và Rousseau; ông chấp nhận quan điểm cho rằng “quân vương không gì khác hơn là người quản gia trông coi các khoản thu nhập của đất nước”;² ông từ chối một cuộc tuần du qua khắp nước Pháp bởi vì “con người ta không đáng giá những gì mà đám dân nghèo phải trả.”³ Điều đáng chú ý là những tính cách, thói quen và ý tưởng của ông đã truyền cho Louis XVI được bao nhiêu.

Vợ ông, Marie-Joséphine của xứ Saxony, là người đức hạnh và mạnh mẽ. Bà sinh cho ông 8 người con, kể cả Louis-Joseph, Công tước de Bourgogne, ông này mất trong một tai nạn năm 1761; Louis-Auguste, Công tước de Berry, sinh ngày 23-8-1754, người sẽ là Louis XVI; Louis-Stanislas, Bá tước de Provence, sinh năm 1755, người sẽ là Louis XVIII; và Charles-Philippe, Bá tước d' Artois, sinh năm 1757, là Charles X tương lai. Khi cha của họ mất vào năm 1765, Louis-Auguste, 11 tuổi, trở thành người thừa kế ngai vàng.

Ông là một đứa trẻ ốm yếu, rụt rè và nhút nhát nhưng những năm sống ở miền quê cùng thức ăn giản dị đã giúp ông mạnh khỏe và tráng kiện. Như cha của mình, ông là người tốt hơn là sáng chói. Ông thêm muốn trí thông minh vượt trội của các em trai mình, những người hầu như không chú ý đến việc ông là anh của họ. Quá khiêm tốn để đáp trả lại, ông vùi mình vào thể thao và công việc thủ công. Ông học bắn một cách chính xác và cạnh tranh với các công nhân trong việc sử dụng đôi bàn tay và các dụng cụ của mình. Ông ngưỡng mộ tài khéo léo của những người thợ thủ công đang phục vụ

cho triều đình; ông thích trò chuyện và làm việc với họ và bắt chước ít nhiều cung cách và lời nói của họ. Nhưng ông cũng yêu thích sách vở. Ông phát triển một mối đam mê đặc biệt đối với Fénelon;ⁱ ở tuổi 12 ông cho đặt một máy in trong cung điện Versailles, và, với sự giúp đỡ của các em trai (lúc đó 9 và 11 tuổi), ông xếp chữ để in một tập sách nhỏ mà ông xuất bản năm 1766 dưới tên *Maximes morales et politiques tirées de Télémaque* (Những châm ngôn đạo đức và chính trị trích từ tác phẩm *Télémaque*). Ông nội ông không thích những câu châm ngôn. “Hãy trông thẳng bé to xác này” Louis XV nói: “Nó sẽ là nguyên nhân sụp đổ của nước Pháp và của chính nó, nhưng bằng mọi giá ta sẽ không sống để nhìn thấy điều đó.”⁴

Làm thế nào người công nhân vương giả này có thể được biến thành một ông vua? Liệu có thể tìm được một người bạn đời có tác dụng khuyến khích để mang lại cho ông lòng can đảm và kiêu hãnh và sinh ra cho ông những hậu duệ của dòng họ Bourbons? Vị quân vương hiện tại quá bận rộn với Bà du Barry để chú tâm đến việc này; nhưng Choiseul, vị bộ trưởng ngoại giao, nhớ lại những ngày ở triều đình Vienna của mình, và một nữ đại công tước sôi nổi, Maria Antonia Josepha, lúc đó (1758) mới lên ba. Có thể cuộc hôn nhân của nàng với Louis-Auguste sẽ mang lại một sức sống mới cho mối liên minh với nước Áo vốn đã bị suy yếu bởi hòa ước mà nước Pháp ký riêng rẽ với nước Anh vào năm 1762. Ông hoàng von Kaunitz cũng đã thổ lộ những ý nghĩ tương tự với Bá tước Florimund Mercy d’ Argentaui, một nhà quý tộc rất giàu có và hảo tâm ở Liège, vốn là đại sứ Áo ở Versailles. Louis XV đồng ý với lời khuyên giống nhau của họ và gửi (năm 1769) một yêu cầu chính thức đến Maria Theresa để

i Fénelon (François de Salignac de La Mothe, 1651-1715): nhà thần học và nhà văn Pháp; tác giả tập *Maximes des saints* (Châm ngôn của các vị thánh, 1697), biện minh cho dòng tu kín và *Les aventures de Télémaque* (*Télémaque* phiêu lưu ký, 1699), được xem như có dụng ý phê bình chính quyền của vua Louis XIV.

cầu hôn Maria Antonia cho Louis-Auguste. Nữ hoàng vui vẻ tán thành một mối kết giao mà chính bà từ lâu cũng đã nhắm tới. Hoàng thái tử, không được hỏi ý kiến trong vấn đề này, đã ngoan ngoãn chấp nhận sự lựa chọn cho mình. Khi được bảo vị hôn thê của ông là một nàng công chúa xinh đẹp, ông điềm tĩnh nói: “Giả như nàng có được những phẩm chất tốt đẹp.”⁵

Nàng ra đời ngày 2-11-1755 tại Vienna. Đây không phải là một cô bé xinh đẹp; trán nàng quá cao, mũi quá dài và sắc cạnh, hàm răng không đều và môi dưới quá dày. Nhưng nàng sớm nhận thức mình có dòng máu vua chúa trong người; nàng học cách đi đứng như một hoàng hậu tương lai, và thiên nhiên, với những chất lưu bí ẩn của tuổi dậy thì, đã biến đổi nàng thành ra thật hấp dẫn với mái tóc vàng óng ả, và màu da “của hoa huệ và hoa hồng”⁶ đôi mắt xanh lơ vui vẻ lấp lánh và một “chiếc mũi Hy Lạp”. Nàng trở thành, nếu không phải là món ngự thiện của bậc quân vương, ít nhất cũng là một món ngon cho một hoàng thái tử. Ba trong số năm người chị của nàng đã được Nữ hoàng khéo léo dẫn dắt vào những bến đỗ ấm cúng: Maria Christina lấy Ông hoàng Albert của Saxony, người trở thành công tước Saxe-Teschen; Maria Amalia lấy Ferdinand, công tước Parma; Maria Carolina trở thành hoàng hậu xứ Naples. Anh trai Joseph của nàng là đồng hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh và người anh Leopold là đại công tước Tuscany. Không gì còn lại cho Maria Antonia ngoại trừ trở thành hoàng hậu nước Pháp.

Là con gái nhỏ nhất của Maria Theresa trong số những người con còn sống, theo một cách nào đó, nàng ít được quan tâm. Đến năm 13 tuổi, nàng đã học được một ít tiếng Ý nhưng không thể viết tiếng Đức hoặc tiếng Pháp cho đúng. Nàng hầu như không biết gì về lịch sử và mặc dù có được người thầy là Gluck, nàng chỉ tiến bộ khiêm tốn trong môn âm nhạc. Khi Louis XV quyết định nhận nàng làm một cô cháu gái, ông cương quyết yêu cầu nàng phải được chủng ngừa bệnh

đậu mùa,ⁱ và gửi Cha Vermond sang tăng cường cho việc giáo dục của nàng. Vermond báo cáo rằng “tính cách, tấm lòng của cô ấy tuyệt vời” và “cô ấy thông minh hơn người ta tưởng”; nhưng “cô ấy khá là lười biếng và cực kỳ phù phiếm và khó dạy... Cô ấy chỉ học khi nào thấy thích thú.”⁷ Nhưng nàng yêu thích khiêu vũ và nô đùa vui nhộn trong rừng với những chú chó của mình.

Vị Nữ hoàng kiệt sức vì lo âu biết mình đang trao phó số phận của liên minh vào đôi bàn tay quá mảnh mai để đón nhận một trách nhiệm như vậy. Trong hai tháng trước ngày dự tính của đám cưới, bà bảo Maria Antonia vào ngủ cùng căn phòng với mình, khiến cho trong cảnh thân mật của những đêm cùng nhau bà có thể giúp cho con gái thấm nhuần ít nhiều sự khôn ngoan của cuộc sống và nghệ thuật làm vua chúa. Bà soạn ra cho nàng một danh sách những quy định hướng dẫn cách cư xử về đạo đức và chính trị. Bà viết cho Louis XV xin ông tỏ lòng khoan dung đối với những khiếm khuyết của cô dâu còn non nớt mà bà sắp gửi cho cháu của ông. Để gửi cho Hoàng thái tử, bà viết một bức thư đầy tình cảm ám áp với lời cầu xin và những nỗi lo sợ của một người mẹ:

Do cô ấy là niềm vui thích của mình, ta hy vọng cô ấy cũng sẽ là niềm hạnh phúc của điện hạ. Ta đã nuôi dạy cô ấy vì điều này vì trong một thời gian dài, ta đã tiên đoán rằng cô ấy sẽ chia sẻ số phận với người. Ta đã khơi gợi nơi cô ấy tình yêu những bốn phận đối với điện hạ, một sự gắn bó đầy âu yếm và khả năng biết và thực hiện những phương cách làm vui lòng người... Con gái ta sẽ yêu người, ta chắc chắn về điều đó vì ta biết rõ cô ấy... Tạm biệt, Hoàng thái tử thân yêu của ta.

i Thời bấy giờ, trong hoàng gia Áo có nhiều người chết vì bệnh đậu mùa. Xem: *Nam Âu Công giáo* của cùng tác giả và dịch giả.

Điều lạ lùng là Louis XV cẩn thận đến thế nhưng sau đó, chính ông lại chết vì căn bệnh này do một cô bé lây sang. Xem: *Nước Pháp trước cơn đại hồng thủy* của cùng tác giả và dịch giả.

Hãy hạnh phúc và làm cho cô ấy hạnh phúc... Mắt ta đầm lệ...
Mẹ yêu dấu của con.⁸

Ngày 19-4-1770, trong Nhà thờ Augustines ở Vienna, cô gái rạng rỡ, vô tư, 14 tuổi, được gả cho Louis-Auguste của nước Pháp qua ủy nhiệm. Anh trai của nàng là Ferdinand giữ vị trí của Hoàng thái tử. Hai ngày sau, một đoàn người đi ngựa dài với 57 chiếc xe và 366 con ngựa đưa Công nương đi qua Lâu đài Schonbrunn và Nữ hoàng chào tạm biệt nàng lần cuối. “Hãy tử tế với người Pháp” bà thì thầm: “để họ có thể nói rằng ta đã gửi cho họ một thiên thần.”⁹ Đám rước bao gồm 132 người - những thị nữ, thợ cắt tóc, thợ may, tiểu đồng, giáo sĩ, bác sĩ phẫu thuật, dược sĩ, đầu bếp, người hầu và 45 người đàn ông lo việc chăm sóc những con ngựa, mỗi ngày chúng được thay đổi bốn hoặc năm lần trong cuộc hành trình dài đằng đẵng đến Paris. Sau 16 ngày, đám rước đến Kehl, trên bờ sông Rhine đối diện Strasbourg. Trên một hòn đảo ở giữa sông, Maria thay đổi trang phục Áo của mình sang của người Pháp; những người tùy tùng Áo cáo biệt nàng để quay về Vienna và được thay thế bằng một đoàn các mệnh phụ và tôi tớ người Pháp. Từ nay trở đi, Maria Antonia trở thành Marie Antoinette. Sau nhiều lễ lạt, nàng được đưa vào thành Strasbourg trong tiếng đại bác vang rền, những chiếc chuông nhà thờ ngân nga và dân chúng reo mừng. Nàng khóc và cười và kiên nhẫn tham dự nghi lễ kéo dài. Khi viên thị trưởng bắt đầu bài diễn văn bằng tiếng Đức nàng ngắt lời ông: “Xin ông đừng nói tiếng Đức; kể từ hôm nay tôi không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Pháp.” Sau khi để nàng nghỉ ngơi một ngày, đám rước lộng lẫy bắt đầu đi qua nước Pháp.

Người ta đã dàn xếp là Nhà Vua và Hoàng thái tử cùng phần lớn triều đình sẽ đến Compiègne, cách Paris 84km về phí đông bắc, để đón đám rước của Công nương. Đám rước đến đây ngày 14 tháng Năm. Cô dâu nhảy ra khỏi xe ngựa, chạy đến trước Louis XV, cúi chào sát đất và giữ nguyên tư

thể như vậy cho đến khi Nhà Vua đỡ nàng dậy và giúp nàng thoải mái với một lời nhận xét tử tế: “Cháu đã là một thành viên trong gia đình rồi, Công nương ạ, vì mẹ cháu có tấm lòng của Louis XIV.”¹⁰ Sau khi hôn nàng hai bên má, ông giới thiệu Hoàng thái tử, chàng cũng làm như vậy nhưng có thể ít hứng thú hơn. Ngày 15 tháng Năm, đám rước phối hợp khởi hành về Versailles. Tại đó, ngày 16-5-1770, hôn lễ chính thức xác nhận đám cưới ủy nhiệm một tháng trước đó. Đêm hôm đó, có một buổi tiệc lớn tại nhà hát opera mới. Nhà Vua cảnh báo Louis-Auguste rằng chàng ăn quá nhiều. Hoàng thái tử đáp lại: “Cháu luôn ngủ ngon sau khi ăn một bữa tối no nê.”¹¹ Chàng đã làm thế, lăn ra ngủ không lâu sau khi vào nằm trên chiếc giường tân hôn.

Những đêm sau chàng cũng ngủ nhanh như vậy và những buổi sáng tiếp theo chàng dậy sớm để đi săn. Mercy d’Argentaup gợi ý rằng sự trưởng thành nhanh chóng gần đây của Louis-Auguste làm trì hoãn sự phát triển tình dục của chàng và không cần phải làm gì ngoài việc chờ đợi. Nghe được tình hình này, Maria Theresa viết cho con gái: “Các con hãy còn quá trẻ! Về sức khỏe của con thì nó đang sẵn sàng đón nhận điều tốt đẹp nhất. Cả hai con sẽ có được sức mạnh.”¹² Một số y sĩ của Hoàng thái tử làm cho vấn đề tệ hại thêm bằng cách bảo chàng rằng việc tập luyện và những bữa ăn ngon sẽ kích thích sự ham muốn tình dục; trái lại, chúng càng làm cho chàng mập mạp hơn và dễ buồn ngủ hơn. Sau cùng, vào cuối năm 1770, Hoàng thái tử quyết định động phòng nhưng thất bại. Bá tước Aranda, đại sứ Tây Ban Nha, báo cáo với vua của ông: “Họ bảo rằng một trở ngại dưới bao quy đầu khiến cho việc giao hợp trở nên quá đau đớn” hoặc “rằng bao quy đầu quá dày khiến nó không thể dãn ra với độ đàn hồi cần thiết cho việc cương cứng.”¹³ Các y sĩ đề nghị loại bỏ sự khó khăn bằng một vụ tiểu phẫu tương tự như cắt bao quy đầu nhưng Hoàng thái tử từ chối.¹⁴ Chàng cố gắng liên tục nhưng không có kết quả ngoài việc làm bối rối và nhục nhã chính mình và

người vợ của mình. Tình thế này tiếp tục cho đến năm 1777. Ý thức về sự khiếm khuyết trong hôn nhân làm sâu sắc thêm cảm giác tự ti của Hoàng thái tử và có thể đã góp phần khiến cho ông trở thành một vị vua do dự và thiếu tự tin.

Có thể bảy năm thất vọng vì hôn nhân đó đã ảnh hưởng đến tính cách và hành vi của Marie Antoinette. Nàng biết đàn ông cũng như đàn bà trong triều đều chế giễu không thương tiếc nỗi bất hạnh của nàng và rằng phần lớn nước Pháp, do không biết nguyên nhân từ đâu, đã buộc nàng tội không sinh đẻ. Nàng tự an ủi bằng những chuyến đi xem nhạc kịch hay đến rạp hát ở Paris và buông mình trong việc tiêu xài phung phí cho chuyện váy áo. Nàng nổi loạn chống lại việc thường xuyên phải hòa lẫn với triều đình với tất cả những lễ lạc và nghi thức của nó. Nàng thích những tình bạn thân mật với những người biết thông cảm như Công nương de Lamballe. Trong một thời gian dài nàng từ chối nói chuyện với Bà du Barry, có thể do ghê tởm đạo đức của bà, hoặc do lòng ghen tị rằng một người đàn bà khác đã được yêu thương một cách thành thạo và có nhiều ảnh hưởng đối với Nhà Vua.

Ngày 10-5-1774, Louis XV mất. Các triều thần lao đến chỗ ở của Hoàng thái tử. Họ thấy chàng và vợ đang quì gối khóc và cầu nguyện. “Ô Chúa” người thanh niên 19 tuổi kêu lên: “xin hãy che chở chúng con! Chúng con còn quá trẻ để cai trị!” và chàng nói với một người bạn: “Thật là một gánh nặng! Tôi chưa học được gì cả. Dường như vũ trụ sẽ rơi ập xuống tôi.”¹⁵ Suốt cả ngày, trên khắp Versailles và Paris và rồi trên nước Pháp ở những nơi mà tin tức đến được, đàn ông, đàn bà, và trẻ con kêu lên vui vẻ: “*Le Roi est mort, vive le Roi!*” (Nhà Vua đã chết, Nhà Vua vạn tuế!) Một người dân Paris nào đó hy vọng tới mức khắc lên một pho tượng của Henry IV chữ *Resurrexit* (Hồi sinh);¹⁶ Nhà Vua vĩ đại đã đứng lên từ cõi chết để cứu giúp cho nước Pháp thoát khỏi cảnh hỗn loạn, mục nát, phá sản và thất bại.

II. CHÍNH QUYỀN

Chính quyền có gì sai lầm? Nó không chuyên chế như Phổ, không suy đồi như Anh; hệ thống thư lại và chính quyền hàng tỉnh của nó có một số người tốt và nhiều người tài giỏi. Tuy nhiên, nền quân chủ triều đại Bourbon đã không theo kịp sự phát triển kinh tế và tri thức của dân chúng. Cách mạng đến với nước Pháp sớm hơn những nơi khác vì các giai cấp trung lưu đã đạt đến một trình độ trí thức cao hơn bất cứ quốc gia nào đương thời và tinh thần tỉnh táo và được thức tỉnh của công dân nước này khiến cho những yêu cầu đối với nhà nước trở nên mạnh mẽ hơn bất cứ chính quyền nào khác vào lúc bấy giờ gặp phải.

Frederick II and Joseph II, những người hâm mộ triết học và chế độ quân chủ tuyệt đối, đã mang lại cho việc quản lý chính trị ở Phổ và Áo một mức độ trật tự và năng lực mà vào lúc đó không có ở một nước Pháp vốn yêu thích sự lỏng lẻo và thoải mái của các dân tộc La tinh. “Tình trạng lộn xộn và hỗn loạn xảy ra ở khắp nơi.”¹⁷ Tại Versailles, Hội đồng của Nhà Vua xung đột về quyền lực với bộ trưởng của các bộ, những người này lại xung đột với nhau vì chức năng của họ chồng chéo lên nhau vì họ cạnh tranh để có được cùng một công quỹ và vì ở trên cùng không có một quyền lực nào để mang lại sự hài hòa cho các chính sách của họ. Quốc gia bị chia rẽ về một phía (các *bailliage*, pháp đình, hay *sénéchaussée*, tòa quan án) đối với việc tư pháp; và về phía kia (các *généralité*, khu tài chính) đối với việc tài chính, về một phía khác (các *gouvernement*, phủ tổng trấn) đối với quân đội, về một phía khác nữa (các *paroisse*, giáo khu, và *province*, giáo xứ) đối với Giáo hội. Tại mỗi *généralité* vị giám quan (*intendant*) lại xung đột với vị thống đốc và *parlement* (pháp viện tối cao) của vùng. Trên khắp nước Pháp, quyền lợi của người sản xuất ở nông thôn xung đột với quyền lợi của người tiêu thụ ở thành thị, người giàu xung đột với người nghèo, giới quý tộc với giới tư sản, các tối cao pháp viện với Nhà Vua. Cần có

một chính nghĩa có tác dụng đoàn kết và một ý chí chỉ huy; chính nghĩa đã không đến cho tới năm 1792, còn ý chí mãi tới năm 1799.

Một trong những sắc thái tệ hại nhất của đời sống nước Pháp là luật lệ; thế nhưng một trong những thứ tốt đẹp nhất lại là hệ thống tư pháp. Miền nam nước Pháp vẫn giữ luật La Mã, còn miền bắc theo thông luật và luật phong kiến. “Công lý” de Tocqueville nói, thì “phức tạp, tốn kém, và chậm chạp”¹⁸ - mặc dù đây cũng là lời than vãn chung. Các nhà tù thì bẩn thỉu, hình phạt thì dã man, việc tra tấn để hỏi cung vẫn còn được cho phép vào năm 1774. Các quan tòa không thể bị bãi chức, thường không thể hối lộ được và công bằng. Sir Henry Maine nghĩ các luật gia Pháp “xuất sắc hơn mọi đồng nghiệp của họ trên khắp châu Âu dù với tư cách là luật sư, chánh án, hay nhà lập pháp.”¹⁹ Họ giữ chức vụ của mình cho đến trọn đời và được quyền truyền lại nó cho một người con trai. Người có khả năng nhất trong số họ sẽ tìm thấy đường đến với các tối cao pháp viện của vùng và người giàu có và có ảnh hưởng nhất sẽ được chọn vào Tối cao pháp viện Paris. Năm 1774, giới “quý tộc áo choàng” - các thẩm phán cha truyền con nối - đã đi đến chỗ xem mình chỉ đứng dưới giới “quý tộc kiếm cung” một chút về địa vị cũng như sự đãi ngộ đáng được hưởng. Các tối cao pháp viện chỉ nhận những người thuộc dòng dõi một trong hai giới quý tộc này.

Montesquieu đã biện luận rằng, “các cơ quan trung gian” giữa Nhà Vua và dân chúng sẽ là những cái thắng hữu ích để ngăn chặn độc tài; ông chỉ ra giới quý tộc đất đai và giới thẩm phán như là hai quyền lực như vậy. Để phục vụ cho chức năng kìm hãm này các tối cao pháp viện đòi quyền phê chuẩn (đăng ký) hoặc bác bỏ bất cứ chỉ dụ nào của Nhà Vua mà họ đánh giá là phù hợp hoặc xung đột với các luật lệ và các quyền đã được thiết lập. Nhiều tối cao pháp viện ở tỉnh, đặc biệt ở Grenoble, Rouen và Rennes, đã phát biểu những học thuyết bán dân chủ, đôi khi với những câu của Rousseau

về “ý chí phổ quát” và sự “tự do ưng thuận của quốc gia”; do đó, năm 1788, Tối cao pháp viện Rennes đã tuyên bố “rằng con người sinh ra tự do, rằng từ nguyên thủy con người bình đẳng nhau” và “rằng những sự thật này không cần phải có bằng cứ.”²⁰ Tuy nhiên, nhìn chung, các tối cao pháp viện là những người bảo vệ mạnh mẽ cho sự phân biệt giai cấp và các đặc quyền. Sự tranh cãi của họ với quyền hành của Nhà Vua góp phần vào việc chuẩn bị cho Cách mạng; nhưng khi tình thế này đến gần, họ về cùng phe với Chế độ cũ và sụp đổ cùng với sự sụp đổ của nó.

Trong lý thuyết, quyền hành của Nhà Vua là tuyệt đối. Theo truyền thống của dòng họ Bourbon, vua là nhà lập pháp duy nhất, là người đứng đầu hành pháp và là tòa án tối cao. Ông có thể cho bắt bất cứ ai trên đất Pháp và giam giữ vô thời hạn mà không cần đưa ra lý do hoặc cho phép xét xử; thậm chí, vị vua Louis XVI tốt bụng cũng đã ban hành những *lettres de cachet* (mật chỉ) như vậy. Nhà Vua đã thừa kế một cơ ngơi tổn kém, vốn tự xem là không thể thiếu được đối với việc cai trị và uy tín của chính phủ. Năm 1774, triều đình ở Versailles bao gồm hoàng gia và 886 nhà quý tộc, cùng với vợ và con của họ; cộng thêm với 295 người đầu bếp, 56 thợ săn, 47 nhạc công, 8 kiến trúc sư, nhiều thư ký, giáo sĩ, y sĩ, người đưa thư, vệ binh... khác nhau, tổng cộng khoảng 6.000 người, cùng với 10.000 binh lính đồn trú ở gần đấy. Mỗi thành viên trong hoàng gia có cung điện riêng của mình, một số nhà quý tộc đặc biệt cũng vậy, như các Hoàng thân de Condé và de Conti, các Công tước d'Orléans và de Bourbon. Nhà Vua duy trì nhiều cung điện ở Versailles, Marly, La Muette, Meudon, Choisy, St.-Hubert, St.-Germain, Fontainebleau, Compiègne và Rambouillet. Thông thường, ông di chuyển từ cung điện này sang cung điện khác với những thành phần trong triều đình tháp tùng theo ông và cần có nơi ăn chốn ngủ. Bảng chi phí của Nhà Vua vào năm 1780 lên đến 3.660.491 livre.²¹

Tiền lương của các quan lại trong triều chỉ khiêm tốn, nhưng bổng lộc thì linh động. Như Ngài Augeard, thư ký tại một trong các bộ, mỗi năm chỉ được trả 900 livre, nhưng công nhận rằng chức vụ này hằng năm mang lại cho ông 200.000 livre. Có hàng trăm chức vụ ngồi mát ăn bát vàng dành cho các cận thần trong khi các thuộc cấp phải làm lấy công việc. Ngài Machault nhận được 18.000 livre chỉ để mỗi năm ký tên hai lần.²² Hàng trăm khoản trợ cấp với tổng số lên đến 28.000.000 livre mỗi năm chảy vào túi những nhà quý tộc đầy sức thuyết phục hay những người được họ bảo trợ.²³ Người ta thực hiện hàng trăm mưu đồ để nhận được tấm lòng rộng rãi hào phóng của Nhà Vua. Ông được mong đợi sẽ cứu giúp những gia đình quý tộc cổ xưa bị rơi vào cảnh túng thiếu, tặng những khoản hồi môn cho những cô gái quý tộc nghèo khi họ lấy chồng. Hằng năm, mỗi người con còn sống của Louis XV nhận được 150.000 livre. Mỗi bộ trưởng của chính phủ được trả tới 150.000 livre mỗi năm vì người ta mong đợi ông ta sẽ phải chiêu đãi rộng rãi. Tất cả những việc hoang phí, những khoản trợ cấp, quà tặng, lương bổng và những chức vụ nhàn nhã này được trả từ những khoản thu nhập rút từ nền kinh tế quốc gia. Tổng cộng mỗi năm, triều đình bắt nước Pháp phải trả 50.000.000 livre - một phần mười tổng lợi tức của chính phủ.²⁴

III. HOÀNG HẬU ĐỒNG TRINH

Marie Antoinette là người tiêu xài hoang phí nhất triều đình. Phải gắn liền với một người chồng bất lực, bị tình cảm lãng mạn lừa dối, tự cho phép mình hưởng cảnh không dính vào mối quan hệ nào, cho đến năm 1778, bà tiêu khiển bằng những xiêm y, những viên ngọc quý và những cung điện đắt tiền, bằng những nhạc kịch, những vở kịch và những buổi vũ hội. Bà thua cả gia tài trong chiếu bạc và ban tặng cả gia tài cho những sủng thần với sự rộng rãi vô tư. Chỉ trong một



Hình 2. Hoàng hậu Marie-Antoinette
(tranh sơn dầu của Élisabeth Vigée Le Brun, 1783)

năm 1783, bà đã chi 252.000 livre cho tủ áo của mình.²⁵ Những nhà thiết kế mang đến cho bà những bộ y phục khác thường có tên “Những lạc thú hờ hênh”, “Những biểu hiện nín thở” hay “Những dục vọng che đậy.”²⁶ Những người thợ làm tóc mất nhiều giờ cho đầu tóc của bà, uốn cho tóc bà cao lên tới mức cằm của bà trông như là điểm giữa của chiều cao người bà. Cái *haute coiffure* (kiểu tóc cao) này, cũng như

hầu hết mọi thứ quanh bà, trở thành một thịnh hành cho các mệnh phụ tại triều, rồi tại Paris, rồi tại các tỉnh lỵ.

Niềm khao khát nữ trang của bà trở thành hầu như là một chứng cuồng. Năm 1774, bà mua của Bohmer, thợ kim hoàn chính thức của Nhà Vua, những món đá quý lên đến 360.000 livre.²⁷ Louis XVI tặng bà một bộ trang sức bằng hồng ngọc, kim cương và vòng đeo tay trị giá 200.000 livre.²⁸ Năm 1776, Mercy d'Argentau viết cho Maria Theresa:

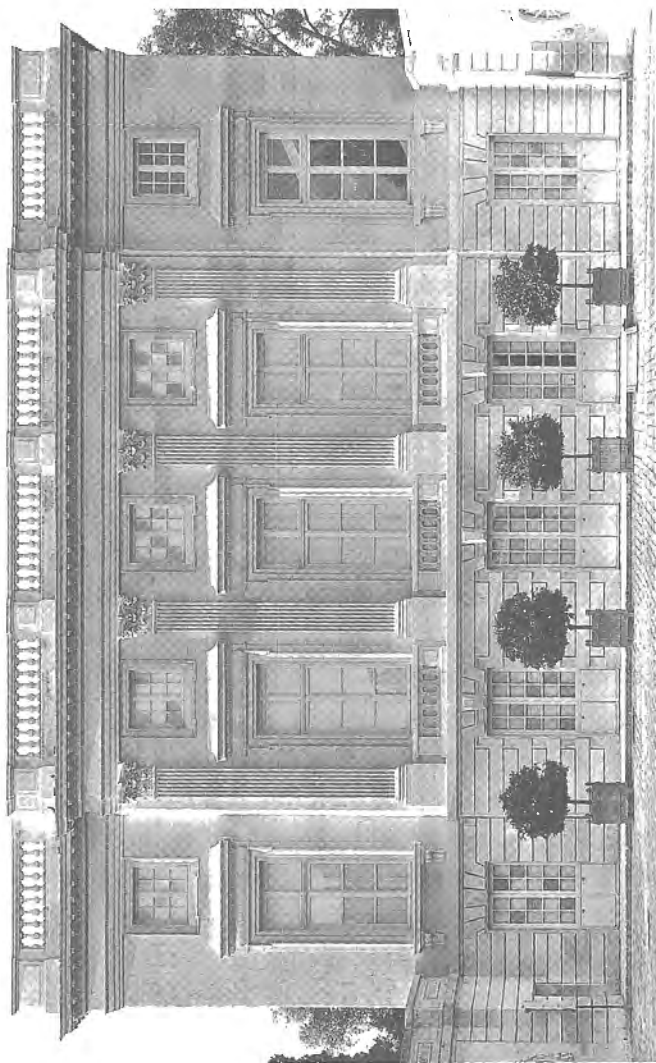
Mặc dù Hoàng thượng đã tặng cho Hoàng hậu, vào những dịp khác nhau, những món kim cương trị giá hơn 100.000 écu và mặc dù đã có một bộ sưu tập phi thường, Hoàng hậu vẫn quyết phải có được... những chiếc hoa tai hình chúc đài của Bohmer. Thần không giấu gì Hoàng hậu rằng trong tình hình kinh tế hiện tại, sẽ là khôn ngoan hơn nếu tránh việc phung phí quá mức, nhưng Người không thể cưỡng lại - mặc dù đã cẩn thận giữ kín việc mua bán không cho Hoàng thượng biết.²⁹

Maria Theresa gửi cho con gái mình một lời khiển trách nghiêm khắc; Hoàng hậu thỏa hiệp bằng cách chỉ mang nữ trang vào những dịp long trọng; nhưng công chúng không bao giờ tha thứ cho bà thói tiêu pha quá độ tiền thuế của họ, và về sau họ sẽ tin câu chuyện bà đã đồng ý mua chiếc vòng kim cươngⁱ trứ danh.

i *Vụ chiếc vòng kim cương*: Vụ tai tiếng tại triều đình vua Louis XVI là một trong những sự kiện khiến cho dân chúng Pháp càng tin vào thói xa hoa phung phí của Hoàng hậu Marie Antoinette và làm mất uy tín của chế độ quân chủ Pháp ngay trước khi Cách mạng nổ ra. Đây là âm mưu của một kẻ phiêu lưu, “Nữ Bá tước” de La Motte, được cho là nhằm mua chiếc vòng kim cương trị giá 1.600.000 livre cho Hoàng hậu nhưng thực tế là để de La Motte và những kẻ đồng lõa của cô ta chiếm đoạt nó. Chiếc vòng thuộc sở hữu của các nhà kim hoàn ở Paris là Boehmer và Bassenge, họ đã cố bán nó cho Louis XV để làm quà tặng cho nhân tình của ông là Bà du Barry và rồi cho Louis XVI để làm quà tặng cho hoàng hậu nhưng đều không thành công.

Nhà Vua nuông chiều những điểm yếu của vợ mình bởi vì ông ngưỡng mộ và yêu bà và bởi vì ông lấy làm biết ơn sự kiên nhẫn của bà đối với chứng bất lực của ông. Ông trả những món nợ bà mắc phải trong những canh bạc bằng tiền từ túi riêng của ông. Ông khuyến khích bà đi Paris xem nhạc kịch mặc dù ông biết rằng sự vui vẻ của bà nơi chốn công cộng làm bất an một dân tộc đã quen với vẻ nghiêm trang và dè dặt của hoàng gia. Hầu như tuần nào chính phủ cũng phải trả cho 3 buổi trình diễn sân khấu, 2 buổi vũ hội, 2 buổi tiệc tối chính thức ở triều đình; ngoài ra Hoàng hậu còn tham gia những vũ hội hóa trang tại Paris và các tư gia. Những năm này, từ năm 1774 đến năm 1777, là thời gian mà mẹ bà gọi thẳng thừng là cuộc sống chơi bời phóng đãng. Chỉ vì lý do hàng đêm bị người chồng kích thích ham muốn nhưng rồi không được thỏa mãn, Hoàng hậu đã khuyến khích ông đi ngủ sớm (đôi khi vận đồng hồ chạy sớm hơn để ông lên giường sớm hơn), để bà có thể tham gia cùng bạn bè trong những canh bạc kéo dài thâu đêm suốt sáng. Bà không quan tâm đến văn học, chỉ quan tâm chút ít đến nghệ thuật và nhiều hơn với kịch nghệ và âm nhạc. Bà hát và diễn kịch khéo, chơi đàn harp và biểu diễn vài bản sonata của Mozart trên đàn clavichord.³⁰

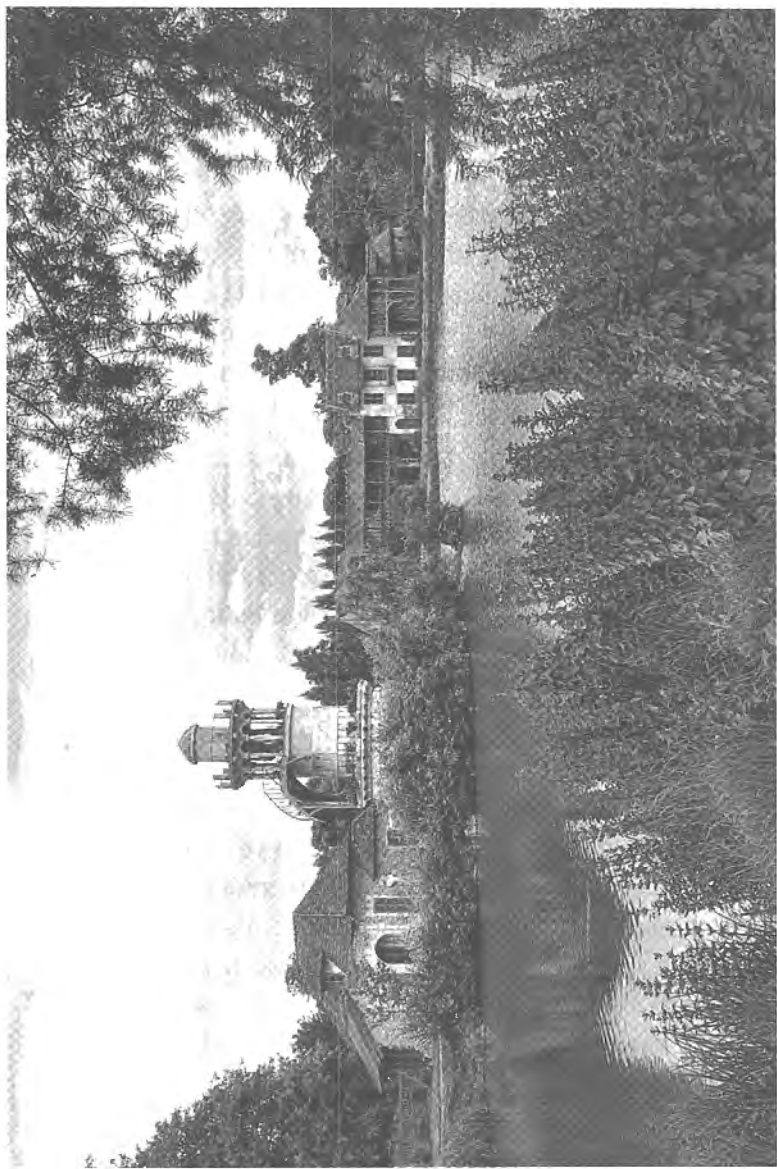
Trong tất cả các lỗi này chỉ có một điều quan trọng nhất - một sự phung phí vô tư phát sinh từ tâm trạng buồn chán và thất vọng và từ một thời niên thiếu đã quen với cảnh giàu sang và không biết gì về sự nghèo khó. Ông hoàng de Ligne (có thể là một quý ông hơn là một sử gia) cho rằng, khi lớn lên, bà đã sớm từ bỏ những bộ y phục tốn kém, rằng những trận thua bạc của bà đã được phóng đại và rằng, những món nợ của bà xuất phát từ tính rộng rãi thiếu khôn ngoan cũng bằng như từ việc chi tiêu thiếu suy nghĩ.³¹ Triều đình và các khách thính thù địch bà vì là một người Áo; mối liên minh với nước Áo chưa bao giờ được ưa chuộng. Marie Antoinette, được gọi là “Con mụ Áo” tượng trưng cho sự liên minh đó và bị nghi ngờ, với một số lý do, đang ưu ái cho quyền lợi



Hình 3. Điện *Petit Trianon*.

nước Áo, đôi khi khiến cho nước Pháp phải trả giá. Mặc dù vậy, sinh lực trẻ trung của bà, tính cách vui vẻ và tử tế của bà cũng đã chinh phục được cảm tình của nhiều người. Bà Vigée-Lebrun, mặc dù mang bầu nhiều tháng, cũng đã đến vẽ chân dung của bà (1779). Trong khi làm việc, người nữ họa sĩ đánh rơi vài tuýp màu; Hoàng hậu lập tức bảo bà đừng khom xuống vì “bà ở quá xa” và đích thân nhặt mấy ống tuýp lên.³² Antoinette thường chu đáo nhưng đôi khi, trong tâm trạng hờn hờ thiếu suy nghĩ của bà, cũng đã chế giễu thói quen hoặc những khuyết điểm của người khác. Và bà quá sẵn sàng đáp ứng mọi lời kêu gọi; “bà chưa biết đến mối nguy hiểm của việc nhượng bộ trước mọi sự thôi thúc buộc mình phải lịch sự.”³³

Sôi nổi hoạt bát như vậy, đối với bà, cuộc đời và sự vận động đồng nghĩa với nhau, bà không được tạo ra để phù hợp với vẻ chậm rãi và nhịp bước thận trọng của nghi thức trong triều. Bà sớm nổi loạn chống lại nó và đi tìm sự đơn giản và thoải mái ở trong và chung quanh Điện Petit Trianon, cách Cung điện Versailles 1,6km. Năm 1778, Louis XVI đề nghị để cho Hoàng hậu toàn quyền sở hữu nơi chốn hên hò này; tại đó, bà có thể lui về cùng với những người thân thiết và Louis hứa sẽ không xâm nhập vào đấy trừ khi được mời. Do tòa nhà chỉ có tám phòng, Hoàng hậu cho xây một số dã thự gần đấy cho các bạn của bà. Bà cho vẽ kiểu những khu vườn chung quanh theo phong cách “tự nhiên” - với những lối đi quanh co, nhiều loại cây cối khác nhau, những cảnh tượng bất ngờ và một con suối; và để tạo nên con suối này bà cho đặt những ống dẫn nước từ Marly rất tốn kém. Để hoàn tất ảo tưởng trở về với thiên nhiên theo kiểu Rousseau, bà cho dựng tám nông trại trong công viên kế cận, mỗi trại có mái nhà tranh thôn quê, gia đình nông dân, đồng phân bón, và những con bò. Tại đấy, bà ăn mặc như một cô gái chăn cừu với áo dài trắng, khăn trùm đầu bằng vải đan mịn và chiếc mũ rơm; thích nhìn thấy sữa được vắt ra từ những



Hình 4. Một làng quê của Hoàng hậu bên cạnh hồ nước nhân tạo trong vườn Điện Petit Trianon

chiếc vú chọn lọc chảy vào những chiếc bình bằng sứ Sèvres. Trong tòa Petit Trianon bà cùng các bạn chơi nhạc hoặc trò chơi và trên bãi cỏ, bà đãi những bữa tiệc cho Nhà Vua hoặc những vị khách quý. Tại đó, cũng như trong hoàng cung, Hoàng hậu trình diễn những vở kịch, trong một số vở bà đóng vai chính - vai Suzanne trong vở *Đám cưới của Figaro*, Colette trong vở *Thầy bói trong làng*, khiến Nhà Vua thích thú vẻ linh hoạt và quyến rũ của bà.

Sợ xảy ra tai tiếng nếu qua lại quá tự do với những người dân ông, bà kết bạn với một số phụ nữ quá thân thiết khiến lại tạo nên tai tiếng theo một chiều hướng khác. Đầu tiên là Marie-Thérèse de Savoie-Carignan, Công nương de Lamballe, dịu dàng, buồn bã và mảnh dẻ. Mới 21 tuổi, nàng đã trở thành góa phụ từ hai năm nay. Chồng nàng, con của người cháu của Louis XIV Công tước de Penthièvre, đã bỏ đi với những cô nhân tình hoặc gái giang hồ không lâu sau khi lấy nhau, mắc phải bệnh giang mai và chết vì nó sau khi thú nhận với vợ những tội lỗi của mình bằng những chi tiết ghê tởm. Nàng không bao giờ phục hồi được từ chuyển thử thách kéo dài của cuộc hôn nhân đó. Nàng bị những cơn co giật thần kinh và những đợt ngất xỉu cho đến khi, vào năm 1792, bị một đám đông dân chúng Cách mạng xé thân thành từng mảnh. Đầu tiên, Marie Antoinette nhận nàng làm bạn vì lòng thương hại, rồi đâm ra yêu nàng một cách nồng nhiệt, gặp nàng mỗi ngày, viết cho nàng những bức thư âu yếm đôi khi hai lần mỗi ngày. Tháng Mười năm 1775, bà bổ nhiệm Công nương làm quản lý việc trong nhà của Hoàng hậu và thuyết phục Nhà Vua, mặc cho những lời phản đối của Turgot, cấp cho nàng một mức lương hằng năm 150.000 livre. Ngoài ra, Công nương còn có những người bà con và bạn bè. Họ cầu xin nàng dùng ảnh hưởng đối với Hoàng hậu và qua Hoàng hậu với Nhà Vua để đạt được những chức vụ hoặc quà tặng. Sau một năm, Antoinette để tình yêu mình tàn phai và kết bạn với một người khác.

Yolande de Polastron, vợ của Bá tước Jules de Polignac, xuất thân từ một gia đình cổ xưa và túng thiếu. Xinh đẹp, nhỏ nhắn, tự nhiên, không ai nhìn thấy nàng mà lại nghi ngờ tính tham lam tiền bạc khiến cho Turgot phải tuyệt vọng để cân bằng ngân sách trong khi Hoàng hậu lấy làm thích thú khi có người bạn dí dỏm như vậy. Khi Nữ Bá tước gần đến ngày sinh nở, Hoàng hậu thuyết phục nàng dọn đến ở tại La Muette, một biệt thự của hoàng gia gần Cung điện Versailles. Hoàng hậu đến thăm nàng mỗi ngày và hầu như lúc nào cũng mang theo quà tặng. Khi Nữ Bá tước làm mẹ, bà không bị từ chối bất cứ điều gì: 400.000 livre để thanh toán những khoản nợ, một món hồi môn 800.000 livre cho con gái bà, một tòa đại sứ cho cha bà, tiền bạc, nữ trang, đồ lông thú, tác phẩm nghệ thuật cho chính bà; và cuối cùng vào năm 1780 là một lãnh địa của công tước và điền trang Bitch cho vị Bá nước bấy lâu khát khao tước vị công tước. Sau cùng, Mercy d'Argentau báo với Hoàng hậu là nàng đang bị lợi dụng và vị Nữ Công tước mới không đáp lại tấm lòng yêu mến của nàng. Ông đề nghị, và được Hoàng hậu chấp thuận, một thử thách bằng cách yêu cầu Bà de Polignac thả hồi Bá tước de Vaudreuil ra khỏi đám tùy tùng của bà ta; ông ta là người mà Antoinette rất khó chịu. Nữ Công tước từ chối và Marie quay sang tìm những tình bạn khác. Gia đình Polignac tham gia cùng những kẻ thù của nàng và trở thành một nguồn vu cáo mà triều đình cùng những kẻ viết những tập sách mỏng sử dụng để bôi nhọ tên tuổi của Hoàng hậu.

Hầu như mọi thứ bà làm đều tạo nên cho mình những kẻ thù. Các triều thần tiếm đoạt những món quà bà tặng cho các sủng thần của mình vì như thế có nghĩa là phần dành cho họ sẽ ít hơn. Họ phàn nàn là bà rất thường hay vắng mặt trong những trách nhiệm tại triều khiến cho chúng mất đi sức mê hoặc cũng như số người tham dự. Nhiều người những năm trước đây từng cáo buộc tử áo tons kém của bà giờ chỉ trích bà vì đặt ra một thời trang mới với y phục giản dị; các

thương gia bán lụa ở Lyon và thợ may ở Paris sẽ phá sản.³⁴ Bà đã xúi Nhà Vua bãi chức Công tước d'Aiguillon (1775), người cầm đầu những kẻ ủng hộ Bà du Barry. Công tước được nhiều người có cảm tình và họ tạo nên một trung tâm các kẻ thù nữa. Sau năm 1776, những người viết những cuốn sách mỏng - nhiều người trong số họ nhận tài liệu và tiền bạc từ các triều thần³⁵ - bắt đầu một chiến dịch lăng mạ tàn nhẫn chống Hoàng hậu.³⁶ Một số tác giả mô tả bà là nhân tình, vào lúc này hoặc lúc khác, của mọi đàn ông có sẵn ở Versailles.³⁷ “Đã bao nhiêu lần” một cuốn sách mỏng có tên *Chỉ trích Hoàng hậu* hỏi, bà rời chiếc giường cưới và những vuốt ve của chồng mình để tự buông thả theo các nữ tư tế của thần Bacchusⁱ hoặc những kẻ cuồng dâm, và là một với họ trong những khoái lạc đầy thú tính?”³⁸ Một tập sách mỏng khác minh họa thói phung phí của bà bằng cách mô tả một bức tường trong biệt thự Petit Trianon phủ đầy kim cương.³⁹ Người ta đồn bà đã nói, trong những cuộc bạo loạn vì bánh mì năm 1788: “nếu họ không có bánh mì, hãy để họ ăn bánh ngọt”; các sử gia đồng ý là bà chưa bao giờ phạm phải lời nhận xét vô tâm như vậy;⁴⁰ trái lại, bà đã lấy tiền riêng của mình đóng góp hậu hĩ cho việc cứu trợ công cộng. Thậm chí còn độc ác hơn nữa là ý kiến chung trong dân chúng cho rằng bà không thể sinh con. Bà Campan, người đứng đầu phụ trách phòng ngủ của Hoàng hậu, kể lại:

Năm 1777, khi Bá tước d'Artois có một cậu con trai chào đời, các bà ngoài chợ và các bà bán cá, trong khi đòi đặc quyền được vào hoàng cung vào những lúc hoàng gia sinh đẻ, đã đi theo Hoàng hậu đến tận cửa phòng của bà, hét lên những lời lỗ mãng và tục tĩu rằng chính bà, chứ không phải em dâu của bà, mới là người phải cung cấp những kẻ thừa kế cho ngai vàng nước Pháp. Hoàng hậu vội vã đóng cửa lại trước

i *Bacchus*: vị thần rượu vang và hoan lạc trong thần thoại cổ Hy Lạp và La Mã, đồng nhất với thần Dionysus.

những mục giả ác nghiệt này và nhốt mình trong buồng riêng cùng với tôi để khóc cho cảnh tuyệt vọng của mình.⁴¹

Làm sao bà có thể giải thích với dân chúng là Nhà Vua bất lực? Nước Pháp chờ đợi vị Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh đến và giúp vượt qua cảnh bế tắc này. Tháng Tư năm 1777, Joseph II đến Versailles dưới một tên giả là Bá tước von Falkenstein. Ông đâm ra yêu Hoàng hậu. “Nếu em không phải là em gái ta, ta sẽ không do dự kết hôn một lần nữa để có được người bạn đời quyến rũ như vậy.”⁴² Và ông viết cho người em trai Leopold của mình:

Anh đã trải qua hết giờ này đến giờ khác với cô ấy và không nhận thấy thời gian trôi qua... Cô ấy là một người phụ nữ quyến rũ và danh giá, hơi trẻ trung, vô tư lự ít nhiều nhưng cơ bản là đoan trang và đức hạnh... Cô ấy cũng có trí tuệ và một sự sắc sảo làm anh ngạc nhiên. Phản ứng đầu tiên của cô ấy luôn đúng đắn. Giá cô ấy chỉ hành động theo sự đúng đắn ấy,... và ít quan tâm đến những lời ngòi lê đôi mách... cô ấy sẽ hoàn hảo. Cô ấy có một ham muốn mạnh mẽ đối với lạc thú và bởi vì thị hiếu của cô ấy ai cũng biết, cô ấy đã đánh mất lợi thế từ sự yếu đuối của mình...

Nhưng cô ấy chỉ nghĩ đến thú vui của mình, không có tình yêu đối với Hoàng thượng và say sưa với những trò thái quá của đất nước này... Cô ấy dùng sức mạnh thúc đẩy Hoàng thượng làm những điều mà ngài không muốn làm... Tóm lại, cô ấy không hoàn thành những bổn phận của một người vợ lẫn một hoàng hậu.⁴³

Bà giải thích vì sao mình và Nhà Vua ngủ trong các phòng khác nhau; ông ta muốn đi ngủ sớm và cả hai thấy tốt hơn là nên tránh khêu gợi tình dục. Joseph đến thăm Nhà Vua và rất thích ông. “Người đàn ông này” ông viết cho Leopold: “hơi yếu đuối nhưng không phải là một tên ngốc. Ông ta có những

ý tưởng và phán đoán lành mạnh, nhưng tinh thần và thể xác ông ta thờ ơ. Ông ta nói chuyện hợp lý lẽ, nhưng không có ý muốn học hỏi và không có óc hiểu kỳ... thật ra thì *fiat lux*ⁱ hãy còn chưa hiện ra; vật chất hãy còn chưa có hình dạng.”⁴⁴ Hoàng đế nói chuyện với Louis như chưa từng có ai dám nói; ông ta chỉ ra rằng điều trở ngại nơi bao quy đầu của Nhà Vua có thể bị loại bỏ qua một cuộc tiểu phẫu đơn giản, mặc dù đau đớn, và rằng Nhà Vua mang nợ đất nước mình về việc phải có con. Louis hứa sẽ phục tùng lưỡi dao.

Trước khi rời Versailles, Joseph viết một tờ giấy gồm những “Chỉ thị” cho Hoàng hậu. Đây là một tài liệu đáng chú ý:

Em đang già đi và không còn tuổi trẻ để biện minh như một cái cớ. Sẽ ra sao nếu em còn chậm trễ [sửa đổi] lâu hơn nữa?... Khi Hoàng thượng vuốt ve em, khi ngài nói với em, em không tỏ ra giận dữ, thậm chí ghê tởm đấy chứ? Có bao giờ em nghĩ những sự thân mật và những tình bạn của em... đã có tác động thế nào đến công chúng?... Có bao giờ em cân nhắc những hậu quả khủng khiếp của những trò may rủi, đám người mà chúng tụ tập lại và bầu không khí chúng tạo ra?...

Và đối với việc bà đam mê các vũ hội hóa trang ở Paris:

Tại sao lại trà trộn vào một đám đông gồm những kẻ phóng đảng, những ả giang hồ và những người xa lạ, lắng nghe những nhận xét của chúng, và có thể cũng đưa ra những nhận xét tương tự? Thật là không đứng đắn biết chừng nào!... Hoàng thượng bị bỏ một mình suốt đêm ở Versailles, còn em thì qua lại và trà trộn với lũ người vô dụng của Paris!...

i *Fiat lux* (Latinh): thành ngữ Latinh, xuất hiện nơi đầu sách Sáng thế ký. Đây là lời đầu tiên của Đức Chúa trời, là mệnh lệnh đưa ra khi Ngài tạo nên ánh sáng trong ngày đầu sáng tạo nên thế giới, có thể dịch sang tiếng Việt là “Ánh sáng hãy hiện ra.”

Nguyên văn đầy đủ là *Fiat lux et facta est lux*: “Ánh sáng hãy hiện ra, và ánh sáng xuất hiện.”

Anh thật sự run sợ cho hạnh phúc của em vì về lâu về dài, nó không thể trở nên tốt đẹp và sẽ có một cuộc cách mạng thảm khốc [*une révolution cruelle*] trừ khi em đi những bước chống lại nó.⁴⁵

Hoàng hậu lấy làm cảm động vì những lời trách móc của ông. Sau khi ông đi, bà viết cho mẹ mình: “Hoàng đế ra đi đã để lại một khoảng trống con không thể lấp đầy. Con đã rất hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn đó mà giờ đây dường như là một giấc mơ. Nhưng điều không bao giờ sẽ là một giấc mơ đối với con là tất cả những lời khuyên tốt đẹp... của ngài dành cho con, chúng đã được ghi khắc trong tim con mãi mãi.”⁴⁶ Điều thật sự sửa đổi bà không phải là lời khuyên mà là tình mẫu tử. Vì Louis, trong mùa hè 1777 đó, đã trải qua một cuộc giải phẫu, có vẻ như không có thuốc gây tê nào, chứng tỏ hoàn toàn thành công. Ông cử hành lễ sinh nhật lần thứ 23 (23-8-1777) bằng cách động phòng với vợ sau nhiều trì hoãn. Ông lấy làm kiêu hãnh và hạnh phúc. “Trẫm rất thích thưởng thức lạc thú này” ông tâm sự với với một bà cô còn chưa lập gia đình của mình: “và trẫm lấy làm tiếc đã không có nó trong quá lâu.”⁴⁷ Tuy nhiên, chỉ đến tháng Tư năm 1778, Hoàng hậu mới hoài thai. Bà thông báo điều này cho Nhà Vua theo cách vui nhộn của mình: “Tâu Bệ hạ, thiếp đến để than phiền rằng một trong các thần dân của Người đã táo tợn tới mức dám đập vào bụng thiếp.”⁴⁸ Khi Louis hiểu ra, ông ôm chặt bà trong vòng tay. Giờ đây hơn bao giờ hết, ông chiều chuộng những ý thích nhất thời của bà và đáp ứng mọi yêu cầu của bà. Mỗi ngày mười lần ông đến thăm căn hộ của bà để hỏi thăm những tin tức mới nhất về sự phát triển của kẻ kế thừa được mong đợi. Và Marie Antoinette, trong khi trải qua một sự biến đổi bí ẩn của cả thể xác lẫn tinh thần, bảo Nhà Vua: “Từ nay trở đi, thiếp muốn sống khác trước đây. Thiếp muốn sống như một người mẹ, nuôi dưỡng đứa con của chính mình và hiến thân mình cho việc dạy dỗ nó.”⁴⁹

Sau cơn đau đớn dữ dội và bị một bà đỡ vụng về làm trầm trọng hơn, ngày 19-12-1778 Hoàng hậu lâm bồn. Các bậc cha mẹ lấy làm tiếc đứa trẻ là một bé gái nhưng Nhà Vua sung sướng vì những cánh cửa của sự sống đã được mở ra và tự tin rằng một bé trai sẽ ra đời đúng lúc. Người mẹ trẻ hân hoan vì cuối cùng đã được viên mãn. Bà viết cho Maria Theresa (giờ đây đang đi vào năm cuối của cuộc đời) vào năm 1779: “Mẹ thân yêu có thể rất hài lòng về việc làm của con. Nếu trước đây con đáng trách, đó là vì con phù phiếm và không có con. Tuy nhiên, giờ đây con biết điều hơn nhiều và rất ý thức về bổn phận của mình.”⁵⁰ Triều đình cũng như dân chúng không tin vào điều đó, nhưng “đó là một sự kiện được công nhận” Bá tước de Ségur viết: “rằng sau khi sinh đứa con đầu lòng, bà dần dần bắt đầu một cuộc sống điều độ hơn và quan tâm đến mình một cách nghiêm chỉnh. Bà cẩn thận tránh làm bất cứ điều gì có thể gây nên tai tiếng. Những buổi tiệc vui vẻ của bà ít thường xuyên hơn, ít náo nhiệt hơn... Tính hoang phí nhường chỗ cho sự giản dị; những chiếc váy áo lộng lẫy được thay thế bằng những chiếc áo dài bằng vải lanh đơn giản.”⁵¹ Như một phần của sự trừng phạt lâu dài đối với Marie Antoinette, người dân Pháp đã không nhận ra rằng cô gái ngang bướng và vô tư lự đã trở thành một bà mẹ âu yếm và tận tâm. Không có gì mất đi, nhưng mọi thứ đều phải trả giá.

Bà biết rằng luật lệ của nước Pháp không cho phụ nữ ngồi lên ngai vàng. Bà chào mừng lần mang thai thứ nhì và cầu nguyện cho có một đứa con trai; nhưng bà bị một trận sẩy thai rất đau đớn đến nỗi tóc rụng gần hết.⁵² Bà lại cố gắng và ngày 22-10-1781, hạ sinh một cậu bé, được đặt tên là Louis-Joseph-Xavier. Những kẻ hay chỉ trích cay độc đặt câu hỏi về người cha nhưng Nhà Vua không thêm quan tâm đến chúng. “Con trai ta, Hoàng thái tử!” ông kêu lên. “Con trai ta!”

IV. VỊ VUA HIỀN TỬ⁵³



Hình 5. *Louis XVI*
(tranh sơn dầu của Antoine-François Callet, 1779)

Ngoại trừ về phương diện tuổi tác, Louis là tất cả những gì mà vợ ông không có. Bà duyên dáng, khéo léo, linh động, ham vui đùa, bốc đồng, sôi nổi, phù phiếm, phung phí, tự khẳng định, kiêu hãnh, luôn là một bà hoàng; còn ông thì vụng về, bất động, do dự, nghiêm chỉnh, trầm lặng, chăm chỉ, tắn tiện,

khêm tốn, thiếu tự tin, không ra vẻ ông vua một chút nào. Ông thích ban ngày, công việc của mình và săn bắn. Bà thích ban đêm, chiếu bạc và khiêu vũ. Thế nhưng, sau những năm thăm dò đó, đây không phải là một cuộc hôn nhân thiếu hạnh phúc. Hoàng hậu chung thủy, Nhà Vua nuông chiều và khi nổi bất hạnh ập đến, nó biến hai người thành một khối kiên cố.

Nét mặt ông đều đặn. Có thể ông đã đẹp trai nếu biết kiểm soát trọng lượng của mình. Dáng người ông cao ráo và có thể đã đường bệ như một quân vương nếu như đã không bước đi với đôi vai lắc lư và tiếng chân nặng nề. Thị lực của ông kém càng làm tăng thêm vẻ vụng về. Tóc ông ít khi gọn gàng; “người ông rất luộm thuộm” Bà Campan kể lại.⁵⁴ Người ông lực lưỡng và mạnh mẽ; ông từng nâng một chú tiểu đồng của mình lên bằng một tay. Ông phàm ăn. Ông uống rượu chừng mực nhưng đôi khi trở nên say sưa với thức ăn và phải được đỡ vào giường.⁵⁵ Ông có ít đam mê, ít những cơn sung sướng ngắt ngảy, ít quá đau đớn.

Ông không thấy thoải mái với những người Pháp quanh mình, vốn đã được đào tạo để có tinh thần nhanh nhẩu và sẵn sàng đưa ra những lời dè dặt. Tuy nhiên, trong lúc đàm đạo riêng tư, ông đã gây ấn tượng cho những người như Joseph II bằng kiến thức rộng rãi và phán đoán lạnh mạnh của mình. Hãy nghe Ông hoàng Henry của Phổ, em của Đại đế Frederick:

Hoàng thượng làm tôi ngạc nhiên... Tôi đã được nghe rằng việc giáo dục của ngài bị chênh lệch, rằng ngài không biết gì, tinh thần hạn hẹp. Khi trò chuyện với ngài, tôi lấy làm sửng sốt thấy ngài rất thông thạo về địa lý và có những ý tưởng đúng đắn về chính trị, rằng hạnh phúc của nhân dân luôn nằm trong tư tưởng ngài và rằng ngài có đầy lương tri, vốn có giá trị nơi một ông hoàng hơn là một trí tuệ sáng chói; nhưng ngài ngờ vực chính mình quá nhiều.⁵⁶

Louis có một thư viện phong phú và ông sử dụng nó. Ông đã đọc và dịch một phần cuốn *Sự suy vi và sụp đổ của Đế quốc La Mã* (Decline and Fall of the Roman Empire) của Gibbon,⁵⁷ nhưng rồi đặt nó sang một bên khi nhận thấy xu hướng chống Cơ Đốc giáo của nó. Ông đọc đi đọc lại cuốn *Lịch sử cuộc nổi loạn* (History of the Rebellion) của Clarendon, như thể linh cảm rằng ông sẽ lặp lại số phận của Charles I.⁵⁸ “Nếu ở vào địa vị của ông ta” ông nói: “trẫm sẽ không bao giờ rút gươm ra chống lại nhân dân mình.”⁵⁸ Để hướng dẫn cho cuộc viễn chinh Thái Bình Dương của chiếc La Perouse (1785) ông soạn những chỉ thị chi tiết mà các bộ trưởng của ông gán cho các nhà thông thái của *Académie des Sciences* (Hàn lâm viện Khoa học).⁵⁹ Ông giữ quan hệ chặt chẽ với nhiều bộ khác nhau, đặc biệt là bộ ngoại giao. Washington và Franklin ngưỡng mộ sự phán đoán của ông.⁶⁰ Những sự yếu đuối của ông là từ ý chí hơn là trí tuệ và có thể có liên quan đến chế độ ăn uống và sự béo mập của ông. Quan trọng nhất là việc ông không thể cưỡng lại sự thuyết phục, hoặc kết thúc bằng việc đi từ tư tưởng đến hành động. Bản thân ông sống cần kiệm, nhưng ông quá tử tế nên không thể áp đặt người khác cũng làm vậy và ông ký nhượng hàng trăm nghìn franc theo lời yêu cầu thiết tha của vợ mình.

Ông không thiếu những đức tính tốt. Ông không cặp với nhân tình và trung thành trong tình bạn, có thể ngoại trừ với Turgot. “Hoàn toàn có khả năng là, ngay sau Turgot, ông là người của thời đại yêu thương dân chúng nhất.”⁶¹ Vào ngày lễ đăng quang, ông yêu cầu quan Thượng thư bộ tài chính phân phát 200.000 franc cho người nghèo và nói thêm: “Nếu, khi xem xét những nhu cầu của quốc gia và thấy nó quá nhiều, khanh có thể lấy từ tiền trợ cấp của trẫm.”⁶² Ông cấm việc thu

i Charles I (1600-1649): Vua các xứ England, Scotland và Ireland (1625-1649). Những cuộc đấu tranh quyền lực giữa ông và Nghị viện đưa đến cuộc Nội chiến Anh (1642-48) và Charles bị thất bại. Ông bị xét xử về tội phản quốc và bị chém đầu năm 1649.

“thuế đăng quang” vốn khiến cho việc bắt đầu một triều đại trở thành gánh nặng mới cho quốc gia. Năm 1784, khi Paris phải gánh chịu nạn lụt lội và các bệnh dịch, ông đã cấp 3 triệu franc cho việc cứu tế công cộng. Trong một mùa đông khắc nghiệt, ông cho phép người nghèo, ngày này qua ngày khác, tràn vào nhà bếp của ông và tự tiện sử dụng. Ông là một tín đồ Cơ Đốc về mặt danh nghĩa, trong thực tế, và trong sự tuân thủ. Ông tham dự tất cả những buổi hành lễ và những quy định của Giáo hội một cách cực kỳ cẩn thận; và mặc dù thích ăn ngon, ông tuân thủ những ngày ăn chay trong Mùa chay. Ông ngoan đạo mà không cuồng tín hoặc màu mè. Chính ông, tín đồ chính thống và ngoan đạo, đã ban những quyền dân sự cho các tín đồ Tin Lành ở nước Pháp. Ông cố hòa giải Cơ Đốc giáo với chính quyền, vốn là điều khó khăn nhất trên đời.

Mặc dù yêu thích sự giản dị, bề ngoài ông phải sống như một ông vua: trải qua buổi tiếp khách chính thức khi vừa ngủ dậy, để cho các tiểu đồng và cận thần mặc quần áo, đọc những bài kinh cầu nguyện buổi sáng trước mặt họ, tiếp kiến, chủ tọa hội đồng, ban hành các chỉ dụ, dự những bữa ăn tối, tiếp tân, vũ hội - mặc dù ông không khiêu vũ. Nhưng trong chừng mực địa vị và tính thích ăn ngon của ông cho phép, ông sống như bất cứ công dân tốt nào khác. Ông đồng ý với Rousseau rằng mỗi người nên học một nghề thủ công; ông học nhiều nghề, từ làm khóa cho đến thợ nề. Bà Campan kể với chúng ta rằng: “ngài nhận vào phòng riêng của mình một người thợ khóa bình thường và làm những chiếc chìa khóa và ổ khóa cùng ông ta; và đôi bàn tay của ngài, đen đúa vì loại công việc đó, thường là đề tài của những lời phàn nàn, thậm chí trách móc gay gắt, của Hoàng hậu, ngay trước mặt tôi.”⁶³ Ông rất thích thú với tất cả những gì liên quan đến việc xây dựng; ông giúp những công nhân trong cung điện di chuyển vật liệu, những cây xà nhà, những khối đá lát. Ông thích tự tay sửa chữa trong căn hộ của mình; ông là một người chồng tốt của giai cấp trung lưu. Trong một căn phòng của ông có

chứa những thiết bị của ngành địa lý, những quả địa cầu, bản đồ - một số trong đó do chính ông vẽ; một căn phòng khác chứa những dụng cụ của nghề mộc; một phòng khác được trang bị một lò rèn, những cái đe và nhiều công cụ khác nhau bằng sắt. Ông lao động miệt mài trong nhiều tháng để làm ra một chiếc đồng hồ khổng lồ có thể chỉ các tháng, các giai đoạn của tuần trăng, các mùa và các năm. Thư viện của ông chiếm nhiều căn phòng.

Nước Pháp yêu mến ông, thậm chí cho đến lúc chết và sau đó nữa vì chính Paris chứ không phải nước Pháp, đã đưa ông lên máy chém năm 1793. Trong những năm đầu đó, sự hoan nghênh hầu như phổ biến. “Ông có một vị vua rất tốt” Frederick Đại đế viết cho d’Alembert: “và ta chúc mừng ông với tất cả tấm lòng. Một vị vua khôn ngoan và đức hạnh đáng sợ đối với các đối thủ ông ta hơn là một ông hoàng chỉ có lòng can đảm.” Và d’Alembert đã trả lời: “Hoàng thượng yêu thích lòng tốt, lẽ công bằng, tính cần kiệm và hòa bình... Ngài đúng là người mà chúng tôi mong muốn làm vua mình, nếu một số phận tốt lành đã không ban ngài cho chúng tôi.”⁶⁴ Voltaire phụ họa: “Tất cả những gì Louis đã làm từ lúc lên ngôi khiến cho nước Pháp yêu mến ông.”⁶⁵ Trong tuổi già của mình, Goethe nhớ lại thuở ban đầu đầy hứa hẹn:

Tại Pháp, một vị vua mới và nhân từ đã chứng tỏ những ý định hiển mình cho việc loại bỏ nhiều sự lạm dụng và cho những mục đích cao thượng nhất - cho việc du nhập một hệ thống thường trực và hiệu quả về kinh tế và chính trị, cho việc bãi bỏ mọi quyền hành độc đoán và cho việc chỉ cai trị bằng luật pháp và công lý. Những hy vọng tươi sáng nhất lan tỏa trên khắp thế giới và người thanh niên tự tin hứa hẹn với chính mình và với toàn thể nhân loại một tương lai rực rỡ và cao thượng.⁶⁶

V. BỘ TRƯỞNG CỦA TURGOT: 1774-1776



Hình 6. *Anne-Robert-Jacques Turgot*
(tranh được cho là của Antoine Graincourt, 1782)

Công việc đầu tiên của Louis XVI là tìm ra những bộ trưởng có khả năng và liêm chính để sửa chữa những cảnh rối loạn trong chính quyền và lĩnh vực tài chính. Dân chúng la hét đòi triệu hồi các tối cao pháp viện đã bị trục xuất; ông triệu hồi chúng và thả hồi Maupeou là người đã cố thay thế chúng. Cho chức vị bộ trưởng đứng đầu, ông đưa lại về Versailles

Jean-Frederic Phelypeaux, Bá tước de Maurepas, người từng làm bộ trưởng chính phủ từ năm 1738 đến năm 1749, đã bị truất phế vì đả kích Bà de Pompadour và giờ đây quay lại với quyền lực ở tuổi 73. Đó là một sự lựa chọn rộng lượng nhưng đáng tiếc vì Maurepas sau khi sống cả một thập kỷ trong điền trang nơi đồng quê của mình, đã đánh mất mọi tiếp xúc với sự phát triển của nước Pháp về kinh tế và tư tưởng và có nhiều tài hóm hỉnh hơn là sự khôn ngoan. Bộ ngoại giao được vị vua 20 tuổi giao cho Charles Gravier, Bá tước de Vergennes; Bộ Chiến tranh giao cho Bá tước Claude-Louis de Saint-Germain; và Bộ Hải quân cho Anne-Robert-Jacques Turgot, Nam tước de l'Aulne.

Trong những trang trước chúng ta thấy ông như một sinh viên trong chủng viện, một diễn giả về Cơ Đốc giáo và sự tiến bộ, một người bạn của các nhà trọng nông và các *philosophe*, một giám quan (intendant) dám nghĩ dám làm và có lòng từ thiện ở Limoges. Những người mộ đạo trong triều cảnh báo Louis rằng Turgot là một kẻ vô thần, đã đóng góp những bài viết cho bộ *Encyclopédie* (Bách khoa từ điển).⁶⁷ Tuy nhiên, ngày 24-8-1774, Nhà Vua thăng ông lên vị trí quan trọng nhất trong chính phủ - thượng thư bộ tài chính. Chức vụ của Turgot ở bộ hải quân được giao cho Gabriel de Sartine, ông này đã chi phí rất hào phóng để xây dựng các hạm đội mà sau này sẽ giúp giải phóng Hoa Kỳ và phải dựa vào Turgot để tìm các nguồn ngân quỹ.

Turgot là một người Pháp mà Louis XIV có được nơi Colbert, tận tâm phục vụ đất nước, nhìn xa trông rộng, không biết mệt mỏi và không thể mua chuộc. Người ông cao lớn và đẹp trai nhưng thiếu những vẻ duyên dáng của người được mài nhẵn bóng trong các khách thính - mặc dù ông được Cô de Lespinasse chào đón nhiệt tình. Sức khỏe của ông đã bị hy sinh cho công việc; trong phần lớn thời gian lao động miệt mài để tái tạo nền kinh tế nước Pháp, ông đã giam mình

trong các căn phòng cùng với bệnh gút. Ông cố dồn ép một phần tư thế kỷ cải cách vào trong một nhiệm kỳ bộ trưởng ngắn ngủi vì ông cảm thấy thời gian tại vị của mình thật mong manh. Ông được 47 tuổi khi lên nắm quyền, 49 tuổi khi mất nó và 54 tuổi khi qua đời.

Ông tin tưởng cùng các nhà trọng nông rằng nên để cho công nghiệp và thương mại được tự do tối đa có thể được, khỏi bị ràng buộc bởi những quy định của chính phủ hay phường hội; rằng đất đai là nguồn của cải duy nhất; rằng một loại thuế duy nhất đánh lên đất đai là phương cách công bằng và thực tế nhất để nâng cao thu nhập; và rằng mọi loại thuế gián thu nên bị bãi bỏ. Ông chịu ảnh hưởng thái độ hoài nghi tôn giáo và sự khoan dung của các *philosophe*, niềm tin của họ vào lý trí và tiến bộ, hy vọng của họ về việc cải cách thông qua một vị vua được khai sáng. Nếu Nhà Vua là một người thông minh và có thiện chí và chấp nhận triết học như người dẫn đường của mình, thì sẽ có một cuộc cách mạng hòa bình, tốt hơn rất nhiều so với một cuộc nổi dậy đầy bạo lực và hỗn loạn có thể hủy hoại không những sự lạm dụng cũ mà còn chính trật tự xã hội nữa. Giờ đây, cái *thèse royale* (luận đề vương quyền)ⁱ của Voltaire được đem ra thử thách. Do đó các *philosophe* đã cùng với các nhà trọng nông hân hoan trước việc Turgot lên nắm quyền.

Ngày 24-8-1774, Turgot đến Compiègne để tạ ơn Louis XVI về việc bổ nhiệm mình vào Bộ Tài chính. “Thần hiến mình không phải cho Nhà Vua” ông nói: “mà cho một người công chính.” Louis, cầm lấy tay Turgot, đáp lại: “Khanh sẽ không bị thất vọng.”⁶⁸ Tối hôm đó, vị bộ trưởng gửi cho Nhà Vua một bức thư trình bày những điểm chính trong chương trình của ông:

i *thèse royale*: ủng hộ các cải cách của một nền quân chủ hùng mạnh, khai sáng, đối nghịch với *thèse nobiliaire* (luận đề quý tộc của Montesquieu), vốn ủng hộ những ước thúc của hiến pháp đối với vương quyền.

Không có chuyện phá sản, dù là thú nhận hay che giấu...

Không tăng thuế, lý do của việc này nằm trong hoàn cảnh của dân chúng ngài...

Không vay mượn... vì đến khi đáo hạn mọi khoản vay đều cần phải, hoặc phá sản, hoặc tăng thuế...

Để đạt được ba điểm này, chỉ có một cách. Đó là giảm chi tiêu xuống dưới mức thu nhập, và dưới mức đó sao cho đủ để bảo đảm mỗi năm tiết kiệm được 20 triệu, để có thể trả hết những món nợ cũ. Nếu không có được điều đó, phát súng đầu tiên sẽ buộc nhà nước đi đến chỗ phá sản⁶⁹.

(Sau này, Necker đã viện đến những khoản vay và cuộc chiến tranh năm 1778 đã đưa nước Pháp đến chỗ phá sản.)

Sau khi ghi nhận rằng thu nhập hằng năm của chính phủ là 213.500.000 franc và chi tiêu hằng năm là 235.000.000 franc, Turgot ra lệnh thực hiện những khoản tiết kiệm khác nhau và chỉ thị rằng, quốc khố sẽ không trả bất cứ khoản chi nào cho bất cứ mục đích gì nếu ông không được biết và đồng ý. Ông tìm cách kích thích nền kinh tế bằng cách từng bước một xây dựng chính sách tự do kinh doanh, sản xuất và thương mại. Ông bắt đầu bằng nỗ lực phục hồi nông nghiệp. Thông thường, để tránh tình trạng bất mãn tại các thành phố, chính phủ đã kiểm soát việc buôn bán ngũ cốc, quy định việc nhà nông bán cho người bán sỉ và người bán sỉ cho người bán lẻ và giới hạn giá của bánh mì. Nhưng áp đặt giá thấp cho người nông dân khiến họ nản lòng không muốn trồng nhiều lúa gạo và ngăn cản những người khác canh tác; những diện tích trồng trọt lớn của nước Pháp bị bỏ không và sự thịnh vượng của quốc gia bị ngăn cản ngay từ đầu nguồn. Phục hồi nông nghiệp đối với Turgot dường như là bước đầu để hồi sinh nước Pháp. Việc người nông dân được tự do bán ngũ cốc của mình với bất cứ giá nào có thể được sẽ gia tăng thu nhập, tình trạng và sức mua của anh ta và nâng anh ta lên

khỏi đời sống nguyên thủy và thú vật mà La Bruyère đã mô tả trong thời cực thịnh của Louis XIV.⁷⁰

Do đó, ngày 13-9-1774, thông qua Hội đồng Hoàng gia, Turgot ban hành một sắc lệnh cho tự do buôn bán ngũ cốc khắp nơi trừ Paris là nơi phản ứng của dân chúng thành thị rất quan trọng. Du Pont de Nemours đã viết lời mở đầu cho sắc lệnh, giải thích mục đích của nó: “Cổ vũ và mở rộng việc canh tác đất đai mà sản phẩm của nó là tài nguyên thật sự và chắc chắn nhất của quốc gia; duy trì sự sung túc bằng những kho thóc và nhập lúa gạo từ nước ngoài... và loại bỏ tình trạng độc quyền... để giúp cho sự cạnh tranh trọn vẹn.” Một lời mở đầu mang tính giải thích như vậy tự nó là một sự cách tân, phản ánh sự trỗi dậy của công luận như một quyền lực chính trị. Voltaire hoan nghênh bản sắc lệnh như sự khởi đầu của một kỷ nguyên kinh tế mới và tiên đoán rằng nó sẽ sớm nâng cao sự thịnh vượng của quốc gia.⁷¹ Ông gửi một bức thư ngắn cho Turgot: “Lão già tàn phế của Ferney cảm ơn tạo hóa đã cho lão sống đủ lâu để nhìn thấy sắc lệnh ngày 13-9-1774. Lão xin gửi đến tác giả của nó những lời kính trọng và cầu xin cho ông ta thành công.”⁷²

Có một ngoại lệ như một điềm gở đối với sự hoan nghênh này. Mùa xuân năm 1775, Jacques Necker, một chủ ngân hàng Thụy Sĩ sống ở Paris, đến gặp Turgot với một xấp bản thảo có nhan đề *Sur la Législation et le commerce des grains* (Về luật lệ và việc buôn bán ngũ cốc) và hỏi liệu nó có thể được xuất bản mà không làm phương hại cho chính phủ. Tập sách mỏng của Necker biện luận rằng một số biện pháp của chính phủ nhằm kiểm soát nền kinh tế là điều cần thiết nếu như sự thông minh vượt trội của một thiểu số không tập trung của cải vào một đẳng và gia tăng sự nghèo khó nơi đẳng khác. Ông đề nghị nếu việc tự do thương mại làm gia tăng giá bánh mì lên trên giá quy định, chính phủ nên tái lập việc quy định giá. Turgot tự tin vào những lý thuyết của mình và

ủng hộ tự do báo chí, bảo Necker hãy xuất bản tập sách và để cho dân chúng phán xét.⁷³ Necker xuất bản.

Quần chúng bình dân nơi đô thị không đọc tập sách nhưng đồng ý với ông ta. Khi giá bánh mì gia tăng vào mùa xuân năm 1775, những cuộc bạo loạn đã nổ ra tại nhiều thành phố. Tại những hạt chung quanh Paris, vốn kiểm soát sự lưu thông của ngũ cốc vào thủ đô, có những người đàn ông đi từ thị trấn này đến thị trấn khác khích động dân chúng nổi loạn. Những băng nhóm có vũ trang đốt cháy những kho thóc của nông dân và thương gia và quăng lúa gạo chứa bên trong xuống sông Seine. Họ cố ngăn chặn việc vận chuyển ngũ cốc nhập khẩu từ Le Havre về Paris; và ngày 2 tháng Năm, họ dẫn một đám đông đến trước cổng Cung điện Versailles. Turgot tin những băng nhóm này được các viên chức thành phố hay tỉnh sử dụng; đó là những người đã bị mất chức vụ của mình do việc chấm dứt quy định [về giá ngũ cốc] và nhằm tạo nên một tình trạng khan hiếm lúa gạo ở Paris khiến phải quay lại chính sách kiểm soát thương mại.⁷⁴ Nhà Vua xuất hiện trên một ban công và cổ lên tiếng; sự ồn ào của đám đông đã chìm mất những lời của ông. Ông cấm binh lính bắn vào dân chúng và ra lệnh giảm giá bánh mì.

Turgot phản đối rằng sự can thiệp vào quy luật cung cầu này sẽ phá hỏng nỗ lực thử nghiệm nó; ông tự tin rằng, nếu để được tự do hoạt động, sự cạnh tranh giữa các thương gia và các chủ tiệm bánh mì sẽ sớm làm cho giá bánh hạ xuống. Nhà Vua hủy bỏ lệnh giảm giá. Ngày 3 tháng Năm, những đám đông giận dữ tập trung ở Paris và bắt đầu cướp phá các tiệm bánh. Turgot hạ lệnh cho lực lượng dân quân Paris bảo vệ các tiệm bánh và kho thóc và bắn vào bất cứ ai có hành vi bạo động. Trong khi đó, ông thấy rằng lúa gạo nước ngoài đã đến Paris và các chợ. Do sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu, những nhà độc quyền vốn găm giữ lúa gạo để chờ giá cao bị buộc phải mở kho của mình; giá bánh mì hạ xuống và cuộc nổi loạn lắng dịu. Nhiều lãnh đạo của nó bị bắt; hai người bị

treo cổ theo lệnh của cảnh sát. Turgot nổi lên đắc thắng từ cuộc “*Guerre des Farines*” (Chiến tranh bột mì) này nhưng niềm tin của Nhà Vua vào chính sách *laissez-faire* (để mặc tư nhân kinh doanh hay tự do kinh doanh) đã bị lay chuyển, và ông than khóc cho hai kẻ bị treo cổ ở Quảng trường Grève.

Tuy nhiên, ông lấy làm vui vì những cải cách mà Turgot đang thực hiện trong lĩnh vực tài chính của chính phủ. Chỉ một ngày sau khi sắc lệnh về ngũ cốc được ban hành, vị bộ trưởng vội vã bắt đầu công bố những quy định liên quan đến việc tiết kiệm trong việc chi tiêu của nhà nước, việc thu thuế có hiệu quả hơn và việc kiểm soát các quan thầu thuế được chặt chẽ hơn; việc chuyển sang nhà nước những độc quyền cho đến giờ thuộc về tư nhân như xe khách, xe thư và sản xuất thuốc súng. Ông đề nghị, nhưng không có thời gian để thiết lập, một “*Caisse d’Escompte*” (Quỹ Chiết khấu), một ngân hàng chuyên chiết khấu các giấy tờ thương mại, nhận tiền ký gửi, thực hiện những khoản vay và phát hành những ngân phiếu có thể lĩnh tiền khi xuất trình; ngân hàng này phục vụ như một kiểu mẫu của Pháp quốc Ngân hàng mà Napoléon thiết lập năm 1800. Đến cuối năm 1775, Turgot đã giảm chi phí được 66.000.000 livre, và đã hạ tiền lãi của nợ quốc gia từ 8.700.000 xuống còn 3.000.000 livre. Sự tín nhiệm của chính phủ được phục hồi tới mức ông có thể vay 60.000.000 livre từ các nhà tài chính Hòa Lan với lãi suất 4% và do đó, đã thanh toán được những món nợ mà ngân khố đang trả với lãi suất từ 7% đến 12%. Ông tiến đến gần việc cân bằng ngân sách và làm được vậy không phải do tăng thuế mà nhờ giảm bớt tham nhũng, tiêu pha phung phí, sự kém cỏi và lãng phí.

Trong những việc này và những cải cách khác nữa, ông ít nhận được sự giúp đỡ của Maurepas nhưng Chrétien de Malesherbes đã giúp ông nhiều. Ông này là người chúng ta đã gặp, như là người bảo hộ cho bộ *Encyclopédie* và Rousseau.

Giờ đây là chủ tịch của *Cour des Aides*ⁱ (Tòa Thuế bất thường, chuyên phụ trách những loại thuế gián thu), ngày 6-5-1775, ông gửi cho Louis XVI một tham luận - *Remontrance* (Biểu can gián vua) - giải thích những bất công trong việc thu thuế của những quan thầu thuế và cảnh báo Nhà Vua về sự thù ghét gây ra từ việc làm của họ. Ông đề nghị một sự đơn giản hóa và làm sáng tỏ luật pháp; “không có những bộ luật tốt” ông nói: “ngoại trừ những bộ luật đơn giản.” Nhà Vua ngày càng yêu thích Malesherbes và bổ nhiệm ông làm thượng thư của Hoàng gia (tháng Bảy năm 1775). Vị bộ trưởng già có tư tưởng tự do thúc giục Louis nên ủng hộ Turgot nhưng khuyên Turgot đừng nên áp dụng quá nhiều cải cách cùng một lúc vì mỗi cải cách sẽ làm nổi lên những kẻ thù mới. Vị Thượng thư Bộ Tài chính trả lời: “Ngài muốn tôi làm gì? Những nhu cầu của dân chúng thì khổng lồ và trong gia đình tôi có người chết vì bệnh gút ở tuổi năm mươi.”⁷⁵

Tháng Một năm 1776, Turgot làm nước Pháp sửng sốt với 6 bản chỉ dụ được công bố nhân danh Nhà Vua. Một bản nói rộng cho Paris quyền tự do buôn bán ngũ cốc và chấm dứt một loạt các văn phòng liên quan đến việc buôn bán này; những người công chức bị mất việc gia nhập vào hàng ngũ kẻ thù của ông. Hai bản hủy bỏ hoặc sửa đổi các loại thuế đánh lên trâu bò và mỡ động vật; các nông dân vui mừng. Một bản khác bãi bỏ chế độ *corvée* (lao dịch) - 12 hoặc 15 ngày lao động không công mà hằng năm nông dân phải thi hành để bảo dưỡng cầu cống, kênh đào và đường sá; do đó công việc này phải được trả tiền bằng một loại thuế đánh lên đất đai không thuộc quyền sở hữu của giáo hội; nông dân vui mừng, giới quý tộc phản nản. Turgot làm dấy lên lòng oán giận qua lời mở đầu mà ông đặt vào miệng của Nhà Vua:

i *Cour des Aides*: Tòa án được lập ra đầu tiên ở Paris vào năm 1390, sau đó ở triều đình năm 1425, phụ trách xét xử tất cả những vụ kiện liên quan đến các loại thuế thân, thuế bất thường đóng cho Nhà Vua tiêu dùng (*aides*) và thuế muối. Tòa án này tồn tại đến năm 1791 cùng với các tòa ở Clermont-Ferrand, Montauban và Bordeaux.

Ngoại trừ một số nhỏ các tỉnh, hầu hết đường sá của vương quốc đã được xây dựng bởi công sức lao động miễn phí của thành phần nghèo nhất trong các thần dân của chúng ta. Do đó, toàn bộ gánh nặng đã rơi xuống những người không có bất cứ thứ gì ngoại trừ đôi bàn tay và chỉ hưởng lợi ở mức độ thứ yếu trên các con đường; những người thật sự hưởng lợi là các địa chủ, hầu hết bọn họ là những kẻ được hưởng đặc quyền, giá trị tài sản của họ được gia tăng nhờ những con đường. Khi chỉ có người nghèo mới bị buộc phải bảo dưỡng những con đường này, khi anh ta bị buộc phải cho đi thời gian và công việc của mình và không được trả tiền, nguồn lợi duy nhất mà anh ta có để chống lại sự khốn khổ và cái đói cũng bị lấy mất khỏi anh ta để bắt anh ta làm lợi cho kẻ giàu.⁷⁶

Khi Tối cao pháp viện Paris tỏ rõ rằng họ sẽ không phê chuẩn chỉ dụ này, Turgot hầu như tuyên bố cuộc chiến tranh giai cấp:

Trong khi luôn đối nghịch với chủ nghĩa chuyên chế, tôi sẽ liên tục nói với Hoàng thượng, với Pháp viện, và, nếu cần, với toàn thể quốc gia, rằng đây là một trong những vấn đề phải được quyết định bởi ý chí tối thượng của Hoàng thượng và vì lý do này: về bản chất đây là một vụ kiện giữa kẻ giàu và người nghèo. Bây giờ, Pháp viện này được tạo ra bởi cái gì? Bởi những kẻ giàu có so với đám đông quần chúng, và tất cả đều là quý tộc, bởi vì chức vụ của họ đi kèm với dòng dõi quý tộc. Tòa án, mà tiếng la hét vang ầm ĩ - nó gồm có thứ gì? Gồm những nhà đại quý tộc, đa số họ sở hữu những điền trang vốn sẽ phải đóng thuế... Do đó không phải sự phản đối của Tối cao pháp viện... hay thậm chí tiếng la hét của tòa án trong bất cứ cách nào sẽ gây tổn hại cho trường hợp này... Chừng nào mà dân chúng chưa có tiếng nói trong các tối cao pháp viện thì Hoàng thượng, sau khi nghe những lời này, phải tự mình phân xử và phải phân xử theo hướng có lợi cho dân chúng vì đây là giai cấp bất hạnh nhất.⁷⁷

Bản cuối cùng trong 6 chỉ dụ bãi bỏ các phường hội. Chúng đã trở thành một giới quý tộc của người lao động vì chúng kiểm soát hầu hết các nghề thủ công, chúng giới hạn việc thu nhận bằng cách đòi hỏi những mức phí gia nhập cao và còn giới hạn thêm nữa việc đủ tư cách làm thầy. Chúng cản trở sự phát minh và gây trở ngại cho việc buôn bán bằng những thứ lệ phí cầu đường hoặc cấm đoán những sản phẩm cạnh tranh xâm nhập vào cộng đồng của chúng. Giai cấp đang nổi lên của các nhà doanh nghiệp - những người mang lại sáng kiến, vốn, và tài tổ chức, nhưng đòi hỏi được tự do thuê bất kỳ công nhân nào, dù thuộc phường hội hay không và bán hàng hóa của họ trên bất kỳ thị trường nào họ có thể vươn tới - đã tố cáo các phường hội là những tổ chức độc quyền trong việc kìm hãm nền mậu dịch; và Turgot, trong khi nóng lòng xúc tiến việc phát triển công nghiệp bằng cách giải phóng sự phát minh, doanh nghiệp và thương mại, cảm thấy nền kinh tế của quốc gia sẽ có lợi qua việc bãi bỏ các phường hội. Một phần trong lời mở đầu của chỉ dụ này viết:

Tại hầu hết các thị trấn, việc thực hành các nghề khác nhau tập trung vào tay một số nhỏ những người chủ kết hợp thành các nghiệp đoàn, vốn là tổ chức duy nhất được tự do sản xuất và bán các mặt hàng của một ngành nào đó mà họ có đặc quyền riêng. Những ai muốn hiến thân cho bất cứ một ngành hay nghề nghiệp nào cũng không thể tự do thực hành nó cho đến sau khi đạt được địa vị người thầy, nhưng anh ta chỉ có thể được công nhận địa vị này sau khi đã trải qua những công việc thừa thãi, lâu dài và buồn tẻ và với giá của nhiều vụ tổng tiền, lấy đi của anh ta một phần của điều kiện tất yếu để thiết lập một doanh nghiệp hay trang bị một xưởng thợ. Những ai không thể trang trải các chi phí này bị bắt phải sống một cuộc đời bấp bênh dưới sự thống trị của các ông chủ, không có lựa chọn nào ngoài việc sống trong

cảnh túng thiếu... hoặc mang đi nước ngoài một nghề mà có thể đã có ích cho đất nước họ.⁷⁸

Như cho đến nay, chúng ta được biết, những lời cáo buộc đối với các phường hội đã được biện minh. Nhưng Turgot tiếp tục đi đến chỗ cấm tất cả các ông chủ, thợ lành nghề và thợ học việc thành lập bất cứ công đoàn hay hiệp hội nào.⁷⁹ Ông hoàn toàn tin tưởng vào chính sách tự do kinh doanh và thương mại mà không đoán trước rằng, quyền tổ chức có thể là phương cách duy nhất mà các công nhân có thể góp chung sự yếu kém của các cá nhân thành một sức mạnh tập thể; qua đó có thể mặc cả với những ông chủ có tổ chức. Ông cảm thấy về lâu về dài, mọi giai cấp sẽ được hưởng lợi từ việc giải thoát cho nhà kinh doanh khỏi những sự kìm hãm của chế độ phong kiến, phường hội và chính phủ đối với công cuộc kinh doanh. Mọi người ở Pháp - ngay cả những người nước ngoài - được tuyên bố tự do thực hành bất cứ nghề nghiệp hay việc buôn bán nào.

Ngày 9-2-1776, 6 chỉ dụ được trình lên Tối cao pháp viện Paris. Cơ quan này chỉ đồng ý có một chỉ dụ có nội dung bãi bỏ một số chức vụ nhỏ nhỏ và từ chối phê chuẩn hay đăng ký các chỉ dụ còn lại và đặc biệt chống đối chỉ dụ đòi chấm dứt chế độ lao dịch như một sự vi phạm các quyền phong kiến.⁸⁰ Với sự biểu quyết này tối cao pháp viện, vốn thường tự nhận là bảo vệ nhân dân chống lại Nhà Vua, đã tự tuyên bố là đồng minh và tiếng nói của giai cấp quý tộc. Voltaire bước vào đấu trường với một tập sách mỏng tấn công hình thức lao dịch và Tối cao pháp viện và ủng hộ Turgot: Tối cao pháp viện ra lệnh tiêu hủy tập sách. Một số bộ trưởng của Nhà Vua ủng hộ Tối cao Pháp viện. Louis, trong một giây phút dũng cảm, đã quở trách họ, nói rằng: “Trẫm thấy rất rõ là không có ai ở đây ngoại trừ Ngài Turgot và chính trẫm yêu thương dân chúng.”⁸¹ Ngày 12 tháng Ba, ông triệu tập Tối cao pháp viện

đến một “Tòa án giường ngủ”¹ ở Versailles, và hạ lệnh cho Pháp viện đăng ký các chỉ dụ. Những cuộc diễu hành của thợ thuyền ăn mừng chiến thắng của Turgot.

Kiệt sức vì những khủng hoảng liên tục, vị thượng thư Bộ Tài chính trì hoãn cuộc cách mạng của mình. Khi ông mở rộng việc tự do buôn bán trong nước sang ngành rượu vang (tháng Tư năm 1776), chỉ có những kẻ độc quyền phản nài. Ông thúc giục Nhà Vua thiết lập tự do tôn giáo. Ông chỉ thị cho Du Pont de Nemours soạn thảo một kế hoạch cho các hội đồng bầu cử tại các giáo khu, được chọn lựa bởi những người đàn ông sở hữu những khu đất trị giá 600 livre hay cao hơn; các hội đồng địa phương này sẽ bầu ra các đại diện cho một hội đồng hàng tổng và đến lượt nó, hội nghị này sẽ bầu các đại biểu cho một hội đồng hàng tỉnh mà rồi sẽ cử ra các đại biểu cho một quốc hội. Tin rằng nước Pháp chưa sẵn sàng cho chế độ dân chủ, Turgot đề nghị chỉ giao cho các hội đồng này các chức năng tư vấn và hành chính; quyền lập pháp vẫn còn trong tay một mình Nhà Vua; nhưng qua các hội đồng này, vị quốc vương sẽ được thông báo về hoàn cảnh và nhu cầu của vương quốc. Turgot cũng đề nghị với Nhà Vua một phác họa về nền giáo dục phổ thông, được xem như giai đoạn mở đầu cần thiết cho một quyền công dân được khai minh. “Tâu bệ hạ” ông nói: “thần mạo muội khẳng định rằng trong vòng hai năm quốc gia chúng ta sẽ không còn nhận ra được và đó là nhờ vào chính sách khai minh và đạo đức tốt đẹp... Nó sẽ vượt lên trên tất cả các quốc gia khác.”⁸² Vị thượng thư không có thời gian và Nhà Vua không có tiền để thực hiện các ý tưởng này.

i *Tòa án giường ngủ* (tiếng Anh: *Bed of justice*; tiếng Pháp: *Lit de justice*): Tại Pháp dưới thời Chế độ cũ, Tòa án giường ngủ là một phiên họp chính thức của Tối cao Pháp viện Paris dưới sự chủ tọa của Nhà Vua, để buộc Tối cao Pháp viện phê chuẩn những chỉ dụ của quốc vương. Được gọi là “Tòa án giường ngủ” vì Nhà Vua ngồi trên một ngai vàng có màn treo như chiếc giường ngủ.

Những chỉ dụ của Turgot - và những lời mở đầu của chúng - đã làm cho các giai cấp có thể lực sôi sục chống lại ông, ngoại trừ các thương gia và nhà sản xuất là những người phát triển thịnh vượng nhờ chính sách tự do mới. Trên thực tế, ông đang cố thực hiện một cách êm thấm sự giải phóng cho thương gia vốn là thành quả kinh tế cơ bản của cuộc Cách mạng. Tuy vậy, một số nhà buôn đã âm thầm chống lại ông vì ông đã can thiệp vào những độc quyền của họ. Giới quý tộc chống ông bởi vì ông áp đặt mọi thứ thuế lên đất đai và khiến cho người nghèo chống lại người giàu. Tối cao pháp viện oán ghét ông vì đã thuyết phục Nhà Vua gạt qua một bên quyền phủ quyết của họ. Giới giáo sĩ nghi kỵ ông như một kẻ vô thần hiểm khi đi dự Thánh lễ và bệnh vực cho tự do tôn giáo. Các nhà thầu thuế chống lại ông bởi vì ông muốn thay thế họ bằng những viên chức chính phủ trong việc thu các loại thuế gián thu. Các nhà tài chính oán giận ông vì đã vay tiền nước ngoài với lãi suất 4%. Các triều thần không thích ông vì ông cau mày trước những sự phung phí, những khoản trợ cấp và những chức vụ nhàn nhã mà lương cao của họ. Maurepas, thượng cấp của ông trong nội các, không vui khi nhìn thấy quyền hành ngày một gia tăng của vị Bộ trưởng Bộ Tài chính. “Turgot” vị đại sứ Thụy Điển viết: “thấy mình trở thành tấm bia cho một liên minh đáng sợ nhất chĩa vào.”⁸³

Marie Antoinette đầu tiên ủng hộ Turgot và đã cố điều chỉnh những khoản chi tiêu của mình cho hợp với chính sách tiết kiệm của ông. Nhưng không lâu sau, bà lại tiếp tục những khoản phung phí của mình (cho đến năm 1777) cho xiêm y và những món quà tặng. Turgot không che giấu sự thất vọng khi nhìn những khoản bòn rút ngân khố của bà. Để làm vui lòng những người trong dòng họ Polignac, Hoàng hậu đã tìm cách để người bạn của họ là Bá tước de Guines được bổ nhiệm vào tòa đại sứ Pháp ở London; tại đó, ông ta đã dính líu tới những thỏa thuận đáng ngờ; Turgot tham gia cùng Vergennes khuyên Nhà Vua triệu hồi ông ta về; Hoàng hậu nguyện sẽ trả thù.

Louis XVI cũng có lý do riêng để đánh mất lòng tin vào vị thượng thư cách mạng của mình. Nhà Vua tôn trọng Giáo hội, giới quý tộc, thậm chí các pháp viện tối cao. Các thể chế này đã được gắn kết trong truyền thống và trở nên thiêng liêng với thời gian; quấy rầy chúng có nghĩa là buông lỏng những nền tảng của quốc gia nhưng Turgot đã làm cho tất cả chúng trở nên xa lánh. Có thể nào Turgot đã đúng còn tất cả những người khác đã sai? Louis âm thầm phàn nàn về vị thượng thư của mình: “Chỉ có những người bạn của ông ta mới xứng đáng và chỉ có những ý tưởng của riêng ông ta mới tốt.”⁸⁴ Hầu như mỗi ngày, Hoàng hậu hoặc một triều thần tìm cách gây ảnh hưởng lên ông chống lại vị bộ trưởng. Khi Turgot kêu gọi ông chống lại các áp lực này và Louis không trả lời, Turgot trở về nhà và viết cho Nhà Vua (ngày 30-4-1776) một bức thư mà rồi sẽ quyết định số phận của chính ông:

TÂU HOÀNG THƯỢNG,

Thần sẽ không che giấu ngài sự kiện là tấm lòng của thần đã bị tổn thương sâu sắc bởi sự im lặng của Hoàng thượng hôm Chủ nhật vừa qua... Chừng nào thần còn có thể hy vọng giữ được sự quý trọng của Hoàng thượng bằng cách hành động đúng đắn, không gì là quá khó đối với thần. Hoàng thượng thấy rằng thật là điều bất khả đối với thần khi đương đầu với những người gây tổn thương cho thần bằng những hành động xấu xa chống lại thần và bằng những điều tốt đẹp họ không muốn thần làm bằng cách gây trở ngại cho mọi biện pháp của thần; ấy vậy mà Hoàng thượng không mang lại cho thần sự giúp đỡ hoặc an ủi nào... Tâu Hoàng thượng, thần xin mạo muội nói rằng thần không xứng đáng phải chịu như vậy...

Hoàng thượng... đã biện hộ bằng việc thiếu kinh nghiệm. Thần biết là ở tuổi hai mươi hai và trong địa vị của ngài, ngài đã không được đào tạo để đánh giá về con người mà những người thường có được qua việc kết giao với những kẻ ngang hàng

với họ. Nhưng liệu ngài sẽ có thêm được kinh nghiệm trong một tuần, một tháng? Và không phải là trí tuệ của ngài sẽ được tạo nên cho đến khi kinh nghiệm chậm chạp này đã đến?...

Tâu bệ hạ, thần nợ Ngài Maurepas chức vụ mà Bệ hạ đã ban cho thần; thần sẽ không bao giờ quên điều đó; thần sẽ không bao giờ muốn tỏ ra thiếu tôn trọng ông ta... Nhưng, thưa Bệ hạ, ngài có biết tính cách của Ngài Maurepas yếu đuối thế nào không? - ông ta bị điều khiển bởi những người chung quanh đến mức nào không? Mọi người đều biết Phu nhân de Maurepas, người vô cùng kém cỏi về mặt trí tuệ nhưng tính cách lại hơn ông ta rất nhiều, thường xuyên gợi ý cho ông ta... Chính sự yếu đuối này khiến ông ta rất sẵn lòng tham gia cùng sự phản đối âm ỉ trong triều chống lại thần và khiến cho thần mất đi mọi quyền hành trong bộ của mình...

Tâu bệ hạ, xin đừng quên chính sự yếu đuối đã đưa Charles I lên đoạn đầu đài... đã khiến cho Louis XIII biến thành một kẻ nô lệ đội vương miện... và đã mang đến mọi nỗi bất hạnh của triều đại vừa qua. Tâu Bệ hạ, người ta cho rằng ngài yếu đuối và đôi khi thần đã lo sợ không muốn tính cách của Ngài có khuyết điểm đó. Tuy vậy, thần đã nhìn thấy ngài, vào những dịp còn khó khăn hơn, tỏ ra can đảm thật sự. Hoàng thượng không thể nhượng bộ Ngài de Maurepas do tính dễ dãi mà không tự dối lòng mình...⁸⁵

Nhà Vua không trả lời bức thư này. Ông cảm thấy giờ đây phải chọn lựa giữa Maurepas và Turgot và rằng, Turgot đang đòi hỏi cả chính phủ phải hoàn toàn phục tùng ý chí của ông ta. Ngày 12-5-1776, ông gửi cho Turgot một lệnh từ chức. Cùng ngày hôm đó, nhượng bộ Hoàng hậu và gia đình Polignac, ông phong Bá tước de Guines làm một công tước. Nghe tin Turgot bị bãi chức, Malesherbes cũng nộp đơn xin từ chức. “Khanh là người tốt số” Louis bảo ông ta; “ước gì ta cũng có thể rời bỏ trách vụ của mình.”⁸⁶ Không lâu sau đó, những người do Turgot bổ nhiệm cũng lần lượt bị thải hồi. Maria Theresa bị sốc

bởi các diễn tiến này và đồng ý với Frederick và Voltaire rằng việc hạ bệ Turgot báo trước sự sụp đổ của nước Pháp.⁸⁷ Bà lấy làm tiếc về vai trò của con gái mình trong việc này và không tin những lời chối bỏ trách nhiệm của Hoàng hậu. Voltaire viết cho Laharpe: “Giờ đây, khi Ngài Turgot đã ra đi, không gì còn lại với tôi ngoại trừ cái chết.”⁸⁸

Sau khi bị bãi chức, Turgot về sống bình lặng ở Paris, nghiên cứu toán học, vật lý và giải phẫu. Ông thường gặp Franklinⁱ và viết cho ông này một *Mémoire sur l'impôt* (Luận văn về thuế vụ). Bệnh gút của ông trở nên trầm trọng tới mức từ năm 1778, ông chỉ có thể đi lại với cặp nạng. Ông mất ngày 18-3-1781, sau nhiều năm đau đớn và thất vọng. Ông không thể biết trước rằng thế kỷ XIX sẽ chấp nhận và thực hiện phần lớn các ý tưởng của ông. Malesherbes tóm tắt ông trong một câu đầy mỉa mai: “Ông ta đã có cái đầu của Francis Baconⁱⁱ và trái tim của L'Hôpital.”ⁱⁱⁱ⁸⁹

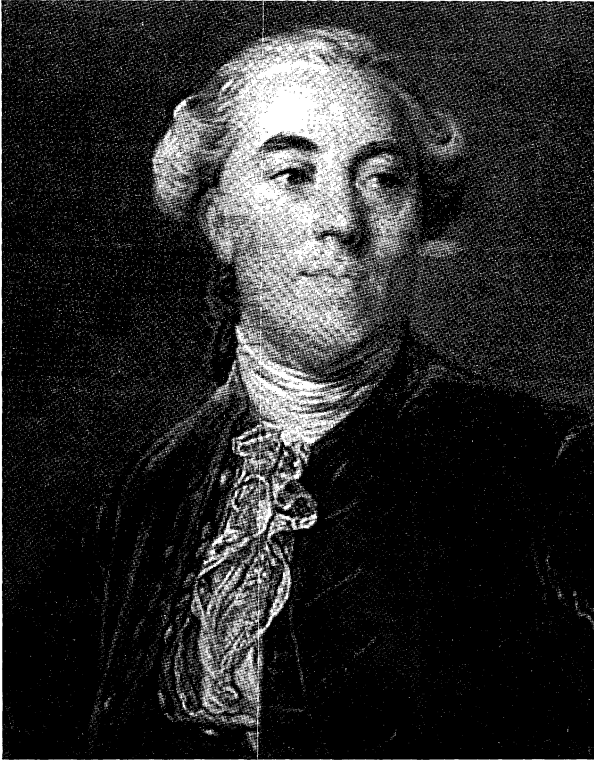
VI. NHIỆM KỲ BỘ TRƯỞNG ĐẦU TIÊN CỦA NECKER: 1776-1781

Kế tục chức vụ bộ trưởng tài chính của Turgot là Clugny de Nuis, ông tái lập chế độ lao dịch và các phường hội, và không thi hành các chỉ dụ về ngũ cốc. Các chủ ngân hàng Hòa Lan

i Benjamin Franklin (1706-1790): nhà khoa học và chính khách, được xem như một trong các Quốc phụ dựng nước của Hoa Kỳ. Từ năm 1776, ông là Đại sứ Hoa Kỳ tại Pháp.

ii Francis Bacon (1561-1626): chính khách và triết gia người Anh; nhà tiên phong của chủ nghĩa duy nghiệm Anh; người chủ trương lối suy luận quy nạp.

iii L'Hôpital: tức Michel de L'Hospital (1505 hay 1506-1573), quan Chương ấn Pháp. Ông đóng vai trò hòa giải và trung gian trong các cuộc chiến tranh tôn giáo. Ngoài ra, ông còn đưa ra nhiều cải cách quan trọng về pháp lý và hành chính. Voltaire gọi ông là “[...] người vĩ đại nhất nước Pháp nếu danh hiệu này là sự kết hợp của thiên tài, sự uyên bác và tính trung thực.”



Hình 7. *Jacques Necker* (tranh của Joseph Duplessis, 1781)

hủy bỏ các thỏa thuận cho nước Pháp vay 60 triệu livre với lãi suất 4%; và vị quan thượng thư mới không tìm ra cách thức nào tốt để quấy rầy đồng tiền chảy vào ngân khố hơn là tổ chức xổ số quốc gia (30-6-1776). Khi Clugny mất (vào tháng Mười), các chủ ngân hàng Paris thuyết phục Nhà Vua bổ nhiệm người đã chỉ trích Turgot có năng lực nhất.

Jacques Necker theo đạo Tin Lành, sinh tại Geneva năm 1732. Cha ông, một giáo sư luật tại Học viện Geneva, đã gửi ông sang Paris làm việc như một nhân viên tại ngân hàng của Isaac Vernet. Khi Vernet về hưu, ông ta ứng cho Necker một số tiền để mở riêng cho mình một ngân hàng. Necker hùn vốn với một người Thụy Sĩ khác; họ làm ăn phát đạt nhờ việc

cho chính phủ vay và đầu cơ lúa gạo. Ở tuổi 32, Necker là một người giàu có, danh giá và độc thân. Giờ đây ông không muốn giàu có nữa mà là có một địa vị cao, một cơ hội làm việc thành đạt và một danh tiếng trên cả nước. Để đạt được điều này, ông cần có một người vợ và một mái nhà làm *point d'appui* (điểm tựa) hay cơ sở hoạt động. Ông ve vãn bà góa Nữ Hầu tước de Vermenoux; bà từ chối ông nhưng đưa từ Geneva sang Suzanne Curchod, người mới đây đã chạy trốn cuộc hôn nhân với Edward Gibbon. Necker yêu Suzanne và cưới nàng năm 1764. Sự tận tình của họ đối với nhau trong suốt cuộc đời nhiều sóng gió là một trong những điểm tươi sáng trong chiếc kính vạn hoa của thời đại tối tăm này. Họ biến phần trên của ngân hàng thành một ngôi nhà ở và tại đây, bà mở một khách thính (năm 1765) mời các văn sĩ và nhà kinh doanh đến hy vọng những tình bạn này sẽ gọt giũa và mở mang cá tính của ông.

Chính Necker cũng rất ham muốn việc viết lách. Năm 1773 ông bắt đầu với cuốn *Éloge de Colbert* (Ngợi khen Colbert), được Hàn lâm viện trao giải thưởng. Giờ đây, ông rút lui khỏi việc kinh doanh và bước vào cuộc tranh cãi chính trị với tiểu luận *Sur la Législation des grains* (Về luật lệ đối với ngũ cốc), chống lại chính sách *laissez-faire* của Turgot. Cuốn sách nhỏ nhận được lời khen ngợi của Diderot, ông này có thể đã thích thú đoạn văn trong đó ông chủ nhà băng (vốn đã đọc Rousseau) nói như một người theo chủ nghĩa xã hội. Necker tấn công:

quyền của giai cấp chủ nhân, trong việc đối sức lao động bằng mức lương thấp nhất có thể được, chỉ đủ cho những nhu cầu cơ bản... Hầu hết các thiết chế dân sự đều đã được tạo nên bởi những chủ nhân của các tài sản. Người ta có thể nói rằng, một số ít người, sau khi phân chia trái đất ra với nhau, đã làm ra các luật lệ như một sự liên minh và bảo đảm chống lại số đông... Đa số này có thể nói: “Những luật lệ về

của cải của các người quan trọng gì với chúng tôi? - chúng tôi không có tài sản; hay là các luật lệ về lẽ công bằng của các người? - chúng tôi không có gì để bảo vệ; hay về tự do? - nếu không làm việc ngày mai chúng tôi sẽ chết đói!”⁹⁰

Ngày 22-10-1776, theo sự tiến cử của Maurepas, Louis XVI bổ nhiệm Necker làm “giám đốc Ngân khố Hoàng gia.” Đây là một cách gọi biểu lộ sự hối tiếc. Một số giáo sĩ cấp cao phản đối việc để cho một người Thụy Sĩ theo Tin Lành điều hành tiền bạc của quốc gia; Maurepas trả lời: “Nếu giới giáo sĩ trả những món nợ của nhà nước, họ có thể tham gia vào việc chọn các bộ trưởng.”⁹¹ Để che đậy thực tế, một người Pháp Công giáo là Taboureaux de Reau được bổ nhiệm làm tổng thanh tra tài chính như một thượng cấp của Necker. Sự chống đối của các giáo sĩ lắng xuống do Necker tỏ thái độ sùng đạo hiển nhiên. Ngày 29-6-1777, Taboureaux từ chức và Necker được chỉ định làm tổng thanh tra tài chính. Ông từ chối nhận bất cứ khoản lương nào và trái lại, còn lấy tiền của mình cho ngân khố vay hai triệu livre,⁹² Ông vẫn bị từ chối chức thượng thư và không được nhận vào Hội đồng Hoàng gia.

Ông làm tốt, trong những giới hạn của tính cách và quyền hành của mình. Ông đã được đào tạo để đối phó với những vấn đề về ngân hàng hơn là quốc sự; ông có thể làm cho đồng tiền sinh sôi nảy nở thành công hơn là quản lý con người. Trong lĩnh vực tài chính, ông thiết lập nên trật tự, trách nhiệm giải trình và việc tiết kiệm tốt hơn; ông bãi bỏ hơn 500 chức vị ngồi mát ăn bát vàng hoặc thừa thãi. Được sự tin tưởng của cộng đồng tài chính, ông có thể đạt được những khoản vay mang lại cho ngân khố 148 triệu livre trong vòng một năm. Ông xúc tiến một số cải cách nhỏ, giảm bớt sự bất bình đẳng trong việc đóng thuế, cải thiện các bệnh viện và tổ chức những hiệu cầm đồ để cho người nghèo vay tiền với lãi suất thấp. Ông tiếp tục những nỗ lực của Turgot để kiểm tra các khoản chi tiêu của triều đình, của gia đình

Nhà Vua và Hoàng hậu. Việc thu thuế gián thu được giao lại cho những người thầu thuế (1780) nhưng Necker giảm bớt con số của họ và buộc họ phải chịu sự kiểm tra và quản lý chặt chẽ hơn. Ông thuyết phục Louis XVI cho phép thành lập các hội đồng hàng tỉnh ở Berry, Grenoble và Montauban; và đặt ra một tiền lệ quan trọng bằng cách dàn xếp để cho trong các hội đồng này số đại biểu của Đảng cấp Thứ ba (các giai cấp trung lưu và bình dân) bằng với số lượng đại biểu của các giai cấp quý tộc và giáo sĩ cộng lại. Tuy nhiên, Nhà Vua có quyền chọn các thành viên của các hội đồng này và không cho phép họ có quyền lập pháp. Necker đạt được một chiến thắng quan trọng qua việc thuyết phục Nhà Vua trả tự do cho các nông nô còn lại tại các điền trang của hoàng gia và mời gọi tất cả các lãnh chúa phong kiến cũng làm tương tự. Khi họ từ chối, Necker khuyên Nhà Vua bãi bỏ toàn bộ chế độ nông nô ở nước Pháp với những khoản đền bù cho các chủ nhân; nhưng Nhà Vua, bị giam hãm trong những truyền thống của mình, trả lời rằng, các quyền sở hữu là một thiết chế rất cơ bản nên không thể bãi bỏ bằng một chỉ dụ.⁹³ Năm 1780, một lần nữa theo sự thúc giục của Necker, ông hạ lệnh chấm dứt việc tra tấn để lấy cung, sử dụng những nhà tù dưới mặt đất và tách rời các tội phạm đã bị kết án khỏi những người chưa được xét xử; và tách rời cả hai nhóm này với những người bị bắt vì nợ nần. Những việc này và những thành tựu khác nữa trong nhiệm kỳ đầu của Necker đáng được công nhận nhiều hơn nữa so với những gì chúng thường được đón nhận. Nếu hỏi tại sao ông không làm sâu hơn và nhanh hơn, chúng ta nên nhớ là Turgot đã bị chỉ trích vì đi quá nhanh và tạo ra quá nhiều kẻ thù trong cùng một lúc. Necker bị chỉ trích vì đã thực hiện những khoản vay thay vì tăng thuế nhưng ông cảm thấy dân chúng đã bị đánh thuế đủ rồi.

Bà Campan, luôn ở bên tấn kịch đang diễn ra, tóm tắt rất hay thái độ của Nhà Vua đối với các thượng thư của ông:

“Turgot, Malesherbes và Necker đánh giá rằng, ông hoàng này, khiêm tốn và giản dị trong những thói quen của mình, sẵn sàng hy sinh đặc quyền của Nhà Vua cho sự vĩ đại vững vàng của dân chúng. Con tim ông muốn ông cải cách nhưng những thành kiến và những mối lo sợ của ông và tiếng la ó của những kẻ ngoan đạo và đang giữ đặc quyền đã đe dọa ông và làm cho ông bỏ rơi những kế hoạch mà lòng yêu dân chúng của ông đã gọi nên.”⁹⁴ Thế nhưng ông đã dám nói, trong một tuyên bố công khai (1780) có thể do Necker chuẩn bị sẵn, rằng “tiền thuế của thành phần nghèo nhất trong số các thần dân của trăm” đã “gia tăng theo tỉ lệ lớn hơn rất nhiều so với phần còn lại” và ông bày tỏ “những hy vọng” của mình “rằng người giàu sẽ không nghĩ mình sai trái khi, được đặt trở lại vào mức độ chung [của việc đóng thuế], họ sẽ phải đáp ứng những lời buộc tội cho rằng lẽ ra từ lâu họ phải chia sẻ bình đẳng hơn với những người khác.”⁹⁵ Ông rùng mình với ý nghĩ về Voltaire nhưng một cách vô thức, tinh thần tự do của ông đã được tạo nên bởi công trình mà Voltaire, Rousseau và các *philosophe*ⁱ nói chung đã thực hiện để vạch trần những sự lạm dụng cũ và khuấy động cho cuộc sống mới những tình cảm nhân đạo trước đây được gắn liền với Cơ Đốc giáo. Trong nửa đầu của triều đại mình, Louis XVI đã bắt đầu những cuộc cải cách mà nếu được tiếp tục và mở rộng dần thì có thể đã tránh được cách mạng. Và chính dưới triều ông vua nhu nhược này mà nước Pháp bị nước Anh cướp đoạt và làm nhục dưới thời những người tiền nhiệm ông, đã can đảm và thành công đánh lại nước Anh kiêu hãnh, và, trong quá trình đó, đã giúp giải phóng Hoa Kỳ.

i *Philosophe* (triết gia, in nghiêng): chỉ chung các nhà văn, nhà khoa học hoặc nhà tư tưởng trong thời Khai minh ở Pháp vào thế kỷ XVIII; mặc dù quan điểm cá nhân khác biệt nhưng tất cả đều tin chắc vào ưu thế của lý trí con người như: Voltaire, Montesquieu, Rousseau, Diderot, d'Alembert, Condillac...

VII. NƯỚC PHÁP VÀ HOA KỲ

Triết học từng có lúc nhất trí với ngoại giao: những tác phẩm của Voltaire, Rousseau, Diderot, Raynal và hàng trăm người khác đã chuẩn bị cho tinh thần người Pháp ủng hộ việc giải phóng các thuộc địa cũng như trí tuệ và nhiều nhà lãnh đạo Hoa Kỳ - Washington, Franklin, Jefferson - là những người con của thời Khai minh Pháp. Do đó, khi Silas Deane đến Pháp (tháng Ba năm 1776) để tìm một khoản vay cho các thuộc địa đang nổi dậy, công luận tỏ ra có thiện cảm mạnh mẽ. Beaumarchais nhiệt tình gửi cho Vergennes hết tham luận này đến tham luận khác, thúc giục ông ta giúp đỡ Hoa Kỳ.

Vergennes là một nhà quý tộc tin tưởng vào chế độ quân chủ và quý tộc và không hề là bạn của những nền cộng hòa hay những cuộc cách mạng. Nhưng ông mong mỗi nước Pháp trả thù nước Anh. Ông không muốn phê chuẩn bất cứ khoản viện trợ công khai nào cho Hoa Kỳ vì hải quân của Anh hãy còn mạnh hơn của Pháp mặc cho những khoản tiền Sartine đổ ra và trong một cuộc chiến công khai, nó có thể hủy diệt ngành hàng hải của nước Pháp. Nhưng ông khuyên Nhà Vua cho phép một số khoản viện trợ bí mật. Nếu (ông biện luận) Anh quốc nghiền nát cuộc nổi dậy, nó sẽ có, ở bên trong hoặc gần nước Mỹ, một hạm đội có khả năng mặc sức thôn tính các thuộc địa của Pháp và Tây Ban Nha trong vùng Caribbean. Nếu cuộc nổi dậy có thể kéo dài, nước Pháp sẽ được củng cố hơn, nước Anh sẽ suy yếu hơn và hải quân Pháp có thể hoàn tất chương trình đổi mới của mình. Louis run rẩy với ý nghĩ giúp đỡ cho một cuộc cách mạng và ông cảnh báo Vergennes về mọi hành động công khai có thể dẫn đến chiến tranh với Anh.⁹⁶

Vào tháng Tư, Vergennes viết cho Beaumarchais:

Chúng tôi sẽ bí mật chuyển cho ông một triệu livre. Chúng tôi sẽ cố đạt được một khoản tiền tương tự từ Tây Ban Nha



Hình 8. Washington và Lafayette ở Mount Vernon năm 1784 (Tranh của Rossiter và Mignot, 1859)

[Họ đã đạt được.] Với hai triệu này, ông sẽ thiết lập một sở kinh doanh và ông sẽ gánh lấy rủi ro và nguy hiểm trong việc cung cấp cho người Mỹ vũ khí, đạn dược, trang thiết bị và mọi thứ khác họ sẽ cần để duy trì cuộc chiến. Công xưởng của chúng ta sẽ giao cho ông các vũ khí và đạn dược nhưng ông sẽ thay thế chúng hoặc trả tiền cho chúng. Ông không nên hỏi tiền người Mỹ vì họ không có đâu; nhưng ông sẽ đòi họ đáp lại bằng các nông sản mà chúng tôi sẽ giúp ông bán ở nước nhà.⁹⁷

Với số tiền này, Beaumarchais đã mua đại bác, súng hỏa mai, thuốc súng, quân phục và quân trang cho 25.000 người. Ông gửi những thứ này đến một hải cảng nơi Dean đã tập trung và sửa chữa nhiều tàu lừngⁱ của Mỹ. Chuyến hàng mới đến hoặc sự bảo đảm của nguồn viện trợ này đã khuyến khích những người thực dân công bố bản Tuyên ngôn Độc lập (4-7-1776). Được dịch sang tiếng Pháp và được lưu hành với sự chấp thuận ngầm của chính phủ Pháp, bản tuyên bố được đón mừng với lòng nhiệt thành và niềm vui bởi các *philosophe* và các đồ đệ của Rousseau, những người nhận ra một số tiếng vọng của bản *Khế ước Xã hội* trong đó. Đến tháng Chín, Quốc hội Hoa Kỳ bổ nhiệm Benjamin Franklin và Arthur Lee sang làm đại biểu ở Pháp, tham gia cùng với Deane và không chỉ tìm kiếm thêm quân nhu mà còn tìm kiếm một liên minh công khai nếu có thể.

Đây không phải là lần đầu tiên Franklin xuất hiện ở châu Âu. Năm 1724, chưa được 19 tuổi, ông đã sang Anh quốc. Ông làm việc như một chủ nhà in, xuất bản một tập sách bảo vệ cho chủ nghĩa vô thần,⁹⁸ trở về Philadelphia và với chủ nghĩa hữu thần, lấy vợ, gia nhập Hội Tam điểm và nổi tiếng khắp thế giới như một nhà phát minh và một nhà khoa học. Năm 1757, ông được cử sang Anh để đại diện cho Quốc hội Pennsylvania trong một cuộc tranh luận về thuế. Ông ở

i Tàu lừng (privateer): tàu của tư nhân được chính phủ giao nhiệm vụ chuyên đi bắt tàu buôn địch

lại Anh 5 năm, gặp gỡ Johnson và các nhân sĩ khác, đi thăm Scotland, gặp Hume và Robertson, nhận một văn bằng của Đại học St. Andrews và từ đó là Tiến sĩ Franklin. Ông lại sang Anh từ năm 1766 đến năm 1775, đọc diễn văn trước Viện Dân biểu phản đối Thuế Tem, cố gắng hòa giải và trở về Mỹ khi thấy chiến tranh sắp sửa nổ ra. Ông tham gia vào việc soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.

Ông đến Pháp vào tháng Mười hai năm 1776, mang theo hai đứa cháu cùng với ông. Giờ đây ông đã bảy mươi tuổi, trông có vẻ như là hiện thân của chính sự minh triết; cả thế giới đều nhận ra chiếc đầu đồ sộ, mái tóc bạc thưa thớt, khuôn mặt như vàng trắng tròn rạng rỡ mới mọc của ông. Các nhà khoa học chất đầy vinh dự lên ông, các triết gia và các nhà trọng nông hoan nghênh ông như là người thuộc về cùng cánh với họ, còn những người ngưỡng mộ cổ La Mã nhìn thấy trong ông Cincinnatus, Scipio Africanus và cả hai Cato,ⁱ tất cả được tái sinh. Các mệnh phụ ở Paris vấn tóc thành một khối xoắn để bắt chước chiếc mũ trùm đầu bằng lông hải ly của ông; chắc hẳn họ đã nghe về nhiều mối tình của ông. Các triều thần sững sốt với vẻ giản dị trong cử chỉ, y phục và cách nói năng của ông; nhưng thay vì ông trông có vẻ lỗi lạc trong bộ đồ hầu như quê mùa thì việc phô bày nhung, lụa và đăng ten của chính họ giờ đây lại tỏ ra là một nỗ lực phù phiếm để che đậy thực tế bằng vẻ phô trương. Thế nhưng, họ cũng đón nhận ông vì ông không đề cập đến những chuyện xa vời thiếu thực tế. Ông trò chuyện có lý lẽ và lương tri và cho thấy một sự nhận thức đầy đủ về những khó khăn và những sự kiện. Ông ý thức được mình là một tín đồ Tin Lành, một kẻ hữu thần và một con người cộng hòa đang đi tìm sự giúp đỡ từ một quốc gia theo Công giáo và một vị Vua sùng đạo.

i *Hai Cato*: tức Cato Già (Marcus Porcius Cato 234-149 BC, chính khách La Mã) và Cato Trẻ (Marcus Porcius Catō Uticensis 95-46 BC, là cháu của Cato già, chính khách vào cuối thời Cộng hòa La Mã, được nhớ lại vì cuộc xung đột kéo dài của ông với Gaius Julius Caesar và đạo đức liêm chính).



Hình 9. *Benjamin Franklin thu điện từ trên trời*
(tranh sơn dầu của Benjamin West, khoảng năm 1816)

Ông bắt tay vào việc một cách thận trọng. Ông không làm phật lòng ai và ai cũng hài lòng. Ông không chỉ tỏ lòng kính trọng đối với Vergennes mà còn với Mirabeau *père* (cha) và Bà du Deffand; chiếc trán hói của ông tỏa sáng tại các khách thánh và Académie des Sciences (Hàn lâm viện Khoa học). Một nhà quý tộc trẻ, Công tước de La Rochefoucauld, lấy làm kiêu hãnh là thư ký của ông. Các đám đông chạy theo ông khi

ông xuất hiện ngoài đường phố. Những cuốn sách của ông, được dịch và xuất bản dưới hình thức *Oeuvres complètes* (Toàn tập) được đón chào rộng rãi; một tập, *La Science du bonhomme Richard* (Poor Richard's Almanac - Niên giám của chàng Richard đáng thương), được xuất bản đến tám lần trong vòng 3 năm. Franklin tham gia Hội quán Neuf Soeurs (Chín chị em) của Hội Tam điểm và được bầu làm hội viên danh dự; những người ông gặp ở đây đã giúp ông thuyết phục nước Pháp trở thành một đồng minh của Mỹ. Nhưng ông không thể lập tức yêu cầu chính phủ công khai ủng hộ. Đạo quân của Washington đang rút lui trước Sir William Howe và tinh thần của nó dường như suy sụp. Trong khi chờ đợi những biến cố thuận lợi hơn, Franklin định cư ở Passy, một khu ngoại ô xinh đẹp của Paris và nghiên cứu, thương lượng, viết những tài liệu tuyên truyền dưới những bút danh, tiếp đãi Turgot, Lavoisier, Morellet, Cabanis và ve vãn Bà d'Houdetot ở Sannois và Bà Helvétius ở Auteuil; vì những người phụ nữ này có một vẻ quyến rũ khiến họ luôn hấp dẫn bất kể tuổi tác.

Trong khi đó, Beaumarchais và những người khác đang gửi đồ tiếp tế cho các thuộc địa, và các sĩ quan quân đội Pháp đăng ký phục vụ dưới quyền Washington. Năm 1776 Silas Deane viết: “Tôi gần như bị quấy rầy cho đến chết vì những đơn xin của các sĩ quan muốn sang Mỹ... Ở đây tôi có mười chiếc tàu, tôi có thể chất đầy chúng bằng những hành khách muốn đi Mỹ.”⁹⁹ Cả thế giới đều biết việc Hầu tước Lafayette, 19 tuổi, đã rời bỏ một người vợ tận tụy và đang mang thai để ra đi (tháng Tư năm 1777) và phục vụ không lương trong đạo quân thuộc địa. Ông thú nhận với Washington: “Điều mà tôi khát khao là vinh quang.”¹⁰⁰ Trong lúc đi tìm vinh quang, chàng đã đối mặt với nhiều hiểm nguy và nhọc nhằn, bị thương ở Brandywine, chia sẻ những cảnh khó khăn ở Valley Forge và chiếm được cảm tình thân thiết của con người thường hay dè dặt Washington.



Hình 10. *Trung tướng Lafayette*
(tranh sơn dầu của Joseph-Désiré Court, 1791)

Ngày 17-10-1777, một lực lượng gồm 5.000 binh lính Anh và 3.000 lính đánh thuê Đức, trong lúc di chuyển từ Canada xuống, đã bị tràn ngập ở Saratoga bởi một đạo quân thuộc địa 20.000 người và phải đầu hàng. Khi tin tức về chiến thắng này của quân đội Mỹ lan tới Pháp, lời kêu gọi của Franklin, Deane và Lee về việc liên minh được thêm nhiều cố vấn của

Nhà Vua chấp thuận. Necker chống đối việc này vì không muốn thấy ngân sách hầu như được cân bằng của ông lại bị đảo lộn vì những chi phí cho một cuộc chiến. Vergennes và Maurepas đạt được sự chấp thuận miễn cưỡng của Louis XVI bằng cách cảnh báo ông rằng nước Anh - từ lâu đã biết và tức giận vì viện trợ của Pháp cho Hoa Kỳ - có thể dàn hòa với các thuộc địa của họ và chuyển toàn bộ lực lượng quân sự sang chống lại nước Pháp. Ngày 6-2-1778, chính phủ Pháp ký hai hiệp ước với “Hợp chủng quốc Hoa Kỳ”: một bản thiết lập các quan hệ thương mại và trợ giúp, bản kia bí mật quy định rằng, nếu nước Anh tuyên chiến với nước Pháp, các bên ký kết sẽ cùng tham gia vào việc phòng thủ; không bên nào được dàn hòa mà không có sự đồng ý của bên kia và cả hai sẽ tiếp tục chiến đấu chống lại nước Anh cho đến khi Hoa Kỳ giành được độc lập.

Ngày 20 tháng Ba, Louis tiếp kiến các phái viên Hoa Kỳ; Franklin đi vớ lụa dài cho dịp này. Vào tháng Tư, John Adams đến thay cho Deane; ông sống với Franklin ở Passy nhưng thấy vị triết gia già quá bận rộn với phụ nữ nên chỉ còn ít thời gian cho công việc chính. Ông cãi lộn với Franklin, cố làm cho ông bị triệu hồi về nhưng thất bại và trở về Hoa Kỳ. Franklin được bổ nhiệm làm bộ trưởng đại diện toàn quyền ở Pháp (tháng Chín năm 1779). Năm 1780, ở tuổi 74, ông cầu hôn Bà Helvétius, lúc đó 61 tuổi, nhưng thất bại.

Cuộc chiến được lòng hầu hết người Pháp, ngoại trừ Necker. Ông phải tăng thêm những khoản tiền lớn mà nước Pháp cho Hoa Kỳ mượn: 1 triệu livre năm 1778, 1 triệu nữa năm 1779, 4 triệu năm 1780, 4 triệu năm 1781, 6 triệu năm 1782.¹⁰¹ Ông tiến hành thương lượng riêng với Lord Northⁱ (1-12-1779) với hy vọng tìm được một công thức hòa bình.¹⁰²

i *Lord North*: tức Frederick North, từ 1790 còn được gọi là Bá tước Guilford thứ II (1732 - 1792.). Thủ tướng Anh từ 1770 đến 1782. Sự lãnh đạo do dự của ông được cho là đã góp phần vào việc Anh quốc thất bại trước các thuộc địa Mỹ trong cuộc Cách mạng Hoa Kỳ (1775-1783).

Ngoài những khoản vay này, ông còn phải thu góp tiền bạc để tài trợ cho chính phủ, quân đội, hải quân và triều đình Pháp. Tính tổng cộng ông đã vay mượn 530 triệu livre từ các ngân hàng và công chúng.¹⁰³ Ông vỗ về giới giáo sĩ cho vay 14 triệu, trả góp mỗi năm 1 triệu. Ông vẫn từ chối tăng thuế mặc dù sự thịnh vượng của các giai cấp thượng lưu có thể đã khiến cho việc này không khó khăn mấy; những người kế nhiệm ông sẽ phàn nàn rằng ông đã để lại cho họ sự cần thiết không thể tránh khỏi này. Các nhà tài chính ủng hộ ông vì ông đã cho phép họ, qua các khoản vay, được hưởng những lãi suất cao mà họ đòi hỏi trên cơ sở họ đang trải qua những nguy cơ không bao giờ được trả lại.

Để cổ vũ cho niềm tin trong cộng đồng tài chính, Necker, với sự đồng ý của Nhà Vua, tháng Một năm 1781 đã công bố một bản *Compte rendu au Roi* (Báo cáo đệ trình lên Hoàng thượng) có nội dung thông báo cho Nhà Vua và quốc gia các khoản thu nhập và chi phí. Nó làm cho bức tranh sáng sủa bằng cách bỏ đi những kinh phí quân sự và những khoản tiền phải trả “bất thường” khác và không kể đến món nợ của quốc gia. Báo cáo được công chúng mua tới 30.000 bản trong 12 tháng. Necker được hoan hô như một nhà phù thủy về tài chính, người đã cứu vãn chính phủ khỏi cảnh phá sản. Catherine Đại đế yêu cầu Grimm bảo đảm với Necker về “lòng ngưỡng mộ vô biên của bà đối với bản báo cáo và tài năng của ông ta.”¹⁰⁴ Nhưng triều đình giận dữ vì bản *Báo cáo đệ trình lên Hoàng thượng* đã phô bày quá nhiều sự lạm dụng tài chính trong quá khứ và quá nhiều khoản trợ cấp đã được rút ra từ ngân khố. Vài người chỉ trích bản tài liệu này như chỉ là lời ca tụng của vị thượng thư đối với chính ông. Maurepas trở nên ghen tị với Necker như đã từng ghen với Turgot và tham gia cùng với nhiều người vào việc đề nghị cho thải hồi ông ta. Hoàng hậu, mặc dù lấy làm bức mình vì những chủ trương tiết kiệm của Necker, bảo vệ ông, nhưng Vergennes gọi ông là một tên cách mạng¹⁰⁵ và các giám quan lo sợ Necker

có kế hoạch làm suy yếu họ bằng cách thiết lập thêm những hội đồng hàng tỉnh cũng tham gia vào việc la ó và săn đuổi. Necker tạo nên sự sụp đổ của chính mình bằng cách tuyên bố ông sẽ từ chức, trừ khi được ban cho đầy đủ chức vị và quyền hành của một bộ trưởng, với một ghế trong Hội đồng Nhà Vua. Maurepas tâm với Nhà Vua rằng, nếu làm như vậy thì tất cả các bộ trưởng khác sẽ từ chức. Louis nhượng bộ, và để Necker ra đi (19-5-1781). Toàn thể Paris ngoại trừ triều đình thương tiếc cho sự sụp đổ của ông. Joseph II gửi lời chia buồn; Catherine mời ông sang điều hành công việc tài chính của nước Nga.¹⁰⁶

Ngày 12-10-1779, Tây Ban Nha tham gia cùng nước Pháp chống lại nước Anh, và các hạm đội Tây Ban Nha và Pháp được kết hợp lại, với 140 tàu chiến tuyến,ⁱ giờ đây hầu như tương đương với 150 tàu của hải quân Anh,¹⁰⁷ và làm gián đoạn sự thống trị của Anh trên các biển cả. Sự thay đổi trong cán cân quyền lực hải quân này đã tác động cực kỳ mạnh mẽ lên cuộc chiến tranh Hoa Kỳ. Đạo quân chính của Anh ở Mỹ, 7.000 người dưới quyền Lord Cornwallis, trấn giữ một cứ điểm được phòng thủ ở Yorktown trên bờ Sông York ở gần Vịnh Chesapeake. Lafayette với 5.000 người và Washington với 11.000 người (kể cả 3.000 quân Pháp dưới quyền Bá tước de Rochambeau) đã quy tụ về Yorktown và chiếm giữ tất cả những lối vào trên bộ có thể sử dụng được. Ngày 5-9-1781, một hạm đội Pháp dưới quyền Bá tước de Grasse đã đánh bại một đội tàu chiến Anh trong vịnh và rồi đóng chặt mọi lối thoát bằng đường thủy đối với lực lượng của Cornwallis đang bị áp đảo. Bị cạn hết lương thực, Cornwallis đầu hàng cùng toàn bộ binh sĩ của ông (19-10-1781). Nước Pháp có thể nói rằng, de Grasse, Lafayette và Rochambeau đã đóng vai trò chủ yếu trong điều được chứng tỏ là sự kiện quyết định của cuộc chiến tranh.

i *Tàu chiến tuyến* (Ship of the line): loại tàu chiến rất lớn, trang bị hỏa lực hùng hậu ở hai bên mạn tàu, được chế tạo từ thế kỷ XVII cho đến giữa thế kỷ XIX.

Nước Anh yêu cầu thương lượng. Shelburne cử những phái bộ riêng rẽ sang gặp chính phủ Pháp và các phái viên Hoa Kỳ ở Pháp hy vọng khiến cho hai nước đồng minh quay sang chống nhau. Trước đó (1781), Vergennes đã trù tính hòa bình với Anh trên cơ sở phân chia phần lớn Bắc Mỹ giữa Anh, Pháp và Tây Ban Nha.¹⁰⁸ Ông thỏa thuận với Tây Ban Nha giữ Thung lũng sông Mississippi dưới quyền kiểm soát của châu Âu.¹⁰⁹ Tháng Mười năm 1782, ông đề nghị ủng hộ Anh trong nỗ lực của họ nhằm loại các tiểu bang Hoa Kỳ ra khỏi vùng đánh cá Newfoundland.¹¹⁰ Những cuộc thương lượng này hoàn toàn phù hợp với các tiền lệ ngoại giao, nhưng các phái viên Mỹ khi biết được chúng cảm thấy mình cũng có quyền thực hiện những vụ đàm phán bí mật tương tự. Vergennes và Franklin thỏa thuận rằng mỗi đồng minh có thể thảo luận riêng rẽ với Anh nhưng không nước nào được ký hòa ước mà không có sự đồng ý của nước kia.¹¹¹

Các nhà thương thuyết Hoa Kỳ - chủ yếu là John Jay và Franklin - đã chơi trò ngoại giao một cách xuất sắc. Họ không những đạt được nền độc lập mà còn quyền đi vào các ngư trường ở Newfoundland, một nửa các Hồ Lớn và toàn thể diện tích rộng lớn và phong phú nằm giữa dãy Alleghenies và sông Mississippi; đây là những điều khoản tốt hơn nhiều so với những gì Quốc hội Hoa Kỳ mong đạt được. Ngày 30-11-1782 Jay, Franklin và Adams ký một hiệp ước sơ bộ với Anh. Về mặt chính thức, điều này vi phạm thỏa thuận với Vergennes; nhưng hiệp ước quy định là sẽ chỉ có hiệu lực sau khi Anh ký hòa ước với Pháp. Vergennes phàn nàn rồi chấp nhận tình thế. Ngày 3-9-1783, hiệp ước chính thức được ký - “nhân danh Chúa Ba ngôi Thần thánh và Bất khả phân tối cao”¹¹² - giữa Anh và Hoa Kỳ tại Paris, giữa Anh, Pháp và Tây Ban Nha tại Versailles. Franklin còn ở lại Pháp làm đại sứ Hoa Kỳ cho đến năm 1785. Khi ông mất tại Philadelphia ngày 17-4-1790, Quốc hội Lập hiến Pháp để tang ba ngày.

Chính phủ Pháp bị phá sản vì chiến tranh và sự phá sản đó đã đưa đến cuộc Cách mạng. Tính chung, nước Pháp đã chi một tỉ livre cho cuộc xung đột và lãi suất trên những món nợ quốc gia đã dần dần kéo ngân khố xuống mức không trả được nợ. Mặc dù vậy, món nợ đó là chuyện giữa chính phủ và người giàu; nó ít tác động lên người nghèo, nhiều người trong số họ đã thịnh vượng nhờ sự kích thích của công nghiệp. Chế độ quân chủ bị tổn thương nghiêm trọng chứ không phải quốc gia; nếu không thì làm sao lịch sử có thể giải thích sự thành công mà nền kinh tế và những đạo quân của Cách mạng Pháp đã dựa vào để đương đầu với một nửa châu Âu từ năm 1792 đến năm 1815?

Chắc chắn là tinh thần của nước Pháp đã được nâng cao. Các chính khách nhìn thấy trong nền hòa bình năm 1783 một sự hồi sinh đặc thắng từ nỗi nhục nhã năm 1763. Các *philosophe* hoan nghênh kết quả này như một chiến thắng của những quan điểm của họ; và thực vậy, Tocqueville nói: “Người Mỹ dường như đã thực hiện những gì mà các nhà văn của chúng ta đã quan niệm.”¹¹³ Nhiều người Pháp nhìn thấy trong thành tựu của các thuộc địa [Mỹ] một sự báo trước đầy cảm hứng của tư tưởng dân chủ đang lan truyền khắp châu Âu. Các ý tưởng dân chủ tiềm ẩn cả giới quý tộc và các *parlement* (pháp viện tối cao). Bản Tuyên ngôn Nhân quyền (Declaration of Rights) được hội nghị lập hiến Virginia công bố ngày 12-6-1776 và Đạo luật Nhân quyền (Bill of Rights) được bổ sung vào Hiến pháp Hoa Kỳ trở thành một phần kiểu mẫu cho bản Tuyên ngôn Nhân quyềnⁱ mà Quốc hội Lập hiến Pháp ban hành ngày 26-8-1789.

Đó là niềm vinh quang cuối cùng, tột đỉnh của tinh thần hiệp sĩ của nước Pháp phong kiến khi nó chết trong lúc giúp tạo dựng nền dân chủ ở Hoa Kỳ. Đúng là hầu hết chính khách

i Tên đầy đủ trong tiếng Pháp: *Déclaration des droits de l'homme et du citoyen de 1789* (Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789).

Pháp đã nghĩ đến việc hồi sinh nước Pháp. Nhưng lòng nhiệt thành của những nhà quý tộc như Lafayette và Rochambeau là có thật; họ liên tục liều mạng sống của mình khi phục vụ cho một quốc gia mới ra đời. “Còn lâu tôi mới là người duy nhất” Bá tước de Ségur viết: “có trái tim rộn ràng khi nghe thấy lời thức tỉnh của tự do, đấu tranh để vứt bỏ cái ách của quyền hành chuyên chế.”¹¹⁴ Con người nổi tiếng nhất trong số những nhà quý tộc từ bỏ các quyền phong kiến trong Quốc hội Lập hiến (4-8-1789) ở đây đã được báo trước và chuẩn bị. Đó là một cuộc mổ bụng tự sát (hara-kiri) dũng cảm. Nước Pháp đã ban tặng tiền bạc và xương máu cho Hoa Kỳ và đổi lại, đã nhận được một sự thôi thúc mới mẻ và hùng mạnh của tự do.

CHƯƠNG II

THẦN CHẾT VÀ CÁC TRIẾT GIA

1774-1807

I. VOLTAIRE VỀ CUỐI ĐỜI

1. Ánh Hoàng hôn ở Ferney

Voltaire được tám mươi tuổi vào năm 1774. Ông bị vài cơn ngất trong những năm này; chúng ta gọi đó là những cơn đột quỵ nhẹ, ông gọi chúng là *petites avertissements* (những lời cảnh báo nho nhỏ). Ông nhún vai coi thường chúng vì từ lâu đã quen với chuyện sắp chết. Ông sống nhờ những lời nịnh hót của các ông vua và các nữ hoàng và nhấm nháp thưởng thức chúng. Catherine Đại đế gọi ông là “con người lấy lòng nhất trong thời đại chúng ta.”¹ Frederick Đại đế thuật lại năm 1775: “Dân chúng xâu xé nhau để giành lấy những pho tượng bán thân của Voltaire tại xưởng làm đồ sứ” ở Berlin, “tại đây, người ta sản xuất không đủ nhanh để đáp ứng nhu cầu.”² Từ lâu, Ferney đã trở thành một chốn hành hương của giới trí thức châu Âu; giờ đây nó gần như là một điện thờ tôn giáo. Ta hãy nghe Bà Suard kể lại sau cuộc viếng thăm năm 1775: “Tôi đã gặp Ông Voltaire. Những cảm xúc mãnh liệt về Thánh Theresa không thể vượt qua được những gì tôi đã trải nghiệm khi nhìn thấy bậc vĩ nhân này. Dường như tôi đang đứng trước một vị thần, một vị thần được yêu mến và tôn thờ, vị thần mà cuối cùng tôi đã có thể bày tỏ tất cả lòng tri ân

và sự kính trọng của tôi.”³ Năm 1776, khi đi qua Geneva, ông gần như bị ngạt thở bởi đám đông nhiệt tình vây quanh ông.

Ngay cả ở những năm tám mươi tuổi, ông vẫn tiếp tục quan tâm đến chính trị và văn học. Ông tán dương sự đăng quang của Louis XVI bằng một bài *Éloge historique de la raison* (Lời tán dương lịch sử đối với lý trí); trong đó, bằng cách tiên đoán, ông gợi ý một số cải cách có thể làm cho vị tân vương được hậu thế yêu quý:

Các luật lệ nên được xây dựng đồng nhất... Lộc thánh thu được từ nhiều nguồn khác nhau [bởi giáo sĩ], việc chi tiêu thừa mứa, nên được cắt giảm... Tài sản khổng lồ của một số người ăn không ngồi rồi nhưng nguyên sống nghèo khổ nên được ban cho những người nghèo làm việc vất vả. Những cuộc hôn nhân của cả trăm nghìn gia đình [theo đạo Tin Lành] có ích cho quốc gia sẽ không còn được xem là không chính thức và con cái của họ cũng sẽ không được xem là bất hợp pháp... Những vi phạm nho nhỏ sẽ không còn bị trừng phạt như những trọng tội... Việc tra tấn sẽ không còn được dùng đến... Sẽ không còn cảnh hai quyền lực [nhà nước và Giáo hội] vì chỉ có thể có một - quyền lực của luật pháp Nhà Vua trong một chế độ quân chủ, quyền lực của quốc gia trong một chế độ cộng hòa... Cuối cùng, chúng ta sẽ dám nói lên từ *khoan dung*.⁵

Louis đã hoàn thành nhiều cải cách trong số này, ngoại trừ lĩnh vực Giáo hội. Là người mộ đạo thành thật và tin chắc rằng sự trung thành của Giáo hội là mối hậu thuẫn không thể thiếu đối với ngai vàng của ông, ông phàn nàn về ảnh hưởng của Voltaire. Tháng Bảy năm 1774, chính phủ ông chỉ thị cho vị giám quan ở Burgundy canh chừng con người tà giáo lớn tuổi và tịch thu tức thời mọi giấy tờ của ông ta ngay sau khi ông ta chết. Marie Antoinette có cảm tình với Voltaire, đã khóc khi xem buổi trình diễn vở *Tancrède* của ông, và nói bà muốn “ôm hôn tác giả”;⁶ ông gửi cho bà những câu thơ thú vị.

Ông có một thời gian ngắn lạc quan khi ông bạn Turgot của ông được bổ nhiệm làm tổng thanh tra tài chính; nhưng khi Turgot bị bãi chức, ông rơi vào một tâm trạng bi quan như của Pascal đối với những công việc nhân gian. Ông hạnh phúc trở lại khi nhận một cô con gái nuôi. Reine Philiberte de Varicourt được giới thiệu với ông vào năm 1775 như là một cô gái mà gia đình quá nghèo nên không thể lo cho cô một món hồi môn, đang có kế hoạch gửi cô vào một nữ tu viện. Vẻ đẹp ngây thơ của cô sưởi ấm năm xương của ông già. Ông nhận cô vào gia đình mình, gọi cô là “Belle et Bonne” (Mỹ và Thiện) và tìm cho cô một người chồng - vị Hầu tước trẻ trung và giàu có de Villette. Họ cưới nhau vào năm 1777 và qua tuần trăng mật ở Ferney. “Thật là một niềm vui khi nhìn cặp tình nhân trẻ của tôi” ông viết: “chúng đang làm việc ngày đêm để sản xuất ra một triết gia bé con cho tôi.”⁷ Ông lão tám mươi không có con vui mừng với ý nghĩ được làm cha, dù chỉ là qua ủy nhiệm.

Trong khi đó ông viết vở kịch cuối cùng của mình, *Irène*, và gửi nó cho nhà hát Comédie-Française. Việc đón nhận nó (tháng Một năm 1778) tạo nên một vấn đề. Theo tục lệ, đoàn kịch sẽ trình diễn các vở kịch theo thứ tự thời gian được chấp thuận; hai vở kịch khác đã được nhận và chấp thuận trước vở của Voltaire - một của Jean-François de Laharpe và một của Nicolas Barthe. Hai tác giả lập tức từ chối quyền ưu tiên trình diễn của mình. Barthe viết cho đoàn kịch:

Một vở kịch mới của Ngài Voltaire đã được đọc cho các bạn nghe. Các bạn sắp xem xét vở *L'Homme personnel* (Con người ích kỷ). Các bạn chỉ phải làm một việc: đừng nghĩ đến vở kịch của tôi nữa. Tôi biết... thủ tục quy định. Nhưng có nhà văn nào dám đòi hỏi quy định trong trường hợp như thế này? Ngài đứng trên luật pháp như một vị vua. Nếu không có vinh hạnh đóng góp vào niềm vui của công chúng thì điều ít nhất tôi có thể làm là không chắn ngang con đường dẫn đến niềm

khoái cảm của họ mà chắc chắn sẽ được tạo ra bởi một vở kịch mới từ một ngôi bút đã từng viết nên các vở *Zaire* và *Mérove*. Tôi hy vọng các bạn sẽ trình diễn vở kịch này sớm nhất có thể được. Xin chúc cho tác giả của nó, cũng như Sophocles,ⁱ tiếp tục viết những bi kịch cho đến khi trăm tuổi và mong sao ông sẽ chết như các bạn đang sống - ngập tràn sự hoan nghênh.⁸

Khi các tin tức này đến với Voltaire, ông thích thú với ý nghĩ đi Paris để đạo diễn cho vở kịch của mình. Xét cho cùng, không có lệnh cấm đoán chính thức hoặc rõ ràng nào cấm ông về Paris. Thế nếu giới giáo sĩ tấn công ông từ bục giảng của họ? Ông đã quen với chuyện đó. Thế nếu họ thuyết phục Nhà Vua đưa ông vào ngục Bastille? Được thôi. Ông cũng đã quen với chuyện này rồi.ⁱⁱ Thật vui sướng biết bao được nhìn thấy lại kinh thành vĩ đại, giờ đây là thủ đô của Thời Khai minh! Hẳn nó đã thay đổi nhiều kể từ khi ông bỏ trốn đi lần cuối, hai mươi tám năm về trước! Và ngoài ra, Bà Denis,ⁱⁱⁱ từ lâu đã chán ngấy cảnh Ferney, vẫn thường xin ông đưa bà về lại Paris. Hầu tước de Villette đã đề nghị cung cấp chỗ cư ngụ thoải mái cho ông tại dinh thự của ông ta trên Đường Beaume. Hàng tá lá thư từ Paris kêu lên: Hãy về đi!

Ông quyết định đi. Nếu chuyến đi có giết chết ông, nó chỉ thúc đẩy cái chuyện vặt không thể tránh khỏi; đã tới lúc chết. Những người hầu trong nhà ông, những người chăm sóc nông trại ông, những nông dân trên đất đai ông, những công nhân trong khu công nghiệp của ông, phản đối và than khóc.

i *Sophocles* (?496-406 trước công nguyên): kịch tác gia nổi tiếng Hy Lạp. Ngày nay tác phẩm của ông chỉ còn lại 7 bi kịch: *Ajax*, *Antigone*, *Oedipus Rex*, *Trachiniae*, *Electra*, *Philoctetes* và *Oedipus ở Colonus*.

ii Voltaire từng bị giam ở Bastille. Khi ra tù, ông nhận được một khoản trợ cấp 1.000 écu từ quan Phụ chính là Công tước d'Orléans. Voltaire đáp lại: "Cảm ơn Điện hạ đã chăm lo việc ăn uống của tôi, tuy nhiên, về chỗ ở, xin đừng lo cho tôi nữa."

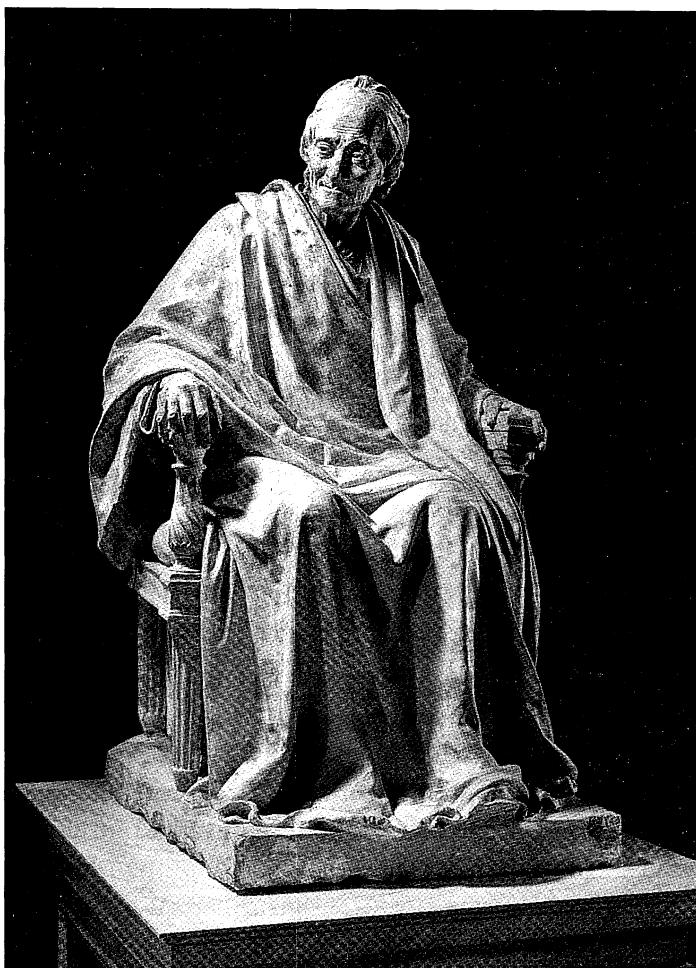
iii Bà Denis: cháu gái gọi Voltaire bằng cậu ruột. Bà ở với Voltaire như người tình và quản gia của ông.

Ông hứa sẽ trở về trong sáu tuần lễ, nhưng họ biết chắc một cách buồn bã rằng họ sẽ không bao giờ nhìn thấy lại ông và người thừa kế nào sẽ đối xử tử tế với họ như ông từng làm? Khi đoàn xe rời Ferney (5-2-1778) những người sống nhờ ông tụ tập quanh ông; nhiều người trong bọn đã khóc, và chính ông cũng không thể kiềm được nước mắt. Năm ngày sau, sau cuộc hành trình dài 480km, ông nhìn thấy Paris.

2. Phong thần

Tại cổng thành phố, các viên chức kiểm tra xe để ngăn ngừa việc buôn lậu. “Thề có đức tin của ta” Voltaire bảo đảm với họ: “ta tin ở đây không có gì là lậu ngoại trừ chính ta.”⁹ Wagnière, thư ký của ông, cam đoan với chúng ta rằng chủ anh ta “trong suốt dọc đường đã có được sức khỏe tốt nhất. Tôi chưa hề thấy ông trong một trạng thái hài hước dễ chịu hơn; niềm hân hoan của ông thật dễ chịu.”¹⁰

Những căn phòng đã được sửa soạn cho ông trong dinh cơ của Ngài de Villette ở góc Đường Beaume và Bến Théatins trên tả ngạn sông Seine. Ngay sau khi xuống xe, Voltaire bước dọc theo bến sông đến nhà của ông bạn d’Argental, giờ đây 78 tuổi, của ông ở gần đấy. Vị Bá tước đi vắng, nhưng không lâu sau đã xuất hiện ở Dinh Villette. “Tôi đã ngừng chết để đến thăm bác” Voltaire nói. Một người bạn cũ khác gửi một bức thư ngắn để chào mừng; ông trả lời với giọng cáo phó duyên dáng như thường lệ: “Tôi về đây như chết rồi và mong được sống lại chỉ để phủ phục dưới chân Bà Hầu tước du Deffand.”¹¹ Hầu tước de Jaucourt thuật lại là Louis XVI đã tỏ ra giận dữ vì thấy Voltaire trở về Paris, nhưng Bà de Polignac đến trấn an ông rằng Marie Antoinette sẽ bảo vệ cho ông.¹² Giới giáo sĩ muốn trục xuất ông nhưng người ta không tìm thấy trong các hồ sơ có lệnh chính thức nào cấm cuộc viếng thăm của Voltaire và Louis bằng lòng với việc bác bỏ yêu cầu của Hoàng hậu muốn nhà văn nổi tiếng khắp thế giới được phép xuất hiện tại triều đình.¹³



Hình 11. *Voltaire* (tượng của Houdon)

Khi tin tức loan truyền khắp Paris rằng con người từng đặt ra giọng điệu trí thức của thế kỷ đã ra khỏi nơi lưu đày sau một thời gian dài, căn phòng tại Dinh Villette đã biến thành một triều đình thật sự với một chiếc ngai vàng. Người ta kể lại, vào ngày 11 tháng Hai đã có hơn 300 người đến thăm, kể cả Gluck, Piccini, Turgot, Talleyrand, Marmontel và các Bà Necker, du Barry và du Deffand. Franklin đến với một

người cháu trai 17 tuổi và xin vị lão trượng chúc phúc cho cháu. Voltaire đưa hai bàn tay lên khỏi đầu chàng trai và nói bằng tiếng Anh: “Con của ta, Đức Chúa Trời và tự do, con hãy nhớ hai chữ này.”¹⁴ Khi dòng khách viếng thăm tiếp tục từ ngày này sang ngày khác, Bác sĩ Tronchin viết cho Hầu tước de Villette: “Giờ đây, Voltaire đang sống nhờ đồng tiền vốn chứ không phải tiền lãi của ông ta và sức mạnh của ông ta sẽ sớm kiệt quệ vì lối sống như vậy.” Bức thư ngắn này được công bố trong tờ *Journal de Paris* ngày 19 tháng Hai có vẻ như để giữ cho những người hiếu kỳ đừng đến nữa.¹⁵ Chính Voltaire khi ở Ferney cũng đã tiên đoán rằng khúc khải hoàn này sẽ bắt ông phải trả giá: “Tôi sẽ chết trong vòng bốn ngày nếu phải sống như một người của công chúng.”¹⁶

Vài tu sĩ nghĩ rằng sẽ là một hành động tốt đẹp nếu đạt được sự hòa giải của ông với Giáo hội Công giáo. Ông sẵn lòng một nửa vì biết rằng chỉ những ai chết trong vòng tay của Giáo hội mới được chôn cất trong đất thánh; và tất cả nghĩa địa ở Pháp là đất được phong thánh.

Do đó, ông hoan nghênh một bức thư của Cha Gaultier gửi cho ông ngày 20 tháng Hai xin được hội kiến. Vị tu sĩ đến ngày 21. Họ trò chuyện một lát mà không có kết quả nào về mặt thần học được biết. Bà Denis xin vị tu sĩ ra về; Voltaire bảo ông ta có thể trở lại. Ngày 25, Voltaire bị xuất huyết nặng, phun máu ra cả miệng và mũi mỗi khi ho. Ông bảo người thư ký gọi Gaultier. Wagnière thú nhận: “Tôi đã tránh gửi thư vì không muốn nói rằng Ngài Voltaire đã tỏ ra yếu đuối. Tôi trấn an ông rằng không tìm thấy vị cha xứ.”¹⁷ Wagnière biết những người hoài nghi ở Paris hy vọng Voltaire sẽ không nhượng bộ Giáo hội vào phút cuối; và có thể đã nghe được lời tiên đoán của Frederick Đại đế: “Ông ta sẽ làm cho tất cả chúng ta nhục nhã.”¹⁸

Tronchin đến và làm ngót cơn xuất huyết nhưng trong 22 ngày tiếp theo Voltaire lại khắc ra máu. Vào ngày 26, ông viết cho Gaultier: “Xin cha hãy đến càng sớm càng tốt.”¹⁹

Sáng hôm sau Gaultier đến, thấy Voltaire đang ngủ và ra về. Vào ngày 28, Voltaire trao cho Wagnière một lời thú nhận đức tin: “Ta chết với lòng tôn thờ Chúa, yêu mến bạn hữu, không thù ghét kẻ thù và ghê tởm sự bức hại.”²⁰ Gaultier trở lại vào ngày 2 tháng Ba; Voltaire yêu cầu được xưng tội. Vị tu sĩ trả lời rằng Jean de Tersac, cha xứ Nhà thờ St.-Sulpice, đã yêu cầu ông có được một tuyên bố hủy bỏ ý kiến [của Voltaire] trước khi nghe xưng tội. Wagnière phản đối. Voltaire bảo mang giấy bút đến và viết bằng chính bàn tay ông:

Tôi, ký tên dưới đây, trong bốn tháng qua đã bị nôn ra máu, và giờ đây ở tuổi 84 không còn có thể lê bước đến nhà thờ; và cha bề trên của St.-Sulpice, muốn bổ sung những hành động tốt đẹp của mình, đã gửi đến đây Cha Gaultier, linh mục. Tôi đã đích thân xưng tội với Cha; và [tuyên bố] rằng nếu Đức Chúa Trời muốn tôi phải chết, tôi chết trong lòng Công giáo mà trong đó tôi đã sinh ra, hy vọng lòng nhân từ thiêng liêng sẽ tha thứ mọi lỗi lầm của tôi; và rằng nếu có khi nào tôi đã phỉ báng Giáo hội, xin Đức Chúa Trời và Giáo hội tha thứ cho tôi. - Ký tên, VOLTAIRE, ngày 2 tháng Ba năm 1778, tại nhà Hầu tước de Villette.²¹

Ông de Vielleville và Cha Mignot (một người cháu của Voltaire) ký vào bản tuyên bố với tư cách người làm chứng. Gaultier mang nó đến vị Tổng giám mục ở Conflans (một khu ngoại ô) và cha bề trên của St.-Sulpice, cả hai người này đều tuyên bố chưa đầy đủ.²² Mặc dù vậy, Gaultier cũng chuẩn bị cử hành lễ ban Bí tích Thánh thể cho Voltaire nhưng Voltaire đề nghị nên hoãn lại và cho rằng: “Tôi đang liên tục ho ra máu; chúng ta nên tránh pha trộn máu của tôi với máu của Chúa lòng lành.”²³ Chúng ta không biết những lời này được nói với ý nghĩa gì - mộ đạo hay hóm hỉnh.

Ngày 3 tháng Ba, Diderot, d' Alembert và Marmontel đến thăm người bệnh. Hôm đó, khi Gaultier ghé lại, với chỉ thị

của bề trên nhằm có được một lời xưng tội “ít mập mờ và có nhiều chi tiết hơn”, ông được bảo là Voltaire đang ở trong tình trạng không thể tiếp ông được. Gaultier trở lại nhiều lần, nhưng lần nào cũng bị anh bảo vệ người Thụy Sĩ đứng ở cửa xua đi. Ngày 4 tháng Ba, Voltaire viết cho cha bề trên của nhà thờ St.-Sulpice, xin lỗi vì đã thảo luận với một tu sĩ cấp dưới. Ngày 13 tháng Ba, cha bề trên được đón tiếp, nhưng có vẻ cuộc viếng thăm không có kết quả gì ngoại trừ việc trao đổi nhau những lời lịch sự.²⁴ Trong khi đó, chứng xuất huyết đã ngưng; Voltaire cảm thấy sức khỏe đang trở lại và lòng ngoan đạo của ông lụi tàn. Ngày 16 tháng Ba, vở *Irène* được trình diễn ở rạp Théâtre-Français. Hầu như toàn thể triều đình đã đến, kể cả Hoàng hậu. Vở kịch không ngang tầm với Voltaire; mặc dù vậy, nó vẫn được hoan hô như một tác phẩm kỳ diệu của một ông lão tám mươi tư. Voltaire, quá yếu nên không thể đến dự, được thông báo, qua từng màn một, về phản ứng của khán giả; và ngày 17, một phái đoàn của Hàn lâm viện mang đến ông những lời chúc mừng. Ngày 21 tháng Ba, ông cảm thấy đủ khỏe để ra ngoài bằng xe. Ông đến thăm Suzanne de Livry, Nữ Hầu tước de Gouvernet, người từng là tình nhân của ông 63 năm trước. Ngày 28, ông đến thăm Turgot.

30 tháng Ba là ngày trọng đại nhất của ông. Buổi chiều, ông đến Louvre dự một cuộc họp của Hàn lâm viện. “Khi ông lên xe ra khỏi nhà” một nhà văn Nga là Denis von Visin lúc đó đang ở Paris kể lại: “chiếc xe được tháp tùng đến tận Hàn lâm viện bởi một đám đông vô tận liên tục hoan hô. Tất cả các viện sĩ bước ra để đón ông.”²⁵ D’Alembert chào đón ông bằng một bài diễn văn khiến cho vị lão trượng không ngăn được nước mắt. Voltaire được đặt vào ghế chủ tịch, và được bầu, bằng cách vỗ tay hoan hô, làm chủ tịch trong quý tháng Tư (tức quý 2). Buổi họp kết thúc, ông được hộ tống ra xe. Chiếc xe len lỏi một cách khó khăn qua đám đông khổng lồ liên tục kêu lên “Voltaire vạn tuế!” để đến rạp Théâtre-Français.

Khi ông bước vào nhà hát, các khán giả và diễn viên đồng loạt đứng lên chào đón. Ông tìm đường đi đến lô nơi Bà Denis và Nữ Hầu tước de Villette đang chờ. Ông ngồi phía sau họ; khán giả kêu gọi ông ngồi ra cho dễ nhìn thấy; ông ngồi vào một chiếc ghế ở giữa hai phu nhân. Một diễn viên bước đến lô và đặt một vòng nguyệt quế lên đầu Voltaire; ông lấy nó ra và đặt lên đầu của Nữ Hầu tước; bà nhất định buộc ông phải nhận nó. Từ trong đám khán giả vang lên những tiếng nói: “Chào Voltaire!”, “Chào Sophocles!”, “Vinh danh cho vị triết gia đã dạy cho con người suy nghĩ!”, “Vinh quang cho người đã bênh vực Calas!”²⁶, “Lòng nhiệt thành này” Grimm là người tận mắt chứng kiến nói: “cơn mê sảng tập thể này, kéo dài hơn 20 phút.”²⁷ Rồi vở *Irène* được biểu diễn đến lần thứ sáu. Khi kết thúc, khán giả yêu cầu nhà soạn kịch có đôi lời; Voltaire chiều ý. Màn lại được kéo lên. Các diễn viên đã mang một bức tượng bán thân của Voltaire từ phòng giải lao đặt lên sân khấu. Giờ đây, họ đặt lên nó những cành nguyệt quế và Cô Vestrice, người đóng vai Irène, đọc cho Voltaire nghe những vần thơ ca ngợi:

*Aux yeux de Paris enchanté
Reçois en ce jour un hommage
Que confirmera d'âge en âge
La sévère postérité.
Non, tu n'as pas besoin d'atteindre au noir rivage
Pour jouir de l'honneur de l'immortalité.
Voltaire, reçois la couronne
Que l'on vient de te présenter;
Il est beau de la mériter
Quand c'est la France qui la donne.*²⁸

*Trước những đôi mắt của Paris vui mừng
Hôm nay xin hãy nhận lấy lòng kính trọng
Mà hậu thế nghiêm khắc*

*Sẽ công nhận từ đời này sang đời nọ
Không, ngài không cần ra đến bờ sông tắm tối
Để hưởng niềm vinh quang bất tử
Voltaire, xin hãy nhận vòng hoa
Được dâng lên ngài
Thật là đẹp đẽ khi xứng đáng với nó
Khi chính nước Pháp dâng tặng cho ngài.*

Khán giả yêu cầu lặp lại bài thơ và được đáp ứng. Trong tiếng vỗ tay Voltaire đứng dậy rời ghế; mọi người nhường chỗ cho ông qua; ông được dẫn ra xe giữa đám đông nhiệt tình. Những ngọn đuốc được mang đến, người đánh xe được khuyên nên chạy chậm chậm và một đám đông tháp tùng chiếc xe về Dinh de Villette.²⁹ Như chúng ta biết, cho đến nay, chưa hề có cảnh tượng nào như vậy trong suốt lịch sử văn học Pháp.

Bà Vigée-Lebrun, người đã chứng kiến toàn bộ cảnh tượng đó, viết: “Người đàn ông già được tôn vinh quá gầy và mỏng manh khiến tôi sợ những cảm xúc mạnh sẽ gây cho ông tổn hại nghiêm trọng.”³⁰ Tronchin khuyên ông quay về Ferney càng sớm càng tốt; Bà Denis xin cậu mình sống ở Paris. Ngất ngậy bởi sự đón tiếp dành cho mình, ông đồng ý với bà. Ông khen ngợi dân chúng Paris là những người vui vẻ, lịch sự, được khai sáng và khoan dung nhất thế giới; với những khiếu thẩm mỹ, những trò tiêu khiển và nghệ thuật tinh tế nhất;³¹ trong một lúc ông quên mất bọn *canaille* (vô lại). Không lâu sau đó, ông được đưa đi vòng quanh khắp Paris để tìm một căn nhà; ngày 27 tháng Tư, ông mua được một căn. Tronchin tức điên lên. “Trong đời mình tôi đã thấy nhiều tên ngốc” ông nói: “nhưng chưa có ai điên hơn ông ta. Ông ta làm như mình sẽ sống đến trăm tuổi.”³²

Ngày 7 tháng Tư, Voltaire được đưa đến Hội quán “Chín Chị em” của Hội Tam điểm. Ông được kết nạp làm hội viên

mà không bị yêu cầu phải vượt qua những giai đoạn chuẩn bị thông thường. Một vòng nguyệt quế được quàng lên đầu ông và vị chủ tịch đọc một bài diễn văn: “Chúng tôi thề giúp đỡ các huynh đệ của mình nhưng ông là người đã xây dựng cả một cộng đồng, họ tôn thờ ông và tràn ngập những công đức của ông... Ông, vị sư huynh được yêu mến, đã là một người Tam điểm trước khi ông nhận địa vị này... và ông đã hoàn thành những bốn phần của một hội viên Tam điểm trước khi ông tuyên hứa sẽ giữ chúng.”³³ Ngày 11, ông đáp lại cuộc viếng thăm của Bà du Deffand bằng cách đến thăm bà tại căn hộ của bà ở Tu viện St.-Joseph. Bà lấy đôi bàn tay sờ soạng khuôn mặt ông và thấy chỉ có xương nhưng ngày 12 bà viết cho Horace Walpole: “Ông ấy vẫn sôi nổi như hồi giờ. Ông ấy đã tám mươi tư, nhưng tôi thật sự cảm thấy ông sẽ không bao giờ chết. Các giác quan của ông ấy vẫn còn nhạy bén, chưa cái nào tỏ ra yếu kém. Ông ấy là một con người lạ lùng và thật sự là quá cao siêu.”³⁴ Khi các nữ tu sĩ nghe ông đến thăm họ lên án Nữ Hầu tước đã làm ô uế tu viện của họ bằng sự có mặt của một người bị cả Giáo hội lẫn Nhà nước lên án.³⁵

Ngày 27 tháng Tư, ông lại đến Hàn lâm viện. Cuộc thảo luận xoay quanh bản dịch bài thơ *Thư gửi Bác sĩ Arbuthnot* (Epistle to Dr. Arbuthnot)ⁱ của Popeⁱⁱ của Cha Delille. Voltaire đã đọc nguyên tác và khen ngợi vị cha cố về bản dịch này. Ông nhân dịp này gợi ý rằng bộ *Từ điển* của Hàn lâm viện nên được duyệt xét lại để làm phong phú cho ngôn ngữ bằng hàng trăm từ mới đã được sử dụng khá nhiều. Ngày 7 tháng Năm, ông quay lại Hàn lâm viện với một kế hoạch về một bộ từ điển mới. Ông đề nghị đảm nhận tất cả các từ

i *An Epistle to Dr. Arbuthnot*: thi phẩm của Alexander Pope, hoàn tất năm 1734 và xuất bản vào tháng Một năm 1735 được gửi cho người bạn của Pope là John Arbuthnot, bức thư là lời biện bạch; trong đó, Pope bảo vệ các tác phẩm của mình chống lại những sự tấn công của những người hay gièm pha ông.

ii *Alexander Pope* (1688-1744) là thi sĩ và nhà thơ trào phúng. Ông là một trong các tác giả trào phúng nổi tiếng nhất trong văn học Anh.

bắt đầu với mẫu tự A và đề nghị mỗi ông hàn phụ trách một mẫu tự. Trong giờ giải lao, ông cảm ơn họ “nhân danh bằng mẫu tự”; Hầu tước de Chastellux đáp: “Và chúng tôi xin cảm ơn ông nhân danh văn chương.”³⁶¹ Tối hôm đó, ông tham dự mà không để lộ tung tích, buổi diễn vở *Alzire* của mình. Đến Màn IV khán giả hoan hô diễn viên Larive; Voltaire cũng tham gia tán thưởng bằng cách kêu lên rõ mồn một: “*Ah, que c’est bien!*” (A ha, diễn hay quá!) Công chúng nhận ra ông và trong suốt 45 phút sự cuồng nhiệt của buổi tối 30 tháng Ba lại tái diễn.

Có thể ông đã làm đúng khi vui hưởng những tuần lễ cuối đời dù phải trả giá bằng sức khỏe của mình, thay vì co cụm trong chốn riêng tư để sống thêm được ít ngày đau đớn nữa. Ông hăng hái làm việc cho bộ tự điển mới và uống quá nhiều cà phê - đôi khi tới 25 tách mỗi ngày - khiến ban đêm không thể ngủ. Trong khi đó, ống dẫn tiểu của ông thu hẹp dần; việc đi tiểu hay lặp đi lặp lại và khiến ông đau đớn; các chất độc đáng lẽ được bài tiết ra giờ đi vào máu sinh ra chứng nhiễm trùng đường tiểu. Công tước de Richelieu gửi cho ông một dung dịch nha phẫn khuyên dùng như một thứ thuốc giảm đau. Hiểu nhầm lời khuyên, Voltaire nốc trọn bình thuốc một hơi (ngày 11 tháng Năm). Ông rơi vào cơn mê sảng kéo dài 48 giờ. Khuôn mặt ông biến dạng vì đau đớn. Tronchin được gọi đến giúp ông thuyên giảm đôi chút nhưng trong nhiều ngày, Voltaire không nói được tiếng nào và không ăn được. Ông xin được đưa về lại Ferney, nhưng đã quá trễ.

Ngày 30 tháng Năm, Cha Gaultier và Cha bề trên của Nhà thờ St.-Sulpice đến, sẵn sàng cử hành nghi lễ ban phước lần cuối cùng của Giáo hội nếu Voltaire bổ sung niềm tin vào tính chất thần thánh của Chúa Jesus vào lời thú nhận trước đây của ông về đức tin. Một câu chuyện không được xác nhận của

i And we thank you in the name of letters: Ở đây, vị viện sĩ chơi chữ. “Letter” có nghĩa là “mẫu tự”, còn “letters” có nghĩa “văn chương”.

Condorcet³⁷ mô tả Voltaire đã kêu lên: “Nhân danh Đức Chúa Trời, đừng nói với tôi về con người ấy!” Laharpe kể lại câu trả lời của Voltaire là “Xin hãy để cho tôi chết trong yên bình.” Desnoiresterres chấp nhận câu chuyện thường được kể: các tu sĩ nhìn thấy Voltaire đang mê sảng và bỏ đi không làm phép ban phước cho ông. Tronchin quả quyết rằng những giờ cuối cùng của vị triết gia được biểu lộ bằng cơn đau đớn cực độ và những tiếng kêu giận dữ.³⁹ An bình đã trở lại lúc 11 giờ khuya đêm đó.

Cha Mignot, đoán trước thi hài của cậu mình sẽ không được chôn trong một nghĩa trang ở Paris, đã đặt ông ngồi thẳng trong một chiếc xe và chở đi 180km đến Tu viện Scellières trong làng Romilly-sur-Seine. Tại đó, vị linh mục địa phương cử hành nghi lễ tôn giáo truyền thống cho người chết, ca một bài Lễ trọng cho dịp này và cho phép chôn thi hài trong hầm mộ của nhà thờ.

Một lệnh của Louis XVI cấm báo chí đưa tin cái chết của Voltaire.⁴⁰ Hàn lâm viện Pháp yêu cầu các tu sĩ dòng Phan-xi-cô cử hành một thánh lễ cho người chết nhưng không được cho phép. Frederick Đại đế, đối với người khác cũng là một người hoài nghi, đã dàn xếp để có một Thánh lễ cho Voltaire tại Nhà thờ Công giáo ở Berlin; và ông soạn một bài điệu văn nồng nhiệt cho người bạn và cũng là kẻ thù của mình, được đọc tại Hàn lâm viện Berlin ngày 26-11-1778. Catherine Đại đế viết cho Grimm:

Ta đã mất hai người mà mình chưa hề gặp, họ yêu thích ta và ta ngưỡng mộ họ - Voltaire và Milord Chatham.ⁱ Không phải

i *Milord Chatham*: tức William Pitt, Công tước Chatham Thứ nhất (15-11-1708 đến 11-5-1778), chính khách Anh thuộc phe Whig, từng lãnh đạo Anh quốc hai lần vào giữa thế kỷ XVIII. Các sử gia gọi ông là Pitt of Chatham, hay William Pitt Cha, để phân biệt với con trai ông là William Pitt Trẻ, cũng từng là một thủ tướng. (xem: *Văn minh Anh quốc* của cùng tác giả và dịch giả.)

trong một thời gian rất lâu mà có thể là không bao giờ, có được ai ngang tầm với họ - đặc biệt là người trước -, và sẽ không bao giờ có ai cao hơn họ... Chỉ mới cách đây ít tuần Voltaire được tôn vinh một cách công khai, vậy mà giờ đây họ còn không dám chôn ông ta. Thật là một con người kiệt xuất! Người đứng đầu đất nước ông. Tại sao ông không nhân danh ta nhận lấy thi hài của ông ấy? Ông sẽ gửi thi hài đã ướp cho ta. Ông ta sẽ có ngôi mộ hoành tráng nhất... Nếu có thể, hãy mua cái thư viện và các giấy tờ của ông ta, kể cả những bức thư. Ta sẽ trả cho người thừa kế của ông ta một giá cao.⁴¹



Hình 12. Mộ Voltaire tại Điện Panthéon (Paris)

Bà Denis nhận được 135.000 livre bán thư viện, tất cả được chở sang Lâu đài Hermitage ở St. Petersburg. Tháng Bảy năm 1791, theo lệnh của Quốc hội Lập hiến của Cách mạng, di hài của Voltaire được đưa ra khỏi Tu viện Scellières và đưa đến Paris, được mang qua thành phố trong một đám rước khải hoàn và quàn tại Nhà thờ Ste.-Geneviève (không lâu sau được đổi tên thành Điện Panthéon). Trong cùng năm đó, Bến Théatins được chính thức đặt tên là Bến Voltaire. Tháng Năm năm 1814, trong thời kỳ trung hưng của dòng họ Bourbon, một nhóm những kẻ đào mả ngoan đạo đã bí mật chuyển hài cốt của Voltaire và Rousseau ra khỏi Điện Panthéon, bỏ vào một chiếc túi và chôn chúng trong một hố rác ở ngoại ô Paris. Không còn lại dấu vết nào của họ.

3. Ảnh hưởng của Voltaire

Bắt đầu với những khoảnh khắc chống giáo hội trong vở *Oedipe* (1718); ngày nay, nó có tác dụng trên khắp thế giới. Chúng ta đã thấy nó lay chuyển những ông vua hoặc nữ hoàng: Frederick II, Catherine II, Joseph II, Gustavus III và trong mức độ ít hơn là Charles III của Tây Ban Nha thông qua Aranda và Joseph II của Bồ Đào Nha thông qua Pombal. Trong thế giới trí tuệ của hai trăm năm qua chỉ có ảnh hưởng của Rousseau và Darwin là sánh ngang được với nó.

Trong khi ảnh hưởng tinh thần của Rousseau là nhằm hướng đến sự dịu dàng, tình cảm và việc phục hồi đời sống gia đình và tình chung thủy trong hôn nhân, ảnh hưởng tinh thần của Voltaire hướng đến lòng nhân đạo và sự công bằng, đến việc thanh tẩy luật pháp và tục lệ của nước Pháp khỏi những lạm dụng pháp lý và những sự độc ác dã man; ông, hơn bất cứ người nào khác, đã thúc đẩy phong trào nhân đạo trở thành một trong những nét son của thế kỷ XIX. Để cảm nhận được ảnh hưởng của Voltaire trong văn học, chúng ta cần nhớ lại Wieland, Kellgren, Goethe, Byron, Shelley, Heine,

Gautier, Renan, Anatole France. Nếu không có Voltaire thì có thể đã không có Gibbon; và các sử gia đều công nhận sự lãnh đạo và cảm hứng của ông trong việc chú tâm ít hơn vào những tội ác của con người và các chính phủ và nhiều hơn vào sự phát triển của tri thức, đạo đức, phong tục, văn học và nghệ thuật.

Voltaire đã góp phần gây nên cuộc Cách mạng Pháp bằng cách làm suy yếu sự kính trọng của các giai cấp trí thức đối với Giáo hội và niềm tin của giai cấp quý tộc vào những quyền phong kiến của họ. Nhưng sau năm 1789, ảnh hưởng của Voltaire bị tràn ngập bởi ảnh hưởng của Rousseau. Voltaire dường như quá bảo thủ, quá coi khinh các đám đông quần chúng, quá giống một lãnh chúa. Robespierre bài bác ông; và trong hai năm, cuốn *Khế ước Xã hội* trở thành kinh thánh của cuộc Cách mạng. Bonaparte cảm nhận hai ảnh hưởng này theo trình tự thông thường: “Đến năm mười sáu tuổi” ông nhớ lại: “ta muốn ủng hộ Rousseau chống lại những người bạn của Voltaire; ngày nay thì ngược lại... Càng đọc Voltaire ta càng yêu ông hơn. Ông luôn là một người biết điều, không bao giờ là một tên lòe bịp, không bao giờ là một kẻ cuồng tín.”⁴² Sau sự phục hồi của dòng họ Bourbon, các tác phẩm của Voltaire trở thành một công cụ của tư tưởng tư sản chống lại giới quý tộc và giáo sĩ mới được phục hồi. Giữa các năm 1817 và 1829 đã có 12 kỳ xuất bản các tác phẩm được thu thập của Voltaire; trong 12 năm đó, trên 3 triệu cuốn sách của Voltaire đã được bán.⁴³ Cuộc thập tự chinh của chủ nghĩa Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Marx và Engels một lần nữa đem ngọn cờ lãnh đạo về cho Rousseau. Nhìn chung, các phong trào cách mạng từ năm 1848 đã đi theo Rousseau hơn là Voltaire về chính trị và theo Voltaire hơn là Rousseau về tôn giáo.

Ảnh hưởng sâu đậm và lâu bền nhất của Voltaire là đối với niềm tin tôn giáo. Thông qua ông và những người cùng quan điểm, nước Pháp đã bỏ qua thời kỳ Cải cách và đi trực tiếp từ thời Phục hưng đến thời Khai minh. Có thể đây là một lý do khiến cho sự thay đổi đã diễn ra quá mãnh liệt, không có

giai đoạn tạm ngưng nghỉ ở đạo Tin Lành. Một số người nhiệt thành cảm thấy, xét về tổng thể, thời Khai minh là một cuộc cải cách còn sâu xa hơn những gì mà Luther và Calvin đã thực hiện vì nó không chỉ thách thức những sự thái quá của thuyết thần quyền tăng lữ và sự mê tín mà còn chính những nền tảng của Cơ Đốc giáo, thậm chí của mọi tín ngưỡng siêu nhiên. Voltaire đã tập hợp vào trong một tiếng nói tất cả những biến thể của tư tưởng bài Công giáo; ông mang lại cho chúng sức mạnh bổ sung nhờ sự trong sáng, lặp đi lặp lại và sự hóm hỉnh; và trong một thời gian, dường như thể ông đã kéo sập Ngôi Đền mà trong đó ông đã được nuôi dạy. Các tầng lớp trí thức trên toàn thế giới Cơ Đốc đã bị các *philosophe* chuyển dịch sang một chủ nghĩa hữu thần lịch thiệp hoặc một chủ nghĩa vô thần bí mật. Tại Đức, các thanh niên thuộc thế hệ của Goethe đã bị ảnh hưởng sâu sắc. Goethe nghĩ rằng: “Voltaire sẽ mãi mãi được xem như con người vĩ đại nhất trong văn học của thời hiện đại, và có thể của mọi thời đại.”⁴⁴ Tại Anh, một thiểu số sáng chói - Godwin, Paine, Mary Wollstonecraft, Bentham, Byron, Shelley - đã cảm nhận được ảnh hưởng của Voltaire, nhưng nhìn chung, hữu thần luận Anh quốc đã đi trước ông và làm cùn nhụt những quan điểm của ông. Ngoài ra, những người quý phái Anh cảm thấy không đầu óc có văn hóa nào lại đi tấn công vào một tôn giáo đã mang lại niềm an ủi nguôi ngoai cho những giai cấp yếu đuối và cho phái yếu. Tại Hoa Kỳ, hầu hết các quốc phụ dựng nước là môn đồ của Voltaire. Tại đó và tại Anh, ảnh hưởng của Darwin và ngành sinh vật học hiện đại đã che phủ lên ảnh hưởng của Voltaire trong việc làm suy yếu lòng tin tôn giáo; và trong thời đại của chúng ta, nền thần học Cơ Đốc bị tổn hại nhiều nhất vì sự dã man vô song của các cuộc chiến tranh của chúng ta và vì những sự can trường đắc thắng của các khoa học đang xâm chiếm ngay cả những thiên đường đã có thời là nơi cư ngụ của thần thánh.

Chúng ta mang nợ Voltaire hơn bất cứ ai khác lòng khoan dung tôn giáo mà giờ đây đang thắng thế một cách mong manh tại châu Âu và Bắc Mỹ. Dân chúng Paris nghĩ về ông không phải như tác giả của những tập sách có ý nghĩa trọng đại mà như người đã bảo vệ các gia đình của Calas và Sirven. Sau ông không có tòa án nào ở châu Âu còn dám bẻ gãy xương người ta trên bánh xe vì những lời buộc tội và những chứng cứ như đã từng buộc tội Jean Calas. Những cuốn sách như cuốn *Émile* hãy còn bị cấm và bị đốt cháy nhưng những tro tàn của chúng đã giúp gieo rắc các ý tưởng trong đó. Việc kiểm duyệt tôn giáo đã tàn tạ cho đến khi nó ngấm ngầm công nhận thất bại. Nếu, điều này có vẻ như có thể xảy ra, con cái chúng ta lại phải chiến đấu ở khắp nơi để có được tự do tư tưởng, hãy để chúng đi tìm cảm hứng và khích lệ trong 99 tập sách của Voltaire. Chúng sẽ không thấy trong đó một trang nào nhàm chán.

II. ĐOẠN KẾT CỦA ROUSSEAU: 1767-1778

1. Một tâm hồn bị ám ảnh

Rousseau về đến Pháp ngày 22-5-1767, hầu như không còn minh mẫn. Sau thời gian sống khổ sở bên nước Anh, ông đã tìm thấy vài niềm an ủi trong sự chào đón của những thành phố ông và Thérèse đi qua. Mặc dù du hành dưới tên giả là Jean-Joseph Renou và về mặt pháp lý vẫn còn bị cấm bởi sắc lệnh năm 1762, ông vẫn được mọi người nhận ra và tôn vinh. Thành phố Amiens tiếp đãi ông thật long trọng và các thị trấn khác gửi tặng ông chai *vin de ville* (chai rượu của thành phố.)

Nhiều người Pháp - tất cả đều thuộc tầng lớp quý tộc - đề nghị dành cho ông một chỗ ở. Trước tiên là Mirabeau *père* (cha) cho ông được chọn trong số hai mươi điền trang của mình; Rousseau chọn Fleury-sous-Meudon, ở gần Paris. Nhưng vị hầu tước làm Rousseau khó chịu khi bắt ông đọc những cuốn sách của ông ta. Rousseau bỏ trốn và ẩn náu tại

cơ ngơi của Louis-François de Bourbon, Hoàng thân de Conti ở Trye-Ie-Chateau, gần Gisors (21-6-1767). Hoàng thân cho Rousseau sử dụng toàn bộ tòa lâu đài của mình và thậm chí còn đưa các nhạc công đến để chơi nhạc êm dịu cho ông nghe. Rousseau xem đây là sự đổ tội cho trí mình mẫn của mình. Ông nghĩ Choiseul và Nữ Bá tước de Boufflers (tình nhân của Hoàng thân) đã liên kết cùng Voltaire, Diderot và Grimm âm mưu chống lại mình; sự thực là Voltaire đã cáo buộc ông phóng hỏa nhà hát ở Geneva khiến nó cháy rụi vào hôm 29-1-1768.⁴⁵ Rousseau cho rằng mọi người ở Gisors xem ông như một tên tội phạm. Ông mong mỗi được phục hồi ở Geneva và viết cho Choiseul xin ông này thuyết phục Hội đồng Geneva sửa chữa những sự đối xử bất công đối với Rousseau trong quá khứ.⁴⁶ Choiseul gửi cho ông một giấy phép chính thức cho phép ông được đi lại bất kỳ nơi nào trong nước Pháp, được ra đi và quay lại Pháp tùy thích.⁴⁷ Giờ đây, Rousseau nghĩ đến việc quay lại nước Anh; ông viết thư cho Davenport hỏi xem liệu ông có được phép về ở lại căn nhà tại Wootton nữa không. Dĩ nhiên rồi, Davenport trả lời.

Lo sợ cho mạng sống của mình ở Trye, tháng Sáu năm 1768, Rousseau bỏ trốn khỏi nơi này, để mặc Thérèse ở tòa lâu đài. Ông đến Lyon bằng xe ngựa công cộng và ở đấy một thời gian cùng những người bà con của Daniel Roguin, là người đã cho ông nơi trú ẩn tại Thụy Sĩ năm 1762. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, ông tự cô lập mình trong Lữ quán Golden Fountain ở Bourgoin-en-Dauphiné. Trên cánh cửa phòng ông viết một danh sách những người mà ông tin là đang âm mưu chống lại mình. Ông cho đưa Thérèse về với mình, đón nàng trong niềm vui và nước mắt và cuối cùng quyết định cưới nàng. Hôn lễ được tổ chức bằng một buổi lễ dân sự tại lữ quán vào ngày 30-8-1768.

Tháng 1 năm 1769, họ dọn đến một trang trại ở Mouquin, gần Grenoble. Tại đây, ông viết những trang cuối của tập *Những lời tự thú* trong cảnh nửa như mất trí và làm dịu bớt

thần kinh của mình bằng cách nghiên cứu thực vật. Thérèse thấy tính khí ông ngày càng khó chịu; bản thân bà cũng mắc chứng thấp khớp và đôi lúc chịu những cơn đau mơ hồ đi kèm với thời kỳ mãn kinh. Cặp vợ chồng mới cưới cãi nhau một trận lịch liệt tới mức Rousseau bỏ đi trong một chuyến nghiên cứu thực vật học lâu ngày, để lại một bức thư khuyên bà hãy vào sống trong một tu viện (12-8-1769).⁴⁸ Khi ông trở về và thấy bà vẫn chờ đợi mình, tình yêu của họ được nối lại. Giờ đây, ông lấy làm tiếc đã bỏ những đứa con bà sinh ra. Ông cảm thấy: “Hạnh phúc thay cho người đàn ông có thể nuôi dưỡng những đứa con dưới sự chăm sóc của chính mình!”⁴⁹ Ông viết cho một bà mẹ trẻ: “Lối sống êm đềm nhất có thể có là lối sống gia đình... Không gì mạnh mẽ hơn, chung thủy hơn, đồng cảm với chúng ta hơn là gia đình và con cái của chúng ta... Nhưng tôi mà là kẻ nói về gia đình, con cái... thưa bà, hãy thương hại cho những kẻ mà số phận khắc nghiệt đã lấy đi của họ những hạnh phúc như thế; hãy thương hại họ nếu họ chỉ bị bất hạnh; hãy thương hại họ hơn nữa nếu họ tội lỗi!”⁵⁰

Mùa đông ở Mouquin rất khắc nghiệt không thể chịu đựng được trong một trang trại bốn bề lộng gió. Thérèse xin ông hãy về Paris. Ngày 10-4-1770, hai vợ chồng lại tiếp tục cuộc viễn du. Họ trải qua một tháng thú vị ở Lyons, nơi vở operetta của Rousseau, *Le Devin du village* (Thầy bói làng quê), được trình diễn như một phần trong chương trình lễ tôn vinh ông. Họ đi chậm chậm từng chặng qua Dijon, Montbard, Auxerre. Cuối cùng, ngày 24-6-1770, họ đến Paris. Họ trọ tại những căn phòng trên tầng 4 là chỗ ở trước đây của ông tại Khách sạn Saint-Esprit, Đường Patrière - ngày nay gọi là Đường Jean-Jacques Rousseau - tại một trong những khu náo nhiệt nhất của thành phố.

Ông sống khiêm tốn và thanh thản, chép nhạc để kiếm thu nhập và nghiên cứu thực vật học. Trong hoàn cảnh đó ông viết một bức thư tỏ lòng tôn kính đối với Linnaeus.⁵¹ Khi biết ông ở Paris, những bạn cũ và những người hâm mộ mới kéo

đến thăm ông: Hoàng thân de Ligne (người đề nghị biếu ông một căn nhà trên điền trang của mình gần Brussels), Gretry và Gluck (đến thảo luận với ông về âm nhạc), nhà soạn kịch Goldoni, ca sĩ Sophie Arnould, Hoàng Thái tử Thụy Điển Gustavus và những tác giả trẻ như Jean-Joseph Dusaulx và Jacques-Henri Bernardin de Saint-Pierre. Năm 1777, ông đón nhận một điều mà Voltaire từng thèm muốn nhưng không được - cuộc viếng thăm của Hoàng đế Joseph II.⁵² Quyền được vào xem miễn phí (với tư cách là một nhạc sĩ) Nhà hát Opera của ông được phục hồi và thỉnh thoảng ông đến đây, đặc biệt là để nghe Gluck. Bernardin de Saint-Pierre miêu tả ông (giờ đã sáu mươi tuổi) đáng người mảnh khảnh, cân đối, với “vàng trán cao thượng và đôi mắt rực lửa;... một nỗi buồn sâu sắc in đậm lên những vết nhăn trên trán và một nét tươi vui sắc sảo, thậm chí chua cay.”⁵³

Mặc cho lời hứa đưa ra vào năm 1762 là sẽ không bao giờ viết sách nữa, Rousseau đã bị những sự công kích liên tục của các kẻ thù khiến ông phải tái tục chuyện viết lách. Để trả lời những sự công kích này và tất cả những lời ngòi lê đôi mách thù địch ở Paris và Geneva, ông bắt tay vào việc viết tác phẩm *Những lời tự thú* (Les Confessions, 1765). Giờ đây (tháng Mười một năm 1770), tác phẩm đã hoàn tất và mặc dù chưa muốn xuất bản toàn bộ tác phẩm, Rousseau quyết định là một vài phần trong đó, liên quan đến những sự công kích, nên được công bố ra ở Paris. Do đó vào tháng Mười hai, ông đọc cho Dusaulx và những người khác nghe, trong phòng của ông, những đoạn dài từ tác phẩm vĩ đại nhất của mình. Buổi đọc sách kéo dài đến mười bảy tiếng đồng hồ, chỉ bị gián đoạn bởi hai bữa ăn nhẹ vội vã.⁵⁴ Tháng Năm năm 1771, ông tổ chức đọc một lần nữa, trước sự hiện diện của ông bà Bá tước d'Egmont, Hoàng thân Pignatelli d'Egmont, nữ Hầu tước de Mesme và Hầu tước de Juigné. Ông kết thúc với một lời thách thức nảy lửa:

Tôi đã viết sự thật. Nếu có ai nghe được những gì trái với điều tôi đã phát biểu, dù chúng có được chứng minh nghìn lần đi nữa, thì anh ta cũng chỉ nghe những lời vu khống và lừa dối; và nếu anh ta một mực từ chối xem xét và so sánh chúng với tôi trong lúc tôi còn sống thì anh ta không phải là người bạn của công lý và sự thật. Về phần mình, tôi công khai và không chút sợ hãi tuyên bố rằng bất cứ ai, thậm chí chưa từng đọc những cuốn sách của tôi, sau khi xem xét tận mắt tính tình, cá tính, cách cư xử, những xu hướng, sở thích, những thói quen của tôi và tuyên bố tôi là một kẻ đê tiện thì chính người đó là kẻ xứng đáng bị treo cổ.⁵⁵

Những người nghe Rousseau đọc cuốn sách nhận ra sự xúc cảm mãnh liệt của ông và kết luận là ông đang đến gần tình trạng rối loạn tâm thần. Dusaulx phát biểu rằng những sự nghi ngờ và tố cáo qua lại của Rousseau không xứng đáng với “một Jean-Jacques rộng lượng, đạo đức”; lời phê bình này đã chấm dứt tình bạn giữa họ.⁵⁶ Những thánh giả khác mang tiếng vang của những buổi đọc sách này vào các khách thánh của Paris và một số tâm hồn nhạy cảm cảm thấy Rousseau đã phỉ báng họ. Bà d'Épinay viết cho vị trung tướng cảnh sát:

Tôi phải báo cho Ngài lần nữa rằng con người mà tôi nói với Ngài sáng hôm qua đã đọc cuốn sách của mình cho các ông Dorat, de Pezay và Dusaulx nghe. Vì ông ta sử dụng những người này như những người bạn tâm tình trong một vụ việc phỉ báng, Ngài có quyền cho ông ta biết Ngài suy nghĩ về việc đó như thế nào. Tôi cảm thấy Ngài phải nói với ông ta đủ từ tế để ông ta không thể phàn nàn nhưng cũng đủ kiên quyết để ông ta không lặp lại lỗi lầm của mình. Nếu Ngài đạt được lời hứa danh dự của ông ta, tôi tin rằng ông ta sẽ giữ lời. Xin tha lỗi cho tôi nghìn lần nhưng sự bình yên của tâm hồn tôi đang bị đe dọa.⁵⁷

Cảnh sát yêu cầu Rousseau không mở những buổi đọc sách nữa; ông đồng ý. Ông kết luận là trong đời mình sẽ không bao giờ được nghe với thái độ vô tư và cảm giác thất vọng này khiến tinh thần ông thêm mất phương hướng. Sau năm 1772, ông hầu như đóng cửa không tiếp khách ngoại trừ Bernardin de Saint-Pierre. Trong những chuyến đi dạo cô đơn, ông nghi ngờ hầu như bất cứ ai ông gặp cũng là kẻ thù. Ngoại trừ những bóng ma thù nghịch như vậy, bản chất tốt đẹp chủ yếu của ông vẫn còn. Ông đóng góp, mặc cho Voltaire phản đối, vào quỹ dựng một bức tượng cho Voltaire. Khi một tu sĩ gửi cho ông một tập sách mỏng tố cáo Voltaire ông đã trách tác giả: “Voltaire”, ông bảo ông ta: “hẳn nhiên là một người xấu mà tôi không có ý khen ngợi; nhưng ông ta đã nói và làm rất nhiều điều tốt nên chúng ta nên che đậy những cách cư xử bất thường của ông ta.”⁵⁸

Khi không còn nghĩ đến những “âm mưu” mà ông thấy chung quanh mình, ông có thể viết một cách sáng sủa giống như trước đây với một thái độ bảo thủ và thực dụng đáng ngạc nhiên. Chúng ta đã biết, việc hội nghị chính trị Ba Lan năm 1769 đã yêu cầu ông cho một số gợi ý cho bản hiến pháp mới. Ông bắt đầu bản *Considérations sur le gouvernement de la Pologne* (Những suy nghĩ về chính phủ nước Ba Lan) vào tháng Mười năm 1771, và kết thúc vào tháng Tư năm 1772. Ấn tượng đầu tiên của chúng ta về tài liệu này là nó vi phạm tất cả những nguyên tắc mà ông đã tích cực đấu tranh để bảo vệ. Khi đọc lại nó vào tuổi già, chúng ta lấy làm an ủi khi thấy Rousseau (lúc đó sáu mươi tuổi) cũng đã có thể già và, như người già thích nói, trở nên chín chắn. Cũng con người này đã từng la lớn lên: “Con người sinh ra tự do, nhưng khắp nơi đang sống trong xiềng xích”, giờ đây cảnh báo người dân Ba Lan mà quyền “tự do phủ quyết” đã khiến họ lâm vào cảnh vô chính phủ, rằng tự do là một sự thử thách cũng như là một sự phân phối và đòi hỏi một kỷ luật tự giác còn gay go hơn cả việc tuân theo những mệnh lệnh từ bên ngoài.

Tự do là một thức ăn bổ dưỡng, nhưng nó cần một bộ máy tiêu hóa khỏe khoắn, bền bỉ... Tôi cười vào những người thoái hóa đứng lên nổi loạn vì một tiếng gọi của một kẻ âm mưu; là kẻ dám nói về tự do mà hoàn toàn không biết nó có ý nghĩa gì; và là kẻ... tưởng tượng rằng, để được tự do, chỉ cần nổi loạn là đủ. Ôi tự do cao cả và thần thánh! Giá như những con người đáng thương này có thể biết được người; giá như họ có thể biết được cái giá phải trả để giành được và để bảo vệ người; giá như họ có thể học được rằng những luật lệ của người còn nghiêm khắc hơn biết bao so với cái ách khắc nghiệt của tên bạo chúa!⁵⁹

Cuộc đời và Montesquieu đã dạy cho Rousseau rằng, những đề tài thảo luận như *Khế ước xã hội* của ông chỉ là những chuyển bay đơn độc, những lý thuyết trừu tượng không có lấy một điểm mấu chốt trong thực tế. Giờ đây, ông nhìn nhận, mọi quốc gia đều bén rễ trong lịch sử và hoàn cảnh và sẽ chết đi nếu những cái rễ của chúng bị cắt đi một cách bừa bãi. Do đó, ông khuyên người Ba Lan không nên thực hiện những thay đổi đột ngột trong hiến pháp của họ. Họ nên giữ lại vị vua được bầu ra nhưng nên giới hạn cái *liberum veto* (quyền tự do phủ quyết) của họ; họ nên giữ đạo Công giáo như là quốc giáo nhưng nên phát triển một hệ thống giáo dục độc lập với Giáo hội.⁶⁰ Ba Lan, trong điều kiện giao thông vận chuyển hiện thời của nó, đối với ông dường như quá rộng để có thể cai trị từ một trung tâm; tốt hơn nên chia nước này thành ba tiểu bang, chỉ nên tổ chức thành liên bang trên những lĩnh vực quan hệ và đối ngoại. Là người đã có lần tố cáo quyền tư hữu như là nguồn gốc của mọi điều xấu xa, giờ đây ông ủng hộ chế độ phong kiến Ba Lan; ông đề nghị đánh thuế tất cả đất đai nhưng vẫn giữ nguyên quyền tư hữu hiện tại. Ông hy vọng chế độ nông nô một ngày kia sẽ được giải phóng nhưng không khuyến khích bãi bỏ nó sớm; điều đó, ông nghĩ, nên chờ đến khi người nông nô có được nhiều sự giáo dục hơn. Ông nhấn mạnh, mọi thứ tùy thuộc vào việc

mở rộng nền giáo dục; khuyến khích tự do nhanh hơn sự hiểu biết và tính cách đạo đức sẽ là một câu thần chú vạn năng mở cửa vào cảnh hỗn loạn và chia rẽ quốc gia.



Hình 13. Rousseau hái thuốc ở Ermenonville
(tranh của Georg Friedrich Meyer, 1778)

Việc chia xẻ quốc gia đã được thực hiện trước khi Rousseau có thể kết thúc thiên tiểu luận của mình; ở Ba Lan cũng như ở Corse, chính sách thực dụng (Realpolitik) đã làm ngưng công trình lập pháp mang tính triết học của ông. Tâm trạng thất

vọng kếp này đã góp phần làm cho những năm cuối đời ông thêm cay đắng và tăng thêm sự khinh bỉ của ông đối với các triết gia đã ca ngợi các nhà cai trị như Frederick II, Catherine II và Joseph II là những quân vương chuyên chế sáng suốt và những ông vua triết gia, vốn là những người hiện đang chia cắt Ba Lan.

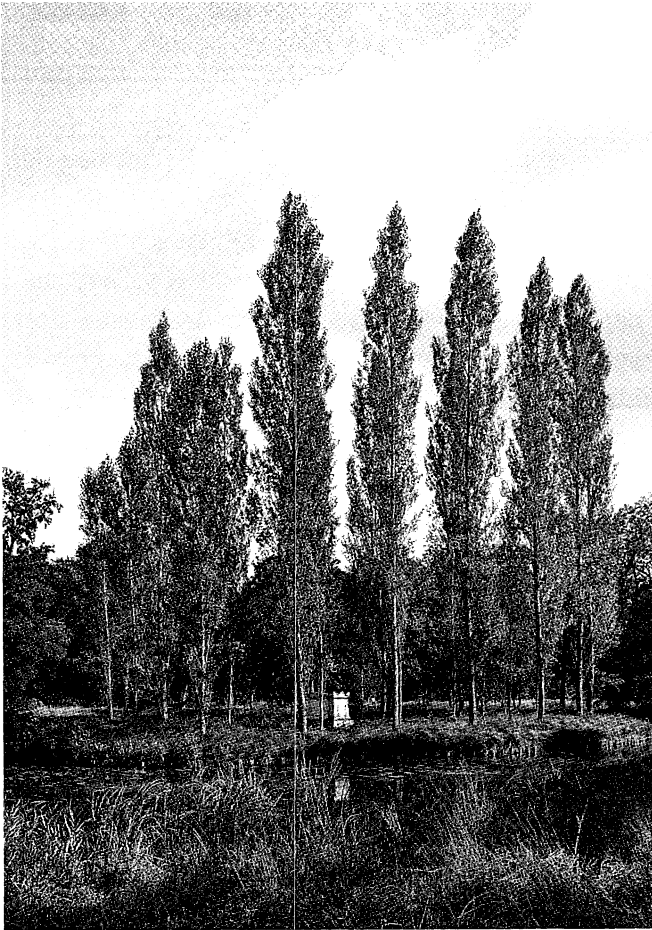
Năm 1772, ông bắt đầu một cố gắng mới nhằm đáp trả những kẻ thù của mình. Ông gọi tác phẩm này là *Dialogues: Rousseau juge de Jean-Jacques* (Những cuộc đối thoại: Rousseau phán xét Jean-Jacques). Ông viết cuốn sách dày 450 trang này không thường xuyên, trong bốn năm, càng viết tâm hồn ông càng buồn phiền. Trong bài tựa cuốn sách, ông thiết tha yêu cầu độc giả hãy đọc kỹ hết cả ba bài đối thoại; “coi như ân sủng này, do một trái tim nặng trĩu u sầu thỉnh cầu bạn, là một món nợ đối với lẽ công bằng mà trời cao bắt bạn gánh chịu.”⁶¹ Ông công nhận tác phẩm “đọc muốn hụt hơi, lặp đi lặp lại, dài dòng và lộn xộn”⁶² nhưng trong mười lăm năm qua (ông nói), đã có một âm mưu phỉ báng ông và ông phải tự bào chữa trước khi chết. Ông phủ nhận có bất cứ sự mâu thuẫn nào giữa chủ nghĩa cá nhân của các *Luận văn* và chủ nghĩa tập thể của *Khế ước xã hội*. Ông nhắc lại với độc giả rằng, ông đã không bao giờ muốn triệt tiêu khoa học và nghệ thuật và quay lại đời sống dã man. Ông mô tả các tác phẩm của mình - đặc biệt hai cuốn *Julie* và *Émile* - chứa đầy đạo đức và tình yêu thương và hỏi làm thế nào những cuốn sách như vậy đã có thể được viết bởi một tên xảo quyệt như những kẻ dèm pha ông miêu tả.⁶³ Ông cáo buộc những kẻ thù đã đốt hình nộm của ông và cùng nhau đồng thanh chế giễu ông.⁶⁴ Thậm chí giờ đây, ông than phiền, họ vẫn canh chừng mọi khách khứa của ông và khích động những người láng giềng của ông sỉ nhục ông.⁶⁵ Ông lặp lại chuyện ông ra đời, gia đình, tuổi trẻ và miêu tả tính tình hòa nhã và chính trực của mình nhưng cũng thú nhận tính lười biếng: “một sở thích đối với sự mơ màng”⁶⁶ và một xu hướng muốn tạo ra, trong những cuộc

đi dạo cô đơn của mình, một thế giới tưởng tượng trong đó ông có thể tạm thời cảm thấy hạnh phúc. Ông tự an ủi mình với lời dự báo: “Tôi tin chắc sẽ đến một ngày, những người thiện hảo và chính trực sẽ cầu Chúa phù hộ khi nhớ đến tôi và sẽ khóc cho số phận của tôi.”⁶⁷

Ông thêm vào bài đối thoại cuối một chương có tên là “Lịch sử của tác phẩm này.” Ông kể lại bằng cách nào để khiến Paris và Versailles chú ý đến cuốn sách; ông đã quyết định đặt một bản sao của tập bản thảo, với địa chỉ gửi đến Thượng Đế, lên bàn thờ chính của Thánh đường Notre-Dame. Ông đã cố gắng làm việc này ngày 24-2-1776. Thấy điện thờ bị hàng rào chặn lại, ông tìm những lối vào bên hông; thấy chúng bị khóa, ông trở nên choáng váng, chạy khỏi nhà thờ và lang thang trên những đường phố nhiều giờ trong tình trạng nửa mê sáng trước khi về đến phòng mình.⁶⁸ Ông soạn một lời yêu cầu gửi cho dân tộc Pháp có tên là “Gửi tất cả những người Pháp hãy còn yêu công lý và sự thật” chép ra thành những tờ truyền đơn và phân phát cho khách qua đường. Nhiều người từ chối nhận, nói rằng, nó không phải gửi cho họ.⁶⁹ Ông từ bỏ những cố gắng của mình và cam chịu thất bại.

Sự phấn khích được dịu bớt do giờ đây ông đã cam chịu số phận. Vào thời gian này (1777-1778), ông viết cuốn sách đẹp nhất của mình, *Rêveries d'un promeneur solitaire* (Những cơn mơ màng của một người đi dạo cô đơn). Ông kể lại việc dân chúng ở Motiers đã chống đối và ném đá vào nhà ông cũng như việc ông lui về Đảo St.Pierre trên Hồ Bienne như thế nào. Tại đó, ông đã tìm thấy hạnh phúc; và giờ đây, nhìn lại chốn ẩn dật này, ông vẽ ra mặt nước yên tĩnh, những con suối nước tuôn vào, hòn đảo phủ đầy màu xanh tươi của cây cỏ và bầu trời với nhiều hình dạng biến đổi. Ông đã gõ lên một nốt nhạc lãng mạn mới khi gợi ý rằng, một tâm hồn trầm tư luôn có thể tìm thấy nơi thiên nhiên điều gì đó sẵn sàng đáp ứng lại tâm trạng của mình. Khi đọc những trang này, chúng ta tự hỏi, liệu một con người nửa điên nửa tỉnh

có thể nào viết quá hay, quá minh mẫn, đôi khi quá bình tĩnh như vậy không? Nhưng rồi những lời than vãn lại diễn ra và Rousseau lại than khóc rằng ông đã vứt bỏ những đứa con của mình, rằng ông đã không có được lòng can đảm đơn giản để nuôi dưỡng một gia đình. Trông thấy một đứa trẻ đang chơi, ông quay về phòng mình “khóc và chuộc lỗi.”⁷⁰



Hình 14. Đảo Bạch dương (*Île des Peupliers*) và mộ của Rousseau trong Công viên Jean-Jacques-Rousseau ở Ermenonville

Trong những năm cuối đời ở Paris này, ông thêm có được đức tin tôn giáo vốn nâng cuộc đời của những con người bình thường chung quanh ông lên thành một tấn kịch về cái chết và sự phục sinh. Đôi khi ông tham dự những buổi thánh lễ Công giáo. Ông viếng thăm một nhà tu kín cùng Bernardin de Saint-Pierre và nghe các tu sĩ đọc kinh cầu nguyện. “A-ha, hạnh phúc biết bao cho ai có thể tin tưởng!”⁷¹ Ông không thể tin tưởng⁷² nhưng ông cố cư xử như một tín đồ Cơ Đốc giáo, bố thí, viếng thăm và an ủi người bệnh.⁷³ Ông đọc và chú giải tác phẩm *The Imitation of Christ* (Noi gương Chúa Jesus) của Thomas a Kempis.

Tâm trạng cay đắng trong ông giảm bớt khi ông đến gần cái chết. Khi Voltaire về đến Paris và nhận được biết bao vinh dự, Rousseau cảm thấy ghen tị nhưng nói tốt về kẻ cừu thù của mình. Ông trách một người quen khi ông này chế nhạo buổi đăng quang của Voltaire tại nhà hát Théâtre-Français: “Sao anh lại dám chế giễu những vinh dự mà người ta trao cho Voltaire tại ngôi đền mà ông ta là vị thần chúa tể và được dâng lên bởi những tu sĩ mà năm mươi năm qua đã sống nhờ những kiệt tác của ông ta?”⁷⁴ Khi nghe tin Voltaire đang hấp hối ông tiên đoán: “Cuộc đời của chúng tôi liên kết với nhau; tôi sẽ không sống lâu hơn ông ta nhiều đâu.”⁷⁵

Khi mùa xuân 1778 bắt đầu nở hoa, ông yêu cầu người ta cho ông một căn nhà ở miền quê. Hầu tước René de Girardin mời ông đến ở tại một căn biệt thự nhỏ gần tòa lâu đài của mình ở Ermenonville, cách Paris khoảng 48km. Jean-Jacques và Thérèse đến đây ngày 20 tháng Năm. Tại đây, ông thu thập các mẫu thực vật và dạy môn thực vật học cho cậu con trai mười tuổi của Hầu tước. Ngày 1 tháng Bảy, ông ăn tối một cách ngon lành với gia đình vị chủ nhà. Sáng hôm sau ông bị một cơn đột quỵ do xuất huyết não (apoplectic stroke) và ngã xuống sàn nhà. Thérèse đỡ ông lên giường, nhưng ông lại rơi xuống và đập vào sàn nhà lát gạch rất mạnh đến nỗi đầu ông

bị thương và máu tuôn ra. Thérèse lớn tiếng kêu cứu; Hầu tước đến và thấy Rousseau đã chết.

Những ý nghĩ sai lầm của người đời theo đuổi ông đến phút cuối cùng. Grimm cùng những người khác loan truyền câu chuyện Rousseau đã tự tử; sau này, Bà de Staël thêm thắt rằng ông tự tử vì đau buồn sau khi khám phá ra hành vi ngoại tình của Thérèse. Đây là một câu chuyện vô cùng độc ác vì lời nhận xét của Thérèse không lâu sau khi ông mất: “Nếu chồng tôi không phải là một ông thánh thì ai mới là thánh?” đã nói lên tình yêu của bà đối với ông. Những lời đồn nhảm khác mô tả Rousseau chết trong cơn điên loạn; trong khi tất cả những ai gần ông vào những ngày cuối cùng đều mô tả ông đã rất thanh thản.

Ngày 4-7-1778, ông được chôn cất tại Đảo Bạch dương nằm trong một hồ nước nhỏ trên điền trang Girardin. Trong một thời gian dài *Île des Peupliers* (Đảo Bạch dương) này là một mục tiêu của cuộc hành hương thành kính; toàn thể thế giới những người nổi tiếng đương thời - ngay cả Hoàng hậu - đã đến tỏ lòng tôn sùng trước ngôi mộ của Rousseau. Ngày 11-10-1794, hài cốt của ông được chuyển đến Điện Panthéon và được đặt nằm cạnh Voltaire. Từ nơi an nghỉ thanh bình bên nhau đó, hồn ma của họ đã trở dậy để tái tục cuộc chiến nhằm giành lấy linh hồn của cuộc Cách mạng, của nước Pháp và của con người Tây phương.

2. Ảnh hưởng của Rousseau

Như vậy, cũng như khi chúng ta bắt đầu bằng việc suy ngẫm, giờ đây chúng ta kết thúc bằng việc chứng minh tác động lâu thường của Rousseau lên văn học, giáo dục, triết học, tôn giáo, đạo đức, phong tục, nghệ thuật và chính trị của cái thế kỷ bắt đầu cùng với cái chết của ông. Ngày nay, phần lớn những gì ông viết có vẻ cường điệu, đa cảm, ủy mị hoặc vô lý; chỉ có *Những lời tự thú* và *Những cơn mơ màng* làm chúng

ta cảm động; nhưng chỉ mới đến hôm qua đây thôi, mỗi lời của ông trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác của tư tưởng châu Âu hoặc Mỹ còn được lắng nghe. “Rousseau” Bà de Staël nói: “đã không phát minh ra thứ gì, nhưng ông làm mọi thứ cháy rực.”

Trước tiên, dĩ nhiên, ông là cha đẻ của phong trào Lãng mạn. Chúng ta đã thấy những người khác gieo hạt giống của nó: Thomson, Collins, Gray, Richardson, Prévost và chính Cor Đốc giáo mà thần học và nghệ thuật là sự lãng mạn kỳ diệu nhất. Rousseau đã nuôi dưỡng những hạt giống này phát triển trưởng thành trong nhà kính của những cảm xúc của ông và sản sinh ra những đứa con, đã trưởng thành và đầy ý tưởng sáng tạo ngay từ lúc sơ sinh, trong các *Discourse* (Luận văn), *La Nouvelle Héloïse* (Nàng Héloïse mới), *Contrat social* (Khế ước xã hội), *Émile* và *Confessions* (Những lời tự thú).

Nhưng chúng ta muốn nói gì khi đề cập đến phong trào Lãng mạn? Sự nổi loạn của cảm xúc chống lại lý trí, của bản năng chống lại trí năng, của tình cảm chống lại phán đoán, của chủ thể chống lại khách thể, của chủ nghĩa chủ quan chống lại sự khách quan, của cảnh cô đơn chống lại xã hội, của trí tưởng tượng chống lại hiện thực, của huyền thoại và truyền thuyết chống lại lịch sử, của tôn giáo chống lại khoa học, của chủ nghĩa thần bí chống lại trình tự hành lễ, của thi ca và văn xuôi đậm chất thơ chống lại văn xuôi và thi ca dung tục, của nghệ thuật tân - Gothic chống lại nghệ thuật tân cổ điển, của nữ tính chống lại nam tính, của tình yêu lãng mạn chống lại hôn nhân vụ lợi, của “Thiên nhiên” và “cái tự nhiên” chống lại văn minh và cái giả tạo, của sự biểu hiện cảm xúc chống lại những câu thúc ước lệ, của tự do cá nhân chống lại trật tự xã hội, của tuổi trẻ chống lại uy quyền, của dân chủ chống lại quý tộc, của con người chống lại nhà nước - tóm lại, sự nổi loạn của thế kỷ thứ mười chín chống lại thế kỷ thứ mười tám, hoặc chính xác hơn, của giai đoạn 1760-1859 chống lại giai đoạn 1648-1760: tất cả những điều này là những

đợt sóng của cơn hồng thủy Lãng mạn vĩ đại từng quét qua châu Âu vào thời kỳ giữa Rousseau và Darwin.

Giờ đây, hầu như mọi yếu tố này đều tìm thấy tiếng nói và sự tán đồng trong Rousseau và sự ủng hộ nào đó trong những nhu cầu và tinh thần của thời đại. Nước Pháp đã mệt mỏi với lý trí cổ điển và sự câu thúc của vẻ quý phái. Sự đề cao cảm xúc của Rousseau đưa đến việc giải phóng cho những bản năng bị đè nén, cho tình cảm bị kiềm chế, cho những cá nhân và giai cấp bị áp bức. *Những lời tự thú* trở thành thánh kinh của Thời đại của Cảm xúc cũng như *Bách khoa từ điển* đã từng là Kinh Tân ước của Thời đại của Lý trí. Không phải Rousseau bác bỏ lý trí; trái lại, ông gọi nó là một món quà tặng thần thánh và chấp nhận nó như vị thẩm phán cuối cùng;⁷⁷ nhưng (ông cảm thấy) ánh sáng lạnh lẽo của nó cần có hơi ấm của trái tim để truyền cảm hứng cho hành động, sự vĩ đại và đức hạnh. “Nhạy cảm” trở thành khẩu hiệu của đàn bà cũng như đàn ông. Đàn bà học cách ngắt xiu, đàn ông học cách khóc lóc dễ dàng hơn trước. Họ đồng đưa giữa niềm vui và nỗi buồn và pha lẫn cả hai trong những dòng nước mắt của mình.

Cuộc cách mạng Rousseau bắt đầu nơi bầu ngực của người mẹ, giờ đây được giải phóng khỏi áo nịt ngực; tuy nhiên, đây là phần khó khăn nhất của toàn cuộc cách mạng và chỉ thành công sau hơn một thế kỷ luân phiên nhau giữa việc giam giữ và giải thoát. Sau *Émile*, các bà mẹ Pháp tự cho con mình bú, thậm chí trong nhà hát Opera, giữa những khúc hát.⁷⁸ Đứa trẻ không còn bị quấn tã và được cha mẹ nuôi dạy trực tiếp. Khi đến trường nó thích thú - ở Thụy Sĩ hơn là ở Pháp - sự giáo dục theo kiểu Rousseau. Bởi vì giờ đây, con người được xem như tự bản chất là tốt, cậu học trò được xem không phải như một thứ tiểu quỷ của sự đồi bại mà là một thiên thần mà những ước muốn là tiếng nói của Thượng Đế. Các giác quan của cậu không còn bị cáo buộc như là những công cụ của quỷ Satan mà như là những cánh cửa dẫn đến sự soi

sáng các kinh nghiệm và một nghìn khoái cảm vô hại. Lớp học không còn là nhà tù. Việc giáo dục được thực hiện một cách tự nhiên và thích thú thông qua việc bộc lộ và khuyến khích những sự hiếu kỳ và khả năng có sẵn. Việc nhồi nhét ký ức bằng các sự kiện, làm ngột ngạt tinh thần với những giáo điều, được thay thế bằng việc đào tạo những nghệ thuật nhận thức, tính toán và lý luận. Trẻ em sẽ được học không phải từ những cuốn sách mà từ những sự kiện càng nhiều càng tốt - từ những ngọn cây ngoài đồng, những tảng đá trong lòng đất, những đám mây và những vì sao trên bầu trời. Sự nhiệt thành với các ý tưởng giáo dục của Rousseau đã kích thích Pestalozzi và Lavater ở Thụy Sĩ, Basedow ở Đức, Maria Montessori ở Ý, John Dewey ở Mỹ; “giáo dục tiến bộ” là một phần trong di sản của Rousseau. Được truyền cảm hứng từ Rousseau, Friedrich Froebel đã thiết lập hệ thống nhà trẻ ở Đức, từ đó lan ra khắp thế giới phương Tây.

Vài cơn gió nhẹ từ cảm hứng sáng tạo của Rousseau đã lan đến nghệ thuật. Việc đề cao trẻ em đã ảnh hưởng đến Greuze và Bà Vigée-Lebrun; những bức tranh của thời tiền-Raphael ở Anh quốc phản ánh sự tôn thờ cảm xúc dâng trào và sự thần bí. Sự tác động đến đạo đức và phong tục còn sâu sắc hơn nữa. Đã có tiến triển trong sự nhiệt tình và trung thành của tình bạn, trong những sự hy sinh và quan tâm lo lắng cho nhau. Tình yêu lãng mạn chiếm lĩnh văn học và đi vào đời sống. Những người chồng giờ đây có thể yêu vợ mình mà không coi thường ước lệ xã hội; cha mẹ có thể yêu con cái mình; gia đình được phục hồi. “Mọi người mỉm cười với việc ngoại tình; Rousseau dám xem nó là một tội ác”⁷⁹; nó tiếp tục nhưng không còn là việc *de rigueur* (nghiêm ngặt). Việc thần tượng hóa những ả điểm quý phái được thay thế bằng lòng thương hại những cô gái giang hồ. Lòng khinh bỉ ước lệ xã hội đã chống lại sự chuyên chế của phép xã giao. Đạo đức tư sản bắt đầu nổi tiếng: tính chăm chỉ, tiết kiệm, đơn giản trong cách cư xử và ăn mặc. Chẳng bao lâu sau, nước Pháp

sẽ kéo dài cái culottes (quần cụt) của mình thành quần dài và là những người sans-culottes (không mặc quần cụt của giới quý tộc) trong việc mặc quần cũng như trong chính trị. Rousseau chia sẻ nghệ thuật làm vườn Anh quốc trong việc thay đổi những khu vườn Pháp từ vẻ cân đối đều đặn thời Phục hưng sang những đường cong lãng mạn và những khúc quanh bất ngờ, đôi khi có cả những chỗ lộn xộn hoang dã và “tự nhiên”. Đàn ông và đàn bà rời thành phố đi về miền quê và kết hợp những tâm tình của Thiên nhiên với của chính họ. Đàn ông leo lên những ngọn núi. Họ tìm đến cảnh cô đơn và vuốt ve cái tôi của mình.



Hình 15. *Jean-Jacques Rousseau* (tượng của Houdon)

Văn học hầu như nhất loạt đầu hàng Rousseau và làn sóng Lãng mạn. Goethe thấm đẫm *Werther* trong tình yêu, thiên nhiên và nước mắt (1774), và khiến Faust cô đọng Rousseau trong ba chữ: “Gefuhl ist Alles” - Cảm xúc là tất cả. “Tác phẩm *Émile* và những tình cảm của nó” năm 1787 ông nhớ lại: “đã có một ảnh hưởng phổ biến lên mọi đầu óc có học thức.”⁸⁰ Schiller nhấn mạnh đến sự nổi loạn chống lại luật pháp trong tác phẩm *Những tên cướp* (1781); ông hoan nghênh Rousseau như một nhà giải phóng và tuần đạo và so sánh ông này với Socrates.⁸¹ Herder, vào một giai đoạn phát triển tương tự, đã kêu lên: “Rousseau, hãy đến đây, và làm người hướng đạo cho tôi.”⁸² Nghệ thuật hùng biện của Rousseau đã giúp giải phóng thi ca và kịch nghệ nước Pháp khỏi những quy luật của Boileau, truyền thống của Corneille và Racine và những sự nghiêm ngặt của phong cách cổ điển. Bernardin de Saint-Pierre, môn đệ nhiệt thành của Rousseau, đã đạt được một phong cách cổ điển mang tính lãng mạn trong tiểu thuyết *Paul et Virginie* (Paul và Virginie) (1784). Sau khúc dạo chuyển tiếp của Napoléon, ảnh hưởng văn học của Jean-Jacques đặc thắng với Chateaubriand, Lamartine, Musset, Vigny, Hugo, Gautier, Michelet và George Sand. Nó sinh ra một loạt những tác phẩm tự thú, mơ màng và những tiểu thuyết mô tả tình cảm hay mối đam mê mạnh mẽ. Nó bệnh vực khái niệm thiên tài như một kẻ được bẩm sinh và bất chấp pháp luật, kẻ chiến thắng truyền thống và kỷ luật. Tại Ý, nó kích thích Leopardi; tại Nga, Pushkin và Tolstoi; tại Anh, Wordsworth, Southey, Coleridge, Byron, Shelley và Keats; tại Mỹ, Hawthorne và Thoreau.

Phân nửa nền triết học của thế kỷ nằm giữa tác phẩm *La Nouvelle Héloïse* (Nàng Héloïse mới, 1761) và tác phẩm *Origin of Species* (Nguồn gốc các loài, 1859) của Darwin chịu ảnh hưởng của cuộc nổi dậy của Rousseau chống lại chủ nghĩa thuần lý của Thời đại Ánh sáng. Thật vậy, trong một bức thư gửi Bordes năm 1751, Rousseau đã biểu lộ sự khinh bỉ của ông

đối với triết học.⁸³ Sự khinh miệt của ông dựa trên điều mà theo ông là sự bất lực của lý trí trong việc dạy cho con người trở nên đức hạnh. Lý trí dường như không có ý thức về đạo đức; nó sẽ dốc sức biện hộ cho bất kỳ dục vọng nào dù có đồi bại đến đâu. Cần có điều gì khác - một ý thức bẩm sinh về đúng và sai; và thậm chí lương tâm này cũng cần phải được hâm nóng lên bằng cảm xúc nếu nó phải đem lại đức hạnh và tạo nên một con người tốt chứ không phải là một kẻ tính toán thông minh.

Điều này, dĩ nhiên, đã được Pascal nói đến; nhưng Pascal đã bị Voltaire bài bác và ở Đức, “chủ nghĩa thuần lý” của Wolff đang nổi lên tại các trường đại học. Khi Immanuel Kant trở thành giáo sư tại Königsberg ông đã được Hume và các triết gia thuyết phục rồi, rằng duy chỉ có lý trí không thể bảo vệ đầy đủ cho thậm chí những nền tảng của thần học Cơ Đốc giáo. Nơi Rousseau ông tìm thấy một phương cách để cứu vãn những nền tảng này: phủ nhận giá trị của lý trí trong thế giới siêu cảm tính, khẳng định sự độc lập của tinh thần, tính ưu việt của ý chí và tính tuyệt đối của lương tâm bẩm sinh; luận ra sự tự do của ý chí, sự bất tử của linh hồn và sự hiện hữu của Thượng Đế từ cảm nghĩ của con người về bốn phận vô điều kiện đối với quy luật đạo đức. Kant nhìn nhận món nợ của mình đối với Rousseau, treo một tấm hình của ông trên bức tường trong phòng làm việc và tuyên bố Rousseau là Newton của thế giới đạo đức.⁸⁴ Những người Đức khác cảm thấy linh hồn của Rousseau trên đầu họ: Jacobi trong tác phẩm *Gefühlphilosophie*, Schleiermacher trong việc dệt tấm mạng chủ nghĩa thần bí, Schopenhauer trong sự đăng quang của ý chí. Lịch sử triết học kể từ Kant là cuộc đấu tranh giữa Rousseau và Voltaire.

Tôn giáo bắt đầu bằng việc cấm chỉ Rousseau rồi tiếp tục dùng ông như vị cứu tinh của mình. Các nhà lãnh đạo Tin Lành liên kết với Công giáo tuyên bố ông là một tên ngoại giáo; ông bị xếp cùng Voltaire và Bayle như là những kẻ

“gieo rắc độc dược của sự sai lầm và nghịch đạo.”⁸⁵ Thế nhưng ngay cả trong lúc sinh thời của ông đã có những con người thể tục cũng như những tu sĩ lấy làm an ủi khi nghe rằng vị Cha sở hạt Savoy đã nồng nhiệt chấp nhận những giáo lý cốt yếu của Cơ Đốc giáo và đã khuyên những người hoài nghi quay về với tín ngưỡng của quê hương họ. Trên đường chạy trốn khỏi Thụy Sĩ năm 1765, Rousseau đã được vị Giám mục của Strasbourg hân hoan chào đón. Sau khi từ Anh quốc trở về, ông thấy một số tín đồ Công giáo Pháp đã trích dẫn lời ông với thái độ biết ơn để chống lại những kẻ không có đức tin và nuôi hy vọng rằng ông sẽ cải đạo một cách đặc thẳng.

Các lý thuyết gia của Cách mạng Pháp đã cố thiết lập một nền đạo đức độc lập với các tín điều tôn giáo; Robespierre, noi theo Rousseau, đã từ bỏ nỗ lực này như là một sự thất bại và đi tìm sự ủng hộ của những niềm tin tôn giáo trong việc duy trì trật tự tinh thần và sự hài lòng trong xã hội. Ông cáo buộc các *philosophe* (triết gia) là đã bài bác Thượng Đế nhưng giữ lại các ông vua; Rousseau (Robespierre nói) đã vượt lên trên những kẻ hèn nhát này, đã can đảm tấn công mọi ông vua và đã lên tiếng bảo vệ Thượng Đế và sự bất tử.⁸⁶

Năm 1793, những di sản đối nghịch của Voltaire và Rousseau đi đến phút quyết định trong cuộc đấu tranh giữa Jacques-René Hébert và Maximilien Robespierre. Hébert, một lãnh đạo của Paris Công xã, theo chủ nghĩa thuần lý của Voltaire, đã khuyến khích việc mạo phạm các nhà thờ và dựng nên sự tôn thờ Nữ thần Lý trí (1793) nơi công chúng. Robespierre đã gặp Rousseau vào quãng thời gian nhà triết học lưu lại Paris lần cuối. Ông dùng hô ngữ với Jean-Jacques: “Con người thần thánh!... Tôi đứng ngấm nét mặt uy nghi của người;... Tôi đã hiểu tất cả những nỗi đau buồn của một cuộc đời cao thượng hiến dâng cho việc tôn thờ chân lý.”⁸⁷ Khi Robespierre lên nắm quyền, ông thuyết phục Quốc Ước hội nghị chấp thuận *Lời tuyên xưng đức tin của Cha sở hạt Savoy* như là tôn giáo chính thức của nước Pháp; và vào tháng Năm năm 1794,

ông khai mạc Lễ hội của Thượng Đế để tưởng nhớ Rousseau. Khi đưa Hébert và những người khác lên máy chém vì tội vô thần, ông cảm thấy mình đang theo sát từng chữ những lời khuyên của Rousseau.

Napoléon, con người theo thuyết bất khả tri, đã đồng ý với Robespierre về nhu cầu của tôn giáo và đã tập hợp chính phủ Pháp lại với Thượng Đế (1802). Giáo hội Công giáo được phục hồi hoàn toàn cùng với sự Trung hưng của dòng họ Bourbon ở Pháp (1814); nó lôi kéo được những ngòi bút mạnh mẽ của Chateaubriand, de Maistre, Lamartine và Lamennais; nhưng giờ đây, đức tin cũ ngày càng dựa vào những quyền của cảm xúc hơn là những luận cứ của thần học; nó cùng Pascal và Rousseau đấu tranh chống lại Voltaire và Diderot. Cơ Đốc giáo, vốn dường như hấp hối vào năm 1760, đã thịnh vượng trở lại dưới triều Victoria ở Anh và thời kỳ Trung hưng (Restoration) ở Pháp. Về mặt chính trị, chúng ta giờ đây chỉ mới nổi lên từ thời đại của Rousseau. Dấu hiệu đầu tiên của ảnh hưởng chính trị của ông là làn sóng cảm tình của công chúng vốn đã ủng hộ sự giúp đỡ tích cực của nước Pháp cho cuộc Cách mạng Mỹ. Jefferson đã soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập với cảm hứng từ Rousseau cũng như từ Locke và Montesquieu. Là đại sứ tại Pháp (1785-1789), ông đã hấp thu rất nhiều từ cả Voltaire lẫn Rousseau; ông lặp lại Rousseau khi cho rằng những người thổ dân Bắc Mỹ “nói chung được hưởng một mức độ hạnh phúc vô cùng lớn hơn những người sống dưới các chính phủ châu Âu.”⁸⁸ Thành công của Cách mạng Hoa Kỳ đã làm tăng thêm uy tín của triết lý chính trị của Rousseau.

Theo Bà de Staël, Napoléon quy cuộc Cách mạng Pháp cho Rousseau hơn bất cứ tác giả nào khác.⁸⁹ Edmund Burke cho là trong Quốc hội Lập hiến của Cách mạng Pháp (1789-1791):

đã nổ ra một cuộc tranh cãi dữ dội giữa các nhà lãnh đạo của tổ chức này, xem ai trong số họ là người giống Rousseau nhất.

Thật ra, tất cả bọn họ đều giống ông ta... Chính ông là người họ nghiên cứu, chính ông là người họ suy ngẫm đến, chính ông là người họ dẫn đo cân nhắc vào mọi lúc có thể được, bên cạnh những công việc khó nhọc ban ngày và những trò trác táng ban đêm. Rousseau là vị giáo sĩ trong Thánh Kinh của họ;... ông là người được họ dựng lên bức tượng đầu tiên.⁹⁰

Năm 1799, Mallet Dupan nhớ lại là:

Rousseau có số độc giả trong các giai cấp trung lưu và bình dân nhiều gấp một trăm lần Voltaire. Chỉ mỗi mình ông ta đã tiêm nhiễm cho người Pháp học thuyết về chủ quyền của nhân dân... Thật khó mà nêu ra một nhà cách mạng riêng lẻ nào đã không bị xúc động bởi các lý thuyết vô chính phủ này và lòng không nổi bùng lên nhiệt huyết muốn thực hiện chúng... Năm 1788, tôi đã nghe Marat đọc và chú giải cuốn *Khế ước xã hội* ở ngoài đường phố, trước sự hoan nghênh của các thánh giả nhiệt tình.⁹¹

Trên khắp nước Pháp, các diễn giả trích dẫn Rousseau khi thuyết giảng về chủ quyền của nhân dân; một phần chính nhờ vào sự tiếp đón ân cần nồng nhiệt học thuyết này mà Cách mạng đã có thể tồn tại suốt một thập kỷ mặc cho những kẻ thù và những hành động thái quá của nó.

Qua suốt những thăng trầm của các cuộc cách mạng và phản cách mạng, ảnh hưởng của Rousseau về chính trị vẫn tiếp tục. Vì những mâu thuẫn của ông và vì sức mạnh và lòng đam mê của ông khi tuyên bố chúng, ông đã được những người vô chính phủ cũng như những người theo chủ nghĩa xã hội xem như một nhà tiên tri và một vị thánh; vì cả hai niềm tin tưởng đối nghịch nhau này đều tìm thấy dưỡng chất trong việc ông cáo buộc người giàu và có cảm tình đối với người nghèo. Chủ nghĩa cá nhân của bản *Luận văn* đầu tiên và việc nó bài bác “văn minh” đã truyền cảm hứng cho những con người nổi loạn từ Paine, Godwin và Shelley đến Tolstoi,

Kropotkin và Edward Carpenter. “Vào tuổi mười lăm” Tolstoi nói: “tôi đã mang quanh cổ mình một chiếc mề đay với chân dung của Rousseau thay vì chiếc thánh giá thông thường.”⁹² Chủ nghĩa bình đẳng của bản *Luận văn* thứ hai cung cấp một chủ đề cơ bản cho nhiều biến thể của lý thuyết chủ nghĩa xã hội từ “Gracchus” Babeuf qua Charles Fourier và Karl Marx cho đến Nikolai Lenin. “Giờ đây, một thế kỷ đã trôi qua” Gustave Lanson nói: “mọi tiến bộ của dân chủ, bình đẳng, phổ thông đầu phiếu, ... mọi lời kêu gọi của các đảng phái cực đoan vốn có thể là làn sóng của tương lai, cuộc chiến chống lại cái giàu và cái nghèo, mọi sự khích động của những khối quần chúng lao động và đau khổ, về một nghĩa nào đó là sản phẩm của Rousseau.”⁹³ Ông đã không kêu gọi những người học thức và cao sang bằng luận lý và lý lẽ; ông đã nói với nhân dân nói chung với cảm xúc và lòng đam mê bằng một ngôn ngữ họ có thể hiểu được; và nhiệt tình trong tài hùng biện của ông đã chứng tỏ, trong chính trị cũng như trong văn học, mạnh mẽ hơn quyền lực bá chủ của ngòi bút của Voltaire.

III. MARCHE FUNÈBREⁱ

Năm 1778, sau khi đến thăm Voltaire, Diderot đã hỏi một người bạn: “Tại sao ông ấy phải chết?”⁹⁴ Cuộc diễu hành tang tóc của các *philosophe*, từ cái chết của Helvétius năm 1771 cho đến khi Morellet từ trần năm 1819, dường như là một minh họa mỉa mai cho sự phù phiếm và lòng kiêu hãnh, nhưng có thể chúng ta cũng tự hỏi tại sao vài người trong số họ đã sống quá lâu, chuốc lấy mọi đau đớn và nhục nhã của tình trạng lão suy.

Những người may mắn hơn trong số họ đã chết trước cuộc Cách mạng, được an ủi bởi hàng trăm dấu hiệu cho thấy

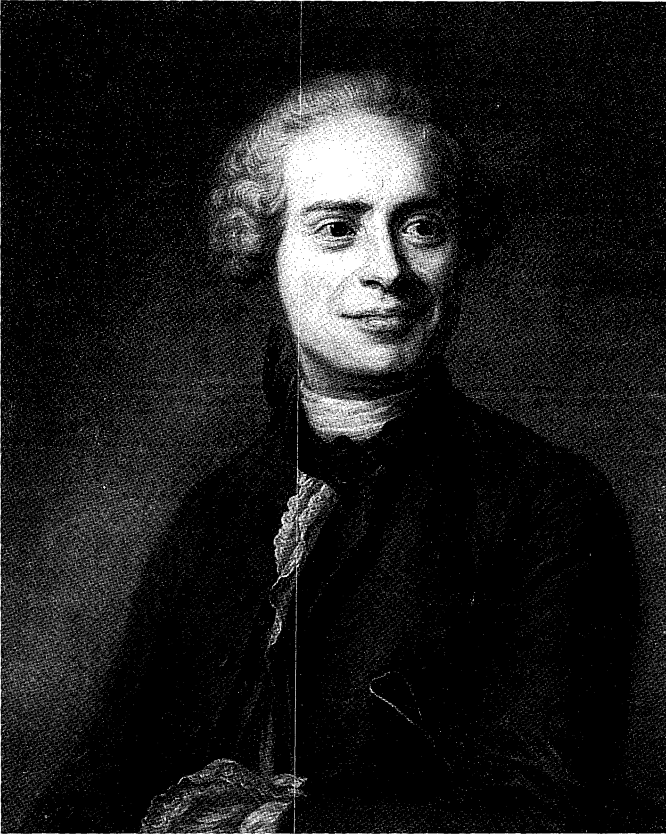
i (Tiếng Pháp): *Hành khúc tang lễ*. Đây cũng là tên một bản sonata của Frédéric Chopin.

các ý tưởng của họ đang tiến gần đến ngày chiến thắng. Condillac mất năm 1780, Turgot mất năm 1781. D'Alembert miễn cưỡng sống lâu hơn Tiểu thư de Lespinasse. Nàng đã giao lại mọi giấy tờ của mình cho ông lo liệu và chúng cho thấy trong khoảng thời gian 12 năm cuối đời, nàng đã trao tình yêu của mình cho Mora hoặc Guibert, chỉ dành cho ông một tình bạn đôi khi nhuốm vẻ bực bội.ⁱ “D'Alembert đã bị một cú quá nặng” Condorcet nói với Turgot; “giờ đây, tất cả hy vọng của tôi đối với anh ấy là cuộc đời của anh ấy cho thấy có thể chịu đựng được.”⁹⁵ Ông quay về với những công việc nghiên cứu của mình nhưng không viết được gì quan trọng nữa. Ông đến thăm vài khách thỉnh nhưng sức sống đã đi khỏi những cuộc trò chuyện có thời sáng chói của ông. Ông từ chối lời mời đến Potsdam của Frederick và đến St. Petersburg của Catherine. Ông viết cho Frederick: “Tôi cảm thấy như một người với một dải sa mạc dài ở phía trước và cuối cùng là vực sâu của cái chết và không hy vọng gặp được lấy một người nào tỏ ra đau lòng nếu nhìn thấy anh ta rơi xuống đấy, hoặc nhớ đến chút gì sau khi anh ta đã biến mất.”⁹⁶

Ông đã nhầm. Nhiều người quan tâm, ít nhất là những người ông đã đều đặn chia sẻ một phần thu nhập của mình. Trong bản di chúc của mình, Hume để lại cho d'Alembert 200 bảng,⁹⁷ tin chắc rằng nó sẽ bị tản mát đó đây. Mặc dù nhận được nhiều khoản trợ cấp khác nhau, d'Alembert vẫn sống giản dị cho đến cuối đời. Năm 1783, cả ông và Diderot đều mắc những cơn bệnh nặng - Diderot bị viêm màng phổi, d'Alembert bị rối loạn bàng quang. Diderot hồi phục, còn d'Alembert mất (ngày 29-10-1783), thọ 67 tuổi.

Diderot đã trở về từ chuyến phiêu lưu sang Nga vào tháng Mười năm 1774. Cuộc hành trình dài trong một chiếc xe giam hãm đã làm ông suy nhược, nhưng ông đã tiên đoán đúng rằng ông có “mười năm cuộc đời còn lại trong bao tải của mình.”⁹⁸

i Về mối tình cảm động của d'Alembert đối với de Lespinasse, xem: *Nước Pháp trước cơn đại hồng thủy* của cùng tác giả và dịch giả.



Hình 16. *Jean Le Rond d'Alembert*
(tranh của Quentin de La Tour, 1753)

Ông làm việc cho một kế hoạch về một trường đại học cho chính phủ Nga (vốn không được công bố cho đến năm 1813); đoán trước những phát triển về giáo dục trong 150 năm nữa, ông chủ trương quan tâm chủ yếu đến khoa học và công nghệ và đặt tiếng Hy Lạp, tiếng La-tinh và văn học hầu như ở cuối bảng, còn triết học ở giữa. Năm 1778, ông bắt đầu một *Essai sur les règnes de Claude et de Néron, et sur la vie et les écrits de Sénèque* (Tiểu luận về các triều đại của Claude và Néron và về cuộc đời và các trữ tác của Sénèque). Ông lan man sang việc

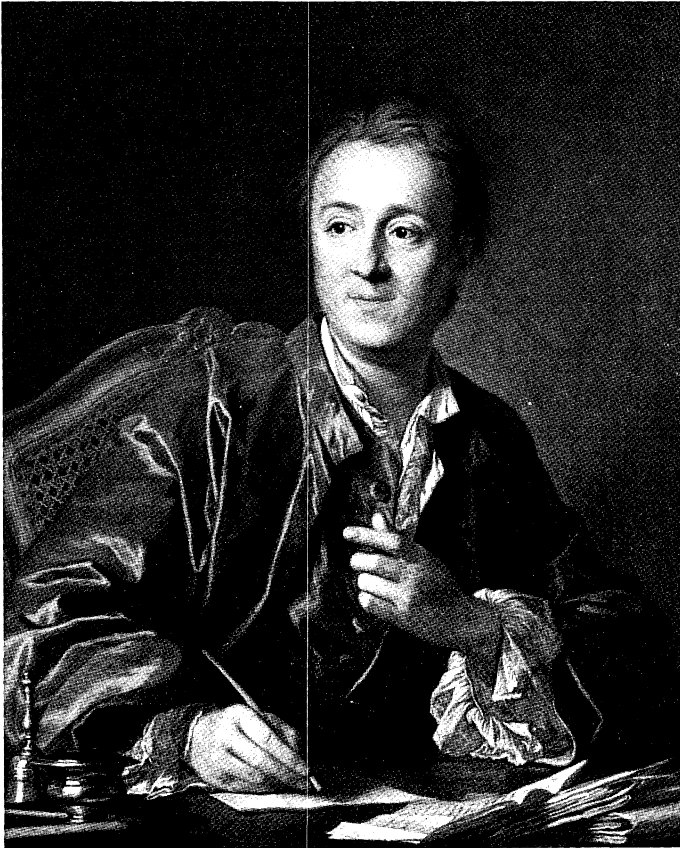
xin những người Mỹ chiến thắng, trong khối thịnh vượng chung mới của họ, “ngăn ngừa tình trạng gia tăng khủng khiếp và phân phối bất bình đẳng của cải và sự xa hoa, ăn không ngồi rồi và sự sa đọa về đạo đức.”⁹⁹ Và trong phần viết về Seneca, ông dành chỗ cho việc nhiệt tình bên vực Grimm, Bà d’Épinay và chính ông, chống lại những lời cáo buộc mà Rousseau đã đưa ra trong những lần đọc cuốn *Những lời tự thú* cho nhiều người nghe:

Nếu, do một sự kỳ quái chưa từng có, đã xuất hiện một tác phẩm trong đó những người lương thiện bị xé thành từng mảnh không chút thương tiếc bởi một tên tội phạm thông minh [*un artificieux scélérat*]... bạn hãy nhìn thẳng về phía trước và tự hỏi nếu một kẻ vô liêm sỉ... kẻ đã thú nhận từng phạm phải cả nghìn hành động xấu xa, có thể... đáng tin hay không. Một người như thế phải trả giá ra sao cho sự vu khống? - thêm hay bớt một tội nữa có thể thêm được gì vào sự đồi bại bí ẩn của một cuộc đời mà trong suốt hơn 50 năm đã bị che giấu sau tấm mặt nạ đạo đức giả dày nhất?... Hãy ghê tởm tên bội bạc nói xấu những nhà hảo tâm của bạn; hãy ghê tởm con người độc ác không do dự bôi đen bạn bè cũ của bạn; hãy ghê tởm tên hèn nhát để lại trên nấm mồ của bạn những sự tiết lộ những bí mật mà người ta tâm sự với bạn... Về phần mình, tôi thề sẽ không làm bẩn mắt mình bằng cách đọc những cuốn sách của bạn; tôi cam đoan thà bị bạn thóa mạ còn hơn là được bạn khen ngợi.¹⁰⁰

Năm 1783, Bà d’Épinay qua đời. Diderot cảm nhận sâu sắc sự mất mát này vì ông đã thích thú với tình bạn và khách thính của bà. Grimm và d’Holbach còn sống nhưng những quan hệ của ông với họ chỉ nhạt nhẽo; cả ba người đều lún sâu vào sự ích kỷ hẹp hòi của tuổi già; tất cả những gì họ có thể nói với nhau là những cơn đau của mình. Hỗn hợp của Diderot bao gồm viêm thận, viêm dạ dày, sỏi mật và viêm phổi; ông không

còn có thể leo lên những bậc thang từ những căn phòng ở tầng bốn của ông lên thư viện ở tầng năm. Giờ đây, ông cảm thấy may mắn có một người vợ; ông đã hạ những vụ ngoại tình của mình xuống thành những kỷ niệm nuôi tiếc còn bà cũng đã kiệm lời hơn trước. Họ sống trong cảnh bình yên vì đã làm cho nhau kiệt sức.

Năm 1784, ông lâm trọng bệnh. Jean de Tersac, vị cha bề trên của nhà thờ St.-Sulpice, người đã thất bại với Voltaire, cố gắng cứu rỗi mình qua Diderot, viếng thăm ông,



Hình 17. *Denis Diderot* (tranh của Louis-Michel van Loo, 1767)

cầu xin ông quay về với Giáo hội và cảnh báo rằng trừ khi nhận phép bí tích, ông không thể được chôn trong một nghĩa địa. Diderot đã trả lời: “Thưa Cha bề trên, tôi hiểu ý ông. Ông đã từ chối chôn Voltaire vì ông ấy không tin vào tính thần thánh của Đức Chúa Con. Được, khi tôi chết, họ có thể chôn tôi ở bất cứ nơi đâu họ thích nhưng tôi tuyên bố rằng tôi không tin vào Đức Chúa Cha lẫn Chúa Thánh thần lẫn bất cứ ai trong gia đình Chúa.”¹⁰¹

Nghe tin ông mắc phải các bệnh tật, Nữ hoàng Catherine tìm cho ông và vợ một căn hộ lộng lẫy tại đường Richelieu. Họ dọn đến đó khoảng ngày 18 tháng Bảy. Ông mỉm cười khi thấy người ta chở đến những món đồ đạc mới; ông nói, ông chỉ có thể sử dụng chúng được ít ngày nữa thôi. Ông đã sử dụng chúng không tới hai tuần. Ngày 31 tháng Bảy, ông ăn một bữa cơm thịnh soạn, bị nhồi máu cơ tim và chết trên bàn ăn ở tuổi 71. Vợ ông và người con rể thuyết phục một linh mục địa phương cho phép chôn ông trong nghĩa địa của nhà thờ mặc dù chủ nghĩa vô thần tai tiếng của ông. Thi hài ông được chôn tại Nhà thờ St.-Rock và vào một lúc nào không ai biết, đã biến mất một cách bí ẩn.

Đám rước tiếp tục. Mably mất năm 1785, Buffon năm 1788, d'Holbach năm 1789. Raynal, như chúng ta đã thấy, sống lâu hơn cuộc Cách mạng, tố cáo những sự dã man của nó và chính ông cũng lấy làm ngạc nhiên vì đã chết một cái chết tự nhiên vào năm 1796. Grimm đương đầu với mọi cú đòn của số phận bằng sự kiên nhẫn của người Đức. Năm 1775, Joseph II phong ông làm nam tước của Đế quốc La Mã Thần thánh, và năm 1776, Công tước xứ Saxe-Gotha cử ông làm công sứ tại Pháp. Tờ *Correspondance littéraire* (Tin Văn) của ông sau năm 1772 phần lớn được thư ký của ông là Jakob Meister viết nhưng Grimm đóng góp những bài báo sắc bén về văn học, nghệ thuật, tôn giáo, đạo đức, chính trị và triết học. Ông là người hoài nghi triệt để nhất trong số các *philosophe* vì ông cũng nghi ngờ cả triết học, lý trí và tiến bộ. Trong khi Diderot và

những người khác có cùng niềm tin đã nhìn về hậu thế với một kế hoạch không tưởng phản chiếu trong mắt họ, Grimm ghi nhận rằng đó là một phép lạ rất cổ xưa, “một ảo tưởng đã được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác”; và chúng ta đã ghi nhận lời tiên đoán của ông vào năm 1757 về “một cuộc cách mạng chí tử” sắp xảy ra.¹⁰² Khi cuộc Cách mạng đến và trở nên tàn bạo, ông trở về quê hương Đức của mình và định cư ở Gotha (1793). Catherine giúp ông khắc phục cảnh nghèo khó và bổ nhiệm ông làm công sứ ở Hamburg (1796). Khi vị nữ hoàng mạnh thường quân của ông mất, ông đến sống với Émilie de Belsunce, cháu gái của Bà d'Épinay yêu dấu của ông. Ông còn sống đến năm 1807, chủ yếu nhờ những hồi ức của những ngày sôi động khi tinh thần của nước Pháp dẫn đầu châu Âu đến bờ vực chóng mặt của tự do.

IV. TRIẾT GIA CUỐI CÙNG

Jean-Antoine-Nicolas Caritat, Hầu tước de Condorcet, hậu duệ của một gia tộc cổ xưa ở Dauphine, sinh tại Picardy năm 1743, được giáo dục bởi các giáo sĩ dòng Tên ở Reims và Paris và trong nhiều năm chỉ nghĩ đến việc trở thành một nhà toán học vĩ đại. Ở tuổi 26, ông được bầu vào Hàn lâm viện Khoa học. Sau đó, với tư cách thư ký thường trực của Viện, ông soạn những bài diễn văn ca ngợi những hội viên ra đi, như Fontenelle đã làm với Hàn lâm viện Pháp. Voltaire thích những bài truy điệu này tới mức ông bảo Condorcet: “Chúng tôi mong muốn mỗi tuần hoặc đại khái như vậy có một viện sĩ chết đi để ông có thể có dịp viết về ông ta.”¹⁰³ Ông đến thăm Voltaire ở Ferney (1770), biên tập một kỳ xuất bản các tác phẩm của Voltaire cho Beaumarchais, và viết cho nó một cuốn *Vie de Voltaire* (Đời Voltaire) nồng nhiệt. D'Alembert thuyết phục ông đóng góp cho bộ *Encyclopédie* và giới thiệu ông với Julie de Lespinasse. Tại những buổi tiếp tân của tiểu thư này, mặc dù tính nhút nhát của mình, ông trở thành một



Hình 18. *Nicolas de Condorcet* (tranh sơn dầu được cho là của Jean-Baptiste Greuze, khoảng 1789-1794)

nhân vật chính. Thật vậy, theo quan điểm của Julie, ông chỉ đứng sau d'Alembert về mặt trí tuệ và có thể đứng trên ông ta trong nhiệt tình đối với công việc từ thiện của mình. Ông ở trong số những người đầu tiên chống lại chế độ nô lệ (1781). Julie giúp giải thoát cho ông khỏi mối tình vô vọng với Tiểu thư d'Ussé, một cô nàng ỡm ẹo lợi dụng sự trung thành của ông nhưng không đáp lại. Ông tự an ủi với tình bạn của

Jean-Baptiste Suard và Bà Suard và sống mãi nguyện cùng họ trong một cảnh *ménage à trois* (gia đình hai ông một bà).

Năm 1785, ông xuất bản một *Essai sur l'application de l'analyse aux probabilités* (Tiểu luận về việc áp dụng phân tích vào phép xác suất). Trong luận văn này, ông dự đoán trước lý thuyết của Malthus rằng sự phát triển dân số có xu hướng vượt qua khả năng sản xuất lương thực; nhưng thay vì tiết dục như một phương thuốc cứu chữa, ông đề nghị kiểm soát sinh sản.¹⁰⁴

Ông chào mừng cuộc Cách mạng như là sự kiện mở ra cánh cửa đi đến một tương lai của giáo dục phổ thông, công lý và thịnh vượng. Năm 1790, ông được chọn vào hội đồng thành phố, vốn tiếp quản việc cai trị Paris. Ông được bầu vào Quốc hội Lập pháp, cơ quan cai trị nước Pháp từ 1-10-1791 đến ngày 20-8-1792. Là chủ tịch của Ủy ban Giáo dục Công cộng, ông soạn thảo một bản báo cáo chủ trương và phác họa một hệ thống quốc gia về giáo dục tiểu học và trung học, phổ thông, miễn phí, bình đẳng cho cả hai giới tính và thoát khỏi ảnh hưởng của giáo hội.¹⁰⁵ Ông đề xuất nguyên lý “nhà nước phúc lợi”: “Mọi thiết chế xã hội phải nhằm đến mục đích cải thiện thể xác, trí tuệ, và đạo đức của giai cấp đông đảo nhất và nghèo nhất” của dân chúng.¹⁰⁶ Bản báo cáo được trình lên Quốc hội ngày 21-4-1792; tác động của nó bị trì hoãn bởi những cuộc Chiến tranh Cách mạng; nhưng sau khi Napoléon đã thiết lập uy quyền của mình, ông lấy bản báo cáo của Condorcet làm cơ sở cho công cuộc tái tổ chức quan trọng nền giáo dục ở Pháp.

Trong Quốc ước Hội nghị vốn thay thế cho Quốc hội lập pháp, Condorcet ít nổi trội hơn vì ông bị những người Girondin bảo thủ nghi ngờ là người ủng hộ chế độ cộng hòa và những người cấp tiến Jacobin nghi ngờ là một nhà quý tộc đang cố giữ cho cách mạng nằm dưới sự kiểm soát của giai cấp trung lưu.¹⁰⁷ Ông biểu quyết buộc tội Louis XVI là phản quốc nhưng bỏ phiếu chống lại việc hành hình ông ta. Được bổ nhiệm cùng tám người khác vào một tiểu ban có trách nhiệm

soạn thảo một bản hiến pháp mới, ông đệ trình một bản dự thảo nhưng bị bác bỏ vì quá bênh vực giới tư sản. Khi Quốc ước Hội nghị do những người Jacobin thống trị chấp nhận một bản hiến pháp cấp tiến hơn, Condorcet viết một tập sách mỏng nặc danh khuyên các công dân không thừa nhận nó. Ngày 8-7-1793, Quốc ước Hội nghị ra lệnh bắt ông.

Trong chín tháng, ông ẩn mình trong một khách sạn nhỏ do người vợ góa của họa sĩ Claude-Joseph Vernet làm chủ. Tại đó, để xua đuổi mối lo sợ bị bắt ra khỏi tâm trí, ông đã viết một cuốn sách nhỏ được dùng như một bản tóm lược thời Khai minh và một kế hoạch chi tiết của xã hội không tương sắp đến. Bản thảo có tên *Prospectus d'un tableau historique des progrès de l'esprit humain* (Giới thiệu một bức họa lịch sử về những tiến bộ của trí tuệ con người)¹⁰⁸ Ông cũng gọi nó là một *Esquisse* - một bản phác họa; có vẻ ông hy vọng một ngày nào đó sẽ viết một bản trình bày đầy đủ hơn về triết lý của mình.

Ông lấy cảm hứng từ cuốn sách trong đó Turgot, bấy giờ là một chủng sinh (11-12-1750), đã phác thảo “Những bước tiến liên tục của Trí tuệ Con người.”¹⁰⁹ Condorcet chia lịch sử ra làm mười giai đoạn: (1) Kết hợp các gia đình lại thành bộ lạc; (2) chăn nuôi và trồng trọt; (3) phát minh ra chữ viết; (4) sự nở rộ của văn hóa Hy Lạp cho đến thời của Alexander; (5) sự phát triển tri thức trong thời kỳ nổi lên và suy tàn của La Mã; (6) Thời Tăm tối, từ năm 476 sau Công Nguyên đến thời những cuộc Thập tự chinh; (7) sự phát triển của khoa học trong thời Thập tự chinh và sự phát minh ra nghề in; (8) từ Gutenberg đến Bacon, Galileo và Descartes, những người “giải bỏ cái ách của uy quyền”; (9) từ Descartes đến việc thành lập nước Hoa Kỳ và những nền cộng hòa Pháp; (10) thời của tinh thần được giải phóng.¹¹⁰

Condorcet, cũng như Voltaire, không đánh giá cao thời Trung cổ. Ông nghĩ về nó như một thời đại mà trong đó, tư tưởng châu Âu bị Giáo hội thống trị, dân chúng bị những

Thánh lễ thôi miên và đa thần giáo hồi sinh qua việc thờ phụng các vị thánh.¹¹¹ Mặc dù vậy, lại cũng giống như Voltaire, ông giữ lại một niềm tin của tự nhiên thần giáo vào Thượng đế. Ông dựa trên sự tiến bộ và truyền bá kiến thức để làm suy yếu quyền lực của Giáo hội, phát huy ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ và ngay cả việc cải thiện đạo đức. Ông cảm thấy tội lỗi và tội ác phần lớn là hậu quả của sự ngu dốt.¹¹² “Sẽ đến thời mặt trời chỉ chiếu sáng lên những con người tự do, những người không biết bậc thầy nào khác hơn là lý trí.”¹¹³ Ông ca ngợi Voltaire vì đã giải phóng tinh thần và Rousseau vì đã tạo cảm hứng cho con người xây dựng một trật tự xã hội công bằng hơn. Ông vẽ nên cảnh tượng phong phú sẽ tràn trề trong các thế kỷ XIX và XX nhờ những công sức lao động của thế kỷ XVIII: giáo dục phổ thông, tự do tư tưởng và phát biểu, giải phóng các thuộc địa, bình đẳng trước pháp luật và tái phân phối của cải. Ông hơi do dự về việc đầu phiếu phổ thông: nói chung ông muốn giới hạn số phiếu vào những người có tài sản, dù có ít như thế nào.¹¹⁴ Đôi khi ông sợ sự chắt phác của các đám đông quần chúng sẽ khiến cho một thiểu số có tiền mặc sức truyền bá cho họ và tạo nên một chế độ quả đầu tư sản phía sau bề mặt dân chủ;¹¹⁵ nhưng việc Louis XVI và Marie Antoinette chạy trốn đến Varennes và nỗi lo sợ rằng các cường quốc sẽ tìm cách phục hồi nền quân chủ chuyên chế ở nước Pháp đã đưa ông quay lại ủng hộ chính sách đầu phiếu phổ thông, kể cả phụ nữ.¹¹⁶

Từ cảnh cô lập bị săn đuổi của mình, ông mong đợi trong tưởng tượng một tương lai với những thành tựu vẻ vang. Ông tiên đoán sự trỗi dậy của nghề báo chí như một thiết chế kiểm soát sự chuyên chế của chính quyền; sự phát triển của một nhà nước phúc lợi thông qua bảo hiểm và các chính sách trợ cấp của quốc gia; sự kích thích văn hóa nhờ giải phóng phụ nữ; sự kéo dài tuổi thọ qua những tiến bộ trong y học; sự truyền bá tư tưởng liên bang giữa các tiểu bang; sự biến đổi chủ nghĩa thực dân thành ngoại viện bởi

các nước phát triển đối với các nước chưa phát triển; sự giảm bớt thành kiến dân tộc nhờ việc phổ biến kiến thức; sự áp dụng nghiên cứu thống kê vào việc soi sáng và hình thành các chính sách; và sự gia tăng mối liên kết giữa khoa học với chính phủ.¹¹⁷ Do mỗi thời đại sẽ bổ sung thêm những mục tiêu mới cho những thành tựu của mình, không thể có chuyện tiên liệu được kết quả sau cùng của sự tiến bộ; không phải vì con người sẽ có lúc trở nên hoàn hảo mà là vì hắn sẽ không ngừng tìm kiếm sự cải thiện. “Thiên nhiên đã không đặt định điều kiện nào cho sự hoàn thiện những khả năng của con người; tính có thể hoàn thiện của con người là vô tận; và sự tiến bộ của đặc tính này - từ nay trở đi độc lập với bất cứ quyền lực nào có thể muốn chặn nó lại - không có giới hạn nào khác hơn là thời gian tồn tại của địa cầu trên đó thiên nhiên đã tạo nên chúng ta.”¹¹⁸

Vào cuối tập *Prospectus*, Condorcet đối diện với vấn đề mà bốn năm sau Malthus sẽ đặt ra trong cuốn *An Essay on the Principle of Population* (Luận về Nguyên lý Dân số, 1798):

Mong sao sẽ không đến lúc... khi, dân số trên thế giới vượt quá phương tiện để tồn tại, sẽ dẫn đến chuyện hạnh phúc bị giảm thiểu liên tục... hoặc tốt nhất là một sự dao động giữa cái tốt và cái xấu? Liệu nó sẽ không cho thấy rằng một điểm đã được đạt tới và bên kia, nó không thể cải thiện thêm được gì nữa - rằng tính có thể hoàn thiện của nhân loại đã, sau nhiều năm dài, đến một giới hạn không thể nào vượt qua?...

Ai sẽ nhận lấy trách nhiệm tiên đoán tình trạng theo đó nghệ thuật biến đổi các yếu tố thành sự hữu ích cho con người có thể được mang lại đúng lúc?... Thậm chí nếu chúng ta đồng ý rằng sự giới hạn một ngày nào đó sẽ đến... hãy thấy rằng, trước khi tất cả những điều này trôi qua, tiến bộ của lý trí đã đuổi kịp tiến bộ của các khoa học và rằng những thành kiến vô lý của óc mê tín sẽ không còn làm suy đồi và giảm đi giá trị bộ luật đạo đức bằng những học thuyết khắc nghiệt của nó...

Chúng ta có thể giả định rằng đến lúc đó con người sẽ biết rằng họ có bốn phận đối với những kẻ chưa sinh ra, một bốn phận không chỉ là mang lại cho chúng cuộc đời mà còn hạnh phúc nữa.¹¹⁹

Chủ nghĩa lạc quan của Condorcet không phải hoàn toàn mù quáng. “Chúng ta thấy những sức mạnh khai minh vẫn còn chiếm hữu lấy một phần rất nhỏ của địa cầu và những ai thật sự được khai minh đã bị áp đảo nặng nề về số lượng bởi đông đảo dân chúng, những người hãy còn nằm trong dốt nát và thành kiến. Chúng ta vẫn còn thấy những vùng đất rộng lớn trên đó con người rên rỉ trong cảnh nô lệ.”¹²⁰ Nhưng “người bạn của nhân loại” không được đánh mất hy vọng khi đối diện với những khó khăn này; hãy nghĩ đến nhiều điều cao thượng đã được làm, đến sự phát triển bao la của kiến thức và tinh thần dám nghĩ dám làm; điều gì mà một sự liên tục và phổ biến các thành tựu này không thể tạo ra? Và như vậy Condorcet kết thúc cuốn sách của mình với một viễn cảnh mang lại cho ông sự nương tựa trong nghịch cảnh và phục vụ cho ông, cũng như cả triệu người khác, thay thế cho một đức tin siêu nhiên. Đây là lời cuối cùng và tốt bậc của Thời Khai minh:

Thật là an ủi biết bao cho triết gia - người đã xót xa cho những lỗi lầm, tội ác, những điều bất công hãy còn đầy dẫy trên đời và chính ông rất thương khi là nạn nhân của chúng - khi nhìn thấy nhân loại, sau khi được giải phóng khỏi các gông cùm... đang tiến lên với bước chân mạnh mẽ và chắc chắn trên con đường của chân lý, đức hạnh và hạnh phúc! Chính sự lạng ngấm triển vọng này là phần thưởng cho ông ta về mọi nỗ lực của ông để giúp cho sự tiến bộ của lý trí và việc bảo vệ tự do... Đối với ông ta, sự lạng ngấm như thế là một nơi trú ẩn mà ký ức về những kẻ ngược đãi ông không thể truy đuổi vào. Tại đó, ông sống với ý nghĩ của một người mà phẩm giá và quyền tự nhiên đã được phục hồi và quên đi con người bị tra tấn và

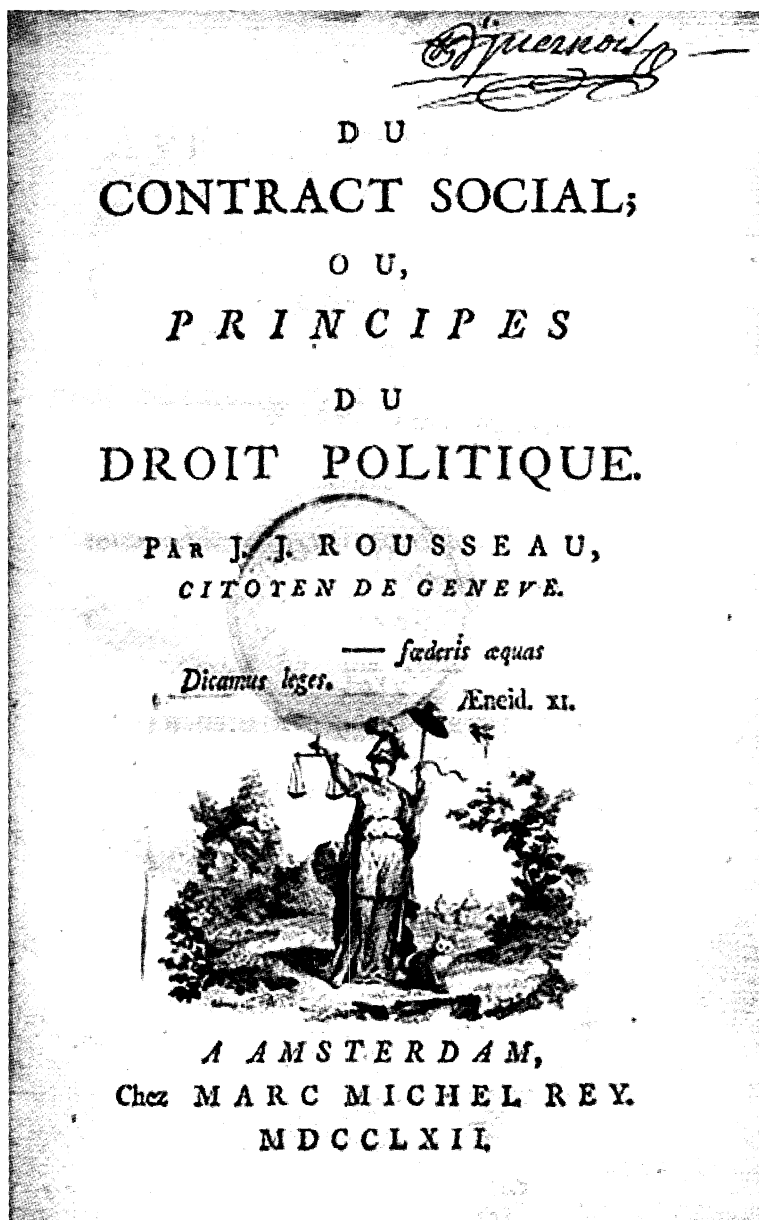
làm cho đời bại bởi lòng tham, nỗi sợ hoặc tính ganh tị. Tại đây, ông sống với những người đồng đẳng của mình trong một thiên đường tạo nên bởi lý trí và được ban cho những lạc thú thuần khiết nhất mà tình yêu nhân loại biết đến.¹²¹

Lời tuyên bố của đức tin này hầu như là tiếng kêu của một con người ý thức được rằng cái chết đang tìm đến ông ta. Sợ rằng Bà Vernet có thể gặp nguy hại nếu bị phát giác đang chứa chấp mình, Condorcet ký thác bản thảo của ông cho bà, và, mặc cho bà phản đối, đã rời khỏi căn nhà của bà ra đi sau khi hóa trang. Sau khi lang thang tại các khu ngoại ô Paris trong nhiều ngày, ông vào một quán trọ kiếm thức ăn. Về ngoài cửa ông và việc ông thiếu giấy tờ tùy thân, gọi lên mỗi nghi ngờ. Ông sớm bị nhận diện là một nhà quý tộc và bị đưa đến một nhà ngục ở thị trấn Bourg-la-Reine (ngày 7-4-1794). Sáng hôm sau người ta phát hiện ông đã chết trong xà lim. Người viết tiểu sử đầu tiên của ông cho rằng Condorcet đã mang theo thuốc độc trong một chiếc nhẫn và đã uống liều thuốc độc; nhưng báo cáo của viên sĩ quan pháp y khám nghiệm thi thể ông đã quy nguyên nhân cái chết của Condorcet cho một cục máu đông trong một mạch máu.¹²² Quốc ước hội nghị, sau khi đã tịch thu và đọc cuốn *Prospectus*, ra lệnh cho nhà nước in 3.000 bản của cuốn sách và truyền bá trên khắp nước Pháp.

V. CÁC TRIẾT GIA VÀ CUỘC CÁCH MẠNG

Burke, de Tocqueville¹²³ và Taine¹²⁴ đồng ý rằng các triết gia của Pháp, từ Bayle tới Mably, là một nhân tố quan trọng trong việc làm phát sinh cuộc Cách mạng. Liệu chúng ta có thể chấp nhận kết luận của những con người bảo thủ sáng chói này?

Mọi triết gia lỗi lạc đều chống đối cuộc cách mạng chống lại các chính quyền hiện hữu của châu Âu. Trái lại, nhiều người trong bọn họ đặt niềm tin vào các ông vua như là



Hình 19. Trang bìa cuốn *Du Contrat Social* (Khế ước Xã hội)
(xuất bản lần đầu, Amsterdam, 1762)

những công cụ cải cách thực tiễn nhất. Voltaire, Diderot và Grimm duy trì những mối quan hệ hữu nghị, nếu không phải nói là tôn thờ, đối với người này hoặc người kia trong số những nhà cai trị chuyên chế nhất đương thời - Frederick II, Catherine II, Gustavus III; và Rousseau cũng sung sướng đón tiếp Joseph II của Áo. Diderot, Helvétius và d'Holbach nói chung thóa mạ các ông vua, nhưng chưa bao giờ, trong các tác phẩm của họ ngày nay còn lại, chủ trương lật đổ chế độ quân chủ của Pháp.¹²⁵ Marmontel và Morellet công khai chống đối cách mạng.¹²⁶ Mably, người theo chủ nghĩa xã hội, tự tuyên bố là một kẻ bảo hoàng.¹²⁷ Turgot, thần tượng của các *philosophe*, làm việc miệt mài để cứu vãn, chứ không phải tiêu diệt, Louis XVI. Rousseau thúc đẩy các ý tưởng cộng hòa nhưng chỉ cho các bang nhỏ; Cách mạng chấp nhận các lý thuyết và làm ngơ lời cảnh báo của ông. Khi các nhà cách mạng biến Pháp thành một nước cộng hòa, họ làm như vậy không phải dưới dạng các triết gia Pháp mà là các anh hùng Hy Lạp và La Mã của Plutarch; thần tượng của họ không phải Ferney mà là Sparta và La Mã thời cộng hòa.

Các triết gia cung cấp sự chuẩn bị về mặt ý thức hệ cho cuộc Cách mạng. Các nguyên nhân thuộc về kinh tế và chính trị, còn lời lẽ mang tính triết lý; và quá trình hoạt động của các nguyên nhân cơ bản được giải quyết ổn thỏa qua công trình phá hủy của các triết gia khi loại bỏ những chương ngại trên con đường thay đổi như lòng tin vào các đặc quyền phong kiến, quyền hành của Giáo hội, và uy quyền thần thánh của các vị vua. Cho đến năm 1789, mọi quốc gia châu Âu đều lệ thuộc vào sự trợ giúp của tôn giáo trong việc khắc sâu tính thiêng liêng của các chính quyền, sự khôn ngoan của truyền thống, những thói quen của việc tuân phục và những nguyên lý của đạo đức. Một số cội rễ của quyền hành nơi trần thế được trồng trên trời và quốc gia xem Đức Chúa Trời như người đứng đầu lực lượng cảnh sát mật của ngài. Trong lúc Cách mạng đang diễn tiến, Chamfort đã viết rằng: "giới giáo sĩ

là bức tường thành bảo vệ đầu tiên quyền hành chuyên chế và Voltaire đã phá đổ nó.”¹²⁸ De Tocqueville vào năm 1856 nghĩ rằng “sự thiếu tin tưởng chung mà mọi niềm tin tôn giáo rơi vào ở cuối thế kỷ XVIII chắc chắn đã tạo nên ảnh hưởng lớn nhất trên toàn bộ tiến trình của cuộc Cách mạng.”¹²⁹

Dần dần chủ nghĩa hoài nghi từng bắn thủng lỗ chỗ nền thần học cũ chuyển sang việc nghiên cứu kỹ lưỡng những thiết chế và công việc thể tục. Các triết gia tố cáo cảnh nghèo khó và chế độ nông nô cũng như sự bất khoan dung và mê tín và lao động miệt mài để giảm bớt quyền lực của các lãnh chúa phong kiến đối với giới nông dân. Một số nhà quý tộc công nhận sức mạnh của những tác phẩm trào phúng tấn công họ và nhiều người mất tin tưởng vào địa vị cao cả bẩm sinh và những quyền truyền thống của họ. Hãy nghe Bá tước Louis-Philippe de Ségur:

Chúng tôi là những kẻ chỉ trích đầy khinh miệt những phong tục cũ, niềm kiêu hãnh phong kiến của tổ tiên chúng tôi và nghi thức nghiêm ngặt của họ... Chúng tôi cảm thấy sẵn sàng đi theo một cách nhiệt thành những học thuyết triết lý được các nhà văn dí dỏm và dũng cảm rao giảng. Voltaire đã quyến rũ trí óc chúng tôi và Rousseau đã chạm vào con tim chúng tôi. Chúng tôi âm thầm thích thú khi nhìn thấy họ tấn công vào khuôn khổ cũ... Trong cùng lúc, chúng tôi vui hưởng những lợi ích của giai cấp quý tộc và những điều thú vị của một nền triết học bình dân.¹³⁰

Những nhà quý tộc với lương tâm bị cắn rứt này bao gồm các nhân vật có ảnh hưởng lớn như Mirabeau *père* và *fils* (cha và con) La Rochefoucauld-Liancourt, Lafayette, Tử tước Louis-Marie de Noailles và “Philippe Égalité” (Philippe Bình đẳng), tức Công tước d’Orléans; và gọi lại sự giúp đỡ và nguồn an ủi mà Thống chế de Luxembourg và Louis-François de Bourbon, tức Hoàng thân de Conti đã mang đến

cho Rousseau. Thiểu số phóng khoáng này, được khích lệ bởi những cuộc cướp bóc của nông dân vào tài sản phong kiến, đã dẫn đầu các lãnh chúa trong Quốc hội Lập hiến từ bỏ, để nhằm chuộc tội, phần lớn những loại thuế phong kiến của họ (4-8-1789). Thậm chí hoàng gia cũng bị tác động bởi những ý tưởng nửa cộng hòa mà các triết gia đã giúp truyền bá. Cha của Louis XVI ghi nhớ nhiều đoạn trong cuốn *Tinh thần Pháp luật* của Montesquieu, đọc cuốn *Khế ước xã hội* của Rousseau và đánh giá nó “phần lớn lành mạnh” ngoại trừ việc chỉ trích Cơ Đốc giáo. Ông dạy cho các con trai của mình (3 trong số họ trở thành những ông vua) rằng “những điểm ưu việt mà các con có được không phải do thiên nhiên ban cho vì thiên nhiên đã tạo nên mọi người đều bình đẳng.”¹³¹ Louis XVI, trong những chỉ dụ của mình, đã nhìn nhận “luật tự nhiên” và “quyền của con người”¹³² vốn sinh ra từ bản chất của con người là một sinh vật có lý trí.

Cuộc Cách mạng Hoa Kỳ đã mang lại thêm uy tín cho những ý tưởng cộng hòa. Cuộc Cách mạng ấy cũng đã lấy được sức mạnh từ những thực tiễn kinh tế như việc đánh thuế và thương mại và bản Tuyên ngôn Độc lập của nước này mắc nợ nhiều nhà tư tưởng Anh cũng như Pháp; nhưng điều đáng ghi nhận là Washington, Franklin và Jefferson đã được các nhà *philosophe* hun đúc tinh thần tự do tư tưởng. Thông qua những người con Mỹ của Thời Khai minh Pháp, những lý thuyết cộng hòa đã dần tiến lên thành một chính phủ chiến thắng về vũ lực, được một vị vua Pháp công nhận, và tiến tới việc thiết lập một hiến pháp mà trong một số khía cạnh mang nợ Montesquieu.

Cuộc Cách mạng Pháp có ba giai đoạn. Ở giai đoạn đầu các nhà quý tộc, thông qua các tối cao pháp viện, cố chiếm lại từ nền quân chủ sự thống trị mà họ đã mất vào tay Louis XIV; các nhà quý tộc này không lấy cảm hứng từ các triết gia. Trong giai đoạn thứ hai, giai cấp trung lưu chiếm quyền kiểm soát cuộc Cách mạng; họ đã chịu ảnh hưởng sâu sắc những

khái niệm của các triết gia, nhưng điều họ cho là “bình đẳng” là sự bình đẳng của giới tư sản đối với giới quý tộc. Vào giai đoạn thứ ba những người cầm đầu quần chúng bình dân ở thủ đô nắm lấy quyền bá chủ. Các đám đông quần chúng hãy còn ngoan đạo, nhưng những nhà lãnh đạo của họ đã đánh mất sự kính trọng đối với các giáo sĩ và các ông vua; các đám đông quần chúng yêu mến Louis XVI cho đến phút chót, nhưng những nhà lãnh đạo của họ đã cắt phăng đầu ông ta. Sau ngày 6-10-1789, những người Jacobin kiểm soát Paris, và Rousseau là vị thần của họ. Ngày 10-11-1793, những người cấp tiến đắc thắng cử hành Lễ hội của Lý trí tại Thánh đường Notre Dame. Ở Tours, những người cách mạng thay thế tượng các vị thánh bằng những nhân vật mới có tên Mably, Rousseau, và Voltaire. Ở Chartres năm 1795, trong ngôi giáo đường nổi tiếng, một Lễ hội của Lý trí được khai mạc bằng một vở kịch cho thấy Voltaire và Rousseau đang đoàn kết trong một chiến dịch chống lại sự cuồng tín.¹³³

Do đó, chúng ta không thể nghi ngờ là các triết gia đã tác động sâu sắc lên ý thức hệ và tấn tuồng chính trị của cuộc Cách mạng. Họ không có ý định tạo ra vũ lực, cảnh tàn sát, và chiếc máy chém. Họ sẽ co rúm lại vì kinh hãi trước những cảnh tượng đẫm máu này. Họ có thể nói một cách đúng đắn là mình đã bị hiểu lầm một cách độc ác; nhưng họ chịu trách nhiệm trong chừng mực đã đánh giá thấp ảnh hưởng của tôn giáo và truyền thống trong việc kiềm chế những bản năng thú vật của con người. Trong khi đó, dưới những tuyên bố động trời và những biến cố hiển nhiên, cuộc cách mạng thật sự đang diễn tiến, khi các giai cấp trung lưu, sử dụng triết học như một trong hàng trăm công cụ, đã lấy đi quyền kiểm soát nền kinh tế và nhà nước từ tay giới quý tộc và Nhà Vua.

CHƯƠNG III

ĐÊM TRƯỚC 1774-1789

I. TÔN GIÁO VÀ CUỘC CÁCH MẠNG

Về mặt tài chính, Giáo hội Công giáo là thể chế vững vàng nhất trong nước. Nó sở hữu khoảng sáu phần trăm đất đai và tài sản khác, tính ra tiền khoảng từ hai đến bốn tỉ livre, với một lợi tức hằng năm đến 120.000.000 livre.¹ Nó thu thêm một khoản thuế thập phân 123.000.000 đánh trên các gia súc và sản phẩm của đất đai.² Những khoản thu nhập này, theo quan điểm của Giáo hội, cần thiết cho những chức năng khác nhau của nó như tăng tiến đời sống gia đình, tổ chức giáo dục (trước năm 1762), hình thành tính cách đạo đức, hậu thuẫn trật tự xã hội, phân phát của từ thiện, chăm sóc người ốm, mang lại cho những tâm hồn trầm tư hoặc phi chính trị một nơi trú ẩn trong tu viện khỏi cảnh rối loạn của đám đông và sự chuyên chế của nhà nước và khắc sâu một hỗn hợp khôn ngoan bao gồm sợ hãi, hy vọng và nhẫn nhục vào trong những linh hồn bị buộc phải chịu cảnh nghèo khó, vất vả, hoặc đau buồn do sự bất bình đẳng tự nhiên của con người.

Giáo hội làm tất cả những điều này thông qua giới giáo sĩ của mình, bao gồm một nửa của một phần trăm dân số. Con số của họ đã giảm xuống kể từ năm 1779³ và các tu viện nằm trong cảnh suy tàn nghiêm trọng. “Nhiều tu sĩ” chúng ta được nghe kể lại: “ủng hộ các ý tưởng mới và đọc tác phẩm của các nhà triết học.”⁴ Hàng trăm tu sĩ bỏ rơi đời sống

tu viện và không được thay thế. Giữa các năm 1766 và 1789, số lượng của họ ở Pháp rơi từ 26.000 xuống còn 17.000; trong một tu viện từ 80 xuống còn 19, trong một tu viện khác từ 50 xuống còn 4.⁵ Một chỉ dụ của Nhà Vua vào năm 1766 đã đóng cửa tất cả các tu viện nào có ít hơn 9 tu sĩ và nâng số tuổi được phép phát nguyện từ 16 lên 21 đối với nam giới và lên 18 đối với nữ giới. Đạo đức trong tu viện thì lỏng lẻo. Đức Tổng giám mục thành phố Tours viết năm 1778: “Các Tu sĩ Áo xám [dòng Franciscan] trong tỉnh này đang ở trong tình trạng suy đồi, các giám mục than phiền về đời sống phóng đãng và bừa bãi của họ.”⁶ Trong khi đó, các nữ tu viện lại đang ở trong tình trạng tốt. Có 37.000 nữ tu sĩ trong 1.500 tu viện của Pháp vào năm 1774;⁷ đạo đức của họ tốt và họ tích cực hoàn thành nhiệm vụ giáo dục các thiếu nữ, phục vụ trong các bệnh viện và cung cấp một chốn an toàn cho những góa phụ, những cô gái già và những người phụ nữ tuyệt vọng trong sự đấu tranh của cuộc đời.

Giới tu sĩ thế tục phát đạt tại các tòa giám mục và triều tụy tại các giáo xứ. Có nhiều giám mục sùng đạo và chăm chỉ, một số lười nhác trong cuộc sống thế tục. Khi viếng thăm nước Pháp năm 1773, Burke nhìn thấy một ít giáo sĩ cấp cao phạm tội tham lam nhưng đại đa số gây ấn tượng cho ông với kiến thức và sự chính trực của họ.⁸ Một sử gia quen thuộc với các loại sách vở bẽ bối kết luận: “Có thể mạnh dạn tuyên bố rằng, những thói hư tật xấu từng lây nhiễm toàn bộ giới giáo sĩ vào thế kỷ XVI đã biến mất vào thế kỷ XVIII. Mặc cho luật lệ về tình trạng độc thân, các cha phó ở miền quê là những người đạo đức, khắc khổ và đức hạnh như một quy luật.”⁹ Giới linh mục tại các giáo xứ này phàn nàn về sự kiêu hãnh giai cấp nơi các giám mục, vốn toàn là những nhà quý tộc; về yêu cầu phải chuyển cho giám mục phần lớn thuế thập phân thu được và về sự nghèo khó phát sinh từ việc đó khiến cho các cha cố phải cày cấy cùng lúc phục vụ Giáo hội. Louis XVI lấy làm cảm động vì những lời phản đối của họ và

dàn xếp rằng mức lương hằng năm của họ sẽ được tăng từ 500 lên 700 livre. Khi Cách mạng xảy ra, nhiều người thuộc giới tu sĩ cấp thấp đã ủng hộ Đảng cấp Thứ ba. Một vài giám mục cũng ủng hộ việc cải cách chính trị và kinh tế, nhưng đa số họ vẫn cương quyết chống lại bất cứ thay đổi nào trong Giáo hội hoặc nhà nước.¹⁰ Khi ngân khố nước Pháp gần như phá sản, cảnh giàu có của Giáo hội mang lại một sự tương phản đáng thém muốn và những người giữ quốc trái, lo ngại về khả năng của chính phủ trong việc trả lãi hoặc vốn của các khoản vay của họ, đã bắt đầu nhìn thấy việc truất hữu tài sản của nhà thờ như là con đường duy nhất để thanh toán những món nợ quốc gia. Việc bác bỏ tín ngưỡng Cơ Đốc đang lan rộng trùng hợp với sự thôi thúc về kinh tế này.

Niềm tin tôn giáo có sức ảnh hưởng lớn trong các làng mạc, tàn tạ nơi tỉnh thành; và tại các nơi này, phụ nữ thuộc các giai cấp trung lưu và bình dân giữa vững lòng mộ đạo truyền thống của họ. “Mẹ tôi” Bà Vigée-Lebrun nhớ lại: “rất mộ đạo. Trong lòng tôi cũng vậy. Tôi thường đi nghe các Lễ Trọng và dự các thánh lễ của Giáo hội.”¹¹ Nhà thờ đông đúc vào ngày Chủ nhật và các dịp lễ hội.¹² Nhưng trong đám đàn ông, tinh thần hoài nghi đã chiếm hết một nửa những khối óc đứng đầu. Trong giới quý tộc, một chủ nghĩa hoài nghi vui vẻ trở nên hợp thời thượng, thậm chí trong số các bà. “Thế giới thời thượng trong mười năm qua” Mercier viết trong tác phẩm *Tableau de Paris* (Bức tranh Paris) năm 1783, “đã không đi dự lễ Mi-xa”; hoặc, nếu có đi, đó là vì họ “không muốn làm cho những người hầu phải chướng tai gai mắt và những người hầu này biết là vì họ mà chủ nhân của mình đi lễ.”¹³ Những người ở trên giai cấp trung lưu noi gương giới quý tộc. Tại các trường học “nhiều thầy giáo bị tiêm nhiễm tinh thần hoài nghi từ sau năm 1771;”¹⁴ nhiều sinh viên lơ là lễ Mi-xa và đọc các *philosophe*. Năm 1789, Cha Bonnefax tuyên bố: “Nỗi ô nhục nghiêm trọng nhất và sẽ kéo theo với nó những hậu quả chết người là việc hầu như tuyệt đối

từ bỏ chương trình giảng dạy giáo lý trong các trường công.”¹⁵ Người ta kể, tại một trường trung học nọ: “chỉ có ba tên gốc” tin vào Đức Chúa Trời.¹⁶

Trong giới tu sĩ, niềm tin biến đổi ngược lại với thu nhập. Các giáo sĩ cấp cao “chấp nhận ‘nền đạo đức vị lợi’ của các *philosophe* và theo Chúa Jesus chỉ như một bức bình phong kín đáo.”¹⁷ Có hàng trăm tu sĩ như Mably, Condillac, Morellet và Raynal, những người chính họ cũng là những *philosophe*, hoặc chấp nhận những điều hoài nghi đương thời. Có những giám mục như Talleyrand ít giả vờ tin vào Cơ Đốc giáo; có những tổng giám mục như Loménie de Brienne bị Louis XVI phàn nàn là không tin vào Đức Chúa Trời.¹⁸ Louis từ chối nhờ một linh mục dạy con trai ông để cho cậu bé không đánh mất niềm tin tôn giáo.¹⁹

Giáo hội tiếp tục đòi kiểm duyệt báo chí. Năm 1770, các giám mục gửi lên Nhà Vua một tham luận về “những hệ quả nguy hiểm của tự do tư tưởng và ấn loát.”²⁰ Dưới triều Louis XV, chính quyền đã nói nhẹ những luật lệ chống lại việc người theo đạo Tin Lành vào nước Pháp; giờ đây có hàng trăm người bọ họ đang ở trong vương quốc này, sống dưới những hạn chế về mặt chính trị, với những cuộc hôn nhân không được nhà nước công nhận và trong mối lo sợ hằng ngày rằng những luật lệ cũ của Louis XIV sẽ được áp dụng vào bất cứ lúc nào. Tháng Bảy năm 1775, một hội nghị của các giáo sĩ Công giáo đã thỉnh cầu Nhà Vua cấm những cuộc hội họp, những vụ kết hôn hay việc giáo dục của người Tin Lành và loại trừ người Tin Lành ra khỏi tất cả các chức vụ công cộng. Hội nghị cũng yêu cầu phục hồi lại tuổi được phép phát nguyện vào sống trong tu viện là 16.²¹ Turgot nài xin Louis XVI làm ngơ những đề nghị này và giảm bớt những hạn chế về chính trị cho giáo dân Tin Lành; các chức sắc Công giáo tham gia vào chiến dịch hạ bệ ông. Năm 1781, lần xuất bản thứ nhì của bộ *Histoire philosophique des deux Indes* (Lịch sử triết học của hai xứ Ấn Độ) của Raynal bị đốt cháy

theo lệnh của Tối cao pháp viện Paris và tác giả bị trục xuất khỏi nước Pháp. Buffon bị Đại học Sorbonne công kích vì đã phác họa nên sự tiến hóa tự nhiên của sự sống. Năm 1785, giới giáo sĩ yêu cầu bỏ tù chung thân những người nào bị buộc tội vô tín ngưỡng ba lần.²²

Nhưng Giáo hội, suy yếu bởi một thế kỷ bị tấn công, không còn có thể thống trị công luận và không còn có thể tựa vào “cánh tay thế tục” để thực thi những sắc lệnh của mình. Louis XVI, sau nhiều lo lắng về lời thề tiêu diệt tà giáo lúc đăng quang, đã nhượng bộ trước áp lực của các ý tưởng tự do và năm 1787 ban hành một chỉ dụ khoan dung do Malesherbes soạn sẵn: “Nền công lý của chúng ta không còn cho phép chúng ta loại bỏ những thần dân nào của trăm không tin theo Công giáo khỏi các quyền của nhà nước dân sự.”²³ Chỉ dụ này còn loại bỏ những người không theo Công giáo khỏi các chức vụ công cộng nhưng ban cho họ mọi quyền công dân khác, công nhận quyền hành nghề của họ, hợp pháp hóa những cuộc hôn nhân trong quá khứ lẫn tương lai của họ và cho phép họ cử hành các nghi lễ tôn giáo tại nhà riêng. Chúng ta nên thêm vào đây là một vị giám mục Công giáo, Ngài de La Luzerne, đã mạnh mẽ ủng hộ việc giải phóng các tín đồ Tin Lành và cho họ có đầy đủ quyền tự do thờ phụng tôn giáo.²⁴

Không có giai cấp nào tại các thành phố nước Pháp bị thiếu số nam giới có giáo dục căm ghét như các giáo sĩ Công giáo. Giáo hội bị thù ghét, de Tocqueville nói: “không phải vì các tu sĩ cho mình có quyền kiểm soát những việc của thế giới bên kia mà vì họ là những địa chủ, những lãnh chúa tại các điền trang, những người thu thuế thập phân và những người cầm quyền trong thế giới này.”²⁵ Một người nông dân viết cho Necker năm 1788: “Người nghèo phải chịu cái lạnh và cái đói, trong khi các giáo sĩ [canon, các tu sĩ tại thánh đường] ăn cỗ và không nghĩ đến việc gì khác hơn là tự vỗ béo mình như những con lợn sẽ bị giết thịt vào dịp lễ Phục sinh.”²⁶ Các giai cấp trung lưu oán hận việc tài sản của giáo hội được miễn thuế.

Đa số các cuộc cách mạng trước đây có mục đích chống lại nhà nước hoặc giáo hội chứ hiếm khi cùng lúc chống lại cả hai. Những người man rợ đã lật đổ La Mã nhưng chấp nhận Giáo hội Công giáo La Mã. Những triết gia ngụ biện thời cổ Hy Lạp, những nhà Cải cách vào thế kỷ XVI ở Châu Âu đã chống đối tôn giáo đang thịnh hành nhưng tôn trọng chính quyền hiện hữu. Cuộc Cách mạng Pháp đã tấn công cả chế độ quân chủ và Giáo hội và đảm đương công việc gấp đôi và có nguy cơ loại bỏ cả những cột trụ tôn giáo và thể tục của trật tự xã hội hiện hành. Liệu có gì đáng ngạc nhiên khi nước Pháp đã hóa điên lên suốt một thập kỷ?

II. ĐỜI SỐNG BÊN BỜ VỰC

Các triết gia đã nhìn nhận rằng, sau khi phá bỏ những nền tảng thần học của đạo đức, họ buộc phải đi tìm một cơ sở khác, một hệ thống đức tin khác để cho con người có khuynh hướng cư xử xứng đáng như những công dân, những người chồng, người vợ, cha mẹ và con cái.²⁷ Nhưng họ không tin tưởng chút nào rằng con vật người có thể được kiểm soát mà không cần đến một bộ luật đạo đức được phê chuẩn bởi một đấng siêu nhiên. Voltaireⁱ và Rousseau cuối cùng đã công nhận nhu cầu đạo đức của niềm tin tôn giáo trong dân chúng. Mably, trong lúc gửi cho John Adamsⁱⁱ năm 1783 một số *Observations sur le gouvernement... des États Unis d'Amérique* (Những nhận xét về chính quyền... Hợp chủng quốc Hoa Kỳ) đã cảnh báo ông ta rằng việc thờ ơ những vấn đề tôn giáo, dù có vô hại tới đâu nơi những cá nhân duy lý và được khai minh, vẫn có tầm quan trọng chí tử đối với đạo đức

i Voltaire từng bảo: “*Si Dieu n’existait pas, il faudrait l’inventer.*” (Nếu không có thượng đế thì hãy tạo ra ông ta.)

ii John Adams (1735-1826): tổng thống thứ nhì của Hoa Kỳ (1797-1801); đại sứ Hoa Kỳ tại Anh (1785-88); từng tham gia soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập (1776).

của quần chúng. Ông gợi ý, một chính phủ phải kiểm soát và định hướng tư tưởng của “những đứa trẻ con” này giống như các bậc cha mẹ làm với bọn trẻ.²⁸ Diderot, trong nửa sau đời mình, đã suy nghĩ về việc làm thế nào phát minh ra một nền đạo đức tự nhiên và đã công nhận thất bại của mình: “Thậm chí tôi đã không dám viết dòng đầu tiên... tôi thấy mình không tương xứng với một công việc cao cả như thế.”²⁹

Loại đạo đức nào chiếm ưu thế ở Pháp sau bốn mươi năm tấn công vào những niềm tin siêu nhiên? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta không nên lý tưởng hóa nửa đầu thế kỷ XVIII. Fontenelle, ngay trước khi qua đời vào năm 1757, nói ước gì ông có thể sống thêm 60 năm nữa “để thấy sự ngoại tình, đồi bại và tan biến mọi mối ràng buộc sẽ biến thành thứ gì.”³⁰ Nếu lời tuyên bố đó (hầu như chắc chắn là bất công đối với các giai cấp trung lưu và bình dân) mang lại một bức tranh đúng đắn về đạo đức của giai cấp thượng lưu ở Pháp trước khi bộ *Encyclopédie* ra đời (1751), chúng ta sẽ khó được biện minh cho việc gán cho các *philosophe* những khuyết điểm về đạo đức trong nửa sau của thế kỷ. Những nhân tố khác hơn là sự suy tàn của niềm tin tôn giáo đã làm suy yếu bộ luật đạo đức cổ xưa. Cảnh giàu sang phát triển cho phép người ta đổ tiền vào những tội lỗi mà trước đây quá tốn kém. Restif de La Bretonne cho thấy, một người tư sản tốt than vãn cho sự trụy lạc của tính cách Pháp do việc dân chúng di chuyển từ các làng mạc và nông trại ra thành phố;³¹ những thanh niên thoát khỏi kỷ luật gia đình, nông trại, và láng giềng để đến với những mối quan hệ và những cơ hội có tác dụng gặm mòn của đời sống đô thị và sự an toàn trong cảnh vô danh giữa các đám đông ở thành phố. Trong tác phẩm *Les Nuits de Paris* (Paris về đêm), Restif miêu tả thành Paris của những năm 1780 như một vùng nước xoáy của những tội phạm vị thành niên, những tên trộm vặt, những tên tội phạm chuyên nghiệp và những tên điểm nam cũng như nữ. Taine cho rằng nước Pháp trong khoảng thời gian 1756-1788 bị mắc những

căn bệnh “du thủ du thực, hành khát, mọi tinh thần bất trị... hôi hám, bẩn thỉu, hoang dại và dã man được sinh ra bởi hệ thống xã hội; và chúng bu lại trên mỗi khối ung của xã hội như bọ ký sinh.”³² Loại người rác rưởi của tổ chức xã hội này là sản phẩm của bản tính con người và nền cai trị của dòng họ Bourbon và khó có thể được gán cho triết học hoặc sự sa sút của niềm tin vào tôn giáo.

Có thể một số trò cờ bạc nở rộ ở Paris (cũng như ở London) có liên hệ với tư tưởng hoài nghi; nhưng mọi người tham gia vào nó, mộ đạo cũng như không mộ đạo. Năm 1776, tất cả các chương trình xổ số tư nhân bị cấm hoạt động để hợp nhất vào Loterie Royale (Xổ số Hoàng gia). Tuy nhiên, một số thành phần tạo nên cảnh hỗn loạn về tình dục trong các giai cấp thượng lưu có thể được gán cho chủ nghĩa vô thần một cách hợp lý. Trong cuốn *Les Liaisons dangereuses* (Những mối quan hệ nguy hiểm, 1782) của Choderlos de Laclos, chúng ta thấy những nhà quý tộc hư cấu trao đổi các ghi chú về nghệ thuật quyến rũ, sắp đặt kế hoạch để phá trinh một cô gái 15 tuổi ngay sau khi cô ta rời khỏi tu viện và thuyết giảng về một thứ triết học hư vô chủ nghĩa về mặt đạo đức. Nhân vật chính, Tử tước de Valmont, biện luận rằng mọi người đều xấu xa như nhau trong các ham muốn của họ nhưng đa số thất bại trong việc thực hiện chúng vì để cho những truyền thống đạo đức dọa dẫm. Con người khôn ngoan, Valmont nói tiếp, sẽ theo đuổi bất cứ cảm giác nào hứa hẹn mang lại lạc thú nhiều nhất và sẽ khinh bỉ mọi hạn chế về mặt đạo đức.³³ Chúng ta nhớ lại, một số nhà ngụ biện Hy Lạp cũng đã đạt đến những kết luận tương tự sau khi vứt bỏ các vị thần.³⁴

Tư tưởng triết học phi luân lý này, như giờ đây cả thế giới đều biết, đã được thực hiện *ad nauseam*ⁱ bởi Bá tước - thường được gọi nhầm là Hầu tước - de Sade. Sinh tại Paris năm 1740, ông phục vụ 12 năm trong quân ngũ, bị bắt và

i *ad nauseam* (tiếng Latinh): đến phát ngán.

xử tội chết vì phạm tội đồng tính (1772), vượt ngục, bị bắt, lại vượt ngục, lại bị bắt và bị đưa về ngục Bastille. Tại đó, ông viết nhiều cuốn truyện và vở kịch, cũng tục tĩu như óc tưởng tượng của ông có thể hình dung ra: chủ yếu là các cuốn *Justine* (1791) và *Histoire de Juliette, ou Les Prospérités du vice* (Chuyện của Juliette hay là Thời hoàng kim của sự trụy lạc, 1792). Ông biện luận vì không có Thượng đế, con người khôn ngoan sẽ tìm cách thực hiện mọi ham muốn tới mức có thể được mà không phải chịu sự trừng phạt dưới trần gian. Mọi ham muốn đều tốt như nhau; mọi điểm khác biệt về đạo đức là những ảo tưởng; những quan hệ tình dục bất thường đều có thể bào chữa được và không thật sự bất thường; tội ác sẽ thú vị nếu bạn tránh bị phát giác; và ít có điều gì thú vị hơn là đánh đập một cô gái xinh đẹp. Người đọc ít bị sốc bởi tư tưởng vô luân của Sade hơn là bởi gợi ý của ông rằng việc hủy diệt toàn thể nhân loại sẽ làm vũ trụ đau buồn quá ít tới mức “nó sẽ không làm gián đoạn sự vận hành của vũ trụ nhiều hơn là việc các giống thỏ bị tuyệt chủng.”³⁵ Năm 1789, de Sade được chuyển đến một nhà thương điên ở Charenton; ông được thả năm 1790, bị bỏ tù trở lại năm 1803 vì không thể thay đổi được và chết năm 1814.

Các triết gia có thể biện luận rằng sự vô luân này là một thái độ *non sequitur*ⁱ bệnh hoạn xuất phát từ sự phê bình nền thần học Cơ Đốc của họ và rằng một tinh thần lành mạnh có thể nhận ra những bốn phạm đạo đức nhờ hoặc không nhờ vào niềm tin tôn giáo. Nhiều người đã nhận ra. Và trong số dân chúng bình thường của nước Pháp - thậm chí của Paris - trong những năm đó cũng có những yếu tố phục hồi đạo đức: sự trỗi dậy của tình cảm và lòng âu yếm; những chiến thắng của tình yêu lãng mạn đối với hôn nhân vị lợi; người mẹ trẻ kiêu hãnh cho con mình bú; người chồng tán tỉnh chính vợ mình; gia đình được phục hồi sự đoàn kết như là nguồn gốc lành mạnh nhất của trật tự xã hội. Những sự phát triển này

i *non sequitur* (tiếng Latinh): không tuân thủ.

thường liên kết với một số tàn tích của tín ngưỡng Cơ Đốc, hoặc với nền triết học bán Cơ Đốc của Rousseau; nhưng con người vô thần Diderot nhiệt tình ủng hộ chúng.

Cái chết của Louis XV được tiếp nối bằng một phản ứng chống lại thói dâm dục của ông. Louis XVI nêu một tấm gương tốt qua cách ăn mặc và lối sống giản dị, lòng chung thủy với vợ và việc lên án trò cờ bạc. Ngay cả Hoàng hậu cũng noi theo ông ăn mặc giản dị và dẫn đầu cuộc phục sinh của cảm xúc và tình cảm. Hằng năm, Hàn lâm viện Pháp trao một giải thưởng cho người có đức hạnh nổi bật.³⁶ Đa số tác phẩm văn học đều đứng đắn; những cuốn truyện của Crébillon *fils* (con) bị đặt sang một bên và cuốn *Paul et Virginie* (Paul và Virginie) của Bernardin de Saint-Pierre phổ nên một âm điệu thuần khiết về đạo đức trong tình yêu. Nghệ thuật phản ánh nền đạo đức mới; Greuze và Bà Vigée-Lebrun tôn vinh trẻ con và tình mẫu tử.

Cơ Đốc giáo và triết học cùng nhau nuôi dưỡng một chủ nghĩa nhân văn truyền bá hàng nghìn tác phẩm bác ái và từ thiện. Trong mùa đông khắc nghiệt 1784, Louis XVI đóng góp ba triệu livre để cứu giúp người nghèo; Marie Antoinette góp 200.000 từ tiền túi của bà; nhiều người khác cũng bắt chước. Nhà Vua và Hoàng hậu giúp tài trợ cho Trường Cầm diếc do Cha de L'Épée thành lập năm 1778 để dạy bộ mẫu tự diếc và cầm mới của ông và Trường Trẻ em mù do Valentin Haüy thành lập năm 1784. Bà Necker xây dựng một dưỡng trí viện và bệnh viện cho người nghèo (1778) mà bà đích thân coi sóc trong mười năm. Các nhà thờ, tu viện và nữ tu viện phân phát thực phẩm và thuốc men. Chính dưới triều đại này mà một chiến dịch đã hình thành để bãi bỏ chế độ nô lệ.

Phong tục cũng như đạo đức phản ánh thời đại của Rousseau; chưa bao giờ dưới sự cai trị của dòng họ Bourbon mà dân chúng được dân chủ như vậy. Những phân biệt giai cấp vẫn còn nhưng được làm dịu bớt bởi lòng tử tế lớn hơn và cử chỉ lịch sự rộng rãi hơn. Những người có tài năng nhưng

không có tước hiệu nếu biết học cách xử sự đúng mực được chào đón tại các ngôi nhà dòng dõi nhất. Hoàng hậu nhảy ra khỏi xe để giúp một người xà ích bị thương; Nhà Vua và em của ông là Bá tước d'Artois ghé vai vào bánh xe để giúp một công nhân đưa chiếc xe bò của ông ta ra khỏi bùn. Váy áo trở nên đơn giản hơn: những mái tóc giả biến mất và các quý ông vứt bỏ những món đồ thêu, đăng ten và chiếc gurom, ngoại trừ ở triều đình. Vào năm 1789 khó có thể nói lên giai cấp của một người qua bộ quần áo của anh ta. Khi Franklin chinh phục được nước Pháp, ngay cả những người thợ may cũng chịu thua ông; dân chúng xuất hiện trên đường phố “ăn mặc à la Franklin (theo kiểu Franklin) với vải thô và những đôi giày to.”³⁷

Các phu nhân thuộc giới tư sản ăn mặc cũng xinh đẹp như quý bà trong triều. Sau năm 1780, phụ nữ bỏ đi chiếc váy phòng luộm thuộm nhưng phòng thủ bằng những chiếc váy lót dài cứng nhắc được mặc chồng lên nhau như một câu đố rắc rối. Những chiếc áo lót được cắt thấp ở phía trước, nhưng bầu ngực thường được che bằng một chiếc khăn hình tam giác gọi là *fichu* (khăn quàng); những món này có thể làm cho dày để che giấu bầu ngực kém phát triển; do đó, người Pháp gọi chúng là *trompeurs* hoặc *menteurs* - đồ đánh lừa hoặc dối trá.³⁸ Những kiểu tóc tiếp tục cao, nhưng khi Marie Antoinette bị rụng nhiều tóc trong một hoặc hai lần sinh đẻ, bà thay thế kiểu hình tháp bằng những lọn tóc xoắn, và thời trang mới lan truyền thông qua triều đình đến Paris. Có 200 kiểu mũ dành cho phụ nữ; một số là những công trình bấp bênh bằng dây, lông vũ, ruy băng, hoa và rau quả nhân tạo; nhưng trong những lúc thoải mái hơn, phụ nữ noi theo phong cách của Hoàng hậu ở Điện Petit Trianon, che đầu bằng một chiếc khăn quàng đơn giản. Trong cuộc cách mạng vĩ đại nhất, một số phụ nữ đi giày đế thấp hoặc những chiếc dép đế mỏng thoải mái.

Một lối sống lành mạnh hơn đi kèm với việc đổi sang y phục giản dị. Một thiểu số ngày càng tăng chuộng “lối sống

tự nhiên”: không mang nịt ngực, không có người hầu, sống ngoài trời nhiều hơn và khi nào có thể, rời bỏ thành thị để lui về nhà quê. Arthur Young kể lại: “Tất cả những ai có nhà ở thôn quê đều về đây, còn những ai không có thì đi thăm những người có. Cuộc cách mạng trong phong tục của người Pháp này chắc chắn là một trong những đặc tính tốt đẹp nhất mà họ bắt chước của người Anh. Việc du nhập nó được dễ dàng hơn nhờ phép màu của các tác phẩm của Rousseau.”⁴⁰ Nhưng phần lớn của việc “trở về thiên nhiên” này là lời nói hoặc tình cảm hơn là hành động hay thực tế; đời sống ở Paris vẫn còn quay cuồng trong một nhịp điệu chóng mặt với những buổi trình diễn hòa nhạc, nhạc kịch, thoại kịch, đua ngựa, thể thao dưới nước, những trò đen đỏ, khiêu vũ, vũ hội, trò chuyện và những khách thính.

III. CÁC SALONNIÈRESⁱ

Phụ nữ Pháp trang điểm cho buổi hoàng hôn của chủ nghĩa phong kiến không phải chỉ bằng những nét quyến rũ của con người và y phục mà còn bằng khả năng vô song của họ trong việc biến những buổi gặp gỡ của giới thượng lưu Pháp trở nên không chỉ là những cuộc tụ tập lại để tán nhảm mà là một phần quan trọng của đời sống tinh thần của đất nước. Gibbon, sau khi tái tục mối quan hệ với các khách thính Pháp vào năm 1777, đã viết:

Nếu giờ đây, Julianⁱⁱ có thể về thăm lại thủ đô nước Pháp [nơi ông ta đã ra đời vào năm 331 sau Công Nguyên]. Ông ta có thể trò chuyện với những người trong giới khoa học cùng những thiên tài vốn có thể hiểu và dạy cho một đồ đệ người Hy Lạp;

i *salonnières*: các nữ chủ nhân khách thính.

ii *Julian* (còn được biết dưới tên *Julian Kẻ Bội giáo*; tên Latinh là *Flavius Claudius Julianus*. 331-363 sau Công Nguyên): Hoàng đế La Mã (361-363). Ông cố phục hồi đa thần giáo trên khắp đế quốc của mình trong khi vẫn khoan dung đối với các tín đồ Cơ Đốc và Do Thái.

ông ta có thể tha thứ cho những trò điên rồ duyên dáng của một quốc gia mà tinh thần thượng võ chưa bao giờ bị làm cho suy yếu bởi lòng ham thích cảnh xa xỉ; và ông ta phải hoan hô sự hoàn hảo của thứ nghệ thuật vô giá vốn làm cho mềm dịu và tinh tế và tô điểm cho mỗi giao thiệp của đời sống xã hội.⁴¹

Và trong một bức thư ông nói thêm: “Đối với tôi dường như ở Lausanne, cũng như ở Paris, những người phụ nữ luôn cao hơn đàn ông nhiều.”⁴²

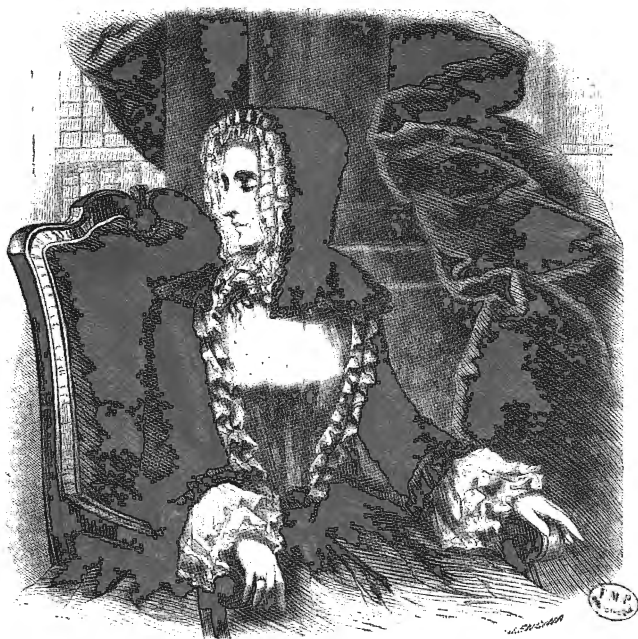


Hình 20. Bà *Geoffrin* (tranh sơn dầu của Jean-Marc Nattier, 1738)

Các *salonnière* (nữ chủ nhân của các khách thánh) già dường như đang rời bỏ khung cảnh một cách miễn cưỡng. Bà Geoffrin, như chúng ta đã thấy, chết năm 1777. Bà du Deffand hầu như bắc qua hai thế kỷ khi đi vào lịch sử như một nhân tình của vị Nhiếp chính⁴³ và mở một khách thánh hoạt động liên tục từ năm 1739 đến năm 1780. Bà đã đánh mất phần lớn những con sư tử của nền văn học cho Julie de Lespinasse và các khách thánh mới và Horace Walpole, khi đến thăm bà lần đầu vào năm 1765, nhận thấy tập thể những nhà quý tộc đang bước vào tuổi già của bà thật buồn chán. “Tôi ăn tối tại đó mỗi tuần hai lần và chịu đựng tất cả đám khách tẻ nhạt của bà chỉ vì Quan Nhiếp chính.”⁴⁴ - tức là vì những ký ức sống động của bà về thời kỳ đáng chú ý giữa hai đời vua, thời kỳ vốn đã tạo nên đặc điểm chung của xã hội và đạo đức của nước Pháp cho 60 năm sau đấy. Nhưng (Horace nói thêm) chính bản thân bà thì ngọt ngào [ở tuổi 68] và cũng háng hái muốn biết chuyện gì xảy ra hằng ngày như tôi muốn biết về thế kỷ trước.”

Ông nồng nhiệt ngưỡng mộ trí tuệ của bà - do chưa bao giờ gặp được ai chói sáng như vậy nơi những phụ nữ hầy còn bị kiềm chế ở Anh - khiến ông đến thăm bà mỗi ngày và khen ngợi bà bằng những lời dường như làm sống lại những ngày tháng vàng son của bà. Bà mời ông ngồi lên một chiếc ghế đặc biệt và nó luôn được dành cho ông; bà nuông chiều ông với mọi hình thức của thịnh tình nơi người phụ nữ. Bản thân bà cũng có chút nam tính và không lấy làm phật lòng vì sự tinh tế giống như phụ nữ của ông. Không thể nhìn thấy ông, bà đã có thể khắc họa lên hình ảnh của ông gần với sự ham muốn trong tâm hồn bà và bà yêu hình ảnh đó. Có thể nhìn thấy bà, ông không bao giờ có thể quên được tuổi tác và tình trạng không thể tự lo liệu được của thể xác bà. Khi ông trở về Anh, bà viết cho ông những bức thư hầu như cũng nồng nàn với lòng yêu mến thiết tha như những bức thư Julie de Lespinasse gửi cho Guibert và được viết bằng một

thứ văn xuôi tinh tế mà thời đại đó có thể cho chúng ta xem. Những bức thư trả lời của ông cố kiềm chế nỗi hân hoan của bà; ông rùng mình với ý nghĩ liệu những người bạn ở Anh của ông sẽ làm gì để châm biếm một vụ vật như thế. Bà chịu đựng những lời khiển trách của ông, tái khẳng định tình yêu của bà, đồng ý gọi nó là tình bạn, nhưng đoán chắc với ông rằng ở Pháp tình bạn thường sâu đậm và mạnh mẽ hơn tình yêu. “Em thuộc về anh hơn là chính em... Ước gì em có thể gửi đến anh tâm hồn của mình thay vì một bức thư. Em sẵn lòng từ bỏ nhiều năm tháng của đời mình để chắc chắn còn sống khi anh trở lại Paris.” Bà so sánh ông với Montaigne: “và đây là lời khen tặng cao quý nhất em có thể gửi đến anh vì em không thấy trí tuệ nào đúng đắn và sáng sủa như của ông ta.”⁴⁵



Madame du Defant.

Hình 21. Bà du Deffant (tranh khắc gỗ)

Ông lại đến Paris vào tháng Tám năm 1767. Bà chờ đợi ông với sự phấn khích của một trinh nữ. “Cuối cùng, cuối cùng, không biết cả nào ngăn được chúng ta. Em không thể nào khiến mình tin được rằng một người quan trọng như anh, đang lèo lái một chính phủ vĩ đại và do đó cả châu Âu, đã có thể... từ bỏ mọi thứ để đến thăm mộ phù thủy nơi xó xỉnh của một tu viện. Thật quá vô lý nhưng em rất vui thích... hãy đến đây, vị gia sư của em!... Không phải là một giấc mơ - em biết em đang thức - em sẽ gặp anh hôm nay!”. Bà gửi chiếc xe của mình đi đón ông; ông tức thì đến thăm bà. Trong sáu tuần lễ, ông làm bà sung sướng với sự hiện diện của ông và làm bà đau buồn vì những lời cảnh báo ông đưa ra với bà. Sau khi ông trở về Anh, bà chỉ nghĩ đến chuyện ông quay lại Paris. “Anh sẽ làm cho buổi hoàng hôn của em đẹp đẽ và hạnh phúc hơn giấc trưa hay lúc bình minh. Cô học trò của anh, vốn phục tùng anh như một đứa trẻ, chỉ mong được gặp anh.”⁴⁶

Ngày 30-3-1773, ông yêu cầu bà đừng viết thư nữa.⁴⁷ Rồi ông mủi lòng và việc trao đổi thư từ lại tiếp tục. Tháng Hai năm 1775, ông yêu cầu bà trả lại tất cả các bức thư của ông. Bà đồng ý làm theo với một gợi ý tế nhị được ông đáp lại. “Anh sẽ có đủ ấm áp để đốt những ngọn lửa của mình trong một thời gian dài nếu thêm vào đấy tất cả những thư từ anh đã nhận từ em. Đây chỉ là lễ công bằng nhưng em để việc này cho óc khôn ngoan của anh quyết định.”⁴⁸ Trong số 800 bức thư ông gửi cho bà, giờ chỉ còn lại 19 bức; tất cả thư của bà được giữ lại và được công bố sau khi Walpole chết. Khi nghe khoản trợ cấp của bà bị ngưng, ông đề nghị thay thế nó bằng tiền túi của riêng ông; bà không nghĩ việc này cần thiết.

Sự sụp đổ của chuyện tình lãng mạn làm u ám thêm tính bi quan tự nhiên của một người phụ nữ không còn trông thấy những màu sắc của cuộc sống nhưng vẫn biết được những chỗ cạn và vực sâu của nó. Ngay cả trong cảnh mù lòa, bà vẫn có thể nhìn xuyên qua mọi bề mặt lịch sự để thấy được tính ích kỷ không biết mỗi một của cái tôi. “Gia sư đáng thương

của em” bà hỏi Walpole: “có phải anh đã chỉ gặp những con quái vật, những con cá sấu và linh cẩu? Về phần mình em chỉ thấy những tên ngốc, những gã khờ, bọn người dối trá, những kẻ ganh tị và đôi khi lừa dối... Mọi người em gặp ở đây đều làm tâm hồn em khô cạn. Em không tìm thấy đức hạnh hay sự thành thực hay sự giản dị trong bất cứ ai.”⁴⁹ Ít có niềm tin tôn giáo còn sót lại để an ủi bà. Thế nhưng, bà tiếp tục chiêu đãi những bữa ăn tối, đôi khi mỗi tuần hai lần, và thường ăn ngoài, dù chỉ như là để tránh cảnh buồn chán của những ngày cũng tăm tối như những đêm.

Cuối cùng, bà - người đã học cảm ghét cuộc đời - ngưng bám víu vào nó và hòa giải với cái chết. Những căn bệnh hoành hành tuổi già đã gia tăng và kết hợp nhau và ở tuổi 83 bà cảm thấy quá yếu để chống lại nó. Bà cho gọi một linh mục đến và chịu nhường bước trước niềm hy vọng mà không tin tưởng nhiều. Tháng Tám năm 1780, bà gửi lá thư cuối cùng cho Walpole:

Hôm nay em tệ hơn... Em không thể nghĩ rằng tình trạng này có ý nghĩa gì khác hơn là sự kết thúc. Em không đủ mạnh mẽ để sợ hãi và vì em sẽ không gặp lại anh nên em không có gì để tiếc nuối.... Hãy vui chơi, anh bạn của em, càng nhiều càng tốt. Đừng quá lo lắng cho tình trạng của em... Anh sẽ thương tiếc em vì người ta lấy làm vui khi biết mình được yêu.⁵⁰

Bà mất ngày 23 tháng Chín, để lại cho Walpole các giấy tờ và con chó của bà.

Nhiều *salonnière* khác tiếp tục truyền thống cao quý này: các Bà d'Houdetot, d'Épinay, Denis, de Genlis, Luxembourg, Condorcet, Boufflers, Choiseul, Gramont, Beauharnais (vợ của một người chú của Joséphine). Bổ sung vào tất cả những quý bà này là khách thỉnh nổi tiếng cuối cùng của thời tiền Cách mạng của Bà Necker. Vào khoảng năm 1770, bà bắt đầu



Hình 22. Bà Necker (tranh phần màu của Jean-Etienne Liotard, 1761)

những buổi tiếp tân vào ngày thứ sáu của mình; về sau, bà cũng tiếp khách vào ngày thứ ba, khi âm nhạc ngự trị. Tại đó, cuộc chiến giữa Gluck và Picciniⁱ chia rẽ các thực khách và Cô Clairon đoàn kết họ lại bằng cách ngâm những đoạn thơ trong những vai từng đóng được cô ưa thích nhất. Vào những tối thứ Sáu ở đây, người ta có thể gặp Diderot, Marmontel, Morellet, d'Alembert (Sau khi Julie mất), Saint-Lambert, Grimm (sau khi Bà d'Épinay mất), Gibbon, Raynal, Buffon, Guibert, Galiani, Pigalle và người bạn văn đặc biệt của Suzanne là Antoine Thomas. Tại một trong những buổi

i Âm chỉ việc ban giám đốc Nhà hát Opera ở Paris đưa ra ý tưởng thi đua giữa Piccini và Gluck bằng cách thuyết phục hai nhạc sĩ cạnh tranh nhau trong sáng tác về đề tài *Iphigénie en Tauride* (Iphigénie ở Tauride). Việc này dẫn đến sự chia rẽ công chúng Paris thành hai phe đối lập ủng hộ cho hai người, biến thành một cuộc chiến tranh đầy giận dữ, không xứng đáng và nhục nhã. Xem: *Nam Âu Công giáo* của cùng tác giả và dịch giả.

tụ họp này (tháng Tư năm 1770), người ta đã đề cập đến việc dựng một bức tượng cho Voltaire. Tại đó, Diderot ngậm tăm không nói gì về những tư tưởng dị giáo của mình và hầu như trở nên tao nhã. “Thật đáng tiếc cho tôi” ông viết cho Bà Necker: “là không có may mắn được biết bà sớm hơn. Chắc hẳn bà sẽ gọi trong tôi ý thức về sự thanh khiết và tinh tế mà rồi sẽ từ tâm hồn đi vào các tác phẩm của tôi.”⁵¹ Những người khác không kể lại một cách thuận lợi như vậy. Marmontel, mặc dù vẫn còn là bạn của bà trong suốt 25 năm, mô tả Suzanne trong tập *Hồi ký* của ông: “Không quen với cách cư xử và phong tục của Paris, bà không có được chút gì quyền rũ của một phụ nữ trẻ người Pháp... Bà không có khiếu thẩm mỹ trong cách ăn mặc, sự thoải mái trong cách cư xử, sự quyến rũ trong vẻ lịch sự, và tinh thần của bà, cũng như sự biểu hiện của gương mặt bà, được điều chỉnh quá trọn vẹn để sở hữu vẻ duyên dáng. Những phẩm chất hấp dẫn nhất của bà là sự lịch thiệp, thành thật và tấm lòng tử tế.”⁵² Các phu nhân quý tộc không ưa bà; Nữ Nam tước d’Oberkirch, người từng viếng thăm vợ chồng Necker cùng Đại Công tước Paul năm 1782, hạ bà xuống mức “đơn giản không hơn gì một bà quản gia;”⁵³ và Nữ Hầu tước de Créqui đã xé bà ra thành những mảnh nhỏ trong những trang giấy hần học một cách thú vị.⁵⁴ Bà Necker hẳn đã có nhiều phẩm chất tốt đẹp để chinh phục được tình yêu lâu bền của Gibbon nhưng bà không bao giờ hoàn toàn vượt qua được di sản tín đồ Calvin của mình; bà vẫn đoan trang và khắt khe về đạo đức giữa cảnh giàu sang và không bao giờ có được tính cách vui vẻ tinh tế mà đàn ông Pháp mong đợi nơi phụ nữ.

Năm 1766, bà hạ sinh người sẽ là Bà de Staël. Germaine Necker, lớn lên giữa các triết gia và chính khách, đã trở thành một học giả từ năm lên mười. Trí thông minh sớm phát triển biến cô thành niềm kiêu hãnh của cha mẹ cho đến khi tính bướng bỉnh và dễ bị kích động của cô trở nên khó chịu đối với người mẹ. Suzanne, ngày càng bảo thủ, áp đặt kỷ luật

ngghiêm ngặt lên Germaine. Cô gái nổi loạn và sự bất hòa trong gia đình thanh lịch này tương xứng với sự rối loạn về tài chính của đất nước. Những khó khăn của Necker trong việc cố ngăn chặn sự phá sản của chính phủ mặc dù cuộc chiến tranh Hoa Kỳ và sự oán giận của Bà Necker đối với mọi lời chỉ trích ông trên báo chí, đã thêm vào nỗi bất hạnh của người mẹ, và Suzanne bắt đầu mong mỗi đời sống yên bình mà bà đã trải qua trước đây ở Thụy Sĩ.

Năm 1786, Germaine kết hôn và đảm đương một phần trong các bổn phận của nữ chủ nhân trong khách thính của mẹ nàng. Nhưng khách thính Pháp giờ đây đang tàn tạ; việc thảo luận văn chương giờ đây nhường chỗ cho những cuộc tranh luận chính trị hăng hái và mang tính bè phái. “Tôi không có tin tức văn chương nào để kể cho bạn” Suzanne viết cho một người bạn năm 1786. “Việc chuyện trò như thế không còn hợp thời; cuộc khủng hoảng quá lớn; dân chúng không còn quan tâm đến việc chơi cờ trên bờ một vực sâu.”⁵⁵ Năm 1790, gia đình chuyển đến Coppet, một lâu đài Necker đã mua trên bờ phía bắc của Hồ Geneva. Tại đó, Bà de Staël ngự trị, còn Bà Necker trong nhiều năm bị một căn bệnh thần kinh đau đớn khiến bà qua đời năm 1794.

IV. ÂM NHẠC

“Về âm nhạc” Mozart viết từ Paris ngày 1-5-1778: “tôi bị vây quanh bởi toàn những con vật thô lỗ... Hãy hỏi bất cứ ai bạn muốn - miễn hấn ta không phải là một người sinh ra ở Pháp - và nếu hấn biết được chút gì về đề tài này hấn sẽ nói chính xác như nhau... Tôi sẽ cảm ơn Thượng đế Toàn năng nếu có thể thoát đi được mà khiếu thẩm mỹ của tôi không bị hề hấn gì.”⁵⁶ Đây là những lời nặng nề nhưng Grimm và Goldoni đồng ý với chúng.⁵⁷ Tuy nhiên, cả ba người chỉ trích này đều là dân nước ngoài. Khiếu thẩm mỹ âm nhạc của những người Paris thuộc giới thượng lưu phản ánh phong tục của họ,

thiên về việc kiểm chế sự biểu hiện và sự cân đối của hình thể; nó vẫn còn vang vọng thời đại của Louis XIV. Thế nhưng chính xác là trong những năm đầu của triều đại mới này, một nửa Paris đã đánh mất sự kiểm chế và có thể những phong tục tốt đẹp trong cơn khích động của trận chiến giữa Piccini và Gluck. Và nên ghi nhận bức thư đề ngày 22-9-1774 của Julie de Lespinasse: “Em thường đi xem vở *Orfé et Eurydice*



Hình 23. *François-Joseph Gossec*
(tranh sơn dầu của by Antoine Vestier - tại Phòng Trưng bày năm 1791)

(Orfé và Eurydice)ⁱ. Em mong được nghe cả chục lần mỗi ngày khúc nhạc làm em đau đớn... “Ta đã mất nàng Eurydice của mình”⁵⁸. Paris không phải điếc không biết nghe nhạc, mặc dù thành phố này nhập khẩu nhiều hơn sản xuất.

Năm 1751, François-Joseph Gossec, 17 tuổi, từ quê ở Hainaut đến Paris với một bức thư giới thiệu gửi cho Rameau. Vị thầy già tìm được cho chàng một vị trí điều khiển dàn nhạc trong một dàn nhạc tư nhân do Alexandre-Joseph de La Popelinière bảo trợ. Gossec đã sáng tác (từ năm 1754) cho “ban nhạc” này những bản giao hưởng ra đời trước bản giao hưởng đầu tiên của Haydn đến năm năm và năm 1754 công bố những bản tứ tấu trước những bản tứ tấu của Haydn một năm. Năm 1760, ông giới thiệu với Nhà thờ St. Roch bản *Messe des Morts* (Khúc cầu hồn) vốn tạo ra ý tưởng chơi bằng những nhạc khí hơi bản *Tuba mirum* bên ngoài nhà thờ. Sự táo bạo và linh hoạt của Gossec thật vô tận. Năm 1784, ông thành lập École Royale du Chant (Trường Thanh nhạc Hoàng gia) và trường này trở thành hạt nhân của Nhạc viện Paris lừng danh. Ông thành công tương đối trong lĩnh vực nhạc kịch, hài hước lẫn nghiêm chỉnh. Ông tự điều chỉnh theo cuộc Cách mạng và soạn một số ca khúc nổi tiếng nhất cho nó, kể cả “Bài tụng ca dâng lên Đấng tối cao” cho buổi lễ của Robespierre (8-6-1794). Ông sống sót qua bao thăng trầm chính trị và mất năm 1829 ở tuổi 95.

Nhân vật thống trị trong lĩnh vực nhạc kịch Pháp của thời này là André Grétry. Như rất nhiều người nổi danh trong nền âm nhạc Pháp ở thế kỷ XVIII, ông là một người nước ngoài, sinh ở Liège năm 1741, con của một người chơi vĩ cầm. Ông kể với chúng ta, vào ngày nhận phép Bí tích Thánh thể đầu tiên, ông đã cầu xin Chúa cho chết tức khắc trừ khi được cho

i *Orfé et Eurydice* (Orfé và Eurydice): vở Nhạc kịch nổi tiếng nhất của Christoph Willibald Gluck. Tên tiếng Pháp đúng chính tả là *Orphée et Eurydice*. Mặc dù vậy, tên nguyên thủy của vở nhạc kịch vào lúc xuất hiện năm 1774 là *Orphée et Euridice*.



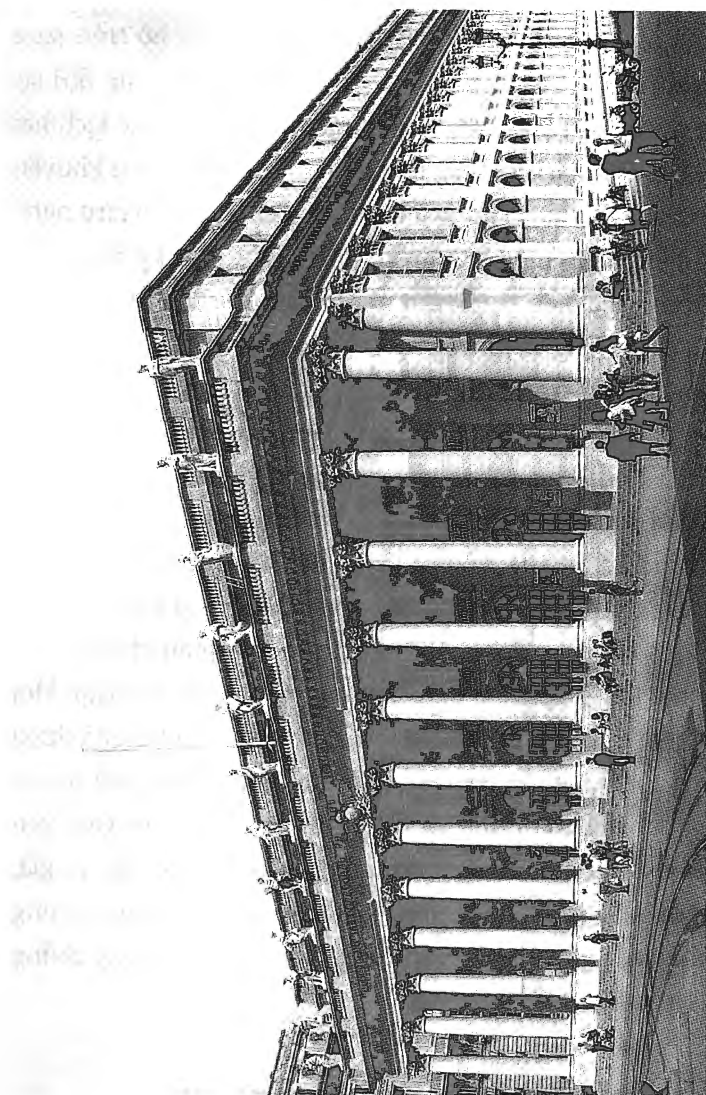
Hình 24. *Grétry mang huân chương Bắc đẩu bội tinh*
(Họa sĩ vô danh)

làm một người tốt và một nhạc sĩ xuất chúng. Ngày hôm đó, một cây xà nhà đã rơi trúng đầu ông và làm ông bị thương nặng. Ông phục hồi và kết luận rằng một tương lai huy hoàng đã được thần linh hứa ban cho ông.⁵⁹ Từ tuổi 16, ông bị xuất huyết nội định kỳ, một ngày mửa ra 6 cốc máu; ông dễ bị lên cơn sốt và thỉnh thoảng mê sảng và đôi khi ông hầu như phát điên vì không thể làm ngưng một nhạc điệu nào đó đang quay cuồng trong đầu. Ngay cả âm nhạc dù có tệ cũng có thể được tha thứ cho một người bị dẫn vật như vậy nhưng vẫn giữ tính vui vẻ qua suốt 72 năm.

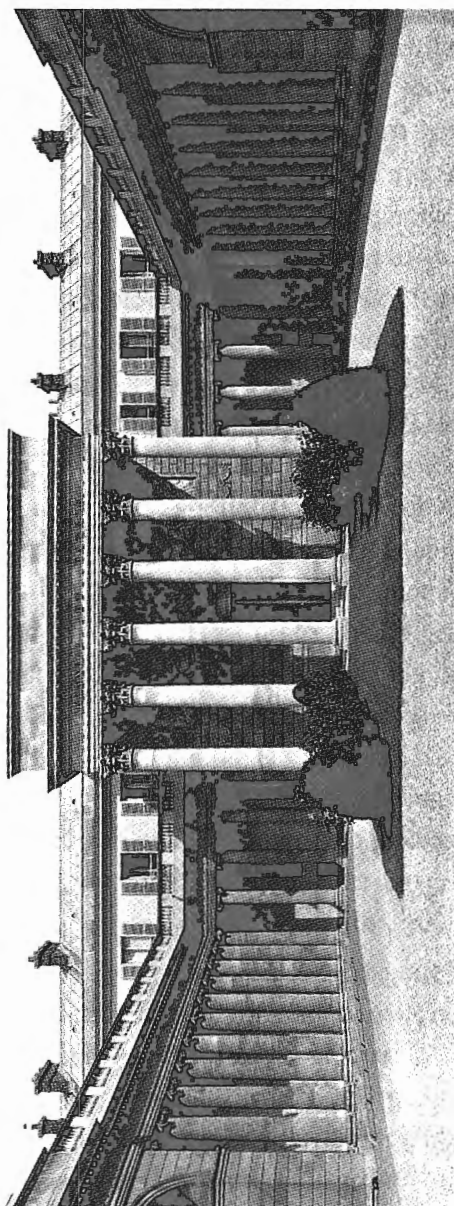
Ở tuổi 17, ông soạn 6 bản giao hưởng, đủ hay để nhận được từ một cha cố của thánh đường phương tiện để đi La Mã. Nếu chúng ta có thể tin vào tập *Mémoires* (Hồi ký) hấp dẫn mà ông xuất bản năm 1797, thì ông đã đi bộ trên suốt quãng đường.⁶⁰ Trong 8 năm ở Ý, ông bị ảnh hưởng bởi sự thành công của Pergolesi và sáng tác những vở nhạc kịch hài hước. Khi đến Paris (1767), ông nhận được những sự khuyến khích của Diderot, Grimm và Rousseau. Ông nghiên cứu nghệ thuật diễn xuất của Cô Clairon, phát triển một kỹ năng đặc biệt trong việc điều chỉnh âm nhạc của ông cho phù hợp với những chất giọng và những sự chuyển điệu trong lời đối thoại của vở kịch và trong các vở nhạc kịch đã đạt được một sự tinh tế và dịu dàng trữ tình vốn dường như phản ánh tinh thần của Rousseau và sự trở về với vẻ giản dị và tình cảm trong đời sống nước Pháp. Ông tiếp tục được yêu thích qua suốt thời Cách mạng, vốn ra lệnh xuất bản các tác phẩm của ông bằng chi phí của nhà nước; những bản aria trong các vở nhạc kịch của ông được những đám đông quần chúng cách mạng hát lên. Napoléon ban cho ông một khoản trợ cấp. Mọi người yêu thích ông vì ông có rất ít những vết nhơ của thiên tài: ông tốt bụng, có tình, dễ gần gũi, khiêm tốn, nói tốt về những đối thủ của mình và trả đủ những món nợ. Ông yêu mến Rousseau mặc dù Rousseau đã xúc phạm ông; lúc về già, ông mua khu Hermitage là nơi Rousseau từng sống. Trong căn nhà đó, ngày 24-9-1813, trong lúc Napoléon đang chống lại cả châu Âu, Grétry đã qua đời.

V. NGHỆ THUẬT DƯỚI TRIỀU LOUIS XVI

Giờ đây, phong cách Louis XVI, vốn đã bắt đầu hầu như cùng lúc Louis XVI ra đời (1754), tiếp tục phản ứng chống lại những



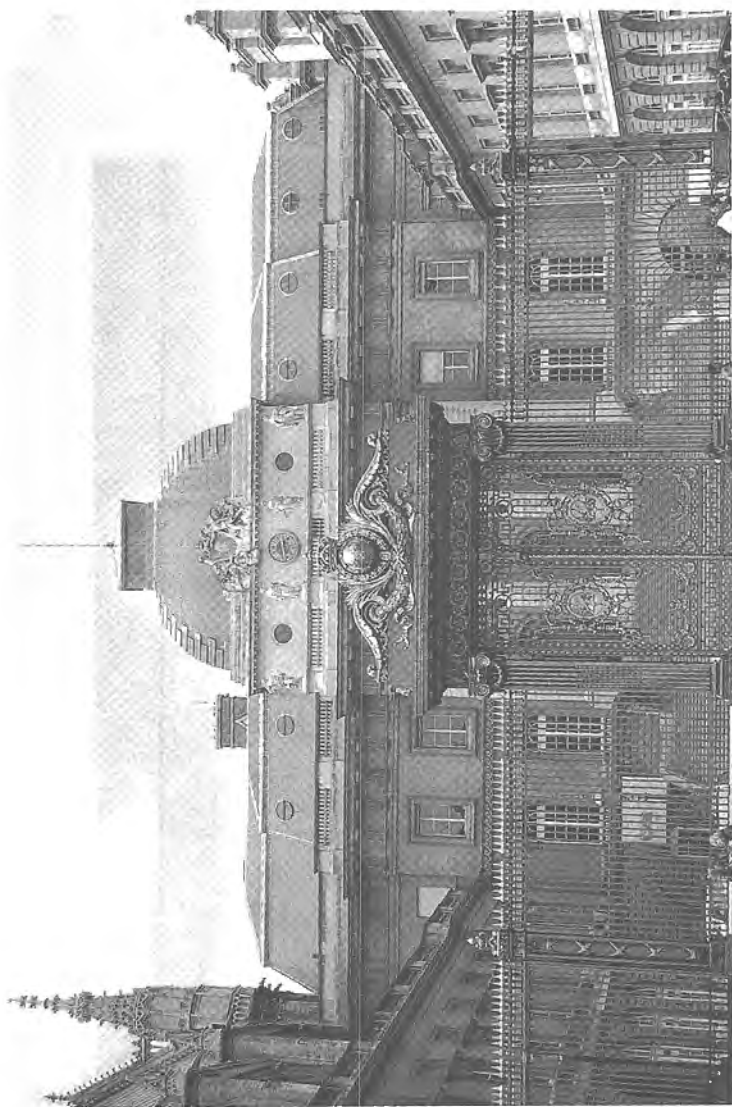
Hình 25. Nhà hát lớn Bordeaux.



Hình 26. Cung Bắc đầu Bộ tỉnh, Paris

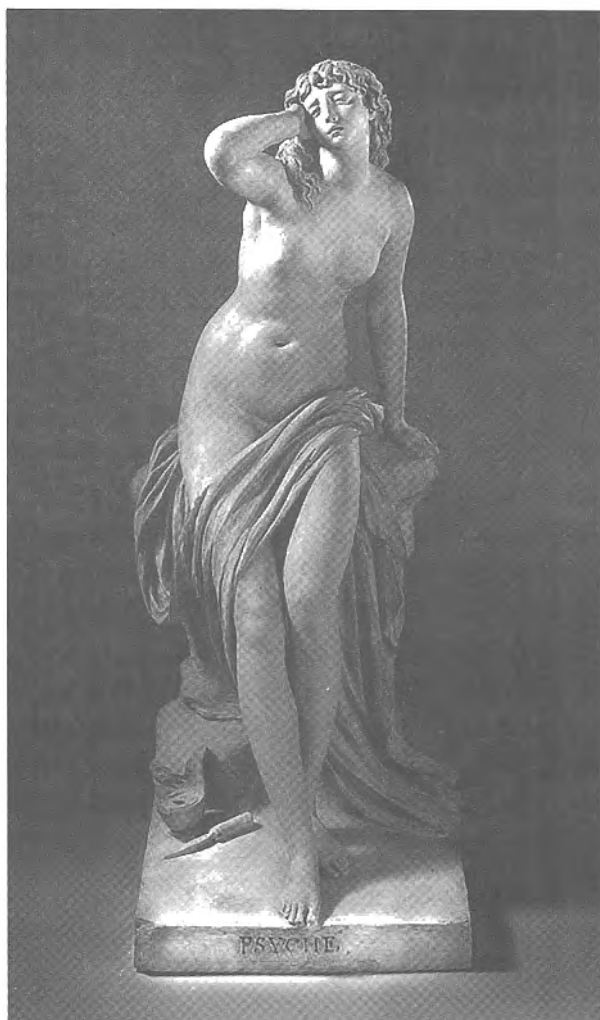
sự mất cân đối ngoạn ngoèo của phong cách ba-rốc và những nét thanh nhã đầy nữ tính của phong cách rococo và tiến tới những đường nét giàu nam tính và những tỉ lệ đối xứng của một nền nghệ thuật tân cổ điển được tạo cảm hứng bởi những cuộc khai quật ở Herculaneum và nhiệt tình đối với nghệ thuật Hy - La của Winckelmann. Ví dụ nổi tiếng nhất của phong cách mới trong kiến trúc là Điện Petit Trianon; nó trông vui mắt khiến Bà du Barry và Marie Antoinette, vốn bất hòa tới mức không nói chuyện với nhau, đã đồng ý có được bằng chứng khiêm tốn của trật tự và vẻ đơn giản cổ điển này. Một ví dụ xinh đẹp khác là Palais de la Légion d'Honneur (Cung Bắc đẩu Bội tinh) được Pierre Rousseau xây dựng làm Khách sạn Salm (1782) trên tả ngạn Sông Seine. Một công trình đồ sộ hơn của phong cách này là Palais de Justice (Cung Tư pháp) trong dáng vẻ được xây dựng lại vào năm 1771 với chấn song sắt tuyệt đẹp làm mặt tiền cho Cour de Mai (Sân Tháng Năm). Tòa nhà Théâtre National de l'Odéon (Hội viện Quốc gia Odéon, 1779) mang hình dáng Doric âm đậm; dễ thương hơn là nhà hát do Jacques Rousseau xây ở Amiens (1778), kết hợp hai phong cách cổ điển và Phục hưng. Tại Bordeaux, Victor Louis xây (1775) một nhà hát hoành tráng với những đường nét cổ điển được Arthur Young mô tả như là “hoành tráng nhất ở Pháp cho đến nay; tôi chưa thấy gì gần được như vậy.”⁶¹

Trang trí nội thất vẫn giữ lại nét thanh lịch của Pháp. Thảm thêu trở nên lỗi thời trừ khi dùng làm tấm phủ cho ghế bành và trường kỷ; giấy dán tường có vẽ tranh được du nhập từ Trung Quốc nhưng được sử dụng chủ yếu trong phòng ngủ; những bức tường của phòng khách thường được chia thành những tấm ván ô bằng gỗ đã qua xử lý, được khắc hoặc vẽ những nhân vật hoặc đường lượn hình hoa lá ngang ngửa với những hình trang trí đẹp nhất ở Ý. Đồ gỗ nội thất



Hình 27. Cung Tư pháp, Paris

đẹp nhất ở Pháp thời Louis XVI được vẽ kiểu và chế tác bởi hai người Đức, Jean-Henri Riesener và David Roentgen; Bộ sưu tập của Bảo tàng viện Wallace còn giữ một số món đồ đáng thềm muốn được làm cho Marie Antoinette và Điện Petit Trianon.



Hình 28. *Psyche bị bỏ rơi* (tượng của Augustin Pajou)

Điêu khắc nở rộ. Pigalle, Falconet và Jean-Jacques Caffieri sống nhờ nó từ những ngày dưới triều Louis XV. Augustin Pajou, vốn bắt đầu làm việc cho triều đại đó, giờ đây hành nghề độc lập. Theo những đơn đặt hàng của Louis XVI, ông chạm khắc những hình trang trí cho các cung điện Palais-Royal và Palais-Bourbon. Trong bức tượng *Psyche bị bỏ rơi*,⁶² ông cố hòa hợp hai yếu tố trong thời đại mới - tình cảm dịu dàng và hình dáng cổ điển. Ông truyền nghệ thuật



Hình 29. *Nymph và Satyr* (tượng của Clodion)

- và gả con gái - của mình cho Clodion, tên thật là Claude Michel. Clodion vạch ra một con đường đi đến cảnh giàu sang với những quần tượng bằng đất nung ít nhiều gọi tình, và đạt đến đỉnh điểm với bức tượng tạc Montesquieu.⁶³ Tất cả cơn ngất ngây của xác thịt được thể hiện trong bức tượng *Nymph* và *Satyr* ngày nay được đặt ở Viện Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan ở New York.



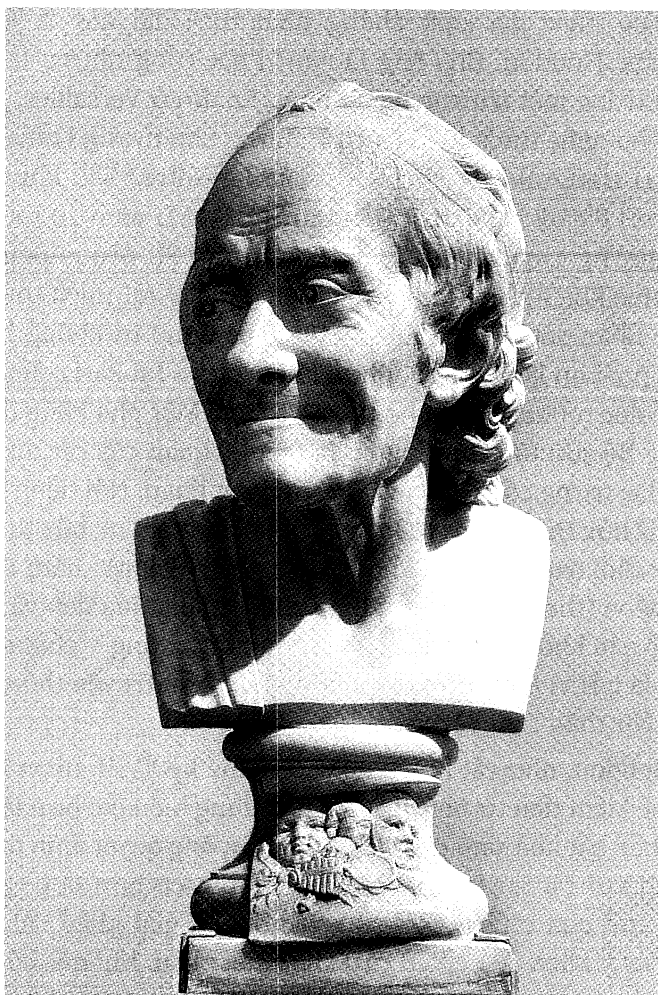
Hình 30. Nữ thần Diane Khỏa thân (tượng của Houdon)

Điều khắc gia xuất chúng nhất thời đại này là Jean-Antoine Houdon. Cha ông là người gác cổng nhưng là gác cổng trong một trường nghệ thuật. Ra đời ở Versailles, Jean hấp thu nghệ thuật kiến trúc từ những pho tượng Louis XVI bài trí trong những khu vườn của Le Notre.ⁱ Sau khi theo học với Pigalle, ông đoạt Giải thưởng La Mã năm 20 tuổi và lên đường sang Ý năm 1760. Pho tượng St. Bruno ông tạc ở Rome khiến cho Giáo hoàng Clement XIV rất thích thú tới mức nhận xét: “Giả như quy luật của dòng tu không buộc ngài phải im lặng, Vị Thánh sẽ lên tiếng.”⁶⁴ Tại Paris, ông tạc hoặc đúc một loạt các pho tượng Diana. Một pho bằng đồng trong Bộ sưu tập Huntington là một kỳ quan của các đường nét đặc trưng cổ điển và vẻ duyên dáng Pháp. Nổi tiếng hơn nữa là bức *Diane khỏa thân* ngày nay đặt ở Louvre; bức tượng bị từ chối trưng bày tại Phòng trưng bày (Salon)ⁱⁱ năm 1785, có thể vì (theo lời một nhà phê bình) “nàng quá đẹp và quá lỏa lồ nên không thể triển lãm trước công chúng”⁶⁵ chắc chắn hơn là bởi vì bức tượng vi phạm khái niệm truyền thống về một Nữ thần Diane trong trắng.

Houdon, như rất nhiều nghệ sĩ ở thế kỷ XVIII, nhận thấy có thể kiếm tiền từ những bức chân dung hiện đại hơn là các nữ thần bất khả xâm phạm. Mặc dù vậy, ông quyết định trung thành với các sự kiện và phô bày tính cách hơn là bề mặt. Ông trải qua nhiều giờ trong các phòng giải phẫu của các trường y khoa để nghiên cứu khoa giải phẫu. Khi nào có thể

i Le Notre (André, 1613-1700): kiến trúc sư cảnh quan người Pháp, là người xây dựng các khu vườn ở điện Versailles cho Louis XIV.

ii *Salon*: tức “Le Salon de peinture et de sculpture” (Phòng trưng bày hội họa và điêu khắc), gọi tắt là *le Salon*, sự kiện nghệ thuật diễn ra ở Paris từ cuối thế kỷ XVII, triển lãm tác phẩm của các tác giả được giải thưởng của Hàn lâm viện Hoàng gia về hội họa và điêu khắc, rồi của Hàn lâm viện Mỹ thuật. Từ năm 1881 trở đi, *Salon* thuộc quyền quản lý của Société des Artistes Français (Hội Họa sĩ Pháp). Có thể nói từ năm 1748 đến năm 1880, đây là sự kiện hằng năm, hoặc hai năm một lần về nghệ thuật lớn nhất ở thế giới phương Tây.



Hình 31. Voltaire (tượng cẩm thạch của Houdon)

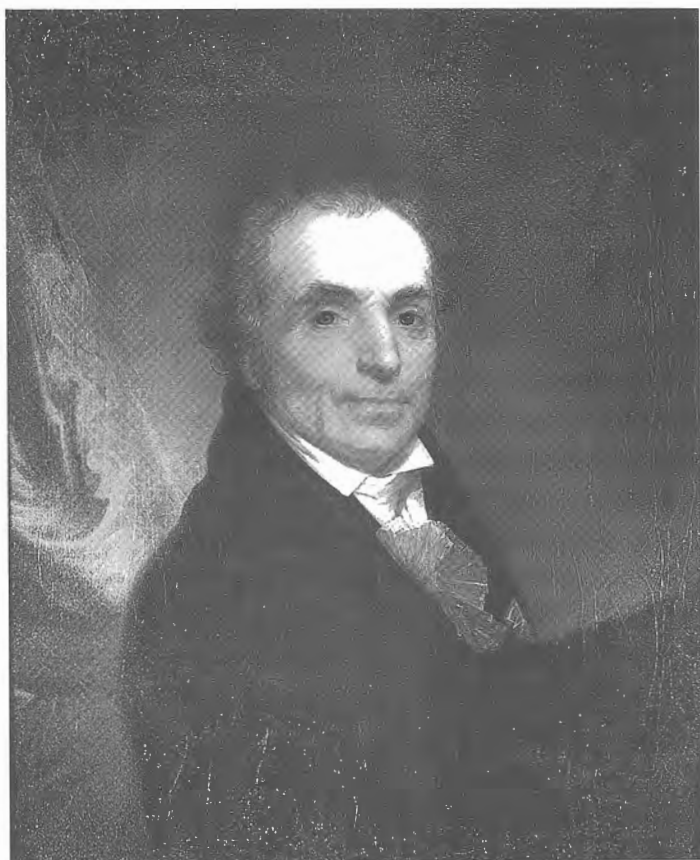
được, ông cẩn thận đo đạc chiếc đầu của người mẫu và tạc hoặc đúc chiếc đầu tương ứng. Khi nổi lên câu hỏi liệu một tử thi được khai quật ở Paris có phải thật sự là của John Paul Jones như lời khẳng định hay không, hình dạng và những số đo của chiếc sọ được so sánh với bức chân dung Houdon đã đúc năm 1781 và sự phù hợp rất gần gũi khiến người ta

chấp nhận lời khẳng định trên.⁶⁶ Ông đục vào cẩm thạch của pho tượng Mirabeau của mình tất cả những nét tàn phá do bệnh đậu mùa gây nên và cho thấy mọi chút gợn và mọi nếp nhăn, thậm chí ngọn lửa và chiều sâu của đôi mắt và đôi môi hé mở trong tư thế sẵn sàng phát biểu.



Hình 32. *Juliette Récamier* (tượng của Houdon)

Chẳng bao lâu sau đó, tất cả những vị thần khổng lồ của thế sự thăng trầm đều lấy làm vui vẻ ngồi làm mẫu cho ông và ông đã truyền họ lại cho chúng ta với một sự trung thành tới mức biến cảm thạch và đồng thành xác thịt và linh hồn của lịch sử. Do đó, ngày nay chúng ta có thể nhìn thấy Voltaire, Rousseau, Diderot, d'Alembert, Buffon, Turgot, Louis XVI, Catherine II, Cagliostro, Lafayette, Napoléon, Ney.



Hình 33. *Jean Antoine Houdon*
(tranh sơn dầu của Rembrandt Peale, 1808)

Khi Voltaire về đến Paris năm 1778, Houdon tạc cho ông nhiều bức tượng: một bức bán thân bằng đồng ngày nay được đặt ở Louvre cho thấy tình trạng mệt lử và kiệt sức; một bức tượng tự bằng cẩm thạch ngày nay đặt ở Bảo tàng viện Victoria và Albert; một bức khác trong Bộ sưu tập Wallace; một chiếc đầu mỉm cười được lý tưởng hóa do Frederick Đại đế đặt hàng; và, nổi tiếng hơn tất cả là pho tượng Bà Denis tặng cho Nhà hát Comédie-Française: Voltaire ngồi, trên người khoác một chiếc áo choàng mềm rủ, những ngón tay xương xẩu bấu chặt vào tay chiếc ghế, đôi môi mỏng, chiếc miệng không còn răng, một nét vui vẻ vẫn còn trong đôi mắt đắm chiêu - đây là một trong những pho tượng vĩ đại trong lịch sử nghệ thuật. Cũng trong năm đó, nghe nói về cái chết của Rousseau, Houdon vội vã đến Ermenonville và làm một chiếc khuôn từ mặt người chết vốn là đối thủ của Voltaire; từ chiếc khuôn ông đã đúc một pho tượng bán thân ngày nay đặt ở Louvre; đây cũng là một kiệt tác.

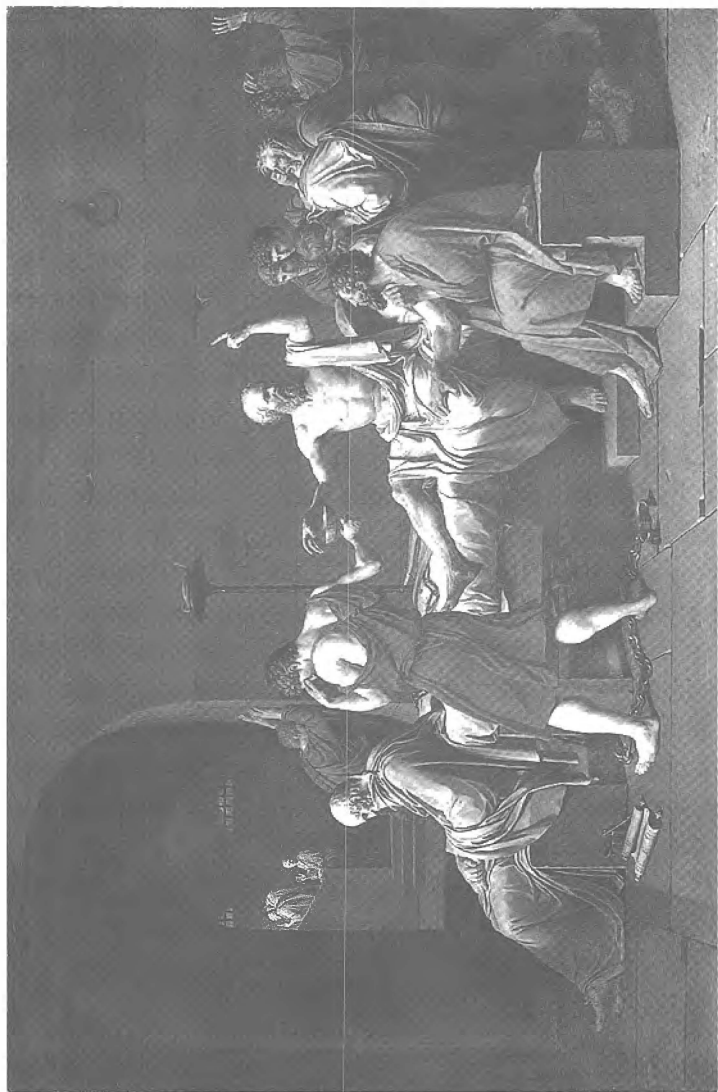
Ngoài ra còn có các anh hùng của Hoa Kỳ và Houdon đã tạc những chiếc đầu của họ sinh động như thật khiến những đồng tiền kim loại của Hoa Kỳ vẫn còn mang những nét giống hệt với tác phẩm của ông: Washington, Franklin và Jefferson. Khi Franklin trở về Hoa Kỳ năm 1785, Houdon đi theo ông ta. Ông vội vã đến Mt. Vernon và thuyết phục con người bận rộn và nôn nóng Washington ngồi làm mẫu cho ông, lúc được lúc không, trong vòng nửa tháng; từ đó ông tạc bức tượng trang trí cho cơ quan lập pháp tiểu bang ở Richmond, Virginia - một con người bằng đá hoa cương, u ám vì những chiến thắng phải trả giá quá đắt và những công việc trước mắt. Một lần nữa, đây là sự kết hợp của thể xác và linh hồn, dấu hiệu và cũng là dấu ấn của nghệ thuật Houdon.

Một nghệ thuật điêu khắc như thế sẽ khiến cho hội họa trở thành một thú tao nhã nho nhỏ nếu như Greuze và Fragonard đã không tiếp tục làm việc qua suốt triều đại [của Louis XVI] và cuộc Cách mạng và nếu như Jacques-Louis David,



Hình 34. *David* (chân dung tự họa, 1794)

một họa sĩ, trong một sự nghiệp sáng chói như của Napoléon, đã không nổi lên thành một nhà độc tài trong mọi nghệ thuật ở nước Pháp. Ông học kỹ thuật vẽ tranh từ người ông - chú của mình là François Boucher, và trở thành một nghệ sĩ vẽ tranh hàng đầu, một bậc thầy về đường nét và bố cục hơn là màu sắc. Boucher nhận thấy sự thay đổi về luân lý từ Bà Pompadour và Bà du Barry sang Marie Antoinette đang giảm bớt thị trường đối với bầu ngực và cặp mông; ông khuyên David sang theo học và tiếp thu phong cách tân cổ điển



Hình 35. Cái chết của Socrates (tranh sơn dầu của David, 1787)

trong trắng nơi xưởng vẽ của Joseph Vien, ông này đang vẽ những người lính La Mã và những phụ nữ anh hùng. Năm 1775, David theo Vien sang La Mã. Tại đây, ông cảm nhận ảnh hưởng của Winckelmann và Mengs, của những tác phẩm điêu khắc cổ điển trong Phòng trưng bày Vatican, của những phế tích được khai quật ở Herculaneum và Pompeii. Ông chấp nhận những nguyên lý tân cổ điển và lấy những pho tượng Hy Lạp làm mẫu mực cho hội họa của mình.

Trở về Paris, ông triển lãm một loạt các đề tài cổ điển được vẽ một cách kỹ lưỡng: *Andromache than khóc trước thi hài của Hector* (1783), *Lời thề của các chàng trai Horatii* (1785), *Cái chết của Socrates* (1787), *Brutus trở về sau khi kết án tử hình các con trai mình* (1789).⁶⁷ (Theo truyền thuyết được Livy kể lại, Lucius Junius Brutus, một pháp quan của nền Cộng hòa La Mã non trẻ (509 trước Công Nguyên), kết án tử hình các con trai của chính mình vì đã âm mưu phục hồi các vì vua.) David vẽ bức tranh cuối cùng này ở La Mã; khi trình lên Hàn lâm viện ở Paris nó bị cấm triển lãm; công chúng yêu nghệ thuật phản đối; cuối cùng, bức tranh được trưng bày và làm tăng thêm cơn sốt cách mạng của thời đại. Paris nhìn thấy trong những bức tranh này và trong nền đạo đức nghiêm khắc mà nó chuyển tải một cuộc cách mạng đôi - vừa chống lại phong cách rococo quý tộc vừa chống lại sự chuyên chế của Nhà Vua. David trở thành bậc anh hùng cấp tiến của các xưởng vẽ Paris.

Trong thời Cách mạng, ông được bầu vào Quốc ước Hội nghị và tháng Một năm 1793, ông biểu quyết hành hình Nhà Vua. Một đại biểu khác cũng biểu quyết như vậy đã bị một người bảo hoàng giết chết (20-1-1793), thi thể ông ta được trưng bày trước công chúng như một bậc tuấn đạo của chế độ cộng hòa. David vẽ bức *Những phút cuối cùng của Lepeletier*; Quốc ước hội treo nó trong phòng họp. Khi Marat bị Charlotte Corday giết (13-7-1793), David vẽ người chết một nửa chìm trong bồn tắm. Hiếm khi nghệ thuật lại tỏ ra hiện thực hoặc



Hình 36. *Bonaparte vượt qua Đèo Grand-Saint-Bernard*
(tranh sơn dầu của David, 1800)

được tính toán để gợi lên cảm xúc đến thế. Hai bức tranh này tạo nên danh sách những người tuân đạo của Cách mạng. David lao động nhiệt tình cho Danton và Robespierre; đổi lại, ông được cử làm người chỉ huy mọi nghệ thuật ở Paris.

Khi Napoléon nắm quyền với chức vị Tổng tài theo kiểu La Mã, David vẽ cho ông ta cũng nhiệt tình như từng vẽ cho các nhà lãnh đạo thời Khủng bố. Ông nhìn thấy nơi Bonaparte Đưa con của Cách mạng, chiến đấu để ngăn các ông vua của



Hình 37. Cái chết của Marat (tranh sơn dầu của David, 1793)

châu Âu phục hồi một ông vua ở Pháp. Khi Napoléon tự phong làm hoàng đế (1804), lòng tôn thờ của David không hề giảm sút; và Napoléon cử ông làm họa sĩ cung đình. Người họa sĩ vẽ cho ông nhiều bức tranh nổi tiếng: *Napoléon vượt rặng Alps*, *Lễ Đăng quang của Joséphine cử hành bởi Napoléon và Lễ trao tặng các Đại bàng*.ⁱ Những bức họa mệnh mông này

i Tiếng Pháp: *La Distribution des Aigles*, tên chính thức là *Le Serment de l'armée fait à l'Empereur après la distribution des aigles* (Lời thề của Quân đội trước Hoàng đế sau lễ trao tặng các đại bàng) - bức họa được David khởi công năm 1804 và hoàn thành vào năm 1810, mô tả cảnh Hoàng đế ban tặng những lá cờ mới mang biểu tượng của Đế chế (chim đại bàng) cho các vị chỉ huy các đạo quân. Tiếp theo Lễ ban tặng là Lễ tuyên thệ trung thành với Hoàng đế của các chỉ huy quân đội.

sau đó được treo trên tường những căn phòng tại Cung điện Versailles. Trong khi đó, David cho thấy tài năng đa dạng của ông bằng những bức chân dung tuyệt vời vẽ Bà Récamier và Giáo hoàng Pius VI.⁶⁸ Khi dòng họ Bourbon phục hồi, David bị trục xuất như một kẻ thí quân. Ông lui về Brussels, vợ ông (đã từ bỏ ông năm 1791 vì nhiệt tình cách mạng của ông) cũng đến đây để chia sẻ cảnh lưu đày. Giờ đây, ông quay về với những chủ đề cổ điển và phong cách điêu khắc trong hội họa vốn được Mengs yêu thích. Năm 1825, ở tuổi 72, ông kết thúc một trong những sự nghiệp lấy lòng nhất trong lịch sử nghệ thuật.

Trong số các chân dung có một bức ông vẽ Bà Vigée-Lebrun, người phản đối Cách mạng và yêu thích các ông vua và các bà hoàng hậu hơn. Cho đến lúc cuối của cuộc đời 87 năm của mình (1755-1842), bà xuất bản tập hồi ký ghi lại những chuyện thú vị thời trẻ, một chuyện buồn về cuộc hôn nhân của bà, một bản ghi chép hành trình của cuộc viễn du nghệ thuật của bà và một bức tranh về một người phụ nữ tốt bụng bị sửng sốt bởi tính chất ác liệt của lịch sử. Cha của bà, một họa sĩ chuyên vẽ chân dung, qua đời năm bà 13 tuổi và không để lại gia tài; nhưng Elisabeth là một học trò rất có năng khiếu nên năm lên 16 đã có thể kiếm được thu nhập tốt từ những bức chân dung. Năm 1776, bà kết hôn với một họa sĩ tên Pierre Lebrun, cháu của Charles Le Brun là người từng làm thầy dạy vẽ cho Louis XIV. Chồng của bà (bà kể với chúng ta) đã phung phí gia tài của bà và của ông ta do “lòng đam mê buông thả đối với những người đàn bà đức hạnh xấu, cùng thói ham thích bài bạc của ông.”⁶⁹ Bà sinh cho ông một cô con gái (năm 1778) và không lâu sau đó từ bỏ ông ta.

Năm 1779, bà vẽ Marie Antoinette, được hoàng hậu yêu mến tới mức ngồi làm mẫu cho bà vẽ 20 bức chân dung. Hai người phụ nữ trở nên thân thiết đến mức họ cùng nhau hát lên những giai điệu mà Grétry đang làm cho những đôi mắt ở Paris phải rơi lệ. Sự sủng ái của Hoàng hậu và vẻ thanh lịch



Hình 38. *Elizabeth Vigée-Lebrun* (chân dung tự họa, 1782)

trau chuốt trong tác phẩm của bà đã mở ra mọi cánh cửa cho người họa sĩ quyến rũ. Bà làm cho mọi người phụ nữ trở nên xinh đẹp, đặt những đóa hồng lên những đôi má đang tàn héo; chẳng bao lâu sau, mọi mệnh phụ có tiền đều mong được ngồi cho bà vẽ. Bà nhận được những khoản thù lao cao tới mức có thể duy trì một căn hộ sang trọng và một khách thính nơi những nhạc sĩ trứ danh nhất Paris thường lui tới.



Hình 39. Bà Grand (*Noël Catherine Vorlée*)
(tranh sơn dầu của Élisabeth Vigée Le Brun, 1783)

Mặc dù thân tình với Hoàng hậu, bà cũng đi ra ngoài ba lần để vẽ chân dung cho Bà du Barry ở Louveciennes. Trong lần thứ ba (14-7-1789), bà nghe tiếng đại bác nổ rền ở Paris. Bà trở về thành phố và thấy ngục Bastille đã bị chiếm và đám dân chúng chiến thắng đang mang những chiếc đầu quý tộc trên những cây cọc đâm máu. Ngày 5 tháng Mười, trong khi một đám dân chúng khác đang cuộc bộ về Versailles để bắt Nhà Vua và Hoàng hậu làm tù nhân của họ, bà gom góp được

chùng nào hay chùng đó những đồ đạc cá nhân của mình và bắt đầu 13 năm tự nguyện lưu đày. Tại Rome, bà vẽ bức chân dung quen thuộc của mình và con gái.⁷⁰ Tại Naples, bà vẽ Phu nhân Hamilton như một nữ tư tế của thần Bacchus.⁷¹ Bà vẽ ở Vienna, Berlin và St. Petersburg; và khi Cách mạng đã đi hết con đường của nó bà trở về Pháp (1802). Tại đây, vượt qua bao thăng trầm, bà đã sống thêm 40 năm nữa và chết như một người khôn ngoan trước khi cách mạng lại tái tục.

VI. VĂN HỌC

Trong thời kỳ ngắn ngủi giữa các năm 1774 và 1789, văn học Pháp đã sản sinh một số tác phẩm đáng ghi nhớ ngày nay vẫn có người đọc và làm xúc động tâm hồn người ta: Các *Maximes* (Châm ngôn) của Chamfort, *Paul et Virginie* (Paul và Virginie) của Bernardin de Saint-Pierre, *Liaisons dangereuses* (Những mối quan hệ nguy hiểm) của Choderlos de Laclos (mà chúng ta đã nói đủ rồi) và những tập lộn xộn nhưng mang tính khám phá của Restif de La Bretonne.

Đây là những hòn đảo nổi lên từ một biển cả văn chương của các trường học, thư viện, các nhóm độc giả, các buổi diễn thuyết, tờ báo, tạp chí, các tập sách mỏng và sách - một thứ bột và men của mực in mà trước đây thế giới chưa từng biết. Chỉ có một thiểu số nhỏ người Pháp biết đọc;⁷² tuy vậy, hàng triệu người trong số họ khao khát hiểu biết và vô cùng thiết tha với các ý tưởng. Những bộ bách khoa từ điển, những cuốn tóm tắt về khoa học, những tập đề cương về kiến thức được đòi hỏi rộng rãi. Các *philosophe* và các nhà cải cách đang dành nhiều hy vọng vào việc truyền bá giáo dục.

Mặc dù các giáo sĩ dòng Tên đã ra đi và trường học giờ đây do nhà nước kiểm soát, phần lớn việc giảng dạy vẫn còn ở trong tay các giáo sĩ. Các trường đại học, vốn chính thống một cách nghiêm ngặt về tôn giáo và chính trị, đã rơi vào trạng thái lơ đãng và tai tiếng và chỉ bắt đầu lưu ý đến

khoa học vào cuối thế kỷ. Nhưng những buổi diễn thuyết công cộng về khoa học được tham gia một cách hăm hở và các trường kỹ thuật sinh sôi nảy nở. Trong các trường đại học chuyên ngành, hầu hết sinh viên thuộc giai cấp trung lưu; những nhà quý tộc trẻ thích vào một trong số 12 học viện quân sự mà Saint-Germain đã dựng lên năm 1776 hoặc sau đấy. (Tại một trong các trường này, ở Brienne, Napoléon Bonaparte đang theo học.) Chúng ta được kể lại, các sinh viên đại học “thường xuyên thành lập những tổ chức ủng hộ những cuộc biểu tình chính trị;”⁷³ và do thời bấy giờ có nhiều sinh viên tốt nghiệp hơn là nền kinh tế Pháp có thể thu dụng, những sinh viên không có việc trở thành những tiếng nói bất mãn; những người như vậy viết nên những tập sách mỏng làm nhóm lên những ngọn lửa nổi loạn.

Người giàu có thư viện riêng, được xếp đặt một cách đáng thèm muốn với những cuốn sách được đóng bìa sang trọng và đôi khi được đọc. Các giai cấp trung lưu và bình dân sử dụng các thư viện lưu động, hoặc mua sách - hầu hết là sách bìa mềm - từ các quầy hay tiệm sách. Vào năm 1774, lượng sách bán ra ở Paris được ước tính nhiều gấp bốn lần so với thành phố London có dân số đông hơn.⁷⁴ Restif de La Bretonne thuật lại rằng việc đọc sách đã làm cho các công nhân ở Paris trở nên “cứng đầu cứng cổ.”⁷⁵

Báo chí ngày càng phát triển về số lượng, tầm vóc và ảnh hưởng. Tờ báo cổ xưa *Gazette de France*, được thành lập năm 1631, vẫn còn là nhà cung cấp chính thức - và không được tin cậy - các tin tức chính trị. Tờ *Mercure de France*, ra đời từ năm 1672 với tên gọi là *Mercure galant*, năm 1790 có số phát hành 13.000 bản, được cho là tuyệt vời; Mirabeau gọi nó là tờ báo Pháp có năng lực nhất.⁷⁶ Tờ *Journal de Paris*, nhật báo đầu tiên của Pháp, bắt đầu xuất bản từ năm 1777; còn tờ báo nổi tiếng hơn là *Moniteur* vẫn chưa ra đời cho đến ngày 24-11-1789. Có nhiều báo ở các tỉnh, như tờ *Courier de Provence* do Mirabeau *filis* xuất bản.

Những tập sách mỏng là cơn lũ cuối cùng đã càn quét tất cả mọi thứ trước mắt chúng. Trong những tháng cuối của năm 1788 đã có khoảng 2.500 tập được xuất bản ở Pháp.⁷⁷ Một số có tác động lịch sử, như tập *Qu'est-ce que le Tiers-état?* (Đẳng cấp Thứ ba là gì?) của Cha Sieyès hay tập *La France libre* (Nước Pháp tự do) của Camille Desmoulins. Vào tháng Bảy năm 1789, báo chí là lực lượng mạnh nhất nước Pháp. Năm 1784, Necker mô tả nó như “một quyền lực vô hình, mặc dù không có của cải, không có vũ khí và không có một đạo quân, vẫn ra lệnh tương tự cho các thị trấn và tòa án và thậm chí cho các cung điện của các vị vua.”⁷⁸ Những bài hát cũng đóng một vai trò trong tâm trạng khích động; Chamfort gọi chính quyền là một chế độ quân chủ bị kiểm soát bởi những ca khúc bình dân.⁷⁹

Bản thân Chamfort cũng bị cuốn vào dòng thác cách mạng và đi từ chỗ là một *persona grata* (người được chào đón) ở triều đình sang tham gia vào việc đánh chiếm ngục Bastille. Là con của một người bán hàng tạp phẩm (1741), ông đến Paris và sống nhờ vào tài xoay xở và óc hóm hỉnh. Phụ nữ cho ông ở và nuôi ông ăn chỉ để có được niềm hứng khởi nghe ông trò chuyện. Ông soạn nhiều vở kịch. Một trong các vở này, được trình diễn ở Fontainebleau, đã làm Marie Antoinette thích thú tới mức thuyết phục Nhà Vua ban cho ông một khoản trợ cấp 1.200 livre. Ông được cử làm thư ký cho một trong các cô em của Louis XVI và hằng năm nhận thêm một khoản thu nhập 2.000 livre. Mọi thứ dường như ràng buộc ông vào với hoàng gia nhưng năm 1783, ông gặp Mirabeau và không lâu sau biến thành một người chỉ trích cay độc chính quyền. Chính ông đã đem lại cho Sieyès nhan đề bắt mắt của tập sách mỏng nổi tiếng của ông ta.

Trong khi đó, lấy cảm hứng từ La Rochefoucauld, Vauvenargues và Voltaire, ông ghi nhanh những “châm ngôn” thể hiện cái nhìn mỉa mai của ông đối với cuộc đời. Bà Helvétius, người trong nhiều năm đã nuôi ông như một



Hình 40. *Nicolas Chamfort thời trẻ*

người khách trong nhà ở Sèvres nói: “Hễ khi nào tôi trò chuyện với Chamfort vào buổi sáng, tôi buồn bã suốt ngày hôm đó.”⁸⁰ Ông nghĩ cuộc đời là một trò chơi khăm đối với hy vọng. “Hy vọng là một tên bịp bợm luôn lừa dối chúng ta; và về phần tôi, hạnh phúc của tôi chỉ bắt đầu khi tôi bỏ rơi hy vọng.”⁸¹ “Nếu những sự thật tàn nhẫn, những khám phá đáng buồn, những bí mật của xã hội, những thứ cấu thành sự hiểu biết của một con người từng trải đã đến tuổi bốn mươi, đã được cũng chính con người này biết ở tuổi hai mươi thì hoặc là anh ta đã sa vào tuyệt vọng hoặc là anh ta cố tình trở nên đời bại.”⁸² Lớn lên vào giai đoạn cuối của Thời đại của Lý trí, Chamfort cười nhạo vào lý trí như một công cụ của cái ác xấu hơn là một người kiểm soát lòng đam mê.

“Con người, trong tình trạng hiện thời của xã hội, dường như bị suy đồi bởi lý trí hơn là bởi lòng đam mê.”⁸³ Về phụ nữ, “bất cứ điều xấu xa nào mà một người có thể nghĩ về họ, không có người phụ nữ nào không nghĩ về chính họ còn tệ hơn nữa.”⁸⁴ Hôn nhân là một cái bẫy. “Cả hôn nhân lẫn tình trạng độc thân đều phiền hà; chúng ta nên thích điều nào mà những sự phiền phức của nó có thuốc chữa.”⁸⁵ “Phụ nữ chỉ mang lại cho tình bạn những gì họ vay mượn từ tình yêu”⁸⁶ và “tình yêu, như cách nó hiện hữu trong xã hội, không gì khác hơn là sự trao đổi những hình ảnh tưởng tượng và sự tiếp xúc của hai làn da [*contact de deux épidermes*].”⁸⁷

Khi Chamfort bước ra khỏi các cung điện và lâu đài để đi vào các đường phố Paris, chủ nghĩa bi quan của ông càng tăng thêm. “Paris, thành phố của giải trí và thú vui, nơi bốn phần năm dân số chết vì buồn rầu... một nơi bốc mùi hôi thối và ở đây không có ai yêu.”⁸⁸ Phương thuốc duy nhất cho những căn nhà ổ chuột là đừng có con. “Thật bất hạnh cho nhân loại, may mắn cho các bạo chúa, khi người nghèo khổ không có bản năng hoặc niềm kiêu hãnh của con voi, vốn không sinh sản trong cảnh giam cầm.”⁸⁹

Đôi khi Chamfort tự cho phép mình có một lý tưởng. “Cần hợp nhất những cái trái ngược: lòng yêu đạo đức với sự thờ ơ của công luận; sự ưa thích làm việc với sự thờ ơ đối với danh tiếng; và sự quan tâm đến sức khỏe của mình với sự thờ ơ đối với sự sống.”⁹⁰ Trong vài năm, ông nghĩ mang lại ý nghĩa cho cuộc đời bằng cách cống hiến cho cách mạng, nhưng 5 năm giao thiệp với Mirabeau, Danton, Marat, và Robespierre đã phục hồi cơn tuyệt vọng của ông. Khi đó, khẩu hiệu “Tự do, bình đẳng, bác ái” của Cách mạng dường như đối với ông có nghĩa là “Hãy là anh em của tôi hoặc là tôi sẽ giết anh.”⁹¹ Ông buộc số phận mình vào với những người Girondin và chỉ trích kịch liệt các lãnh đạo cấp tiến hơn bằng tài dí dỏm khinh suất của ông. Ông bị bắt nhưng sớm được thả ra. Bị đe dọa bắt lần nữa, ông tự bắn và đâm mình.

Ông còn sống nấn ná đến 13-4-1794 và chết sau khi nói với Sieyès: “Cuối cùng tôi cũng đi khỏi thế giới này, nơi con tim hoặc phải tan vỡ hoặc phải cứng rắn như đồng [*Je m’ en vais enfin de ce monde, où il faut que le cœur se brise ou se bronze*].”⁹²



Hình 41. Jacques-Henri Bernardin de Saint-Pierre
(hình trong cuốn *Paul et Virginie*, xuất bản năm 1806)

Nếu ảnh hưởng của Voltaire chiếm ưu thế nơi Chamfort thì ảnh hưởng của Rousseau là trọn vẹn và được công khai thừa nhận nơi Jacques-Henri Bernardin de Saint-Pierre. Năm 31 tuổi (1768), với tư cách là kỹ sư trong một ủy ban chính phủ, ông đến Île de France, ngày nay gọi là Mauritius. Trên hòn đảo đầy núi non, mưa nhiều, nhiều cây trái đó ông tìm thấy điều mà ông cho là “trạng thái thiên nhiên” của Rousseau - đàn ông và đàn bà sống gần đất đai và không tiếm nhiễm những tật xấu của văn minh. Trở về Pháp năm 1771, ông trở thành một người bạn trung thành của Rousseau, học cách chịu đựng những cơn thịnh nộ của ông ta và nghĩ về ông ta như một đẳng cấp thể khác của nhân loại. Trong cuốn *Voyage à l'Île de France* (Cuộc du hành đến Île de France, 1773), ông mô tả đời sống giản dị và đức tin tôn giáo bền vững của dân chúng trên đảo. Vị giám mục xứ Aix nhìn thấy trong cuốn sách một phản ứng lành mạnh chống lại Voltaire và xin được từ Nhà Vua một khoản trợ cấp cho tác giả trị giá 1.000 livre. Bernardin đáp lại với các tập *Études de la Nature* (Nghiên cứu Thiên nhiên, 1784) và *Les Harmonies de la Nature* (Những sự Hòa hòa của Thiên nhiên, 1796); trong đó, ông mô tả những sự kỳ diệu của đời sống cây cối và thú vật, và biện luận rằng nhiều ví dụ về sự thích nghi, mục đích, và khả năng sáng tạo chứng tỏ sự hiện hữu của một trí thông minh tối cao. Ông còn đi xa hơn Rousseau khi đề cao cảm xúc lên trên lý trí. “Lý trí càng tiến lên, nó càng mang lại cho chúng ta bằng chứng về sự nhỏ bé của chúng ta; và thay vì xoa dịu những nỗi đau khổ của chúng ta, nó thường gia tăng chúng lên bằng ánh sáng của nó... Nhưng cảm xúc... mang lại cho chúng ta một sự thôi thúc cao cả và trong khi bắt lý trí phải phục tùng, nó trở thành bản năng cao thượng và làm hài lòng nhất trong cõi nhân sinh.”⁹³ Trong lần xuất bản thứ hai của cuốn *Nghiên cứu* (1788), Bernardin thêm vào một câu chuyện tình, *Paul et Virginie* (Paul và Virginie), vẫn còn là một tác phẩm kinh điển trong văn học Pháp trải qua hàng chục thay đổi về

thị hiếu. Hai phụ nữ Pháp mang thai đến Mauritius, một người chồng đã chết, còn người kia bị người tình bỏ rơi. Một người sinh ra Paul, người kia sinh ra Virginie. Hai đứa trẻ lớn lên trong một thung lũng núi non, giữa quang cảnh hùng vĩ ngát hương những loài hoa dại. Đạo đức của chúng được hình thành bởi sự tận tụy của người mẹ và việc giảng dạy tôn giáo. Ngay khi đến tuổi dậy thì, chúng yêu nhau - không có ai khác ở chung quanh. Virginie được gửi về Pháp để nhận một



Peint par P. P. Prud'homme

Gravé par B. B. B.

NAUFRAGE DE VIRGINIE.

Elle parut un ange qui prend son vol vers les cieux.

Hình 42. Cảnh Virginie bị đắm tàu
(hình trong cuốn *Paul et Virginie* xuất bản năm 1806. Bên dưới là dòng chữ “Trông nàng như một thiên thần đang bay về Trời”)

khoản thừa kế - vốn không thường xảy ra trong trạng thái thiên nhiên. Nàng được cầu hôn và sẽ có một gia tài lớn nếu ở lại Pháp nhưng nàng từ chối để trở lại với Mauritius và Paul. Chàng chạy xuống bờ biển để nhìn chiếc thuyền của nàng đang đến gần; chàng vui mừng khôn xiết với những ý nghĩ về tình yêu và hạnh phúc; nhưng con thuyền đi vào vùng nước nông, bị mắc cạn và bị một cơn bão đánh tan tành. Virginie bị chết đuối khi cố bơi vào bờ. Paul chết vì đau buồn.

Cuốn sách nhỏ là một bài thơ bằng văn xuôi, được kể bằng một văn phong đơn giản và một ngôn ngữ thuần khiết và du dương mà không đâu trong văn học Pháp vượt qua được. Lòng mộ đạo và tình cảm của nó trùng hợp với tâm trạng của thời đại và không ai lấy làm bối rối với việc những người phụ nữ và những đứa trẻ đức hạnh ấy lại có nô lệ.⁹⁴ Bernardin được hoan nghênh như người kế tục thực sự của Rousseau; những người phụ nữ viết thư cho ông với cùng giọng điệu ngưỡng mộ chân thành mà họ từng dùng để an ủi tác giả của cuốn *Émile*. Giống như ông ta, Bernardin đã không lợi dụng danh tiếng của mình; ông xa lánh xã hội và sống thanh thản giữa những người nghèo. Cuộc Cách mạng không động gì đến ông. Giữa cảnh ác liệt của nó và ở tuổi 55 ông cưới nàng Félicité Didot, 22 tuổi. Nàng sinh cho ông hai đứa con được đặt tên là Paul và Virginie. Sau khi Félicité chết ông tục huyền, ở tuổi 63, với một phụ nữ trẻ tên Désirée de Pellepou. Bà chăm sóc ông một cách âu yếm cho đến khi ông mất vào năm 1814. Trước khi ra đi, ông đã nhìn thấy sự trỗi dậy của Chateaubriand, người tiếp quản ngọn đuốc của chủ nghĩa lãng mạn và lòng mộ đạo Pháp từ tay ông và mang nó đi vào thế kỷ XIX.

Trong thời đại này còn có vài cuốn sách nhỏ ngày nay không ai đọc nhưng đã góp phần nêu lên tiếng nói và màu sắc của thời đại. Cha Jean-Jacques Barthélémy xuất bản ở tuổi 72 (1788), sau khi bỏ công với nó suốt 30 năm, cuốn *Voyage du jeune Anacharsis en Grèce* (Cuộc du hành Hy Lạp của chàng

thanh niên Anacharsis), nhằm mô tả bề ngoài vật chất, các di tích cổ, các thể chế, phong tục và đồng tiền của Hy Lạp vào thế kỷ IV trước Công nguyên, dưới mắt của một lữ khách người Scythia. Cuốn sách ra đời vào lúc hưng thịnh nhất của trào lưu cổ điển và là một trong những thành công ngoại hạng về văn học của thời đại. Nó hầu như thiết lập nên khoa nghiên cứu về tiền đúc (numismatics) ở Pháp.

Cũng được ưa thích không kém là cuốn *Les Ruines, ou Meditations sur les révolutions des empires* (Phế tích, hay Suy nghĩ về những cuộc cách mạng của các đế quốc) do Bá tước Constantin de Volney xuất bản năm 1791 sau 4 năm du hành sang Ai Cập và Syria. Nhìn thấy những tàn tích đổ nát của các nền văn minh cổ, ông hỏi: “Ai có thể bảo đảm với chúng ta rằng một cảnh hoang tàn tương tự sẽ không phải là số phận của xứ sở chúng ta vào một ngày nào đó?”. Giờ đây, chúng ta nên do dự khi đưa ra một câu trả lời lạc quan cho câu hỏi này; nhưng Volney, đến vào cuối Thời đại của Lý trí, và kế thừa, cũng như Condorcet, mọi hy vọng của nó đối với nhân loại, báo cho các độc giả của ông rằng sự sụp đổ của các đế quốc cổ xưa ấy là do sự ngu dốt của dân chúng họ và rằng điều này xảy ra là do sự khó khăn trong việc truyền thụ kiến thức từ người này sang người khác và từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhưng giờ đây, những khó khăn này đã được vượt qua nhờ phát minh ra nghề in. Do đó, tất cả những gì cần thiết để ngăn ngừa sự sụp đổ của văn minh là truyền bá rộng rãi kiến thức, vốn hướng dẫn những con người và những quốc gia hòa giải những xung lực phi xã hội với lợi ích chung. Trong thế thắng bằng của các lực lượng này, chiến tranh sẽ nhường bước cho sự phân xử và “toàn thể các giống loài sẽ trở thành một xã hội rộng lớn, một gia đình duy nhất được cai trị bởi cùng một tinh thần và bởi những luật pháp chung, vui hưởng mọi niềm hạnh phúc mà bản chất con người có thể có.”⁹⁵

Chúng ta đến với sự nghiệp không thể tin nổi của Nicolas-Edme Restif de La Bretonne, còn được một số người đương

thời gọi là “Rousseau của cổng rãnh” và “Voltaire của các cô hầu phòng”; tác giả của khoảng 200 tập sách, nhiều tập trong đó được chính ông và nhà in của ông in ra, một số cổ tình khiêu dâm, tất cả tạo nên một bức tranh chi tiết về đạo đức và phong tục của các giai cấp thấp dưới triều Louis XVI.

Trong *La Vie de mon père* (Cuộc đời của cha tôi, 1779), ông âu yếm kể lại câu chuyện được lý tưởng hóa về cha mình, Edmond, người ông nhớ lại là có “đáng điệu của một Hercules và vẻ dịu dàng của một cô gái.”⁹⁶ Người con trai ghi lại cuộc đời của chính mình trong 16 tập sách ngoằn ngoèo có tên là *Monsieur Nicolas* (Ông Nicolas, 1794-1797), chuyện có thật cũng như bịa đặt về những nổi thăng trầm, những chuyện tình ái và những ý tưởng của ông. Ông ra đời trong một nông trại (1837) tại Sacy (một phần của xứ này được gọi là La Bretonne), cách Auxerre 32km. Năm 11 tuổi, ông cam đoan với chúng ta, ông làm cha lần đầu tiên.⁹⁷ Năm 14 tuổi, ông yêu Jeannette Rousseau, 17 tuổi, và bắt đầu việc tôn thờ suốt đời những bàn chân phụ nữ. “Tình cảm của tôi đối với nàng vừa trong sáng và dịu dàng lại vừa mãnh liệt... Đôi bàn chân xinh đẹp của nàng hấp dẫn tôi không cưỡng lại được.”⁹⁸ Có thể để tách rời ông ra khỏi những tình huống phức tạp, người ta gửi ông đến Auxerre (1751) làm thợ học việc ở nhà in. Không lâu sau đấy ông quyến rũ bà vợ của ông chủ; nhưng việc này chỉ có ông mới biết. Đến tuổi 15, ông bảo chúng ta, ông đã có 15 “cô nhân tình.” Sau 4 năm theo đuổi việc này, ông chuyển đến Paris. Tại đây, ông được thuê như một thợ in làm công nhật, mỗi ngày kiếm được 2,5 franc, giúp ông có thể ăn uống và đôi khi trả cho một cô gái giang hồ. Đôi khi túi tiền vơi cạn, ông ngủ với những người đàn bà bán than.⁹⁹ Năm 1760, ở tuổi 26, ông cưới một phụ nữ hầu như cũng từng trải giống ông, Agnes Lebègue; mỗi người đều chứng tỏ không chung thủy. Họ ly dị năm 1784, không phải vì những lỗi nhỏ nhặt này nhưng cả hai đã thành những tác giả và họ tranh nhau giấy, mực và danh tiếng.

Nicolas đã bắt đầu sự nghiệp viết văn của mình vào năm 1767 với cuốn *Le Pied de Fanchette* (Bàn chân của Fanchette), trong đó *pièce de résistance* (vật ấn tượng nhất) là bàn chân của cô gái. Thành công đầu tiên của ông trong văn học là cuốn *Le Paysan pervers* (Người nông dân đồi trụy, 1775). Cuốn sách kể theo nghĩa đen việc anh nông dân Edmond khi đến Paris đã bị đời sống đô thị và thói vô tín ngưỡng làm hư hỏng như thế nào. Một kẻ tự do tư tưởng, Gaudit d' Arras, dạy cho anh ta rằng, Thượng đế là một huyền thoại và đạo đức là một điều xấu hổ, rằng mọi lạc thú đều chính đáng, rằng hạnh phúc là một sự áp đặt tùy tiện lên những quyền tự nhiên của những ham muốn của chúng ta và rằng bốn phận hàng đầu của chúng ta là sống đầy đủ nhất có thể được.¹⁰⁰ Arras bị bắt; Edmond bảo anh ta: “Có một Thượng đế”; Arras bị treo cổ mà không hối cải. Một người đương thời gọi cuốn sách là “Những mối quan hệ nguy hiểm của dân chúng”;¹⁰¹ Restif nghĩ nó sẽ sống cũng lâu như ngôn ngữ Pháp.¹⁰² Trong một cuốn sách song song, *La Paysanne pervers* (Chị nông dân đồi trụy, 1784), ông tiếp tục tấn công vào thói vô luân và những sự suy đồi của đời sống đô thị. Ông dùng những khoản tiền nhuận bút để đưa mình lên một hoặc hai nấc trên chiếc thang xã hội của việc ngoại tình.

Tác phẩm quan trọng nhất của Restif là *Les Contemporaines* (Những người đàn bà hiện đại), dài 65 tập (1780–91). Những truyện ngắn này có một nhan đề phụ hấp dẫn: “Những cuộc phiêu lưu của những phụ nữ xinh đẹp nhất trong thời hiện đại” - những cuộc đời, tình yêu và cách cư xử của các cô gái bán bông hoa (flower girl), bán hạt dẻ, bán than, những cô thợ may, thợ làm tóc, được mô tả một cách hiện thực và chính xác tới mức những người thực ngoài đời nhận ra chính họ và nguyên rủa tác giả khi gặp ông ngoài đường.¹⁰³ Không đợi đến Balzac, một bức tranh toàn cảnh rộng lớn về đời sống con người đã được giới thiệu với văn học Pháp. Các nhà phê bình cáo buộc Restif nghiện những “đề tài thấp kém”

nhưng Sébastien Mercier, người mà cuốn *Tableau de Paris* (Bức tranh Paris, 1781-1790) đang đưa ra một cuộc điều tra có hệ thống hơn về thành phố này, tuyên bố ông “hiển nhiên là tiểu thuyết gia vĩ đại nhất của chúng ta.”¹⁰⁴

Ngay trước khi Cách mạng nổ ra Restif bắt đầu ghi lại, trong cuốn *Les Nuits de Paris* (Những đêm Paris, 1788-94), những sự cố mà ông chứng kiến (hoặc tưởng tượng) trong những chuyến đi dạo về đêm. Ông lại ghi chép phần lớn là những tận cùng thấp kém của Paris - những người hành khất, phu khuân vác, những kẻ móc túi, buôn lậu, đánh bạc, say rượu, bắt cóc, trộm cắp, những kẻ bất bình thường, gái ăn sương, ma cô và những vụ tự tử. Ông tự cho mình có ít hạnh phúc, nhiều bất hạnh và trong nhiều trường hợp tự khắc họa mình như một anh hùng cứu giúp. Ông đến thăm những quán cà phê gần Palais Royal và nhìn thấy cuộc Cách mạng đang hình thành. Ông nghe lời kêu gọi hãy cầm lấy vũ khí nổi tiếng của Desmoulins; nhìn thấy đám đông quần chúng đặc trưng phô diễn cái đầu đã bị cắt rời của Launay, người cai quản ngục Bastille; nhìn thấy những người đàn bà diễu hành đi bắt giữ Nhà Vua ở Versailles.¹⁰⁵ Không lâu sau, ông thấy một mối với cảnh bạo lực, khủng bố, sự bất an của cuộc sống. Nhiều lần ông có nguy cơ bị bắt nhưng thoát được nhờ những lời tuyên xưng tin vào Cách mạng. Trong chỗ riêng tư ông tố cáo tất cả nó và ước mong “Vua Louis XVI nhân từ được phục hồi quyền lực.”¹⁰⁶ Ông mắng nhiếc Rousseau vì đã buông thả những đam mê của tuổi trẻ, kẻ ngu dốt và kẻ đa cảm. “Chính cuốn *Émile* đã mang lại cho chúng ta thể hệ ngạo mạn này, bướng bỉnh và xác xược và ngoan cố, ăn nói lớn lối và buộc người già phải im tiếng.”¹⁰⁷

Thế là ông già đi và ăn năn những ý tưởng, chứ không phải là những tội lỗi vào thời trẻ. Năm 1794, ông trở lại là một người nghèo khổ, chỉ giàu có những ký ức và những đứa cháu. Trong Tập XIII của bộ *Ông Nicolas*, ông soạn ra một *calendrier* (danh sách) những người đàn ông và đàn bà

trong đời ông, kể cả hàng trăm nhân tình và ông tái khẳng định niềm tin vào Thượng đế. Năm 1800, Nữ Bá tước de Beauharnais nói với Napoléon rằng Restif đang sống trong cảnh nghèo khó, không có cả lò sưởi trong phòng. Napoléon gửi cho ông tiền bạc, một người hầu và một người bảo vệ và năm 1805 ban cho ông một chức vụ trong bộ cảnh sát. Ngày 8-2-1806, Restif qua đời, thọ 72 tuổi. Nữ Bá tước và nhiều thành viên của Pháp quốc Học viện (vốn đã từ chối kết nạp ông) tham gia cùng với 1.800 thường dân đi theo đám tang của ông.

VII. BEAUMARCHAIS

“Càng đi xem sân khấu của Pháp” Arthur Young viết năm 1788: “tôi càng buộc phải công nhận là nó ưu việt hơn của chúng ta, về số lượng của các diễn viên tài ba... về chất lượng của các vũ công, ca sĩ và những người mà nghề sân khấu lệ thuộc vào; tất cả được thiết lập trên một quy mô lớn”¹⁰⁸ Tại rạp Théâtre-Français (Hội viện Pháp quốc), được xây lại vào năm 1782 và trong nhiều nhà hát ở các tỉnh, các buổi trình diễn được tổ chức hằng đêm, kể cả Chủ nhật. Trong việc diễn xuất giờ đây đang có sự đứt quãng: Lekain chết và Sophie Arnould về hưu vào năm 1778; Talma, người sẽ được Napoléon ưa thích nhất, đi những bước đầu tại Nhà hát Comédie-Française vào năm 1787 và đạt được thắng lợi đầu tiên trong vở *Charles IX* của Marie-Joseph Chénier năm 1789. Kịch tác gia được yêu thích nhất thời này là Michel-Jean Sedaine; ông viết những vở hài kịch ủy mị được diễn trên sân khấu Pháp suốt một thế kỷ. Chúng ta chào đón ông và chuyển sang người mà, với sự giúp đỡ của Mozart và Rossini, đã sinh ra Figaro và (theo ông) mang lại tự do cho nước Mỹ.

Pierre-Augustin Caron, cũng như Voltaire, đã sống 24 năm mà không biết cái tên đi vào lịch sử của mình. Cha ông là một người thợ làm đồng hồ ở ngoại ô St.-Denis của Paris.



Hình 43. *Pierre-Augustin Caron de Beaumarchais*
(tranh của Jean-Marc Nattier, 1755)

Sau vài cơn nổi loạn, ông cam chịu đi theo nghề của cha mình. Năm 21 tuổi, ông phát minh ra một loại cái hồ (escapement) cho phép ông làm ra “những chiếc đồng hồ đeo tay tuyệt vời, phẳng và nhỏ tới mức bạn cảm thấy thích hợp.”¹⁰⁹ Ông khiến Louis XV vui lòng với một chiếc đồng hồ mẫu và làm cho Bà Pompadour một chiếc nhỏ tới mức gắn vừa vặn vào chiếc nhẫn của bà; theo ông thì đây là chiếc đồng hồ nhỏ nhất từng được chế tạo. Năm 1755, ông mua từ người chủ sở hữu đang về già của nó, Ông Franquet, một vị trí trong số “những quan

kiểm soát chặn thức ăn của Nhà Vua” tức những người hầu hạ trong các bữa ăn của Nhà Vua. Đây không phải là một chức vụ gây phẫn khởi nhưng nó giúp cho Pierre lối vào hoàng cung. Một năm sau, Franuet chết; Pierre cưới người góa phụ (1756) lớn hơn ông sáu tuổi; và, do bà có một thái ấp nhỏ, ông cộng thêm tên nó vào tên của mình và trở thành Beaumarchais.

Ông chưa bao giờ lên tới bậc trung học nhưng mọi người - kể cả những nhà quý tộc oán giận con đường thăng tiến nhanh lợi của ông - đều công nhận tính nhanh nhẩu của trí tuệ và sự hoạt bát của tài dí dỏm của ông. Trong các khách thính và quán cà phê ông gặp Diderot, d' Alembert và các *philosophe* khác và hấp thụ tư tưởng Khai minh. Một cải thiện của ông trong việc bố trí bàn đạp của cây đàn harp đã làm cho các cô con gái chưa chồng của Louis XV chú ý; năm 1759, ông bắt đầu dạy cho họ những bài học về đàn harp. Ông chủ nhà băng Joseph Paris-Duverney yêu cầu Beaumarchais tranh thủ sự giúp đỡ của các nàng Công chúa trong việc xin Louis XV ủng hộ cho Học viện Quân sự mà nhà tài chính này là một giám đốc. Pierre thành công trong việc này và Paris-Duverney tặng cho ông các chứng khoán trị giá 60.000 franc. “Ông ta vỡ lòng tôi” Beaumarchais nói: “thâm nhập vào những bí mật của công việc tài chính... Tôi bắt đầu làm giàu dưới sự hướng dẫn của ông ta; theo lời khuyên của ông ta tôi đã thực hiện nhiều vụ đầu cơ; trong vài vụ ông ta đã giúp tôi bằng tiền hoặc tên tuổi của ông.”¹⁰ Như thế Beaumarchais, bằng cách theo đuổi việc này cũng như những tiền lệ trong rất nhiều phương cách khác mà Voltaire đặt ra, trở thành một triết gia triệu phú. Đến năm 1871¹, ông đủ giàu để mua một trong số các chức thư ký về mặt danh nghĩa của Nhà Vua và việc này mang lại cho ông một tước hiệu quý tộc. Ông tựu một căn nhà

i Ở đây có sự nhầm lẫn, vì tác giả mất năm 1799. Theo Wikipedia trang tiếng Anh, Beaumarchais mua tước hiệu quý tộc này vào khoảng năm 1760-1761.

xinh đẹp ở đường Condé và đưa người cha kiêu hãnh cùng các cô chị em gái vào đấy ở.

Hai cô em khác sống ở Madrid - một người lấy chồng, người kia tên Lisette đã đính hôn với José Clavigo y Fajardo, biên tập viên và tác giả, suốt 6 năm liền anh ta đã trì hoãn việc kết hôn. Tháng Năm năm 1764, Beaumarchais bắt đầu một chuyến đi dài bằng xe ngựa trạm, chạy suốt ngày đêm, sang thủ đô của Tây Ban Nha. Ông tìm gặp Clavigo, anh ta hứa sẽ cưới Lisette sớm nhưng rồi lẩn tránh Beaumarchais bằng cách chuyển từ nơi này sang nơi khác. Cuối cùng Pierre bắt gặp anh ta và yêu cầu anh ta ký tên vào một hôn ước. Jose xin lỗi, viện cớ vừa mới uống thuốc xổ và luật pháp Tây Ban Nha không chấp nhận bất cứ giao kèo nào được ký bởi một người trong tình trạng như vậy. Beaumarchais đe dọa anh ta; Clavigo viện đến các lực lượng của chính phủ chống lại ông; con người Pháp thông minh bị thất bại vào *mañana*ⁱ. Bỏ rơi cuộc săn đuổi đó, ông đuổi theo công cuộc kinh doanh và thành lập nhiều công ty; trong đó có một công ty chuyên cung cấp nô lệ da đen cho các thuộc địa Tây Ban Nha (Ông quên mới một năm trước đây mình đã viết một bài thơ cáo buộc chế độ nô lệ.¹³¹). Tất cả những kế hoạch này đã sụp đổ vì tật chần chừ của người Tây Ban Nha. Tuy nhiên, trong khi đó, Pierre thích thú với một mối quan hệ tốt và một cô nhân tình thuộc dòng dõi quý tộc và học đủ phong tục Tây Ban Nha để viết những vở kịch về một anh thợ cạo thành Seville. Lisette tìm được một người tình khác và Beaumarchais trở về Pháp mà không được gì ngoài kinh nghiệm. Ông viết những thiên hồi ký hấp dẫn về chuyến đi của mình; từ đó, như chúng ta đã thấy, ông viết nên một vở kịch, *Clavigo* (1775).

Năm 1770, Paris-Duverney mất, sau khi lập một di chúc công nhận có nợ Beaumarchais 15.000 franc. Người thừa kế chính, Bá tước de la Blache, đặt vấn đề nghi ngờ điều khoản

i *mañana* (Tiếng Tây Ban Nha): ngày hôm sau.

này là giả mạo. Vấn đề được đưa lên Tối cao Pháp viện Paris, Viện bổ nhiệm Ủy viên hội đồng Louis-Valentin Goezman thụ lý vụ việc. Vào lúc này, Beaumarchais đang ngồi tù, hậu quả của một cuộc ẩu đả dữ dội với Công tước de Chaulnes về một cô nhân tình. Được tạm thời thả ra, ông gửi một “quà tặng” 100 đồng Louis vàng và một chiếc đồng hồ nam kim cương, cho Bà Goezman như những món lót lót để ông có dịp trình bày trước chồng bà; bà đòi thêm 15 louis vàng cho một “người thư ký”; ông gửi số tiền này. Ông có được cuộc phỏng vấn; vị Ủy viên hội đồng ra quyết định chống lại ông; Bà Goezman trả lại tất cả ngoại trừ 15 đồng louis vàng; Beaumarchais nhất định đòi bà trả lại số tiền này nữa; Goezman buộc tội ông hối lộ; Pierre đưa vấn đề ra trước công chúng trong một loạt các *Hồi ký* rất sôi nổi và hóm hỉnh khiến họ hoan nghênh ông rộng rãi như một người tranh luận sáng chói nếu không phải là một người hoàn toàn lương thiện. Voltaire nói về chúng: “Tôi chưa bao giờ thấy thứ gì mạnh mẽ hơn, dũng cảm hơn, buồn cười hơn, thú vị hơn, nhục nhã hơn đối với kẻ thù của ông ta. Ông ta chống lại cả tá người bọn họ trong cùng một lúc và hạ gục họ xuống như rạ.”¹¹² Tối cao Pháp viện ra phán quyết chống lại việc ông đòi khoản thừa kế (6-4-1773), thực tế là buộc ông tội giả mạo và ra lệnh cho ông phải trả 56.300 livre cho những khoản thiệt hại và nợ nần.

Được thả ra khỏi tù (8-5-1773), Beaumarchais phục vụ cho Louis XV như một nhân viên mật vụ trong một nhiệm vụ sang Anh quốc nhằm ngăn ngừa việc lan truyền một tập sách mỏng tai tiếng chống lại Bà du Barry. Ông thành công, và tiếp tục những nhiệm vụ bí mật dưới triều Louis XVI, Nhà Vua giao cho ông quay lại London và hối lộ Guglielmo Angelucci nhằm ngăn chặn việc xuất bản một tập sách mỏng chống Marie Antoinette. Angelucci giao lại bản thảo để đổi lấy 35.000 franc và lên đường sang Nuremberg. Beaumarchais, nghi ngờ ông ta có một bản thảo khác, đuổi theo ông ta qua suốt nước Đức, bắt kịp ông ta ở gần Neustadt và buộc ông ta giao tập bản

thảo. Hai tên cướp tấn công ông; ông đánh đuổi chúng rồi bị thương; ông tìm đường sang Vienna, bị bắt với tội gián điệp và ngồi tù một tháng, được thả ra và lên đường về Pháp.

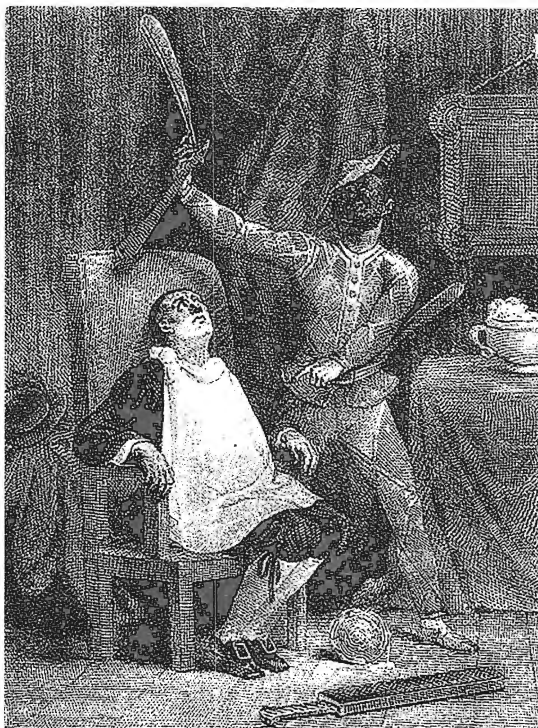
Kỳ công tiếp theo của ông có quyền chiếm một vị trí trong lịch sử hơn. Năm 1775, Vergennes phái ông đi London để báo cáo về cuộc khủng hoảng ngày càng gia tăng giữa Anh và Mỹ. Đến tháng Chín, Beaumarchais gửi cho Louis XVI một bản báo cáo tiên đoán cuộc nổi dậy của Mỹ sẽ thành công và nhấn mạnh đến thiếu số thân Mỹ ở nước Anh. Ngày 29-2-1776, ông gửi cho Nhà Vua một bức thư khác, khuyên Pháp nên bí mật giúp đỡ Mỹ, viện lẽ rằng nước Pháp chỉ có thể tự bảo vệ mình khỏi bị chinh phục bằng cách làm suy yếu nước Anh.¹³ Vergennes cũng đồng quan điểm đó, và, như chúng ta đã thấy, sắp xếp để tài trợ cho Beaumarchais nhằm cung cấp chiến cụ cho các thuộc địa của Anh. Beaumarchais dành toàn tâm toàn ý cho công việc này. Ông thành lập hãng Rodrigue Hortalez & Co và đi từ cảng này đến cảng kia của Pháp, mua và trang bị những con tàu, chất đầy lương thực và vũ khí, tuyển mộ những sĩ quan Pháp giàu kinh nghiệm cho quân đội Mỹ và chi phí (theo lời ông) nhiều triệu livre từ tiền riêng của ông thêm vào 2 triệu do các chính phủ Pháp và Tây Ban Nha cung cấp. Silas Deane báo cáo với Quốc hội Mỹ (ngày 29-11-1776): “Tôi đã không bao giờ có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình nếu như không có sự nỗ lực rộng rãi, thông minh và không biết mệt mỏi của Ngài de Beaumarchais, là người mà về mọi phương diện Hoa Kỳ mang ơn hơn bất cứ ai khác tại bờ bên này của đại dương.”¹⁴ Vào cuối cuộc chiến tranh Silas Deane tính toán rằng Hoa Kỳ nợ Beaumarchais 3.600.000 franc. Quốc hội, cho rằng mọi vật liệu đều là quà tặng của các đồng minh, bác bỏ lời đòi hỏi này nhưng vào năm 1835 đã trả 800.000 livre cho những người thừa kế của Beaumarchais. Trong suốt hoạt động sôi nổi này, ông vẫn tìm được thì giờ để viết thêm những hồi ký, gửi thư cho công chúng phản đối sắc lệnh ngày 6-4-1773 của Tối cao Pháp viện. Ngày 6-9-1776, sắc

lệnh đó bị hủy bỏ và tất cả các quyền dân sự của Beaumarchais được phục hồi. Tháng Bảy năm 1778, một tòa án ở Aix-en-Provence phán quyết có lợi cho ông trong vấn đề di chúc của Paris-Duverney và Beaumarchais cảm thấy cuối cùng đã lấy lại thanh danh của mình.

Tất cả các sự nghiệp tình ái, chiến tranh, kinh doanh và pháp lý cũng chưa đủ đối với Beaumarchais. Còn có một thế giới chữ nghĩa, ý tưởng và ẩn loát chưa hoàn toàn được chinh phục. Năm 1767, ông gửi cho Nhà hát Comédie-Française vở kịch đầu tiên của mình tên là *Eugénie*; vở kịch được trình diễn ngày 29-1-1769, được khán giả đón nhận thuận lợi nhưng bị các nhà phê bình bác bỏ. Một vở kịch khác, *Les Deux Amis* (Hai người bạn, 13-1-1770), thất bại mặc dù được chuẩn bị như thường lệ: “Tôi đã lấp đầy sàn nhà hát... bằng những công nhân tuyệt vời nhất, với những bàn tay như mái chèo, nhưng những cố gắng của bè lũ” đã đánh bại ông.¹¹⁵ Tinh thần ái hữu trong văn học, do Fréron dẫn đầu, đã chống lại ông như một kẻ xâm phạm, một kẻ vào tù ra khám muốn làm kịch tác gia, cũng như Versailles đã chống lại ông như một anh thợ đồng hồ trở thành nhà quý tộc. Do đó, trong vở kịch tiếp theo, ông đưa vào miệng Figaro lời mô tả “xứ cộng hòa văn học” như là “xứ cộng hòa của những con sói, liên tục cấu xé cổ họng của nhau... mọi côn trùng, ruồi, muỗi và những nhà phê bình, mọi ký giả, người bán sách, người kiểm duyệt ghen tị.”¹¹⁶

Trên sân khấu cũng như trong cuộc đời, Beaumarchais đã gặp phải một đám kẻ thù và đã đánh bại tất cả bọn họ. Trong giây phút giàu sáng tạo nhất của thiên tài đa dạng của mình, ông đã tưởng tượng ra Figaro: anh thợ hớt tóc, nhà phẫu thuật, triết gia, mặc chiếc áo gi-lê bằng sa tanh và chiếc quần ống túmⁱ với chiếc đàn ghi ta quàng trên vai, tinh thần nhanh nhẹn sẵn sàng giải quyết mọi khó khăn, trí thông minh

i *Breeches*: quần dài xuống vừa qua khỏi đầu gối và túm lại ở cuối.



Hình 44. Một cảnh trong vở *Anh thợ cạo thành Seville*
(thể loại hài kịch *commedia dell'arte* được thể hiện qua hình ảnh
Figaro ăn mặc và mang mặt nạ của nhân vật truyền thống Harlequin)

hóm hình xuyên thủng lời nói giả dối, những trò khoe khoang tự phụ và những sự bất công của thời đại mình. Theo một nghĩa nào đó Figaro không phải là một sáng tạo, anh ta là một cái tên mới và một hình dạng mới của nhân vật sẵn có là người đầy tớ thông minh trong hài kịch của Hy Lạp và La Mã, trong những vở *Commedia dell'arte*ⁱ của Ý, trong các nhân vật

ⁱ *Commedia dell'arte*: thể loại hài kịch phát triển ở Ý vào các thế kỷ XVI và XVII, đặc trưng bởi lối ứng khẩu từ một cốt truyện chính và sử dụng các nhân vật cố sẵn như Punchinello, Harlequin, Columbine và thường mang mặt nạ và y phục truyền thống.

Sganarelle của Molière; nhưng như chúng ta biết, tất cả ngoại trừ âm nhạc là của Beaumarchais. Thậm chí âm nhạc ban đầu cũng là của ông; đầu tiên ông soạn *Le Barbier de Séville* (Anh thợ cạo thành Séville) như một vở nhạc kịch hài hước, được ông giới thiệu với rạp Comédie-Italienne năm 1772; vở kịch bị từ chối nhưng Mozart trở nên quen thuộc với âm nhạc của nó khi ông ở Paris.¹¹⁷ Beaumarchais sửa lại vở nhạc kịch thành một hài kịch, được Rạp Comédie-Française chấp nhận, và được lên lịch diễn thì tác giả bị bỏ tù (24-2-1773), buổi phải hoãn lại. Khi ông được thả ra, vở kịch lại được chuẩn bị để trình diễn nhưng bị dời lại vì tác giả đang bị Tối cao Pháp viện kết tội. Thành công của việc Beaumarchais công khai tự bào chữa trong các *Hồi ký* của ông giúp nhà hát lại lên kế hoạch biểu diễn và buổi diễn được thông báo là ngày 12-2-1774; “tất cả các lô” Grimm tường thuật: “đều được bán hết cho tới buổi diễn thứ năm.”¹¹⁸ Vào phút cuối, chính quyền ra lệnh cấm vở kịch với lý do nó có thể tạo nên thành kiến cho vụ kiện đang còn treo tại Tối cao Pháp viện.

Một năm nữa trôi qua; một vị vua khác lên ngôi, đây là người mà Beaumarchais đã dũng cảm phục vụ và phải liên tục trải qua nhiều mối nguy hiểm đến tính mạng của mình. Giấy phép được ban và ngày 23-2-1775, *Anh thợ cạo thành Seville* cuối cùng bước lên sân khấu. Vở kịch không được đón nhận tốt lắm. Nó quá dài và niềm hứng khởi mở đầu đã đưa khán giả đến chỗ mong đợi quá nhiều. Trong một ngày, Beaumarchais duyệt lại và rút ngắn nó trong một kiệt tác về phẫu thuật; vở hài kịch được cắt bớt những chỗ phức tạp tối rậm, óc thông minh dí dỏm được giải thoát khỏi việc diễn thuyết dài dòng; như Beaumarchais nói, ông loại bỏ chiếc bánh xe thứ năm ra khỏi cỗ xe. Vào buổi tối thứ hai, vở kịch đặc thăng. Bà du Deffand, người có mặt tại đấy, mô tả nó như một thành công quá mức... được hoan hô bất tận.”¹¹⁹



Hình 45. *Figaro* (tượng của Jean Barnabé Amy, 1873)

Hoàng thân de Conti thách Beaumarchais viết một vở kịch tiếp theo cho thấy Figaro như một nhân vật chín chắn hơn. Tác giả giờ đây bị thu hút vào vai trò đáng chú ý của nước Mỹ nhưng khi việc này hoàn tất, ông quay lại sân khấu và soạn một vở hài kịch còn gây ấn tượng sâu sắc hơn cả vở *Tartuffe* của Molière. Trong vở *Đám cưới của Figaro*, Bá tước Almaviva và nàng Rosina của *Anh thợ cạo thành Séville* đã sống nhiều năm đời sống hôn nhân; ông ta đã mệt mỏi với những vẻ hấp dẫn từng quyến rũ mình qua quá nhiều tình huống rắc rối; kế hoạch hiện tại của ông ta là quyến rũ Suzanne, cô hầu gái của Nữ Bá tước của ông và đã đính hôn với Figaro, người giờ đây trở thành hầu phòng chính của Bá tước và quản gia của lâu đài. Cherubin, một tiểu đồng 13 tuổi, cung cấp một phần đệm duyên dáng cho đề tài chính bằng chuyện yêu đương trẻ con của cậu ta đối với Nữ Bá tước, người gấp đôi tuổi cậu. Figaro đã trở thành một triết gia; Beaumarchais mô tả anh ta như là “*la raison assaisonnée de gaieté et de saillies*” - lý trí được tô điểm thêm sự vui vẻ và những nét dí dỏm¹²⁰ - vốn hầu như là một định nghĩa của tinh thần người Pháp và của thời Khai minh.

“Anh sinh ra để làm một triều thần” anh ta bảo Suzanne; và khi nàng nghĩ đây “là một nghệ thuật khó khăn” anh ta trả lời: “Không hề chút nào. Nhận, lấy và hỏi - hãy chú ý đến bí mật của ba chữ này.”¹²¹ Và trong lời độc thoại mà Rossini đã làm ngân vang trên khắp thế giới, anh ta nói với những kẻ quý tộc của Tây Ban Nha (và Pháp) với thái độ khinh bỉ hầu như cách mạng: “Các người đã làm gì cho quá nhiều vận may như vậy? Các người chỉ việc ra đời và không có gì hơn; những việc còn lại các người cũng tầm thường thôi! Trong khi tôi đây, lạc lõng giữa đám đông quần chúng, đã phải sử dụng nhiều kiến thức và tính toán chỉ để tồn tại hơn là những thứ để cai trị toàn thể Tây Ban Nha cả trăm năm qua.”¹²² Anh ta cười vào những người lính “giết và để bị giết vì những mối quan tâm họ hoàn toàn không biết. Về phần tôi,

tôi muốn biết *tại sao* mình giận dữ.”¹²³ Ngay cả nhân loại cũng bị trừng phạt đích đáng: “uống khi không khát và làm tình vào mọi mùa - chỉ riêng điều này cũng khiến chúng ta khác biệt với thú vật khác.”¹²⁴ Có nhiều cú đòn khác nhau chống lại việc bán những chức vụ công, quyền hành độc đoán của các bộ trưởng, những vụ xét xử oan sai, tình trạng của các nhà tù, chế độ kiểm duyệt và đàn áp tư tưởng. “Miễn là trong tác phẩm của mình tôi không đề cập đến nhà cầm quyền hoặc quốc giáo, hoặc chính trị, hoặc đạo đức, hoặc những viên chức, hoặc những số tiền, hoặc nhạc kịch, hoặc... bất cứ nhân vật quan trọng nào thì tôi có thể in bất cứ thứ gì, tùy theo sự kiểm tra của hai hoặc ba nhân viên kiểm duyệt.”¹²⁵ Một đoạn mà các diễn viên xóa bỏ, có thể vì tiến quá gần đến chính những trò giải trí của họ, cáo buộc phái nam phải chịu trách nhiệm về nạn mãi dâm; do nhu cầu của mình, đàn ông tạo nên hoạt động cung cấp và qua luật pháp của mình, trừng phạt những người đàn bà đáp ứng nhu cầu này.¹²⁶ Bản thân cốt truyện không chỉ cho thấy người đầy tớ thông minh hơn chủ anh ta - việc này quá thường xảy ra trong quá khứ nên không làm ai khó chịu - mà còn cho thấy vị bá tước quý tộc như một kẻ ngoại tình thực thụ.

Đám cưới của Figaro được Nhà hát Comédie-Française chấp thuận vào năm 1781, nhưng không thể được đưa ra diễn đến tận năm 1784. Khi nó được đọc cho Louis XVI nghe, Nhà Vua chịu đựng những đoạn châm biếm ngẫu nhiên với thái độ khô hài khoan dung; nhưng khi nghe đoạn độc thoại có nội dung chế giễu giới quý tộc và cơ quan kiểm duyệt, ông cảm thấy không thể cho phép những thiết chế cơ bản này bị sỉ nhục công khai. “Vở kịch này thật đáng ghét” ông kêu lên: “nó sẽ không bao giờ được trình diễn. Cho phép biểu diễn nó chẳng khác gì phá hủy ngục Bastille. Con người này cười nhạo mọi thứ lẽ ra phải được kính trọng trong một chính quyền.”¹²⁷ Ông cấm trình diễn vở kịch.

Beaumarchais đọc những phần của vở kịch tại các tư gia. Lòng hiếu kỳ được khơi gợi. Một số quan trong triều sắp xếp để nó được trình diễn trước triều đình; nhưng đến phút cuối việc này cũng bị cấm. Cuối cùng, Nhà Vua nhượng bộ trước những lời phản đối và yêu cầu và đồng ý chấp thuận cho biểu diễn công khai sau khi các nhân viên kiểm duyệt đã cẩn thận cắt xén văn bản. Buổi trình diễn đầu tiên (27-4-1784) là một biến cố lịch sử. Toàn thể Paris dường như nhất quyết đi xem đêm đầu tiên. Quý tộc giành giật với thường dân để được vào xem; những cánh cổng sắt bị xô ngã, cửa phòng bị đập vỡ, ba người bị ngạt thở. Beaumarchais có mặt ở đó, hạnh phúc trước cảnh tượng ấu đả ầm ĩ. Thành công lớn tới mức vở kịch được trình diễn liên tục 60 lần, hầu như lúc nào cũng đầy rạp. Các khoản thu nhập cao chưa từng thấy. Beaumarchais tặng toàn bộ phần chia của mình - 41.999 livre - cho quỹ từ thiện.¹²⁸

Lịch sử đã nghĩ về *Đám cưới của Figaro* như sự báo trước cách mạng; Napoléon mô tả nó như là “Cuộc Cách mạng đã phát khởi rồi.”¹²⁹ Một số dòng chữ của nó đã đi vào cảnh náo động của thời đại. Trong bài tựa về sau được đính kèm với vở kịch Beaumarchais phủ nhận mọi ý đồ cách mạng và trích dẫn những đoạn bảo vệ cho chế độ quân chủ và quý tộc. Ông đòi hỏi không phải phải phá hủy những thể chế hiện hữu mà chỉ loại trừ những sự lạm dụng đi kèm với chúng; công bằng về mặt pháp lý cho mọi giai cấp, tự do nhiều hơn cho báo chí và tư tưởng, bảo vệ cá nhân chống lại những *lettres de cachet* (mật chỉ) và những sự thái quá của quyền hành nhà vua. Giống như thần tượng Voltaire của mình, ông bác bỏ cách mạng như một lời mời gọi đối với cảnh hỗn loạn và quần chúng bình dân.

Qua suốt bao cảnh náo động khác nhau chung quanh mình, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu những tác phẩm của Voltaire. Ông nhận ra những điểm tương đồng, mặc dù có thể không phải là khoảng cách, giữa mình và vị lão trượng: cũng sự kết hợp của

hoạt động tinh thần sôi nổi với sự khôn khéo mưu mô về tài chính, cũng thái độ khinh bỉ đối với những sự dẫn đo và tế nhị về đạo đức, cũng tinh thần dũng cảm chống lại bất công và nghịch cảnh. Ông quyết tâm bảo tồn và truyền bá những tác phẩm của Voltaire trong một ấn bản được sưu tầm và đầy đủ. Ông biết việc này không thể được thực hiện ở Pháp, nơi nhiều tác phẩm của Voltaire bị cấm. Ông đến gặp Maurepas và nói với ông ta rằng, Catherine II đã đề nghị phát hành một ấn bản tiếng Pháp ở St. Petersburg; ông biện luận đây sẽ là một điều hổ thẹn cho nước Pháp; vị bộ trưởng nhìn thấy vấn đề và hứa sẽ cho lưu hành một ấn bản toàn tập. Charles-Joseph Pancoucke, một chủ nhà sách ở Paris, đã có được bản quyền những bản thảo chưa in của Voltaire; Beaumarchais mua chúng với giá 160.000 franc. Ông sưu tầm tất cả các tác phẩm đã xuất bản của Voltaire mà ông có thể tìm được. Ông nhập khẩu bộ chữ in Baskerville từ Anh và mua các nhà máy giấy ở Vosges. Ông tìm được Condorcet làm người biên tập và viết tiểu sử. Ông thuê một pháo đài cổ ở Kehl, nằm ở bên kia sông Rhine đối diện với Strasbourg, đặt máy in ở đấy, và, mặc dù gặp phải hàng nghìn nỗi khổ cực, đã cho ra đời hai ấn phẩm, một gồm 70 tập khổ 8ⁱ, và ấn phẩm kia gồm 92 tập khổ 12ⁱⁱ (1783-1790). Đây là công trình xuất bản lớn nhất được thực hiện ở châu Âu cho tới bấy giờ, ngoại trừ bộ *Encyclopédie*. Mong đợi sách bán chạy, Beaumarchais đã in 15.000 bộ; ông chỉ bán được 2.000, một phần vì những chiến dịch chống đối của Tối cao Pháp viện và giới giáo sĩ,¹³⁰ một phần vì tình hình chính trị rối loạn trong những năm 1788-1790 và một phần vì sự bất ổn của các tài sản cá nhân đã ngăn cản người ta mua một bộ sách đắt tiền như vậy. Beaumarchais khẳng định bị lỗ một triệu livre trong cuộc kinh doanh mạo hiểm này. Mặc dù vậy, ông cũng phát hành một ấn bản các tác phẩm của Rousseau.

i khổ 8 (octavo): khổ tờ giấy in gấp làm 8, tức 6 x 9 inch. (16 x 23 cm).

ii khổ 12 (duodecimo): khổ tờ giấy in gấp làm 12, tức 5 x 7½ inch. (13 x 19 cm).

Cuộc Cách mạng mà ông đã giúp chuẩn bị giờ tỏ ra là điều bất hạnh đối với ông. Năm 1789, ông xây cho mình và người vợ thứ ba một biệt thự sang trọng đối diện ngục Bastille; ông chất đầy đồ gỗ và tác phẩm nghệ thuật xinh đẹp, chung quanh là hai acre (8.093m²) đất. Những đám đông liên tục náo loạn nơi đây nhìn cảnh xa xỉ này một cách ngờ vực; hai lần ngôi nhà bị xâm chiếm và Beaumarchais, giờ đây bị điếc và già trước tuổi, bị đe dọa vì là một nhà quý tộc. Ông gửi một lá đơn cho Công xã Paris tuyên bố trung thành với Cách mạng; tuy nhiên ông vẫn bị bắt (23-8-1792). Mặc dù được thả không lâu sau đấy, ông sống trong cảnh hằng ngày lo sợ bị ám sát. Rồi bánh xe định mệnh xoay chuyển và ông được chính phủ Cách mạng cử sang Hòa Lan (1792) và mua súng cho chế độ cộng hòa. Những cuộc thương lượng thất bại; và trong lúc ông đi vắng, căn nhà của ông bị tịch thu, vợ và con gái ông bị bắt (5-7-1794). Ông vội lao về Paris, xin cho họ được thả ra và lấy lại được nhà cửa. Ông còn sống thêm ba năm nữa, thể xác suy sụp nhưng tinh thần vẫn minh mẫn và hoan nghênh sự trỗi dậy của Napoléon. Ông mất ngày 18-5-1799 vì một cơn nhồi máu cơ tim ở tuổi 67. Ít có ai trong lịch sử nước Pháp đã trải qua một cuộc đời phiêu lưu, đa dạng và đầy đủ như vậy.

CHƯƠNG IV

MỞ XE CUỘC CÁCH MẠNG

1774-1789

Chúng ta đã nghiên cứu tinh thần của nước Pháp vào đêm trước cuộc Cách mạng - triết học, tôn giáo, đạo đức, phong tục, văn học và nghệ thuật của nó. Nhưng đó là những cánh hoa mỏng manh mọc lên từ mảnh đất kinh tế; chúng ta không thể hiểu được chúng nếu không có một sự hiểu biết về những cội rễ của chúng. Chúng ta còn hiểu rất ít hơn nữa cơn biến động chính trị đã tiêu diệt Chế độ cũ nếu không xem xét lần lượt, dù vắn tắt, mỗi bộ phận của nền kinh tế Pháp và tìm hiểu xem tình trạng của nó đã tạo nên cơn sụp đổ hoàn toàn như thế nào.

Trong khi đề cập một lần nữa đến nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và tài chính, chúng ta nên nhớ rằng, chúng không phải là những thứ trừu tượng ảm đạm mà là những con người nhạy cảm và đang sống: các nhà quý tộc và nông dân đang tổ chức việc sản xuất lương thực; các nhà quản lý và công nhân đang chế tạo hàng hóa; các nhà phát minh và nhà khoa học đang tạo ra những phương pháp và công cụ mới; các thị trấn đang rộn ràng với những cửa hiệu và nhà máy, các bà nội trợ lo lắng và các đám đông nổi loạn; các hải cảng cũng như tàu bè nhộn nhịp với các thương gia, khách du hành, thủy thủ, và những bộ óc phiêu lưu; các ông chủ ngân hàng đang đánh liều, có được, hoặc đánh mất tiền bạc như Necker, mạng sống như Lavoisier; và, qua tất cả

những đám đông náo loạn, dòng chảy và sức ép của những ý tưởng cách mạng và nổi bất mãn. Đó là một bức tranh phức tạp và rộng lớn.

I. GIỚI QUÝ TỘC VÀ CUỘC CÁCH MẠNG

Nước Pháp có 24.670.000 đàn ông, đàn bà và trẻ con theo tính toán về dân số của Necker vào năm 1784.¹ Số dân này đã phát triển từ 17.000.000 người vào năm 1715 nhờ lương thực được sản xuất nhiều hơn, vệ sinh tốt hơn và sự vắng bóng của ngoại xâm cũng như nội chiến. Quốc gia này nhìn chung đã trải qua một cảnh thịnh vượng trỗi dậy trong thế kỷ XVIII, nhưng phần lớn sự sung túc mới tập trung vào giai cấp trung lưu.²

Ngoại trừ hai triệu người, tất cả người Pháp đều sống ở nông thôn. Đời sống nông nghiệp được hướng dẫn bởi các giám quan của Nhà Vua, các nhà cai trị hàng tỉnh và các linh mục ở các giáo khu và bởi các *seigneur* - lãnh chúa phong kiến - ước tính vào năm 1789 khoảng 26.000 người. Những người này và con trai của họ phục vụ cho đất nước trong chiến tranh theo cung cách lịch sự kiểu cũ (thanh gươm giờ đây là vật trang sức hơn là một món vũ khí). Chỉ một số nhỏ trong giới quý tộc còn ở lại triều đình; đa số sống tại các điền trang của họ và tự cho là kiếm sống qua việc cung cấp sự quản lý nông nghiệp, sự giám sát của cảnh sát, các tòa án, trường học, bệnh viện và công việc từ thiện. Tuy nhiên, phần lớn những chức vụ này đã được kế tục bởi những nhân viên của chính quyền trung ương và những người địa chủ nông dân đang phát triển các thể chế của riêng họ để cai trị địa phương. Do đó, giai cấp quý tộc đã trở thành một cơ quan tàn tích, hút nhiều máu từ cơ thể xã hội nhưng đổi lại chỉ cho đi một ít ngoại trừ việc phục vụ quân sự. Ngay cả việc phục vụ này cũng làm dấy lên lời than phiền của công chúng vì giới quý tộc đã thuyết phục Louis XVI (1781) loại trừ tất cả ngoại

trừ những người đàn ông có bốn thế hệ quý tộc trước mình mới được nắm giữ những chức vụ quan trọng trong quân đội, hải quân và chính quyền.

Ngoài ra, người ta còn viện dẫn chống lại các nhà quý tộc việc họ bỏ hoang những diện tích rộng lớn trong điền trang của mình trong khi hàng nghìn cư dân tại đô thị đang khao khát bánh mì. Nhiều phần của nước Pháp giống như những gì Arthur Young mô tả về những khu vực thuộc sông Loire và sông Cher: “Những cánh đồng cho thấy cảnh tượng quản lý tồi tệ cũng như nhà cửa thì rất tồi tàn. Thế nhưng toàn thể đất nước có thể được cải thiện dễ dàng nếu họ biết làm gì với nó.”³¹ Không phải không có một số ít quý tộc nghèo túng, một số vì không có khả năng, một số gặp rủi ro, một số vì đã làm cho đất đai của mình cạn kiệt. Nhiều người trong bọn họ kêu gọi Nhà Vua, và nhiều người nhận được những khoản trợ cấp từ công quỹ.

Chế độ nông nô, trong ý nghĩa một người bị luật pháp buộc chặt vào một mảnh đất, và thường xuyên lệ thuộc vào chủ nhân của nó qua những thứ thuế và dịch vụ, đã phần lớn biến mất khỏi nước Pháp vào năm 1789; còn lại khoảng một triệu nông nô, chủ yếu trên những đất đai của giáo hội. Khi Louis XVI giải phóng cho nông nô trên lãnh địa của Nhà Vua (1779), Tối cao Pháp viện của vùng Franche-Comté (ở phía đông nước Pháp) đã trì hoãn 9 tháng trước khi đăng ký chỉ dụ của ông. Tu viện Luxeuil và Tu viện Fontaine cùng nhau

i Arthur Young, một quý tộc nông gia người Anh, đã du lịch trên Lục địa vào các năm 1787, 1788, 1789 và kể lại những nhận xét của mình trong cuốn *Du lịch nước Pháp* (Travels in France, 1792). Ông có một số thành kiến của người Anh (“Xét chung trong nhân loại, thì bạn sẽ có nhiều cảm thức tốt trong nửa giờ ở Anh hơn trong nửa năm ở Pháp”³¹); nhưng dường như ông đã đưa ra một lời tường thuật công bằng và đáng tin về những gì ông thấy. Chúng ta sẽ thấy ông kể lại cảnh giàu sang cũng như nghèo khó. Những lời chỉ trích quan trọng của ông đối với nước Pháp là sự lạc hậu về công nghệ và chính quyền tập trung thái quá, ở khắp mọi nơi và độc đoán của nước này (Durant).

sở hữu 11.000 nông nô và Tu viện St.-Claude nay thuộc tỉnh Jura, từ chối noi gương Nhà Vua, mặc cho những lời kêu gọi trong đó nhiều tu sĩ về phía với Voltaire.⁵ Dần dần các nông nô này tự mua lấy tự do của họ hoặc có được bằng cách bỏ trốn; và năm 1779, Louis XVI bãi bỏ quyền của người chủ đuổi theo những nông nô bỏ trốn bên ngoài lãnh địa của anh ta.

Mặc dù 95% số nông dân được tự do vào năm 1789, đại đa số họ vẫn còn phải chịu một hoặc nhiều thứ thuế phong kiến, mức độ thay đổi tùy mỗi vùng. Những thứ thuế này bao gồm tiền thuê hằng năm (tăng gấp đôi vào thế kỷ XVIII), một loại phí trong việc di tặng động sản sau khi chết và tiền trả cho việc sử dụng các nhà máy xay lúa, lò nướng bánh, máy ép nho và ao cá của lãnh chúa - ông ta giữ độc quyền về những thứ này. Ông ta giữ lại quyền săn bắn ngay cả trong ruộng hoa màu của nông dân. Càng ngày ông ta càng rào kín những thửa đất công mà trước đây nông dân thả gia súc và đốn củi trên đó. Hình thức *corvée* (sưu hoặc lao dịch) trên phần lớn nước Pháp có thể được thay thế bằng việc đóng một khoản tiền nhưng ở Auvergne, Champagne, Artois và Lorraine người nông dân vẫn còn bị buộc phải lao động không công mỗi năm 3 ngày hoặc nhiều hơn cho lãnh chúa địa phương để bảo dưỡng đường sá, cầu cống và các thủy lộ.⁶ Tóm lại, trung bình những loại thuế phong kiến còn tồn tại lấy đi 10% sản phẩm hoặc thu nhập của nông dân. Thuế thập phân của giáo hội lấy thêm 8 hoặc 10% nữa. Cộng với những thứ thuế đóng cho nhà nước, cho chợ và các loại thuế bán hàng và những loại phí trả cho linh mục của giáo khu vào những dịp lễ đặt tên, đám cưới và đám tang, người nông dân chỉ còn hưởng một nửa thành quả lao động của mình.

Do những khoản tiền thu được bị sút giảm vì đồng tiền mất giá, các lãnh chúa tìm cách bảo vệ thu nhập của mình bằng việc tăng thuế, phục hồi những loại thuế từ lâu không dùng đến và rào thêm những mảnh đất công. Việc thu thuế thường được giao cho những nhân viên chuyên môn và họ

thường tàn nhẫn trong khi thi hành công việc được thuê. Khi người nông dân đặt câu hỏi về quyền thu vài loại thuế nào đó, anh ta được trả lời là chúng được liệt kê trong những văn kiện hoặc sổ sách của các thái ấp. Nếu anh ta thách thức sự xác thực của các văn kiện này, vấn đề sẽ được trình lên tòa án của thái ấp hoặc tối cao pháp viện của tỉnh, nơi các quan tòa bị lãnh chúa kiểm soát.⁷ Khi Boncerf, được Turgot bí mật khuyến khích, xuất bản một tập sách mỏng (1776) có nhan đề *Những tình huống bất lợi của các quyền phong kiến*, đề nghị giảm bớt các quyền như vậy, ông ta bị Tối cao Pháp viện Paris khiển trách. Voltaire, ở tuổi 82, lại nổi dậy tham gia trận chiến. “Đề nghị bãi bỏ các quyền phong kiến” ông viết: “cũng giống như tấn công vào các cổ phần của chính quý ông ở Tối cao Pháp viện, phần lớn họ đều có những thái ấp... Đây là một vụ kiện trong đó Giáo hội, giai cấp quý tộc và các thành viên của Tối cao pháp viện... kết hợp lại để chống kẻ thù chung - tức là dân chúng.”⁸

Những loại thuế phong kiến cũng có thể được biện hộ vì một số lý do. Từ quan điểm của nhà quý tộc, chúng là một sự thể chấp được người nông dân đảm nhận một cách tự do như là một phần của cái giá họ mua một mảnh đất từ người chủ hợp pháp của nó - mà trong nhiều trường hợp, đã thật tình mua nó từ người chủ trước. Một số nhà quý tộc nghèo trông cậy vào các thứ thuế này để sinh sống. Nông dân còn phải chịu nhiều hơn nữa những loại thuế, thuế thập phân, những yêu cầu và sự tàn phá của chiến tranh hơn là những thứ thuế phong kiến. Ta hãy nghe con người vĩ đại và cao thượng nhất trong số các nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, Jean Jaurès: “Nếu trong xã hội Pháp vào thế kỷ XVIII không có sự lạm dụng nào khác hơn là những tàn tích đáng khinh bỉ của cái hệ thống [phong kiến] đó thì có thể đã không cần đến một cuộc nổi dậy để hàn gắn vết thương; một sự giảm bớt từ từ các quyền phong kiến, một cuộc giải phóng nông dân cũng đã có thể đạt được sự thay đổi một cách êm thấm.”⁹

Đặc tính đáng chú ý nhất của giai cấp quý tộc Pháp là việc nó công nhận lỗi lầm. Không những chỉ có nhiều nhà quý tộc tham gia cùng các *philosophe* trong việc chống lại nền thần học cũ; một số, như chúng ta đã thấy, còn cười vào những đặc quyền lỗi thời của giai cấp họ.¹⁰ Một năm trước Cách mạng, 30 nhà quý tộc đã đề nghị từ bỏ những đặc quyền phong kiến liên quan đến chuyện tiền bạc của họ.¹¹ Cả thế giới đều biết chủ nghĩa lý tưởng của chàng thanh niên Lafayette, người không những đã chiến đấu cho nước Mỹ mà khi trở về Pháp, còn mạnh mẽ tham gia vào việc đấu tranh cho công cuộc cải cách một cách hòa bình. Ông tố cáo chủ nghĩa nô lệ và hiến một phần gia tài của mình cho việc giải phóng các nô lệ ở Guiana thuộc Pháp.¹² Lời tuyên bố tuân theo những nguyên lý tự do và việc ủng hộ tích cực cho cải cách, trở nên hợp thời trang trong một bộ phận của giới quý tộc; đặc biệt trong số các phu nhân quý tộc như các Bà de La Marck, de Boufflers, de Brienne và de Luxembourg. Hàng trăm nhà quý tộc và giáo sĩ cao cấp tham gia tích cực vào những chiến dịch bình đẳng thuế má, kiểm tra những sự phung phí của chính phủ, tổ chức những hội từ thiện, chấm dứt tình trạng *corvée* (lao dịch).¹³ Vài nhà quý tộc, như Nữ Công tước de Bourbon, đã tặng phần lớn tài sản của họ cho người nghèo.¹⁴

Tuy nhiên, tất cả chỉ là một món trang sức duyên dáng lên sự kiện hiển nhiên là giai cấp quý tộc Pháp đã ngưng việc mưu sinh. Nhiều nhà quý tộc cố hoàn thành những trách nhiệm truyền thống của họ nhưng sự tương phản giữa cảnh ăn không ngồi rồi xa xỉ của các lãnh chúa giàu có và những nỗi khổ nhọc của quần chúng liên tục trên bờ vực đói kém đã làm dấy lên sự thù địch và khinh bỉ. Từ lâu, một nhà đại quý tộc đã buộc tội tử hình cho giai cấp của mình. Ta hãy nghe René-Louis de Voyer, Hầu tước d'Argenson, thượng thư (1744-1747) viết vào khoảng năm 1752:

Dòng giống của các đại lãnh chúa phải bị tiêu diệt hoàn toàn. Khi nói đại lãnh chúa, tôi hiểu đó là những người có

tước vị cao, có tài sản, những thứ thuế thập phân, những chức vụ và những nhiệm vụ và là những người không có tài cán và không cần thiết trưởng thành nhưng vẫn không kém phần kinh khủng; và vì lý do này thường vô giá trị... Tôi để ý thấy rằng một giống chó săn tốt được người ta giữ gìn, nhưng một khi thoái hóa nó bị loại bỏ.¹⁵

Chính những lãnh chúa này, giàu có, kiêu hãnh và thường không giữ nhiệm vụ gì đã khởi đầu cuộc Cách mạng. Họ âu yếm nhìn lui về những ngày trước Richelieu, khi mệnh lệnh của họ là quyền lực cai trị ở nước Pháp. Khi các *parlement* (tối cao pháp viện) khẳng định quyền bãi bỏ các chỉ dụ của Nhà Vua của họ, các nhà quý tộc đồng giống và quý tộc kiểm cung liên kết với quý tộc áo choàng - các thẩm phán được quyền thừa kế - trong một nỗ lực bắt Nhà Vua phải phục tùng. Họ hoan hô các nhà hùng biện của các *parlement* khi những người này lên tiếng kêu đòi *liberté* (tự do); họ khuyến khích dân chúng và những người viết những tập sách mỏng tố cáo quyền hành tuyệt đối của Louis XVI. Chúng ta không thể trách họ; nhưng khi làm suy yếu quyền hành của Nhà Vua họ đã giúp cho Quốc hội năm 1789, vốn bị kiểm soát bởi giới tư sản, nắm quyền bá chủ ở Pháp. Các nhà quý tộc đã ném xẻng đất đầu tiên đào mồ chôn chính họ.

II. NÔNG DÂN VÀ CUỘC CÁCH MẠNG

Trên 55% đất đai của nước Pháp do giới quý tộc, giới tu sĩ và Nhà Vua sở hữu, phần lớn công việc đồng áng được thực hiện bởi các tá điền. Họ nhận gia súc, công cụ và hạt giống từ chủ điền và thường trả cho ông ta một nửa hoa lợi thu hoạch. Nhìn chung, những người lính canh này quá nghèo khiến cho Arthur Young phát biểu nên hệ thống “tai họa và tiêu vong của cả đất nước”;¹⁶ không phải vì giới chủ quá độc ác mà vì những động cơ thúc đẩy quá yếu ớt.



Hình 46. Đẳng cấp Thứ ba dưới ách bóc lột của giới tu sĩ và giới quý tộc (tranh biếm họa cuối Thế kỷ XVIII)

Đa số những nông dân chủ điền cày cấy 45% đất đai phải chịu số phận nghèo khó vì kích thước nhỏ bé của những mảnh đất của họ, chúng hạn chế việc sử dụng máy móc vốn có lợi hơn. Kỹ thuật canh nông của nước Pháp tụt hậu so với nước Anh. Có những trường canh nông và những nông trại kiểu mẫu, nhưng chỉ có một ít chủ nông trại biết lợi dụng chúng. Vào khoảng 60% số nông dân điền chủ sở hữu ít hơn 5 héc ta cần thiết cho việc nuôi sống gia đình và những người đàn ông phải đi làm thuê tại các nông trang lớn. Lương của

các lao động ở nông trại tăng 12% giữa các năm 1771 và 1789, nhưng trong cùng thời gian đó, giá cả đã tăng 65% hoặc hơn nữa.¹⁷ Trong khi sản xuất nông nghiệp gia tăng dưới triều Louis XVI, các lao động đi làm thuê lại nghèo hơn và tạo thành một giới vô sản ở thôn quê mà trong những lúc công việc ế ẩm, trở thành mảnh đất sinh sản ra một đám đông hành khất và du đàng. Chamfort cho rằng “không thể chối cãi được là ở Pháp có 7 triệu người đi xin bố thí và 12 triệu người không có khả năng bố thí.”¹⁸ Có thể cảnh nghèo khó của nông dân đã bị các du khách cường điệu vì họ chủ yếu ghi nhận những tình trạng có thể nhìn thấy và không thấy được tiền bạc và của cải được che giấu để tránh cặp mắt của những kẻ định giá tài sản để thu thuế. Những sự ước lượng của người đương thời mâu thuẫn nhau. Arthur Young nhìn thấy những khu vực nghèo khó, tàn bạo và bẩn thỉu như ở Brittany và những khu vực thịnh vượng và kiêu hãnh như ở Béarn.¹⁹ Nhìn chung, sự nghèo khổ ở thôn quê nước Pháp vào năm 1789 không tệ như ở Ireland, không tệ hơn ở Đông Âu hoặc trong những khu ổ chuột tại nhiều thành phố “vệ tinh” thời chúng ta, nhưng tệ hơn ở Anh hoặc ở thung lũng luôn hào phóng của sông Po. Những nghiên cứu mới nhất cho thấy rằng: “Vào cuối thời kỳ của Chế độ cũ, đã có một cuộc khủng hoảng về ruộng đất.”²⁰ Khi hạn hán và nạn đói xảy ra, như trong các năm 1788-1789, những đau khổ của nông dân, đặc biệt là ở miền Nam nước Pháp, đã tới mức mà chỉ có những cửa cứu tế được chính phủ và giới tu sĩ phân phát mới giữ cho một nửa dân số khỏi chết đói.

Nông dân phải trả tiền cho nhà nước, Giáo hội và giới quý tộc. Thuế *taille*, hay thuế đất, hầu như hoàn toàn rơi xuống anh ta. Anh ta cung cấp hầu như toàn bộ nhân lực cho bộ binh của quân đội. Anh ta chịu đựng gánh nặng chủ yếu của chính sách độc quyền của chính phủ về muối. Sức lao động của anh ta duy trì đường sá, cầu cống và những con kênh đào. Lẽ ra anh ta đã đóng thuế thập phân vui vẻ hơn vì anh

ta là một con người “kính sợ Chúa” ngoan đạo và thuế thập phân được thu với lòng khoan dung và hiếm khi lấy đủ 10%;²¹ nhưng anh ta thấy phần lớn của thuế thập phân này ra đi khỏi giáo xứ để cấp dưỡng cho một ông giám mục xa xôi hay một giáo sĩ ăn không ngồi rồi ở triều đình, hoặc thậm chí một kẻ thế tục đã mua một phần của những khoản thuế thập phân trong tương lai. Thuế trực thu đè nặng lên người nông dân được Louis XVI giảm bớt; các loại thuế gián thu trong nhiều vùng đã gia tăng.²²

Có phải tình trạng nghèo khổ của nông dân là nguyên nhân của cuộc Cách mạng? Đây là một yếu tố đầy kịch tính trong một phức hợp của các nguyên nhân. Người nghèo thật sự thì quá yếu ớt để nổi dậy; họ có thể kêu đòi cứu tế nhưng không có cả phương tiện lẫn trí tuệ để tổ chức cuộc nổi loạn cho đến khi họ bị kích động bởi những người chủ nông trại sung túc hơn, bởi những người trong giới trung lưu và bởi những cuộc nổi dậy của quần chúng Paris. Tuy nhiên, trong trường hợp đó, khi những quyền lực của nhà nước đã bị sự phát triển trí thức của dân chúng làm suy giảm, khi quân đội bị tiêm nhiễm một cách nguy hiểm bởi những ý tưởng cấp tiến và những nhà cầm quyền địa phương không còn có thể nương tựa vào sự hậu thuẫn quân sự từ Versailles - trong trường hợp đó, những người nông dân trở thành một lực lượng cách mạng. Họ tập hợp lại, trao đổi nhau những lời than phiền và những lời thề nguyện, tự vũ trang, tấn công các lâu đài, đốt cháy nhà cửa của những lãnh chúa nào không chịu nhượng bộ và tiêu hủy những văn kiện của thái ấp vốn được trích dẫn để phê chuẩn những thứ thuế phong kiến. Chính hành động trực tiếp này, trong khi đe dọa tiêu hủy tài sản của các lãnh chúa trên cả nước, đã khiến cho các nhà quý tộc hoảng sợ phải từ bỏ các đặc quyền phong kiến của họ (4-8-1789) và như vậy, tạo nên sự kết thúc về mặt pháp lý đối với Chế độ cũ.

III. CÔNG NGHIỆP VÀ CUỘC CÁCH MẠNG

Đặc biệt ở đây, bức tranh tiền Cách mạng phức tạp và u ám. (1) Công nghiệp gia đình - của đàn ông, đàn bà và trẻ con trong nhà - phục vụ cho các thương gia cung cấp nguyên liệu và mua sản phẩm. (2) Các phường hội - thợ cả, thợ lành nghề, và thợ học việc - sản xuất những mặt hàng thủ công, chủ yếu cho nhu cầu địa phương. Các phường hội tồn tại cho đến thời Cách mạng, nhưng đến năm 1789, họ đã bị suy yếu một cách không gượng dậy nổi do sự phát triển của (3) hoạt động kinh doanh tự do tư bản chủ nghĩa - các công ty tự do huy động tư bản từ mọi nguồn, thuê bất cứ ai, phát minh và áp dụng các phương pháp mới trong sản xuất và phân phối, cạnh tranh với bất cứ ai và bán ra bất cứ nơi đâu. Các cơ sở này thường nhỏ nhưng chúng đang sinh sôi nảy nở. Do đó, chỉ riêng Marseilles vào năm 1789 đã có 38 nhà máy sản xuất xà phòng, 48 nhà máy sản xuất mũ, tám nhà máy thủy tinh, 12 nhà máy đường, 10 xưởng thuộc da.²³ Trong các ngành dệt, xây dựng, khai mỏ và luyện kim, chủ nghĩa tư bản bành trướng thành những doanh nghiệp quy mô lớn, thường dưới hình thức các công ty cổ phần - *sociétés anonymes*.

Nước Pháp chậm chạp trong việc chấp nhận những máy móc trong ngành dệt vốn đang mở đầu cuộc Cách mạng Công nghiệp ở Anh, nhưng những xưởng dệt lớn đang hoạt động ở Abbeville, Amiens, Reims, Paris, Louviers, Orléans và công nghiệp tơ lụa nở rộ ở Lyons. Các hãng xây dựng đang dựng lên những khối nhà chung cư đồ sộ hãy còn mang lại cho các thành phố Pháp một diện mạo đặc trưng. Công nghiệp đóng tàu sử dụng hàng nghìn công nhân ở Nantes, Bordeaux, Marseilles. Khai mỏ là ngành tân tiến nhất trong các công nghiệp ở Pháp. Nhà nước giữ mọi quyền đối với lòng đất, cho các chủ mỏ thuê các mỏ và áp dụng một bộ luật an toàn đối với các thợ mỏ.²⁴ Các công ty đã đào những căn hầm sâu đến 300 mét, lắp đặt những thiết bị đắt tiền để thông gió, thoát nước, vận chuyển và tạo nên những triệu phú.

Năm 1790, công ty Anzin có 4.000 công nhân, 600 con ngựa, và 12 máy hơi nước và khai thác 310.000 tấn than mỗi năm. Việc khai mỏ sắt và các kim loại khác cung cấp nguyên liệu cho một ngành luyện kim đang bành trướng. Năm 1787, công ty cổ phần Creusot huy động 10 triệu livre vốn để áp dụng các máy móc mới nhất trong việc sản xuất đồ sắt; các máy hơi nước làm hoạt động các ống bể, búa máy và khoan máy và các đường ray giúp cho 1 con ngựa có thể kéo đi những khối lượng trước đây cần đến 5 con.

Một số phát minh đáng kinh ngạc được người Pháp phát triển trong những năm này. Năm 1776, hầu tước de Jouffroy d'Abbans làm đám đông dọc theo con sông Doubs thích thú với một chiếc tàu bánh guồng (sidewheeler) chạy bằng hơi nước, 31 năm trước khi chiếc *Clermont* của Fulton chạy tới chạy lui bằng hơi nước trên sông Hudson. Thậm chí ngoạn mục hơn nữa là những bước đầu tiên chinh phục bầu không khí. Năm 1766, Henry Cavendish đã chứng tỏ rằng hydrogen có tỉ trọng thấp hơn không khí; Joseph Black kết luận rằng một chiếc bong bóng chứa đầy khí hydrogen sẽ bay lên. Joseph và Étienne Montgolfier làm việc trên nguyên lý không khí đánh mất tỉ trọng khi bị đun nóng. Ngày 5-6-1783, ở Annonay, gần Lyons, họ bơm đầy một quả bóng bằng không khí nóng; nó bay lên tới độ cao 488m và rơi xuống 10 phút sau đó khi khí nóng nguội đi. Một quả bóng chứa đầy khí hydrogen do Jacques-Alexandre Charles thiết kế đã bay lên bầu trời Paris ngày 27-8-1783, trước sự hoan hô của 300.000 khán giả; khi nó rơi xuống cách đây 24km, một đám đông dân làng đã xé nát nó ra từng mảnh vì cho rằng nó là một kẻ xâm lược thù địch từ trên trời.²⁵ Ngày 15 tháng Mười, Jean-François Pilatre de Rozier đã thực hiện chuyến bay đầu tiên của con người được ghi nhận, sử dụng một quả cầu Montgolfier với không khí nóng; chuyến bay lên kéo dài 4 phút. Ngày 7-1-1785, François Blanchard, một người Pháp và John Jeffries, một bác sĩ Mỹ, đã bay trong một khí cầu từ Anh sang Pháp. Dân chúng bắt đầu nói đến việc bay sang Mỹ.²⁶

Được nuôi dưỡng bằng công nghiệp và thương mại, các thành thị của Pháp thịnh vượng dưới triều đại sắp chết. Lyons râm ran với các cửa hiệu, nhà máy và hoạt động kinh doanh. Arthur Young lấy làm kinh ngạc trước vẻ huy hoàng của Bordeaux. Paris giờ đây là một doanh nghiệp hơn là một trung tâm chính trị; nó là trục giữa của một phức hợp kinh tế kiểm soát một nửa thủ đô và do đó, một nửa nền kinh tế của nước Pháp. Năm 1789, nó có một dân số khoảng 600.000 người.²⁷ Lúc đó nó chưa phải là một thành phố đặc biệt xinh đẹp; Voltaire mô tả phần lớn thành phố xứng đáng với các giống dân Gothⁱ và Vandal²⁸ⁱⁱ Khi viếng thăm thành phố năm 1774, Priestley thuật lại: “Tôi không thể nói là mình lấy làm kinh ngạc lắm với mọi thứ ngoại trừ vẻ rộng rãi và tráng lệ của các tòa nhà công cộng và để cân bằng với điều này, tôi đã vô cùng khó chịu trước vẻ chật hẹp, bẩn thỉu và hôi hám của hầu hết các đường phố.”²⁹ Young cũng kể lại tương tự:

Các đường phố thì chín phần mười bẩn thỉu và tất cả đều không có lề đường cho người đi bộ. Đi bộ, vốn ở London là điều rất thú vị và sạch sẽ đến nỗi các mệnh phụ làm hằng ngày thì ở đây lại là công việc vất vả và nỗi mệt nhọc cho một người đàn ông và là điều bất khả đối với một phụ nữ ăn mặc xinh đẹp. Có nhiều xe ngựa và tề hơn nữa, vô số xe độc mã, được điều khiển bởi các chàng trai thời thượng và những kẻ bắt chước họ... với tốc độ vun vút khiến cho đường phố vô cùng nguy hiểm... Nhiều lần chính tôi đã bị bùn vấy đen.³⁰

Tại các thành phố và thị trấn, một giới vô sản đang hình thành: đàn ông, đàn bà và trẻ em làm việc lãnh lương với

i Goth: một chi phái của một dân tộc ở Đức, xâm chiếm Đế quốc La Mã trong những năm đầu Công nguyên.

ii Vandal: một chi phái của một dân tộc ở Đức, tàn phá xứ Gaul, Tây Ban Nha và Bắc Phi vào các thế kỷ IV và V sau Công Nguyên và cướp phá La Mã năm 455.

những công cụ không thuộc về họ. Không có sổ thống kê về họ, nhưng người ta ước tính ở Paris vào năm 1789 có 75.000 gia đình với 300.000 nhân khẩu;³¹ và có những đám đông tương ứng ở Abbeville, Lyons và Marseilles. Giờ làm việc thì dài và lương thì thấp vì một phán quyết của Tối cao Pháp viện Paris (12-11-1778) cấm công nhân thành lập tổ chức. Giữa các năm 1741 và 1789, lương bổng tăng 22%, giá cả tăng 65%;³² tình trạng của công nhân dường như tệ hại hơn dưới triều Louis XVI.³³ Khi mức cầu chậm lại hoặc (như vào năm 1786) sự cạnh tranh của nước ngoài trở nên nghiêm trọng, công nhân bị cho nghỉ hàng loạt và trở thành gánh nặng cho tổ chức cứu tế. Việc tăng giá bánh mì - vốn là thức ăn của một nửa dân chúng Paris³⁴ - khiến cho hàng nghìn gia đình kề cận với nạn đói. Tại Lyons năm 1787 có 30.000 người nhận cứu tế công cộng; tại Reims năm 1788, sau một trận lụt, hai phần ba dân số lâm vào cảnh cơ cực; tại Paris năm 1791, 100.000 gia đình nằm trong danh sách các hộ nghèo khổ.³⁵ “Ở Paris” Mercier viết vào khoảng năm 1785: “dân chúng [bình dân] yếu đuối, xanh xao vàng vọt, nhỏ bé, còi cọc và có vẻ như thuộc về một giai cấp tách rời với những giai cấp khác trong nước.”³⁶

Thách thức những lệnh cấm đoán, người lao động thành lập các công đoàn và đình công. Năm 1774, các công nhân ngành tơ lụa ở Lyons bỏ việc; họ cho rằng chi phí sinh hoạt tăng nhanh hơn nhiều so với lương bổng và rằng những luật cung cầu không được điều chỉnh đang đẩy công nhân đến chỗ chỉ tồn tại. Giới chủ nhân, với những tử thức ăn đầy ắp, chờ đợi cái đói sẽ đưa những kẻ đình công đến chỗ phải chấm dứt hành động này. Tuyệt vọng, nhiều công nhân rời Lyons đến các thành phố khác, thậm chí đến Thụy Sĩ hoặc Ý; họ bị chặn lại ở biên giới và áp giải về nhà. Các công nhân nổi loạn, chiếm lấy các văn phòng của thành phố và thiết lập một chế độ độc tài vô sản ngăn ngừa cai trị công xã. Chính quyền kêu gọi quân đội đến; cuộc nổi dậy bị đàn áp; hai người lãnh đạo bị treo cổ; những người đình công quay trở lại nhà máy trong

tình trạng nản chí nhưng giờ đây căm thù chính phủ cũng như những người chủ của họ.³⁷

Năm 1786, họ lại đình công, phản đối rằng thậm chí mỗi ngày làm 18 giờ họ cũng không thể nuôi gia đình và than phiền rằng họ bị đối xử “còn vô nhân đạo hơn gia súc vì thậm chí gia súc còn được cho ăn đầy đủ để có sức khỏe và sức mạnh.”³⁸ Nhà cầm quyền thành phố đồng ý tăng một khoản lương nhưng cấm mọi cuộc tụ tập quá 4 người. Một tiểu đoàn pháo binh nhận nhiệm vụ thi hành lệnh cấm này; binh lính nổ súng vào những người đình công, giết chết nhiều người. Những người đình công quay lại làm việc. Việc tăng lương sau đó bị bãi bỏ.³⁹

Những cuộc bạo loạn chống lại giá cả sinh hoạt lác đác diễn ra trong nửa sau thế kỷ XVIII. Tại Normandy giữa các năm 1752 và 1768 có 6 vụ; năm 1768 những người nổi loạn chiếm quyền kiểm soát Rouen, cướp bóc những kho lương thực nhà nước, cướp phá các cửa hiệu. Những vụ nổi loạn tương tự xảy ra ở Reims năm 1770, Poitiers năm 1772, Dijon, Versailles, Paris, Pontoise năm 1775, Aix-en-Provence năm 1785, và lại ở Paris năm 1788 và năm 1789.⁴⁰

Sự nghèo khổ của giới vô sản hoặc dân chúng đô thị nói chung đã đóng vai trò gì trong việc tạo nên cuộc Cách mạng? Trên bề mặt, nó là một nguyên nhân gần; những vụ thiếu hụt bánh mì và những vụ nổi loạn phát sinh từ điều này ở Paris vào các năm 1788-1789 đã nâng cơn sốt của dân chúng lên tới mức họ sẵn lòng liều mạng trong việc thách thức quân đội và tấn công ngục Bastille. Nhưng cái đói và sự phẫn nộ có thể tạo nên động lực; chúng không tạo nên sự lãnh đạo. Có khả năng những vụ dấy loạn có thể được trấn an bằng cách hạ giá bánh mì nếu giới lãnh đạo từ tầng lớp cao hơn đã không ra lệnh cho những người nổi loạn chiếm lấy ngục Bastille và diễu hành đến Versailles. Các đám đông chưa có ý tưởng lật đổ chính phủ, truất phế Nhà Vua, thiết lập một nền cộng hòa. Giới vô sản đã nói một cách hy vọng về sự bình đẳng

tự nhiên nhưng không mơ đến việc chiếm hữu nhà nước. Nó đòi hỏi, trong khi giới tư sản chống lại, sự điều tiết nền kinh tế bởi nhà nước, ít nhất cũng quy định giá bánh mì; nhưng việc này là một sự trở về hệ thống cũ, không phải là một bước tiến hướng đến một nền kinh tế do giai cấp công nhân thống trị. Đúng là khi thời gian hành động đến, chính quần chúng bình dân Paris, bị thúc đẩy bởi cái đói và kích thích bởi các diễn giả và nhân viên mật vụ, đã chiếm lấy ngục Bastille và do đó, ngăn cản Nhà Vua sử dụng quân đội chống lại Quốc hội. Nhưng khi Quốc hội đó tái tạo nước Pháp, nó đã đi theo sự hướng dẫn và vì những mục đích của giới tư sản.

IV. GIỚI TƯ SẢN VÀ CUỘC CÁCH MẠNG

Đặc tính nổi bật của đời sống kinh tế nước Pháp trong thế kỷ XVIII là sự trỗi dậy của giai cấp kinh doanh. Nó đã bắt đầu phát triển dưới triều Louis XIV và Colbert; nó được lợi nhiều nhất từ những con đường và kênh đào tuyệt hảo vốn tạo dễ dàng cho việc thương mại; nó trở nên giàu có nhờ buôn bán với các thuộc địa; nó vươn lên vị trí nổi bật trong các chức vụ cai trị (cho đến 1781); nó kiểm soát nền tài chính của quốc gia.

Nhưng nó bị quấy rối tới mức nổi loạn vì những loại thuế về đường sá và kênh đào phải đóng cho các lãnh chúa và chính quyền và bởi những vụ khám xét hàng hóa mất thời gian tại các trạm thu thuế. Có từ 35 đến 40 loại thuế như vậy mà một chiếc thuyền chở hàng từ miền Nam nước Pháp đến Paris phải đóng.⁴¹ Các thương gia yêu cầu được tự do thương mại bên trong các biên giới nhưng không chắc là họ muốn như vậy giữa các quốc gia. Năm 1786, bị thúc đẩy bởi các lý thuyết trọng nông, chính phủ giảm bớt thuế quan đối với hàng dệt và đồ dùng bằng kim loại trong nhà từ nước Anh để đổi lấy việc nước Anh giảm thuế quan đối với các mặt hàng rượu vang, thủy tinh và các sản phẩm khác của Pháp. Một hệ quả là cú đánh vào công nghiệp dệt của Pháp vốn không thể

đương đầu với sự cạnh tranh của các xưởng dệt Anh được trang bị máy móc tối tân. Nạn thất nghiệp ở Lyons, Rouen và Amiens đạt tới mức bùng nổ.

Tuy nhiên, việc hạ thấp thuế quan đã xúc tiến nền ngoại thương và chất đầy những chiếc rương của giai cấp thương gia. Nền mậu dịch đó hầu như tăng gấp đôi giữa các năm 1763 và 1787, lên tới trên một triệu franc năm 1780.⁴² Các thành phố cảng của nước Pháp phình lên với các thương gia, nhà xuất nhập khẩu, thủy thủ, nhà kho, nhà máy tinh chế đường, nhà máy rượu. Trong các thành phố này, giai cấp thương gia là tối cao trước khi Cách mạng ủng hộ uy thế của nó trên cả nước rất lâu.

Cũng giống như ở Anh, một phần của sự giàu có trong việc mậu dịch đến từ việc bắt giữ hoặc mua các nô lệ châu Phi, vận chuyển họ sang Mỹ và bán họ ở đây để làm việc tại các đồn điền. Năm 1788, những tay buôn bán nô lệ Pháp đã chở 29.506 người da đen chỉ sang St.-Domingue (Haiti).⁴³ Các nhà đầu tư Pháp sở hữu phần lớn đất đai và các ngành công nghiệp ở đây cũng như ở Guadeloupe và Martinique. Tại St.-Domingue, 30.000 người da trắng sử dụng 480.000 nô lệ.⁴⁴ Một *Société des Amis des Noirs* (Hội Những người bạn của người da đen) được thành lập tại Paris năm 1788 do Condorcet làm chủ tịch và gồm cả Lafayette và Mirabeau *fils* (con), có mục đích giải phóng nô lệ, nhưng các nhà xuất nhập khẩu và các chủ đồn điền áp đảo phong trào bằng những sự chống đối. Năm 1789, Phòng Thương mại Bordeaux tuyên bố: “Nước Pháp cần các thuộc địa để duy trì thương mại và do đó, cần nô lệ để làm cho nông nghiệp sinh lợi trong khu vực này của thế giới, ít nhất cho đến khi tìm được phương cách nào khác.”⁴⁵

Các hoạt động kinh doanh trong công nghiệp, thuộc địa và những lĩnh vực khác cần có tư bản và làm phát sinh ra một dòng giống các ông chủ ngân hàng ngày càng lan rộng. Các công ty cổ phần chào bán các cổ phần, chính phủ vận động

các khoản vay, hoạt động đầu cơ phát triển trong việc mua và bán các chứng khoán. Các nhà đầu cơ thuê ký giả gieo rắc những tin đồn với mục đích nâng hoặc hạ giá của các cổ phần.⁴⁶ Thành viên của các bộ tham gia vào việc đầu cơ và do đó, bị lệ thuộc vào áp lực hoặc ảnh hưởng của các chủ nhà băng. Mỗi cuộc chiến tranh đều làm cho nhà nước lệ thuộc nhiều hơn vào các nhà tài chính và khiến các nhà tài chính cực kỳ liên quan đến chính sách và khả năng thanh toán của nhà nước. Một số chủ ngân hàng có được sự tín nhiệm cá nhân còn cao hơn tín nhiệm đối với chính phủ; do đó họ có thể vay với lãi suất thấp rồi cho chính phủ vay với lãi suất cao hơn và gia tăng sự giàu có của họ chỉ bằng hoạt động kế toán - miễn là họ phán đoán đúng đắn và nhà nước trả các khoản nợ đã vay.

Các quan thầu thuế (các nhà tài chính mua quyền thu các loại thuế gián thu bằng cách ứng trước tiền cho nhà nước) đặc biệt giàu và đặc biệt bị căm ghét vì các loại thuế gián thu, như thuế bán hàng nói chung, nặng nề nhất đối với những người phải tiêu phần lớn thu nhập cho các thứ cần thiết của cuộc sống hằng ngày. Một số *fermier général* (quan thầu thuế), như Helvétius và Lavoisier, là những người tương đối liêm chính và có tinh thần công cộng, đóng góp dồi dào cho việc cứu tế, văn học và nghệ thuật.⁴⁷ Chính phủ nhận ra những điều tệ hại của hệ thống cho thầu thuế và giảm bớt số lượng các quan thầu thuế từ 60 xuống còn 40 vào năm 1780 nhưng lòng hận thù của công chúng vẫn tiếp tục. Việc cho thầu thuế bị Cách mạng bãi bỏ và Lavoisier là một trong những người bị rơi đầu trong quá trình này.

Do hệ thống thuế đóng một vai trò chủ đạo trong số các nguyên nhân dẫn đến Cách mạng, chúng ta một lần nữa phải nhớ những loại thuế khác nhau mà người Pháp phải đóng. (1) *Taille* là một loại thuế đánh vào đất đai và tài sản cá nhân. Các nhà quý tộc được miễn đóng vì họ phục vụ trong quân đội; giới tu sĩ khỏi đóng vì họ duy trì trật tự xã hội và

cầu nguyện cho nhà nước; các thẩm phán, các nhà quản trị đứng đầu và các viên chức trường đại học cũng được miễn; hầu hết thuế thân rơi xuống những địa chủ thuộc Đẳng cấp Thứ ba - do đó chủ yếu là rơi xuống đầu nông dân; (2) Thuế thân (*Capitation*) là thuế đánh lên mỗi đầu người trong một hộ gia đình; ở đây chỉ có tu sĩ được miễn; (3). Thuế nhị thập phân (*Vingtième*) là một loại thuế đánh lên mọi tài sản, bất động sản hoặc tài sản cá nhân; nhưng các nhà quý tộc trốn phần lớn thuế này và thuế thân bằng cách dùng ảnh hưởng cá nhân hay thuê luật sư tìm những lỗ hổng trong pháp luật; và các tu sĩ tránh thuế nhị thập phân bằng cách tự nguyện đóng góp cho chính phủ theo định kỳ; (4) Mọi thành phố đều phải trả một loại thuế (*octroi*) cho chính phủ và chuyển qua cho các công dân của mình; (5) Các thứ thuế gián thu được thu qua (a) lệ phí cầu đường; (b) thuế nhập và xuất khẩu; (c) thuế hàng hóa (*aides*) đánh lên rượu vang, rượu mạnh, xà phòng, da, sắt, bộ bài để chơi, v.v... ; và (d) những độc quyền của chính phủ đối với việc bán muối và thuốc lá. Mỗi người được yêu cầu hằng năm phải mua một lượng muối tối thiểu quy định sẵn của chính phủ với giá do chính phủ quy định, luôn cao hơn giá thị trường. Loại thuế muối (*gabelle*) này là một trong những nỗi khổ của người nông dân. (6) Nông dân phải đóng một loại thuế để tránh làm lao dịch (*corvée*). Tính tổng cộng một người thuộc Đẳng cấp Thứ ba phải đóng từ 42 đến 53% thu nhập của mình cho các loại thuế.⁴⁸

Nếu gộp chung các thương gia, nhà sản xuất, nhà tài chính, nhà phát minh, kỹ sư, khoa học gia, các thư lại cấp dưới, người bán hàng, người buôn bán, người bán được phẩm, nghệ sĩ, người bán sách, giáo viên, văn sĩ, y sĩ, luật sư không phải quý tộc và các quan tòa như là những người cấu thành tầng lớp tư sản, chúng ta có thể hiểu vào năm 1789, nó đã trở thành bộ phận giàu có nhất và mạnh mẽ nhất của quốc gia như thế nào. Nó có thể sở hữu cũng nhiều đất đai ở thôn quê như tầng lớp quý tộc⁴⁹ và nó có thể có được tước hiệu

quý tộc chỉ bằng việc mua một thái ấp của quý tộc hoặc một chức vụ làm một trong nhiều “thư ký” của Nhà Vua.ⁱ Trong khi giới quý tộc đã đánh mất những người trong cùng đẳng cấp và tài sản giàu có qua việc ăn không ngồi rồi, tiêu xài phung phí và suy tàn về mặt sinh học và giới tu sĩ đánh mất nguyên có qua sự trỗi dậy của khoa học, triết học và một bộ luật và một lối sống hưởng lạc ở thành phố, các giai cấp trung lưu trở nên giàu có và hùng mạnh qua sự phát triển của công nghiệp, công nghệ, thương mại và tài chính. Họ chất đầy các *boutique* hay cửa hàng bằng sản phẩm do mình làm ra hoặc nhập khẩu, về lộng lẫy của chúng đã làm kinh ngạc những người khách nước ngoài viếng thăm Paris, Lyons, Reims, hay Bordeaux.⁵⁰ Trong khi những cuộc chiến tranh làm cho chính phủ phá sản, chúng lại làm giàu cho giới tư sản, những người cung cấp việc vận chuyển và vật liệu. Sự thịnh vượng ngày càng phát triển hầu như bị giới hạn vào các thành phố; nó lẩn tránh giới nông dân và giới vô sản và hiện ra rõ ràng nhất nơi các thương gia và các nhà tài chính. Năm 1789, 40 thương gia Pháp có một tài sản gộp lại lên tới 60 triệu livre;⁵¹ và một ông chủ nhà băng, Paris-Montmartel, đã tích lũy được 100 triệu.⁵²

Nguyên nhân chủ yếu của cuộc Cách mạng là sự không tương ứng giữa hiện thực kinh tế và những hình thức chính trị - giữa tầm quan trọng của giới tư sản trong sản xuất và sở hữu những tài sản lớn và việc nó bị loại ra khỏi quyền lực của chính phủ. Giai cấp cao - trung lưu ý thức được những khả năng của nó và nhạy cảm với những hành động coi khinh. Lòng tự ái của nó bị xúc phạm bởi sự phân biệt về mặt xã hội và sự xấc xược của giới quý tộc - như khi Bà Roland sáng chói được mời đến dự bữa tối tại một gia đình quý tộc thấy mình được phục vụ trong khu nhà ăn dành cho người hầu.⁵³ Nó thấy giới quý tộc đục khoét kho bạc của nhà nước

i như trường hợp của Beaumarchais, nhân vật được nêu ở Chương III.

cho những cuộc chi tiêu phung phí và những buổi tiệc thừa mứa trong khi từ chối các chức vụ quân sự hoặc chính trị hoặc thăng cấp cho chính những người mà hoạt động kinh doanh đầy sáng tạo đã mở rộng nền kinh tế mang lại nhiều tiền thuế của nước Pháp và những khoản tiết kiệm của họ giờ đây đang chống đỡ cho ngân khố. Nó thấy giới tu sĩ chiếm tới một phần ba thu nhập của quốc gia trong khi duy trì một hệ thống thần học mà hầu hết người Pháp có học thức đều xem như cổ hủ và ấu trĩ.

Các giai cấp trung lưu không muốn lật đổ chế độ quân chủ mà mong kiểm soát nó. Họ còn ở xa việc ham muốn chế độ dân chủ nhưng muốn có một chính phủ hiến định mà trong đó, tài trí của mọi giai cấp có thể được mang ra để tham gia vào việc lập pháp, cai trị và chính sách. Họ đòi hỏi nhà nước hoặc các quy định của phường hội công nghiệp hoặc thương mại cho họ được tự do nhưng họ không chống đối những khoản trợ cấp của nhà nước hoặc phản đối sự ủng hộ của nông dân và quần chúng thành thị trong việc đạt được những mục đích của giai cấp trung lưu. Đặc tính cơ bản của cuộc Cách mạng Pháp là sự lật đổ giới quý tộc và tu sĩ bởi một giới tư sản sử dụng những điều bất mãn của nông dân để tiêu diệt chế độ phong kiến và những điều bất mãn của quần chúng nhân dân ở thành thị để vô hiệu hóa những đạo quân của Nhà Vua. Khi, sau hai năm cách mạng, Quốc hội Lập hiến trở thành tối thượng, nó bãi bỏ chế độ phong kiến, tịch thu tài sản của giáo hội và hợp pháp hóa tổ chức của các thương gia nhưng cấm mọi tổ chức hay những vụ tụ tập của công nhân (14-6-1791).⁵⁴

Đặc biệt và ngay trước mắt, các nhà tài chính lo lắng với khả năng cái chính phủ mà họ đã cho vay quá nhiều tiền có thể tuyên bố phá sản - như nó đã từng làm, hoàn toàn hoặc một phần, 56 lần kể từ Henry IV.⁵⁵ Những người giữ trái phiếu chính phủ mất niềm tin vào Louis XVI; những nhà thầu làm cho các doanh nghiệp nhà nước không chắc chắn sẽ được trả tiền, hoặc nếu có trả thì giá trị của nó sẽ thế nào.

Các doanh nhân nói chung cảm thấy phương cách duy nhất để tránh khỏi tình trạng phá sản là (và điều này đã được chứng minh) đánh thuế hoàn toàn mọi giai cấp, đặc biệt đối với khối của cải mà Giáo hội tích lũy. Khi Louis XVI do dự không muốn nới rộng thuế thân ra đến những giai cấp được hưởng đặc quyền để không bị mất sự ủng hộ của họ đối với ngai vàng đang lung lay của ông, những người giữ trái phiếu, hầu như vô ý thức và mặc dù những nguyên tắc nói chung là bảo thủ của họ, trở thành một lực lượng cách mạng. Cuộc Cách mạng xảy ra không phải do ở sự nghèo khó kiên nhẫn của những người nông dân mà là vì tài sản bị lâm nguy của giai cấp trung lưu.

V. SỰ TẬP HỢP LỰC LƯỢNG

Tất cả những lực lượng cách mạng này chịu ảnh hưởng của các ý tưởng và sử dụng chúng để che đậy và hâm nóng những ham muốn. Ngoài việc tuyên truyền của các triết gia và các nhà trọng nông còn có những người cộng sản rải rác vẫn tiếp tục và bành trướng cái chủ nghĩa xã hội được trình bày chi tiết trong thế hệ trước bởi Morelly, Mably và Linguet.⁵⁶ Brissot de Warville, trong cuốn *Recherches philosophiques sur le droit de propriété* (Nghiên cứu triết học về quyền sở hữu, 1780), đã báo trước lời của Pierre Proudhon “*La propriété, c’est le vol*” (Quyền sở hữu, đó là thứ ăn cắp) khi biện luận rằng quyền tư hữu là hành vi ăn cắp của công. Không có “quyền thiêng liêng nào... để ăn thức ăn của 20 người khi phần của một người còn không đủ.” Các luật lệ là “âm mưu của kẻ mạnh chống lại kẻ yếu, của người giàu chống lại người nghèo.”⁵⁷ Về sau, Brissot xin lỗi về những cuốn sách trước đây của mình như là những cơn sôi sục của cậu học trò; ông trở thành một lãnh đạo của những người Girondins và bị đưa lên máy chém vì thái độ ôn hòa (1793).

Năm 1789, ngay trước vụ chiếm ngục Bastille, François Boissel công bố cuốn *Catéchisme du genre humain* (Sách giáo lý của nhân loại) với nội dung đi xa đến tận chủ nghĩa cộng sản. Mọi điều xấu xa là do cái “giai cấp vụ lợi, giết người, và chống xã hội vốn đã cai trị, làm đê hèn và hủy diệt con người cho đến giờ.”⁵⁸ Kẻ mạnh đã nô lệ hóa kẻ yếu và đã thiết lập những luật lệ để cai trị họ. Quyền tư hữu, hôn nhân và tôn giáo đã được phát minh để hợp pháp hóa sự chiếm đoạt, bạo lực và lừa dối với kết quả là một thiểu số nhỏ sở hữu đất đai trong khi đa số sống trong cảnh cơ hàn. Hôn nhân là quyền tư hữu đối với phụ nữ. Không ai được có quyền có nhiều hơn cái mình cần; mọi thứ ngoài điều này phải được phân phối cho từng người tùy theo nhu cầu cá nhân. Hãy để cho những kẻ lười biếng giàu sang đi làm việc hoặc ngừng ăn. Hãy biến các tu viện thành trường học.⁵⁹

Người thú vị và có nhiều ảnh hưởng nhất trong số các nhà cấp tiến này là François-Émile Babeuf. Sau khi phục vụ cho các nhà quý tộc và các tu sĩ trong mục đích khẳng định các quyền phong kiến của họ chống lại nông dân,⁶⁰ ông gửi cho Hàn lâm viện Arras (21-3-1787) một đề nghị rằng cơ quan này nên trao tặng giải thưởng cho luận văn nào hay nhất về đề tài “Với toàn bộ kiến thức giờ đây thu lượm được, tình trạng của một dân tộc mà những bản năng xã hội khiến cho họ có thể được hoàn toàn bình đẳng với nhau; ... nơi mọi thứ sẽ là của chung, sẽ như thế nào?”⁶¹ Hàn lâm viện không trả lời; do đó Gracchus Babeuf (như về sau này ông tự gọi mình), trong một bức thư đề ngày 8-7-1787, giải thích rằng về bản chất mọi người đều bình đẳng và trong trạng thái thiên nhiên mọi vật là của chung; mọi lịch sử về sau đều là suy đồi và lừa dối. Trong thời Cách mạng, ông tự tập được một số người ủng hộ đông đảo và sắp sửa cầm đầu một cuộc nổi dậy chống lại Chấp chính ban thì bị bắt bởi các mật vụ của Ban và bị xử tử hình (1797).



G. BABEUF

Agé de 34 ans .

Hình 47. *François-Émile Babeuf* năm 34 tuổi
(tranh khắc của François Bonneville, 1794)

Những ý tưởng như vậy chỉ đóng một vai trò khiêm tốn trong việc làm phát sinh Cách mạng. Hiếm có một dấu vết nào của tình cảm xã hội chủ nghĩa trong những cuốn *cahier* (sổ điều trần) đến với Đại hội Quốc dân Đại biểu từ mọi khu vực của nước Pháp vào năm 1789; không có cuốn sổ nào trong đó chứa đựng những lời công kích đối với quyền tư hữu hay chế độ quân chủ. Giai cấp trung lưu đang kiểm soát tình thế.

Liệu các hội viên hội Tam điểm có là một yếu tố trong cuộc Cách mạng? Chúng ta đã ghi nhận sự trỗi dậy của hội kín này ở Anh (1717) và sự xuất hiện đầu tiên của nó ở Pháp (1734). Nó lan tỏa nhanh chóng khắp phần đất Châu Âu theo đạo Tin Lành; Frederick II ủng hộ nó ở Đức, Gustavus III ở Thụy Điển. Giáo hoàng Clement XII (1738) cấm các nhà cầm quyền thế tục hay giáo hội tham gia hoặc giúp đỡ các hội viên Tam Điểm, nhưng Tối cao Pháp viện Paris từ chối đăng ký giáo lệnh này nên nó mất đi tác dụng pháp lý ở Pháp. Năm 1789 có 629 hội quán Tam Điểm ở Paris; thường mỗi nơi có từ 50 đến 100 hội viên.⁶² Trong số họ có nhiều nhà quý tộc, vài linh mục, những người em trai của Louis XVI, và đa số các lãnh tụ của Thời Khai minh.⁶³ Năm 1760, Helvétius thành lập *Loge des Sciences* (Hội quán Khoa học); năm 1770, nhà thiên văn Lalande mở rộng thành *Loge des Neuf Soeurs* (Hội quán Chín chị em, tức các Nàng Thơ). Tụ tập về đây có Berthollet, Franklin, Condorcet, Chamfort, Greuze, Houdon và về sau có Sieyès, Brissot, Desmoulins, Danton.⁶⁴ Về lý thuyết, các hội viên Tam điểm không kết nạp “kẻ phóng đảng trái đạo lý” và “kẻ vô thần ngu ngốc;”⁶⁵ mỗi hội viên phải tuyên xưng niềm tin vào “Vị Kiến trúc sư Vĩ đại của Hoàn vũ.” Người ta không đòi hỏi thêm tín điều tôn giáo nào nên nói chung, các hội viên Tam Điểm giới hạn thần học của mình trong thuyết hữu thần. Có vẻ như họ đã ảnh hưởng lên phong trào trực xuất các giáo sĩ dòng Tên ra khỏi Pháp.⁶⁶ Họ thừa nhận mục đích là xây dựng một hội huynh đệ quốc tế bí mật ràng buộc trong tình huynh đệ qua những cuộc hội họp và trình tự hành lễ và cam kết trợ giúp lẫn nhau, khoan dung tôn giáo và cải cách chính trị. Dưới triều Louis XVI, họ tích cực tham gia vào chính trị, nhiều người trong số các hội viên quý tộc của họ - Lafayette, Mirabeau *père et fils* (cha và con), Tử tước de Noailles, Công tước de La Rochefoucauld-Liancourt và Công tước d'Orléans - trở thành những nhà lãnh đạo có khuynh hướng tự do trong Quốc hội.⁶⁷

Cuối cùng đến những câu lạc bộ chính trị công khai. Đầu tiên được tổ chức theo mô hình ở Anh - để ăn uống, đàm đạo và đọc sách báo - đến năm 1784, chúng trở thành những trung tâm phiến động bán cách mạng. “Tại đó” một người đương thời nói: “họ nói về nhân quyền, những cái lợi của tự do, những sự lạm dụng hết sức của việc bất bình đẳng về hoàn cảnh một cách âm ỉ và không kiềm chế.”⁶⁸ Sau những buổi họp của Hội nghị Quốc dân Đại biểu, các đại biểu vùng Brittany [tiếng Pháp là Bretagne] thành lập Câu lạc bộ Brittany; không lâu sau nó mở rộng sang những người không phải là dân Brittany như Mirabeau *fils*, Sieyès và Robespierre. Tháng Mười năm 1789, câu lạc bộ này chuyển tổng hành dinh đến Paris và trở thành *Société des Jacobins* (Hội quán những người Jacobin).

Do đó, cũng như với phần lớn những sự kiện then chốt trong lịch sử, cả trăm lực lượng khác nhau đã đồng quy lại để tạo nên cuộc Cách mạng Pháp. Quan trọng nhất là sự phát triển của các giai cấp trung lưu về số lượng, giáo dục, tham vọng, tài sản và quyền lực kinh tế; họ đòi hỏi một địa vị chính trị và xã hội tương xứng với đóng góp của họ vào đời sống của dân tộc và tài chính của nhà nước; và sự lo ngại của họ sao cho ngân khố không biến các trái phiếu của chính phủ trở thành vô giá trị bằng cách tuyên bố phá sản. Bổ sung vào nhân tố này và được nó sử dụng như những sự trợ giúp và những mối đe dọa là cảnh nghèo khó của hàng triệu nông dân đang kêu đòi giảm bớt các loại sưu thuế; sự thịnh vượng của nhiều triệu nông dân đủ mạnh mẽ để thách thức các lãnh chúa, các viên chức thu thuế, các giám mục và các trung đoàn; và sự bất mãn của các đám đông thành thị đang chịu đựng cảnh cung cấp bánh mì bị thao túng và tình trạng đồng lương tụt lại phía sau giá cả trong vòng xoáy lạm phát lịch sử.

Cộng vào đây là một mê cung của các nhân tố góp phần vào: sự tiêu xài phung phí, tốn kém của triều đình, sự kém cỏi và thối nát của chính quyền; sự suy yếu của chế độ

quân chủ do cuộc đấu tranh lâu dài của nó với các *parlement* (tối cao pháp viện) và giới quý tộc; sự thiếu vắng những thiết chế chính trị qua đó những mối bất bình có thể được thể hiện một cách xây dựng và hợp pháp; những tiêu chuẩn cai trị đang lên được mong đợi bởi toàn thể công dân, những người mà trí tuệ đã được mài sắc hơn bất cứ dân tộc nào khác đương thời bởi các trường học, sách vở và các khách thính, bởi khoa học, triết học và thời Khai minh. Cộng thêm vào đó là sự sụp đổ của chính sách kiểm duyệt báo chí dưới triều Louis XVI; sự phổ biến các ý tưởng cải cách hoặc cách mạng bởi Voltaire, Rousseau, Diderot, d'Alembert, d'Holbach, Helvétius, Morellet, Morelly, Mably, Linguet, Mirabeau *père*, Turgot, Condorcet, Beaumarchais, Mirabeau *fils*, cùng hàng nghìn nhà văn khác mà số lượng, sự sáng chói và sức mạnh chưa từng sánh kịp và sự tuyên truyền của họ đã thấm sâu vào từng giai cấp ngoại trừ nông dân, vào những trại lính của quân đội, những căn phòng của các tu viện, những lâu đài của giai cấp quý tộc, những tiền sảnh của Nhà Vua. Cộng thêm vào đó là sự suy tàn thâm hiểm của đức tin trong sự tin tưởng của một giáo hội từng ủng hộ nguyên trạng và quyền hành thần thánh của các vị vua, từng thuyết giảng về các đức tính vâng lời và nhẫn nhục và tích góp một kho tài sản đáng thèm muốn trong khi chính phủ không thể tìm ra phương cách nào để tài trợ cho những công việc ngày càng bành trướng. Cộng thêm vào đấy sự truyền bá niềm tin vào một “quy luật tự nhiên” vốn đòi hỏi một nền công lý nhân đạo cho mọi con người có lý trí bất kể dòng dõi, màu da, tín ngưỡng, hay giai cấp và trong một “trạng thái tự nhiên” hào phóng trong đó mọi con người đã có thời bình đẳng, tốt lành và tự do, từ đấy đã sa ngã vì sự phát triển của quyền tư hữu, chiến tranh, và luật pháp thiên vị theo giai cấp. Cộng thêm vào đó, sự trỗi dậy và phát triển đông đúc của các luật sư và diễn giả sẵn sàng bảo vệ hay tấn công vào nguyên trạng và khơi dậy và tổ chức tình cảm của công chúng; sự dồi dào và

cuồng nhiệt của những người viết những tập sách nhỏ; hoạt động bí mật của các câu lạc bộ chính trị; tham vọng của Công tước d'Orléons muốn thay thế người anh họ của mình trên ngai vàng của nước Pháp.

Hãy mang tất cả những nhân tố này lại với nhau trong một triều đại của một Vị Vua tốt bụng và nhân từ, yếu đuối và do dự bị bối rối trước mê cung của những cuộc xung đột chung quanh ông và những động cơ mâu thuẫn bên trong người ông; hãy để cho chúng hoạt động trên một dân tộc có ý thức sâu sắc về những mối bất bình của mình, sôi nổi hơn, dễ kích động hơn và giàu óc tưởng tượng hơn bất cứ dân tộc nào được biết đến trong lịch sử; và tất cả những gì cần thiết để đoàn kết và kích động những lực lượng này trong một vụ nổ tàn phá sẽ là một sự kiện tác động đến đông đảo quần chúng và đi vào những bản năng mạnh mẽ nhất của con người sâu xa hơn là ta nghĩ. Có thể đó là chức năng của cơn hạn hán và trận đói năm 1788 và mùa đông ác nghiệt 1788-89. “Chỉ riêng nạn đói cũng sẽ gây nên cuộc đại cách mạng này” Hầu tước de Girardin đã tiên đoán vào năm 1781.⁶⁹ Nạn đói đến với thôn quê, đến với các thị trấn, đến với Paris; nó đủ gay gắt trong các đám đông để vượt qua truyền thống, lòng tôn kính và tâm lý sợ hãi và cung cấp một công cụ cho những mục đích và những bộ óc của những người được ăn uống thoải mái. Những con dê của luật pháp và phong tục và lòng mộ đạo vỡ tung và Cách mạng bắt đầu.

CHƯƠNG V

SỰ SỤP ĐỔ VỀ CHÍNH TRỊ

1783-1789

I. CHIẾC VÒNG KIM CƯƠNG: 1785

Tháng Sáu năm 1783, sau cuộc chiến đấu hào hiệp cho nước Mỹ, và đã được trọng vọng ở Yorktown, Axel von Fersen trở về Pháp và thấy Marie Antoinette vẫn quyến rũ như khi ông từ giả bà ba năm về trước. Ngay cả năm 1787, khi bà 32 tuổi, Arthur Young vẫn nghĩ bà là “người phụ nữ xinh đẹp nhất” mà ông đã thấy ở triều đình vào thời đó.¹ Bà sẵn lòng ủng hộ đề nghị của Gustavus III rằng Louis XVI nên bổ nhiệm viên đại tá đẹp trai Fersen của Trung đoàn Hoàng gia Thụy Điển vào trong quân đội Pháp - điều sẽ cho phép ông ta trải qua nhiều thời gian ở Versailles. Axel thú nhận với em gái Sophie của mình rằng ông ta yêu Hoàng hậu và tin rằng tình yêu của ông được đáp lại. Hẳn nhiên là bà cảm thấy một cảm tình nồng nhiệt đối với ông và 8 năm sau, sau nỗ lực dũng cảm của ông để đưa bà và Nhà Vua ra khỏi nước Pháp, họ trao đổi nhau những bức thư âu yếm; nhưng việc bà mời Sophie đến và sống gần ông gợi ý cho thấy một quyết định giữ cho tình cảm của bà đối với ông nằm trong những giới hạn thích đáng.² Khó có ai trong triều ngoại trừ chồng bà tin bà vô tội. Một ca khúc được ưa chuộng trong dân chúng khẳng định tội lỗi của bà:

Veux-tu connaître

Un cocu, un bâtard, une catin?

*Voyez le Roi, la Reine,
Et Monsieur le Dauphin.*³

Bạn có muốn biết

Một anh chồng bị cầm sừng, một đứa con hoang, một ả
giang hồ?

Hãy nhìn Nhà Vua, Hoàng hậu và Ngài Hoàng Thái tử

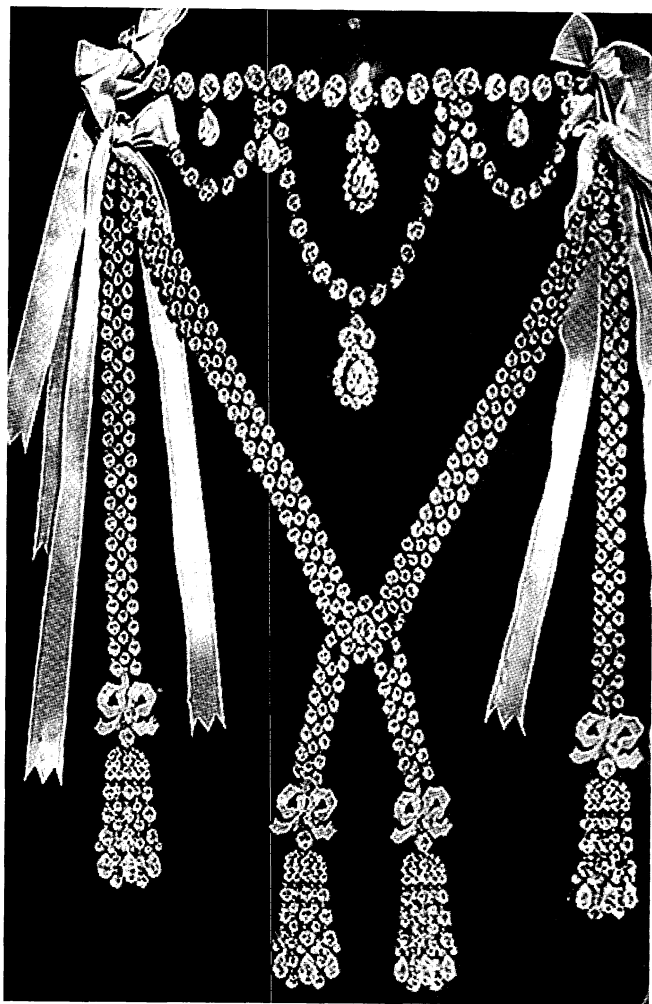
Louis-Philippe de Ségur tóm tắt vấn đề: “Bà ấy đã đánh mất danh tiếng nhưng vẫn giữ được đức hạnh của mình.”⁴

Ngày 25 tháng Ba năm 1785, Marie Antoinette sinh đứa con trai thứ hai, được đặt tên là Louis-Charles. Nhà Vua rất vui mừng tới mức ban cho bà Lâu đài St.-Cloud mà ông đã mua của Công tước d’Orléans với giá 6 triệu livre. Triều đình lên án sự phung phí của tấm lòng cảm kích của ông và Paris đặt cho Hoàng hậu tên hiệu là “Bà Thâm hụt.”⁵ Bà sử dụng quyền hành của mình đối với chồng để gây ảnh hưởng lên việc ông bổ nhiệm các bộ trưởng, đại sứ và các chức sắc khác. Bà cố gắng thay đổi việc ông chán ghét liên minh với nước Áo nhưng thất bại và những cố gắng của bà càng làm cho bà thất nhân tâm.

Chỉ khi dựa vào bối cảnh mối thù địch công khai đối với “Con mụ Áo” này chúng ta mới có thể hiểu được lòng tin vào câu chuyện chiếc vòng cổ kim cương. Chiếc *collier* (vòng cổ) này tự nó đã khó tin: một chuỗi gồm 647 viên kim cương được cho là cân nặng 2.800 carat.⁶ⁱ Hai người thợ kim hoàn của triều đình, Charles Böhmer và Paul Bassenge, đã mua những viên kim cương từ một nửa thế giới để làm chiếc vòng cổ cho Bà du Barry, tin chắc rằng Louis XV sẽ mua cho bà. Nhưng Louis XV mất và giờ đây ai sẽ mua một món trang sức đắt tiền như vậy? Những người thợ kim hoàn chào nó

i theo định giá năm 1965, mỗi carat trị giá 1.100 đô-la Mỹ, chiếc vòng kim cương sẽ có giá 3.360.000 đô-la Mỹ (Durant).

cho Marie Antoinette với giá 1.600.000 livre; bà từ chối vì quá đắt.⁷ Hồng y giáo chủ Hoàng thân Louis-René-Édouard de Rohan vào cuộc.



Hình 48. Bản sao chiếc vòng kim cương, *Le Collier de la Reine*
(được trưng bày tại Lâu đài Breteuil)

Ông là một sản phẩm chín muồi của một trong những dòng họ cổ xưa và giàu có nhất nước Pháp; người ta nói ông có thu nhập 1.200.000 livre mỗi năm. Được tấn phong linh mục năm 1760, ông được bổ nhiệm làm trợ lý cho chú của mình, Tổng giám mục Strasbourg; trong trách vụ này, ông chính thức chào đón Marie Antoinette khi lần đầu tiên bà đến đất Pháp (1770). Nhận thấy Strasbourg là miền đất quá nhỏ cho các tham vọng của mình, Rohan sống phần lớn thời gian ở Paris; tại đây, ông gia nhập vào phe thù địch với nước Áo và Hoàng hậu. Năm 1771, Louis cử ông đến Vienna trong tư cách phái viên đặc biệt để khám phá những thủ đoạn của Áo trong việc chia cắt Ba Lan. Maria Theresa lấy làm bực bội vì những bữa tiệc hào phóng mà ông chiêu đãi và bởi việc ông gieo rắc những chuyện ngòi lê đôi mách tai tiếng về vị Hoàng thái tử mới. Louis XVI triệu ông về Paris nhưng những người bà con có thể lực đã thuyết phục Nhà Vua bổ nhiệm ông giữ chức *grand almoner* - người đứng đầu cơ quan từ thiện hoàng gia (1777). Một năm sau, vị linh mục vui vẻ và đẹp trai được nâng lên chức hồng y giáo chủ và năm 1779 trở thành Tổng giám mục Strasbourg. Tại đây, ông gặp Cagliostro và bị quyến rũ tin theo những pháp thuật của tên bịp. Được thăng tiến quá cao vào lúc quá sớm, dường như đối với Rohan rằng ông có thể mong mỗi chức tể tướng của Louis XVI nếu như ông có thể chuộc lại những năm tháng chống đối Hoàng hậu.

Giữa những niềm vui của ông ở Paris là Bà de La Motte-Valois quyến rũ và đầy mưu trí. Jeanne de St.-Rémy de Valois tự cho mình là hậu duệ của Henry II của Pháp và một cô nhân tình của ông. Gia đình nàng mất hết của cải và nàng phải đi xin ngoài đường phố. Năm 1775, chính phủ xác nhận dòng dõi vua chúa của nàng và ban cho nàng một khoản trợ cấp 800 franc. Năm 1780, nàng lấy Antoine de La Motte, một sĩ quan quân đội có xu hướng âm mưu. Ông ta đối gạt nàng về thu nhập của mình; cuộc hôn nhân của họ, như nàng nói, là một sự kết hợp giữa hạn hán và nạn đói.⁸ Ông ta chiếm đoạt tước

vị bá tước và do đó, biến Jeanne thành Nữ Bá tước de La Motte. Với tước hiệu này, nàng lượn lờ quanh Paris và Versailles tạo nên những cuộc chinh phục mà qua đó, nàng gọi mình là “bầu không khí của sức khỏe và tuổi trẻ (mà đàn ông gọi là vẻ lộng lẫy) và một phong cách riêng cực kỳ sôi nổi.”⁹ Sau khi trở thành người tình của vị Hồng y (1784),¹⁰ nàng làm ra vẻ thân mật với giới cao cấp ở triều đình và đề nghị sẽ thuyết phục Hoàng hậu tán thành những mục đích của ông. Nàng thuê Retaux de Villette bắt chước nét chữ viết tay của Hoàng hậu và mang lại cho vị Hồng y những lá thư thân thiện của Marie Antoinette; cuối cùng nàng hứa sẽ dàn xếp một cuộc gặp mặt. Nàng tập cho một ả giang hồ, “Nữ Nam tước” d’Oliva, đóng vai Hoàng hậu. Trong “Lùm cây Venus” tại Versailles, trong bóng đêm, Hồng y đã gặp người phụ nữ này trong chốc lát ngăn ngủi, lầm tưởng cô ta là Antoinette, hôn chân cô ta và nhận từ cô ta một đóa hoa hồng tượng trưng cho sự hòa giải (tháng Tám năm 1784); hoặc là “Nữ Bá tước” kể lại như thế.”

Giờ đây, Bà de La Motte phiêu lưu vào một kế hoạch gan dạ hơn mà nếu thành công sẽ chấm dứt cảnh nghèo khó của nàng. Nàng giả một lá thư của Hoàng hậu nhân danh bà mua chiếc vòng kim cương. Vị Hồng y đưa bức thư này cho Böhmer, ông này giao những viên đá quý cho Hồng y (24-1-1785) và nhận lại một lời hứa viết tay sẽ trả 1.600.000 franc làm nhiều đợt. Rohan mang những viên kim cương lấp lánh về cho Nữ Bá tước và theo lời yêu cầu của nàng ông giao chúng cho một người được cho là đại diện của Hoàng hậu. Câu chuyện tiếp theo của chúng không chắc chắn lắm; có vẻ như chúng được tay “Bá tước” de la Motte mang sang Anh và bán từng viên một.¹²

Böhmer gửi một hóa đơn của chiếc vòng cho Hoàng hậu, bà trả lời là mình chưa hề đặt mua nó và chưa bao giờ viết lá thư mang mình. Khi đến lần trả góp đầu tiên (30-7-1785) và Rohan đề nghị chỉ trả 30.000 cho số tiền lần này phải trả là 400.000 franc, Böhmer trình bày vấn đề ra trước Nam tước

de Breteuil, bộ trưởng phụ trách công việc trong hoàng gia. Breteuil tâu với Nhà Vua. Louis cho triệu tập Hồng y và mời ông ta giải thích những việc làm của mình. Rohan trình cho Nhà Vua xem một số bức thư được cho là của Hoàng hậu. Lập tức Nhà Vua nhận thấy chúng là đồ giả mạo. Ông nói: “Đây không phải nét chữ viết tay của Hoàng hậu và chữ ký thậm chí còn không hợp lệ.”¹³ Ông nghi ngờ Rohan và những người khác trong phe thù địch với vợ mình đã âm mưu làm cho bà mất uy tín. Ông hạ lệnh giam Hồng y vào ngục Bastille (15 tháng Tám) và ra lệnh cho cảnh sát truy nã Bà de La Motte. Cô ta đã chạy trốn qua một số nơi nhưng bị bắt giữ và cũng bị tống vào Bastille. Những người khác cũng bị bắt là “Nữ Nam tước” d’Oliva, Rétoux de Villette và Cagliostro; ông này bị nghi nhằm là đã vạch kế hoạch cho âm mưu này; sự thật thì ông ta đã làm hết sức mình để can ngăn nó.¹⁴

Tin rằng một vụ án công khai có thể thuyết phục dân chúng tin vào sự vô tội của Hoàng hậu, Louis trình vụ việc cho những kẻ thù của ông, tức Tối cao Pháp viện Paris. Đây là một *cause célèbre* (vụ án nổi tiếng) của thế kỷ ở Pháp, cũng giống như vụ án xử Warren Hastings ở Anh 3 năm sau đó. Phán quyết của Tối cao Pháp viện được công bố ngày 31-5-1786. Hồng y Rohan được tuyên bố vô tội vì là người bị lừa hơn là kẻ đánh lừa nhưng Nhà Vua bãi nhiệm ông khỏi những chức vụ của nhà nước và đày ông đến Tu viện La Chaise-Dieu. Hai kẻ đồng lõa nhận những bản án tù giam; Cagliostro được trả tự do. Bà de La Motte bị công khai lột trần và đánh bằng roi ở Sân Thằng năm trước Palais de Justice (Pháp đình); cô ta bị đánh dấu chữ V (có nghĩa là *voleuse*, tên trộm) và bị kết án tù chung thân tại nhà tù trứ danh dành cho nữ giới Salpêtrière. Sau một năm trong cảnh giam cầm khủng khiếp này, cô ta vượt ngục, sum họp với chồng ở London, viết một thiên tự truyện giải thích mọi chuyện và chết năm 1791.

Giới quý tộc Pháp và quần chúng Paris hân hoan trước việc vị Hồng y được miễn tội và trách Hoàng hậu đã đưa

vấn đề ra xử công khai; cảm giác chung của mọi người là lòng ham muốn những món trang sức của bà đã tạo cái cớ cho vị Hồng y tin vào những bức thư giả mạo. Những chuyện ngòi lê đôi mách đi xa tới mức cáo buộc bà là người tình của Rohan,¹⁵ mặc dù bà đã không gặp ông suốt 10 năm trước khi ông bị bắt. Một lần nữa, bà đã bảo tồn được đức hạnh và chịu thiệt hại cho thanh danh của mình. “Cái chết của Hoàng hậu” Napoléon nói: “phải được ghi từ ngày xét xử Vụ án Chiếu vòng Kim cương.”¹⁶

II. CALONE: 1783-1787



Hình 49. *Charles-Alexandre de Calonne*
(tranh sơn dầu của Vigée-Lebrun, 1784)

Ngày 10-11-1783, Nhà Vua bổ nhiệm Charles-Alexandre de Calonne giữ chức Thượng thư bộ Tài chính. Trước đây Calonne đã thành công trong nhiệm vụ giám quan ở Metz và Lille và đã nổi tiếng với cách xử sự hấp dẫn, tinh thần sôi nổi và kỹ năng về tiền tệ - mặc dù chính ông cũng như cái chính phủ mà ông được gọi triệu đến để cứu vãn đang ngập chìm trong cảnh nợ nần tuyệt vọng.¹⁷ Ông thấy ngân khố chỉ còn 360.000 franc so với khoản nợ luân chuyển 646.000.000 và mỗi năm lại tăng thêm 50.000.000 franc. Giống như Necker, ông quyết định chống lại việc tăng thuế, sợ việc này sẽ làm dấy lên những cuộc nổi loạn và làm cho kinh tế suy thoái; thay vào đó, ông tổ chức một vụ xổ số và mang về 100.000.000 livre. Ông kêu gọi giới giáo sĩ và đạt được một khoản *don gratuit* (tặng không) 18.000.000 livre đổi lại lời hứa sẽ cấm Beaumarchais xuất bản các tác phẩm của Voltaire. Ông cho đúc lại những đồng tiền vàng, giúp quốc khố được lợi 50.000.000. Ông vay 125.000.000 từ các chủ nhà băng. Hy vọng kích thích việc kinh doanh, ông cấp những khoản tiền lớn để cải thiện điều kiện vệ sinh của thành phố và cải tiến các đường sá, kênh đào và bến cảng; Le Havre, Dunkirk, Dieppe và La Rochelle được hưởng lợi. Các bến tàu rộng lớn ở Cherbourg được khởi công. Dựa vào lý thuyết là một chính phủ phải luôn phô diễn một vẻ ngoài thịnh vượng, ông sẵn sàng phân phát tiền bạc cho các triều thần và không đặt câu hỏi về những khoản chi tiêu của các em trai Nhà Vua cũng như của Hoàng hậu. Bản thân Nhà Vua, mặc dù có những ý định tốt, đã cho phép gia tăng chi phí trong nhà ông từ 4.600.000 livre vào năm 1775 lên 6.100.000 vào năm 1787.¹⁸

Calonne càng chi tiêu thì càng phải mượn thêm tiền; ông càng mượn thêm tiền, thì tiền lãi trên những khoản nợ càng tăng. Tháng Tám năm 1786, ông thú nhận với Nhà Vua đang bối rối rằng không còn phương cách nào nữa, rằng món nợ quốc gia và khoản thâm hụt hằng năm đang lớn hơn bao giờ hết và rằng chỉ có việc mở rộng thu thuế sang giới quý tộc và

giới giáo sĩ mới có thể cứu vãn chính phủ khỏi một tai họa về tài chính. Biết rằng Tối cao Pháp viện Paris, giờ đây đang công khai liên minh với giới quý tộc kiểm cung, sẽ phản đối đề nghị này, ông đề nghị triệu tập về Versailles một nhóm người xuất chúng, do ông lựa chọn từ cả ba giai cấp trên khắp nước Pháp, để tham khảo về việc cứu vãn tình trạng tài chính của nhà nước. Nhà Vua đồng ý.

Hội đồng Nhân sĩ được triệu tập vào ngày 22-2-1787: 46 nhà quý tộc, 11 tu sĩ, 12 thành viên của Hội đồng Hoàng gia, 38 thẩm phán, 12 đại biểu từ các *pay d'état* (vùng được hưởng các đặc quyền) và 25 viên chức thành phố; tổng cộng có 144 người. Calonne đọc diễn văn trước bọn họ với sự ngay thẳng can đảm về những lạm dụng, dù đã cảm thấy sâu trong thời gian và thành kiến cũng phải bị bãi bỏ bởi vì “chúng đè nặng lên giai cấp chăm chỉ và giàu sức sản xuất nhất.” Ông cáo buộc sự bất bình đẳng chung của những khoản trợ cấp, và “sự mất cân đối kinh khủng trong việc đóng góp của các tỉnh và các thần dân khác nhau của cùng một vị chủ tể”¹⁹. Ông trình bày những đề nghị cấp tiến hơn Turgot và giới thiệu chúng đã được Nhà Vua chuẩn thuận. Nếu được chấp nhận, chúng có thể đã tránh được cuộc Cách mạng. Một số đề nghị trong đó, dựa theo Turgot, được các Nhân sĩ chấp nhận: giảm thuế muối, bỏ thuế cầu đường đối với thương mại trong nước, phục hồi việc tự do buôn bán ngũ cốc, thiết lập các hội đồng hàng tỉnh và chấm dứt việc *corvée* (lao dịch). Nhưng yêu cầu của ông về một loại thuế mới và tổng quát đánh lên đất đai bị bác bỏ. Các đại biểu quý tộc và tu sĩ biện luận rằng khoản *subvention territoriale* (trợ cấp từ đất đai) này đòi hỏi một cuộc điều tra về toàn bộ đất đai, và một cuộc kiểm tra mọi địa chủ ở Pháp; việc này sẽ mất cả năm và không thể có tác dụng đối với cuộc khủng hoảng hiện thời.

Calonne kêu gọi dân chúng bằng cách công bố những bài diễn văn của mình. Cả giới quý tộc lẫn giới tu sĩ đều không

thích thú biện pháp viện dẫn đến công chúng này. Hội đồng trả đũa bằng cách yêu cầu Calonne giải trình mọi khoản thu nhập và chi tiêu trong nhiệm kỳ thượng thư của ông. Ông thoái thác, biết rằng việc tiết lộ các phương pháp và các khoản chi tiêu sẽ khiến ông tiêu tụt. Hội đồng nhấn mạnh rằng tiết kiệm chi tiêu còn cần thiết hơn là xem xét lại cơ cấu thuế. Ngoài ra, họ đặt câu hỏi về thẩm quyền của mình trong việc đặt ra một hệ thống thuế mới. Thẩm quyền như vậy thuộc về một Hội nghị Quốc dân Đại biểu (États Généraux - một hội nghị toàn quốc của các đại biểu được lực chọn bởi ba état hay giai cấp). Một cuộc họp như vậy chưa hề được triệu tập kể từ năm 1614.

Lafayette, một trong số các Nhân sĩ, tán đồng phần lớn các đề nghị của Calonne nhưng không tin tưởng ông này. Ông cáo buộc Calonne đã bán vài miếng đất của hoàng gia mà Nhà Vua không biết; Calonne thách ông trưng bằng chứng buộc tội; Lafayette trưng ra.²⁰ Louis XVI đã phạt ý vì việc Calonne qua mặt các lãnh đạo chính phủ để kêu gọi dân chúng; từ một chuỗi các tiết lộ ông nhận ra Calonne đã lừa dối ông về tình trạng của ngân khố và ông thấy không thể có được sự hợp tác của các Nhân sĩ chừng nào Calonne còn nắm giữ bộ tài chính. Khi Calonne đề nghị cho thải hồi người hay chỉ trích mình là Nam tước de Breteuil, một người bạn cá nhân của Marie Antoinette, bà khuyên Nhà Vua thay vào đó nên thải hồi Calonne. Một mối với cảnh rối loạn, ông nghe theo lời bà (8-4-1787). Calonne, được biết Tối cao Pháp viện Paris đang chuẩn bị điều tra việc cai trị cũng như việc riêng của ông, bỏ trốn sang Anh. Ngày 23 tháng Tư, Louis tìm cách trấn an các Nhân sĩ bằng cách hứa sẽ tiết kiệm chi phí của chính phủ và công khai tài chính của quốc gia. Ngày 1 tháng Năm, cũng theo lời khuyên của Hoàng hậu, ông bổ nhiệm một trong các Nhân sĩ làm người đứng đầu Bộ Tài chính.

III. LOMÉNIE DE BRIENNE: 1787-1788

Ông là Tổng giám mục ở Toulouse nhưng là một nhà tự do tư tưởng khét tiếng khiến các *philosophe* hoan nghênh việc ông lên nắm quyền. Khi 6 năm về trước, ông được tiến cử lên kế vị Christophe de Beaumont tại tòa Tổng giám mục Paris, Louis XVI đã phản đối: “Ít nhất chúng ta cũng nên có một ông Tổng giám mục Paris tin vào Chúa.”²¹ Một trong những cú thành công nhất khi làm bộ trưởng tài chính của ông và vận động để được chuyển sang tòa tổng giám mục Sens, vốn giàu hơn tòa giám mục ở Toulouse nhiều. Ông thuyết phục các nhân sĩ chấp thuận kế hoạch của ông nhằm huy động 80 triệu franc bằng một khoản vay nhưng khi ông đề nghị họ tán đồng một loại thuế mới đánh lên đất đai thì họ lại viện cớ không đủ thẩm quyền. Nhận thấy các Nhân sĩ không làm gì nữa, Louis lịch sự giải tán họ (25-5-1787).

Brienne cố gắng tiết kiệm bằng cách yêu cầu các bộ cắt giảm chi tiêu; các bộ trưởng phản đối; Nhà Vua không chống lại vị bộ trưởng của mình. Louis giảm bớt một triệu franc chi phí trong nhà và Hoàng hậu cũng chấp nhận một sự cắt giảm tương tự (11 tháng Tám). Brienne can đảm từ chối những yêu sách tiền bạc của triều đình, của những người bạn của Hoàng hậu, của một người em của Nhà Vua. Chính nhờ uy tín của mình mà ông đã thông qua được một Tối cao Pháp viện do dự (tháng Một năm 1788) và đi ngược lại sự chống đối của phần lớn các giáo sĩ cấp cao đồng đạo của ông, chỉ dụ của Nhà Vua nói rộng các quyền dân sự cho tín đồ Tin Lành.

Ông không được may mắn khi lên nắm quyền vào một thời điểm khi những vụ mất mùa và sự cạnh tranh của các mặt hàng nhập khẩu từ Anh quốc đã làm lan tràn một cơn suy thoái kinh tế kéo dài đến tận thời Cách mạng. Tháng Tám năm 1787, những người nổi loạn đói ăn ở Paris la hét những khẩu hiệu cách mạng và đốt hình nộm của một số bộ trưởng. “Cảm giác của mọi người” Arthur Young ghi chú

ngày 13 tháng Mười: “dường như là vị Tổng giám mục sẽ không thể miễn cho nhà nước gánh nặng của tình thế hiện tại của nó;... rằng điều gì đó phi thường sẽ xảy ra, và phá sản là một ý tưởng không hề là của riêng ai.”²² Và vào ngày 17: “Một ý kiến được mọi người đồng tình, rằng họ đang ở vào đêm trước của một cuộc cách mạng vĩ đại nào đó trong chính quyền... một cơn khích động vĩ đại trong mọi tầng lớp dân chúng, vốn đang hăm hở đón chờ một sự thay đổi nào đó... và một chất men tự do mạnh mẽ, gia tăng hằng giờ kể từ cuộc Cách mạng Hoa Kỳ.”²³



Hình 50. *Étienne Charles de Loménie de Brienne*
(tranh sơn dầu - Họa sĩ vô danh)

Những biện pháp cải cách mà Calonne và Brienne chủ trương và Nhà Vua đã chấp thuận vẫn chưa được đăng ký và công nhận như là pháp luật bởi các *Parlement* (Tối cao Pháp viện.) Tối cao Pháp viện Paris đồng ý cho tự do kinh doanh ngũ cốc và thay thế công việc *corvée* bằng cách trả tiền, nhưng từ chối phê chuẩn một thứ thuế tem. Ngày 19-7-1787, Pháp viện gửi cho Louis XVI một tuyên bố rằng: “Quốc gia, được đại diện bởi Hội nghị Quốc dân Đại biểu, là cấp duy nhất có quyền ban cho Nhà Vua những nguồn lực có thể chứng tỏ là không thể thiếu được.”²⁴ Công chúng Paris tán đồng tuyên bố này mà quên mất rằng, Hội nghị Quốc dân Đại biểu, như được biết cho đến giờ trong lịch sử nước Pháp, là một thể chế phong kiến thiên vị nặng nề các giai cấp được hưởng đặc quyền. Không quên điều này, giới quý tộc kiểm cung tán thành bản tuyên bố và do đó tự liên minh với các *parlement* và giới *noblesse de robe* (quý tộc áo choàng) trong cuộc *révolte nobiliaire* (cuộc nổi dậy của giới quý tộc) vốn chuẩn bị cho Cách mạng. Louis do dự không muốn triệu tập Quốc dân Đại biểu để cho nó không thể chấm dứt sự chuyên chế của chế độ quân chủ của dòng họ Bourbon bằng cách khẳng định các quyền lập pháp.

Tháng Tám năm 1787, ông chuyển cho Tối cao Pháp Viện một sắc lệnh về một loại thuế đánh lên tất cả loại đất của mọi giai cấp. Viện từ chối đăng ký nó. Louis triệu tập các thành viên của Viện đến một *lit de justice* (tòa án giường ngủ)ⁱ ở Versailles và ra lệnh đăng ký. Trở về Paris, các thành viên tuyên bố việc đăng ký vô giá trị và lại yêu cầu triệu tập một Hội nghị Quốc dân Đại biểu. Nhà Vua đẩy họ đi Troyes (14 tháng Tám). Các *parlement* ở các tỉnh nổi lên phản đối; bạo loạn bùng nổ ở Paris; Brienne và Nhà Vua nhượng bộ,

i *Tòa án giường ngủ* (tiếng Pháp: *Lit de justice*): Tại Pháp dưới thời Chế độ cũ, Tòa án giường ngủ là một phiên họp chính thức của Tối cao Pháp viện Paris dưới sự chủ tọa của Nhà Vua, để buộc Tối cao Pháp viện phê chuẩn những chỉ dụ của quốc vương. Được gọi là “Tòa án giường ngủ” vì Nhà Vua ngồi trên một ngai vàng có màn treo như chiếc giường ngủ.

và Tối cao Pháp viện được gọi về (24 tháng Chín) giữa sự hân hoan của dân chúng.

Cuộc xung đột lại tiếp diễn khi Tối cao Pháp viện từ chối phê chuẩn đề nghị của Brienne nhằm huy động một khoản vay 120.000.000 livre. Nhà Vua triệu tập một “phiên họp hoàng gia” của Tối cao Pháp viện (11-11-1787); trong đó, các bộ trưởng của ông trình bày những lý lẽ để đăng ký biện pháp này. Tối cao Pháp viện vẫn từ chối và Công tước d'Orléans kêu lên: “Tàu Hoàng thượng, việc này phi pháp!” Louis, trong một cơn bùng nổ khinh suất bất thường, trả lời: “Chẳng có gì khác cả! Việc này hợp pháp bởi vì trăm muốn vậy” - thắng thường kháng định quyền chuyên chế. Ông ra lệnh đăng ký bản sắc lệnh; mệnh lệnh được thi hành; nhưng ngay khi ông vừa rời phòng họp, Tối cao Pháp viện bãi bỏ sự đăng ký. Biết được chuyện này, Louis đẩy Công tước d'Orléans đi Villers-Cotterêts và nhốt 2 trong số các thẩm phán vào ngục Bastille (20 tháng Mười một). Phản đối việc này và những vụ bắt bớ không xét xử khác, Tối cao Pháp viện gửi đến Nhà Vua (ngày 11-3-1788) “những lời phản kháng” chứa đựng lời lẽ làm cho giới quý tộc lẫn bình dân thích thú: “Những hành vi độc đoán vi phạm những quyền bất di bất dịch... các vị vua cai trị qua sự chinh phục hoặc luật pháp... Quốc gia đòi hỏi từ Hoàng thượng điều tốt lành vĩ đại nhất mà một vị vua có thể ban cho thần dân của mình - tự do.”²⁵

Bộ Tài chính nghĩ có thể trấn an Tối cao Pháp viện bằng cách nhượng bộ đòi hỏi của cơ quan này muốn công bố các khoản thu chi của chính phủ. Việc này càng làm cho vấn đề tệ hại hơn khi tiết lộ một khoản thâm hụt 160.000.000 livre. Các ông chủ nhà băng từ chối cho nhà nước vay thêm trừ khi Tối cao Pháp viện phê chuẩn khoản vay, Tối cao Pháp viện thề sẽ không làm việc này. Ngày 3-5-1788, Pháp viện công bố một bản “Tuyên ngôn về các quyền”, nhắc nhở Louis XVI và các thượng thư của ông rằng nước Pháp là “một chế độ quân chủ do một ông vua cai trị, căn cứ theo luật pháp” và rằng Tối cao Pháp viện không nên từ bỏ quyền cổ xưa của mình trong việc đăng ký các chỉ dụ

của Nhà Vua trước khi chúng có thể trở thành luật. Pháp viện lại kêu gọi triệu tập Hội nghị Quốc dân Đại biểu. Các bộ trưởng ra lệnh bắt giữ hai lãnh đạo của Pháp viện, d'Éprémesnil và Goislard (4 tháng Năm); việc này được thực hiện giữa cơn rối loạn điên cuồng trong phòng họp và những vụ phản đối giận dữ ngoài đường phố. Ngày 8 tháng Năm, Brienne thông báo ý định của chính phủ nhằm thành lập những tòa án mới được lãnh đạo bởi một *Cour Plénière* (Tòa án Tối cao) mà từ nay trở đi là cơ quan duy nhất có quyền đăng ký các chỉ dụ của Nhà Vua; các *parlement* sẽ chỉ giới hạn vào những chức năng thuần túy pháp lý và toàn bộ cơ cấu luật pháp của nước Pháp sẽ được cải tổ. Trong khi đó, Tối cao Pháp viện Paris sẽ được “cho nghỉ hè” - thực sự là bị đình chỉ hoạt động.

Pháp viện kêu gọi giới quý tộc, giới giáo sĩ và các *parlement* ở tỉnh. Tất cả đều ủng hộ cơ quan này. Các Công tước và khanh tướng gửi cho Nhà Vua những lời phản đối chống lại việc hủy bỏ các quyền truyền thống của Tối cao Pháp viện. Một hội nghị các tu sĩ (ngày 15 tháng Sáu) cáo buộc Tòa án Tối cao mới; giảm khoản tiền “tặng không” từ mức trung bình trước đây là 12 triệu xuống còn 1.800.000 livre và từ chối mọi khoản trợ giúp cho đến khi Tối cao Pháp viện được phục hồi.²⁶ Lần lượt từng *parlement* ở tỉnh đứng lên chống lại Nhà Vua. Tối cao Pháp viện ở Pau (thủ phủ của Béarn) tuyên bố sẽ không đăng ký bất kỳ chỉ dụ nào mà Tối cao Pháp viện Paris bác bỏ; và khi vũ lực được sử dụng để đe dọa các quan tòa, dân chúng sẽ cầm lấy vũ khí để bảo vệ họ. Tối cao Pháp viện ở Rouen (thủ phủ của Normandy) tố cáo các thượng thư của Nhà Vua là những kẻ phản bội và đặt ra ngoài vòng pháp luật bất cứ ai sử dụng các tòa án mới. Tối cao Pháp viện ở Rennes (thủ phủ của Brittany) công bố các sắc lệnh tương tự; khi chính phủ gửi binh lính đến giải tán Pháp viện họ gặp phải sự chống đối của những người hầu cận có vũ trang của giới quý tộc địa phương.²⁷ Tại Grenoble (thủ phủ của Dauphiné), khi viên chỉ huy quân sự công bố một chỉ dụ của Nhà Vua

giải tán *parlement* địa phương, dân chúng thành phố, được tăng cường bởi các nông dân mà những hồi chuông báo động gọi đến, đã lấy ngói trên mái nhà ném loạn xạ vào các binh lính do dự và buộc viên chỉ huy, đau đớn vì bị treo dưới ngọn chùy đài của mình, rút lại chỉ dụ của Nhà Vua (7-6-1787, “*Journée des Tuiles*” hay Ngày gạch ngói). Tuy nhiên, các quan tòa đã tuân theo một lệnh của Nhà Vua buộc họ đi lưu đày.

Cộng đồng ở Grenoble làm nên lịch sử bằng sự phản kháng của mình. Các nhà quý tộc, tu sĩ và thường dân quyết định tái lập Hội nghị Đại biểu Dauphiné cổ xưa và nhóm họp vào ngày 21 tháng Bảy. Do Đẳng cấp Thứ ba đã dẫn đầu chiến thắng vào “Ngày Gạch ngói” họ được cử một số lượng đại biểu tương đương với số lượng của hai đẳng cấp kia cộng lại; và người ta thỏa thuận rằng hội đồng mới này sẽ biểu quyết theo đầu người chứ không theo giai cấp. Những thỏa thuận này tạo ra những tiền lệ mà rồi sẽ đóng một vai trò tại Hội nghị Quốc dân Đại biểu. Bị cấm nhóm họp ở Grenoble, Hội nghị Đại biểu Dauphiné diễn ra ở Vizille cách đó ít dặm; và tại đó, dưới sự lãnh đạo của một luật sư trẻ, Jean-Joseph Mounier và một diễn giả trẻ, Antoine Barnave, năm trăm đại biểu đã soạn thảo các nghị quyết (tháng Tám năm 1788) duy trì quyền đăng ký của các *parlement*, yêu cầu bãi bỏ các *lettre de cachet* (mật chỉ), kêu gọi triệu tập một Hội nghị Quốc dân Đại biểu và cam kết không bao giờ chấp nhận những thứ thuế mới trừ khi Hội nghị Quốc dân Đại biểu phê chuẩn chúng. Đây là một bước khởi đầu của cuộc Cách mạng Pháp: toàn bộ một tỉnh đã thách thức Nhà Vua và thực ra đã tuyên bố ủng hộ một chế độ quân chủ lập hiến.

Bị mất tinh thần bởi cuộc nổi loạn hầu như khắp cả nước chống lại uy quyền của mình, Nhà Vua chịu thua và quyết định triệu tập một Hội nghị Quốc dân Đại biểu. Nhưng vì 174 năm đã trôi qua kể từ khi diễn ra Hội nghị này lần cuối và sự phát triển của Đẳng cấp Thứ ba khiến không thể sử dụng những hình thức thủ tục cũ, Louis XVI gửi đến dân chúng

(ngày 5-7-1788) một lời kêu gọi đặc biệt như một mệnh lệnh của Hội đồng Hoàng gia:

Hoàng thượng sẽ cố gắng tuân theo các tập tục cũ; nhưng khi chúng không được xác định ngài muốn bù đắp sự thiếu hụt bằng cách khẳng định ý chí của các thần dân ngài... Do đó, Hoàng thượng đã quyết định ra lệnh rằng mọi cuộc khảo sát có thể có liên quan đến các vấn đề nêu ra trên đây sẽ được thực hiện trong mọi kho lưu trữ của từng tỉnh; rằng kết quả những cuộc điều tra đó sẽ được chuyển cho các hội đồng và hội nghị hàng tỉnh... và đến lượt các hội đồng và hội nghị này sẽ trình lên Hoàng thượng những ý nguyện của họ... Hoàng thượng mời tất cả các học giả và người có học thức trong vương quốc của người... gửi cho Quan Chưởng ấn mọi thông tin và tập kỷ yếu liên quan đến những vấn đề trong chỉ dụ hiện hành.²⁸

Ngày 8 tháng Tám, Louis ra lệnh cho ba đẳng cấp của nước Pháp gửi các đại biểu đến tham dự một Hội nghị Quốc dân. Đại biểu sẽ được tổ chức tại Versailles ngày 1-5-1789. Trong cùng ngày này, ông đình chỉ *Cour Plénière* (Tòa án Tối cao) và không bao lâu sau tổ chức này đã tan biến trong lịch sử. Ngày 16 tháng Tám, chính phủ thực tế công nhận tình trạng phá sản của mình bằng cách thông báo rằng cho đến ngày 31-12-1789, những món nợ của nhà nước sẽ được thanh toán không phải hoàn toàn bằng tiền mà một phần bằng giấy mà mọi công dân nên chấp nhận như là hành động trả tiền hợp pháp. Ngày 25 tháng Tám, Brienne từ chức, mang theo đầy ân sủng và của cải, trong khi công chúng Paris đốt cháy hình nộm của ông. Ông lui về tòa giám mục giàu có của mình ở Sens và tại đây vào năm 1794, ông đã tự sát.

IV. LẠI NECKER: 1788-1789

Một cách miễn cưỡng, Nhà Vua yêu cầu Necker quay lại với chính phủ (ngày 25 tháng Tám). Giờ đây, ông ban cho ông ta

chức bộ trưởng và một ghế trong Hội đồng Hoàng gia. Mọi người, từ Hoàng hậu và các tu sĩ cho đến các ông chủ nhà băng và dân chúng, đều hoan nghênh việc bổ nhiệm. Một đám đông tụ tập trước sân Cung điện Versailles chào đón ông; ông xuất hiện và nói với họ: “Vâng, các con, ta vẫn còn đây; hãy yên tâm.” Vài người quỳ xuống và hôn bàn tay ông.²⁹ Ông khóc, theo thói tục của thời đại.

Rối loạn trong chính quyền, trên đường phố, trong tâm trí các viên chức nhà nước lẫn công chúng đã tiến rất gần đến sự tan rã chính trị khiến cho điều tốt nhất mà Necker có thể làm là duy trì sự ổn định cho đến khi Hội nghị Quốc dân Đại biểu được triệu tập. Như một cử chỉ phục hồi niềm tin, ông đặt hai triệu franc tiền của riêng mình vào ngân khố và cam kết dùng tài sản cá nhân của ông như một phần của sự bảo đảm cho những hứa hẹn của nhà nước.³⁰ Ông bãi bỏ mệnh lệnh ngày 16 tháng Tám yêu cầu những người giữ trái phiếu chấp nhận giấy tờ thay vì tiền; các trái phiếu của chính phủ tăng 30% trên thị trường. Các chủ ngân hàng ủng hộ cho ngân khố những khoản tiền đủ để vượt qua cơn khủng hoảng trong một năm.

Theo lời khuyên của Necker, Nhà Vua triệu hồi Tối cao Pháp viện (13 tháng Chín). Say sưa với chiến thắng, Pháp viện phạm phải sai lầm khi tuyên bố Hội nghị Quốc dân Đại biểu sắp tới sẽ hoạt động như vào năm 1614 - ngồi theo từng giai cấp riêng và bỏ phiếu theo các đơn vị giai cấp, điều sẽ tự động khiến cho Đảng cấp Thứ ba đi tới chỗ bất lực về chính trị. Công chúng nói chung vốn đã tin vào lời khẳng định của Tối cao Pháp viện là sẽ bảo vệ tự do chống lại chuyên chế đã nhận thấy cái tự do được nói đến là tự do của hai giai cấp được hưởng đặc quyền trong việc thống trị Nhà Vua. Tối cao Pháp viện, qua việc này đã tự xếp mình vào hàng ngũ của chế độ phong kiến, đã mất đi sự ủng hộ của giai cấp trung lưu hùng mạnh và do đó, không còn là một nhân tố định hình các biến cố. Cuộc *révolte nobiliaire* (cuộc nổi dậy của giới quý tộc)

đã cho thấy những giới hạn và trôi theo chiều hướng của nó; giờ đây nó nhường chỗ cho cuộc cách mạng tư sản.

Công việc của Necker lại bị khó khăn hơn do nạn hạn hán năm 1788 kết thúc bằng những cơn giông mưa đá tàn phá những hoa màu còi cọc. Mùa đông năm 1788-1789 là một trong những mùa khắc nghiệt nhất trong lịch sử nước Pháp; ở Paris, hàn thử biểu xuống tới $-27,7^{\circ}\text{C}$; sông Seine đông cứng từ Paris đến Le Havre. Bánh mì tăng giá từ 9 xu vào tháng Tám năm 1788 lên 14 xu vào tháng Hai năm 1789. Các giai cấp thượng lưu làm hết sức mình để giảm nhẹ cảnh đau khổ. Vài nhà quý tộc, như Công tước d'Orléans, chi hàng trăm nghìn livre để nuôi ăn và sưởi ấm cho người nghèo; đức Tổng giám mục tặng 400.000 livre; một tu viện hằng ngày nuôi ăn cho 1.200 người trong sáu tuần lễ.³¹ Necker cấm xuất khẩu ngũ cốc và nhập khẩu 70 triệu livre; nạn đói được đẩy lui. Ông để công việc trả lại những khoản vay ông đã huy động cho những người kế tục hoặc Hội nghị Quốc dân Đại biểu.

Trong khi đó, ông thuyết phục Nhà Vua, đi ngược lại lời khuyên của các nhà quý tộc hùng mạnh, ban hành chỉ dụ (ngày 17-12-1788) rằng trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu sắp tới, số lượng các đại biểu của Đảng cấp Thứ ba nên bằng với tổng số đại biểu của hai giai cấp kia cộng lại. Ngày 14-6-1789, ông gửi cho mọi khu vực lời mời đề cử các đại biểu. Trong Đảng cấp Thứ ba, mọi người Pháp trên 24 tuổi và đã đóng bất cứ loại thuế nào rồi cũng có quyền - và thậm chí được lệnh - đi bầu; tất cả những người có nghề nghiệp, những thương gia, những người trong phường hội cũng vậy. Trong thực tế, mọi thường dân ngoại trừ những người nhận cứu tế và những lao động nghèo nhất đều có quyền đi bầu.³² Những ứng viên đắc cử họp lại như một ủy ban bầu cử để chọn ra một đại biểu cho khu vực của mình. Trong Đảng cấp Thứ nhất, mọi linh mục hoặc cha phó, mọi tu viện nam hoặc nữ, bầu một đại diện tại hội đồng bầu cử của khu vực; các tổng giám mục, giám mục và cha trưởng tu viện là những

thành viên *ex officio*ⁱ của hội đồng đó; hội đồng này chọn một đại biểu của Giáo hội cho Hội nghị Quốc dân Đại biểu. Trong Đảng cấp Thứ hai, mọi nhà quý tộc trên 24 tuổi tự động là một thành viên của hội đồng bầu cử mà sẽ chọn ra một đại biểu để đại diện cho giới quý tộc trong khu vực. Tại Paris chỉ những người đóng một thứ thuế thân 6 livre hoặc hơn nữa mới có quyền đi bầu; tại đó, đa số dân vô sản bị gạt ra ngoài.³³

Chính phủ mời mỗi hội đồng bầu cử trong mỗi đảng cấp soạn ra một cuốn *cahier des plaintes et doléances* (sổ điều trần) - một sự bày tỏ những lời kêu ca và bất bình - để làm chỉ đạo cho người đại diện của mình. Những *cahier* (cuốn sổ) của các khu vực được tóm tắt lại thành những *cahier* của tỉnh theo từng giai cấp và những *cahier* này, toàn bộ hoặc được tóm tắt lại, được trình lên Nhà Vua. Những *cahier* của tất cả các giai cấp đều cáo buộc chính sách chuyên chế và đòi hỏi một chế độ quân chủ lập hiến mà trong đó, các quyền của Nhà Vua và các bộ trưởng sẽ được giới hạn bởi luật pháp và bởi một quốc hội được cả nước bầu lên, nhóm họp theo định kỳ và là cơ quan duy nhất có quyền biểu quyết những loại thuế mới và phê chuẩn những bộ luật mới. Gần như tất cả các đại biểu đều được chỉ thị bỏ phiếu không cấp ngân quỹ cho chính phủ cho đến khi có được một bản hiến pháp như vậy. Tất cả các giai cấp đều tố cáo sự bất lực về tài chính của chính phủ, những thói xấu xa liên kết với thuế gián thu và những sự thái quá của quyền hành Nhà Vua như trong những *lettre de cachet* (mật chỉ). Tất cả đòi hỏi cần có sự xét xử bởi bồi thẩm đoàn, quyền riêng tư về thư tín và cải cách luật pháp. Tất cả đều cầu xin tự do nhưng theo kiểu riêng của từng giai cấp: các nhà quý tộc muốn phục hồi quyền hành của họ như

i *ex officio* (tiếng Latinh): đương nhiên. Ví dụ, phó tổng thống Mỹ là chủ tịch (*ex officio*) đương nhiên của Thượng viện Mỹ. (The United States Vice President is the *ex officio* President of the Senate)

trước thời Richelieuⁱ; giới giáo sĩ và tư sản muốn được tự do khỏi mọi sự can thiệp của nhà nước; còn giới nông dân muốn được tự do khỏi đóng những thứ thuế áp bức của chính phủ và thuế phong kiến. Tất cả đều chấp nhận trên nguyên tắc việc đánh thuế bình đẳng lên mọi tài sản. Tất cả đều biểu lộ lòng trung thành đối với Nhà Vua nhưng không có cuốn sổ nào nêu lên “quyền hành thần thánh” của ông trong việc cai trị;³⁴ điều đó, theo sự đồng ý chung, đã chết.

Những cuốn *cahier* của giới quý tộc quy định rằng, trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu, mỗi đẳng cấp nên họp riêng rẽ và bỏ phiếu như một đẳng cấp đoàn kết. Các *cahier* của giới giáo sĩ không chấp nhận khoan dung và yêu cầu thu hồi các quyền dân sự vừa mới được ban cho các tín đồ Tin Lành. Một số *cahier* kêu gọi để lại một phần lớn hơn thuế thập phân cho giáo khu và mọi linh mục có thể được giữ những chức vụ trong hệ thống đẳng cấp bậc của Giáo hội. Hầu hết các *cahier* của giáo hội đều phàn nàn về tình trạng vô luân của thời đại trong nghệ thuật, văn học và sân khấu; họ quy sự bại hoại này cho tự do báo chí thái quá và kêu gọi có sự kiểm soát riêng biệt về hoạt động giáo dục của các tu sĩ Công giáo.

Các *cahier* của Đẳng cấp Thứ ba chủ yếu phát biểu các quan điểm của giai cấp trung lưu và địa chủ nông dân. Họ kêu gọi bãi bỏ các quyền phong kiến và các loại thuế vận chuyển. Họ đòi hỏi sự nghiệp phải được mở ra cho tài năng trong mọi giai cấp và ở mọi chức vụ. Họ chỉ trích sự giàu sang của Giáo hội và cảnh ăn không ngồi rồi tốn kém của các tu sĩ. Một *cahier* đề nghị rằng để giải quyết tình trạng thâm thủng, Nhà Vua nên bán các đất đai và các đặc lợi về kinh tế của giáo sĩ; một cuốn khác đề nghị sung công mọi tài sản của tu viện.³⁵

i Richelieu (Armand Jean du Plessis. 1585-1642): hồng y giáo chủ và chính khách Pháp, tể tướng của Louis XIII và là nhà cai trị nước Pháp trên thực tế trong những năm 1624-1642. Ông tiêu diệt quyền lực của tín đồ Tin Lành ở Pháp, củng cố uy quyền của Nhà Vua Pháp và vai trò của nước Pháp ở châu Âu.

Nhiều cuốn than phiền về việc súc vật và những cuộc đi săn của giới quý tộc đã tàn phá các nông trại. Họ đòi hỏi một nền giáo dục tự do và phổ quát, cải cách các bệnh viện và nhà tù, loại bỏ hoàn toàn chế độ nông nô và việc buôn bán nô lệ. Một cuốn sổ đặc thù của nông dân khẳng định: “Chúng thần là cột trụ chính của ngai vàng, nguồn hậu thuẫn thật sự của các đạo quân... Chúng thần là nguồn gốc của sự giàu có cho kẻ khác, còn bản thân chúng thần thì vẫn nghèo khó.”³⁶

Nhìn chung, cuộc bầu cử Quốc dân Đại biểu này là một giây phút kiêu hãnh và quảng đại trong lịch sử nước Pháp. Trong một thời gian, hầu như nước Pháp của dòng họ Bourbon trở thành một chế độ dân chủ, với một tỉ lệ dân chúng đi bầu có thể lớn hơn trong một cuộc bầu cử ở nước Mỹ ngày nay. Đó là một cuộc bầu cử công bằng, không rối loạn như có thể mong đợi trong một hoạt động quá mới mẻ như vậy; nó có vẻ ít thô nát hơn phần lớn những cuộc bầu cử được tổ chức trong những nền dân chủ sau đó ở châu Âu.³⁷ Chưa bao giờ trước đây, trong chừng mực chúng ta được biết, một chính phủ đã đưa ra một lời mời quá rộng rãi cho dân chúng để khuyến bảo về những cách thức tiến hành và truyền đạt những lời phản nân và những nguyện vọng của họ. Nhìn chung, những tập *cahier* này đã mang lại cho chính phủ một cái nhìn đầy đủ hơn về tình trạng của nước Pháp so với trước đây từng có. Giờ đây, có thể nói như vậy, nước Pháp đã có những tài liệu cần cho thuật quản lý nhà nước; giờ đây nó đã tự do lựa chọn những con người xuất sắc nhất của mình, từ mọi giai cấp, để họp với một vị Vua vốn đã đưa ra những lời đề nghị can đảm về việc thay đổi. Cả nước Pháp chất chứa đầy hy vọng khi những con người này, từ mọi miền đất nước, đang trên đường đến Paris và Versailles.

V. MIRABEAU BƯỚC VÀO

Một người trong bọn họ là một nhà quý tộc được cả cộng đồng của Aix-en-Provence và Marseilles bầu lên. Nổi bật nhờ

địa vị bất thường và gấp đôi này, Honoré-Gabriel-Victor Riqueti, Bá tước de Mirabeau, xấu xí và quyến rũ, trở thành một nhân vật thống trị trong cuộc Cách mạng từ khi đến Paris (tháng Tư năm 1789) cho đến khi gặp cái chết trẻ (1791).

Chúng ta đã tôn vinh cha ông - Victor Riqueti, Hầu tước de Mirabeau - như là nhà trọng nông và “Bạn của con người” nghĩa là của mọi người ngoại trừ bà vợ và các con của ông. Vauvenargues mô tả người “*Ami de l’homme*” (Bạn của con người) như là “tính khí nồng nàn, buồn bã, kiêu hãnh hơn và hiểu động hơn... biến cả, với một tính tham lam vô độ hàng đầu đối với lạc thú, kiến thức và vinh quang.”³⁸ Vị Hầu tước công nhận tất cả những thứ đó, và nói thêm rằng “sự phóng đảng đối với ông là bản tính thứ hai.” Vào năm 28 tuổi ông quyết định khám phá xem liệu một người đàn bà có đủ không; ông cầu hôn Marie de Vessan là người ông chưa bao giờ gặp nhưng là kẻ thừa kế đương nhiên của một gia tài kếch sù. Sau khi cưới, ông khám phá ra bà là một người đàn bà lẳng lơ, kém cỏi và nhếch nhác; nhưng bà đem lại cho ông trong 11 năm 11 người con; trong số đó có năm người sống qua thời thơ ấu. Năm 1760, Hầu tước bị giam trong lâu đài Vincennes vì những bài viết nổi loạn nhưng được thả ra sau một tuần. Năm 1762, vợ ông bỏ ông để trở về với mẹ.

Honoré-Gabriel, người con trai cả, lớn lên giữa tấn kịch gia đình này. Một trong những người bà của ông chết vì bệnh điên, một người em gái và một người em trai của ông thỉnh thoảng lên cơn mất trí. Thật là điều kỳ diệu khi chính Gabriel, chịu hết tai họa này đến tai họa khác mà đã không phát điên. Lúc ra đời ông có 2 chiếc răng, như một lời cảnh báo đối với thế giới. Năm lên ba tuổi, ông mắc bệnh đậu mùa, căn bệnh để lại trên mặt ông những vết sẹo và rỗ như bãi chiến trường. Ông là một cậu bé giàu tình cảm hay gây chuyện và bướng bỉnh. Cha ông, vốn cũng là người giàu tình cảm hay gây chuyện và bướng bỉnh, thường đánh đập ông, khiến cho đứa con đem lòng oán ghét. Vị Hầu tước lấy làm vui khi tổng

khứ được ông, ở tuổi 15 (1764), vào một học viện quân sự ở Paris. Tại đó, Gabriel hấp thu toán học, tiếng Đức, tiếng Anh, và hăm hở đọc sách, lòng thiêu đốt bởi đam mê thành tựu. Ông đọc Voltaire và đánh mất tôn giáo; ông đọc Rousseau và học cách cảm thông với lớp người bình dân. Trong quân đội, ông cuồn măt người tình của vị sĩ quan chỉ huy, đấu kiếm tay đôi, tham gia vào cuộc xâm lược đảo Corsica và được ca ngợi về lòng dũng cảm khiến cha ông có lúc đã yêu ông.

Năm 23 tuổi ông cưới, nói thẳng ra là vì tiền, Émilie de Marignac, cô này đang mong đợi thừa kế 500.000 franc. Cô ta sinh cho Gabriel một đứa con và cặp với một người tình. Ông khám phá ra sự không chung thủy của cô ta, che giấu tội lỗi tương tự của mình và tha thứ cho cô ta. Ông cãi nhau với một ông de Villeneuve nào đó, lấy cây dù đập lên lưng ông ta và bị buộc tội cố sát. Để giúp ông khỏi bị bắt, cha ông tìm cách có được một *lettre de cachet* mà theo đó, Gabriel bị buộc phải sống trong cảnh giam hãm tại Lâu đài If, trên một hòn đảo ngoài khơi Marseilles. Ông bảo vợ đi theo mình; bà từ chối; họ trao đổi nhau những lá thư ngày càng giận dữ; cuối cùng ông gửi cho bà “Lời từ biệt vĩnh viễn” (14-12-1774). Trong khi đó, ông sưởi ấm mình bằng cách thỉnh thoảng ngủ với vợ của viên chỉ huy tòa lâu đài.

Tháng Năm năm 1775, cha ông vận động để chuyển ông sang một nhà tù thoải mái hơn ở Lâu đài Joux, gần Pontarlier và biên giới Thụy Sĩ. Viên chủ ngục của ông, Ngài de Saint-Mauris, mời ông dự một bữa tiệc; tại đó, ông gặp Sophie de Ruffey, người vợ 19 tuổi của vị Hầu tước de Monnier đã vào tuổi thất thập. Nàng thấy Mirabeau dễ ưa hơn chồng mình. Khuôn mặt ông góm ghieếc, tóc ông quăn tít, mũi ông đồ sộ nhưng cặp mắt ông tóe lửa, tâm tính ông “bùng bùng” và ông có thể quyến rũ bất cứ người phụ nữ nào với lối nói của mình. Sophie hoàn toàn trao thân cho ông. Ông trốn khỏi Pontarlier, chạy sang Thonon ở Savoy và quyến rũ một cô em họ ở đấy. Tháng Tám năm 1776, Sophie đến gặp ông ở

Verrières thuộc Thụy Sĩ vì, nàng nói, sống xa ông là “chết một nghìn lần mỗi ngày.”³⁹ Giờ đây nàng thú nhận: “Gabriel hay là chết!” Nàng đề nghị đi làm vì Gabriel không một xu dính túi.



Hình 51. *Tượng Honoré de Mirabeau* (tại Tòa án Aix-en-Provence)

Ông cùng nàng đi Amsterdam, nơi ông chủ nhà xuất bản của Rousseau, Marc Rey, thuê ông làm dịch giả. Sophie làm việc với vai trò thư ký cho ông và dạy tiếng Ý. Ông viết nhiều tiểu phẩm, trong một tập ông nói về cha mình: “Ông ta thuyết

giảng đạo đức, từ tâm, cần kiệm trong khi ông ta là người chồng tồi tệ nhất và người cha khắc nghiệt nhất và hoang phí nhất.”⁴⁰ Mirabeau *père* (cha) nghĩ đây là sự vi phạm quy ước mặc định. Ông liên kết cùng cha mẹ Sophie để dàn xếp trục xuất cặp đôi này khỏi Hòa Lan. Họ bị bắt (14-5-1777) và đưa về Paris. Sophie, sau khi tự tử bất thành, bị gửi đến một nhà trừng giới; Gabriel, điên tiết, bị tổng giam vào lâu đài Vincennes, theo sau những bước chân của cha ông và Diderot. Tại đó, ông mòn mỏi đợi chờ suốt 42 tháng. Sau hai năm ông được phép có sách, giấy, bút và mực. Ông gửi cho Sophie những bức thư tỏ lòng trung thành say đắm. Ngày 7-1-1778, nàng hạ sinh một bé gái được cho là con ông. Đến tháng Sáu hai mẹ con được chuyển đến một tu viện ở Gien, gần Orléans.

Mirabeau kêu gọi cha tha thứ và giúp thả ông ra. “Xin hãy cho con được thấy mặt trời” ông khẩn cầu; “xin cho con được thở một không khí tự do hơn, cho con được nhìn thấy khuôn mặt của đồng loại mình! Con không thấy gì ngoại trừ những bức tường tăm tối... Cha ơi, con sẽ chết mất vì những cơn đau đớn của bệnh viêm thận!”⁴¹ Để làm nhẹ bớt cảnh khốn khổ, để kiếm ít tiền cho Sophie và để cho khỏi nổi điên lên, ông viết nhiều cuốn sách, một số có nội dung khiêu dâm. Quan trọng nhất là cuốn *Lettres de cachet* (Những bức mật chỉ) mô tả những sự bất công của việc bắt người mà không có trát và giam giữ mà không xét xử và đòi hỏi phải cải cách nhà tù và pháp luật. Được xuất bản năm 1782, cuốn sách nhỏ khiến Louis XVI xúc động tới mức năm 1784, ông ra lệnh thả tất cả tù nhân bị giam giữ ở Vincennes.⁴²

Các cai ngục của Mirabeau lấy làm thương hại ông và sau tháng Mười một năm 1779, ông được phép đi bộ trong những khu vườn của tòa lâu đài và gặp những người khách đến thăm. Trong một số những người này ông tìm được phương tiện thỏa mãn cho sinh lực tình dục tràn đầy của mình.⁴³ Cha ông đồng ý xin cho ông được trả tự do với điều kiện ông sẽ xin lỗi vợ mình và tiếp tục sống chung với bà vì vị Hầu tước

già đang nóng lòng có một đứa cháu trai để nối dõi dòng họ. Mirabeau viết thư cho vợ xin tha thứ. Ngày 13-12-1780, ông được phóng thích dưới sự giám sát của cha ông, người cha mời ông về điền trang của dòng họ nội ở Le Bignon. Ông có một số quan hệ ở Paris và viếng thăm Sophie trong tu viện của nàng. Có vẻ như ông nói với Sophie mình có ý định sum họp trở lại với vợ. Rồi ông đến Le Bignon và làm cho người cha vui thích. Sophie nhận được tiền từ chồng mình, dọn sang một ngôi nhà gần tu viện, tham gia các hoạt động từ thiện và đồng ý kết hôn với một viên cựu đại úy kỵ binh. Ông ta chết trước khi làm đám cưới và ngày hôm sau (9-9-1789) Sophie tự tử.⁴⁴

Vợ của Mirabeau từ chối gặp ông; ông kiện bà tội ruồng bỏ chồng; vụ kiện thất bại, nhưng làm kinh ngạc những người bạn cũng như kẻ thù của ông với tài hùng biện trong bài phát biểu dài năm tiếng đồng hồ nhằm biện hộ cho mình. Cha ông từ ông; ông kiện cha mình và đạt được một khoản trợ cấp mỗi năm 3.000 franc từ cha. Ông vay mượn tiền và sống huy hoàng. Năm 1784, ông cặp một cô nhân tình mới, Henriette de Nehra. Ông cùng nàng sang Anh và Đức (1785-1787). Trên đường đi, ông có những mối quan hệ qua đường được Henriette tha thứ, vì nàng nói: “Nếu một người đàn bà theo đuổi ông chút xíu cũng làm cho ông bốc cháy ngay lập tức.”⁴⁵ Ông gặp Đại đế Frederick hai lần và biết đủ về nước Phổ để soạn (từ những tài liệu do một thiếu tá Phổ cung cấp) cuốn *De la Monarchie prussienne* (Về nền quân chủ nước Phổ, 1788); ông đề tặng cuốn sách cho cha mình, ông này mô tả nó như là “bộ tài liệu biên soạn khổng lồ của một anh công nhân điên cuồng.” Calonne giao cho ông gửi những báo cáo mật về nội tình nước Đức. Ông gửi về 70 báo cáo, làm cho vị bộ trưởng kinh ngạc với nhận thức sắc sảo và văn phong mạnh mẽ của chúng.

Trở về Paris, ông nhận thấy tâm trạng bất mãn của dân chúng đang tiến gần đến nhiệt tình cách mạng. Trong một

bức thư gửi bộ trưởng Montmorin, ông cảnh báo rằng trừ khi có một Hội nghị Quốc dân Đại biểu nhóm họp vào năm 1789, còn nếu không thì cách mạng sẽ xảy ra. “Tôi xin hỏi liệu ngài đã tính đến khả năng tiềm tàng đầy rối loạn của cái đối tác động lên tinh thần tuyệt vọng. Tôi xin hỏi ai sẽ dám đứng ra chịu trách nhiệm cho sự an toàn của những người ở chung quanh ngài vàng hoặc hơn thế nữa, của chính Nhà Vua?”⁴⁶ Ông bị cuốn vào cơn rối loạn và lao vào dòng chảy. Ông đạt được một sự hòa giải mong manh với cha mình (mất năm 1789) và tự ra ứng cử làm đại diện của vùng Aix-en-Provence tại Hội nghị Quốc dân Đại biểu. Ông mời các nhà quý tộc trong khu vực nên chọn mình; họ từ chối; ông quay sang Đảng cấp Thứ ba và được họ hoan nghênh. Giờ đây, ông rời bỏ trái kén bảo thủ của mình và khoác lên đôi cánh dân chủ. “Chủ quyền tối thượng nằm duy nhất... trong nhân dân; Nhà Vua... không gì hơn là vị quan tòa cao nhất của nhân dân.”⁴⁷ Ông muốn giữ lại chế độ quân chủ, nhưng chỉ như một lực lượng bảo vệ dân chúng chống lại giới quý tộc; trong khi đó, ông thúc giục mọi đàn ông trưởng thành nên được quyền bầu cử.⁴⁸ Trong một diễn văn đọc trước các Đảng cấp xứ Provence, ông đe dọa các giai cấp hưởng đặc quyền bằng một lời nói chung chung: “Hãy coi chừng; đừng nên coi thường dân chúng, những người sản xuất ra mọi thứ; khối dân chúng này, để trở nên kinh khủng, chỉ cần bất động.”⁴⁹

Một vụ bạo loạn vì bánh mì nổi lên ở Marseilles (tháng Ba năm 1789); nhà cầm quyền cho người đi mời Mirabeau đến để trấn an dân chúng vì họ biết ông được lòng dân. Quần chúng tụ tập thành một đám đông 120.000 người để hoan nghênh ông.⁵⁰ Ông tổ chức một đội tuần tra để ngăn ngừa bạo động. Trong một *Avis au peuple marseillais* (Thông báo gửi dân chúng Marseilles), ông khuyên dân chúng nên kiên nhẫn cho đến khi Hội nghị Quốc dân Đại biểu có thời gian tìm ra một sự thăng bằng giữa nhà sản xuất muốn bán giá cao và người tiêu thụ muốn hưởng giá thấp. Những người tham gia cuộc náo loạn

nghe lời ông. Cũng bằng tài thuyết phục tương tự ông đã trấn an mọi cuộc nổi dậy ở Aix. Cả Aix lẫn Marseilles đều chọn ông làm đại biểu của họ; ông cảm ơn các cử tri và quyết định đại diện cho Aix. Tháng Tư năm 1789, ông lên đường đi Paris và Hội nghị Quốc dân Đại biểu.

VI. CUỘC DIỄN TẬP CUỐI CÙNG: 1789

Ông đi qua một đất nước đang đương đầu với nạn đói và tập dượt làm cách mạng. Tại nhiều khu vực, trong mùa xuân 1789, đã liên tục xảy ra những cuộc nổi loạn chống lại các thứ thuế và giá bánh mì. Ở Lyons, dân chúng tràn vào các văn phòng của nhân viên thu thuế và tiêu hủy sổ sách. Ở Agde, gần Montpellier, dân chúng đe dọa cướp phá khắp nơi trừ khi giá các loại hàng hóa được giảm xuống; chúng được giảm xuống. Những ngôi làng sợ thiếu ngũ cốc đã dùng vũ lực ngăn chặn việc xuất khẩu ngũ cốc từ các khu vực của họ. Một số nông dân nói đến việc đốt cháy mọi lâu đài và giết chết các lãnh chúa (tháng Năm năm 1789).⁵¹ Tại Montlhéry, những người đàn bà nghe tin giá bánh mì tăng, đã dẫn một đám dân chúng tiến vào các vựa thóc và tiệm bánh và chiếm lấy tất cả bánh mì và bột mì có sẵn. Những cảnh tượng tương tự xảy ra ở Bray-sur-Seine, Bagnols, Amiens và ở hầu như khắp nơi trên đất Pháp. Từ thị trấn này sang thị trấn khác, các diễn giả khích động dân chúng bằng cách bảo với họ rằng Nhà Vua đã hoãn lại tất cả việc đóng thuế.⁵² Một báo cáo lưu hành qua khắp Provence trong tháng Ba và tháng Tư nói rằng: “vị vua tốt nhất trong các vị vua muốn có sự bình đẳng trong việc đóng thuế; rằng sẽ không có những giám mục, lãnh chúa, thuế thập phân, thuế phong kiến, tước hiệu hoặc sự phân biệt nữa.”⁵³ Sau ngày 1-4-1789, người ta không còn đóng những loại thuế phong kiến. Việc “tình nguyện” từ bỏ các loại thuế này của giới quý tộc ngày 4 tháng Tám không phải là một hành động tự hy sinh mà là việc công nhận một sự đã rồi.



Hình 52. *Emmanuel-Joseph Sieyès*
(tranh sơn dầu của Jacques-Louis David, 1817)

Tại Paris, tâm trạng khích động tăng lên hầu như mỗi ngày khi cuộc họp của Hội nghị Quốc dân Đại biểu càng đến gần. Những tập sách mỏng đổ ra từ nhà in, tài hùng biện cất cao giọng tại các quán cà phê và câu lạc bộ. Tập sách mỏng nổi tiếng nhất và mạnh mẽ nhất trong toàn lịch sử xuất hiện vào tháng Một năm 1789, được viết bởi nhà tự do tư tưởng là Cha Emmanuel-Joseph Sieyès, tổng đại diện của giáo khu Chartres. Chamfort đã viết: “*Qu’est-ce que le Tiers hat?-Tout. Qu’a-t-il?-Rien.*” (Đăng cấp Thứ ba là gì? - Mọi thứ. Nó có

gì? - Không gì cả.) Sieyès biến câu nói dí dỏm để bùng nổ này thành một tiêu đề hấp dẫn và biến nó thành 3 câu hỏi mà không bao lâu sau một nửa nước Pháp sẽ hỏi:

Đẳng cấp Thứ ba là gì? Mọi thứ.

Cho đến nay nó đã là gì, về chính trị? Không là gì cả.

Nó đòi hỏi điều gì? Trở thành một thứ gì đó.⁵⁴

Trong số 26 triệu người Pháp, Sieyès chỉ ra, có ít nhất 25 triệu thuộc Đẳng cấp Thứ ba - những người thế tục không có tước hiệu [quý tộc]; thật vậy, Đẳng cấp Thứ ba chính là quốc gia. Nếu trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu các giai cấp khác từ chối ngồi với nó, nó sẽ được biện minh khi tự tạo thành "*Assemblée Nationale*" (Quốc hội). Cụm từ đó đã tồn tại.

Cái đói thậm chí còn hung hãn hơn những lời nói. Khi những trạm cứu tế được chính phủ, giới tu sĩ và những người giàu lập nên ở Paris, những người hành khất và tội phạm từ những vùng xa thành thị lũ lượt kéo đến để ăn và liều lĩnh trong những hành động tuyệt vọng mà không có gì để mất. Đó đây dân chúng nắm lấy tình hình trong tay mình; họ đe dọa treo cổ lên cột đèn gần nhất bất cứ nhà buôn nào che giấu ngũ cốc hoặc bán nó quá đắt; thường thì họ chặn lại và cướp phá những đoàn xe tải chở ngũ cốc trước khi chúng đến được chợ; đôi khi họ tấn công các chợ và lấy đi mà không trả tiền số ngũ cốc mà nông dân mang đến bán.⁵⁵ Ngày 23 tháng Tư, Necker công bố thông qua Hội đồng Hoàng gia một sắc lệnh cho phép các quan tòa và cảnh sát kiểm kê hàng tồn kho của các vựa ngũ cốc tư nhân và buộc họ, ở những nơi bánh mì khan hiếm, bán ngũ cốc của mình ra chợ; nhưng lệnh này được thi hành lỏng lẻo. Đó là bức tranh thành Paris vào mùa xuân.



Hình 53. *Louis Philippe d'Orléans, Công tước de Chartres*
(tranh của par Joshua Reynolds, khoảng năm 1779)

Công tước d'Orléans nhìn thấy trong những đám đông dân chúng giận dữ này công cụ khả dĩ cho tham vọng của ông. Ông là cháu của vị Philippe d'Orléans từng làm nhiếp chính của nước Pháp (1715-1723). Ra đời năm 1747, được phong làm

Công tước de Chartres năm lên 5 tuổi; đến năm 21 tuổi, ông cưới Louise-Marie de Bourbon-Penthièvre, của cải của người vợ này đã biến ông thành người giàu nhất nước Pháp.⁵⁶ Năm 1785, ông thừa kế tước hiệu Công tước d'Orléans; sau năm 1789, qua việc ủng hộ tích cực cho chính nghĩa của nhân dân, ông được biết dưới tên Philippe Égalité (Philippe Bình đẳng). Chúng ta đã thấy ông thách thức Nhà Vua trong Tối cao Pháp viện và bị đày đi Villers-Cotterets. Không lâu sau khi trở về Paris, ông quyết định biến mình thành thần tượng của dân chúng, hy vọng có thể được chọn để kế tục người anh họ Louis XVI trong trường hợp Nhà Vua bị quấy rối thoái vị hay bị truất phế. Ông bố thí rộng rãi cho người nghèo, khuyến khích quốc hữu hóa tài sản của giáo hội,⁵⁷ và mở cửa cho công chúng khu vườn và một số phòng của tòa lâu đài Palais-Royal (Hoàng cung) của ông ở ngay trung tâm Paris. Ông có những nét duyên dáng của một nhà quý tộc hào phóng và phẩm hạnh của tổ tiên ông, vị quan nhiếp chính. Bà de Genlis, quản gia của các con ông, phục vụ ông trong vai trò liên lạc với Mirabeau, Condorcet, Lafayette, Talleyrand, Lavoisier, Volney, Sieyès, Desmoulins, Danton. Các bạn bè thành viên của Hội Tam điểm hậu thuẫn ông đáng kể.⁵⁸ Tiểu thuyết gia Choderlos de Laclos, thư ký của ông, thay mặt ông tổ chức các vụ biểu tình và nổi dậy của dân chúng. Trong những khu vườn, quán cà phê, sông bạc và nhà thổ gần lâu đài của ông, những người viết những tập sách mỏng trao đổi nhau các ý tưởng và hình thành các kế hoạch; ở đây hàng nghìn người thuộc mọi giai cấp kết hợp nhau lại trong những vụ náo động của giờ phút cuối cùng. Cung điện Palais-Royal, như một tên gọi cho toàn thể khu phức hợp này, trở thành trung tâm của Cách mạng.

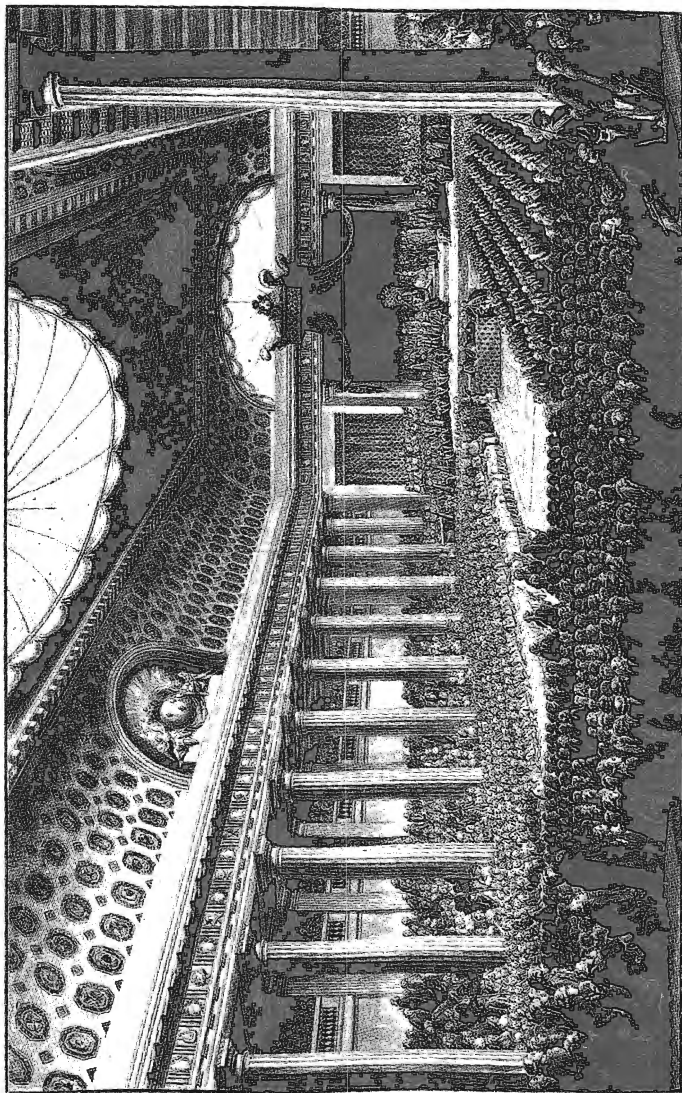
Có người cho rằng và điều này có thể đúng nhưng không chắc chắn, tiền của Công tước và hoạt động tích cực của Choderlos de Laclos đã đóng một vai trò trong việc tổ chức cuộc tấn công vào nhà máy Réveillon trên Đường St.-Antoine. Réveillon

đang lãnh đạo một cuộc cách mạng của riêng mình: thay thế những bức tranh tường và thảm bằng giấy da bê được các họa sĩ vẽ theo một kỹ thuật do ông phát triển và tạo ra điều mà một người có thẩm quyền trong lĩnh vực này ở Anh gọi “chắc chắn là những tờ giấy dán tường đẹp nhất từng được tạo ra.”⁵⁹ Xưởng của ông sử dụng 300 nhân công với mức lương tối thiểu là 25 xu (1,56 đô-la Mỹ?) mỗi ngày.⁶⁰ Tại một buổi họp của hội đồng bầu cử khu vực Ste.-Marguerite, một cuộc tranh luận đã nổ ra giữa các cử tri thuộc giai cấp trung lưu và các công nhân; có sự lo ngại là lương sẽ bị cắt giảm,⁶¹ và một báo cáo giả mạo được lan truyền dẫn lời Réveillon nói rằng: “Một người thợ với vợ và con có thể sống với 15 xu mỗi ngày.” Ngày 27 tháng Tư một đám đông tụ tập bên ngoài nhà của ông chủ nhà máy và, không tìm thấy ông ta, đã đốt hình nộm ông. Ngày 28, được tăng cường và vũ trang, đám đông xâm chiếm nhà ông, cướp phá, đốt cháy bàn ghế, uống rượu trong hầm và chiếm đoạt tiền bạc cùng những bát đĩa bằng bạc. Những người nổi loạn đi tiếp đến nhà máy và cướp phá nó. Quân đội được gửi đến để chống lại họ; họ tự vệ trong một trận đánh kéo dài suốt nhiều giờ đồng hồ; 12 binh sĩ và hơn 200 người nổi loạn bị giết. Réveillon đóng cửa nhà máy và chuyển sang Anh.

Đó là bầu không khí của Paris khi các đại biểu được bầu và những người thay thế họ đến dự Hội nghị Quốc dân Đại biểu tại Versailles.

VII. HỘI NGHỊ QUỐC DÂN ĐẠI BIỂU: 1789

Ngày 4 tháng Năm, các đại biểu di chuyển trong một đám rước trọng thể đến dự Thánh lễ tại Nhà thờ St. Louis: các giáo sĩ Versailles đi đầu, rồi đến các đại diện của Đảng cấp Thứ ba mặc đồ đen, rồi đến các đại biểu quý tộc ăn mặc sặc sỡ và cầm lông chim trên mũ, rồi đến các đại biểu của Giáo hội, rồi đến Nhà Vua và Hoàng hậu có hoàng gia vây quanh.



Hình 54. Phiên họp Quốc dân Đại biểu ngày 5-5-1789 ở Versailles
(tranh của Isidore-Stanislaus Helman và Charles Monnet)

Thị dân chen chúc trên các đường phố, ban công và mái nhà; họ hoan hô những đại diện của giai cấp bình dân, Nhà Vua và Công tước d'Orléans và im lặng trước các nhà quý tộc, các giáo sĩ và Hoàng hậu. Trong một ngày, mọi người (ngoại trừ Hoàng hậu) đều sung sướng vì điều mà rất nhiều người hy vọng đã bắt đầu diễn ra. Nhiều người, kể cả một số nhà quý tộc, đã khóc trước cảnh tượng một quốc gia bị chia rẽ giờ có vẻ như đang hợp nhất.

Ngày 5 tháng Năm, các đại biểu tụ họp tại Salle des Menus Plaisirs (Phòng Khánh tiết) mênh mông, cách cung điện Nhà Vua khoảng 365 mét. Có 621 đại biểu thứ dân, 308 giáo sĩ, 285 nhà quý tộc (kể cả 20 người thuộc *noblesse de robe* - quý tộc áo choàng). Trong số các đại biểu của giáo hội có khoảng 2/3 xuất thân từ tầng lớp bình dân; nhiều người trong số này về sau chia sẻ số phận với các đại biểu thứ dân. Gần một nửa đại biểu của Đảng cấp Thứ ba là các luật sư, 5% là những người hành nghề chuyên nghiệp, 13% là các doanh nhân, 8% đại diện cho giới nông dân.⁶³ Trong số các giáo sĩ có Charles-Maurice de Talleyrand-Périgord, giám mục xứ Autun. Mirabeau, đoán trước câu nói “đồ bùn đen mang vớ lụa” của Napoléonⁱ đã mô tả Talleyrand như là “một kẻ xấu xa, tham lam, hèn hạ, lắm mưu đồ, một kẻ ham muốn bùn đen và tiền bạc; vì tiền ông ta có thể bán linh hồn của mình; và ông ta làm đúng vì ông ta sẵn lòng đổi một đồng phân để lấy vàng;”⁶⁴ điều khó mà đánh giá đúng trí thông minh uyển chuyển của Talleyrand. Trong số các nhà quý tộc có nhiều người ủng hộ những cải cách quan trọng: Lafayette, Condorcet, Lally-Tollendal, Tử tước de Noailles, các Công tước d'Orléans, d' Aiguillon, và de La Rochefoucauld-Liancourt. Phần lớn họ tham gia cùng Sieyès, Mirabeau và các đại biểu khác của Đảng cấp Thứ ba để lập nên nhóm *Les Trentes*, một Hội Ba mươi người, hành động như một nhóm tổ chức các biện pháp tự do. Nổi bật

i xem: *Triều đại Napoléon* của cùng tác giả và dịch giả.

trong phái đoàn của Đảng cấp Thứ ba là Mirabeau, Sieyès, Mounier, Barnave, Jean Bailly nhà thiên văn và Maximilien Robespierre. Nhìn chung đây là hội nghị ưu tú nhất trong lịch sử biên niên của nước Pháp, có thể là trong toàn thể lịch sử hiện đại. Những tinh thần quảng đại trên khắp châu Âu nhìn về cuộc hội tụ này để nêu lên một tiêu chuẩn cho những ai bị áp bức cho mọi dân tộc noi theo.

Nhà Vua khai mạc phiên họp đầu tiên bằng một diễn văn ngắn gọn, thẳng thắn thú nhận cảnh khốn quẫn về tài chính của chính phủ ông, quy trách nhiệm việc này cho “một cuộc chiến tranh tốn kém nhưng vẻ vang” yêu cầu “tăng các thứ thuế” và phàn nàn về “một ham muốn đổi mới được phóng đại.” Necker tiếp theo với một bài diễn văn dài ba tiếng đồng hồ, công nhận một khoản thâm hụt 56.150.000 livre (thực ra là 150.000.000) và yêu cầu phê chuẩn một khoản vay 80.000.000 livre. Các đại biểu sốt ruột trước các thống kê nhức óc; đa số bọn họ mong đợi vị bộ trưởng có đầu óc tự do trình bày một chương trình cải cách.

Cuộc đấu tranh của các giai cấp bắt đầu vào ngày hôm sau, khi giới quý tộc và giới giáo sĩ bước vào các căn phòng riêng. Công chúng giờ đây buộc phải vào Phòng Khánh tiết; không lâu sau đấy, họ là những lá phiếu gây ảnh hưởng nhờ cách diễn đạt mạnh mẽ - và thường có tổ chức - việc đồng ý hay phản đối. Đảng cấp Thứ ba từ chối công nhận đang ở trong một phòng họp tách biệt; họ kiên quyết chờ đợi các đảng cấp kia cùng tham gia với mình và bỏ phiếu theo đầu người. Các nhà quý tộc đáp lại rằng biểu quyết theo giai cấp - mỗi giai cấp một phiếu - là một phần không thể thay đổi trong việc tạo nên chế độ quân chủ; trộn lẫn cả ba giai cấp lại thành một và cho phép biểu quyết theo từng đầu người, trong một hội nghị mà Đảng cấp Thứ ba đã chiếm đến một nửa và còn có thể sẵn sàng nhận được sự ủng hộ của các giáo sĩ cấp dưới, sẽ có nghĩa là từ bỏ trí thông minh và cá tính của nước Pháp để chỉ tuân theo mệnh lệnh của số đông và giới tư sản. Các đại biểu

của Giáo hội, bị chia rẽ giữa hai giới bảo thủ và tự do, không tỏ rõ thái độ, chờ cho các sự kiện dẫn dắt. Một tháng trôi qua.

Trong khi đó, giá bánh mì tiếp tục tăng cao, mặc cho những nỗ lực của Necker nhằm điều tiết nó và mối nguy hiểm về bạo động của công chúng gia tăng. Cơn lũ của những tập sách mỏng dâng cao. Arthur Young viết ngày 9 tháng Sáu:

Công việc làm ăn hiện nay của các tiệm bán những tập sách mỏng ở Paris phát đạt không tưởng nổi. Tôi đến Lâu đài Palais Royal để xem có gì mới được công bố và để kiểm một bản mục lục của tất cả các tập sách này. Cứ mỗi giờ lại có điều gì đó mới mẻ được tung ra. Hôm nay có 13 tập mới, hôm qua 16 tập, tuần qua có 92 tập... Mười chín phần hai mươi những ấn phẩm này ủng hộ tự do và thường công kích dữ dội giới giáo sĩ và giới quý tộc... Không có tập nào phản đối xuất hiện.⁶⁵

Ngày 10 tháng Sáu, các đại biểu thuộc Đảng cấp Thứ ba gửi một ủy ban đến gặp các nhà quý tộc và các tu sĩ để lại mời họ cùng tham gia một cuộc họp chung và tuyên bố rằng, nếu các đảng cấp khác tiếp tục họp riêng rẽ thì Đảng cấp Thứ ba sẽ tiến hành họp mà không có họ để thực hiện công cuộc lập pháp cho quốc gia. Vết rạn nứt trong cuộc đấu tranh giữa các ý chí tập thể xuất hiện vào ngày 14 tháng Sáu khi 9 linh mục giáo khu đến với những người bình dân. Vào ngày hôm đó, Đảng cấp Thứ ba bầu Bailly làm chủ tịch của họ và tự tổ chức cuộc tranh luận và soạn thảo luật pháp. Đến ngày thứ 15, Sieyès đề nghị rằng vì các đại biểu trong Phòng Khánh tiết đại diện cho 96% quốc gia họ nên tự gọi là “Hội nghị các Đại diện được Công nhận và Kiểm chứng của Quốc gia Pháp.” Mirabeau nghĩ đây là một từ ngữ quá rộng mà Nhà Vua chắc chắn sẽ bác bỏ. Thay vì rút lại, Sieyès đơn giản hóa cái tên được đề nghị thành *Assemblée Nationale* (Quốc hội). Tên này được biểu quyết chấp thuận với tỉ lệ 491 chống 89.⁶⁶ Tuyên bố

này đã tự động thay đổi chế độ quân chủ tuyệt đối thành một chế độ quân chủ có giới hạn, chấm dứt những đặc quyền của các giai cấp thượng lưu và về mặt chính trị, tạo nên bước khởi đầu của Cuộc Cách mạng.

Nhưng liệu Nhà Vua có chấp nhận sự giới hạn này không? Để buộc ông phải nghiêng về quyết định này, Quốc hội ra sắc lệnh tuyên bố rằng mọi loại thuế hiện hành phải được đóng như trước đây cho đến khi Quốc hội giải tán; rằng sau đây chỉ phải đóng những loại thuế Quốc hội cho phép; rằng Quốc hội sẽ xem xét càng sớm càng tốt những nguyên nhân thiếu hụt bánh mì và những phương cách giải quyết; và rằng sau khi một bản hiến pháp mới được chấp nhận Quốc hội sẽ gánh vác và trả đúng hạn các khoản nợ của quốc gia. Một trong các biện pháp này nhằm trấn an những người gây bạo loạn; một biện pháp khác nhằm hỗ trợ những người giữ trái phiếu; tất cả được sắp đặt một cách thông minh nhằm giảm thiểu sự chống đối của Nhà Vua.

Louis hỏi ý kiến Hội đồng của ông. Necker cảnh báo ông rằng trừ khi các đẳng cấp được hưởng đặc quyền chịu nhượng bộ, Hội nghị Quốc dân Đại biểu sẽ sụp đổ, thuế má sẽ không ai đóng và chính phủ sẽ phá sản và tuyệt vọng. Các bộ trưởng khác phản đối rằng việc biểu quyết theo đầu người sẽ có nghĩa là một chế độ độc tài của Đẳng cấp Thứ ba và kéo giai cấp quý tộc xuống cảnh bất lực về chính trị. Cảm thấy ngại vàng của mình tùy thuộc vào các nhà quý tộc và giới tu sĩ, Louis quyết định chống lại Quốc hội. Ông thông báo sẽ đọc diễn văn trước các Đẳng cấp vào ngày 23 tháng Sáu. Bị thất bại, Necker xin từ chức. Biết công chúng sẽ oán hận một hành động như vậy, Nhà Vua thuyết phục được ông ở lại.

Để chuẩn bị cho buổi họp được ấn định với sự tham dự của Nhà Vua, Phòng Khánh tiết cần được bố trí lại chút đỉnh. Mệnh lệnh được truyền cho các thợ trong hoàng cung nhưng không thông báo cho Hội nghị. Khi các đại biểu của Đẳng cấp Thứ ba cố tiến vào phòng ngày 20 tháng Sáu, họ thấy

những cánh cửa đóng chặt và bên trong có nhiều công nhân. Cho rằng Nhà Vua đang lên kế hoạch giải tán họ, các đại biểu chuyển sang một sân quần vợt kế bên (*Salle du Jeu de Paume* - Phòng chơi bóng quần) và đưa ra lời thề tạo nên lịch sử:

Quốc hội, xét thấy rằng đã được triệu tập để thiết lập nên hiến pháp của vương quốc, phục hồi trật tự công cộng và duy trì những nguyên lý chân thật của chế độ quân chủ, rằng không gì có thể ngăn cản Quốc hội tiếp tục những cuộc tranh luận tại bất cứ nơi nào buộc phải tự tạo nên, và, cuối cùng, rằng tại bất cứ nơi nào các thành viên của Quốc hội nhóm họp thì đó là Quốc hội, ra sắc luật rằng tất cả các thành viên của Hội nghị này sẽ long trọng tuyên thệ không chia tách và nhóm họp trở lại tại bất cứ nơi nào các hoàn cảnh đòi hỏi cho đến khi tình trạng của vương quốc được thiết lập và được củng cố trên những nền tảng vững chắc; và rằng, sau khi tuyên thệ như vậy, tất cả các thành viên và từng người một trong đó sẽ phê chuẩn bằng cách ký tên vào bản nghị quyết kiên định này⁶⁷.

Tất cả ngoại trừ 2 người trong tổng số 557 đại biểu và 20 người thay thế có mặt đã ký tên; 55 người nữa cùng 5 linh mục đã ký sau đó. Khi tin tức về các sự kiện này lan đến Paris, một đám đông đã tụ tập chung quanh Lâu đài Palais-Royal và thề sẽ bảo vệ Quốc hội bằng bất cứ giá nào. Tại Versailles, tình thế trở nên nguy hiểm cho một nhà quý tộc hay giáo sĩ cao cấp nào xuất hiện ngoài đường; nhiều người bị đối xử thô bạo và vị Tổng Giám mục Paris chỉ có thể thoát thân được bằng cách hứa tham gia Quốc hội. Ngày 22 tháng Sáu, các đại biểu đã tuyên thệ gặp nhau ở Nhà thờ St. Louis; tại đó, có một số ít nhà quý tộc cùng 149 trong số 308 đại biểu của giáo hội đã gia nhập cùng họ.

Ngày 23 tháng Sáu, ba đẳng cấp họp nhau ở Phòng Khánh tiết để nghe Nhà Vua. Phòng họp có binh lính vây quanh.

Necker vắng mặt một cách lộ liễu trong đoàn tùy tùng của Nhà Vua. Louis tuyên bố ngắn gọn và rồi giao cho một vị quốc vụ khanh đọc quyết định của ông. Bản Quyết định bác bỏ việc các đại biểu tự cho mình là Quốc hội, xem đó là bất hợp pháp và vô giá trị. Nó cho phép một cuộc họp thống nhất của ba đẳng cấp và việc biểu quyết theo đầu người về những vấn đề không ảnh hưởng đến cơ cấu giai cấp của nước Pháp; nhưng sẽ không có gì được thực hiện để làm suy yếu “những quyền hợp hiến và cổ xưa... về việc sở hữu hoặc những đặc quyền kính cẩn... của hai giai cấp đầu”; và những vấn đề liên quan đến tôn giáo phải được sự chấp thuận của giới giáo sĩ. Nhà Vua cho Hội nghị Quốc dân Đại biểu có quyền phủ quyết những thứ thuế và những khoản vay mới; ông hứa sẽ thi hành sự bình đẳng trong việc đóng thuế nếu các giai cấp được hưởng đặc quyền biểu quyết chấp thuận điều này; ông đề nghị tiếp nhận những lời khuyên nhủ cải cách và thiết lập các hội nghị hàng tỉnh trong đó việc biểu quyết sẽ tính theo đầu người. Ông đồng ý chấm dứt *corvée*, *lettre de cachet*, các thứ lệ phí đối với thương mại trong nước và mọi vết tích của chế độ nông nô tại Pháp. Ông kết luận phiên họp với lời bày tỏ uy quyền:

Nếu các khanh từ bỏ trăm trong công cuộc khó khăn vĩ đại này, trăm sẽ một mình làm việc cho phúc lợi của dân chúng của trăm... Trăm sẽ xem mình là người đại diện thật sự duy nhất của họ... Không có kế hoạch hay hành động nào của các khanh có thể trở thành luật nếu không có sự phê chuẩn đặc biệt của trăm... Trăm ra lệnh cho các khanh giải tán tức thì và sáng ngày mai mỗi đẳng cấp nên vào phòng riêng của mình để tái tục các cuộc tranh luận.⁶⁸

Khi Nhà Vua đã đi, phần lớn các quý tộc và một thiểu số tu sĩ cũng ra đi. Hầu tước de Brézé, quan Trưởng ban Lễ tân, thông báo với các đại biểu còn ở lại rằng Nhà Vua muốn

tất cả rời phòng họp. Mirabeau đưa ra câu trả lời nổi tiếng: “Thưa ông... ở đây ông không có chỗ ngồi cũng không có tiếng nói cũng không có quyền nói... Nếu ông được lệnh buộc chúng tôi phải rời phòng họp này, ông phải xin lệnh dùng vũ lực... vì chúng tôi sẽ không rời chỗ của mình trừ khi dưới sức mạnh của lưỡi lê.”⁶⁹ Lời tuyên bố này được phụ họa bằng một tiếng kêu khắp hội trường: “Đó là ý chí của Quốc hội.” De Brézé rút lui. Mệnh lệnh được ban cho các binh lính địa phương là hãy đuổi sạch phòng họp, nhưng một số nhà quý tộc thuyết phục họ đừng nên hành động. Khi được báo cáo lại tình hình, Nhà Vua nói: “Chà, được, quý tha ma bắt nó đi; hãy để họ ở lại.”⁷⁰

Ngày 24 tháng Sáu, Young ghi vào nhật ký: “Cơn khích động ở Paris không tưởng tượng nổi; hôm nay, mười nghìn người đã tụ tập ở Palais Royal... Những cuộc họp liên miên ở đây được đẩy tới chỗ phóng túng và lòng ham mê tự do cuồng nhiệt thật khó tin.”⁷¹ Chính quyền thành phố không thể duy trì trật tự vì họ không thể dựa vào những “Vệ binh Pháp” ở địa phương; nhiều người trong số họ đã được những người bà con giải thích về chính nghĩa của nhân dân; một số binh lính kết thân với những đám đông quanh lâu đài Palais-Royal; trong một trung đoàn ở Paris có một hội kín cam kết không tuân theo mệnh lệnh nào thù địch với Quốc hội. Ngày 25 tháng Sáu, 407 người được bầu làm đại biểu của Đảng cấp Thứ ba ở Paris nhóm họp và tự thay thế cho chính quyền hoàng gia ở thủ đô. Họ chọn ra một hội đồng thành phố mới hầu hết thuộc giai cấp trung lưu và hội đồng cũ để lại cho họ trọng trách bảo vệ sinh mạng và tài sản [của dân chúng]. Cùng ngày hôm đó, 47 nhà quý tộc do Công tước d’Orléans dẫn đầu đã chuyển sang Phòng Khán tiết. Chiến thắng của Quốc hội dường như chắc chắn. Chỉ có sức mạnh mới có thể buộc họ ra đi.

Ngày 26 tháng Sáu, mặc Necker chống đối, những người bảo thủ trong nội các Nhà Vua tâu với ông rằng không còn có

thể tin cậy các binh lính địa phương ở Versailles và Paris tuân lệnh nữa và thuyết phục ông cho gọi 6 trung đoàn từ các tỉnh về. Ngày 27, chuyển hướng nghe theo lời khuyên của Necker, Louis ra lệnh cho các đoàn đại biểu quý tộc và tu sĩ hợp nhất với phần còn lại. Họ tuân lệnh nhưng các nhà quý tộc từ chối tham gia bỏ phiếu; họ viện cớ rằng chỉ thị của các khu vực bầu cử từng bầu họ lên cấm họ biểu quyết riêng rẽ trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu. Trong ba mươi ngày sau đó, phần lớn bọn họ lui về các điền trang của mình.

Ngày 1 tháng Bảy, Nhà Vua gọi về Paris 10 trung đoàn, phần lớn là người Đức và Thụy Sĩ. Trong những tuần đầu tháng Bảy, 6.000 lính dưới quyền Thống chế de Broglie chiếm đóng Versailles và 10.000 người dưới quyền Nam tước de Besenval chiếm lấy những vị trí xung quanh Paris, phần lớn ở Champ de Mars. Quốc hội và dân chúng tin rằng Nhà Vua định giải tán hoặc đe dọa họ. Một số đại biểu quá sợ bị bắt tới mức ngủ lại Phòng Khánh tiết thay vì về nhà vào ban đêm.⁷²

Giữa bối cảnh kinh hoàng này, Quốc hội bổ nhiệm một ủy ban có nhiệm vụ soạn thảo những kế hoạch cho một bản hiến pháp mới. Ủy ban soạn ra một báo cáo sơ bộ vào ngày 9 tháng Bảy và kể từ ngày hôm đó, các đại biểu tự gọi là “Quốc hội Lập hiến.” Ý kiến chi phối là một chế độ quân chủ lập hiến. Mirabeau biện luận cho “một chính phủ ít nhiều giống như Anh quốc”; trong đó, Quốc hội sẽ là cơ quan lập pháp, nhưng trong hai năm còn lại của đời mình, ông tiếp tục thúc giục việc duy trì một ông vua. Ông khen ngợi Louis XVI có tấm lòng tốt và những ý định quảng đại, đôi khi nhầm lẫn vì những viên cố vấn thiên cận và ông hỏi:

Liệu những người này có nghiên cứu, trong lịch sử của mọi dân tộc, những cuộc cách mạng đã bắt đầu và được tiến hành như thế nào? Liệu họ có thấy rằng bởi một chuỗi hoàn cảnh tai hại nào mà những con người khôn ngoan nhất đã bị đẩy đi quá xa những giới hạn của sự chừng mực và bởi

những sự thôi thúc khủng khiếp nào mà một dân tộc điên cuồng bị xô đẩy vào những hành động thái quá mà chỉ cần nghĩ đến họ cũng đã rùng mình ghê sợ?⁷³

Quốc hội nghi ngờ Mirabeau nhận tiền của Nhà Vua hoặc Hoàng hậu để bảo vệ nền quân chủ nhưng nói chung họ nghe theo lời khuyên của ông. Các đại biểu, giờ đây đa số thuộc giai cấp trung lưu, cảm thấy dân chúng bắt đầu trở nên không thể quản lý nổi một cách nguy hiểm và phương cách duy nhất để ngăn ngừa một sự tan rã toàn diện trật tự xã hội là duy trì, trong thời gian sắp đến, cơ cấu hành pháp hiện hữu của nhà nước.

Họ không thấy thoải mái với Hoàng hậu. Mọi người đều biết bà đã tích cực tham gia vào việc ủng hộ phe bảo thủ trong Hội đồng Hoàng gia và đang sử dụng quyền lực chính trị vượt quá khả năng của bà. Trong những tháng nguy ngập này, bà đã chịu một sự tổn thất khiến có thể đã ảnh hưởng thiên lệch đến việc bà cần phải có phán đoán thận trọng và bình tĩnh. Con trai lớn của bà, Hoàng thái tử Louis, bị còi cọc và vẹo cột sống nghiêm trọng khiến không thể bước đi mà không có người dìu,⁷⁴ và cậu bé mất ngày 4 tháng Sáu. Tan nát vì buồn phiền và sợ hãi, Marie Antoinette không còn là người phụ nữ quyến rũ từng nô đùa vui nhộn trong những năm đầu của triều đại. Đôi má bà giờ gầy và xanh xao, tóc chuyển sang màu xám, nụ cười có vẻ đăm chiêu, nhớ lại những ngày hạnh phúc; và những đêm của bà càng u ám với ý thức về những đám đông nguyên rủa tên bà ở Paris và bảo vệ cũng như đe dọa Quốc hội ở Versailles.

Ngày 8 tháng Bảy, Mirabeau hoàn thành một bản kiến nghị yêu cầu Nhà Vua di chuyển khỏi Versailles binh lính từ các tỉnh vốn đang biến những khu vườn của Le Nôtre thành trại lính. Louis trả lời ông không có ý định làm hại Quốc hội nhưng vào ngày 11 tháng Bảy, ông lật ngửa bài khi thả hồi Necker và ra lệnh cho ông này rời Paris ngay lập tức. “Toàn Paris” Bà de

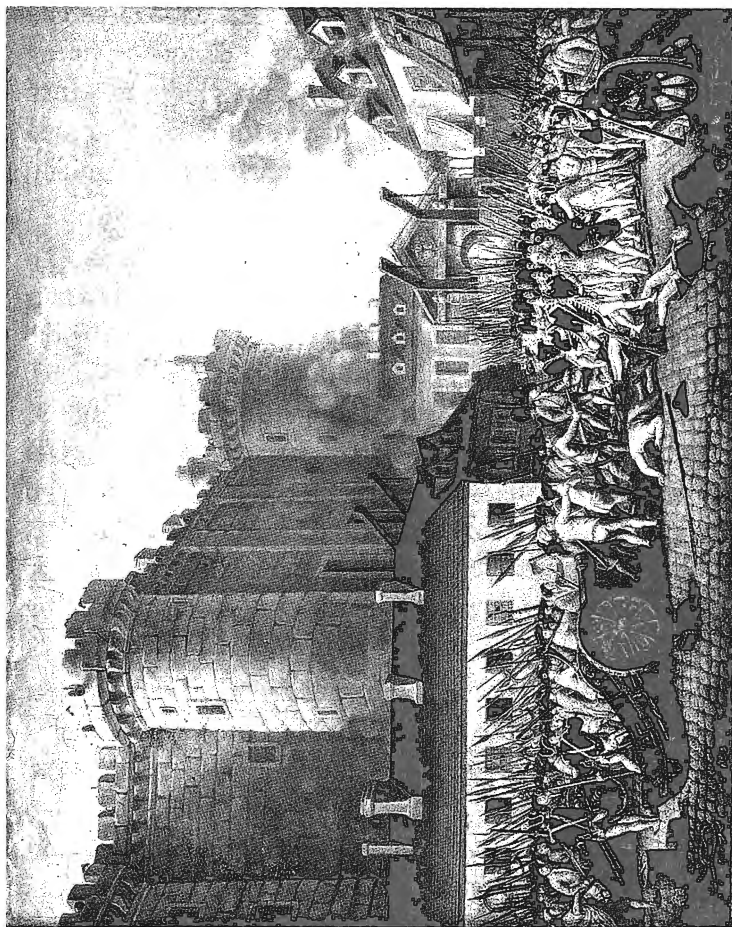
Staël nhớ lại: “lũ lượt đến thăm ông trong khoảng thời gian 24 giờ cho phép ông chuẩn bị chuyến đi... Công luận đã biến chuyện thất sủng của ông thành một chiến thắng.”⁷⁵

Ông và gia đình lặng lẽ rời đi Hòa Lan. Cùng lúc, những người ủng hộ ông trong nội các cũng bị sa thải. Ngày 12 tháng Bảy, nhượng bộ hoàn toàn những người chủ trương dùng sức mạnh, Louis bổ nhiệm người bạn của Hoàng hậu, Nam tước de Breteuil thay thế Necker và de Broglie được cử làm bộ trưởng chiến tranh. Quốc hội và cuộc cách mạng phôi thai của mình dường như phải chịu số phận bi đát.

Họ được dân chúng Paris cứu nguy.

VIII. ĐẾN NGỤC BASTILLE

Nhiều nhân tố đang đưa dân chúng từ chỗ khích động đến hành động. Giá bánh mì là một vấn đề làm các bà nội trợ phát cáu và có một mối nghi ngờ phổ biến là một số nhà bán lẻ đang tích trữ ngũ cốc với hy vọng sẽ bán được giá cao hơn nữa.⁷⁶ Nhà cầm quyền thành phố, sợ nạn đói có thể đưa đến việc cướp phá bữa bãi đã gửi binh sĩ đi bảo vệ các tiệm bánh. Với những người dân ông ở Paris, vấn đề nóng bỏng là biết rằng các trung đoàn từ các tỉnh, chưa được thuyết phục đứng về phía dân chúng, đang đe dọa Quốc hội và cuộc Cách mạng. Việc Necker bị thải hồi - ông là người duy nhất trong chính phủ mà dân chúng tin cậy - đã đưa tâm lý giận dữ và sợ hãi của dân chúng lên tới một điểm mà chỉ cần một lời cũng đủ để khích động hành động đáp trả đầy bạo lực. Vào buổi chiều ngày 12 tháng Bảy, Camille Desmoulins, một người tốt nghiệp từ trường dòng Tên nhưng giờ đây là một luật sư cấp tiến, 29 tuổi, nhảy lên một chiếc bàn bên ngoài quán Café de Foy gần lâu đài Palais-Royal, tố cáo việc thải hồi Necker như một hành động phản bội nhân dân và kêu lên: “Bọn Đức [các binh lính] ở Champ de Mars tối nay sẽ tiến vào Paris để tàn sát dân chúng!” Rồi, hai tay vung vẩy một khẩu súng lục và một thanh gươm,



Hình 55. *Chiếm ngục Bastille* (Họa sĩ vô danh)

ông kêu gọi “Hãy cầm lấy vũ khí!”⁷⁷ Một phần cử tọa đi theo ông đến Quảng trường Vendôme, mang theo những bức tượng bán thân của Necker và Công tước d’Orléans; tại đó, một số binh lính làm họ bỏ chạy. Vào buổi tối, một đám đông tụ tập trong Vườn Tuileries; một trung đoàn lính Đức tấn công họ bị họ chống lại bằng chai lọ và gạch đá, bắn vào họ và làm bị thương nhiều người. Bị giải tán, đám đông tụ tập lại ở Tòa Đô chính, dùng vũ lực xông vào và chiếm lấy tất cả vũ khí họ có thể tìm thấy. Hành khát và tội phạm tham gia cùng những người nổi loạn và họ cùng nhau cướp phá nhiều ngôi nhà.

Ngày 13 tháng Bảy, đám đông lại tụ tập. Họ xông vào Tu viện St.-Lazare, chiếm lấy kho ngũ cốc và mang chúng ra chợ Les Halles. Một đám đông khác mở cửa nhà ngục La Force và giải thoát các tù nhân, phần lớn là những người mắc nợ. Khắp nơi dân chúng lòng sục tìm súng. Chỉ tìm được một ít, họ rèn 50.000 ngọn giáo.⁷⁸ Lo sợ cho nhà cửa và tài sản của mình, các giai cấp trung lưu ở Paris thành lập và vũ trang cho lực lượng dân quân của riêng họ; thế nhưng trong cùng lúc, bộ hạ của những người giàu có lại tiếp tục khuyến khích, tài trợ, và vũ trang cho những đám đông cách mạng; qua đó hy vọng ngăn cản Nhà Vua sử dụng vũ lực đối với Quốc hội.⁷⁹

Sáng sớm ngày 14 tháng Bảy, một đám đông 8 nghìn người xâm chiếm Hotel des Invalides (Điện Phế binh), và chiếm giữ 31.000 khẩu súng trường, một ít thuốc súng và 12 khẩu đại bác. Bỗng nhiên có ai đó kêu lên: “Đến ngục Bastille!” Tại sao lại là ngục Bastille? Không phải để thả các tù nhân mà lúc đó chỉ có 7 người; và nói chung, kể từ năm 1715, nhà tù này đã được dùng làm nơi giam giữ lịch sự những người khá giả. Nhưng cái pháo đài đồ sộ này cao tới 30 mét với những bức tường thành dày tới 9 mét và được vây quanh bởi một hào nước rộng 23 mét từ lâu đã là biểu tượng của chế độ chuyên chế; trong tâm trí công chúng, nó tượng trưng cho cả nghìn nhà tù và ngục tối bí mật; một số *cahier* (sổ điều trần) đã

yêu cầu phá hủy nó. Có khả năng điều làm cho dân chúng khích động là họ biết ngục Bastille đã chứa vài hạng đại bác vào Đường và Ngoại ô St.-Antoine, một khu vực sục sôi tình cảm cách mạng. Có thể quan trọng hơn hết, ngục Bastille được cho là chứa một kho lớn vũ khí và đạn dược, đặc biệt là thuốc súng mà những người nổi loạn đang có rất ít. Pháo đài là một trại lính với 82 binh sĩ Pháp và 32 Vệ binh Thụy Sĩ dưới quyền chỉ huy của Hầu tước de Launay, một người tính tình ôn hòa⁸⁰ nhưng được quần chúng đồn thổi như một con quái vật của sự độc ác.⁸¹

Trong khi đám đông, gồm phần lớn là những người chủ tiệm và thợ thủ công, cùng kéo về Bastille, một phái đoàn từ hội đồng thành phố đang được de Launay đón tiếp. Họ yêu cầu ông rút lui những khẩu đại bác đang đe dọa ra khỏi vị trí và không có hành động nào chống lại dân chúng; đổi lại phái đoàn hứa sử dụng ảnh hưởng của mình để thuyết phục đám đông đừng tấn công pháo đài. Vị chỉ huy đồng ý và thiết đãi phái đoàn bữa ăn trưa. Một ủy ban khác, từ chính những người đang bao vây, nhận được lời cam kết của de Launay sẽ không bắn vào dân chúng trừ khi họ cố dùng vũ lực để tràn vào. Điều này không làm thỏa mãn đám đông khích động; họ cương quyết lấy cho được đạn dược mà nếu không có thì những khẩu súng trường của họ không thể chống lại bước tiến dự kiến của các binh lính nước ngoài dưới quyền Besenval vào thành phố. Besenval không sốt sắng tiến vào Paris vì ông nghi binh lính của mình sẽ từ chối bắn vào dân chúng. Ông đợi mệnh lệnh của de Broglie; không có lệnh nào được gửi đến.

Vào khoảng một giờ chiều, 18 người nổi loạn leo lên tường của một tòa nhà kế bên, nhảy xuống sân trước của ngục Bastille và hạ hai chiếc cầu rút xuống. Hàng trăm người vượt qua hào nước; hai chiếc cầu nữa được hạ xuống; chẳng bao lâu sau, chiếc sân chật ních đám đông hăm hở và tự tin. De Launay ra lệnh cho họ rút lui; họ từ chối; ông ra lệnh cho

binh sĩ nổ súng vào họ. Những người tấn công bắn trả và nổi lửa đốt một số công trình bằng gỗ nối liền với những bức tường đá. Đến ba giờ, một số thành viên của đội Vệ binh Pháp cấp tiến đến gia nhập cùng những người bao vây và bắt đầu bắn phá ngôi pháo đài bằng 5 trong số những khẩu đại bác lấy được ở Điện Phế binh vào buổi sáng. Trong bốn giờ đồng hồ đánh nhau, 98 người tấn công và 1 người thuộc bên phòng thủ đã thiệt mạng. De Launay, nhìn thấy đám đông luôn gia tăng với những người mới đến, không nhận được sự giúp đỡ nào của Besenval và không có thực phẩm dự trữ để cầm cự một cuộc bao vây, ra lệnh cho các binh sĩ ngừng bắn và kéo một lá cờ trắng. Ông đề nghị đầu hàng nếu binh lính của ông được phép ra đi tới chỗ an toàn cùng vũ khí của họ. Đám đông, giận dữ vì cảnh tượng những người của mình bị chết, từ chối xem xét bất cứ điều gì ngoại trừ việc đầu hàng vô điều kiện.⁸² De Launay đề nghị cho nổ tung pháo đài; những người của ông ngăn lại. Ông gửi xuống cho những kẻ tấn công chiếc chìa khóa của cổng chính. Đám đông ulla vào, tước bỏ vũ khí của binh lính, giết chết 6 người bọn họ, bắt giữ de Launay và giải thoát cho các tù nhân đang kinh hoàng.

Trong khi nhiều kẻ chiến thắng lấy đi bất cứ vũ khí hay đạn dược nào có thể tìm thấy, một phần đám đông đưa de Launay về Tòa Đô chính, có vẻ như để xét xử ông tội giết người. Trên đường đi, những kẻ tào tợn hơn trong bọn họ đánh ông ngã quỵ, đập ông đến chết và cắt phăng đầu ông. Với chiến lợi phẩm đầm máu này được giương cao trên một chiếc cọc, họ đi khắp Paris trong một cuộc diễu hành đắc thắng.

Chiều hôm đó, Louis XVI trở về Versailles sau một ngày đi săn và ghi chú vào nhật ký của mình: “Ngày 14 tháng Bảy: Không có gì.” Rồi Công tước de La Rochefoucauld-Liancourt đến từ Paris, kể cho ông nghe cuộc tấn công đắc thắng vào ngục Bastille. “Sao vậy” Nhà Vua kêu lên: “một vụ nổi loạn ư!” “Tâu bệ hạ, không phải” vị Công tước nói: “nó là một cuộc cách mạng.”

Ngày 15 tháng Bảy, Nhà Vua đến Quốc hội một cách nhún nhường và bảo đảm với các đại biểu rằng các binh lính từ các tỉnh và nước ngoài sẽ được điều đi khỏi Versailles và Paris. Ngày 16 tháng Bảy, ông thả hồi Breteuil và triệu Necker về giữ ghế bộ trưởng lần thứ ba. Breteuil, Artois, de Broglie và các nhà quý tộc khác khởi đầu cho cuộc ra đi của những người émigré (di tản) khỏi nước Pháp. Trong khi đó, dân chúng với những chiếc cuộc chim và thuốc súng phá hủy ngục Bastille. Ngày 17 tháng Bảy, Louis, được 50 đại biểu Quốc hội hộ tống, đến Paris, được hội đồng thành phố và dân chúng đón tiếp tại Tòa Đô chính và được họ gắn lên mũ chiếc phù hiệu ba màu đỏ - trắng - xanh của Cách mạng.

Tái bút

Như vậy, chúng ta đã chấm dứt cuộc khảo sát, trong hai tập cuối,ⁱ về cái thế kỷ mà những cuộc xung đột và những thành tựu hầy còn tác động lên đời sống nhân loại ngày nay. Chúng ta đã thấy cuộc Cách mạng Công nghiệp bắt đầu với dòng trường giang bát ngát của những phát minh mà vào năm 2.000 có thể thực hiện giấc mơ của Aristotles về việc máy móc giải phóng con người khỏi những công việc vất vả hèn mọn. Chúng ta đã ghi nhận bước tiến của một tá ngành khoa học hướng đến việc hiểu biết tự nhiên tốt hơn và áp dụng có hiệu quả hơn những quy luật của nó. Chúng ta đã hoan nghênh việc triết học chuyển từ những hệ thống siêu hình phù phiếm sang việc theo đuổi mang tính thử nghiệm của lý trí trong những sinh hoạt trần tục của con người. Chúng ta đã theo dõi với lòng quan tâm sinh động nỗ lực giải thoát tôn giáo khỏi óc mê tín, lòng tin mù quáng và thái độ bất khoan dung và thiết lập nên đạo đức mà không cần đến những phần thưởng hay hình phạt siêu nhiên. Chúng ta đã được những cố gắng của các chính khách và triết gia dạy nên xúc tiến một chính quyền công bằng và có năng lực, và hòa hợp chế độ dân chủ với sự giản dị và tình trạng bất bình đẳng tự nhiên của con người. Chúng ta đã thưởng thức những công trình sáng tạo ra cái đẹp khác nhau trong nghệ thuật ba-rốc, rococo và

i tức Phần IX và Phần X mà những dòng “tái bút” này khép lại.

tân cổ điển và những khúc khải hoàn của âm nhạc nơi Bach, Handel và Vivaldi, nơi Gluck, Haydn và Mozart. Chúng ta đã chứng kiến sự nở rộ của nền văn học ở Đức với Schiller và Goethe, ở Anh với những tiểu thuyết gia vĩ đại và những sử gia vĩ đại nhất, ở Scotland với Boswell và Burns, ở Thụy Điển với sự bùng nổ của ca khúc dưới triều của Gustavus III; và ở Pháp, chúng ta đã lưỡng lự giữa một Voltaire đang bảo vệ lý trí với tài hóm hỉnh và một Rousseau đang biện hộ cho những quyền của cảm xúc với những dòng nước mắt. Chúng ta đã nghe tiếng vỗ tay mà Garrick và Clairon sống nhờ vào. Chúng ta đã ngưỡng mộ một loạt những người phụ nữ quyến rũ trong các khách thính ở Pháp và Anh và những triều đại sáng chói của những phụ nữ ở Áo và Nga. Chúng ta đã quan sát những ông vua triết gia.

Có vẻ vô lý khi chấm dứt câu chuyện của chúng ta ngay vào lúc nhiều biến cố lịch sử sắp sửa làm trang sách trở nên sôi nổi và đầy sinh khí. Lẽ ra chúng ta nên vui với việc đi tiếp qua màn rối loạn của cuộc Cách mạng, lặn ngụp cơn phun trào năng lực như hỏa diệm sơn dưới tên Napoléon và rồi thỏa thuê với sự phong phú của thế kỷ XIX trong các lĩnh vực văn học, khoa học, triết học, âm nhạc, nghệ thuật, công nghệ và nghệ thuật quản lý nhà nước. Hơn thế nữa, chúng ta sẽ thích thú trở về với châu Mỹ, Nam cũng như Bắc và cố dẹt nên tấm thảm phức tạp của đời sống và lịch sử châu Mỹ thành một bức tranh thống nhất và hoạt động. Nhưng chúng ta phải thỏa hiệp với cái chết và để cho những tinh thần tươi mới hơn nhiệm vụ và rủi ro của việc thêm các thí nghiệm tổng hợp vào các nghiên cứu cơ bản của các chuyên gia lịch sử và khoa học.

Chúng tôi đã hoàn tất, với khả năng tối đa của mình, Câu chuyện Văn minh này; và mặc dù đã cống hiến phần tốt đẹp nhất của cuộc đời mình cho tác phẩm, chúng tôi biết rằng một đời người chỉ là một chốc lát trong lịch sử và rằng, sử gia tài năng nhất cũng sẽ nhanh chóng bị cuốn trôi bởi dòng

kiến thức ngày một phát triển. Nhưng khi theo đuổi công việc nghiên cứu từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, chúng tôi tin chắc rằng sử ký đã được phân chia thành quá nhiều ngành và vài người trong chúng tôi nên cố viết lịch sử toàn diện như nó đã diễn ra dưới tất cả những khía cạnh của tấn tuồng phức tạp và vẫn đang tiếp diễn.

Bốn mươi năm sung sướng hợp tác trong việc theo đuổi lịch sử đã đến hồi kết. Chúng tôi đã mơ đến ngày sẽ viết nên lời cuối cùng của tập sách cuối cùng. Giờ đây ngày đó đã đến, chúng tôi biết mình sẽ nhớ cái mục đích say mê đã từng mang lại ý nghĩa và định hướng cho cuộc đời của mình.

Chúng tôi cảm ơn bạn đọc đã đồng hành cùng chúng tôi trong một phần hay suốt cuộc hành trình dài đằng đẵng trong nhiều năm qua. Chúng tôi sẽ luôn nhớ đến sự hiện diện của bạn. Giờ đây chúng tôi xin phép được nghỉ và chia tay bạn.ⁱ

i Ông Bà Will và Ariel Durant viết những dòng từ biệt này khi xuất bản Phần X: Thời đại Rousseau (năm 1967) vì cho rằng đã đến lúc nghỉ ngơi nên nhường lại cho thế hệ sau tiếp tục công việc của mình. Tuy nhiên, với khối tài liệu đã được thu thập sẵn và năng lực hãy còn dồi dào, ông bà lại tiếp tục công việc và 8 năm sau (1975) thì tung ra Phần XI: Thời đại Napoléon.

Ngoài ra, ông bà còn để lại những ghi chú cho *Phần XII: Thời đại Darwin* và một đề cương cho *Phần XIII: Thời đại Einstein*, sẽ đưa *Lịch sử Văn minh* đến tận năm 1945.

Đọc những dòng *Tái bút* ở trên, chúng ta không thể không bồi hồi nhớ đến lời của Hippocrates mà chính Durant đã trích dẫn bằng tiếng Latinh trong bộ *Câu chuyện triết học*: “Ars longa, vita brevis” - Nghệ thuật thì dài, mà cuộc đời ngắn ngủi.

CHÚ THÍCH

(Quyển 1)

CHU'ONG I

1. Montagu, Lady Mary W., *Letters*, I, 372; cf. Macdonald, Duncan, *The Religious Attitude to Life in Islam*, 126.
2. Lane, Edward W., *Manners and Customs of the Modern Egyptians*, I, 148; Macdonald, Duncan, *Development of Muslim Theology*, 283; Wherry, E. M., *Commentary on the Quran*, 1,281.
3. Macdonald, D., *Religious Attitude*, 126.
4. Doughty, Charles M., *Travels in Arabia Deserta*, II, 99.
5. Halsband, Robert, *Life of Lady Maty Wortley Montagu*, 73.
6. Lane-Poole, Stanley, *Story of Turkey*, 319.
7. Burton, Sir Richard, *Personal Narrative of a Pilgrimage to Al-Madinah and Meccah*, II, 94.
8. Letter of Apr. 18, 1717, in Montagu, *Letters*, I, 318.
9. Letter of Apr. I, 1717, in same, 286.
10. Friedlander, L., *Roman Life and Manners*, II, 201.
11. Frederick, *Memoires*, I, 55.
12. Sir Wm. Petty, *Political Arithmetic* (1683).
13. Halsband, 74.
14. See *The Age of Louis XIV*, 425-26.
15. Lane, I; 272.
16. Lane-Poole, Cairo, 180.
17. Lane, I, 98.
18. *Ibid.*, 66.
19. *Enc. Brit.*, I, 618a.
20. *Ibid.*, XV, 816d.
21. Toynbee, *A Study of History*, 1,162.
22. Browne, Edward G., *Literary History of Persia*, IV, 135.
23. *Ibid.*, 136; Sykes, Sir Percy, *History of Persia*, II, 260.
24. *Ibid.*, 267.
25. *Enc. Brit.*, XII, 705b; Pope, Arthur U., *Survey of Persian Art*, IV, 470, 497-506.

26. Sykes, II, 201.
27. Pope, Arthur U.,
Introduction to Persian Art,
140.
28. Browne, E. G., IV, 282.
29. *Ibid.*, 292-96.

CHU'ONG II

1. Frederick the Great,
Memoires, I, 207.
2. Lyashchenko, Peter, *History
of the National Economy of
Russia*, 271-73.
3. *Ibid.*
4. Reau, Louis, *L'Art russe*, II,
88.
5. Florinsky, M. T., *Russia:
A History and an
Interpretation*, I, 575.
6. Mavor, James, *Economic
History of Russia*, I, 477.
7. Reau, II, 88.
8. Mavor, I, 498-99.
9. Bernal, J. D., *Science in
History*, 360.
10. Coxe, Wm., *Travels in
Poland, Russia, Sweden, and
Denmark*, I, 281-82.
11. Castéra, J., *History of
Catherine II*, 174.
12. Dorn, *Competition for
Empire*, 70.
13. Florinsky, I, 600; Bruckner,
A., *Literary History of
Russia*, 113.
14. Coxe, *Travels*, I, 322.
15. Masson, *Memoirs of*

- Catherine II and Her Court*,
250.
16. Pougin, Arthur, *Short
History of Russian Music*,
10 f.
17. Reau, II, 55.
18. Bruckner, 78.
19. Waliszewski, K., *History of
Russian Literature*, I, 57.
20. Wiener, Leo, *Antbology of
Russian Literature*, I, 224-
29.
21. Rambaud, Alfred, *History of
Russia*, II, 170.
22. Waliszewski, *Peter the Great*,
224.
23. Waliszewski, *Russian
Literature*, 83.
24. *Ibid.*
25. 85.
26. Catherine the Great,
Memoirs, 60.
27. Waliszewski, *Romance of an
Empress*, 47.
28. *Ibid.*
29. 25.
30. Kluchevsky, V. o., *History of
Russia*, IV, 354.
31. Catherine, *Memoirs*, 58.
32. Gooch, G. P., *Catherine the
Great*, II.
33. *CMH*, VI, 317.
34. Carlyle, *History of Frederick
the Second*, V, 294.
35. Waliszewski, *Romance of an
Empress*, 34.
36. Kluchevsky, IV, 358.

37. Casanova, *Memoirs*, I, B-34.
38. *CMH*, VI, 658.
39. Catherine, *Memoirs*, 28.
40. *Ibid.*, 44-45.
41. 29-30.
42. 54.
43. 62.
44. 63.
45. 65.
46. *CMH*, VI, 659.
47. Waliszewski, *Romance*, 78.
48. *Ibid.*
49. Kluchevsky, IV, 360.
50. Castcra, 122-23.
51. Waliszewski, *Romance*, 91.
52. Catherine, *Memoirs*, 203.
53. Castéra, 89.
54. Walpole, H., *Memoirs of the Reign of King George III*, I, 145.
55. Catherine, *Memoirs*, 208.
56. Gooch, *Catherine*, 8.
57. Catherine, 301.
58. *Ibid.*, 240.
59. 255 f.
60. Waliszewski, *Romance*, 102; Crocker, *The Embattled Philosopher*, 378.
61. Catherine, 271-74; Waliszewski, *Romance*, 119.
62. *Ibid.*, 125.
63. Catherine, 282.
64. Waliszewski, *Romance*, 145.
65. *Enc. Brit.*, XVII, 645b.
66. Castéra, 153.
67. Rambaud, II, 175.
68. Kluchevsky, IV, 366.
69. Castcra, 147, 157.
70. *Ibid.*, 156; *CMH*, VI, 328.
71. Kluchevsky, IV, 362.
72. Castéra, 152.
73. Waliszewski, *Romance*, 166.
74. *Ibid.*, 166; Castéra, 158.
75. Waliszewski, 166.
76. *Ibid.*, 164.
77. Gooch, *Catherine*, 16.
78. Catherine, 343.
79. *Ibid.*
80. Waliszewski, *Romance*, 176.

CHƯƠNG III

1. Letter of Catherine to Potemkin, Aug. 2, 1762, in Catherine, *Memoirs*, 347.
2. Kluchevsky, IV, 371.
3. Catherine, 345.
4. Kluchevsky, IV, 371.
5. Catherine, 345.
6. Florinsky, I, 502.
7. *CMH*, VI, 663.
8. Waliszewski, *Romance of an Empress*, 199.
9. *Ibid.*
10. Catherine, 370.
11. Gershoy, *From Despotism to Revolution*, 303.
12. Rambaud, II, 207.
13. Florinsky, I, 504.
14. Brandes, *Voltaire*, 253.
15. Florinsky, I, 504.
16. Catherine, 263-72.
17. Masson, *Memoirs of Catherine II and Her Court*, 97.

18. Waliszewski, *Romance*, 383-88; Gooch, *Catherine*, 38.
19. Valiszewski, 4-6.
20. Masson, *Memoirs*, 98.
21. *Ibid.*
22. Catherine, 360.
23. *Ibid.*, 20.
24. Lewis, D. B. W., *Four Favorites*, 197.
25. Catherine, 376.
26. *Ibid.*, 48.
27. Gooch, *Catherine the Great*, 45.
28. Masson, *Memoirs*, 116.
29. Waliszewski, *Romance*, 448.
30. Masson, 118.
31. Parton, *Life of Voltaire*, II, 386; Gooch, 58.
32. Voltaire, letter of May 18, 1767, in Desnoiresterres, VI, 380.
33. Parton, II, 388.
34. Desnoiresterres, VI, 380.
35. Letter of Sept. 7, 1764.
36. Crocker, *Embattled Philosopher*, 373.
37. Diderot, *Oeuvres*, 28.
38. In Ellis, Havelock, *The New Spirit*, 47.
39. Morley, John, *Diderot*, II, 113.
40. *Ibid.*, 114.
41. In Faguet, *Dix-huitième Siècle*, 242.
42. Crocker, 380.
43. Sainte-Beuve, *Portraits of the 18th Century*, II, 215.
44. Padover, *Revolutionary Emperor*, 161.
45. Sainte-Beuve, II, 216.
46. Catherine, 365.
47. Castéra, 226; cf. aliszewski, *Romance*, 371-82.
48. Coxe, *Travels in Poland*, III, 156; Castera, 385.
49. Quoted by Voltaire in *Philosophical Dictionary*, II, 102.
50. Florinsky, I, 511; *CMH*, VI, 686.
51. In Gooch, *Catherine*, 69.
52. Voltaire to Catherine, Feb. 26, 1769.
53. In Rambaud, II, 206.
54. Voltaire, *Phil. Dict.*, art. "Power."
55. Mavor, *Economic History of Russia*, I, 241; Rambaud, II, 211.
56. Waliszewski, *Romance*, 365.
57. Garrison, F., *History of Medicine*, 400.
58. Castéra, *Catherine*, 297; Rambaud, II, 212.
59. Mayor, I, 313-14.
60. *Ibid.*, 472.
61. *CMH*, VI, 690.
62. Waliszewski, *Romance*, 298.
63. Lyashchenko, 273.
64. Mayor, I, 204-08.
65. Gershoy, 125.
66. Catherine, *Memoirs*, 385.
67. Gershoy, 123.
68. Florinsky, I, 567-68.
69. Waliszewski, *Romance*, 321.

70. *Ibid.*
 71. Rambaud, II, 192;
Cambridge History of Poland, II, 103.
 72. Gooch, *Catherine*, 63.
 73. Rambaud, II, 192.
 74. *CMH*, VI, 674.
 75. Quoted by George Bancroft in *Literary and Historical Miscellanies*, 359.
 76. Gooch, *Catherine*, 51.
 77. Lewis, *Four Favorites*, 213.
 78. *Ibid.*, 179.
 79. 21 5; Bain, R. N., *The Last King of Poland*, 175.
 80. Florinsky, I, 531.
 81. Catherine, 15.
 82. Gilbert, *Prince de Ligne*, 139;
Waliszewski, *Romance*, 209.
 83. Castera, 575.
 84. Gooch, *Catherine*, 96.
 85. Reddaway, *Frederick the Great*, 340.
 86. Waliszewski, *Romance*, 233, 287.
 87. *Ibid.*, 388.
 88. Catherine. 377.
 89. *CMH*, VI, 696.
 90. Waliszewski, *Romance*, 237.
 91. Wiener, *Anthology of Russian Literature*, I, 272-76.
 92. *Ibid.*, 385.
 93. 390.
 94. 381.
 95. Waliszewski, *History of Russian Literature*, 103.
 96. Briickner, *Literary History of Russia*, 102.
 97. *Ibid.*, 115.
 98. 116.
 99. 105-07.
 100. Waliszewski, *Romance of an Empress*, 342.
 101. Reau, *L'Art russe*, II, 111.
 102. *Ibid.*, 68.
 103. Waliszewski, *Romance*, 349.
 104. *Enc. Brit.*, XIX, 747b.
 105. Waliszewski, *Romance*, 346.
 106. Reau, II, 76.
 107. *Ibid.*
 108. 79.
 109. Masson, *Memoirs of Catherine II and Her Court*, 93.
 110. Gilbert, *Prince de Ligne*, 143.
 111. Bruckner, 112.
 112. Morley, John, *Diderot*, II,
 113. Rambaud, II, 245.
 114. *Ibid.*, 247.
 115. Masson, *Memoirs*, 303-06.
 116. Catherine, 20.
 117. Masson, 66.
 118. Gooch in introd. to Catherine, *Memoirs*, 10.
 119. Otto Hotzsch in *CMH*, VI, 701.
- CHU'ONG IV**
1. Gershoy, *From Despotism to Revolution*, 37.
 2. Goodwin, *The European Nobility*, 161.
 3. Waliszewski, *Poland the Unknown*, 127.

4. Bain, R. Nisbet, *The Last King of Poland*, 22; Friedlander, L., *Roman Life and Manners*, II, 162.
5. Bain, 43.
6. *Cambridge History of Poland*, II, 75.
7. *Ibid.*, 76-77; Coxe, Wm., *Travels in Poland*, II, 125.
8. *New CMH*, VII, 374; Lewinski-Corwin, E. H., *Political History of Poland*, 286.
9. Stael, Mme. de, *Germany*, I, 73.
10. Bain, *Last King of Poland*, 100.
11. *Ibid.*, 59.
12. 31-32.
13. See *The Age of Louis XIV*, 374, 385-87.
14. *CHP*, II, 24.
15. Lewinski-Corwin, 289.
16. Bain, *Last King*, 55.
17. *Ibid.*, 56.
18. Aldis, *Madame Geoffrin*, 248.
19. Florinsky, *Russia*, I, 517.
20. Aldis, 251.
21. *Ibid.*, 282.
22. *CHP*, II, 116; Bain, 161.
23. Bain, *Last King*, 121.
24. Rambaud, *History of Russia*, II, 188.
25. *CHP*, II, 118.
26. *CHP*, II, 97-98; Bain, 77-78.
27. 27. Rambaud, II, 188.
28. Bain, *Last King*, 78.
29. *CHP*, II, 120.
30. Voltaire, *Philosophical Dictionary*, art. "Superstition" Sec. III.
31. Martin, H., *Histoire de France*, XVI, 267.
32. *CHP*, II, 102.
33. *Ibid.*, 103.
34. *Ibid.*; Bain, 108.
35. Bain, *Last King*, 108.
36. *Ibid.*, 2.
37. *Enc. Brit.*, XVIII, 143d.
38. Treitschke, *Life of Frederick the Great*, 164.
39. *CMH*, VI, 670.
40. Lewis, D. B. W., *Four Favorites*, 202.
41. Gershoy, 180.
42. Morley, John, *Life of Voltaire*, in Voltaire, *Works*, XXlb, 346; Florinsky, I, 537.
43. Coxe, *Travels in Poland*, I, 159.
44. Bain, *Last King*, 121.
45. *CHP*, II, 181-82.
46. Bain, 102.
47. *CHP*, II, 181-83.
48. *Ibid.*, 135.
49. Bain, *Last King*, 249.
50. *Ibid.*, 278.
51. *CHP*, II, 155.

BẢNG DẪN

(Quyển 1)

<p style="text-align: center;">A</p> <p>Abbas III, Vua Ba Tư (r. 1732-36), 28</p> <p>Abbaye, Béardé de l', 107</p> <p>Abdul-Hamid I, Hồi vương Ottoman (trị vì 1774-89), 19, 120</p> <p>abu'l-Ahahab (fl. 1771), 20</p> <p>Addison, Joseph (1672-1719), 182</p> <p>Aegean (Quần đảo), 9</p> <p>Afghanistan, 25-26</p> <p>Ahmad Hatif, Sayyid (fl. 1750), thi sĩ Ba Tư, 33</p> <p>Ahmed III, Hồi vương Ottoman (trị vì 1703-30), 12-16</p> <p>Ahmed Khan Durani, Vua Afghanistan (trị vì 1747-73), 31</p> <p>Ai Cập, 9, 19-24</p> <p>Albania, 19</p> <p>Alembert, Jean Le Rond d' (1717-83), 180; và Catherine II, 93</p> <p>Alexander I, Sa hoàng Nga (trị vì 1801-15), 132, 138, 143</p> <p>Alexander (Cung điện), Tsarskoe Selo, 142</p>	<p>Alexis Petrovich, Czarevich (1690-1713), 52</p> <p>Algeria, 9</p> <p>Ali Bey (1718-73), 20</p> <p>'Ali Hazin, Shaykh (1691-1767), 32</p> <p>Anh quốc (Great Britain), CÁC LIÊN MINH VÀ THỎA THUẬN VỚI NƯỚC NGOÀI: với Phổ (từ 1756), 60</p> <p>Anna Ivanovna, Nữ hoàng Nga, (trị vì 1730-40), 40; triều đại của, 54-57</p> <p>Anna Leopoldovna (1718-46), Nhiếp chính Nga (trị vì 1740-41), 57-58</p> <p>Anna Petrovna (mất năm 1718), 54, 62</p> <p>Anton Ulrich xứ Brunswick, Hoàng thân (1714-76), 57</p> <p>A rập, 9-11, 19-20</p> <p>Armenia, 28</p> <p>Ashraf, Vua Ba Tư (trị vì 1715-30), 26</p>
--	--

Astarabad, 28

Augustus II Dững đế, Vua Ba Lan (trị vì 1697-1704, 1709-33), Tuyển hầu xứ Saxony với tên Frederick Augustus I (trị vì 1694-1733), 159-160

Augustus III, Vua Ba Lan (trị vì 1734-63), Tuyển hầu xứ Saxony với tên Frederick Augustus II (trị vì 1733-63); giành được ngai vàng Ba Lan, 160; sự hoang dâm, 69

Áo quốc, kinh tế, 112; và nước Pháp, 187; và Ba Lan, 159, 174-177; và nước Nga, 61; và Thổ Nhĩ Kỳ, 9, 18-19, 57
CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO VÀ CÁC THỎA THUẬN: Trong Liên minh Trung lập Vũ trang (1780), 114

Azov, 57, 116

âm nhạc: Hồi giáo, 22; ở Nga, 42-45, 133

B

Bacon, Sir Francis (1561-1626), 48

Baghavand, trận đánh (1735), 28

“Bài tụng ca gởi lên Thượng đế” (Derghavin), 129

Bakhchisarai, 57

Baku, 28, 148

balalaikas, 42

Balth, 25

Ba Lan: nông nghiệp, 153; quân đội, 179, 185; nghệ thuật, 168-69; và nước Áo, 157, 174-75; giáo sĩ và tôn giáo, 152, 169-73; bản hiến pháp được chấp nhận (1791), 184-88; văn hóa, 158; sự suy tàn của các thị trấn, 156; và Đan Mạch, 170; Nghị viện, 159-60, 168-72, 178, 192; cách ăn mặc, 157; giáo dục, 158, 180; và Anh quốc, 170, 178; thời Khai minh, 179-85; chế độ phong kiến, 153-54, 185; cuộc phân chia lần cuối (1797), 194-95; cuộc phân chia lần đầu (1768-72), 173-85; và nước Pháp, 160, 174; sự suy yếu của chính quyền, 152-54, 160-62, 170-75, 178-79, 185; công nghiệp và thương mại, 155; người Do Thái, 152, 156, 174; cuộc kháng cự cuối cùng chống lại việc phân chia (1794), 193-95; các sắc dân thiểu số, 152, 169-70, 178; đạo đức, 154; chế độ gia trưởng, 154; dân số, 180; và nước Phổ, 156, 169-79, 184-88, 191-95; tình trạng khoan dung tôn giáo, 172, 185; và nước Nga,

- 56, 113, 148, 156, 167-79, 184-95; các vua Saxon (1697-1763), 159-62; cuộc phân chia lần thứ hai (1792), 191-93; kích thước, 152; các giai cấp xã hội, 152-57, 160-64, 170-74, 178-82, 185, 194; và Thụy Điển, 159; các hiệp ước thương mại với Nga, 112; và Thổ Nhĩ Kỳ, 19, 115, 157, 174; phụ nữ, 157.
- Bạch Nga, 172
- Balkh, 25
- Bar, Liên minh, 173-75
- Bashkir, Các bộ lạc, 109
- Ba Tư, 9, 24-32; rối loạn sau cái chết của Nadir, 31; xâm lược Ấn Độ (1739), 29; xâm lược Uzbekistan (1740), 30; thi ca, 33; triều đại Safavid, 24; thuế má, 31; và Thổ Nhĩ Kỳ, 24-29; chiến tranh với Nga (1722-23), 28
- Bazhenev, Vasili (1737-99), 146
- Belgrade, 19, 121
- Bélisaire* (Marmontel), 126
- Bender, 121
- Berezovsky, Sozonovich (1745?-77), 43
- Bestuzhev-Ryumin, Alexei (1693-1766), 60-61, 81
- Betsky, Ivan (1704-95), 105, 133
- Bobrinsky, Alexis (b. 1762), 71
- bệnh viện, các, 105
- Bỉ, *xem* Hòa Lan thuộc Áo
- Bình luận thi ca A Rập* (Jones), 12
- Biron, Ernst Johann von, Công tước Kurland (1690-1722), 54-55
- Boguslawski, Wojciech (1760-1829), 183
- Bokhara, Tiểu vương của (1740), 30
- Borovikovsky, Vladimir (1757-1825), 135
- Borniansky, Dmitri Stephanovich (175 1- 1825), 43
- Bosnia, 9
- Bosporus, 113
- “Bốn mùa” (Naruszewicz), 180
- Brandenburg, 178
- Bruhl, Bá tước Heinrich von (1700-63), 133
- Bucharest, 116
- Bug River, 57
- Bulgaria, 9
- C
- Cách mạng Pháp, 192; và Catherine II, 130, 147; những cuộc chiến tranh, 187
- cải cách pháp luật: ở Nga, 100-102
- Cairo, 20-22

Cantemir, Hoàng thân Antioch
(1709?-44), 48

Casimir III Đại đế, Vua Ba Lan (trị
vì 1333-1370), 158

Castéra, J. H. (sinh thời 1800),
58; về Catherine II, 123; về
Elizaveta Vorontsova, 75; về
Peter III, 68

Catherine II Đại đế, Nữ hoàng Nga
(trị vì 1762-96), 42-52; những
khả năng, 64-65, 81-82, 99-
108; chính sách chuyên chế,
82; các thành tựu, 149-50; và
d'Alembert, 93; con cái, 69-71,
124; những xung đột với Peter
III, 68-69, 75; những âm mưu
chống lại, 83-84, 147; cái chết,
149; truất phế Peter III, 76-77;
và Diderot, 93-98, 123-25, 134;
và việc chia cắt nước Ba Lan,
174-79, 184-95; và Thời Khai
minh, 92-99, 104-05, 123-26;
thiếu thời và học vấn, 63-65;
việc mất lòng dân ban đầu,
79; các chính sách kinh tế,
107-12; và Elizabeth Petrovna,
65; những đánh giá về, 150;
chính sách ngoại giao, 113-22,
147-49; và Frederick II, 65, 80,
114-16, 121, 178; và Cách mạng
Pháp, 132, 147; và Grimm,

93, 97, 56, 125, 134; bệnh tật,
64, 66; và Joseph II, 177; cuộc
tuần du đến Crimea, 118-19;
những năm cuối đời, 147-49;
các hoạt động văn học, 126-29;
chuyện tình ái, 69, 80, 84-91;
kết hôn với Peter III, 67; và
Paul I, 79; tính cách, 122-25;
và Poniatowski, 166; những
chính sách phản động vào cuối
đời, 146-47; những cải cách,
104-06; và văn hóa Nga, 126-
146; và Voltaire, 65, 83, 92-96,
100, 115-17, 124, 147.

Caucasus, 35

Caylus, Anne-Claude-Philippe de
Tubières, Bá tước de (1691-1765),
138

Chardin, Jean-Baptiste-Simeon
(1699-1779), 134

Charles II, Vua của England,
Scotland, và Ireland (trị vì 1660-
85), 123

Charles XII, Vua của Thụy Điển
(trị vì 1697-1718), 62; bại trận ở
Poltawa (1709), 159; và Ba Lan, 159

Cheremetyev, Bá tước Peter, 36-37
Chesme, Trận đánh (1770), 116

Chỉ thị, các, (Catherine Đại đế),
99-100

Chios, Trận đánh (1770), 116

- Choglokov, sĩ quan Nga (1768), 84
 Chogloкова, Maria (sinh thời 1750), 69
 Choiseul, Louise-Honorine Crozat, Nữ Công tước de (1735-1801), 94
 Christian August, Ông hoàng xứ Anhalt-Zerbst (d. 1746), 64
 “Chúa sinh ra đời “ (Karpinski), 183
 Chubin, điêu khắc gia Nga, 137
Chú ong chăm chỉ (The Industrious Bee, Tạp chí), 129
 Cimarosa, Domenico (1749-1801), 133
 Cobenzl, Bá tước Johann Ludwig Joseph von (1753-1809), 118
 Collegium Nobilium, Polish, 158
 Collot, Marie-Anne (sinh thời 1768), 137
 Công giáo, Giáo hội: ở Ba Lan, 152, 159, 169-73; ở Nga, 104; *xem thêm* Tôn giáo Pháp đình, chế độ giáo hoàng.
 công nhân: ở Nga, 37
 Constantine Pavlovich, Đại Công tước (1779-1831), 117
 Cossacks, 102, 109
 Coxе, William (1747-1828), 153
 Cracow: quân Phổ chiếm giữ, 194; Đại học, 156
 Crete, 9, 18
 Crimea, 118-20; cuộc chinh phục của Nga, 56, 118, 112; sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ, 9
 Crozart, Pierre (1661-1740), 133
 Cung điện Anh ở Peterhof, 143
 Curzon, George Nathaniel, Hầu tước Curzon thứ nhất của Kedleston (1859-1915), 31-32
 Czartoryski, Hoàng thân Adam Kazimien (1734-1823), 169
 Czartoryski, Hoàng thân Alexander Augustus (1696-1782), 154, 168
 Czartoryski, Hoàng thân Fryderyk Michał (1695?-1775), 154, 168
 Czechs, *xem* Bohemia
 Czestochowa, lời tuyên thệ ở (1768), 173-74
- D
- Dalmatia, 9, 19
 Danzig, 151, 160, 177-78
 Dashkova, Công nương Ekaterina Romanovna (1743-1810), 76, 106
 Defoe, Daniel (1659?-1731), 181
 Delhi, 29
 Derbent, 28; cuộc chinh phục của Nga, 148
 Derzhavin, Gavril Romanovich

(1743-1816), 127

Diderot, Denis (1713-84), 68, 127, 485; và Catherine II, 92-98, 123-25, 134.

Dnieper, Sông, 178

Dniester, Sông, 56

Dolgorukaya, Natalia Borisovna (1714-71), 51

Dolgoruki, Ivan Mikhailovich (1764-1823), 51

Dolgoruki, Vasili Lukich (1670--1739), 51, 116

Don, Sông, 57, 116

Dòng Tên, ở Nga, 104

Doughty, Charles Montagu (1843-1926), 12

Dubienka, trận đánh (1792), 189

Du Deffand, Marie de Vichy-Chamrond, Nữ Hầu tước (1697-1780), 94

Dumouriez, Charles-François (1739-1823), 173

Đ

Đại học Dược khoa, Moscow, 107

Đan Mạch, 75; trong Liên minh Trung lập Vũ trang, 114; và Ba Lan, 170; những hiệp ước thương mại với Nga, 112.

Đại biểu trở về (Niemcewicz), 183

đạo đức: Hồi giáo, 21

Đạo luật về các trường phổ thông (1786), Nga, 106

đậu mùa, sự tiêm chủng bệnh, 67, 107

điều khắc: ở Nga, 45, 137

độc quyền, các: ở Nga, 37

E

El Azhar, thánh đường, 21

Elizaveta (Elizabeth) Petrovna, Nữ hoàng Nga (trị vì 1741-62), 52, 57, 58-62, 133; ngoại hình và thói quen, 58-60; cái chết, 72; triều đại, 58-72; chọn Peter III làm người thừa kế, 62

Encyclopédie, ou Dictionnaire raisonné des sciences, des arts, et des métiers (từ 1751), 92, 127; Catherine II đề nghị in, 92

Entretiens sur la pluralité des mondes (Fontenelle), 49

Épinay, Louise-Florence Lalive d', tên rửa tội Tardieu d'Esclavelles (1726-83), và Grimm, 98

Erivan, 27

Ermolov, Alexis (sinh thời 1785), 90

Esthonia, 35

Eugene xứ Savoy (1663-1736), 19

F

Falconet, Étienne-Maurice (1716-91), 123

fellaheen, Ai Cập, 20

Fénelon, François de Salignac de la Mothe- (1651-1715), 99

Fermor, Bá tước William of (1704-71), 67

Fischer von Erlach, Johann Bernhard (1656-1723), 45

Fitzherbert, Alleyn, Nam tước St. Helens (1758-1839), 118

Frederick II Đại đế, Vua nước Phổ (trị vì 1740-86), 63; và Catherine II, 65, 80, 114-16, 123, 178; cái chết, 121; và Peter III của Nga, 74, 77; và Ba Lan, 167-78

Frederick Augustus I, Tuyển hầu xứ Saxony, *xem* Augustus II Người Hùng, Vua Ba Lan

Frederick Augustus II, Tuyển hầu xứ Saxony, *xem* Augustus III, Vua Ba Lan

Frederick William I, Vua nước Phổ (trị vì 1713-1740), 46

Frederick William II, Vua nước Phổ (trị vì 1786-97), 121; phản bội và xâm chiếm Ba Lan, 189-91

G

Galuppi, Baldassare (1706-85), 43, 133

Gandzha, 28

Gatchina, Cung điện, 143

Geoffrin, Marie-Thérèse, tên rửa tội Rodet (1699-1777), và Betsky, 105; thư từ, 93; và Poniatowski, 164-66

Georgia, 27

Gerusalemme liberata (Tasso), 127

giáo dục: tại thế giới Hồi giáo, 11-12; tại Nga, 60, 106; *cũng xem* các trường học; các viện đại học

Giáo hoàng, Các: từ 1740-58, *xem* Benedict XIV; từ 1758-69, *xem* Clement XIII; từ 1769-740 *xem* Clement XIV; từ 1775-99, *xem* Pius VI; từ 1800-23, *xem* Pius VII

Giáo hội Chính thống Nga, 35, 40, 104

Gillet, Nicolas-François (mất năm 1791), 137

Godunov, Boris Feodorovich, Sa hoàng Nga (trị vì 1598-1605), 40

Goethe, Johann Wolfgang von (1749-1831), 150

Golitsyn, Alexander (sinh thời 1770), 54

“Gởi tâm hồn tôi” (Kantemir), 48
Grabowska, Pani, 168

Grimm, Friedrich Melchior, về sau
là Nam tước von Grimm (1713-
1807), và Catherine II, 93, 98,
105, 134, và Bà d’Épinay, 98

Gross-Jagersdorf, trận đánh (1757),
61

Grotius, Hugo (1583-1645), 47
guitar, 22

Gustavus III, Vua Thụy Điển (trị
vì 1771-91), chính sách ngoại giao,
120

H

Hamadan, trận chiến ở (1731), 26

Hanbury-Williams, Sir Charles
(1708-59), 70, 166

Hàn lâm viện Nghệ thuật, Nga, 61,
133, 142

Hành trình tình cảm (Sterne), 132

*Hành trình từ St. Petersburg đến
Moscow* (Radishchev), 132

harim (harem), 14

Hắc Hải, 113-17, 177

Henry IV, Vua nước Pháp (trị vì
1589-1610), 123

Henry nước Phổ, Hoàng thân
(1726-1802), 176

Herat, 25, 32

Hermitage, cung điện của
Catherine II, 143

Hesse-Darmstadt, Hoàng thân
[Ludwig] of (sinh thời 1773), 97

Hiến pháp, Những bản: Ba Lan
(1791), 184-85

*Histoire de la Russie sous Pierre le
Grand* [Lịch sử đế quốc Nga thời
Peter Đại đế (1757)] (Voltaire), 61

Hoa Kỳ, 185

Hòa Lan thuộc Áo (Bỉ), 121

Học viện Hàm mỏ, Nga, 106

Homer (thế kỷ thứ IX tCn), 182

Houdon, Jean-Antoine (1741-1828),
134

Hồi giáo (Mohammedanism): giới
giáo sĩ, 11; các thánh đường,
21; và khoa học, 12; các hệ phái,
11-12; chủ nghĩa hoài nghi đối
với, 11; Mohammed ibn-Abd-
al-Wahab (1703?-91), 11

Hồi giáo (Islam), 9-34; việc ngoại
tình, 15; nghệ thuật, 16; nuôi
dạy trẻ con, 21; những nghề
thủ công, 21, 31; giáo dục, 11;
miền địa lý, 9; luân lý, 21; âm
nhạc, 22; thi ca, 11-14, 34; mãi
dâm, 22; nhà tắm công cộng,
15; ở Nga, 101; khoa học, 12;
các hệ phái, 10-11; chế độ nô lệ,

- 16, 30; *cũng xem* Afghanistan; Ai Cập; Mohammedanism; Ba Tư; Thổ Nhĩ Kỳ
- Hồi ký* (Ali Hazin) , 32
- Hồi Ký* (Catherine II nước Nga), 63
- Hội Chúa Jesus, *xem* Dòng Tên, các giáo sĩ
- Hội đồng Thường trực, Ba Lan, 179, 184
- hội họa: ở Nga, 133-38
- Hội nghị của Giáo hội, Nga, 77
- Hungary, disorder in, 121; Turkey and, 19
- Husein, Vua Ba Tư (trị vì 1694-1722), 25
- I
- Ibrahim Pasha, Tể tướng Thổ Nhĩ Kỳ (mất năm 1730), 19
- Isfahan, 28
- Ismailovsky, Trung đoàn, 76
- Ivan V Alexeevich, Sa hoàng Nga (trị vì 1682-99), 54
- Ivan VI, Sa hoàng Nga (trị vì 1740-41), 57; việc hạ sát, 83, 94
- Izmail, trận đánh (1790), 121
- J
- Jassy, Hiệp ước (1792), 122, 187
- Johanna Elisabeth xứ Holstein-Gottorp (1720-60), Công nương Anhalt-Zerbst, 64
- John III (Jan) Sobieski, Vua Ba Lan (trị vì 1674-96), 9
- Jones, Sir William (1746-94), 12
- Joseph II, Đế quốc La Mã Thần thánh (trị vì 1765-90), 106, 114-16; và Catherine II, 123, 177; cái chết, 121; cuộc hành trình sang Nga, 117-20; và việc phân chia nước Ba Lan, 177
- Joshagan, 32
- K
- Kabul, 25, 29
- Kagul, trận đánh (1770), 116
- Kandahar, 25-29
- Karelia, 120
- Karim Khan, nhà cai trị Ba Tư (r. 1750-79), 31
- Karl Friedrich, Công tước xứ Holstein-Gottorp (fl. 1725), 54, 62
- Karnal, trận đánh (1739), 29
- Karpinski, Franciszek (1741?-1825), 183
- Kazan, 109
- Kazvin, 25-29
- Kemal Atatürk, Tổng trấn (1881-1938), 19
- kemengeh*, 22

- Kerch, 116
 Kerman, 32
 Kermanshah, trận đánh (1726), 26
 Keyserling, Bá tước (sinh thời 1763), 55
Khế ước xã hội (Rousseau), 131
 khoan dung tôn giáo: ở Ba Lan, 172, 185; ở Nga, 74, 101-05
 “Khúc hát ban chiều” (Karpinski), 183
 “Khúc hát ban mai “ (Karpinski), 183
 Khurasan, 26
 Khiva, Vua của (fl. 1740), 26
 Kilburun, 19, 116
 Kính tín, giáo phái, 130
 Kirghiz, các bộ lạc, 109
 Kniaznin, Franciszek Dyonizy (1750-1807), 183
 Kollontaj, Hugo (1750-1812), 184
 Komarczewski, Pan, 157
 Konarski, Stanislas (1700-”73), 158
 Koran, 10
 Korff, Ivan (1696-1766), 55
 Korff, Nikolai, 76
 Kosciusko, Thaddeus (1746-1817), 188-89, 192-93
 Koslov, 57
 Kozlovsky, M. I. (1753-1802), 137
 Krasicki, Ignacy (1735-1801), 181-82
 Krasinski, Adam, giám mục ở
 Kamieniec (fl. 1768), 173
 Kremlin, 111
 Kuban River, 56
 Kuchuk Kainarji, Hiệp ước (1774), 19, 116
kulaki, 36
 Kurakin, Công nương Elena, 71
 Kurland, 113
- L
- La Fontaine, Jean de (1621-95), 181
 Laharpe, Frédéric-César de (1754-1838), chính trị gia Thụy Sĩ, 148
 Laleli-Jamissi, thánh đường, 16
 La Mothe, Jean-Baptiste Vallin de (1729-1800), 142
 Lane, Edward William (1801-81), 22
 Lanskoï, Alexis (mất năm 1784), 84-85, 90
 Lazienki, Cung điện, 169
 Leilan, trận đánh (1733), 28
Lá thư của một văn sĩ vô danh gửi Chủ tịch Nghị viện, Những (Kollontaj), 184
 Làng Potemkin, Những ngôi, 119
 Levitsky, Dmitri (1735-1822),

135-37

liberum veto của Nghị viện Ba Lan, quyền, 152, 155-59, 161-62, 170, 172, 179, 185

Libya, 9

Liên minh Bar, 173-177

Liên minh các tỉnh, *xem* Hòa Lan

Liên minh Targowica, 188-189

Ligne, Ông hoàng Charles-Joseph de (1735-1814), 118-19, 122; về Catherine II, 146; về St. Petersburg, 146

Lithuania, 195

Livonia, 35

Locke, John (1631-1704), 48, 180, 185

Lomonosov, Mikhail Vasilievich (1711-65), 49-50

Losenko, Anton Pavlovich (1737-73), 135

Louis XV, Vua Pháp (trị vì 1715-74), cái chết, 107; sự phóng đảng, 54

Louis XVI (Louis-Auguste), Vua Pháp (trị vì 1774-92), cuộc hành hình, 147; và Marie Antoinette, 68
Lowenwolde (người tình của Anna Ivanovna), 55

Luật pháp chính trị của quốc gia Ba Lan (Kollantaj), 184

Lubomirska, Elizabeth, 169

Lucretius (96?-55 TCN), 182

Ludwig, of Wiirttemberg, Ông hoàng (sinh thời 1762), 189

Lutf 'Ali Beg Adar (1711-81), 32

M

Mably, Gabriel Bonnot de (1709-85), soạn thảo một hiến pháp cho Ba Lan (1770-7 1), 175

Maciejowice, trận đánh (1794), 194

Mahmud, Tiểu vương Afghanistan (r. 1717-25), Vua Ba Tư (r. 1722-25), 25

Mahmud I, Hồi Vương Thổ Nhĩ Kỳ (r. 1730-54), 19

Maintenon, Françoise d'Aubigné, Nữ Hầu tước de (1635-1719), 106

Malachowski, Stanislas (1735-1809), 191

Mamonov, Alexis (fl. 1786), 85, 90, 118

mandolin, 22

Maragha, 26

Maria Feodorovna, tên rửa tội Sophia Dorothea Augusta of Wiirttemberg, vợ thứ hai của Paul I nước Nga, 124, 143

Marie Antoinette (Maria Antonia; 1755-93), Hoàng hậu của Louis

- XVI nước Pháp, cuộc hành quyết, 147; và Louis XVI, 68
- Marmontel, Jean-François (1723-99), 126
- Ma-rốc, 9
- Martini, Padre Giovanni Battista (1706-84), 43
- Martos, Ivan Petrovich (1751-1835), 138
- Masson, Frédéric (1847-1913), 84, 146
- Maupertuis, Pierre-Louis Moreau de (1698-1759), 48
- Mazanderan, 26
- Mecca, 20
- Menshikov, Hoàng thân Alexander Danilovich (1671-1719), 53
- Merlini, Domenico, 169
- Mirovich, Vasili (d. 1764), 83
- Mohammed ibn-Abd-al-Wahab (1703?-91), 11
- Mohammed Shah, Hoàng đế thuộc triều đại Mogul của Ấn Độ (trị vì 1451-81), 29-30
- Moldavia, 9, 177
- Montagu, Phu nhân Mary Wordey (1689-1762), về Hồi giáo, 12
- Montenegro, 9, 18
- Montesquieu, Charles-Louis de Secondat, Nam tước de La Brède et de (1689-1755), 48, 68, 100, 165, 166, 180; và Catherine II, 68
- Moscow: trận dịch, 116; tầm vóc và dân số, 38
- Moscow, Viện Đại học, 107
- Mùa đông, Cung điện, Nga, 45
- Mulai Ismail, Hồi vương Ma-rốc (trị vì 1672-1727), 24
- Münnich, Bá tước Christoff von (1683-1767), 56-57, 60, 73, 77, 81, 113
- Mustafa III, Hồi vương Ottoman (trị vì 1757-74), 19, 116
- Mutozilite, hệ phái, 10
- N
- Nadir Kuli, Vua Ba Tư (r. 1736-47), 25-30
- Naruszewicz, Adam (1733-96), 180-82
- Narva, 37
- Nasrulla (fl. 1739), con trai của Nadir Kuli, 29
- Nedim, thi sĩ Ottoman, 12
- Neumann, Johann Balthasar (1687-1753), 45
- Nga, 35-149; kiến trúc, 45, 61, 138-46; quân đội, 61, 74, 79-81, 117; nghệ thuật, 45, 61, 133-46; và

Áo, 61; nạn tham nhũng trong giới thư lại, 39; giáo sĩ và tôn giáo, 40-41, 74, 101-05; y phục và việc ăn mặc, 41; thương mại và công nghiệp, 37, 111-12; những xung đột với Thổ Nhĩ Kỳ, 9, 17-19, 57, 113-22, 148, 177; và Đan Mạch, 113; giáo dục, 61, 105; và Anh, 60, 116, 120-22; thời Khai minh, 43-49, 61, 92-99; sự bành trướng đế quốc, 56-57, 113-22, 149; chế độ phong kiến, 39, 101, 107-11; và Phần Lan, 113; và Pháp, 56, 61, 115-16, 147; Hội Tam điểm, 130; ảnh hưởng của văn hóa Pháp, 98-99, 134; chính phủ, 38-39, 60, 117-19; ảnh hưởng của người Đức, 54-56; người Do Thái, 104; những cải cách pháp luật, 59-60, 100-104, 149; văn học, 47-51, 126-32; những nhóm thiểu số, 35-36, 102; âm nhạc, 133; những vụ đảo chính cung đình, 58, 76-77; và Ba Lan, 56, 113, 148, 157, 168-78, 184-95; và Phổ, 113, 120-21, 179; thuốc men và y tế công cộng, 107; triều đại của Anna Ivanovna (1730-40), 54-57; triều đại của Catherine I (1725-27), 53-57; triều đại của

Catherine II, xem Catherine II Đại đế; triều đại của Elizabeth Petrovna (1741-62), 58-73; triều đại của Peter II (1727-30), 54; triều đại của Peter III (1762), 62-77; chính sách khoan dung tôn giáo, 74, 101-105; tầm vóc và địa lý, 35, 149; các giai cấp xã hội, 35-39, 52-57, 73, 82-83, 101, 108-12, 147-49; và Thụy Điển, 113, 115, 120; thuế má, 40, 149; chiến tranh với Ba Tư (1722-23), 28; công cuộc Tây phương hóa, 149-50
TRONG CHIẾN TRANH BẢY NĂM (1756-63): 60, 74, 113-14

CÁC LIÊN MINH VÀ THỎA

THUẬN VỚI NƯỚC NGOÀI, 114-16; Hòa ước Jassy (1792), 187.

Ngai vàng Con công, 29

Nghị viện (Sejm), Ba Lan, 152-53

Nghị viện (Diet), Ba Lan, 152-53, 179; giải tán Hội đồng Thường trực, 184; những xung đột phe phái, 167-68; và cuộc chia cắt Ba Lan lần I, 172-73; “Bốn Năm,” 184; cuối cùng (1793), 192; quyền *liberum veto*, 155, 161-62, 170-72, 179; cơ cấu của, 185; nhượng bộ Catherine (1768), 172

Ngụ ngôn và Tục ngữ (Krasicki),
182

Nhà nguyện của Dòng Malta, 143

Nhạc kịch, in Russia, 42-43, 133

*Những cuộc phiêu lưu của Ngài
Nicholas Find-Out* (Krasicki), 182

Niemcewicz, Julian Ursyn (1757-
1841), 183

Novikov, Nikolai Ivanovich (1744-
1818), 129-30, 147

nô lệ và việc buôn bán nô nệ, chế
độ: trong các nước Hồi giáo, 16, 30

nổi loạn của nông dân, những
cuộc: ở Nga, 36, 109

nông dân: ở Ai Cập, 20; ở Ba Lan,
133, 154, 185, 193; ở Nga, 35, 101,
107-109, 146

nông nghiệp: ở Ba Lan, 153

nông nô, chế độ: ở Ba Lan, 153,
187; ở Nga, 35-37, 74, 101, 107-109,
149

Nuri-Osmanieh, thánh đường, 16

nữ tu viện: ở Nga, 105

O

Ochakov, 19, 57; cuộc bao vây, 121

Odessa, 117

Old Believers [Cựu Tín đồ], 74, 109

Oleg, vở kịch (Catherine II), 126

Ong mật đục (*The Drone* -

Novikov), 129

Ông hoàng Khlor (Catherine II),
125, 128

Orlov, Alexei Grigorievich (1737-
1809), 439, 458; giúp cho
cuộc đảo chính của Catherine
II, 439-40; trong cái chết của
Peter III, 442

Orlov, Feodor Grigorievich (1741-
90), 71

Orlov, Grigori Grigorievich (1734-
83), 76, 113, 143; giúp cho
cuộc đảo chính của Catherine,
76; bắt giữ Choglokov, 84;
người tình của Catherine, 81,
86; những phần thưởng của
Catherine, 81; các chính sách,
87

Ostermann, Bá tước Andrei
Ivanovich (1686-1747), 53-54

P

Paisiello, Giovanni (1740-1816), 133

Palestine, 9

Panin, Nikita Ivanovich (1718-83),
76, 79, 82, 113, 176

Panin, Piotr Ivanovich (1721-89),
110

Passek, Trung úy, P. B. (fl. 1762), 76

Passerowitz, Hiệp ước (1718), 19

Paul I (Đại Công tước Paul), Sa

- hoàng Nga (trị vì 1796-1801), 70,
131-132, 143, 195
- Perekop, 57
- Peshawar, 29
- Peter I Đại đế, Sa hoàng Nga (trị vì
1681-1715), 62, 113; trốn thoát
khỏi Thổ Nhĩ Kỳ, 17-18; và giới
quí tộc, 73; pho tượng, 73;
chiến tranh với Ba Tư (1711-
13), 28; Tây phương hóa nước
Nga, 149
- Peter II (Piotr Alexeevich), Sa
hoàng Nga (trị vì 1717-30), 52
- Peter III (Piotr Feodorovich, tên
nguyên thủy Karl Friedrich
Ulrich of Holstein-Gottorp)
Sa hoàng Nga (trị vì 1761),
62-77, 113; trợ giúp Frederick
II, 74; Catherine truất phế,
77; những xung đột với
Catherine, 67-68, 75; cái chết,
80; thiếu thời và tính cách,
62-63; các thói quen, 67-70;
bị Catherine giam cầm, 77-80;
những chuyện tình ái, 68; gặp
và cưới Catherine, 65-67; cảm
tình của dân chúng, 79; những
cải cách, 73-75; triều đại, 73-
77; thất nhân tâm, 75
- Peterwardein, trận đánh (1718), 19
- Phaedrus, (thế kỷ I sCn), 182
- Pháp quốc, và nước Áo, 187; các
parlement, xem *parlements*
và Nghị viện Paris; và Ba Lan,
160, 174; và Phổ, 187; và Nga,
57, 61, 115-16
- philosophe*, 185; và Catherine II,
100-105; xem *thêm tên của từng*
philosophe riêng rẽ
- phong kiến, chế độ: ở Nga, 39, 101,
107-11
- Phổ, trong Liên minh Trung lập Vũ
trang (1780), 114; và Ba Lan,
156, 169-79, 187-88, 192-94; và
Cách mạng Pháp, 187; và Nga,
120-23, 179; Tây Phổ, 179
- phụ nữ: tại các nước Hồi giáo, 14;
tại Ba Lan, 157
- Piranesi, Giovanni Battista (1720-
78), 169
- Plato (427?-347 B.C.), 68
- Platon (Peter Levshin; 1737-1812),
131
- Plutarch (46?-120? sCn), 68
- Podolia, 195
- Poltawa, trận đánh (1709), 159
- Poniatowski, Hoàng thân Józef
Antoni (1763-1813), 188-95
- Poniatowski, Công nương
Konstantia, tên rửa tội Czartoryski,
155

Poniatowski, Hoàng thân Stanislas

(1676-1762), 155

Poniatowski, Stanislas II, *xem*

Stanislas II Augustus, Vua Ba Lan

Potemkin, Grigori Alexandrovich

(1739-91), 84-90, 129, 137,

146; nhà cai trị, 117; cái chết,

122; sự nghiệp cầm quân

chống Thổ Nhĩ Kỳ, 117-21

Potocki, Antoni (fl. 1744), 156

Potocki, Bá tước Stanislas Felix

(1752-1805), 155, 187-88, 191

Poussin, Nicolas (1594-1665), 133

Praga, 189, 191, 194

Praslin, César-Gabriel de Choiseul,

Công tước de (1712-85), 94

Preobrazhensky, Trung đoàn, 128

Pugachev, Emelyan Ivanovich

(1716-75), 109, 128, 147

Pulaski, Casimir (1748?-79), 173

Pulaski, Józef (sinh thời 1750), 173

Pushkin, Alexander Sergeevich

(1799-1837), 49, 129

Q

Quarenghi, Giacomo (1744-1817),

143

quí tộc, giai cấp: ở Ba Lan, 152-57,

162, 172, 179, 193; ở Nga, 35,

41, 54-57, 73, 82, 108-12, 149

Quốc gia dã man, Những, 24-25

R

Rachmaninov (dịch giả người Nga
chuyên dịch Voltaire), 143

Racine, Jean-Baptiste (1639-99),

50

Radishchev, Alexander Nikolaevich

(1749-1801), 131-32, 147

Radziwill, Helen, 169

Radziwill, Ông hoàng Karol (1734-

90), 154

Raphael (Raffaello Sanzio; 1483-

1520), 134

Raskolniki, các tín đồ ly giáo, 104

Rastrelli, Bartolomeo (1700-71), 45

Rastrelli, Carlo Bartolomeo (mất

năm 1744), 45

Razumovsky, Alexis (sinh thời

1741), 59

Razumovsky, Kirill, 75

Rembrandt Harmensj von Rijn

(1606-69), 134

Repnin, Nikolai Vasilievich (1734-

1801), 171, 172-74

Riga, 38

Rimnik, trận đánh (1789), 121

Rimsky-Korsakov, Ivan (fl. 1778),

85, 90

Rinaldi, Antonio (1709-90), 143

Riza Kuli (sinh thời 1740), con trai

của Nadir, 29-31

Rosicrucian, các tín đồ, 131
 Rousseau, Jean-Jacques (1711-78),
 131, 165, 175; bản hiến pháp cho
 Ba Lan, 175;
 Rumiantsev, Piotr Alexandrovich
 (1725-96), 115-16, 120

S

 Safavid, triều đại, 24
 St.-Cyr (Trường), 106
 St. Petersburg, 106-07, 117
 Salieri, Antonio (1750-1825), 133
 Saltykov, Bá tước Piotr
 Semionovich (1698?-1772), 67
 Saltykov, Sergei (sinh thời 1751),
 69
 Samarra, trận đánh (1733), 28
 Saratov, 109
 Saudi Arabia, 11
 Saxony, 55
 sân khấu: ở Ba Lan, 183; ở Nga,
 127-30
 Schleswig, công quốc, 75
 Schlüsselberg, Pháo đài, 131
 Ségur, Bá tước Louis-Philippe de
 (1753-1830), 37, 118-19
 Serbia, 9
 Sevastopol, 117
 Shah Jehan, Hoàng đế triều đại

Mogul (trị vì 1618-58), 30
 Shah Rukh, nhà cai trị Ba Tư (trị vì
 1748-96), 31
 Shakespeare, William (1564-1616),
 126-28, 183
 Shchedrin, F. F. (1751-1815), 137
 Sherbatov, công nương (sinh thời
 1789), 90
 Sheridan, Richard Brinsley (1751-
 1816), 183
 Shi'a, hệ phái, 11, 29
 Shiraz, 31-32
 Shuvalov, Ivan, 61
 Shuvalov, Piotr, Bá tước (mất năm
 1761), 61, 71
 Siberia, 35
 Sievers, Yakov Efunovich (1731-
 1808), 190
 Smolny, Học viện, 106
 Soloviev, Sergei Mikhailovich
 (1820-79), 67
 Soltyk, Kajetan (sinh thời 1766),
 giám mục Cracow, 170-72
 Sophie Augusta Frederika, xem
 Catherine II Đại đế
 Stackelberg, Bá tước Otto von (fl.
 1764), 167
 Stanislas I Leszczynski, Vua Ba Lan
 (trị vì 1704-9, 1733-35), nhà
 cai trị Lorraine và Bar (r.1737-

- 66), 56, 159-60
- Stanislas II Augustus (Stanislas Poniatowski), Vua Ba Lan (trị vì 1764-95), 155, 163-92; sự giúp đỡ từ Nga, 166-72, 177-78; ngoại hình và tính cách, 164-67, 190-95; những nỗ lực củng cố chế độ quân chủ, 160, 171; và Catherine II, 70-71, 119-20, 166-72, 184, 189; và Liên minh Bar, 173-75; xung đột với người Nga, 187-89; cái chết, 195; những khó khăn với giới quý tộc, 167-68; thời trẻ, 163-67; việc bầu lên làm vua, 163; và cuộc phân chia cuối cùng, 194-95; và cuộc phân chia lần I, 178; đánh bại kế hoạch phân chia của Frederick II, 169-72; và Bà Geoffrin, 164-66; mối quan tâm trí thức, 165-69; và văn học, 180-84; những chuyện tình ái, 168; xúc tiến Thời Khai minh ở Ba Lan, 180; và cuộc phân chia lần II, 187-93; vấn đề thừa kế, 185.
- Starov, Ivan (1743-1808), 146
- Sterne, Laurence (1713-68), 132
- Sumarokov, Alexis Petrovich (1718-77), 50-51
- Sunni, hệ phái, 11, 25-26
- Suvorov, Aleksander Vasilievich (1721)-1800), 111, 120-21, 137; trong việc chia cắt Ba Lan, 194; ngôi mộ, 137
- Suy xét của một công dân tốt, Những điều* (Poniatowski), 171
- Swift, Jonathan (1667-1745), 182
- Syria, 9
- T
- Tacitus, Caius Cornelius (55?-120?), 68
- Taganrog, 116
- Tahmasp II, Vua Ba Tư (trị vì 1730-32), 26
- Tam điểm, Hội: ở Nga, 40
- Targowica, Liên minh, 188-89
- Tartaglia (nhân vật hài hước), 104, 109-13
- Tasso, Torquato (1544--95), 127
- Tatishchev, Vasilii Nikitich (1686-1750), 48
- Taurida, Cung điện, 146
- Tây Phổ, 169
- Télémaque* (Fénelon), 209
- Teresapol, trận đánh (1794), 188
- thảm Ba Tư, 32
- thánh đường Hồi giáo, các, 61
- thi ca: Hồi giáo, 12-14, 32-34; ở Ba Tư, 32; ở Ba Lan, 180-83; ở Nga,

48-51, 125

Third Partition Treaty (1797) [Hiệp ước Phân chia Lần thứ ba], 194

Thorn, 178; confederacy at, 172

Thơ trào phúng (Naruszewicz), 180

Thổ Nhĩ Kỳ: kiến trúc, 16; nghệ thuật, 16; những cuộc xung đột với Áo, 9, 18-19, 57; việc sạch sẽ và vệ sinh, 15; thương mại, 112; văn hóa, 11-12; và chế độ giáo hoàng, 115; Hòa ước Jassy (1791), 187; và Ba Tư, 24-29; thi ca, 12-14; và Ba Lan, 19, 115, 157, 173; bị đẩy lùi khỏi Vienna (1683), 9; triều đại của Abdul-Hamid I, 19; triều đại của Mahmud I, 19; những cuộc xung đột với Nga, 17-19, 56, 113-22, 148, 176; chế độ nô lệ, 16; chế độ Hồi vương, 17; và Thụy Điển, 120; xung đột với Venice, 18; phụ nữ, 14 ĐẾ QUỐC: Chinh phục Crete và Hy Lạp (1715), 18; suy tàn, 17-19; ở châu Âu, 18-19; ở Bắc Phi, 19-24; tầm vóc, 9

Thổ Nhĩ Kỳ trong đế quốc

Ottoman, Người, 9, 15; *cũng xem*

Thổ Nhĩ Kỳ

thuế má: ở Ba Tư, 31; ở Nga, 40,

149

Thụy Điển: trong Liên minh Trung lập Vũ trang (1780), 114; và Ba Lan, 159; và Nga, 115, 120; và Thổ Nhĩ Kỳ, 120.

Thừa kế Ba Lan, Chiến tranh (1733-35), 56, 160

Thượng viện: Ba Lan, 185; Nga, 39, 77

Tiểu Á, 411; *cũng xem* Hồi giáo

Tiểu vương Vais, *xem* Vais, Tiểu vương

Tiflis, 28

Tin Lành, Đạo: ở Ba Lan, 152, 172

Tinh thần Pháp luật

(Montesquieu), Catherine II nói về, 68

Topal Osman (tướng Thổ Nhĩ Kỳ), 28

Torún (Thorn), 156

tra tấn: được bãi bỏ ở Nga, 60, 101-04

trật tự Đức, nền, 178

Trembecki, Stanislas (1737?-1811), 182

trọng nông, các nhà, 111

trung lưu, giai cấp: ở Ba Lan, 155, 193; ở Nga, 38, 111-112

Trường Thương mại, Nga, 106

Tsarskoe Selo, Cung điện, 45,
142-43

tu viện, các: ở Nga, 104-05

Tubières, Anne-Claude de, Bá tước
de Caylus (1692-1765), 138

Tunisia, 9

U

Ukraine, 155

Uniates, tín đồ, 158; *cũng xem*
Giáo hội Chính thống Hy Lạp, ở
Ba Lan

Uzbekistan, cuộc xâm lăng của
người Ba Tư (1740), 25

Uzbekistan, người, 25, 26, 30

V

Vais (mất năm 1715), Tiểu vương
của Kandahar, 25

Vallin de La Mothe, Jean-Baptiste
(1719-1800), 142

Vandyck, Sir Anthony (1599-1641),
134

Vassilchik, Alexis (sinh thời 1771),
87

văn học: ở Ba Tư, 32; ở Ba Lan,
180-83

Venice: thành quả chiếm được qua
Hiệp ước Passerowitz (1718),
19; chiến tranh với Thổ Nhĩ
Kỳ (1715), 18

Verevkin (dịch giả), 127

Vernet, Claude-Joseph (1714-89),
họa sĩ Pháp, 134

“Về những Chỉ thị của Hoàng
thượng... liên quan đến việc Soạn
thảo Luật pháp” (Diderot), 96

viện đại học, các [ở Nga], 105

Vienna, quân Thổ bị đẩy lùi khỏi
(1683), 9

Vigée-Lebrun, Marie-Anne
Elisabeth (1755-1842), 137

Visin, Denis Ivanovich von (1744-
91), 129

Vistula, Sông, 152

Volhynia, 195

Voltaire (François-Marie Arouet;
1694-1778), 9, 50, 61, 68, 127,
165, 173, 180; và Catherine
II, 65, 80, 92-96, 100, 115-17,
124, 147; và việc phân chia Ba
Lan, 179; và Rousseau, *xem*
Rousseau, Jean-Jacques.

Volumina legum (Konarski), 158

Vorontsov, Mikhail Ilarionovich
(1714-67), 61

Vorontsova, Elizaveta (fl. 1760),
70-72, 76-77

W

Wahabite, hệ phái, 11

Walpole, Horace, Bá tước Orford

thứ tư (1676-1745), 69, 94

Z

Walpole, Sir Robert, Bá tước

Orford thứ nhất (1676-1745), 133

Zand, triều đại, 31

Warsaw, 156-57, 158-60; bị Phổ
chiếm đóng, 195; cuộc kháng cự
cuối cùng chống lại việc chia cắt,
193-95

Zavadovsky, Piotr (fl. 1776), 90

Zielence, trận đánh (1792), 188-89

Wilno, 180, 189, 191, 193

Zorich, Simon (fl. 1777), 90

Winckelmann, Johann Joachim
(1717-68), 138

Zorndorf, trận đánh (1758), 71

Wortley Montagu, Edward (1678-
1761), 11, 12

Zubov, Platon (sinh năm 1764), 91,
148

Y

Yankovich, Theodor (fl. 1786), 106

Zubov, Valerian (sinh năm 1765),

Yenikale, 116

148

CHÚ THÍCH (Quyển 2)

CHƯƠNG I

1. Gooch, Maria Theresa, 124.
2. *Ibid.*, 7.
3. 8.
4. Bearne, Mrs., *A Court Painter*, 323.
5. Ercole, *Gay Court Life*, 272.
6. Castelot, André, *Queen of France*, 20.
7. Zweig, Stefan, *Marie Antoinette*, 5.
8. Padover, Saul, *Life and Death of Louis XVI*, 30.
9. Gooch, *Maria Theresa*, 122.
10. Padover, 30.
11. Castelot, 37.
12. *Ibid.*, 40.
13. Zweig, 21.
14. Castelot, 64.
15. *Ibid.*, 73; Dakin, *Turgot and the Ancien Regime*, 19.
16. Walpole, July 10, 1774.
17. Mathiez, Albert, *The French Revolution*, 9.
18. Tocqueville, *L'Ancien Régime*, 122.
19. Maine, Sir Henry, *Ancient Law*, 48.
20. Cobban, Alfred, *History of Modern France*, I, 127.
21. Taine, *The Ancient Regime*, 95.
22. *Ibid.*, 68-69.
23. Mathiez, 5.
24. Taine, *Ancient Régime*, 118, 98.
25. Ercole, 370.
26. Castelot, 85.
27. Campan, Mme., *Memoirs*, I, 317.
28. Mossiker, Frances, *The Queen's Necklace*, 201.
29. *Ibid.*, 163.
30. Castelot, 66, 158.
31. Lacroix, *The Eighteenth Century*, 35.
32. Vigee-Lebrun, Mme., *Memoirs*, 56.
33. Desnoiresterres, *Voltaire et la société française*, VIII, 294.
34. Castelot, 174.
35. Cobban, Alfred, *Historians and the Causes of the French Revolution*, 5, 14.
36. Mme. Campan gives several examples (*Memoirs*, I, 190-194).
37. Cobban, *History of Modern France*, I, 115.

38. Castelot, 123.
39. Fay, Bernard, *Louis XVI, ou La Fin d'un monde*, 311.
40. Havens, G. R., *The Age of Ideas*, 392.
41. In Mossiker, *Queen's Necklace*, 160.
42. Castelot, 119.
43. Padover, *The Revolutionary Emperor*, 119, 125.
44. *Ibid.*, 119.
45. Castelot, 122.
46. *Ibid.*, 121.
47. 124.
48. Zweig, *Marie Antoinette*, 137.
49. Padover, *Louis XVI*, 102.
50. Ségur, Marquis de, *Marie Antoinette*, 104.
51. *Ibid.*
52. Michelet, *Histoire de France*, V, 491.
53. "The Good-natured King."
54. Campan, Mme., *Memoirs*, I, 178.
55. Padover, *Louis XVI*, 118-19.
56. Funck-Brentano, *L'Ancien Régime*, 545.
57. Gibbon, *Decline and Fall*, ed. J. B. Bury, IV, 519.
58. Padover, *Louis XVI*, 23.
59. Campan, Mme., 1752-1822.
60. Fay, *Louis XVI*, 8.
61. Taine, *Ancient Régime*, 304.
62. Funck-Brentano, 546.
63. Campan, I, 180.
64. Stryienski, *Eighteenth Century*, 213.
65. Gooch, *Catherine the Great*, 230.
66. Goethe, *Truth and Fiction*, II, 350.
67. Dakin, *Turgot*, 126.
68. Say, Leon, *Turgot*, 101.
69. Robinson, J. H., *Readings in European History*, 426.
70. See *Age of Louis XIV*, 160.
71. Voltaire, *Works*, XXlb, 347.
72. Parton, *Life of Voltaire*, II, 535.
73. Martin, H., *Histoire de France*, XVI, 340.
74. Dakin, 187; Padover, *Louis XVI*, 75.
75. Say, 12.
76. Dakin, 152; Tocqueville, 190.
77. 77. Tocqueville, 190.
78. Say, 161-166; Funck-Brentano, 554.
79. Renard, Georges, *Guilds in the Middle Ages*, 125.
80. Martin, H., *France*, XVI, 371.
81. *Ibid.*, 372.
82. Taine, *Ancient Régime*, 137.
83. Padover, *Louis XVI*, 92.
84. Dakin, 22 I.
85. Say, 185-191.
86. Dakin, 263; Martin, H., *France*, XVI, 379.
87. Michelet, *Histoire de France*, V, 480.
88. Say, 43.
89. Warwick, Mirabeau and the French Revolution, 104.

- On L'Hopital see The Age of Reason Begins, 337-345.
90. Jaures, Jean, *Histoire socialiste de la Revolution française*, I, 159.
 91. Martin, H., *France*, XVI, 387.
 92. Taine, *Ancient Régime*, 302.
 93. Michelet, *Histoire de France*, V, 488.
 94. Campan, Mme., I, 181.
 95. Tocqueville, 191.
 96. Lecky, *History of England in the 18th Century*, V, 39-41.
 97. Padover, *Louis XVI*, 108; Martin, H., *France*, XVI, 416.
 98. Becker, Carl, *The Heavenly City of the 18th-Century Philosophers*, 77.
 99. Lecky, IV, 50.
 100. *History Today*, October, 1957, 659.
 101. Martin, H., *France*, XVI, 428.
 102. Morris, R. B., *The Peacemakers*, 104-107.
 103. CMH, VIII, 93.
 104. Gooch, *Catherine the Great*, 97.
 105. Martin, H., *France*, XVI, 500-501.
 106. *Ibid.*, 504.
 107. Mahan, A. T., *Influence of Sea Power upon History*, 337.
 108. Morris, *Peacemakers*, 178-181.
 109. Lecky, IV, 256-259.
 110. *Ibid.*
 111. Morris, 277.
 112. *Ibid.*, 461.
 113. Tocqueville, 155.
 114. *Ibid.*, II 9.

CHƯƠNG II

1. Parton, *Life of Voltaire*, II, 491.
2. *Ibid.*, 496
3. Pomeau, *La Religion de Voltaire*, 427.
4. Chaponnière, Voltaire chez les calvinistes, 262.
5. Faguet, *Literary History of France*, 508.
6. Lanson, Gustave, *Voltaire*, 158.
7. Torrey, N. L., *The Spirit of Voltaire*, 150.
8. Brandes, *Voltaire*, II, 317.
9. Wagnière in Parton, II, 564.
10. *Ibid.*
11. Note to Walpole, *Letters*, VII, 35.
12. Brandes, *Voltaire*, II, 322; Parton, II, 367.
13. Desnoiresterres, Voltaire et la société française, VIII, 199-200; Campan, I, 323; Martin, H., *Histoire de France*, XVI, 393.
14. Parton, *Life of Voltaire*, II, 568.
15. Brandes, II, 324.
16. Pomeau, 263.

17. Noyes, *Voltaire*, 583.
18. Pomeau, 307.
19. Desnoiresterres, VIII, 230.
20. Lanson, *Voltaire*, 200.
21. Desnoiresterres, VIII, 232-233.
22. *Ibid.*, 235.
23. 236.
24. 145.
25. Wiener, Leo, *Anthology of Russian Literature*, I, 357.
26. Noyes, 600.
27. Brandes, *Voltaire*, 11, 336.
28. *Ibid.*, 337.
29. Desnoiresterres, VIII, 283-291.
30. Vigée-Lebrun, *Memoirs*, 199.
31. Ducros, *French Society in the 18th Century*, 121.
32. Desnoiresterres, VIII, 302.
33. *Ibid.*, 306; Brandes, *Voltaire*, II, 340.
34. G. Lytton Strachey, *Books and Characters*, 1922.
35. Brandes, II, 341.
36. Desnoiresterres, VIII, 334, 365.
37. Pomeau, 447.
38. Desnoiresterres, VIII, 359.
39. *Ibid.*, 366; Créqui, Marquise de, *Souvenirs*, 235n.
40. Brandes, *Voltaire*, II, 348.
41. Gooch, *Catherine the Great*, 70.
42. In Brandes, *Voltaire*, II, 94n.; the order has been slightly changed.
43. *Ibid.*, 354.
44. Parton, II, 494.
45. Voltaire, *La Guerre de Genève*, in Josephson, *Rousseau*, 479.
46. Hendel, Charles, *Citizen of Geneva*, 91.
47. Josephson, 481.
48. Hendel, *Citizen*, 98.
49. *Ibid.*, 99 (letter of Oct. 10, 1769).
50. *ibid.*, 101 (letter of Jan. 17, 1770).
51. See *Age of Voltaire*, 565.
52. Michelet, *Histoire de France*, V, 485.
53. Morley, *Rousseau*, II, 156.
54. Josephson, 495.
55. Rousseau, *The Confessions*, II, end.
56. Josephson, 501.
57. *Ibid.*
58. Desnoiresterres, VII, 488.
59. Vaughn, C. E., *Political Writings of Rousseau*, II, 445.
60. *Ibid.*, 376, 381.
61. Rousseau, *Rousseau juge de Jean-Jacques*, p. x.
62. *Ibid.*, 19.
63. 64-67.
64. 110, 114.
65. 117-18.
66. 292, 302, 327.
67. Third Dialogue.
68. *Rousseau juge*, 319 f.
69. Josephson, 508.
70. *Reveries of a Solitary*,

- Ninth Promenade.
71. Josephson, 518.
 72. Masson, P. M., *La Religion de Rousseau*, 11,213-215,301-302.
 73. *Ibid.*, 246.
 74. Josephson, 502; Faguet, *Vie de Rousseau*, 399.
 75. Josephson, 527.
 76. Babbitt, Irving, *Spanish Character and Other Essays*, 225.
 77. Cassirer, *The Question of Rousseau*, 39.
 78. Lemaitre, *Rousseau*, 247.
 79. Lanson, *Histoire de la littérature française*, 798.
 80. Goethe, *Truth and Fiction*, II, 236.
 81. Schiller, "Rousseau" in Poems, 25. In *Works*.
 82. In Maritain, *Three Reformers*, 225.
 83. *Collection complète des oeuvres*, I, 186.
 84. Cassirer, *Question of Rousseau*, 39.
 85. Pomeau, 340.
 86. Masson, P. M., *La Religion de Rousseau*, III, 239-244.
 87. *Ibid.*, 74.
 88. In Morley, *Rousseau and His Era*, II, 273.
 89. Masson, *La Religion*, III, 227.
 90. Burke, "Letter to a Member of the National Assembly" in *Reflections on the French Revolution*, 262.
 91. Taine, *Ancient Régime*, 317.
 92. Lemaitre, 361.
 93. Lanson, *Histoire de la littérature française*, 798.
 94. Crocker, *The Embattled Philosopher*, 310.
 95. Ségur, *Julie de Lespinasse*, 402.
 96. Letter of Feb. 27, 1777, in Hazard, *European Thought*, 323.
 97. Ford, Miriam de, *Love Children*, 21.
 98. Havens, *Age of Ideas*, 351.
 99. Crocker, *Embattled Philosopher*, 400.
 100. *Rousseau juge de Jean-Jacques*, "Avertissement" v-vi.
 101. Crocker, *Embattled Philosopher*, 433.
 102. Sainte-Beuve, *Portraits of the 18th Century*, II, 213.
 103. Schapiro, J. S., *Condorcet*, 69.
 104. Russell, Bertrand, *History of Western Philosophy*, 722.
 105. Schapiro, *Condorcet*, 91.
 106. Martin, H., *France*, XVI, 525.
 107. Schapiro, 96-97
 108. So reads the ms. in the Bibliothèque de l'Institut.
 109. See *The Age of Voltaire*, 775.
 110. Condorcet, *Sketch for a Historical Picture of the Progress of the Mind*, p. v.

111. *Ibid.*, 105.
112. 10.
113. 179.
114. Aulard, A., *The French Revolution*, I, 123.
115. Schapiro, 80, 88.
116. Condorcet, 193.
117. *Ibid.*, x-xi, 175.
118. 4.
119. 188.
120. 169.
121. 202.
122. Schapiro, 107.
123. Tocqueville, 8.
124. Taine, *Ancient Régime*, 317.
125. Aulard, I, 83.
126. Robertson, J. M., *Short History of Free thought*, II, 284.
127. Aulard, I, 83.
128. Robertson, J. M., *Short History*, 288.
129. Tocqueville, 165.
130. In See, Henri, *Economic and Social Conditions in France during the 18th Century*, 107.
131. Padover, *Louis XVI*, 6, 7, II.
132. Tocqueville, 156.
133. Masson, P. M., *La Religion de Rousseau*, III, 237.

CHU'ONG III

1. See, *Economic and Social Conditions*, 61; Jaures, *Histoire socialiste*, I, 60; Taine (*The French*

- Revolution*, I, 168)
estimated the value of
church property at four
billion livres.
2. Herbert, Sydney, *The Fall of Feudalism in France*, 40.
3. Mornet, Daniel, *Les Origines intellectuelles de la Révolution française*, 278.
4. *Ibid.*, 274; See, 66.
5. *Ibid.*; Taine, *French Revolution*, I, 162-63.
6. See, 66.
7. Taine, *French Revolution*, I, 167.
8. Burke, Edmund, *Reflections on the French Revolution*, 142.
9. Sanger, W., *History of Prostitution*, 131.
10. See, 23; Mornet, 276.
11. Vigee-Lebrun, *Memoirs*, 14.
12. Lacroix, Paul, *The Eighteenth Century in France*, 346.
13. Taine, *Ancient Régime*, 291.
14. Mornet, 335.
15. Lacroix, 265.
16. Mornet, 331.
17. Fay, *Louis XVI*, 280.
18. Martin, H., *Histoire de France*, XVI, 51l.
19. Fay, 280.
20. Lecky, *England in the 18th Century*, V, 308.

21. Martin, H., *France*, XVI, 353.
22. Mornet, 112.
23. Funck-Brentano, *L'Ancien Régime*, 554.
24. Martin, H., *France*, XVI, 585.
25. Tocqueville, 9.
26. Herbert, S., *Fall of Feudalism*, 84.
27. See *Age of Voltaire*, 776-780.
28. In Crocker, *Age of Crisis*, 392.
29. In Becker, *Heavenly City*, 80.
30. Carlyle, *Essay on Diderot*.
31. Restif de La Bretonne, *La Vie de mon père*, 90 f.
32. Taine, *Ancient Régime*, 380.
33. Lados, Choderlos de, *Les Liaisons dangereuses*, Letter LXVI.
34. See Plato, *The Republic*, Nos. 338-344.
35. De Sade, Comte, *Juliette*, in Crocker, *Age of Crisis*, 15.
36. Guerard, Albert, *Life and Death of an Ideal*, 294.
37. Mme. d'Oberkirch in Taine, *Ancient Régime*, 163.
38. Kohler, Carl, *History of Costume*, 366.
39. Boehn, *Modes and Manners*, IV, 215.
40. In Loomis, *Du Barry*, 169.
41. *Decline and Fall of the Roman Empire*, near end of Ch. xix.
42. Gibbon, *Correspondence*, II, 46. in *Memoirs*, 222n.
43. See *Age of Voltaire*, 301-302.
44. Walpole, Dec. 1, 1765.
45. Koven, Anna de, *Horace Walpole and Mme. du Deffand*, 102, 116.
46. *Ibid.*, 127.
47. Watson, Paul, *Some Women of France*, 90.
48. *Ibid.*
49. 89; Koven, 157.
50. *Ibid.*, 195.
51. Crocker, *Embattled Philosopher*, 354.
52. Gambier-Parry, *Madame Necker*, 78.
53. *Ibid.*, 215.
54. Créqui, Marquise de, *Souvenirs*, 192-194.
55. Gambier-Parry, 150.
56. Anderson, E., *Letters of Mozart*, II, 787.
57. Einstein, *Mozart*, 356.
58. Lespinasse, *Letters*, 138.
59. Rolland, Romain, *Essays in Music*, 147.
60. Grove's *Dictionary of Music*, II, 456.
61. Young, Arthur, *Travels in France*, 67.
62. Louvre.
63. In the Institute, Paris.
64. Dilke, Lady Emilia, *French Architects and Sculptors*, 130. It is now in the École des Beaux-Arts in Paris.
65. *Time magazine*, Jan. 31,

- 1764, p. 44.
66. *Ibid.*
67. All in the Louvre.
68. Both in the Louvre.
69. Vigée-Lebrun, 42.
70. Louvre.
71. Private collection.
72. Taine, *French Revolution*, I, 141; Mornet, *Origines intellectuelles*, 419; La Fontainerie, *French Liberalism*, 13.
73. Mornet, 443.
74. Lecky, V, 394.
75. Mornet, 426.
76. Enc. Brit., XVI, 349d.
77. Lecky, V, 425.
78. Ducros, *French Society*, 314.
79. *Ibid.*
80. Faguet, *Literary History*, 539.
81. Chamfort, Sébastien, *Maximes*, 15.
82. *Ibid.*, 27.
83. 6.
84. 71.
85. 67.
86. 69.
87. 62.
88. 87.
89. 89.
90. 26.
91. 539.
92. *Ibid.*, preface, p. 50.
93. In Masson, *La Religion de Rousseau*, III, 137-138.
94. Bernardin de Saint-Pierre, *Paul et Virginie*, 15, 34, 58.
95. In Bury, J. B., *The Idea of Progress*, 200; italics ours.
96. Restif de La Bretonne, *La Vie de mon père*, 75.
97. Palache, *Four Novelists of the Old Regime*, 172.
98. *Ibid.*, 191.
99. Restif, *La Vie de mon père*, 14.
100. Chadourne, *Restif de La Bretonne*, 185.
101. *Ibid.*, 354.
102. Palache, 146.
103. Chadourne, 123.
104. *Ibid.*, 119.
105. Restif, *Les Nuits de Paris*, Nos. 109-114.
106. *Ibid.*, No. 112.
107. No. 103.
108. Young, Arthur, 143.
109. Beaumarchais, letter of June 16, 1755, in Loménie, *Beaumarchais and His Times*, 55.
110. *Ibid.*, 78.
111. 94.
112. Voltaire, letter of Jan. 3, 1774.
113. Loménie, *Beaumarchais*, 263, 269 f.
114. Havens, *Age of Ideas*, 368.
115. Beaumarchais, *The Barber of Seville*, Act I. in Matthews, *Chief European Dramatists*, 332.
116. *Ibid.*
117. Blom, Eric, *Mozart*, 119n.

118. Loménie, *Beaumarchais*, 250.
119. *Ibid.*, 252.
120. *Le Mariage de Figaro*, directions to the players, in Beaumarchais, *Oeuvres*, 184.
121. *Ibid.*, Act II, Sc. ii.
122. V, vii.
123. V, xii.
124. II, xxi.
125. V, iii.
126. Preface, *Oeuvres*, 172.
127. Loménie, *Beaumarchais*, 351.
128. *Ibid.*, 383-384.
129. Havens, 382.
130. Loménie, 348.
11. Michelet, *Histoire de France*, V, 548.
12. Martin, H., *France*, XVI, 512n.
13. Tocqueville, 193; Taine, *Ancient Regime*, 300 f.; Taine, *French Revolution*, I, 157.
14. Goodwin, *The European Nobility*, 41.
15. Argenson, Marquis d', *Pensées sur la reformation de l'état*, in Sée, *Economic Conditions*, 109.
16. Young, 24.
17. Herbert, *Fall of Feudalism*, 58; Sée, 5; Gershoy, *From Despotism to Revolution*, 310.
18. Chamfort, *Maximes*, 90.
19. Young, 125, 61.
20. Lefebvre, 116; see also Taine, *Ancient Regime*, 335-336.
21. Lefebvre, 118.
22. *Ibid.*
23. Jaurès, I, 76.
24. New CMH, VII, 237.
25. Mousnier and Labrousse, *Le Dix-huitième Siècle*, 137.
26. Stryenski, *Eighteenth Century*, 271.
27. Lefebvre, 87.
28. Lacroix, *Eighteenth Century in France*, 340.
29. French, Sidney, *Torch and Crucible: The Life and*

CHƯƠNG IV

1. Sée, *Economic and Social Conditions*, 8.
2. Labrousse, C. E., in Cobban, *Historians and ... the French Revolution*, 35.
3. Young, Arthur, *Travels in France*, 70.
4. *Ibid.*, 19.
5. Herbert, *Fall of Feudalism*, 5-10.
6. *Ibid.*, 12, 15.
7. Lefebvre, Georges, *Coming of the French Revolution*, 121.
8. Sée, *Economic Conditions*, 54.
9. Jaures, *Histoire socialiste*, I, 36.
10. Mornet, *Origines intellectuelles de la*

- Death of Antoine Lavoisier*, 87.
30. Young, 103.
31. Lefebvre, 97.
32. *Ibid.*, 21.
33. Sée, 183; Renard and Weulersee, *Life and Work in Modern Europe*, 198.
34. Mousnier and Labrousse, 186.
35. Taine, *Ancient Regime*, 387.
36. *Ibid.*, 388.
37. Jaurès, *Histoire socialiste*, I, 109.
38. *Ibid.*, 110.
39. *Ibid.*
40. Taine, *Ancient Regime*, 334.
41. *Ibid.*, 361.
42. Lecky, V, 394; Gershoy, 308.
43. Jaurès, I, 69.
44. *Ibid.*, 68.
45. Sée, 148.
46. Cobban, *History of Modern France*, I, 123.
47. Jaurès, 1,62; Sée, 197-198.
48. Taine, *Ancient Regime*, 351-352.
49. Lefebvre, 14.
50. Jaurès, I, 62.
51. *Ibid.*, 98.
52. Beard, Miriam, *History of the Business Man*, 404.
53. Taine, 320.
54. Beard, Miriam, 352.
55. Lecky, V, 484.
56. See above, Ch. iii, Sec. v.
57. Lichtenberger, André, *Le Socialisme et la Révolution française*, 35; Martin, Kingsley, *Rise of French Liberal Thought*, 252.
58. Lichtenberger, 447.
59. *Ibid.*, 446-450.
60. Enc. Brit., II, 238b.
61. Lichtenberger, 442 f.
62. Mornet, 360.
63. *Ibid.*, 364; Lefebvre, 43.
64. Cumming, Ian, *Helvetius*, 126-128.
65. *Ibid.*, 119.
66. Fülöp-Miller, R., *Power and Secret of the Jesuits*, 436.
67. Fay, *La Franc-Maçonnerie*, 242.
68. Georgel, *Memoirs*, II, 310, in Buckle, *Ib*, 665.
69. Mornet, 450.

CHƯƠNG V

1. Young, Atthur, *Travels in France*, 15.
2. Ségur, *Marie Antoinette*, 121; Castelot, 184.
3. Fay, *Louis XVI*, 293.
4. Gooch, *Maria Theresa*, 168.
5. Vigée-Lebrun, *Memoirs*, 57.
6. Mossiker, *Queen's Necklace*, 36.
7. *Ibid.*, 37, 200, 203.
8. 105.
9. *Vie de Jeanne de Valois*, by herself, in Mossiker, 63.
10. Enc. Brit., VII, 321a.
11. Mossiker, 183-184.
12. *Ibid.*, 226.
13. 273.

14. 269.
15. Fay, *Louis XVI*, 275.
16. Mossiker, ix.
17. Martin, H., *France*, XVI, 539.
18. Taine, *Ancient Regime*, 91.
19. Martin, H., XVI, 573.
20. Paine, Thomas, *The Rights of Man*, 80.
21. Stryiński, *Eighteenth Century*, 286.
22. Young, Arthur, 92.
23. *Ibid.*, 97.
24. Guérard, A., *Life and Death of an Ideal*, 308.
25. Martin, H., *France*, XVI, 597.
26. Lefebvre, 29; Cobban, *History of Modern France*, I, 128.
27. Martin, H., XVI, 608.
28. Stewart, J. H., *Documentary Survey of the French Revolution*, 27-29; Martin, H., XVI, 6n.
29. Michelet, *The French Revolution*, 118.
30. Michelet, *Histoire de France*, V, 545.
31. Fay, *Louis XVI*, 308; Taine, *French Revolution*, I, 2.
32. Aulard, I, 129; Michelet, *French Revolution*, 73.
33. Lichtenberger, 20; Martin, H., XVI, 630n.
34. Tocqueville, 121.
35. Herbert, *Fall of Feudalism*, 76, 87.
36. *Ibid.*, 76.
37. CMH, VIII, 128.
38. Barthou, Louis, *Mirabeau*, II.
39. *Ibid.*, 62.
40. 68.
41. Michelet, *Histoire de France*, V, 515.
42. Crocker, *Embattled Philosopher*, 436.
43. Barthou, 91.
44. *Ibid.*, 97.
45. 118.
46. 138.
47. 162.
48. 163; Martin, H., *France*, XVI, 614.
49. Jaurès, I, 77.
50. Michelet, *Histoire de France*, V, 554.
51. Herbert, *Fall of Feudalism*, 95.
52. Taine, *French Revolution*, I, 17.
53. Taine, *Ancient Regime*, 378.
54. Martin, H., *France*, XVI, 625.
55. Lefebvre, 94.
56. Enc. Brit., XVI, 909d.
57. Fay, *Louis XVI*, 312.
58. *Ibid.*, 305.
59. Enc. Brit., XII, 491b.
60. Taine, *French Revolution*, 1, 28.
61. Enc. Brit., XII, 491b.
62. Taine, I, 18.
63. CMH, VIII, 133; Cobban, *History of Modern France*, J, 140.
64. Barthou, 171.

65. Young, Atthur, 153.
66. Lefebvre, 72.
67. Young, 176.
68. Lefebvre, 76.
69. Young, 176.
70. Lefebvre, 77.
71. Young, 177.
72. Michelet, *French Revolution*, 137; Lefebvre, 80-81.
73. Speech of July 8, 1789, in Barthou, 186.
74. Mme. Campan, *Memoirs*, I, 358.
75. Mme. de Staël, *Considérations sur la Révolution française*, in Ducros, French Society, 316.
76. Kropotkin, Peter, *The Great French Revolution*, 61-63.
77. Michelet, *French Revolution*, 133.
78. *Ibid.*, 141.
79. Lefebvre, 86.
80. Taine, *French Revolution*, I, 41.
81. Michelet, *French Revolution*, 150.
82. Lefebvre, 101.

BẢNG DẪN

(Quyển 2)

- A
- Abbeville, 412-15
- Académie des Sciences (Hàn lâm viện Khoa học), 234, 262
- Académie Française, *xem* French Academy
- Adams, John (1735-1826), 265
- Agde, những vụ rối loạn, 458
- aides*, 420
- Aiguillon, Armand de Vignerot, Công tước (sinh năm 1750), đại biểu Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 465
- Aiguillon, Emmanuel-Armand de Vignerot, Công tước (1720-82), chính khách Pháp, 277
- Aix-en-Provence, những vụ rối loạn, 416
- Alba, Công tước ở (1508-82), *xem* Alva
- Albert (1738-1811), Công tước Saxe-Teschen, 210
- Alembert, Jean Le Rond d' (1717-83), 317, 347, 389; cái chết, 312; Diderot và, 312; Frederick II, 312; Cách mạng Pháp và, 940; Hume và, 312; Julie de Lespinasse và, 428; những năm cuối đời, 312; về Louis XVI, 236; Voltaire và, 278-79
- Alexander Đại đế, Vua của Macedon (r. 336-313 B.C.), 319
- Amiens: những nhà máy, 412; những vụ nổi loạn, 458; nạn thất nghiệp, 418
- Angelucci, Guglielmo (phát đạt, 1773), 391
- Anh quốc; Cách mạng Hoa Kỳ và, *xem* Cách mạng Hoa Kỳ; nghệ thuật, 304; Hội Tam điểm, 426; văn học, 306; Voltaire và, 288
- CHÍNH PHỦ VÀ CHÍNH TRỊ: nạn tham nhũng, 215
- Anzin, giai đoạn công ty, Cách mạng Pháp, 413
- Áo, nước Pháp và, 209-10
- Argenson, Marc-René d', về giới quý tộc Pháp, 407
- Argental, Charles-Augustin de Ferriol, Bá tước d' (1700-88), 275
- Arnould, Sophie (1744-1801), 292, 387
- Artois, 405
- Artois, Bá tước d', *xem* Charles X

Assemblée Nationale, *xem* Quốc hội, Pháp

Auvergne, 405

âm nhạc: ở Pháp, 349-53, 376

B

Babeuf, François-Émile

“Gracchus” (1760-97), 424;
ảnh hưởng của Rousseau, 311

Bagnols, những vụ nổi loạn, 458

Bailly, Jean-Sylvain (1736-93), 466-67

Balsamo, Giuseppe, *xem* Cagliostro

Balzac, Honoré de (1799-1850), 385

báo chí: ở Pháp, 375-76

Barnave, Antoine-Pierre-Joseph (1761-93), 445, 466

Barry, Bà du, *xem* Du Barry, Bà.

Barthe, Nicolas (sinh thời 1778), 273

Barthélemy, Cha Jean-Jacques (1716-95), 382

Basedow, Johann Bernhard (1724?-90), 304

Bassenge, Paul, nhà kim hoàn (phát đạt 1785), 431

Bastille, sự sụp đổ, 417, 476-78

Bayeu y Subias, Francisco (1734-95), giới tu sĩ buộc tội, 307

Bắc đầu Bội tinh, Cung điện, 356

Bất lợi của quyền phong kiến, Những (Boncerf), 406

Beauharnais, Fanny, Nữ Bá tước de (1738-1813), 387; khách thính của, 346

Beauharnais, Joséphine de, tên rửa tội Marie-Josephe Rose Tascher de La Pagerie (1763-1814), 346

Beaumarchais, Pierre-Augustin Caron de (1732-99), 387-401, 437; giúp đỡ cuộc Cách mạng Hoa Kỳ, 258-63, 392; cái chết, 401; thiếu thời và học vấn, 387-89; trong Cách mạng Pháp, 399-401, 429; bị bỏ tù vì hối lộ, 391; các *philosophe* và, 389; những vở kịch, 393-99; xuất bản các tác phẩm của Voltaire thu thập được, 400; ở Tây Ban Nha, 390; viết *Anh thợ cạo thành Seville*, 395; viết Đám cưới của *Figaro*, 393-99

Belsunce, Emilie de (phát đạt 1796), 317

Bentham, Jeremy (1748-1832), ảnh hưởng của Voltaire, 288

Bernardin de Saint-Pierre, Désirée, tên rửa tội de Pellepou, 382

Bernardin de Saint-Pierre, Félicité, tên rửa tội Didot, 382

Bernardin de Saint-Pierre, Jacques-Henri (1737-1814), 292-94, 300, 306, 339, 380-82

Berthollet, Claude-Louis (1748-

- 1822), 426
- Besenal, Nam tước Pierre-Victor de (1722-91), 472, 477-78
- Black, Joseph (1728-99), 413
- Blanchard, François (1753-1809), 413
- Bohmer, Charles, nhà kim hoàn (sinh thời 1785), 431-34
- Boileau-Despréaux, Nicolas (1636-1711), 306
- Boissel, François (phát đạt 1789), 424
- Bonaparte, Napoléon, *xem* Napoléon I
- Boncerf, Pierre- François (1745-94), 406
- Bonnefax, Father (sinh thời 1789), 332
- Bonnot de Condillac, *xem* Condillac
- Bonnot de Mably, *xem* Mably
- Bordeaux, 412-14
- Boufflers, Nữ Công tước de, *xem* Luxembourg, Thống chế Phu nhân de
- Boufflers, Marie-Charlotte-Hippolyte de Saujort, Nữ Bá tước de (1725-khoảng 1800), 346, 407; Rousseau và, 290
- Bourbon, Nữ Công tước de, 407
- Bourbon, Công tước Louis-Henri-Joseph de (1756-1830), 217
- Bourgogne (Burgundy), Louis-Joseph de France, Công tước de (1751-61), cháu nội của Louis XV, 208
- Brandywine, trận đánh (1777), 263
- Braschi, Giovanni, *xem* Pius VI
- Bray-sur-Seine, những vụ rối loạn, 458
- Breteuil, Louis-Auguste Le Tonnelier, Nam tước de (1730-1807): Vụ Chiếm vòng kim cương và, 434-35; di tản, 479; nhiệm kỳ bộ trưởng (1789), 474-79
- Breton [Brittany] (Câu lạc bộ), 427
- Breze, Hầu tước Henri-Evrard de (1766-1829), 470
- Brienne, Bà de, 929
- Brienne, Loménie de, *xem* Loménie de Brienne, Étienne
- Brissot de Warville, Jacques-Pierre (1754-93), 423-26
- Broglie, Công tước Thống chế Victor-François de (1718-1804), 477; bộ trưởng chiến tranh, 474; Hội nghị Quốc dân Đại biểu và, 472
- Broschi, Catlo, *xem* Fatinelli
- Brunswick, Công tước Ferdinand of, *xem* Ferdinand of Brunswick
- Brunswick, Katl Wilhelm Ferdinand, Công tước of, *xem* Karl Wilhelm Ferdinand
- Brutus, Lucius Junius (phát đạt

510 tCn), 368
 Buff, Charlotte, *xem* Kestner, Charlotte
 Buffon, Georges-Louis Leclerc, Bá tước de (1707- 88) 347; giới giáo sĩ công kích, 334; chết, 316
 Buonaparte, Napoléone, *xem* Napoléon I
 Burgundy, Công tước, *xem* Bourgogne, Công tước de
 Burke, Edmund (1719-97), 324; về Rousseau, 309
 Burns, Robert (1759-96), 482
 Byron, George Gordon, Lord (1788-1814), ảnh hưởng của Voltaire, 286-88
 C
 Cabanis, Pierre-Jean (1757-1808), 263
 Cách mạng Hoa Kỳ, các cường quốc Châu Âu giúp đỡ, 258-70, 392; các trận đánh, 263-64, 267; những đóng góp của Beaumarchais, 258-63, 922; nước Pháp và, 258-70; Cách mạng Pháp và, 269; ảnh hưởng, 269, 328; những giúp đỡ của Lafayette, 263, 267-70; các hòa ước (1781-83), 267-70; các triết gia và, 258-60; ảnh hưởng của Rousseau, 309
 Cách mạng Pháp, 330-79; Cách mạng Hoa Kỳ và, 269-70; nghệ thuật và, 365-70; những vụ tấn công vào các lâu đài,

411; mục đích cơ bản, 422; Giáo hội và, 333-35, 410-11, 422, 428; dân chúng thành thị và, 329; các lý thuyết gia cộng sản, 423-24; đóng góp của Condorcet, 319-21; triều đình và, 427-28; Tuyên ngôn Nhân quyền và, 269; thách thức của các lãnh địa của Hoàng thái tử và, 445; bất bình đẳng kinh tế và, 421-22; những người di tản khỏi, 479; đêm trước, 458-63; bãi bỏ chế độ phong kiến, 269-70, 422; tình huynh đệ của binh lính với dân chúng, 469-72; các hội viên Tam điểm và, 426; sự suy đồi của chính phủ và, 427-28; nạn đói và, 429; công nghiệp và, 412-17; giai cấp trung lưu và, 328-29, 417-23, 427; giới quý tộc và, 328-29, 403-8; nông dân và, 403-11; các giai đoạn, 328-29; các *philosophe* và, 286-87, 471-72, 423-24, 428; các câu lạc bộ chính trị và, 427; kiểm duyệt báo chí và, 428; vụ rối loạn tại nhà máy Réveillon và, 462-63; vai trò của Paris, 474-79; Rousseau và, 287, 308-9; chủ nghĩa xã hội và, 423; thời kỳ khủng bố, 329; Voltaire và, 287; các cuộc chiến tranh, 269; công nhân và, 414-16
 Cách mạng Công nghiệp, 481
 Ở PHÁP, 412
 Caffieri, Jean-Jacques (1725-92), 359

- Cagliostro, “Bá tước” Alessandro di (Giuseppi Balsamo; 1743-95); trong Vụ Chiếu vòng Kim cương, 434-35
- cahiers des plaintes et doléances* [Sổ điều trần], 449
- Calas, Jean (1698-1762), 289
- Calas (gia đình), 289
- Calonne, Charles-Alexandre de (1734-1802), 436-39, 442
- Calvin, John (1509-64), 288
- Campan, Jeanne-Louise-Henriette, tên rửa tội Genet (1752-1822), 227-35
- Canterbury, Tổng Giám mục (1737-47), xem Potter, John
- Carlos of Bourbon, Don, xem Charles III, Vua Tây Ban Nha
- Caron, Lisette, 387
- Carpenter, Edward (1844-1929), 311
- Catéchisme du genre humain* (Boissel), 424
- Catherine II Đại đế, Nữ hoàng Nga (trị vì 1762-96), *hiều chỗ tại các trang* 286, 297, 326; d’Alembert và, 312; Diderot và, 316; Grimm và, 317; Necker và, 266-67; Voltaire và, 271, 284-85
- Câu lạc bộ Breton, 427
- câu lạc bộ chính trị và Cách mạng Pháp, các, 427
- Cavendish, Henry (1731-1810), 413
- Chamfort, Sébastien-Roch-Nicolas de (1741-94), 326, 374, 376-80, 410, 426
- Champagne, 405
- Charles I, Vua của England, Scotland, và Ireland (trị vì 1625-49); Louis XVI nói về, 234
- Charles IX* (Chénier), 387
- Charles X (Charles-Philippe, Bá tước d’Artois), Vua nước Pháp (sinh năm 1757, trị vì 1824-30), 208; quan điểm dân chủ, 339; người di tản, 479
- Charles, Jacques-Alexandre (1746-1823), 413
- Chartres, Công tước de (trong 1752-85), xem Orléans, Louis-Philippe-Joseph, Công tước d’
- Chastellux, Hầu tước François-Jean de (1734-88), 283
- Chateaubriand, François -René de (1768-1848), 306, 309
- Châu Mỹ thuộc Pháp, 418
- Châu Mỹ thuộc Tây Ban Nha, 268
- Chaulnes, Marie-Joseph d’Alben d’Ailly, Công tước de (1741-93), 921
- Choderlos de Lados, xem Lados
- Choiseul, César de, xem Praslin, Công tước de
- Choiseul, Công tước Étienne-François de (1719-85), 209, 290

- Choiseul, Louise-Honorine
Crozat, Nữ Công tước de
(1735-1801), 346
chứng ngừa bệnh đậu mùa,
210-11
- Clairon, Tiểu thư (Claire-
Josèphe Lérés de La Tude;
1723-1803), 353, 482
- Clarendon, Edward Hyde, Bá
tước đời thứ nhất của (1609-
74), 234
- Clavigo y Fajardo, José (1726-
1806), 390
- Clement XII (Lorenzo Corsini),
Giáo hoàng (trị vì 1730-
1740), 426
- Clodion (Claude Michel; 1738-
1814), 360
- Clement XIV (Lorenzo
Ganganelli), Giáo hoàng (trị
vì 1769-74), 361
- Clugny de Nuis (mất năm 1776),
252
- Colbert, Jean-Baptiste (1619-83),
417
- Collins, William (1721-59), thi
sĩ, 302
- Comédie - Française, 393
commedia dell' arte, 394
Compte rendu au Roi (Báo cáo
tài chính của Necker), 266
- Condé, Louis-Joseph de
Bourbon, Hoàng thân de
(1736-1818), 217
- Condillac, Étienne Bonnot de
(1715-80), 312, 333
- Condorcet, Antoine-Nicolas
Caritat, Hầu tước de (1743-
94), 317-24, 426, 462; về
d'Alembert, 312; trong phong
trào chống chế độ nô lệ, 318,
418; và Julie de Lespinasse,
317; chủ nghĩa lạc quan, 321-
323, 383; trong Cách mạng,
319-20, 323-24, 428; Hội
nghị Quốc dân Đại biểu, 465;
về cái chết của Voltaire, 284;
nhà biên tập và viết tiểu sử
của Voltaire, 321, 400
- Condorcet, Sophie de Grouchy,
Nữ Hầu tước de (1764-1822),
346
- Considérations sur le
gouvernement de la Pologne*
(Rousseau), 294-95
- Contemporaines, Les* (Restif de
La Bretonne), 385
- Conti, Louis-François de
Bourbon, Hoàng thân de
(1717-76), 217, 290, 397
- Corneille, Pierre (1606-84), 306
- Cornwallis, Charles, Hầu tước
Cornwallis Thứ nhất (1738-
1805), 267
- Correspondance littéraire*, 316
corvée [chế độ lao dịch], 405,
420; Hội đồng Nhân sĩ và,
438; Turgot chấm dứt, 247
- Courier de Provence*, 915
- Công xã Paris trong Cách mạng
Pháp, 401
- Công giáo (Giáo hội): những
hoạt động từ thiện, 339; ở

- Pháp, 330-35; Học thuyết Jansenism và, *xem các tín đồ học thuyết Jansenism*; các giáo sĩ dòng Tên và, *xem các giáo sĩ dòng Tên*; *cũng xem Tôn giáo pháp đình; chế độ giáo hoàng*
- công nghiệp kim khí, 412-13
- công nghiệp và cuộc Cách mạng Pháp, 412-16
- công nghiệp than: ở Pháp, 412
- cộng sản (Các lý thuyết): ở Pháp, 423-24
- Cộng hòa Hòa Lan, *xem* Hòa Lan
- cờ bạc, 218, 337
- Créqui, Renée-Caroline de Froullay, Nữ Hầu tước de (1714-1803), 348
- Czechs, *xem* Bohemia
- D
- Da đen, người, 935; *cũng xem* chế độ nô lệ và việc buôn bán nô lệ
- Danton, Georges-Jacques (1759 - 94), 378, 426, 462
- Dân chủ: Cách mạng Hoa Kỳ và, 269
- Darwin, Charles (1809 - 92), 286, 306
- Dauphiné, Các Lãnh địa, 445
- Davenport, Richard (sinh thời 1766), 290
- David, Jacques-Louis (1748-1825), 365- 71
- Deane, Silas (1737-89), 258-63, 392
- Deffand, Nữ Hầu tước du, *xem* Du Deffand
- Delille, Cha Jacques (1738-1813), 282
- Denis, Marie-Louise, tên rửa tội Mignot (1712-90), *nhiều chỗ tại các tr.tr.* 277-86, 346
- Desmoulins, Camille (1760-94), 376, 386; kêu gọi dân Paris cầm vũ khí (1789), 474-76; Công tước d'Orléans và, 461; hội viên Hội Tam điểm, 426
- Desnoiresterres, Gustave (1817-92), 284
- Deux Amis, Les* (Beaumarchais), 393
- Devin du village, Le* (Rousseau), 225, 291
- Dewey, John (1859-1952), 304
- dệt, công nghiệp, ở Pháp, 412
- Dialogues: Rousseau juge de Jean-Jacques* (Rousseau), 297-98
- Diderot, Denis (1713-84), 290, 347, 353, 389; d'Alembert và, 312; Cách mạng Hoa Kỳ và, 258; những quan điểm chống chế độ quân chủ, 325; hài cốt bị lấy trộm khỏi Nhà thờ St.- Rock, 316; Catherine II và, 316; cái chết, 316; tôn trọng vương quyền, 326; những quan điểm đạo đức, 336-39; Cách mạng Pháp và, 428; những năm cuối đời,

- 311-16; tại khách thánh của Bà Necker, 347; kế hoạch lập viện đại học, 313; về việc an táng theo nghi lễ tôn giáo, 316; chuyển đi sang Nga, 312; Voltaire và, 278, 311
- Dieppe, 437
- đình công, lao động, 415-16
- Discours sur les arts et les sciences* (Rousseau), 302, 310
- Discours sur l'origine ... de l'inégalité* (Rousseau), 302, 311
- đồ dùng trong nhà, xem đồ đạc
- Dòng Tên (Các giáo sĩ), 374
- Dorat, Claude-Joseph (1734-80), 293
- Dreux-Brézé, Hầu tước de, xem Brézé
- Du Barry, Marie-Jeanne Bécu, Nữ Bá tước (1743?-1793), 356, 391, 431; d'Aiguillon và, 227; Marie Antoinette và, 214; quan hệ với Louis XV, 209; Voltaire và, 276
- Du Deffand, Marie de Vichy-Chamrond, Nữ Hầu tước (1697-1780), 275, 343-6, 395; cái chết, 346; miêu tả, 282; Franklin và, 262; những năm cuối đời, 343-6; Walpole và, 343-6
- Du lịch nước Pháp* (Young), 404
- Du Pont de Nemours, Pierre-Samuel (1739-1817), 248; về tự do mậu dịch mề cốc, 241
- Dusaulx, Jean-Joseph (1728-99), 292-93
- Đ
- đạo đức: ở Pháp, 335-41
- Đám cưới Figaro* (Beaumarchais), 225, 397-99
- Đạo luật Tem (1765), 261
- Đẳng cấp Thứ nhất: vai trò trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 463-73; cơ cấu, 447-50
- Đẳng cấp thứ hai trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 463-72
- Đẳng cấp Thứ ba: những *cahiers*, 450; sự cấu thành, 465; tự tuyên bố là Quốc hội, 467; những diễn biến, 445-46; dẫn đầu Ngày Gạch ngói (1787), 445; đại diện trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 447; tập sách mỏng của Sieyès về, 459-50; tỉ lệ trong dân chúng, 460; trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 465-73; lời thề trong sân quần vợt (1789), 469
- đậu mùa, bệnh: xem chủng ngừa bệnh đậu mùa
- điều khắc: ở Pháp, 359
- đồ gỗ: Pháp, 356
- đời sống gia đình: ảnh hưởng của Rousseau đối với, 304
- Đức (Các bang Đức): các thư viện ở, 307; triết học, 307
- E
- École Royale du Chant, 351
- Egmont, Bá tước Casimir d', 292

- Egmont, Ông hoàng Pignatelli d', 292
- Egmont, Septimanie de Richelieu, Nữ Bá tước d' (1740-73), 292
- Émile (Rousseau), 289, 302; ảnh hưởng của, 287-89
- Encyclopédie, ou Dictionnaire raisonné des sciences, des arts, et des métiers* (1751), 238, 336, 400; đóng góp của Condorcet, 317; ảnh hưởng của, 303; sự giúp đỡ của Malsherbes, 244
- Engels, Friedrich (1820-95), 287
- Épinay, Louise-Florence Lalive d', tên rửa tội Tardieu d'Esclavelles (1726-83), 314; cái chết, 314; Rousseau và, 293; khách thỉnh, 346
- Éprémèsnil, Jean-Jacques Duval d' (1746-94), 444
- Essai sur l'application de l'analyse aux probabilités* Condorcet), 319
- Études de la nature* (Bernardin de Saint-Pierre), 380
- Eugénie* (Beaumarchais), 393
- F
- Falconet, Étienne-Maurice (1716-91), 359
- Fénelon, François de Salignac de la Mothe (1651-1715), 209
- Ferdinand, Đại Công tước (1754-1806), Công tước Modena, 212
- Ferdinand III, Công tước Parma (trị vì 1765-1801), 210
- Ferney, Voltaire, *xem* Voltaire Ở FERNEY
- Fersen, Bá tước Hans Axel von (1755-1810), 430
- Fersen, Sophie von, 430
- Fleury, Maître Orner Joly de, *xem* Joly de Fleury, Orner
- Fontaine, Tu viện, 404-5
- Fontenelle, Bernard Le Bovier de (1657-1757), 317, 336
- Fourier, François-Marie-Charles (1772-1837), 311
- Fragonard, Jean-Honoré (1732-1806), 365
- France, Anatole (1844-1914), 287
- France libre, La* (Desmoulins), 376
- Francueil, Dupin de, *xem* Dupin de Francueil, Claude
- Franche-Comté, 404
- Franklin, Benjamin (1706-90), 234; cái chết, 268; ở Anh, 260; ở Pháp, 260-68; hội viện Hội Tam điểm, 426; Thời Khai minh Pháp và, 258; ảnh hưởng của các *philosophe*, 328; Turgot và, 252; Voltaire và, 276-77
- Franquet, M. (mất năm 1756), 388
- Frederick II Đại đế, Vua nước Phổ (trị vì 1740-86), 286, 297, 326; các khả năng, 215; d'Alembert và, 312; Hội Tam

- điểm và, 426; nhận xét về Louis XVI, 236; Voltaire và, 271, 277, 284
- Fréron, Élie (1719-76), 393
- Froebel, Friedrich (1782-1852), 304
- Fulton, Robert (1765-1815), 413
- G
- gabelle, 420
- Galiani, Cha Ferdinando (1728-87), 347
- Gaultier, Cha (thịnh đạt 1778), 277, 283
- Gautier, Théophile (1811-72), 287, 306
- Gazette de France*, 375
- Gefühlphilosophie* (Jacobi), 307
- Genlis, Bà Stéphanie Félicité de (1746-1830), 462
- giai cấp trung lưu: ở Pháp, 215, 334, 375, 465-73; Cách mạng Pháp và, 328, 417-23, 427
- giai cấp quý tộc: ở Pháp, 215, 217, 247, 270, 327-28, 337-9, 419, 437-46, 463-74; Cách mạng Pháp và, 328, 402-8
- giáo dục: ở Pháp, 248, 319, 330, 374; Lý thuyết của Rousseau về, *xem* Rousseau, Jean-Jacques, lý thuyết giáo dục; ở Thụy Sĩ, 888; *cũng xem* trường học, viện đại học
- giáo dục tiến bộ, 304
- Giáo hoàng: trong các năm 1740-58, *xem* Benedict XIV; 1758-69, *xem* Clement XIII; 1769-740 *xem* Clement XIV; 1775-99, *xem* Pius VI; 1800-23, *xem* Pius VII
- giấy dán tường, 356, 463
- Gibbon, Edward (1737-94), sử gia, 232, 339; ảnh hưởng của các nhà duy lý Pháp, 285; về đời sống tinh thần của Paris, 341; quan hệ với Suzanne Curchod, 252
- Girardin, Hầu tước René de (sinh thời 1718), 300, 429
- Girondin (Những người thuộc phe), 319, 378
- Gluck, Christoph Willibald (1714-87), 210, 276, 290, 350, 481; cạnh tranh với Piccini, 347
- Godwin, William (1756-1836), 288, 310
- Goezman, Louis-Valentin (sinh thời 1770), 389
- Goisard de Montsabert, Anne-Louis (1763-1814), 444
- Goldoni, Carlo (1707-93), 290; thái độ đối với âm nhạc Pháp, 349
- Gossec, François-Joseph (1734-1829), 351
- Gouvernet, Suzanne de Livry, Nữ Hầu tước de, 279
- “Gởi tất cả những người Pháp còn yêu Công lý và Sự thật” (Rousseau), 298
- Gramont, Béatrixe de Chaiseul, Nữ Công tước de (1731-94),

Grasse, Bá tước François-Joseph-Paul de (1711- 1788), 267

Gray, Thomas (1716-71), 300

Grenoble, 216, 444-45

Grétry, André-Ernest-Modeste (1741-1813), 292, 351-53

Greuze, Jean-Baptiste (1715-1805), 304, 339, 365; hội viên Hội Tam điểm, 426

Grimm, Friedrich Melchior, về sau là Nam tước von Grimm (1713-1807), 290, 314-16, 347, 353; thái độ đối với âm nhạc Pháp, 349; Catherine II và, 317; cái chết của, 317; tình bạn với các quân vương, 326; những năm cuối cùng, 314-17; trở về Đức, 317; chủ nghĩa hoài nghi, 314-17; về cuộc viếng thăm Paris của Voltaire, 280

Guadeloupe, 418

Guibert, Bá tước Jacques-Antoine de (1743-90), 312, 343, 347

Guines, Bá tước de, về sau là Công tước de (sinh thời 1776), 251

Gustavus III, Vua Thụy Điển (trị vì 1771-91), 292, 326, 430, 482; hội viên Hội Tam điểm và, 426

Gutenberg, Johann (1400?-68), 320

Haiti, 418

Hàn lâm viện Pháp (Académie Française, Bốn mươi Ông bắt tử), 317; Voltaire và, 284

Harmonies de la nature, Les (Bernardin de Saint-Pierre), 380

Hastings, Warren (1731-1818), 435

Haüy, Valentin (1745-1811), 339

Havre, Le, 437

Hawthorne, Nathaniel (1804-64), 306

Haydn, Franz Joseph (1731-1809), 481

Hébert, Jacques-René (1757-94), 308

Heine, Heinrich (1797-1856), 286

Helvétius, Anne-Catherine, tên rửa tội Ligniville d'Autticourt (1719-1800), 263, 376

Helvétius, Claude-Adrien (1715-71), cái chết, 311; Franklin và, 265; Cách mạng Pháp và, 428; chống đối chế độ quân chủ, 326; quan thuế, 419

Henry II, Vua nước Pháp (trị vì 1547-99), 433

Henry nước Phổ, Hoàng thân (1726-1802), nhận định về Louis XVI, 233

Herculaneum, cuộc khai quật ở, 356

- Herder, Johann Gotdried
(1744-1803), ảnh hưởng của
Rousseau, 306
- hệ thống nhà máy: ở Pháp,
412-13
- Hiến pháp Hoa Kỳ, Đạo luật
Nhân quyền, 269
- Histoire de Juliette* (Sade), 338
- Histoire générale* (Voltaire), xem
Essai sur les mœurs
- Histoire philosophique des deux
Indes* (Raynal), 333
- Hoa Kỳ, văn học, 306; hiệp ước
liên minh với Pháp (1778),
265
- hoài nghi, chủ nghĩa: Cách
mạng Pháp và, 327
- Holbach, Nam tước Paul-Henri-
Dietrich d' (1723-1789), 314;
cái chết, 316; Cách mạng
Pháp và, 428; chống đối chế
độ quân chủ, 326
- Homme personnel, L'* (Barthe),
273
- Hội Ba mươi người, 465
- Hội Chúa Jesus, xem Dòng Tên
- Hội đồng Nhân sĩ (1787), 438-
39
- Hội đồng lập pháp
Pennsylvania, 260
- Hội đồng lập pháp Virginia, 269
- hội họa: ở Anh, 304; ở Pháp,
365-74; tân cổ điển, 366-73
- Hội nghị Quốc dân Đại biểu,
Pháp (1789), 425; những
cuốn *cahier*, 449-51; xung
đột giữa các giai cấp, 465-73;
xung đột với Nhà Vua, 467-
74; tự tuyên bố là Quốc hội,
467; những đòi hỏi, 440-44;
những tranh luận về việc tổ
chức, 447; những sự dàn
xếp trong việc bỏ phiếu, 448-
51; như một thiết chế phong
kiến, 443; những hy vọng
của quốc gia, 451; số lượng
các đại biểu, 465; lễ khai mạc
(1789), 466; việc triệu tập
(1788), 445
- Hội quán Chín chị em, hội viên
Hội Tam điểm, 263, 426
- Hôtel des Invalides, 476
- Hôtel Salm, 356
- Hồi ký* (Beaumarchais), 391, 395
- Houdetot, Elisabeth-Sophie
de Bellegarde, Nữ Bá tước
d' (1730-1813), 263; khách
thính, 346
- Houdon, Jean-Antoine (1741-
1828), 361-65, 426
- Howe, Sir William, Tử tước
Howe thứ tám (1729-1814),
263
- Hugo, Victor (1801-85), 306
- Hume, David (1711-76),
d'Alembert và, 312; ảnh
hưởng của, 307
- I
- Irène* (Voltaire), 273
- J
- Jacobi, Friedrich Heinrich (1743-

1819), 319-20, 329; ảnh hưởng của Rousseau, 307
 Jacobin (Những người), 427
 Jaucourt, Hiệp sĩ (về sau là Hầu tước) Louis de (1704-79), 275
 Jaurès, Jean-Léon (1859-1914), 406
 Jay, John (1745-1829), 268
 Jefferson, Thomas (1743-1826): về các thổ dân Mỹ, 309; Thời Khai minh Pháp và, 258, 309, 328
 Jeffries, John (1744-1819), 413
 Jones, John Paul (1747-92), 362
 Joseph II, Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh (trị vì 1765-90), 210, 286, 297; khả năng cai trị của, 215; phong Grimm làm nam tước, 316; Marie Antoinette và, 227-30; viếng thăm Rousseau, 292, 326
 Joséphine, Hoàng hậu, *xem* Beauharnais, Joséphine de
 Jouffroy d' Abbans, Hầu tước Claude-François de (1751-183), 413
Journal de Paris, 277, 375
 Journée des Tuiles [Ngày gạch ngói] (1787), 445
 Juigné, Hầu tước de (sinh thời 1771), 292
Julie, ou La Nouvelle Héloïse (Rousseau), 302, 306
Justine (Sade), 338

K

Kant, Immanuel (1724-1804), ảnh hưởng của Rousseau 307
 Kellgren, Johan Henrik (1751-95), ảnh hưởng của Voltaire, 286
Kế hoạch thành lập một Trường Đại học cho Chính phủ Nga (Diderot), 313
 Khai minh (Thời): Cách mạng Hoa Kỳ và, 258; ở Pháp, *xem* *Encyclopédie; philosophe*; Cách mạng Pháp và, 326-29
 khai mỏ, 412
Kế ước Xã hội (Rousseau), 295-7, 302, 310, 328; Cách mạng Hoa Kỳ và, 260; Cách mạng Pháp và, 287
 khí cầu, bay, 413
 khoan dung tôn giáo: ở Pháp, 248, 334-35
 kiến trúc: ở Pháp, 356
 kịch nghệ *xem* nhà hát, sân khấu

L

La Blache, Bá tước de, 390
 La Bruyère, Jean de (1645-96), 241
 Laclos, Pierre Choderlos de (1741- 1803), 337, 374, 462-3
 Lafayette, Marie-Joseph-Paul-Gilbert du Motier, Hầu tước de (1757-1834), 327; trong cuộc Cách mạng Hoa Kỳ, 263, 267-70; hội viên Hội

- Tam điểm, 426; chủ nghĩa lý tưởng, 407; chủ nghĩa tự do, 465; chống đối việc buôn bán nô lệ, 418; Công tước d'Orléans và, 462
- La Force, nhà tù, 476
- Laharpe, Jean- François de (1739-1803), thi sĩ Pháp, 273, 284
- Lally, Bá tước Thomas-Arthur de, Nam tước de Tollendal (1702-66), 465
- La Luzerne, César-Guillaume de (1738-1821), giám mục Langres, 334
- La Mã, cổ, các *philosophe* và, 326
- La Marck, Bà de, 407
- Lamartine, Alphonse de (1790-1869), 306-9
- Lamballe, Ông hoàng de (mất năm 1767), 225
- Lamballe, Marie-Thérèse de Savoie-Carignan, Công nương de (1749-92), 214, 225
- Lamennais, Félicité de (1782-1854), 309
- La Motte, “Bá tước” Marc-Antoine-Nicolas de (1754-1831), 433
- La Motte, Jeanne de St.-Rémy de Valois, Nữ Bá tước de (1756-91), 433-34
- La Pérouse, Jean- François de Galaup, Bá tước de (1741-1788?), 234
- Lăng mạn, phong trào: định nghĩa, 302; ở Pháp 302; Rousseau và, 302; sự truyền bá, 303-6
- Larive, Jean Maudit de (1747-1827), 283
- La Rochefoucauld, Công tước François de (1613-80), 376, 426
- La Rochefoucauld d'Enville, Công tước Louis-Alexandre de (1743-92), 262
- La Rochefoucauld-Liancourt, Công tước François Alexandre de (1747-1827), 327, 465, 478
- Launay, Hầu tước Bernard-René de (1740-89), 386, 477-78
- Lavater, Johann Kaspar (1741-1801), 304
- Lavoisier, Antoine-Laurent de (1741-1801), 263, 419, 462
- Lebègue, Agnès, 384
- Le Brun, Charles (1619-90), 371
- Lebrun, J.-B.-Pierre (1748-1813), 371
- Lee, Arthur (1740-92), 264
- Lekain (Cain), Henri-Louis (1718-78), 387
- Lenin, Nikolai (1870-1914), 311
- leo núi, 305
- Lepeletier de Saint-Fargeau, Louis-Michel (1760-93), 368
- Lepinasse, Julie de (1732-76),

- 238, 317; d'Alembert và, 312;
về tác phẩm *Orfeo* của Gluck,
350-51; khách thánh, 343
Lettres de cachet, 217, 445, 449
Levasseur, Thérèse (sinh thời
1722), cùng những năm cuối
đời của Rousseau ở Pháp,
289-91, 300-301
L'Hôpital, Michel de (1507-73),
252
Liaisons dangereuses, *Les*
(Laclos), 337, 374
liberum veto của Quốc hội Ba
Lan, 295
Lễ hội của Lý trí (1793), 329
Lễ hội của Thượng Đế (1794),
309
Lịch sử cuộc nổi loạn
(Clarendon), 234
liên đoàn lao động, các: ở Pháp,
415
Ligne, Ông hoàng Charles-
Joseph de (1735-1814), 292
Linguet, Simon-Nicolas-Henri
(1736-94), Cách mạng Pháp
và, 423, 428
lit de justice, 442
Locke, John (1632-1704), 309
Loménie de Brienne, Étienne-
Charles (1724-94), 333, 440-46
Louis, Hoàng thái tử Pháp
France, xem Louis de France,
Hoàng thái tử
Louis XIV, Vua nước Pháp (trị
vì 1643-1715), giới tư sản và,
417
Louis XV, Vua nước Pháp (trị vì
1715-74), 359; liên minh với
Áo và, 209; Beaumarchais
và, 388-91; cái chết, 214, 339;
Louis XVI và, 208-12; tín đồ
Tin Lành và, 333
Louis XVI (Louis-Auguste),
Vua nước Pháp (trị vì 1774-
92), 207-70; hỗ trợ các linh
mục giáo xứ, 331-32; và
Cách mạng Hoa Kỳ, 265;
những lời kêu gọi dân chúng
(1788), 445-46; ngoại hình,
208, 232-23; quyền hành,
217; những sự phục vụ của
Beaumarchais, 391; làm cha,
231; và những người giữ
trái phiếu, 423; nhiệm kỳ bộ
trưởng của Brienne và, 440-
46; và nhiệm kỳ bộ trưởng
của Calonne, 436-39; lòng
nhân đức, 339-40; xung đột
với các *parlement* (1787-88),
442-45; xung đột với Hội nghị
Quốc dân Đại biểu (1789),
468-73; những quan điểm
dân chủ, 339; Vụ Chiếm vòng
Kim cương và, 431; khó khăn
trong việc động phòng, 213-
14, 228-30; những cân nhắc
ngoại giao trong hôn nhân,
209; chủ nghĩa tự do thời trẻ,
257; cuộc hành quyết, 236,
319-20; sự phung phí, 437;
trốn đi Varennes, 321; giải
phóng các nông nô của hoàng
gia, 404; Cách mạng Pháp
và, 321, *hiều chỗ trong các*

- trang* 330-79; ban hành chỉ dụ về khoan dung tôn giáo (1787), 334; Joseph II và, 228, 233; lòng tốt, 221-23, 234-36; Louis XV và, 208, 212; yêu thích những công việc thủ công, 235; tình yêu của dân chúng đối với, 329; Marie Antoinette và, 220-23; nhiệm kỳ bộ trưởng của Maurepas và, 237; nhiệm kỳ bộ trưởng đầu tiên của Necker và, 256; nhiệm kỳ bộ trưởng thứ nhì của Necker và, 446; tính cách, 208-9, 232-3; sự được lòng dân của, 236; các tín đồ Tin Lành và, 333; từ chối không để tu sĩ dạy cho Hoàng thái tử, 333; lòng ngoan đạo, 235; thái hời Necker lần thứ hai, 474; tính giản dị, 339; triệu tập Hội nghị Quốc dân Đại biểu (1788), 446; vụ xét xử trước Hội nghị Quốc ước, 319; nhiệm kỳ bộ trưởng của Turgot và, 239-43, 247-51; Voltaire và, 272, 275, 284; sự mềm yếu của ý chí, 232-3
- Louis XVII (Louis-Charles de France; sinh năm 1785), vị Vua trên danh nghĩa của nước Pháp (1793-95), 431
- Louis XVIII (Louis-Stanislas-Xavier, Bá tước de Provence), Vua nước Pháp (trị vì 1814-15, 1815-1824), 208
- Louis-Auguste, Công tước de Berry, *xem* Louis XVI
- Louis-Charles de France (sinh năm 1785), Hoàng thái tử, *xem* Louis XVII
- Louis de France (1729-65), Hoàng thái tử, con của Louis XV, 208, 328
- Louis-Joseph, Công tước de Bourgogne, *xem* Bourgogne, Công tước de
- Louis-Joseph-Xavier de France (1781-89), Hoàng thái tử, con trai của Louis XVI, 231, 473
- Louis-Stanislas-Xavier, Bá tước de Provence, *xem* Louis XVIII
- Louviers, các nhà máy ở, 412
- Luther, Martin (1483-1546), 288
- Luxembourg, Charles-François de Montmorency, Công tước Thống chế de (1702-64), và Rousseau, 327-28
- Luxembourg, Madeleine-Angélique, Nữ Công tước Thống chế de, trước đây là Nữ Công tước de Boufflers (1707-87), 407
- Luxeuil, Tu viện, 404
- Lyons: công nghiệp, 414; cảnh nghèo khó, 415; dân vô sản, 415; những vụ rối loạn, 458; các cửa hiệu, 421; các cuộc đình công, 415-16; nạn thất nghiệp, 416; cuộc nổi dậy của công nhân, 415-16
- M
- Mably, Gabriel Bonnot de (1709-85), 333; cái chết, 316; Cách

- mạng Pháp và, 423, 428;
nhìn thấy nhu cầu tôn giáo
của dân chúng, 335
- Machault d'Arnouville, Jean-
Baptiste (1701--94), 218
- mãi dâm: ở Pháp, 336; Phong
trào Lãng mạn và, 304
- Maine, Sir Henry (1822-88), 216
- Malesherbes, Chrétien-
Guillaume de Lamoignon
de (1721-94), giúp đỡ bộ
Encyclopédie, 243; bộ trưởng
phụ trách việc gia đình của
Louis XV 244; Turgot và,
243, 251
- Mallet Dupan, Jacques (1749-
1800), 310
- Malthus, Thomas R. (1766-
1834), 319
- Maria Amalia of Austria (mất
năm 1804), Nữ Công tước
của Ferdinand III xứ Parma,
210
- Maria Antonia, Archduchess,
xem Marie Antoinette,
Hoàng hậu
- Maria Carolina ở Austria
(1752.-1814), Hoàng hậu của
Ferdinand IV xứ Naples, 210
- Maria Christina ở Austria, Nữ
Công tước Saxe Teschen (mất
năm 1798), 210
- Maria Theresa, nhà cai trị Áo,
Hungary, và Bohemia (trị vì
1740-80), Marie Antoinette
và, 209-13, 231; sự sụp đổ của
Turgot và, 251-52
- Marie Antoinette (Maria
Antonia; 1755-93), Hoàng
hậu của Louis XVI nước
Pháp, 209-14, 218-31, 301,
356, 358; trợ giúp Chamfort,
376; ngoại hình, 209, 229,
430; nhiệm kỳ thượng thư
của Calonne và, 439; lòng
nhân đức, 339-40, con cái,
230-31, 431; quan điểm dân
chủ, 339; vụ chiếc vòng kim
cương (1785) và, 430-36; khó
khăn trong việc động phòng,
213-14, 227-30; Du Barry và,
214; thời trẻ và việc giáo dục,
210-11; sự phung phí, 218-21,
440; tạo nên những kiểu thời
trang, 340; những lỗi lầm,
218-21; có thai lần đầu, 230-
31; chạy trốn đến Varennes,
321; những tình bạn, 214,
223-26; tính vui vẻ, 221; và
Joseph II, 228-29; sự tử tế
của Louis XVI đối với, 220-21;
Louis XVI và, 220-21; Maria
Theresa và, 231; đám cưới
với Louis XVI, 212-13; nhiệm
kỳ thượng thư đầu tiên của
Necker (1788-89) và, 447;
biệt danh "Con mẹ Áo" và "Bà
Thâm hụt," 431; tính cách,
210, 214, 218-21, 230-32; sự
thù địch của dân chúng đối
với, 221, 227, 430-31; giả vờ
sống trong cảnh thiên nhiên,
223; Hội nghị Quốc dân Đại
biểu và, 473; Turgot và, 249-
52; Voltaire và, 272-75
- Marie-Joséphine of Saxony (1731-

- 67), Hoàng thái tử Phu nhân nước Pháp, 207
- Marignac, Émilie de, 453
- Marmontel, Jean-François (172.3-99), 347; về Suzanne Necker, 348; chống đối Cách mạng, 326; những cuộc viếng thăm Voltaire đau yếu, 276, 278
- Marseilles: rối loạn vì bánh mì, 457; giai cấp vô sản, 414; công nghệ đóng tàu, 412
- Marx, Karl (1818-83), 287; ảnh hưởng của Rousseau, 311
- Maupéou, René-Nicolas de (1714-91), 237
- Maurepas, Jean-Frédéric Phélypeaux, Bá tước de (1701-81), 238, 251, 400; Cách mạng Hoa Kỳ và, 265; chống đối Necker, 266-67
- Maximes* (Chamfort), 374
- Maximes morales et politiques tirées de Télémaque* (Louis XVI), 209
- máy chém, 329
- máy hơi nước, 413
- Meister, Jakob, 316
- Mémoire sur l'impot* (Turgot), 252
- Mémoires* (Grétry), 353
- Mémoires d'un père* (Marmontel), 348
- Mercier, Louis-Sébastien (1740-1814), 386; về chủ nghĩa hoài nghi của các giai cấp thượng lưu, 332
- Mercure de France*, 375
- Mercure galant*, 375
- Mercy d'Argentau, Bá tước Florimund (1727-94), 213, 220
- Mesme, Nữ Hầu tước de (sinh thời 1771), 292
- Michelet, Jules (1798-1874), 306
- Mignot, Cha (cháu của Voltaire), 284
- Mirabeau (*fils*), Honoré-Gabriel-Victor Riqueti, Bá tước de (1749-91), 451-58; trong Câu lạc bộ Breton, 427; những vấn đề trong gia đình, 452-56; tuổi trẻ và việc giáo dục, 452-53; biên tập tờ *Courier de Provence*, 375; hội viên Hội Tam điểm, 426; Cách mạng Pháp và, 428; nhận được sự ủng hộ của Đảng cấp Thứ ba, 457; ở Hòa Lan, 454; bị bỏ tù, 453-55; các tác phẩm văn học, 454-57; các chuyện tình, 453-56; kết hôn với Emilie de Marignac, 453; chống đối chế độ nô lệ, 418; Công tước d' Orléans và, 462; tính cách, 452; chính sách xã hội, 455-57; tại Hội nghị Quốc dân Đại

- biểu, 465-73; những chuyến du hành ra nước ngoài, 456
- Mirabeau (*père*), Victor Riqueti, Hầu tước de (1715-89), 327; ngoại hình, 452; Franklin và, 262; hội viên Hội Tam điểm, 426; Cách mạng Pháp và, 428; vụ bỏ tù tại Vincennes, 452; cưới Marie de Vessan, 452; tính cách, 452; giai đoạn Rousseau ở cùng, 289
- Molière (Jean-Baptiste Poquelin; 1622-73), 395
- Monsieur Nicolas* (Restif de La Bretonne), 384, 386
- Montesquieu, Charles-Louis de Secondat, Nam tước de La Brède và de (1689-1755), 208, 295, 309, 328
- Montessori, Maria (1870-1952), 304
- Montgolfier, Étienne (1745-99), 413
- Montgolfier, Joseph (1740-1810), 413
- Monthéry, những vụ rối loạn, 458
- Montmorin, Bá tước Armand-Marc de (1745?-92), 457
- Mora y Gonzaga, Marques Jose de (1744-74), 312
- Morellet, André (1727-1819), 263, 333, 347; Cách mạng Pháp và, 428; chống đối Cách mạng, 326
- Morelly (người theo chủ nghĩa xã hội, sinh thời 1755), Cách mạng Pháp và, 423, 428
- Mounier, Jean-Joseph (1758-1806), 445, 466
- Mozart, Wolfgang Amadeus (1756-91), 387, 481; về âm nhạc Pháp, 349
- THÀNH CÔNG (1782-87): *Anh Thợ cạo thành Seville*, 395
- Muette, La (biệt thự), 226
- Musset, Alfred de (1810-57), 306
- Mỹ, thổ dân, Jefferson nói về, 309
- N
- Nantes: công nghệ đóng tàu, 412
- Napoléon I, Hoàng đế Pháp (trị vì 1804-14, 1815), 353; ảnh hưởng của Condorcet, 319; David và, 370; về vụ Chiếc vòng Kim cương, 436; học vấn, 375; những cải cách giáo dục, 319; quyền lực của nước Pháp và, 269; chính sách tôn giáo, 309; ảnh hưởng của Rousseau, 287, 309; về *Đám cưới của Figaro*, 399; ảnh hưởng của Voltaire, 287
- Necker, Jacques (1731-1804), 437, 446-51, 476; Catherine II và, 265-67; phê bình chính sách tự do mậu dịch ngũ cốc, 241; buổi đầu trong sự nghiệp ngân hàng, 253; các tác phẩm văn học, 241, 254; về quyền lực của báo chí, 376
- NHIỆM KỲ BỘ TRƯỞNG

- ĐẦU TIÊN (1777-81), 252-57; Cách mạng Hoa Kỳ và, 265; các nỗ lực bãi bỏ chế độ nông nô, 256-57; *Compte rendu au Roi* (1781), 266; các cải cách tài chính, 254-55; Louis XVI và, 255; các đối thủ, 265-67; những cải cách hình sự, 256; từ chức (1781), 267
- NHIỆM KỲ BỘ TRƯỞNG THỨ NHÌ (1788-89), 446-51; kiểm soát việc xuất khẩu ngũ cốc, 448; bị thải hồi, 473; nhiệt tình thuở đầu đối với, 447; các chính sách kinh tế, 448, 460; các chính sách tài chính, 448; lấy tài sản cá nhân ra cam kết cho nhà nước, 448; các chính sách tại Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 466-68; chuẩn bị cuộc họp của Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 447-51
- NHIỆM KỲ BỘ TRƯỞNG THỨ BA (1789-90), 479
- Necker, Suzanne, tên rửa tội Curchod (1737-94), 276; hoạt động từ thiện, 339; Gibbon và, 254; cưới Jacques Necker, 254; tính cách và ngoại hình, 348; khách thỉnh ở Paris (1765), 254, 346
- Nehra, Henriette de (sinh thời 1784), 456
- Ngày Gạch ngói (1787), 445
- Ngân hàng nước Pháp, mô hình của Turgot cho, 243
- Ngân hàng, dịch vụ; ở Pháp, 243
- Ngợi khen Colbert* (Necker), 254
- Nguồn gốc các loài* (Darwin), 306
- Ngụy biện, Các nhà, Hy Lạp, 335, 337
- nhà trẻ, việc xây dựng các, 304
- nhà tù, những: ở Pháp, 256
- nhạc kịch, *xem* opera
- Những lời Tự thú* (Rousseau), 301; việc hoàn tất, 290-1; ảnh hưởng của, 303; những buổi đọc của Rousseau, 292
- Niên giám của chàng Richard đáng thương* (Franklin), 263
- Noailles, Tử tước Louis-Marie de (1756-1804), 327, 426
- Noi gương Chúa Jesus* (Thomas a Kempis), 300
- Normandy, những vụ rối loạn vì bánh mì, 416
- Nô lệ, chủ nghĩa và việc buôn bán: Beaumarchais và, 390; nước Pháp và, 418
- Nô lệ Châu Phi, *xem* chủ nghĩa nô lệ và việc buôn bán nô lệ
- nông nghiệp: ở Pháp, 240, 244, 402-11
- nông dân: ở Pháp, 240, 244, 334, 458; Cách mạng Pháp và, 402-11
- nông nô, chế độ: ở Pháp, 404; Rousseau đối với, 295
- Nuits de Paris, Les* (Restif de La Bretonne), 336, 386

O

*Observations sur le
gouvernement ... des États-
unis d'Amérique* (Mably), 335

Oliva, “Nữ Nam tước” d’ (thịnh
thời 1785), 434-435

opera, 395; ở Pháp, 349-53

Orfeo ed Euridice (Gluck), 350-
51

Orléans, Louise-Marie de
Bourbon-Penthièvre, Nữ
Công tước
d’ (1753-1821), 461

Orléans, Louis-Philippe, Công
tước d’ (1725-85), 217

Orléans, Louis-Philippe-Joseph
(Philippe Égalité), Công tước
d’ (1747-93), 327, 476; trợ
giúp cho các nhà cách mạng,
462-65; thời trẻ, 461; bị Louis
XVI lưu đầy, 443; hội viên Hội
Tam điểm, 426; chủ trương
tự do, 465; hôn nhân, 462;
trong Hội nghị Quốc dân Đại
biểu, 471

Orléans, Philippe II, Công tước
d’, quan nhiếp chính của
Pháp (trị vì 1715-23), 343,
461

Orléans, các nhà máy ở, 412

P

Paine, Thomas (1737-1809), ảnh
hưởng của Rousseau, 310;
ảnh hưởng của Voltaire, 288

Pajou, Augustin (1730-1809),
359

Palais-Bourbon, 359

Palais de Justice, 356

Palais-Royal, 359, 462

Panckoucke, Charles-Joseph
(1736-98), 400

Panthéon, 286

Paris: Chamfort viết về, 376; rác
rưởi, 414; hoạt động kinh tế,
412-15; nạn đói, 242, 415, 474;
đời sống tinh thần, 341-44;
vai trò then chốt trong Cách
mạng Pháp, 474-78; sự cứu
trợ của Louis XVI, 235; đạo
đức, 336; dân số, 414; báo
chí, 375; giai cấp vô sản, 414-
15; sự khích động cách mạng,
457-67, 469-77; những vụ rối
loạn, 416, 440-41, 463, 474-
79; những cửa hiệu, 421

Paris, Tối cao Pháp viện, 215; liên
minh với giới quý tộc, 437-
38; những vụ trục xuất, 442;
những xung đột với Brienne,
443-46; những xung đột với
Turgot, 244-49; “Tuyên ngôn
các quyền” (1787), 443; và Vụ
Chiếc vòng Kim cương, 436;
tổ chức Hội nghị Quốc dân
Đại biểu và, 447; cấm các liên
đoàn lao động, 415

Paris Conservatoire de Musique,
351

Paris-Duverney, Joseph (1684-
1770), 389, 393

Paris-Montmartel, Jean (1690-
1766), 421

Parlements [Tối cao pháp viện],

- 928, 408; sự trung thành với giai cấp quý tộc, 447; công kích Cour Plénière (1787), 444-46; quyền hành, 215-16; Louis XVI và, 239, 442-46; như những người ủng hộ giai cấp quý tộc, 216; *cũng xem* Paris, Tối cao Pháp viện
- Pascal, Blaise (1623-62), 307, 309
- Pau, Tối cao Pháp viện, 444
- Paul I (Đại Công tước Paul), Sa hoàng Nga (trị vì 1796-1801), 348
- Paul et Virginie* (Bernardin de Saint-Pierre), 339, 374, 380
- Paysan perversi, Le* (Restif de La Bretonne), 385
- Pestalozzi Johann Heinrich (1746-1817), 304
- Petit Trianon, 223, 358
- Pezay, Alexandre-Frédéric-Jacques Masson, Hầu tước de (1741-77), 293
- Pháp, 208-479; nông nghiệp, 240, 244, 402-11; giúp đỡ Cách mạng Hoa Kỳ, 258-70; đế quốc Mỹ của, *xem* châu Mỹ thuộc Pháp; nghệ thuật, 353-74; Áo và, 209; hoạt động ngân hàng, 243; nhiệm kỳ bộ trưởng của Breteuil (1789), 474-79; giáo sĩ và tôn giáo, 235, 330-35, 410-11, 448-50, 463-74; cách ăn mặc, 305, 339; thương mại và mậu dịch, 240-43, 269, 410-19; tội ác, 336-7; nạn hạn hán năm 1788, 448; bất bình đẳng về kinh tế, 419-23; giáo dục, 248, 319, 330, 374; đêm trước cuộc Cách mạng, 458-63; nạn đói, 458-60; chế độ phong kiến, 216, 244-48, 403-7, 410, 422, 457; những vấn đề tài chính, 239-45; Hội Tam điểm, 426; tự do mậu dịch và, 417; các phường hội, 246, 412; Cách mạng Công nghiệp, 412-16; lộ phí trong nước, 417; luật pháp, 215, 443-46; các thư viện, 374; văn học, 306, 374-86; đạo đức và ăn uống, 335-40; âm nhạc, 349-53, 376; Napoléon, *xem* Napoléon I; những cuộc Chiến tranh của Napoléon, 269; những cung điện, 217; các *parlement*, *xem parlement* và Paris, Tối cao Pháp viện; tình trạng bần cùng, 409-11; các tạp chí và tập sách mỏng, 375-76; các câu lạc bộ chính trị, 426; dân số, 403; nạn đói, 336; tín đồ Tin Lành, 235, 333-4, 450; những vụ rối loạn, 415, 458-62, 463, 474; các khách thỉnh, 341-9; và việc buôn bán nô lệ, 418; các giai cấp xã hội, 215-18, 238-41, 244, 247-50, 269, 326-29, 331-7, 374, 402-11, 417-23, 437-46, 458-74; chính sách thuế quan, 417; thuế má, 410, 417-20, 437, 442, 470; sân khấu, 356-76; phụ nữ, 341-9

- CÁC LIÊN MINH VÀ THỎA THUẬN VỚI NƯỚC NGOÀI: các liên minh chống lại Anh, 265-68; liên minh với Hoa Kỳ (1778), 265
- CHÍNH PHỦ VÀ CHÍNH TRỊ: thẩm quyền hành chính, 215-16; Hội đồng Nhân sĩ (1787), 438-39; quyền lực của Nhà vua, 215-18 (*cũng xem* Louis XV; Louis XVI; Marie Antoinette); sự trung hưng của dòng họ Bourbon, 309; nhiệm kỳ bộ trưởng của Breteuil, 474-79; nhiệm kỳ bộ trưởng của Brienne, 440-446; nhiệm kỳ bộ trưởng của Calonne, 436-440; hỗn loạn trong hoạt động của chính phủ, 215-18; các chi phí của triều đình, 218; các nhiệm kỳ bộ trưởng của Necker, *xem* Necker, Jacques; nhiệm kỳ bộ trưởng của Nuis (1776), 252; các *parlement* và, *xem các parlement* và Paris, Tối cao Pháp viện; Hội nghị Quốc dân Đại biểu và, *xem* Hội nghị Quốc dân Đại biểu, Pháp; nhiệm kỳ bộ trưởng của Turgot, 237-52
- phát minh, những: ở Pháp, 413
- Philip of Orléans, quan nhiếp chính, *xem* Orléans, Philippe II, Công tước d'
- Philippe-Égalité, *xem* Orléans, Louis-Philippe Joseph, Công tước d'
- philosophe*, 257, 308; Cách mạng Hoa Kỳ và, 257-60, 269; thái độ đối với tôn giáo và đạo đức, 331-37; Brienne và, 440; những ý tưởng cổ xưa kinh điển, 326; giới tu sĩ và, 333; những cái chết, 311-24; nỗi lo sợ hành động cách mạng, 326; Cách mạng Pháp và, 308-10, 324-29, 423-26, 428; tình bạn với các quân vương, 324-27; người cuối cùng trong bọn, 317-24; Louis XVI và, 257; những quan điểm ôn hòa, 326-27; sự bác bỏ của Robespierre, 308-9; Turgot và, 238-41, 248, 252; *xem thêm tên của từng philosophe*
- Phòng Khánh tiết, 465, 469-72
- Phổ, chế độ chuyên chế ở, 215; triều đại của Đại đế Frederick, *xem* Đại đế Frederick II
- phụ nữ, 321; ở Pháp, 341-9
- Pied de Fancbette, Le* (Restif de La Bretonne), 385
- Pigalle, Jean-Baptiste (1714-85), 347, 359
- Pilatre de Rozier, Jean-François (1756-85), 413
- phong kiến (chế độ): ở Pháp, 215, 245-49, 269, 402-6, 410, 422, 457
- Polignac, Công tước Jules-François de (1745-1817), 249-51
- Polignac, Yolande de Polastron,

Nữ Công tước de (1749?-93),
226, 275
Pombal, Sebastiao José de
Carvalho e Mello, Marquês de
(1699-1782), 286
Pompadour, Jeanne-Antoinette
Poisson, Nữ Hầu tước de
(1721-64), 238, 388
Pontoise, những vụ rối loạn, 416
Pope, Alexander (1688-1744),
282
Prévost, Abbé (Antoine-
François Prévost d'Exiles;
1697-1763), 302
Priestley, Joseph (1733-1804), về
Paris, 414
Propriété, c'est le vol, La
(Proudhon), 423
*Prospectus d'un tableau
historique des progrès de
l'esprit humain* (Condorcet),
320-24
Proudhon, Pierre-Joseph (1809-
65), 423
Provence, 458
Provence, Bá tước de, xem Louis
XVIII

Q

Qu'est-ce que le Tiers-état?
(Sieyès), 376, 459-60
quan thầu thuế ở Pháp, 419-20
quân chủ, chế độ: sự chống
đổi của Diderot, 326; các
philosophe và, 326-27
Quốc hội, Pháp, 319, 469;

Condorcet trong, 319; bãi bỏ
chế độ phong kiến, 422; sự
thành lập (1789), 467; vinh
danh Voltaire, 286; các nhà
lãnh đạo tự do, 426; sự kiểm
soát của giai cấp trung lưu,
408
Quốc hội Lập hiến (Pháp, 1789-
91), xem Quốc hội
Quốc hội Lập pháp, Pháp, xem
Quốc hội, Pháp
Quốc ước Hội nghị, Pháp, 308,
368; việc xét xử Louis XVI
trước, 319

R

Racine, Jean-Baptiste (1639-99),
306
Rameau, Jean-Philippe (1683-
1764), 351
Raynal, Guillaume-Thomas-
François (1713-96), 333, 347;
Cách mạng Hoa Kỳ và, 258;
những vụ công kích của giới
giáo sĩ, 333-34; cái chết, 316;
cuộc sống về già, 316
*Recherches philosophiques sur le
droit de propriété* (Brissot de
Warville), 423
Reims: các nhà máy, 412; cảnh
nghèo khó, 415; những vụ rối
loạn, 416; những cửa hiệu,
421
Renan, Joseph-Ernest (1823-92),
287
Rennes, Tối cao Pháp viện 216,
444

- Restif de La Bretonne, Nicolas-Edme (1734-1806), 383-4; mô tả Paris, 385; về việc công nhân đọc sách, 375
- rối loạn ở nhà máy Réveillon, vụ, 462-3
- Rêveries d'un promeneur solitaire*, Les (Rousseau), 298, 301
- Richardson, Samuel (1689-1761), 302
- Richelieu, Louis- François-Armand de Vignerot de Plessis, Thống chế Công tước de (1696-1788), 283
- Riesener, Jean-Henri (1734-1806), 358
- Robespierre, Maximilien de (1758-94), 378; trong Câu lạc bộ Breton, 427; phản đối các *philosophe*, 287, 308; ảnh hưởng của Rousseau, 308; trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 466
- Rochambeau, J.-B.-Donatien de Vimeur, Bá tước de (1725-1807), 267, 270
- Rochelle, La, 437
- Roentgen, David (1743-1807), 358
- Roguin, Daniel (sinh thời 1760), 290
- Rohan, Hồng y Hoàng thân Louis-René-Édouard de (1734-1803), 432-36
- Roland, Jeanne-Manon, tên rửa tội Philipon ([1754-93), 421
- Rome xem La Mã
- Rouen: những vụ rối loạn vì bánh mì, 416; nạn thất nghiệp, 418; Tối cao Pháp viện ở, 216, 444
- Rousseau, Jacques (1733-1801), 356
- Rousseau, Jeanette (thịnh thời 1748), 384
- Rousseau, Jean-Jacques (1712-78), 208, 223, 235, 289-311, 321, 353, 380, 386, 453, 482; sự giúp đỡ của các nhà quý tộc, 327; Cách mạng Hoa Kỳ và, 258; quan điểm đối với lý trí, 303; Bernardin de Saint-Pierre và, 292-94, 300, 380-2; *Confessions* của, xem *Confessions*; *Émile* của, xem *Émile*; Cách mạng Pháp và, 328, 428; pho tượng bán thân của Houdon, 365; ảnh hưởng, 286, 301-11, 326; Louis XVI và, 257; Bà d'Épinay và, 293; đạo đức, 286; *Nouvelle Héloïse*, La, của, xem *Julie, ou La Nouvelle Héloïse*; sự yêu thích của công chúng, 308-11; Phong trào Lãng mạn và, 302; *Khế ước Xã hội* của, xem *Khế ước xã hội*; cuộc viếng thăm của Joseph II, 326
- NHỮNG NĂM CUỐI ĐỜI (1767-78): trở về Pháp, 289; những chuyến lang thang ở

Pháp, 289-91; ở Paris, 291-300; những buổi đọc cuốn *Confessions*, 292-94; công trình soạn thảo hiến pháp cho Ba Lan, 294-5; viết *Dialogues*, 297-98; viết *Rêveries d'un promeneur solitaire*, 298; cái chết, 300-1; những tiếng đồn và những sự công kích, 301; sau khi chết, 301-2; xung đột với các *philosophe*, 290-93, 297; Voltaire và, 290, 294, 300; những mối lo sợ và nghi ngờ, 290-94; than khóc về việc mất những đứa con, 291, 299; bị cấm những buổi đọc, 294; chủ nghĩa bảo thủ về chính trị, 294-5

TÔN GIÁO VÀ, 307

QUAN ĐIỂM XÃ HỘI: những lý tưởng cộng hòa, 326

Rousseau, Pierre

(1750-khoảng 1792), 356

Ruines, ou Méditations sur les révolutions des empires (Volney), 383

S

Sade, Bá tước Donatien-

Alphonse-François de (1740-1814), 337

St.-Antoine, Ngoại ô, 477

St.-Cloud [Claude], Tu viện, 405

St.-Domingue, 418

Ste.-Geneviève, Nhà thờ, 286

Ste.-Marguerite, khu vực ở

Paris, 463

Saint-Germain, Claude-Louis de (1707-78), 238

Saint-Hilaire, Geoffroy, *xem* Geoffroy Saint Hilaire, Étienne

Saint-Lambert, Hầu tước Jean-François de (1716-1803), 347

St.-Lazare, Tu viện, 476

Saint-Mauris, Ngài de (sinh thời 1775), 453

St.-Rémy de Valois, Nữ Bá tước Jeanne de, 433

Salle des Menus Plaisirs, *xem* Phòng Khánh tiết

Sand, George (Aurore Dupin; (803-76), 306

Saratoga, trận đánh (1777), 264

Sartine, Gabriel de (1729-1801), 238, 258

Saxe-Gotha, Công tước, 316

Schiller, Johann Christian Friedrich (1759-1805), 481; đóng góp cho Phong trào Lãng mạn, 306; ảnh hưởng của Rousseau, 306

Schleiermacher, Friedrich (1768-1834), 307

Sedaine, Michel-Jean (1719-97), 387

Ségur, Bá tước Louis-Philippe de (1753-1830), về cuộc Cách mạng Hoa Kỳ, 270; về Marie Antoinette, 231, 431; về chủ nghĩa hoài nghi cách mạng, 327

- Shelburne, Sir William Petty, Bá tước Shelburne thứ nhì, (1737-1805), 268
- Shelley, Percy Bysshe (1792-1822), ảnh hưởng của Rousseau, 310; ảnh hưởng của Voltaire, 286, 288
- Sieyès, Emmanuel-Joseph (1748-1836), 376; trong Câu lạc bộ Breton, 427; Công tước d'Orléans và, 462; hội viên Hội Tam điểm, 426; phát ngôn viên của Đảng cấp Thứ ba, 459-60; trong Hội nghị Quốc dân Đại biểu, 465
- Sirven, gia đình, 289
- Société des Amis des Noirs, 418
- Sparta, các *philosophe* và, 326
- Staël, Germaine de, tên rửa tội Necker, Nữ Nam tước de Staël-Holstein (1766-1817), 309, 349, 473-74; cái chết, 348; thời trẻ, 348; về Rousseau, 302; khách thỉnh, 349
- Suard, Bà, tên rửa tội Panckoucke (1750-1830), 271, 319
- Sur la législation et la commerce des grains* (Necker), 241, 254
- T
- Tableau de Paris* (Mercier), 332, 386
- Taboureaux de Reau (thịnh thời 1776), 255
- Taine, Hippolyte (1828-93), 324
- tài sản: Cách mạng Pháp và, 422-23; *xem thêm* các lý thuyết cộng sản
- Talleyrand-Périgord, Charles-Maurice de (1754-1838), 276, 462, 465
- Talma, François Joseph (1763-1828), 387
- Tam điểm (Hội): học thuyết, 426; ở Anh, 426; ở Pháp, 263, 426-27; ở các bang của Đức, 426; dòng Tên và, 426; sự lan truyền, 426
- Tartuffe* (Molière), 397
- tập sách mỏng, việc viết, ở Pháp, 376
- Tây Ban Nha, *liên minh chống Anh quốc* (1779), 267; các thuộc địa châu Mỹ, 268
- Tersac, Jean de (thịnh thời 1778), 278, 283, 315
- thảm, tấm, 356
- Théâtre-Français, 387
- Théâtre National de l'Odéon, 356
- thi ca: ở Pháp, 306
- Thomas, Antoine-Léonard (1731-85), 347
- Thomas a Kempis (1380-1471), 300
- Thomson, James (1700-48), 302
- Thợ cạo thành Seville, Anh* (Beaumarchais), 395
- thuế: ở Pháp, 410, 417-18, 437, 470

thuế cầu đường ở Pháp, 417, 438
 thuế quan: Pháp, 417
 thuế thân ở Pháp, 420
 Thụy Sĩ, giáo dục, 303
Thư gửi Bác sĩ Arbuthnot (Pope), 282
 thư viện, các: ở Pháp, 374
 thư viện công cộng, 375; *cũng xem* thư viện, các
 tiền lương: của công nhân Pháp, 414-15
 Tienn-Raphael, các họa sĩ, 304
Tiểu luận về Nguyên lý Dân số, Một (Malthus), 322
 Tin Lành, đạo: ở Pháp, 235, 450
Tình sầu của chàng Werther (Goethe), 306
 tình yêu lãng mạn, 303-4
 Tocqueville, Alexis Clérel de (1805-59), 324; về nền công lý của nước Pháp, 216; về lòng căm ghét của dân chúng đối với Giáo hội, 334; về chủ nghĩa hoài nghi tiền-cách mạng, 327
 Tolstoi, Bá tước Lev Nikolaevich (1823-1910), 310
 trẻ con (việc nuôi dạy); các lý thuyết của Rousseau về, 303-4
Trentes, Les, 465
 Tronchin, Bác sĩ Théodore (1709-81), 277; 281; về những giờ phút cuối cùng của Voltaire, 283

Trung cổ (Thời), 320
 Trung hưng (thời) ở Pháp (1814), 309
 Trường cho Trẻ em Mù, Pháp, 339
 Turgot, Amie-Robert-Jacques, Nam tước de l'Aulne (1727-81), 237-52, 263, 406; biện minh chính sách khoan dung tôn giáo, 249; những cải cách nông nghiệp, 240; ngoại hình, 238; và Hội đồng Nhân sĩ, 438; công kích chế độ phong kiến, 245-49; những nỗ lực cứu vãn chế độ quân chủ, 326; và cuộc khủng hoảng bánh mì ở Paris, 242; xung đột với Tối cao Pháp viện Paris, 245-49; xung đột với những giai cấp hưởng đặc quyền, 238, 248-51; trong vai trò bộ trưởng tài chính, 238; những cải cách kinh tế, 239-43; những cải cách tài chính, 240-45; Cách mạng Pháp và, 428; ảnh hưởng của các nhà trọng nông, 239; những năm cuối đời và cái chết, 252; Louis XVI và, 239-42, 247-51; lòng yêu thương dân chúng, 234; Marie Antoinette và, 249-52; nhiệm kỳ bộ trưởng, 237-52; và các *philosophe*, 238-41, 247, 252; các cải cách, 248; từ chức bộ trưởng (1776), 251-52; cố giúp đỡ tín đồ Tin Lành, 333; Voltaire và, 273, 276

- Tuyên ngôn Độc lập (1776), 261;
ảnh hưởng, 328; ảnh hưởng
của Rousseau đối với, 309
- Tuyên ngôn Nhân quyền, Tối
cao Pháp viện Paris (1788),
443
- Tuyên ngôn Nhân quyền, Hội
đồng Lập pháp Virginia
(1776), 269
- Tuyên ngôn Nhân quyền, Quốc
hội Pháp (1789), 269
- tư sản (giai cấp) *xem* giai cấp
trung lưu
- tư bản (chủ nghĩa) ở Pháp, 420-
21; *xem thêm* giai cấp trung lưu
- từ thiện, 339-40
- tự do báo chí: Cách mạng Pháp
và, 428; *xem thêm* chế độ
kiểm duyệt
- tự do mậu dịch: Pháp và, 240-
43, 417
- tự do mậu dịch (Các học
thuyết), *xem* Smith, Adam;
các nhà trọng nông
- Tự điển* (Hàn lâm viện Pháp),
282
- Tự thú* *xem* *Những lời Tự thú*
- U
- Ussé, Tiểu thư d', 318
- V
- Valley Forge, quân Mỹ ở, 263
- Varicourt, Cô, *xem* Villette, Nữ
Hầu tước de
- Vaudreuil, Louis-Philippe de
Rigaud, Bá tước de
(1714-1801), 226
- Vauvenargues, Luc de Clapiers,
Hầu tước de (1715-47), 376
- văn học: ở Hoa Kỳ, 306
- Vergennes, Charles Gravier, Bá
tước de (1717-87), 249, 392;
Cách mạng Hoa Kỳ và, 258,
265, 268; Franklin và, 262
- Vermenoux, Nữ Hầu tước de,
254
- Vermond, Cha Matthieu-Jacques
de (chết sau 1789), 211
- Vernet, Isaac (sinh thời 1750),
chủ ngân hàng Thụy Sĩ, 253
- Vernet, Bà, vợ của Claude-
Joseph, 320, 324
- Versailles: triều đình, 215-17;
những vụ rối loạn, 416; cuộc
diễu hành của phụ nữ đến,
386, 416
- Vessan, Marie de, 452
- Vestris hay Vestrice, Marie-
Rose, tên rửa tội Gourgaud
Dugason (1746-1804), 280
- Vệ binh Pháp, 469-70, 478
- Vie de mon père, La* (Restif de La
Bretonne), 384
- Vie de Voltaire* (Condorcet), 317
- Vien, Joseph-Marie (1716-1809),
368
- Vigée-Lebrun, Marie-Anne
Elisabeth (1755-1842), 223,
304, 371-74; về sự hoan
nghênh Voltaire, 281; tôn
vinh trẻ con và tình mẫu tử,
339; về lòng mộ đạo, 332

Vigny, Alfred de (1797-1863), 306
 Villeneuve, Ô. de, 453
 Villette, Hầu tước Charles de (1736-93), 273-74
 Villette, Reine-Philiberte de Varicourt, Nữ Hầu tước de, 273, 280
 Villette, Retaux de (1785), 434-35
 Vincennes: Mirabeau *fi*ls ở, 455
vingtième, 420
 Volney, Bá tước Constantin de (1757-1810), 383, 462
 Voltaire (François -Marie Arouet; 1694-1778), 271-89, 307, 317, 320, 376-80, 399, 405, 453, 482; d'Alembert và, 278-79; hài cốt bị trộm khỏi Panthéon, 286; Catherine II và, 271; xuất bản các tác phẩm sưu tập, 400; mô tả Paris, 414; Diderot và, 278, 311; Frederick II và, 271, 277, 284; và Hàn lâm viện Pháp, 279, 284; tình bạn với các quân vương, 326; bức tượng bán thân Houdon tạc, 365; ảnh hưởng, 286-89; Louis XVI và, 236, 257, 275, 284; Marie Antoinette và, 272, 275; Rousseau và, *xem* Rousseau, Jean-Jacques, VOLTAIRE VÀ; nhìn thấy nhu cầu tôn giáo của dân chúng, 335; Turgot và, 241, 252

Ở FERNEY (1758-78): những năm cuối đời, 271-74;
 NHỮNG NĂM CUỐI ĐỜI (1774-78): nhận Reine Philiberte de Varicourt làm con nuôi, 273; ngoại hình, 281; việc chôn cất và sau đó, 284-86; tiếng tăm và sự nịnh hót, 271; những căn bệnh sau cùng và cái chết, 283; đề nghị những cải cách với Louis XVI, 272; đau yếu, 277; những trừ tác sau cùng, 272-73; buổi diễn vở *Irène*, 279; sự tiếp đón ở Paris, 275-82; tìm cách xưng tội, 277-78; Turgot và, 273, 276; những cuộc viếng thăm của các giáo sĩ cao cấp, 277
 TÔN GIÁO VÀ, và Giáo hội Công giáo, 307-8, 316; biện hộ cho Calas, 289
 CÁC QUAN ĐIỂM VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ (1758-78): Cách mạng Pháp và, 287, 308-9, 329, 428
Voyage à L' Île de France (Bernardin de Saint Pierre), 380
Voyage du jeune Anacharsis en Grèce (Barthélemy), 382
 vô sản (giai cấp): ở Pháp, 414-17
xem thêm công nhân
 Vụ Chiếm vòng kim cương (1785), 430-36
 vườn (các khu): ảnh hưởng của Rousseau, 305
 Vườn Tuileries, 476

W

- Wagnière, Jean-Louis (1739-sau 1787), về Voltaire và giới giáo sĩ, 277; về chuyến đi của Voltaire đến Paris, 275
- Walpole, Horace, Bá tước Orford thứ tư (1676-1745), Bà du Deffand và, 343-6; Julie de Lespinasse và, 343
- Washington, George (1732-99), 234; thời Khai minh Pháp và, 258; bức tượng bán thân do Houdon tạc, 365; ảnh hưởng của các *philosophe*, 328; rút lui trước Howe, 263; chiến thắng ở Yorktown (1781), 267
- Wollstonecraft, Mary (1759-97), 288

X

xã hội, chủ nghĩa: Cách mạng Pháp và, 423; Rousseau và, 311

Y

- y phục: những phong cách thay đổi, 304-5; ở Pháp, 340-1
- Yorktown, trận đánh (1781), 267
- Young, Arthur (1741-1820), 387, 410; mô tả Paris, 414; về phong trào cách mạng đang nổi lên ở Pháp, 440-1; về nông nghiệp Pháp, 404; về phong tục ở Pháp, 341; về Marie Antoinette, 430; những nhận xét, 414; về tình trạng náo động ở Paris, 467, 471

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

26 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024.39719073 - Fax: 024.39719071

Website: <http://nxbkhh.vass.gov.vn>

Email: nxbkhh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội

57 Trương Nguyệt Anh - Phường Bến Thành - Quận I - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.38394948 - Fax: 028.38394948

WILL VÀ ARIEL DURANT

**LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI
PHẦN X: ROUSSEAU VÀ CÁCH MẠNG**

**TẬP 5: HỒI GIÁO, ĐÔNG ÂU VÀ
NƯỚC PHÁP PHONG KIẾN SỰP ĐỔ**

Biên dịch: **BÙI XUÂN LINH**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PGS.TS. PHẠM MINH PHÚC

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. LÊ HỮU THÀNH

Biên tập nội dung: **NGUYỄN KIM DUNG**

Trình bày: **NHƯ ĐIỆU**

Bìa: **HỮU BẮC - TÚ MINH**

Đơn vị liên kết:

VIỆN GIÁO DỤC IRED

Số 4 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: www.IRED.edu.vn | Email: contact@IRED.edu.vn

Điện thoại: (028) 3930 0188

In 1.000 cuốn, khổ 14 x 22 cm, tại **XÍ NGHIỆP IN FAHASA**

774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Số XNĐKXB: 1919-2020/CXBIPH/10 - 127/KHXX ngày 02/6/2020

Số QĐXB: 101/QĐ - NXB KHXH ngày 11/6/2020

ISBN: 978-604-9964-51-0

In xong và nộp lưu chiểu năm 2020

HỒI GIÁO, ĐÔNG ÂU (1715 - 1796) VÀ NƯỚC PHÁP PHONG KIẾN SỰP ĐỔ (1774 - 1789)


Quyển 1 “Hồi Giáo, Đông Âu” nói về lịch sử của các đế quốc Ba Tư và Ottoman (mà trung tâm là Thổ Nhĩ Kỳ) một thời lừng lẫy, giờ đang suy tàn, của Ba Lan bị các cường quốc láng giềng xâm xé và nhất là của nước Nga đang vươn lên mạnh mẽ trên con đường hiện đại hóa, Tây phương hóa, cùng với sự bành trướng lãnh thổ chưa từng thấy dưới sự cai trị của một Nữ hoàng không phải là người Nga: Catherine II hay Catherine Đại đế.

Ngày 24 tháng Sáu, 1789, Arthur Young ghi vào nhật ký: “Cơn khích động ở Paris không tưởng tượng nổi; hôm nay, mười nghìn người đã tụ tập ở Palais-Royal... Những cuộc họp liên miên ở đây được đẩy tới chỗ phóng túng và lòng ham mê tự do cuồng nhiệt thật khó tin.” Chính quyền thành phố không thể duy trì trật tự vì họ không thể dựa vào những “Vệ binh Pháp” ở địa phương; nhiều người trong số họ đã được những người bà con giải thích về chính nghĩa của nhân dân; một số binh lính kết thân với những đám đông quanh lâu đài Palais-Royal; trong một trung đoàn ở Paris có một hội kín cam kết không tuân theo mệnh lệnh nào thù địch với Quốc hội.

Chiều hôm đó, Louis XVI trở về Versailles sau một ngày đi săn và ghi vào nhật ký: “Ngày 14 tháng Bảy: Không có gì.” Rồi Công tước de La Rochefoucauld-Liancourt đến từ Paris, kể cho ông nghe cuộc tấn công đắc thắng vào ngục Bastille. “Sao vậy?” nhà vua kêu lên, “một vụ nổi loạn ư!” “Tàu bệ hạ, không phải,” vị Công tước nói, “nó là một cuộc cách mạng.”

WILL & ARIEL DURANT

VIỆN GIÁO DỤC IRED | IRED INSTITUTE OF EDUCATION
Số 4 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM
contact@IREd.edu.vn | www.IREd.edu.vn

GIÁ: 205.000 đồng
IRED: 893-578-050-020-4

8 935280 500204

LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI
ISBN: 978-604-9964-51-0

9 786049 964510